THIÊN HÙNG SỬ

117 HIỂN THÁNH TỬ ĐẠO VIỆT NAM

Copyright 1990
All Rights Reserved
Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam,
San Jose, California, Hoa Kỳ
Giữ bản quyền.
Mọi trích dịch, in lại, thâu âm, chụp hình
dưới bất cứ hình thức nào, phải ghi rõ xuất xứ.

LỜI TỰA

Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam hân hạnh giới thiệu tác phẩm:

"THIÊN HÙNG SỬ 117 HIỂN THÁNH TỬ ĐẠO VIỆT NAM" hay "UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN".

Đây là một công trình trứơc tác tại Việt Nam với tất cả kho tàng sử liệu vô cùng quý giá đang lưu trữ tại quê nhà. Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam tại San Jose, California, Hoa Kỳ, đựơc hân hạnh trao phó nhiệm vụ phổ biến tác phẩm này tại hải ngoại, vì theo ý tác giả, Cộng Đồng này đã phải hy sinh gian khổ để bảo tồn nền văn hóa dân tộc và đang nỗ lực sánh vai với các Cộng Đồng khác để kiến tạo những ngôi Đền Thánh Tử Đạo Việt Nam nguy nga, tráng lệ tại hải ngoại. Hiện Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam San Jose đựơc vinh dự cung nghinh và an vị rất nhiều linh cốt các Thánh Tử Đạo Việt Nam, cũng như nhiều kỷ vật của các ngài, nên xứng đáng đại diện để truyền bá niềm tin và những mẫu gương anh hùng sáng chói của tiền nhân cho hậu sinh tưởng niệm và theo gót [1].

---

[1] Tính đến ngày 15.1.1991, Cộng Đồng đang lưu kính linh cốt của 74 Thánh trong số 117 Hiển Thánh Tử Đạo Việt Nam và một số gông, xiềng, roi, trượng, dây thừng xử giảo, vật dụng thương nhật của các Thánh, cũng như đất thiêng thấm máu các Thánh tại pháp trường Năm Mẫu, Hải Dương và Bẩy Mẫu, Nam Định.

LỜI TỰA

Cộng Đồng chúng tôi lãnh nhận công việc này như nhiệm vụ chính đáng cần phải hoàn thành để tuyên dương những mẫu người mà khi độc giả theo dõi cuốn sách này sẽ nhận thấy là những vĩ nhân thực sự của nhân loại. Các Thánh đã chết dưới ngọn đao phủ là chết cho Đức Kitô, như chính Đức Kitô đã chết cho các ngài. Và trong giây phút kết thúc cuộc đời thì chính các ngài muốn góp phần vào công cuộc tử nạn của Đức Giêsu Kitô.

Nhiệm ý là chỗ đó và huy hoàng cũng là chỗ đó. Phải, các Thánh đã trải qua những giây phút nghiêm trọng nhất của một đời người, cũng như những tháng năm căng thẳng trước một quyết định tối hậu: Theo Đức Kitô hay theo vua quan? Theo Đức Kitô là phải sống trong gông cùm và chết trong đau thương. Theo vua quan là thừa hưởng cuộc sống vinh quang phú quí nơi trần gian. Quả tình giây phút ấy chỉ có các ngài với Thiên Chúa, chỉ có linh hồn với vinh phúc vô biên. Giây phút ấy không bị ảnh hưởng bởi gia đình, tổ quốc hay nhân sinh.

Người chết trong máu tử đạo đã coi nhẹ nghĩa phu thê, đã xem thường đường phụ tử. Họ khao khát một tình yêu vô biên mỹ lệ như giải ngân hà sao sa vời vợi, như vừng nhật nguyệt huy hoàng khôn tả. Họ đã hoan hỉ chết để được sống một cuộc đời mà không mỹ từ nào diễn tả nổi, không bút họa nào vẽ thành và không hùng biện nào tuyên dương cho trọn.

Người chết trong gông cùm mòn mỏi đã đặt tổ quốc đàng sau những giá trị vĩnh cửu. Ước vọng của họ không phải là được người đời tưởng niệm, được hậu thế tôn phong. Họ chết là vì Đức Tin thúc đẩy. Họ chỉ muốn thực hiện điều đã từng nghe

biết: "*Ai tuyên xưng danh Ta trước mặt trần gian, Ta sẽ tuyên danh họ trước mặt Cha Ta trên Trời*" (Mt 10, 32)

Người chết giữa ngục tù thê thảm đã không cảm nghĩ như người đời thường dự tưởng. Họ hiên ngang vì đáng được chịu khổ vì Đức Kitô (Act 5, 41). Họ cũng chẳng màng chi đến nhân loại truy tặng huân chương. Người chết tử đạo là chết vì Đức Kitô. Đơn thuần và tinh khiết. Trong sáng và huyền diệu. Can trường và khiêm nhu. Nếu như Giáo Hội Công Giáo có suy tôn họ, là vì Giáo Hội này đã nhận diện ra những vẻ huy hoàng, những nét lẫm liệt, những đường kiệt tác nơi bản thân và hành động của họ. Phần họ, chẳng vì sự tôn phong nào mà thêm phần phúc. Họ đã được hồng ân linh thánh, ví chính Chúa là hạnh phúc của họ. Họ có thiếu chi đâu!

Bởi thế, nghĩ rằng các Thánh Tử Đạo chết vì tổ quốc là một điều nghịch lý. Nghịch lý cho tổ quốc họ đến truyền đạo và cũng nghịch lý nữa cho cả tổ quốc đã sinh thành ra họ.

Những nhà truyền giáo hải ngoại trước khi rời bỏ quê hương đã được tiễn biệt bằng nghi thức rất cảm động. Tất cả những bậc vị vọng nhất hiện diện trong buổi tiễn biệt đều quỳ xuống trước mặt họ và hôn chân họ. Nghi thức long trọng tuyên bố với họ rằng: Từ đây, họ đã trở thành kẻ xa lạ với quê hương. Họ sẽ vĩnh viễn miên trường hát ca khúc "*Đẹp thay bước chân người rao giảng Tin Mừng*" (Is 52, 7). Tổ quốc ấy đã không mong gì nơi họ nữa, ngoại trừ niềm vui đã hiến dâng Thiên Chúa những người con ra đi hiển dương công trình kiến tạo bằng Giá Máu của Đức Kitô. Đúng như lời thánh Berrio-Ochoa Vinh đã nói khi từ giã Đất Mẹ: "*Tôi đi để quê hương tôi có*

người làm Thánh." **Từ đó, tổ quốc sinh ra họ kể như đi chết, trước khi họ thực sự đổ dòng máu thắm tô điểm cho tổ quốc họ xin nhận làm quê hương mới.**

Tuy nhiên, tổ quốc mới này có khi đã hiểu lầm họ, có khi đã lợi dụng họ, và có khi đã tàn nhẫn với họ. Các vị thừa sai chết tại Việt Nam chẳng bao giờ nhằm tạo nên một mối hiềm thù giữa các dân tộc. Họ đón nhận Thập Giá như đón nhận chính Đức Kitô , Đấng đã tuyên sưng với họ từ ngày họ kêu danh Ngài như nguồn ơn Cứu Độ: ***"Nếu chúng con thuộc về thế gian thì thế gian đã quý mến chúng con.. . Nếu thế gian thù ghét chúng con thì chúng con hãy nhớ rằng thế gian đã thù ghét Thầy trước"*** **(Ga 15, 18. 19). Định luật này đúng ở mọi nơi và áp dụng cho mọi thời.**

Hai Thánh Phêrô và Phaolô chết ở Rôma với trên 300 ngàn giáo hữu khác. Chẳng người nào ở Rôma đã kết án các ngài có mưu đồ khuynh đảo Đế Quốc Rôma để thiết lập một thứ "*Do Thái*" tại Tây Phương. Mọi người đọc lịch sử đều biết rằng những người tử đạo đã không có tiếng nói của nhân sinh, mà họ chỉ có một thiếng nói của Thần Linh. Ai hiểu đựơc Thần Linh sẽ gặp được họ. Lý luận của họ và cả đến đời sống họ sẽ không đựơc thực nghiệm nếu kẻ tìm hiểu không đựơc chia sẻ chung một nhãn quan mới của Đức Tin.

Vấn đề các thừa sai chết cho tổ quốc Pháp, cho chính sách thực dân Pháp tại Việt Nam là lý luận của một số người muốn chạy tội cho một thời đại thiếu trưởng thành của các vua chúa Việt Nam. Đúng ra, người Công Giáo Việt Nam có đủ

thẩm quyền đặt lại vấn đề này với hậu sinh của các triều đại ấy hiện đang có mặt ở khắp đó đây thì trớ trêu thay họ lại khoa trương hành động sát nhân của các vua chúa là chính đáng. Nếu hậu duệ của nạn nhân không tố cáo kẻ sát nhân, điều ấy không có nghĩa là kẻ sát nhân được thừa nhận là hành động chính đáng.

Và tại sao những hy sinh cao cả của các vị truyền giáo luôn luôn bị bôi nhọ bằng nhãn hiệu thực dân? Nghĩ cho cùng, đó là Thánh Ý Chúa muốn "*hành động tử đạo*" phải được hòan tất trọn vẹn nhất, vì tử đạo trong hòan cảnh này là tử đạo cả ngoài thân xác lẫn trong danh tiết.

Bởi thế, đọc cuộc đời của 117 Đấng Thánh đã làm nên thiên hùng sử của dân tộc Việt trong suốt 300 năm không ngừng tranh đấu với thần lực của tối tăm, không có nghĩa là chúng ta chỉ đi tìm những ký lạ, những siêu việt, những tuyệt vời trong đời sống các ngài, mà hơn nữa, để nhận ra sức mạnh của ân sủng. Chúng ta sẽ nghiệm lại nơi chính tác phẩm này điều đã được tường trình bởi Thánh Phaolô:

"Và để tôi khỏi sinh lòng kiêu căng vì các ơn lạ ấy, Chúa đã đặt một cái dằm trong thịt tôi, khác nào để một thủ hạ của Satan tát vả tôi, để tôi mất tự kiêu, tự đắc.

"Ba lần tôi xin Chúa cho tôi thoát khỏi cài khổ cực ấy. Song Chúa phán bảo tôi rằng: "Ơn Ta đủ để hộ giúp con. Vì sức mạnh của Ta được biểu lộ ra trong sự yếu đuối". Bởi vậy, tôi rất vui mừng khoe khoang sự yếu hèn của tôi, để sức mạnh của Chúa Kitô được biểu dương nơi mình tôi.

LỜI TỰA

***"Lại nữa, tôi vui chịu mọi đau khổ, mọi sỉ nhục, mọi gian nan, mọi bắt bớ, mọi cơ cực vì Chúa Kitô, bởi khi tôi yếu đuối lại chính là lúc tôi dũng mạnh".*(2Cr 12, 7-10).**

Do đó, chúng ta cùng nhau đọc những trang sách này chính là một cách thực tiễn để suy tôn những kiệt tác ân sủng nơi các Thánh. Người viết tác phẩm này đã khởi sự với mong ước được học theo các Thánh một cách tỉ mỉ và trọn vẹn. Đến lượt chúng ta những người đọc, cũng chỉ có một hoài bão là được hăng say thực hiện những hy sinh hằng ngày như một công trình cố gắng hoàn thành tác phẩm ân sủng của Chúa nơi bản thân mỗi người.

Đó là lý do chúng tôi, Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam tại San Jose, muốn được hân hạnh tặng quí vị tác phẩm này, một tác phẩm dậy ta làm Thánh bằng chính những tấm gương Thánh của những bậc tiền bối Thánh, của một dân tộc Thánh, như dân tộc Việt Nam.

Đấy chẳng là vinh dự và trách nhiệm của chúng ta sao?

San Jose, Lễ Kính Các Thánh Tử Đạo Việt Nam (24.11.1990)

Tiến Sĩ TRẦN AN BÀI,
Chủ tịch Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam

Đức Giáo Hoàng GIOAN PHAOLÔ II trao Mình Thánh Chúa
cho Tiến Sĩ TRẦN AN BÀI
trong lễ Phong Hiển Thánh 117 Anh Hùng Tử Đạo Việt Nam.

Lễ nghi tiễn đưa các vị Thừa Sai
trước khi lên đường truyền giáo.

(Trích trong "Le Vietnam des Martyrs et des Saints*)

TÂM THƯ
Lần xuất bản thứ nhất

Kính thưa quý độc giả,

Cuốn sách này được hình thành do sự đóng góp nhân lực và tài lực của nhiều giáo dân thuộc Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam tại San Jose. Đây là một món quà thân hữu chúng tôi hân hạnh kính gửi đến quý vị, nhằm phổ biến gương anh hùng của các Thánh Tổ Tiên chúng ta.

Ước vọng của chúng tôi là món quà quý hóa này sẽ đến từng gia đình Công Giáo Việt Nam và có thể mỗi gia đình Việt Nam, vì các Thánh Tử Đạo Việt Nam không chỉ là mẫu mực thánh thiện của người Kitô hữu, mà còn nêu gương anh hùng cho con Hồng cháu Lạc. Nhờ các ngài mà đạo Chúa được truyền bá tại Việt Nam được rạng rỡ, phong phú và phồn vinh về mọi lãnh vực.

Hôm nay, quý vị đón nhận món quà này của chúng tôi. Hy vọng ngày mai nhiều người khác cũng sẽ nhận được món quà này do chính quý vị gửi tặng.

Chúng tôi rất hoan hỉ đón nhận mọi ý kiến xây dựng cũng như đóng góp tài chánh của quý vị để cuốn sách này được tái bản một ngày gần đây và tiếp tục gửi đến tặng các thân hữu của quý vị.

Trân trọng cám ơn Quý vị,

Tiến sĩ TRẦN AN BÀI,
Chủ tịch

Tái bản lần thứ nhất

Nhờ sự ủng hộ nhiệt tình của quý độc giả khắp nơi, chúng tôi đã có đủ phương tiện tài chánh chỉ không đầy một tháng để tái bản tác phẩm này. Đối với chúng tôi, đây thực là một ơn lạ các Thánh đã làm.

Cộng Đồng chúng tôi trân trọng kính tặng Quý vị tác phẩm này. Chắc chắn Quý vị sẽ tìm đươc nhều hứng khởi huyền diệu mỗi khi đọc.

Xin Quý vị hãy cùng chúng tôi phổ biến thật rộng rãi tác phẩm quý giá này và coi đây như một sứ mạng do các Thánh Tổ Tiên chúng ta trao phó.

Trân trọng,

Tiến sĩ TRẦN AN BÀI,
Chủ Tịch

117 HIỂN THÁNH TỬ ĐẠO VIỆT NAM

(19-6-1988)

GIẢI THÍCH BỨC HỌA

CÁC THÁNH TỬ ĐẠO VIỆT NAM

Đức Ông Vinh Sơn TRẦN NGỌC THỤ
Cáo Thỉnh Viên Vụ Án Phong Thánh Tử Đạo

Tư tưởng đem trình diễn trên bức họa 117 vị Tử Đạo Việt Nam xuất phát từ câu KHẢI HUYỀN CA (7,9):

"Tôi thấy đám người rất đông vô vàn không ai đếm được, thuộc đủ mọi dân tộc, chi họ, quốc gia và mọi ngôn ngữ. Họ đứng trước ngai và trước Chiên con, mặc áo trắng dài, tay cầm ngành thiên tuế và lớn tiếng hô vang: Hoan hô Thiên Chúa".

Theo Thánh Gioan, đám người đông đảo tượng trưng cho muôn vàn vị Tử Đạo trong lịch sử Giáo Hội hoàn vũ đã bỏ mình vì trung kiên với Thiên Chúa và hiện nay đang vinh quang trong cõi hoan lạc trường sinh. Còn trong Giáo Sử Việt Nam, 117 Thánh Tử Đạo trên đây tượng trưng cho trên dưới 130.000 bạn đồng hành đã anh dũng hy sinh mạng sống trong suốt 261 năm bách hại: từ Sắc chỉ cấm đạo đầu tiên năm 1625 tới hết thời Văn Thân (1886).

Hình ảnh Quốc Gia Việt Nam hồi xưa là "bãi chiến trường" oanh liệt trong cuộc chiến đấu cam go vì tín ngưỡng đực tượng trưng trong mấy bức hình: CHÙA MỘT CỘT

(Bắc), CHÙA THIÊN MỤ (Trung) bên cạnh Hoàng Cung tại cố đô Huế, tại đây các Vua Chúa hồi xưa đã ký 53 sắc chỉ bắt bớ đạo Công Giáo, và CHỢ BẾN THÀNH (Nam). Còn Giáo Hội Việt Nam đươc trình bầy dưới hình thức 5 ngôi thánh đường:

-SÀIGÒN: Nơi còn bảo toàn hài cốt một số các vị Tử Đạo miền Nam;

-LA-VANG: Chỗ Đức Mẹ đã hiện ra an ủi đoàn con bị truy nã vì tin theo Chúa Kitô Cứu Thế (1798);

-PHÁT DIỆM: Ngôi thánh đường duy nhất theo kiến trúc Á Đông và là nơi xưa kia vị linh mục quản nhiệm TRẦN LỤC (Cha Sáu) đã một thời bị bách hại (1858) và bị lưu đầy trên Lạng Sơn (1859-1860);

-BÙI CHU: Giáo Phận đã đóng góp con số tử đạo nhiều nhất (26 vị trong số 117 Thánh Tử Đạo), vì thế thiên định vẫn dành cho vinh dự sản xuất dân số công giáo đông nhất trong 25 Giáo Phận Việt Nam;

-HÀ NỘI: Một trong hai Giáo Phận đầu tiên tại Bắc Việt (1679), là chỗ xuất xứ của nhiều vị Tử Đạo (16 vị, trong số đó có Cha Thánh Anrê DŨNG LẠC) và là Tòa Tổng Giám Mục của vị Hồng Y Chủ Tịch Hội Đồng Giám Mục Việt Nam.

Đứng hàng thứ nhất (từ trái qua phải) các Thánh: Linh mục Phaolô Lê Bảo Tịnh, Giám mục Gerônimô Hermosilla, ông Emmanuel Lê Văn Phụng, Nữ Thánh Agnès Lê Thị Thành

(Đê), Théophane Venard, Linh mục Thừa Sai, Anrê DŨNG LẠC, Linh mục Việt Nam đứng tên cho cả danh sách 117 vị, Giám mục Berrio Ochoa, và chủng sinh Tôma Trần Văn Thiện.

-Đại diện chính thức cho 96 vị Thánh Việt Nam: Linh mục Anrê Dũng Lạc, chủng sinh va thanh niên Tôma Trần Văn Thiện và cụ gia trưởng Emmanuel Lê Văn Phụng.

-Đại diện cho 11 vị Dòng Đa Minh Thừa Sai Tây Ban Nha: hai Giám Mục G. Hermosilla và Valentinô Berrio-Ochoa: y phục đen trắng của dòng Đa minh: (6 Giám mục, 5 Linh mục).

-Đại diện cho 10 vị Thừa Sai Ba-Lê người Pháp: hai Giám mục và 8 linh mục: Cha Théophane Vénard: y phục đen, mang số áo có 3 gạch trắng.

Ngoài ra Thánh Lê Bảo Tịnh, vị linh mục triều, uyên thâm bậc nhất, có đặc điểm là bị giam cầm lâu nhất (2 lần trong hơn 7 năm) và đời sống của ngài là cả một chuỗi đoạn trường vừa độc đáo vừa hấp dẫn. Quỳ đàng trước: Một bên là Thánh Vinh Sơn Lê Quang Liêm [(1)], tinh hoa của dóng Đaminh Việt Nam, vị Thánh linh mục Tử Đạo đầu tiên (1773) lúc 42 tuổi. Sát bên cạnh ngài là linh mục Giacintô Castaneda, O.P, cả hai đã xin nhà vua để đươc chết bên nhau trong một ngày và một địa điểm. Bên kia Thánh Micae Hồ Đình Hy, trước kia là Quan Giám Đốc Nha Tiếp Liệu của triều đình Huế, sau vì tín ngưỡng

---

(1) Theo tài liệu cùa dòng Đaminh thì tên họ của Thánh nhân là PHẠM HIẾU LIÊM

đã bị vua Tự Đức truất phế hết mọi chức quyền trước khi bị lên án tử hình.

Riêng phần Thánh nữ Lê thị Thành (Đê), đại diện duy nhất của nữ giới, theo lịch sử, khi tử đạo đã 60 tuổi. Tuy nhiên, họa sĩ Gordon Faggetter năn nỉ cho được tô điểm chân dung thánh nữ trẻ lại vài chục xuân thu, để làm nổi bật sắc thái liễu đào và hình ảnh tươi đẹp, khác nào trong vườn Giáo Hội "*Vườn hoa xuân nở đầy giàn*" nữ thánh tượng trưng sức phát triển những sinh lực vẫn còn dồi dào trong lòng Giáo Hội Việt Nam, và như thế báo hiệu một ngày mai sán lạn hào hùng của vô vàn tín hữu trẻ trung đang lên.

Sau hàng thứ nhất và rải rác trên bức họa còn 24 linh mục triều mặc lễ phục trắng, đeo dây "Stola" đỏ, còn 7 Thánh binh sĩ trong y phục binh gia, và các bạn tử đạo khác, trong đó, một cụ già mặc đại phục xanh hoa gấm, đội khăn xếp đen: Chính là Thánh Đaminh Phạm Trọng Khảm, chánh án hồi hưu, năm ngài tử đạo với người con (Luca Phạm Trọng Thìn) và chú em (Giuse Phạm Trọng Tá). 1859, ngài thọ 80 tuổi. Dưới chân bức họa là các loại khổ hình: thanh gươm, xiềng xích bằng sắt, dây thừng thắt cổ, roi đòn, kìm để móc da thịt và cái gông đeo vào cổ (giống hình cái thang). Cụm hoa sen chỉ ý nghĩa trong sáng của cuộc đời 117 vị Thánh*: "Hoa sen mọc bãi cát lầm, tuy rằng lấm láp vẫn mầm hoa sen".*

Giang sơn gấm vóc và Giáo Hội Việt Nam (mãi trên cùng bức họa), tuy mãi chân trời xa xăm, nhưng vẫn là cánh đồng truyền giáo phì nhiêu, vẫn là môi trường hoạt động của những đoàn con cháu các vị Anh Hùng. Hồi xưa Tổ Tiên chúng ta đã

lấy xương máu xây đắp nền tảng kiên cố này. Ngày nay, Giáo Hội Việt Nam. Mặc cho " *đã nhiều lưu lạc, đã nhiều gian truân*" vẫn còn đang sung sức và mạnh dạn thăng tiến. Vì từ trên trời cao xa, hai cánh tay Chúa Cứu Thế đang mở rộng bao che, chính Ngài đã bảo đảm:

"*Ở trần gian chúng con sẽ gặp muôn vàn đau khổ, nhưng phải giữ vững niềm tin: Cha đã thắng thế gian"* (Ga 16, 33)

Đức Ông Vinh Sơn TRẦN NGỌC THỤ
Trong Đại Lễ Tôn Phong 117 Hiển Thánh Tử Đạo Việt Nam

“. . . Giáo Hội Rôma hôm nay gủi lời chào Giáo Hội Việt Nam. Mặc dầu trùng dương xa cách, nhưng rất gần gũi trong tình thân ái của tôi. Đồng thời, tôi xin chào toàn thể dân tộc Việt Nam và nói lên rằng cả Giáo Hội hoàn vũ hết lòng cầu chúc cho dân tộc quý quốc được trăm phần an lành.”

BÀI GIẢNG

CỦA ĐỨC GIÁO HOÀNG GIOAN PHAOLÔ II TRONG ĐẠI LỄ TÔN VINH HIỂN THÁNH 117 CHÂN PHƯỚC TỬ ĐẠO VIỆT NAM TẠI RÔMA NGÀY 19-08-1988

Anh chị em thân mến,

1 – "Chúng tôi rao giảng Chúa Giêsu tử nạn Thập Giá" (1Cr 1, 23)

Mượn lời trên đây của Thánh Phaolô, Giáo Hội Rôma hôm nay gửi lời chào Giáo Hội Việt Nam, mặc dầu trùng dương

xa cách, nhưng rất gần gũi trong tình thân ái của tôi, Đồng thời, tôi xin chào toan thể dân tộc Việt Nam và nói lên rằng cả Giáo Hội hoàn vũ hết lòng cầu chúc cho dân tộc quý quốc đượ trăm phần an lành.

Mối thịnh tình ưu ái đầu tiên xin dành cho người anh em thân Giám Mục Hà Nội, và cho tất cả Giám Mục trong giáo đoàn Việt Nam, mà giờ này tôi ao ước các ngài hiện diện nơi đây. Cùng với hàng Giáo Phẩm, tôi chào tất cả các linh mục, tu sĩ nam nữ, các thành phần giáo dân tham gia công cuộc truyền đạo, và trong toàn thể giáo dân Việt Nam: trong giờ phút này, tôi linh cảm mình hiệp thông với họ một cách sâu xa đặc biệt.

Tôi chào tất cả anh em Giám mục cũng như giáo dân của Tây Ban Nha, Pháp và Phi Luật Tân, những xứ sở mà trong ba thế kỷ đã góp phần vào việc truyền giáo tại Việt Nam. Tất cả tuôn về Rôma hôm nay để tưởng niệm những người anh em trước kia là Thừa Sai xuất xứ từ ba quốc gia này.

Một tư tưởng ưu ái xin gửi đến các linh mục Đaminh thuộc tỉnh dòng Đức Mẹ Mân Côi đã thánh lập từ bốn thế kỷ và Hội Thừa Sai Ba-Lê đã cống hiến một số đông đảo Giám Mục và Linh mục, mà hôm nay chúng ta sùng kính như những vị Tử Đạo vì rao giảng Lời Chúa.

2 – Một cách đặc biệt, tôi gửi lời chào tất cả anh chị em Việt Nam, hiện là giáo đòan thế giới, hôm nay từ bốn phương trời: Mỹ Châu, Á Châu, Úc Châu và Âu Châu tuôn về địa điểm này. Tôi biết rằng anh em đang ôm nặng ước nguyện tôn vinh các vị

Tử Đạo đồng hương, nhưng trong thâm tâm còn tự cảm nhu cầu - đứng chung quanh các vị Thánh - để xe kết tình huynh đệ kết nghĩa, thương mến, hiện đang phập phồng trong đáy lòng vì nghĩ đến giang sơn gấm vóc ở xa. Hướng về quê hương này, anh chị em hoài cảm, luyến ái, nhớ nhung, là vì giữa thời gian phiêu bạt, anh chị em cố tìm ra một giây phút cảm thông với nhau và cùng chung sống niềm hy vọng.

Lên tiếng với anh em để hô vang Chúa Kitô tử nạn Thập Giá, tất cả chúng tôi hôm nay để lời cám ơn anh em vì tấm gương nhân chứng đặc biệt các vị Thánh Tử Đạo của Giáo Hội Việt Nam anh em đã nêu cao, bất cứ các ngài là con dân Việt Nam hay là những vị Thừa Sai, xuất xứ từ những nước đã in sâu mầm mống Đức Tin Chúa Kitô.

Làm sao kể lại cho hết? Tất cả là 117 vị Tử Đạo, trong số đó 8 vị Giám Mục, 50 Linh mục, 59 giáo dân, trong số đó một phụ nữ, Thánh Agnès Lê Thị Thành, mẹ sáu người con?

Truyền thống còn ghi nhớ lịch sử chết vì đạo của Giáo Hội Việt Nam rất bao quát, phức tạp ngay từ lúc ban đầu. Từ năm 1533, nghĩa từ lúc miền Đông Nam Á Châu vừa đượcc truyền đạo, Giáo Hội Việt Nam đã bị bách hại suốt ba thế kỷ bắt bớ của Giáo Hội Âu Châu thời xưa. Từng ngàn giáo dân tử đạo, từng trăm số người đã chết lưu lạc trên núi, trong rừng sâu nước độc!

Để lấy một ví dụ: Trong các vị Tử Đạo hôm nay, đi tiền phong có Thánh Vinh Sơn Liêm, dòng Đaminh là người Việt tử đạo đầu tiên năm 1733. Rồi tới Linh mục Anrê Dũng Lạc, sinh

trưởng trong một gia đình rất nghèo khó, bên lương từ nhỏ đã phải "*bán*" cho một thầy giảng dậy giáo lý, nhưng rồi Chúa cho tới chức Linh mục năm 1823, được bổ nhiệm chánh xứ và đương nhiên trở thành nhà truyền giáo trong nhiều địa hạt. Nhiều lần đã bị lao tù, nhưng vẫn được giáo dân tốt lành đem tiền chuộc về, trong khi bản thân ngài mong chờ được chết vì Chúa. "*Những người chết vì Đức Tin* - ngài nói – *thì lên Thiên Đàng thẳng rẵng; tại sao chúng ta cứ phải ẩn náu, phải tốn tiền đút lót cho quan quyền: thà để cho chúng tôi bị bắt và rồi tử đạo có phải hơn không?*". Thực ra, vẫn một ý chí hăng say và được ơn Chúa nâng đỡ, ngài đã anh dũng chịu trảm quyết tại Hà Nội ngày 21-12-1839.

3 – Trong bài Phúc Âm hôm nay nhắc lại những gì Chúa Kitô tiên đoán về sự kiện các Tông Đồ và những ai theo chân các Ngài sẽ bị bách hại: "*Họ sẽ lôi chúng con ra tòa Công Nghị, sẽ đánh đập chúng con giữa hội đường, sẽ điệu chúng con trước vua chúa quan quyền vì danh Cha, để làm chứng cho họ và cho dân ngoại*" (Mt 10, 17-18). Chúa tiên báo một cách hết sức rõ rệt, không có úp mở. Chúa không đưa đẩy với những lời hứa hẹn xa gần, nhưng với thói quen nói thẳng lời chân lý toàn diện, Chúa chuẩn bị tâm hồn các ngài trước nguy cơ: *"Anh sẽ nộp em, cha sẽ nộp con, con cái sẽ đứng lên tố cáo làm cho cha mẹ phải chết. Vì danh Cha, chúng con sẽ bị mọi người ghét bỏ, nhưng ai bền chí tới cùng sẽ được cứu độ."* (Mt 10, 21-22)

4 – Tuy nhiên, Thầy Chí Thánh không bỏ rới các Tông Đồ và các người tin theo các Tông Đồ trong những cơn bách hại: ***"Khi bị nộp vào tay họ, chúng con đừng lo phải nói thế nào, Vì thực ra không phải chúng con nói, nhưng là Thần Linh của Thân Phụ nói trong chúng con*****." (Mt 10, 19-20).**

Thần Linh chinh là Thần Linh chân lý. Ngài sẽ là mãnh lực trong thân xác yếu hèn của con người. Nhờ Ngài là mãnh lực mà anh em mới có thể là chứng nhân. Phải, chính sự kiện anh em là chứng nhân cho Chúa Kitô tử nạn, sự kiện đó há chẳng phải là khôn ngoan, là mãnh lực vượt mức loài người đó ư? Thánh Phaolô hồi xưa đã không nói: "*Chính sự kiện Chúa Kitô tử nạn là một ô nhục cho người Do Thái, là một cử chỉ điên rồ*" (1Cr 1, 23) đó ư? Từ thới các Thánh Tông Đồ đã vẫn thế rồi, qua các thế hệ lịch sử vẫn tiếp tục như thế; cũng như qua mấy thế kỷ bách hại tại Việt Nam, sự kiện đó vẫn không thay đổi.

Phải, cần phải có mãnh lực, khôn ngoan từ Thiên Chúa mới có thể tuyên xưng mầu nhiệm tình yêu của Ngài, chính là tình yêu được diễn tả trong cuộc tử nạn trên Thập Giá để cứu chuộc trần gian: quả là mầu nhiệm bao la vượt hẳn sự suy luận loài người. " *Là vì cái điên rồ nơi Thiên Chúa còn khôn ngoan hơn cả sự khôn ngoan người đời, và yếu hèn nơi Thiên Chúa còn mạnh sức hơn cả sức lực phàm nhân*" (1Cr 1, 25).

Chính vì thế mà Thánh Tông Đồ đã viết: *"Chúng tôi rao giảng Chúa Kitô tử nạn Thập Giá: Đức Kitô, trong mầu nhiệm Phục Sinh, đã chứng minh Ngài là mãnh lực của Thiên Chúa, là khôn ngoan của Thiên Chúa*" (1Cr 1, 23-24).

5 – Trước mặt chúng ta hôm nay, các vị Tử Đạo Việt Nam vai trò những người đi gặt lúa cho Chúa, như đã ghi trong Thánh Vịnh:

"Ai gieo trong lệ sầu, sẽ gặt trong hân hoan.
Lúc ra đi phải khóc than, vì công vất vả gieo hạt,
Nhưng khi trở về, lòng thênh thang phấn khởi,
Vì ôm nặng nhiều bông lúa." (Tv 125-126, 5-6)

Lời huyền diệu trên đây nói lên ý nghĩa cuộc chứng nhân lịch sử nơi các vị Tử Đạo trong Giáo Hội Việt Nam. Trong vũng nước mắt của họ đã gieo xuống hạt giống ân sủng, để rồi trở thánh vô số bông hoa ĐỨC TIN;

***"Hạt giống gieo xuống mà không mục đi thì chỉ trơi trọi một mình, nhưng nếu mục đi sẽ sinh nhiều bông lúa."* (Ga 12, 24)**

Các vị Tử Đạo Việt Nam "*gieo trong lệ sầu*", có nghĩa là các ngài đã khởi sự giữa lớp người đồng hương và giữa nền văn hóa dân tộc một cuộc đối thoại sâu rộng và cởi mở, bằng cách nêu cao chân lý và tin vào Chúa là sự kiện phổ cập tất cả hoàn cầu. Đồng thời, các góp phần vào việc nhận định các giá trị và nghĩa vụ thích hợp với nền văn hóa tôn giáo trong thế giới Đông Phương. Trong cuốn giáo lý đầu tiên bằng tiếng Việt, các ngài đã tuyên xưng nghĩa vụ tôn thờ Thiên Chúa Ba Ngôi một bản thể đã tạo dựng trời đất. Ra trước quan quyền tra khảo về ĐỨC TIN, các vị Tử Đạo đã quả quyết mình đươc tự do tín ngưỡng, và đạo Chúa Trời là đạo duy nhất, nếu mình từ bỏ là bất tuân lệnh Thương Đế, tức là Thiên Chúa. Đồng thời, các

ngài đã can đảm nói lên ý chí tôn trọng quyền bính trong nước, nhưng không vì thế mà làm điều gì bất chính. Các ngài đã dậy phải tôn kính Tổ Tiên theo truyền thống dân tộc, và dưới ánh sang mầu nhiệm Phục Sinh. Do đó, với sự dấn thân và hành động chứng nhân của các vị Tự Đạo, Giáo Hội Viêt Nam hiên ngang nói lên sự quyết tâm và tha thiết của mình, không chối bỏ truyền thống văn hóa và các thể chế quốc gia, trái lại, Giáo Hội tuyên xưng và chứng minh rằng: nếu mình hập cuộc trong truyền thống và văn hóa dân tộc là vì có góp phần vào việc xây dựng quốc gia một cách trung thực hơn.

Và rồi những cuộc đấu tranh, những căng thẳng chính trị hồi xưa, xen lộn vào trong những bang giao giữa giáo dân và nhà cầm quyền, những quan hệ lợi hại giữa các tôn giáo, những lý do kinh tế xã hội, sự kiện người ta không hiểu rằng: Tín ngưỡng bao hàm quan niệm siêu việt và phổ cập toàn thế giới. . là những yếu tố tạo nên trần gian như một nồi nung nấu, trong đó thanh lọc mọi khía cạnh, để chỉ nổi bât nét khiết bạch và sức dũng mạnh của tấm gương nhân chứng.

6 – Đòan thể đông đảo các Tử Đạo, những gian lao đau khổ, những giọt nước mắt. . . tất cả đã tạo nên "*mùa lúa vàng*" của Thiên Chúa. Các ngài là những bậc Thầy, tôi xin mượn dịp hôm nay, để nêu lên trước toàn thể Giáo Hội sức linh hoạt và hìng vóc hùng tráng của Giáo Hội Việt Nam: ý chí kiên cường, sự nhẫn nại và khả năng vượt mọi khó khăn để tuyên xưng Chúa Kitô. Chúng ta cảm tạ Thiên Chúa vì tất cả mọi ơn lành mà Thánh Linh của Ngài hiện đang thực hiện một cách dồi dào giữa chúng ta.

Một lần nữa, giữa giáo đoàn Viêt Nam, chúng tôi nói lại cho anh em rằng: máu các Tử Đạo là nguồn ân sủng cho anh em trước tiên, để anh em thăng tiến trong ĐỨC TIN. Giữa anh em, Đức tin của Tổ Tiên vẫn tiếp tục và còn truyền tụng sang nhiều thế hệ tương lai. ĐỨC TIN này tồn tại để làm nền tảng xây dựng sự kiên trì cho tất cả những người là Việt Nam thuần túy sẽ trung thành với quê hương đất nước, nhưng đồng thời vẫn còn là người tín hữu của Chúa Kitô. Ai là người tín hữu đều ý thức rằng: Lời kêu gọi của Phúc Âm vẫn là phải tuân phục các thể chế loài người, để tôn thờ tình yêu Thiên Chúa bằng cách làm việc thiện, sống xứng đáng con ngươi tự do,, kiêng nể tha nhân, yêu thương anh em, kính sợ Thiên Chúa và tôn trọng xông quyền và thể chế quốc gia (1Pr 2, 13-17). Do đó, công ích của quốc gia vẫn là điểm người công dân có đạo phải dấn thân, nhưng đồng thời phải đươc tự do tuyên xưng chân lý của Chúa, đươc cảm thông với những với các vị Chủ chăn và anh em đồng tín ngưỡng: và như thế là để sống an bình với mọi người và thực tâm xây dựng hạnh phúc cho toàn dân.

7 – "Máu các Tử Đạo là hạt giống sinh nhiều tín hữu".

"*Hạt giống các tín hữu*": Ngoài con số từng ngàn từng vạn giáo dân trong các thế kỷ trước đây đã đi theo con đường tử nạn của Chúa, ngày nay là tất cả những ai đang lao động trong khắc khoải, trong khó nghèo cực độ về thể chất, kinh tế, trong hy sinh liên tục, nhưng chỉ mang một hoài bão là có thể trung kiên trong vườn nho Thiên Chúa, xứng với danh hiệu những người quản lý trung thành trong nước Trời.

"*Hạt giống các tín hữu*" là tất cả những ai ngày nay vì chính nghĩa Thiên Chúa` và sống giữa những người đồng hương đang cố gắng tìm hiểu ý nghĩa cây Thập Giá của Chúa Kitô: Thánh Giá bài trừ sự nói dối, bài trừ tội ác, nhưng thúc đẩy con ngươi biết thinh lặng, biết tha thứ, biết cầu xin cho nước Cha trị đến trong tâm linh nhân loại, và đặc biệt tại quê hương của họ là môi trường đời sống.

Công tác này: công tác liên tục diễn tiến trong nội tâm vừa gây go vừa trường kỳ vì luôn luôn bị hoàn cảnh đặc thù chế ngự, và âm mưu thử thách ĐỨC TIN, do đó, đòi hỏi rất nhiều nhẫn nại. Phải xác tín rằng: đêm tối rồi cũng qua đi và ánh bình minh đang ló rạng ngoài ngưỡng cửa.

8 – "*Những linh hồn lành thánh . . .ở trong thay Thiên Chúa*". (Kn 3, 1)

Chân lý trên đây được đề cao trong sách Khôn ngoan càng là ánh sáng quảng diễn biến cố long trọng hôm nay. Phải, "*linh hồn lành thánh ở trong tay Thiên Chúa, không hình khổ nào chạm tới được*." Quả quyết như thế có vẻ là không chính xác với thực tế lịch sử: thực ra hình khổ đã va chạm thân xác các vị Tử Đạo, và va chạm ghê gớm. Tuy nhiên, tác giả Kinh Thánh tiếp tục quảng diễn tư tưởng:

"Một người điên dại cho rằng các ngài đã mệnh một và kết liễu cuộc đời bằng cái chết là một tai họa: Chết đi là một đổ vỡ, tuy nhiên, các ngài vẫn sống trong an bình. Trước mắt trần gian,

***các ngài đã bị đau khổ, nhưng niềm hy vọng nơi các ngài mang nặng mầm mống trường sinh*.” (Kn 3, 2-4)**

Các Thánh Tử Đạo: Tử Đạo Việt Nam! Các ngài là chúng nhân cho Chúa Kitô đã toàn thắng sự chết. Chứng nhân là con ngươi vẫn được kêu gọi về hướng trường sinh. Thay vì hình khổ ngắn ngủi, anh em sẽ được nhiều ơn vĩ đại, là ví Thiên Chúa đã luyện lọc anh em và thấy anh em xứng đáng, Ngài đã thử thách anh em như thử vàng trên lửa và đã chấp nhận anh em như của lễ toàn thiêu. Phải, của lễ toàn thiêu hợp với của lễ hy sinh trên Thập Giá của Chúa Kitô. Là vì kiên cường cho đến chết, anh em đã tuyên xưng Chúa Kitô tử nạn – Ngài là sự khôn ngoan, là quyền năng Thiên Chúa. Chúa Kitô: trong Ngài chúng ta đươc Thiên Chúa cứu rỗi.

9 – Tất cả những ai tin cậy nơi Ngài – nơi Chúa Kitô tử nạn và phục sinh – họ sẽ được hiểu biết chân lý; những ai trung thành với Ngài sẽ được cùng Ngài sống trong yêu thương, ví là ân sủng và tình thương vẫn được dành cho những người được tuyển chọn. (Kn 3, 9)

ANH EM: dòng giống các vị Tử Đạo, ANH EM: dòng giống những người được kêu gọi. Anh em hãy nghe hết lời sách Khôn ngoan: “*Trong ngày phán xét, họ sẽ long lanh như những tia sáng chiếu trên đồng cỏ từ Đông sang Tây.*” (Kn 3, 7) Những tia sáng, những ánh đèn phản chiếu nguồn quang minh rực rỡ. Và đây là câu sau cùng trong sách Khôn ngoan: *“Các dân tộc sẽ trị vì, họ cai trị dân chúng. Nhưng trên tất cả, Thiên Chúa sẽ*

thống trị mọi loài.' **(Kn 3, 17) Chúa đây, tức là Chúa Kitô tử nạn và phục sinh, Ngài xuống trần gian *"không để xét xử thế giới, nhưng để thế giới nhờ Ngài mà được cứu rỗi.*" (Ga 3, 17) Chính Chúa Kitô này: anh em đã tham gia vào cuộc thống khổ và tử nạn Thập Giá của Ngài, hôm nay anh em hãy tham gia vào việc cứu độ trần gian mà chính Ngài đã kết liễu. Nguyện Chúa cho mùa lúa vàng của anh em muôn năm tồn tại trong hoan lạc.**

(Bản dịch của Đức Ông Vinh Sơn TRẦN NGỌC THỤ)

Ngày 13 tháng 01 [*]

Thánh Đaminh PHẠM TRỌNG KHẢM

Quan án
(1978 – 1859) [**]

Đaminh Phạm Trọng Khảm sinh khoảng năm 1780 trong một gia đình bẩy anh em giầu có tại làng Quần Cống, xã Trà Lũ, phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định (nay thuộc địa phận Bùi Chu). Thân phụ cậu là ông PHạm Trí Khiêm, một hương chức danh giá được dân làng trọng vọng. Hấp thu đươc nhiều tính tốt của cha, cậu Khảm nổi tiếng là người con có hiều. Năm 18 tuổi, vâng lời song thân, cậu kết hôn với cô Anê Phượng, một thiếu nữ đạo hạnh trong làng. Hai vợ chồng sống rất thuận hòa, được dân làng tin phục mến yêu. Đặc biệt, hai người biết hiệp lực giáo dục và khích lệ con cái học hành. Con trai ông là Cai Thìn cũng làm đến Chánh Tổng, được mọi ngươi kính nể và cũng kiên trung làm chứng cho đức tin đến hơi thở cuối cùng với cha của mính. Ba người con gái ông là bà Nhiêu Côn, Nhiêu Trữ và Hậu Địch cũng đươc đi học như các con trai, nổi tiếng lanh lẹ tháo vát.

Khi bị bắt, cụ Án Khảm đã gần 80, vừa là Tiên chỉ trong làng, vừa là hội viên dòng ba, kiêm chức trùm họ trong giáo xứ.

---

[*] **Những niên lịch đầu hạnh tích mỗi Thánh là ngày tháng các ngài tử đạo**

[**] **Năm sinh và năm tử đạo**

Mọi người đều công nhận cụ là người đạo đức, giầu lòng bác ái và nhiệt thành trong những trách vụ. Các thừa sai và cả các giám mục cũng biết tiếng và từng đến trọ tại nhà cụ trong những ngày khó khăn. Với giáo xứ, cụ cộng tác đắc lực với cha sở trong việc điều hành tổ chức họ đạo. Với xóm làng, cụ là môt mẫu người đức độ, quan tâm đến nhu cầu của mọi người cả xác lẫn hồn, sẵn sàng chia sẻ của cải cho kẻ nghèo khó và khích lệ mọi người can đảm trước những bách hại. Gia phả con cháu cụ ghi lại rằng*: "Gia nhân phải kiếm kẻ khó vào ngồi chung thì cụ mới ăn".*

Vì sẵn của cải chia sẻ cho mọi người, có lần cụ kiếm cớ đãi cả làng. Cụ cho anh mõ đi rao khắp các hẻm mời mọi người ra ruộng tổ chức đua diều. Ai thắng ai thua không thành vấn đề, miễn là mọi người đươc bữa no say.

Khi quân lính đến bao vây làng Quần Cống, cụ tập họp mọi người lại, khuyên họ bền chí. Để khích lệ những người nhát đảm, cụ nói: "*Kẻ nào trong anh em đạp lên Thánh Giá, khi quan về, tôi sẽ đuổi cổ ra khỏi làng, sẽ không có chỗ mà chôn xác đâu.*" Thế rồi cụ bị bắt và trên đường áp giải những tín hữu "*cố chấp*" về Nam Định , cụ án đươc tách riêng, nhốt ngay trong thuyền của quan để khỏi ảnh hưởng đến người khác. Nhưng suốt thời gian tù, cụ vẫn là chỗ dựa, là nguồn an ủi, là người khích lệ và chia sẻ tinh thần cũng như vật chất cho các bạn tù.

Ngày 13 tháng 01

Thánh Giuse PHẠM TRỌNG TẢ

Cựu Chánh Tổng
(1800 – 1859)

Thánh Luca PHẠM TRỌNG THÌN

Chánh tổng
(1820 – 1859)

Cuộc đời của hai ông Cai Tá, Cai Thìn tuy cách biệt nhau 20 tuổi, nhưng đã hòa lẫn với nhau trong cùng bối cảnh lịch sử thời tử đạo. Một vị là cựu, một vị là Chánh tổng làng Quần Cống. Phải làm gì bây giờ? Chắc chắn hai ông đã phải bàn luận với nhau rất nhiều, để cuối cùng với sự ủy thác của Đức cha Sampedrô Xuyên, Giám mục địa phận Trung khi đó. Hai ông đã chọn giải pháp hòa bình bằng phương thế đối thoại. Một mặt với uy thế riêng, các ông trấn an các tín hữu. Mặt khác quan hệ với quan Tổng đốc để gợi lên trong quan tấm lòng nhân ái và quảng đại. Rất tiếc, đường lối đó không đạt như sở nguyện, nên hai ông đã phải trả gía cho sứ mạng hòa giải bằng chính mạng sống của mình.

Giuse Phạm Trọng Tả sinh khỏang 1800 tại làng Quần Cống, xã Trà Lũ, phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Cai Tả là anh em thúc bá với Thánh Án Khảm, là con ông Đaminh Phạm Thăng. Khi bị bắt ông đã 60 tuổi, là một Kitô hữu đạo đức, một

hội viên dòng ba Đaminh và là cựu Chánh tổng đã chu toàn chức vụ của mình. Phụ lực với cháu Cai Thìn, ông tìm cách giúp mọi người sống đạo trong hoàn cảnh khó khăn. Gia phả con cháu ghi rằng: *"Đầy tớ ông rất đông, chưa Tết ông đã đi thăm viếng từng nhà và cho tiền mừng tuổi rất hậu. Số tiền ấy thường gấp đôi số quà cáp họ biếu xén ông trong năm. Tiến thóc gia nhân vay mượn ông thường cho một nửa, nếu túng quá thì cho luôn. Công nợ của dân trong làng cũng hay được chăm chước như thế. Khi bà Cai lên tiếng cằn nhằn, ông thản nhiên trả lời: "Mình quên nợ người, Chúa quên tội mình*."

Luca Phạm Trọng Thìn là con trai cụ Án Khám, sinh khoảng năm 1820 tại làng Quần Cống, xã Trà Lũ, phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Như ta đã biết cụ Án Khảm, dưới mái nhà gia giáo và khá giả này, cậu Thìn đã lớn lên trong bầu khí đạo đức, được ăn học thành người. Nhờ trí khôn thông minh nhanh nhẹn và chăm chỉ chuyên cần, chẳng bao lâu anh đã "*công thành danh toại*". Khi bị bắt, ông Cai Thìn mới khoảng 40 tuổi và đang là Chánh tổng, vừa quyền thế vừa uy tín. Thực ra, khi mới lên chức vụ này, vì giao tiếp với quan lại nhiều, đã có thời kỳ ông có vợ nhỏ là cô Trung người Trà Lũ, nên thờ ơ việc đạo nghiã (vợ chính ông Cai Thìn là bà Maria Tâm). Nhưng sau nhờ lời khuyên của thân phụ, nhất là của cha giải tội, ông đã thành tâm sám hối. Từ đó, ông đã trở thành một mẫu gương thánh thiện, một gia trưởng và hội viên dòng ba Đaminh đạo đức, một thủ lãnh đáng tin cậy.

Năm 1858, tình hình bắt đạo đang gia tăng, và liên quân Pháp – Tây Ban Nha đang đe dọa dân Việt tại Đà Nẵng, vua Tự

Đức thêm phẫn nộ ra lệnh cho quan quân triệt để thi hành các sắc chỉ nhắm vào đạo Gia -Tô. Nhưng thực tế, việc thi hành này lệ thuộc vào các quan địa phương có sốt sắng hay không. Lợi dụng điều đó, Đức cha Sampedro Xuyên đã ủy thác cho Cai Tả và Cai Thìn trọng trách sứ giả hòa bình, vì cũng thuộc thành phần lãnh đạo, dễ dàng tiếp xúc với cấp trên.

Hiểu ý Đức cha và nắm vững tình hình các tín hữu Quần Cống, hai ông đã đến gặp trực tiếp Tổng đốc Nam Định, xin ông nương tay cho các tín hữu được bình an và hứa kêu gọi dân chúng trung thành với Đức Vua. Cuộc thương thuyết sắp thành công, nhưng không ngờ lúc ấy tại Cao Xá, một người vì bất mãn với chính sách của nhà vua, đã xúi giục một nhóm người nổi loạn chống lại các quan địa phương. Thế là vị Tổng đốc liền đổi ý, ra lệnh tiếp tục truy lùng các thừa sai, các đạo trưởng và các giáo hữu có uy tín trong dân. Quan kết án Cai Tả và Cai Thìn là lừa dối và tìm dịp để bắt hai ông. Chúng ta sẽ biết cơ hội để quan thực hiện ý đồ đó trong phần sau.

Ba lần ra trước tòa, cả ba lần hai ông đều cương quyết không bước qua Thập Giá, dù bị dọa nạt, đánh đập. Khi quan yêu cầu hai ông viết những suy nghĩ của mình lên giấy, Cai Thìn đã viết bản tuyên xưng đức tin rõ rệt và can đảm sau:

"Tôi là một Kitô hữu, tôi sẵn sàng chấp nhận mọi cực hình, thậm chí cả cái chết đau đớn nhất, hơn là vi phạm một lỗi dù rất nhỏ trong đạo tôi thờ. Chính tay tôi viết điều này. Luca Thìn."

Ông Cai Tả không những cương quyết không xúc phạm Thánh Giá, ông còn khuyên bảo mọi người đừng phạm thứ tội mà ông gọi "*ghê tởm*" đó.

Nếu Đức Giêsu, Hòang Tử Bình An đã dùng Thánh Giá khổ nhục để hòa giải nhân loại bạc bẽo với Chúa Cha thì cuối cùng, hai ông Cai Tả và Cai Thìn sẽ mãi mãi là sứ giả hòa bình bằng cái chết, để chứng tỏ lòng mình luôn trung tín với Thiên Chúa và trung thành với Giáo Hội.

Năm 1858 khởi đầu cho giai đoạn thứ năm cuộc bách hại đạo gay gắt nhất trong lịch sử Giáo Hội Viêt Nam. Nhà vua treo giải thưởng xứng đáng cho những ai tố cáo nơi trú ẩn của các vị thừa sai Âu Châu, và ngược lại sẽ trừng trị đích đáng những kẻ chứa chấp họ. Thế là các ngài phải nay đây mai đó, trốn từ làng này qua làng khác. Quần Cống là một nơi ẩn trốn khá an toàn, ví các chức sắc trong làng là người Công Giáo và chính họ sẵn sàng đón tiếp các ngài. Đức cha Sampedrô Xuyên, Đại diện Tông tòa địa phận Trung dự đoán có thể bị bắt bất ngờ, đã chủ phong Giám mục phó cho Đức cha Valentinô Vinh ngày 14.06 tại Ninh Cường, hai cha Riãno Hòa và Carreras Hiển là phụ phong. Sau đó, cả bốn vị đến ẩn tại làng Quần Cống, trọ tại nhà cụ Án Khảm, Cai Tả và Nhiêu Côn.

Quan Án sát Nam Định đựơc mật báo làng Quần Cống chứa chấp Tây dương đạo trưởng, liền huy động quân lính đến vây bắt. Nhưng cụ Án Khảm kịp biết tin, vội vàng tìm cách đưa các vị thừa sai trốn khỏi làng. Đức cha Vinh và hai linh mục qua làng Trà Lũ. Đức cha Xuyên đi qua Kiên Lao (ngày 08.07

mới bị bắt). Sau khi các thừa sai đã đi xa, cụ cho mõ làng đi trước, đích thân cầm roi đi sau, bắt mõ làng rao lớn tiếng: "*Trình quan viên làng nước, có lệnh cụ Án truyền rằng: Người nào quá khóa phải phạt ba roi và bị đuổi ra khỏi làng.*" Rồi cụ tụ tập dân lại khích lệ họ.

Sau đó, quan quân ùa vào làng, họ bắt toàn thể dân làng tập trung lại, rồi gọi cụ Án Khảm ra trình diện và nói: "*Mau nộp ngay lập tức các đạo trưởng Tây dương và bản quốc, cũng như bọn thầy giảng lẩn trốn trong làng. Nếu bất tuân, lão sẽ bị bắt, bị tịch thu tài sản, nhà cửa sẽ bị thiêu hủy, còn chính lão sẽ bị kết tội chống cưỡng nhà vua.*" Cụ Án Khảm hết sức bình tĩnh vì biết chắc các thừa sai đã trốn xa rồi, Cụ mạnh bạo trả lời: "*Đúng, đạo chúng tôi có các đạo trưởng, nhưng các ngài ở đâu, làm sao chúng tôi biết được. Xin quan cứ tự do lục soát, nếu tìm thấy vị nào trong làng thì quan múôn làm gì cũng được*".

Thế là quân linh chia nhau lục soát khắp mọi nhà, dĩ nhiên là không thể thấy một linh mục nào. Nhưng lính lại phát hiện được một số tượng ành, áo lễ, nên chủ nhà này bị kết tội là chứa chấp đạo trưởng. Cụ Án liền đứng ra nhận là mình đã mua những thứ đó. Tuy vậy, quan vẫn ra lệnh bắt trói cả nhà.

Trở lại nơi tập trung dân làng, qua Án sát cho đặt một Thánh giá ngay giữa sân, rồi bắt mọi người lần lượt bước qua. Nhưng quan đã thất bại, dù lính có đi tới đi lui đe dọa, toàn thể dân làng hôm đó không một ai bước qua Thánh Giá. Một bô lão có lẽ vì quá sợ, run rẩy tiến lên vài bước, định thi hành lệnh quan, nhưng cú Án nhanh chân hơn cản lại và khiển trách.

Viên quan tức giận quát lên rằng: "*Ta sẽ mất chức, nếu không kết tội được Án Khảm và bọn người vô phúc này*". Thế rồi quan sai bắt trói Án Khảm, Cai Tả và Cai Thìn cùng một số người, rồi giải về Nam Định. Riêng cụ Án được chở đi trong thuyền của quan.

• Chúng tôi được nước Thiên Đàng.

Về tới Nam Định, hai cha con cụ Án Khảm được gặp nhau trong những lần ra tòa, và sau này được giam chung. Hai cha con vui mừng và xúc động khuyến khích nhau chịu khổ vì lòng mến Chúa Kitô.

Tất cả những tù nhân Quần Cống hẹn với nhau quyết tâm trung thành với đức tin, dù phải hy sinh mạng sống. Riêng cụ Án Khảm nhiều lần đại diện cả nhóm trả lời với quan, đã tìm cách giải thích giáo lý trong đạo.

Một hôm, sau khi bắt được Đức cha Xuyên, quan cho dẫn ba ông đến trước mặt Đức cha. Các ông kính cẩn chào hỏi và không giấu được niềm vui gặp lại vị chủ chăn của mình. Thấy thế, quan phỏng đóan và kết tội các ông chứa chấp vị thừa sai này. Tuy thực sự Đức cha đã từng ở nhà mình, cụ Án Khảm tìm cách trả lời chung chung: *"Là người tín hữu, chúng tôi tôn kính và yêu mến bất cứ một linh mục nào, dù chưa hề quen biết."*

Sau bốn tháng rưỡi bị giam, một hôm quan báo cho biết là cả ba vị sẽ bị kết an xử giáo. Ông Cai Thìn hỏi lại án đã kết

tội gì, quan cho hay là tội chống lại nhà vua. Ông Thìn cực lực phản đối. Cuối cùng, theo đề nghị của ông, bản án được viết thêm bốn chữ "*bất khẳng quá khóa*", nghĩa là tội không chịu bước qua Thập giá. Các ông vui mừng hân hoan vì thực sự được chết cho Đức Kitô. Và trong những ngày còn lại, các ông chuẩn bị sốt sắng đón chờ ngày lãnh nhận hồng phúc tử đạo.

Ba vị chứng nhân đức tin đã cảm nghiệm sâu xa lời Đức Kitô chúc phúc cho những người bị bách hại vì danh Ngài. Đối với ba vị, bị bắt chịu khổ nhục, bị giết vì danh Đức Kitô là niềm vinh phúc lớn lao. Các vị đã hân hoan đón chờ nó, đồng thời khích lệ an ủi các tín hữu khác. Và khi nghe báo giờ xử tử đã tới, cụ Án Khảm vui vẻ nói với mọi người: *"Cha con chúng tôi hôm nay được nước Thiên Đàng"*. Cả ba vị đã sẵn sàng giã từ trần gian để về hợp đoàn với hàng ngũ các Thánh Tử Đạo, và mở rộng đôi tay đón nhận phần thưởng vinh phúc Chúa đã hứa ban cho những tôi trung của Ngài.

Ngày 13.01.1859, ngoài ba vị Án Khảm, Cai Tả và Cai Thìn, còn có bẩy giáo hữu làng Quần Cống khác được đưa ra pháp trường Bẩy Mẫu, Nam Định. Trên đường đi, các vị lớn tiếng đọc kinh. Đến nơi xử, các vị tiếp tục đọc kinh Tin, Cậy, Mến và nhiều lần kinh Ăn Năn Tội chung với nhau, rồi lớn tiếng kêu tên Chúa Giêsu.

Quân lính mạnh tay xô các ngài té ngửa trên đất, rồi trói chân tay từng người vào cọc đã chôn sẵn. Mỗi vị bị hai người lính cầm hai đầu dây thừng tròng qua cổ và kéo thật mạnh cho đến khi tắt thở. Các tín hữu làng Quần Cống rước thi thể các vị đưa về quê mình, và tổ chức an táng trọng thể.

Đức Thánh Cha Pio XII đã suy tôn ba anh hùng tử đạo: Đaminh Phạm Trọng Khảm, Giuse Phạm Trọng Tả và Luca Phạm Trọng Thìn lên bậc Chân Phước ngày 29.04. 1951. [NB]

[NB] Phần gia phả dựa vào cuốn "Liên chi gia phả làng Thiên Thiện" (tên Quần Cống sau này). Đỗ Quý Bản, Saigòn 1964 (tập Ronéo)

Ngày 22 tháng 01

Thánh Phanxicô FEDERICH TẾ

Linh mục dòng Đaminh
(1702 – 1745)

• Thánh Tử Đạo tiên khởi trên đất Việt

Bốn mươi ba tuổi đời, mười năm truyền giáo trên đất Việt, trong đó gần tám năm bị giam cầm, cuộc đời truyền giáo của Thánh Phanxicô Tế có vẻ không được thuận lợi, nhưng chính những năm tù đầy này đã làm nên sự nghiệp của thánh nhân. Nhờ bối cảnh đặc biệt, vị linh mục dòng Thuyết giáo đã tiếp tục thi hành sứ vụ của mình ngay tại kinh đô Thăng Long. Cha vẫn đi thăm viếng và trao ban bí tích cho các giáo hữu, rửa tội cho nhiều tân tòng. Riêng năm 1744, cha giải tội cho 1.745 người, rửa tội 73 người (trong đó có 32 người lớn) và xức dầu cho nhiều bệnh nhân. Thành quả đó của một "tù nhân" đủ cho mọi người thấy nhiệt tâm, tài năng, và sự khéo léo của vị Thánh Tử Đạo đầu tiên trên đất Việt.

• Tuổi xuân và khát vọng

Phanxicô Gil de Federich sinh ngày 14.12.1702 tại Tortosa, Tây Ban Nha, quê hương của biết bao vị đại thánh và những vị thừa sai nổi tiếng. Được thừa hưởng truyền thống đạo đức đó, từ niên thiếu, cậu đã nhận ra tiếng Chúa mời gọi sống đời dâng hiến và đã xin gia nhập dòng Đaminh. Sau một năm

tập đầy nhiệt thành đạo đức, tu sĩ Federich tuyên khấn trọng thể tại tu viện Santa Catalina thành Bacelona khi mới 16 tuổi.

Sau nhiều năm học tập chăm chỉ, ngày 29.03.1727 thầy Federich đươc thụ phong linh mục, rồi đươc bổ nhiệm làm giáo sư triết lý kiêm giám sư các tu sĩ sinh viên. Thế nhưng ước nguyện thâm sâu của tân linh mục lại là đươc đi truyền giáo ở phương xa. Hai năm sau, cha xin chuyển qua tỉnh dòng Đức Mẹ Mân Côi, là tỉnh dòng đặc trách truyền giáo ở Viễn Đông. Cha xuống tầu, đến trụ sở tỉnh dòng tại Phi Luật Tân năm 1733.

Cha Giám tỉnh Diego tại Manila rất quí trọng khả năng, đức độ của cha Federich, nên đã chọn cha là thư ký và phụ tá cho mình. Trong công cuộc tham gia điều hành tại trụ sở, những tin tức ở các vùng truyền giáo ngày càng thúc đẩy cha thực hiện khát vọng truyền giáo. Những vần thơ cầu nguyện với Đức Maria của cha nói lên tâm tình đó:

"Lạy Thánh Mẫu cao vời nhân ái!
Tấm lòng con điên dại đáng thương.
Ngày đêm nung nấu can trường
Tình bao la Mẹ, đâu phương đáp đền.
Trong tâm tưởng con hằng mong ước
Khắp muôn phương loan báo Tin Mừng
Giờ con gặp cảnh sầu thương
Như thuyền neo bến, trùng dương xa vời".

Cuối cùng ước mơ cao đẹp này đã đươc thành tựu. Ngày 28.08.1735, cha Phanxicô đặt chân lên đất Việt Nam. Bấy giờ là

thời vua Lê Ý Tông (1735-1739) và Ủy Nam Vương Trịnh Giang (1729-1740).

• Trên cánh đồng truyền giáo

Sau một thời gian học ngôn ngữ và phong tục, cha Federich đã đến phục vụ nhiều nơi. Mới đầu ở huyện Trực Ninh (Nam Định) rồi Vũ Tiên (Thái Bình) sau đảm nhiệm hai giáo xứ Kẻ Mèn, Bắc Trạch; tiếp đó qua huyện Giao Thủy coi họ Lục Thủy và Quất Lâm.

Một hôm ở Quất Lâm cha đang giải tội, bỗng giáo dân chạy vào báo tin lương dân đang lùng bắt ngài. Cha Tế vẫn bình tĩnh cầu nguyện giấy lát, rồi cứ tiếp tục giải tội. Sự bình tĩnh và bầu khí thiêng thánh của việc trao ban bí tích Hòa giải đã cứu cha. Những người vây bắt ngây người đứng nhìn một lát rồi rủ nhau giải tán.

• Mối dây oan nghiệt. . .

Mới đựơc hai năm hoạt động ngắn ngủi, cha Tế đã bị bắt ngày 03.08.1773. Theo sử sách, một nhà sư tên Tỉnh vốn ghét đạo Công giáo, lại múôn tìm cách làm tiền. Nhà sư đã đến xin phép quan huyện Giao Thủy, rồi đưa người đến vây bắt các đạo trưởng ở làng Trung Linh. May là các linh mục ở đây biết trứơc nên trốn đi hết, nhưng sau đó nghe tin có đạo trưởng Âu châu ở hõ Lục Thủy, nhà sư đem quân đến vây ngay lúc Cha Tế vừa dâng Thánh lễ xong. Để nguyện đường khỏi bị xúc phạm và giáo hữu khỏi liên lụy, cha tự nguyện ra nộp mình. Cha nói:

"*Các ông tìm bắt tôi, thì chính tôi đây. Xin hãy tha cho các tín hữu của tôi.*"

Khi nghe cha Tế bị giam giữ tại làng Thủy Nhai, giáo hữu của cha gom góp tiền đến gặp sư Tỉnh xin chuộc, nhưng nhà sư chế it và giữ cha tại nhà riêng mười ngày. Thấy thế, giáo hữu lên tỉnh trình quan và hứa sẽ hậu tạ nếu vị linh mục được giải thoát. Quan Trấn thủ Sơn Nam liền phái lính về Thủy Nhai bắt cả sư Tỉnh lẫn cha Tế. Vị sư này nhanh chân chạy thoát, lên tận kinh đô tố cáo với vua rằng: "*Quan Trấn thủ đã ăn hối lộ, và làng Lục Thủy chứa chấp Tây dương đạo trưởng*". Khi hay tin, quan trấn biết không thể tha cha Tế được nữa, nên đành cho áp giải cha về Thăng Long. Dọc đường cha lên cơn sốt rét trầm trọng, nhưng khi tới nơi, cha vẫn phải mang gông và bị tống giam vào ngục.

- **Năm tù đầy đầu tiên và bản án.**

Sau khi khỏi bệnh, cha Phanxicô Tế được đưa ra tòa hai ngày liền. Các quan đối xử tử tế với cha, nhưng dân chúng có người la ó, buông những lời khiếm nhã, có kẻ lấy que bẻ vụn, làm những hình Thánh Giá ném vào người cha. Cha bình tĩnh nhặt lên hôn kính và cất Thánh Giá vào túi, trong ngục, cha được linh mục Nghi giả làm thấy lang vào thăm bệnh, giải tội và trao Mình Thánh Chúa. Suốt năm cha Nghi cùng cháu của bà Kính vẫn ra vào thăm và tiếp tế. Qua những chứng nhân này, mọi người biết cha Tế luôn kiên nhẫn, bình tĩnh, không trách cứ than van và nhiều lần còn tỏ ý muốn được tử đạo nữa.

Ngày 10.07.1738, cha Tế bị đưa ra tòa cùng với nhà sư Tỉnh. Quan Trấn Sơn Nam Hạ khi áp giải cha về kinh đô, đã tố cáo nhà sư chứa chấp cha mười ngày trong nhà. Để chạy tôi, vị sư này đạp lên Thánh Giá, minh chứng mình không ủng hộ đạo Công Giáo. Về phần cha Tế khi các qua bắt cha bước qua Thánh Giá, cha trả lời: "*Tôi không thể phạm tội nặng ấy được.*" Các quan hỏi về ý nghĩa ảnh tượng Thánh Giá. Cha đáp: "*Ảnh này tượng trưng cuộc tử nạn của Con Thiên Chúa giáng sinh cứu chuộc loài người*". Các quan nói tiếp: "*Nhưng luật triều đình cấm giảng đạo này*". Cha trả lời: "*Chẳng ai có quyền cấm giảng đạo Thiên Chúa đã truyền loan báo cho mọi dân mọi nước. Ai cấm, tức là cướp quyền của Thiên Chúa*".

Các quan nghị án một lát, rồi tuyên án trảm quyết đạo trưởng Federich Tế, kết án sư Tỉnh và con trai phải phát lưu chăn voi. Ngày 12.09 bản án được Chúa Trịnh Giang phê chuẩn, nhưng vì nhà sư chạy chọt chống án ở nhiều nơi, nên bản án chưa được thi hành.

- **Lời Chúa không thể bị trói buộc.**

Thời gian sau đó, vì tình hình chính trị bất ổn, bản án của cha Tế bị lãng quên: Trịnh Doanh đảo chánh lật đổ anh; chiếm phủ chúa và tự phong là Minh Đô Vương (1740-1767); rồi Lê Hiến Tông lên ngôi lấy hiệu là Cảnh Hưng (1740-1786); giặc Lê Duy Mật nổi lên ở Thanh Hóa; dư đảng của nhà Mạc cũng nổi loạn ở Thượng du . . . Những biến cố dồn dập đó làm vua quan bận rộn đến nỗi quên mất "*tử tội*" của mình.

Lợi dụng hòan cảnh đó, cha Tế khéo léo xin phép, có khi mất tiền, để được đi lại trong thành Thăng Long thăm các tín hữu, trao ban bí tích và giảng đạo cho lương dân. Có gia đình hai chị em bà Gạo là ngoại giáo, đã vào xin quan cho cha Tế đến tá túc tại nhà mình. Chị bà Gạo mắc bệnh nan y, không thúôc nào chữa nổi, sau nhờ lời cầu nguyện của cha Tế được khỏi bệnh, nên xin rửa tội ngay. Còn bà Gạo, một thời gian sau mới xin tòng giáo lấy tên thánh là Rosa. Hai chị em sống đạo rất guơng mẫu.

Thấy cha Tế dễ dàng ra vào ngục như thế, Đức Giám mục Longer Gia ngỏ ý muốn đặt cha làm chánh xứ Kẻ Chợ (Thăng Long), nhưng cha từ chối, vì thấy rằng không chắc đươc dễ dàng mãi. Cha nói: "*Một tù nhân không thể coi sóc ai được*".

Từ ngày 30.05.1744, cha Tế có thêm một cộng sự viên rất đắc lực nữa, đó là linh mục Matthêu Alonso Liciniana Đậu cũng dòng Đaminh, bị bắt cách đó sáu tháng, đươc áp giải về Thăng Long và cùng bị giam một nơi. Niềm vui mừng xúc động dạt dào tả sao cho hết. Hai nhà thuyết giáo thăm hỏi, an ủi, khích lệ và bàn bạc với nhau, biến Thăng Long thành môi trường truyền giáo hợp tác với nhau làm mục vụ tông đồ.

- **Giờ phút vinh quang.**

Sau hơn bẩy năm tù và bẩy tháng đươc sống chung với người bạn đồng chí hướng, ngày 22.01.1775, cha Tế bị đem đi xử. Cha tỏ vẻ hân hoan, cảm ơn và giã biệt chị em bà Gạo, tạm biệt cha Liciniana Đậu và một số ân nhân, rồi thanh thản tiến

ra pháp trường. Riêng cha Đậu chỉ bị án chung thân, xin phép quan đi theo đưa tiễn. Thế nhưng khi đi ngang hòang cung, cha Đậu được tin mình cũng bị xử trảm với linh mục bạn.

Hai vị chứng nhân nhìn nhau vui sướng. Cả hai cùng tạ ơn Chúa, vì từ đây không bao giờ phải xa lìa nhau nữa. Tại pháp trường, giáo hữu cũng như lương dân có mặt rất đông đều tỏ lòng thương tiếc, cảm thông. Lý hình vừa chém rơi đầu hai vị, nhiều người òa lên khóc và ùa vào thấm máu hoặc lấy vật gì làm thánh tích.

Theo ý Đức cha Hilario Hy, thi hài hai cha được đưa về an táng tại nhà chung Lục Thủy. Vài ngày sau, Đức cha tổ chức thánh lễ tạ ơn long trọng, có đông đảo các cha dòng đến dự. Ngay khi đó mọi người đều tin tưởng hai đấng đã được lãnh triều thiên tử đạo, và bắt đầu chuẩn bị lập hồ sơ xin phong thánh.

Ngày 20.05.1906, các ngài được Đức Giáo Hoàng Pio X suy tôn lên bậc Chân phước.

Ngày 22 tháng 01

Thánh Matthêu ALONSO LICINIANA ĐẬU

Linh mục dòng Đaminh
(1702 – 1745)

• Đồng tử đạo tiên khởi của dất Việt

Ngày 22.01.1745, trên đường ra pháp trường ở ngọai ô Thăng Long, hai vị linh mục đồng hành: Cha Phanxicô Tế và cha Matthêu Đậu. Số phận hai nhà thuyết giáo này cho đến nay vẫn gắn liền với nhau. Hai người bạn thân với biết bao điểm tương đồng: từ đồng hương là Tây Ban Nha đến đồng dòng tu thánh Đaminh, tỉnh hạt Đức Mẹ Mân Côi. Rồi cả hai cùng đến giảng đạo tại địa phận Đông Đàng Ngoài, cũng bị bắt ở Lục Thủy, đồng lao cộng khổ với nhau ở trong tù. Thế mà trên đường ra pháp trường, một vị tươi cười, cha Phanxicô Tế, vì sắp đươc tử đạo, một vị vẻ mặt rầu rĩ, cha Matthêu Đậu, chỉ bị án chung thân và đi tiễn chân bạn mình. Vậy là giờ đây sắp phải chia tay nhau mãi mãi!

Khi đoàn hành hình đi ngang hoàng cung thì dừng lại. Một viên quan đại diện nhà vua đến báo tin: "*Đạo trưởng Đậu cũng phải chịu án chém đầu*". Niềm mong ước của cha Đậu đươc toại nguyện, và nhờ bản án đó, hai cuộc đời của hai chứng nhân đức tin đã nối chặt không bao giờ tách rời đươc nữa: đồng sinh đồng tử và cuối cùng đồng phúc vinh quang giữa hàng ngũ các Thánh Tử Đạo anh hùng. Và đặc biệt nhờ bản án

đó, cha Matthêu Đậu đựơc thành vị thánh đồng tử đạo tiên khởi trên đất nước Việt Nam.

• Viễn Đông vẫy gọi . . .

Matthêu Alonso Liciniana Đậu sinh ngày 26.10.1702 (trước thánh Phanxicô Tế bẩy tuần) tại Nava del Rey, Tây Ban Nha. Đáp lại tiếng Chúa kêu mời, cậu Alonso đã dâng hiến tuổi thanh xuân cho Đức Kitô trong tu viện Santa Cruz do chính thánh Đaminh lập ở Segovia (năm 1218), thành phố còn lưu dấu nhiều di tích của Thánh Tổ Phụ. Tại đây Alonso đã tuyên khấn, học thần học và thụ phong linh mục.

Thời gian này, tỉnh hạt Đức Mẹ Mân Côi phái người đến các tu viện cổ động và tìm người truyền giáo ở Viễn Đông. Tình hình truyền giáo quá thiếu người. Thí dụ tại Bắc Việt, không kể Đức Cha Sextri Tri, dòng chỉ còn bốn vị. Năm 1728, ba vị linh mục gởi đến đây đã bị đắm tàu chết hết [(1)]. Cha Alonso và 23 tu sĩ Tây Ban Nha đã đáp lời mời đi tầu đến Manila vào tháng 11 năm 1730. Tháng 2 năm sau, cha cùng với hai linh mục Phêrô Ponsgrau Bằng và Micae Pajares đi Macao để đến Việt Nam. Cuộc hành trình sóng gió hiểm trở kéo dài mười một tháng, cha Pijares lâm bệnh phaỉ trở về. Hai vị còn lại đến Trung Linh ngày 18.01.1732 trong niềm vui lớn của địa phận Đông Đàng Ngoài.

[(1)] Các cha Sebastiano Bartere, Luis Agnado, Xem BÙI ĐỨC SINH, "Dòng Đa Minh. .. Việt " Q.I tr 68.

Trên một địa phận rộng lớn với số nhân sự quá ít ỏi, cha Matthêu Đậu phải di chuyển và phục vụ nhiều nơi. Sau thời gian học tiếng ở Trung Linh, cha truyền giáo ở Sơn Nam Thượng, hoạt động trong các huyện Kim Động, Tiên Lữ, Thần Khê (Hưng Yên), rồi các huyện Thanh Quan, Vũ Tiên (Thái Bình) và sang cả Nam Chân, Giao Thủy, Xuân Trường (Nam Định). Các giáo xứ lớn đã được cha chăm sóc là Trung Lao, Tiên Chu, Kẻ Hệ và Lai Ổn. Sức khỏe của cha không được tốt lắm, dáng người mảnh khảnh, ốm yếu nhưng cha đã vượt qua mọi gian khổ và luôn kiên trì hoạt động không ngơi nghỉ.

• Cuộc thử thách. . .

Tháng 11.1743 đang ở Lai Ổn, thấy tình hình không mấy bình an, cha liền di chuyển qua Lục Thủy Hạ, trú trong nhà ông trùm Độ. Chẳng may trong làng có một tín hữu đã bỏ đạo theo tên Đạt biết được và đi báo với quan. Sáng ngày 29.11, quân lính đến vây làng Lục Thủy, ập vào nhà đang lúc cha cử hành thánh lễ. Các giáo hữu sợ hãi chạy tán loạn. Cha Đậu vì bất ngờ cũng hoảng hốt bỏ chạy, tay ôm bình Thánh và rước hết Bánh Thánh. Nhưng không kịp nữa rồi, quân lính đuổi theo bắt cha lại, và đánh đập cách tàn nhẫn. Họ túm vào vật cha xuống đất, kẻ bức tóc, xé áo, người nhổ râu, xỉ vả chế diễu. Một người lính cầm giáo đâm sượt ngang hông, máu chảy loang đỏ trên bộ áo dòng trắng, khiến cha tưởng giờ chết sắp đến, miệng thầm kêu tên cực trọng Giêsu-Maria. Cùng bị bắt với cha có ba thầy giảng Đaminh Sĩ, Đaminh Đậu, Ignatio Quý và hai giáo hữu trong xứ. Tất cả được giải lên quan trấn thủ Sơn Nam bấy giờ là Lê Văn Phượng. Quan chỉ giữ lại cha Đậu và thầy Quý, còn tất cả được trả về tự do.

Sau ba lần ra tòa, với nhiều cách thức nạt nộ, đe dọa, dụ dỗ hoặc tra tấn, quan trấn thủ không thể làm cha Đậu và thầy Quý chối bỏ đức tin. Ngày 21.12 quan hỏi cha có biết lệnh vua cấm giảng đạo không? Cha đáp: "*Chính vì cấm, tôi mới phải ẩn trốn chứ*". Quan liền thảo bản án trảm quyết cha Đậu, còn thầy Quý thì phát lưu thảo tượng (chăn voi) suốt đời.

Nhưng sau đó, nhờ sự can thiệp của một viên quan thiện cảm với đạo, án của cha được đổi thành chung thân, còn thầy Quý được tha bổng sau khi nộp cho quan một món tiền. Ngày 30.05.1744, quân lính áp giải cha về Thăng Long và giam chung với linh mục Phanxicô Tế đã bị bắt từ năm 1737, đã có án trảm quyết, nhưng vì tình hình chính trị nên chưa bị đem đi xử.

• Cùng sống, cùng chết, cùng vinh phúc.

Thật tả sao cho xiết niềm vui thiêng liêng được gặp lại nhau của hai anh em cùng dòng, lại cùng tuổi trong cảnh tủ tội này. Từ nay các vị không còn đơn độc nữa. Hai anh em hân hoan chia sẻ cho nhau những tâm tư thao thức, ôn lại những kỷ niệm, trao đổi bàn bạc việc tông đồ và cùng nhau cầu nguyện. Chỉ sau vài ngày với một ít tiền bạc, cha Đậu cũng đực tự do đi thăm và giúp đỡ các tín hữu trong vùng. Vào lễ Chúa Ba Ngôi năm 1744, cha Tế dâng lễ, cha Đậu giúp lễ. Nhưng một khung cảnh đẹp đáng ghi nhớ hơn, và có lẽ là trường hợp duy nhất trong hạnh các Thánh tử đạo, đó là ngày 04.06 năm ấy, lễ Mình Thánh Chúa, sau sáu tháng tù không có cơ hội, nay cha Đậu được dâng một thánh lễ âm thầm nhưng ấm cúng trong tù với sự tham dự của 130 giáo hữu Thăng Long. Bảy tháng tù ở kinh đô đã trôi qua thật êm ả, hai vị linh mục vẫn tiếp tục loan

báo Tin Mừng, giải tội, rửa tội, xức dầu và an ủi khích lệ các tín hữu. Riêng cha Đậu trong bẩy tháng đã rửa tội 55 người, trong đó có 22 người lớn và giải tội cho 620 hối nhân.

Ngày 22.01.1745 có lệnh đưa cha Tế đi xử trảm. Án của cha Đậu vẫn như cũ là án chung thân. Cha buồn rầu hết sức, và năn nỉ xin phép quan cho đi tiễn chân bạn đến pháp trường. Khi đi ngang hòang cung, đoàn người dừng lại, một viên quan sau khi đọc bản án của cha Tế và đọc tiếp: *"Matthêu cũng là đạo trưởng Hoa Lang đã bị án chung thân, nay bị kết án xử trảm*".

Thế là cuối cùng cha Đậu được toại nguyện. Tại pháp trường quân lính chặt tháo xiềng xích ở chân tay hai cha, vô tình làm máu chảy khá nhiều. Các tín hữu đến tận nơi hôn xiềng xích và xin các cha cây Thánh Giá ở tay làm kỷ vật đang khi bị trói vào cọc. Hai linh mục bị chém cùng một lúc trong sự thương cảm của những người đến dự, dù giáo hay lương. Có sử liệu ghi nhận: một cụ bà Phật tử ở đó lâm râm cầu Trời khấn Phật cho hai cha thoát chết. Khi đầu hai vị tử đạo rơi xuống đất, nhiều người khóc nức nở và xông vào thấm máu hoặc tìm vật kỷ niệm.

Cha Bề Trên dòng Phêrô Ponsgrau Bằng, người đã đến Việt Nam cùng ngày với cha Đậu, cử hai thầy giảng Điều và Luận, cùng ít giáo hữu tìm cách rước thi hài các tôi trung đức tin về nhà tràng Lục Thủy. Giáo hữu ba xứ Bùi Chu, Trung Linh, Trung Lễ gặp nhau và tranh quyền an táng các ngài ở nhà thờ mình. Cha chính phải can thiệp để họ vui lòng nhường

cho nhà chung. Mấy ngày sau, Đức Cha Hilario Hy dâng lễ tạ ơn, có các cha dòng và rất đông đảo giáo dân tham dự.

Đức Thánh Giáo Hoàng Pio X suy tôn hai cha Phanxicô Federich Tế và Matthêu Liciniana Đậu lên bậc Chân Phước ngày 20.05.1960.

Ngày 30 tháng 01

Thánh Tôma KHUÔNG

Linh mục dòng ba Đaminh
(1780 – 1860)

• Vì Chúa bỏ vinh quang.

Đọc lịch sử Giáo Hội, chúng ta thấy không lạ gì mẫu gương của Thánh Phanxicô thành Assie hay thánh Tôma thành Aquinô đã từ bỏ dòng dõi quí tộc giầu sang để vâng nghe tiếng gọi của Thiên Chúa, đã theo gương Chúa Kitô, Thầy Chí Thánh, Đấng Chủ Tế muôn loài chấp nhận trở nên nghèo khó không chốn nương thân để loan báo Tin Mừng Cứu Độ. Thánh Tôma Khuông cũng vậy, ngài đã quên đi dòng dõi quyền quí sang trọng, để theo tiếng Chúa kêu gọi và trở thánh chứng nhân cho Đức Kitô, chứng nhân cho một tôn giáo mới mẻ đối với dân tộc Viêt Nam, một tôn giáo bị miệt thị và chịu bách hại nặng nề. Quả thật, chí có Thiên Chúa mới khiến được cha hy sinh như thế. Và cũng thực quí báu biết bao tấm lòng của cha đã sẵn sàng đáp lại tiếng kêu gọi đó, đến nỗi hiến dâng chính mạng sống mình cho tình yêu Thiên Chúa.

• Phản đối bạo động.

Tôma Khuông sinh khoảng năm 1780 (thời Trịnh Nguyễn) tại làng Nam Hòa xứ Tiên Chu, tỉnh Hưng Yên. Con đường danh vọng rộng mở cho cậu bé thông minh xuất sắc này,

vì cha cậu đã từng làm Tuần phủ ở Hung Yên. Nhưng cậu đã nghe theo tiếng gọi linh thiêng và xin vào nhà Đức Chúa Trời. Sau đó cậu theo học tại chủng viện và thụ phong linh mục.

Trong trách nhiệm coi sóc các linh hồn, cha Khuông nổi tiếng là một linh mục khôn ngoan, thánh thiện, khéo giao thiệp và nhiệt thành với sứ vụ truyền giảng Tin Mừng. Sống trong địa phận dòng Đaminh đảm trách, cha Khuông muốn liên kết sâu xa hơn với dòng, cha đã gia nhập dòng ba Đaminh và cổ động nhiều giáo hữu cùng tham gia để thánh hóa đời sống mỗi ngày.

Trải qua ba thời bách hại của các vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, cha Tôma Khuông đã khôn khéo thân thiện với quan chức địa phương để có thể tiếp tục thi hành việc mục vụ. Nhiều lần cha bị bắt giữ, nhưng nhờ những quan hệ này, cha đươc trả tự do. Tuy nhiên từ năm 1858, cuộc bách hại của vua Tự Đức gia tăng mãnh liệt, công việc của cha phải gặp khó khăn hơn nhiều. Áp lực của quân Pháp đã khiến vua Tự Đức tức giận và nghi ngờ giới Công Giáo tiếp tay với thực dân, nên thẳng tay đàn áp họ. Một vài làng Công Giáo có tổ chức một số thánh niên để tự vệ trước sự càn quét của quân lính nhà vua. Cha Khuông khi đó đã gần 80 tuổi, hoàn toàn không hưởng ứng chủ trương này. Năm 1859, thấy một số giáo dân Cao Xá tổ chức võ trang, cha liền ngăn cản và quyết định lánh sang đại phận Đông Đàng Ngoài (Hải Phòng). Quyết định này đã khiến cha bị bắt và được lãnh phúc tử đạo.

Khi cha đến đầu cầu làng Trần Xá, cha thấy quân lính đã đặt sẵn ờ đó một Thánh Giá buộc mọi người đi qua phải đạp lên. Là một linh mục của Chúa Kitô, cha nhất định quay lưng trở lại tìm một lối đi khác. Thái độ dứt khoát đó khiến quân lính nhận ra và chặn cha lại. Khi cha khẳng khái từ chối việc bước qua Thánh Giá, lính liền bắt trói cha cùng với người tín hữu đi theo cha.

Sau 15 ngày giam giữ, cha Tôma Khuông và bốn giáo hữu khác có địa vị, đươc áp giải tới quan Tổng đốc xét xử. Quan tìm mọi cách ép buộc cha làm nhân chứng tố cáo: Những người Kitô hữu ở Cao Xá thông đồng với tầu Pháp – Tây Ban Nha đang bỏ neo ngoài cửa biển, âm mưu nổi loạn chống lại nhà vua. Cha Tôma khẳng khái trình bầy lập trường của Giáo Hội: "*Đạo Công Giáo không những cấm các tín hữu chống đối chính quyền, mà còn khuyến khích họ cầu nguyện và góp phần giúp quê hương được an ninh thịnh vượng*".

Bấy giờ quan không nói gì đến vấn đề này nữa, chỉ bắt cha bỏ đạo, bước qua Thập Giá và yêu cầu cha khuyên các tín hữu khác làm như vậy để được tự do trở về nhà. Khi đó người tôi trung của Chúa trả lời: "*Tôi nay đã 80 tuổi rồi, lại là linh mục Công Giáo, tôi luôn luôn nhắc nhở các tín hữu trung thành giữ đạo thánh Chúa. Giờ đây nếu tôi khuyên họ chối đạo thì tôi thật bất xứng và chẳng đáng làm linh mục. Tôi và các bạn tôi không mong ước gì hơn là được hy sinh mạng sống vì đạo thánh Chúa.*"

• Thánh Giá và vinh quang.

Lòng khao khát mong mỏi trên của vị anh hùng đức tin đã được thể hiện. Án trảm quyết do quan Tổng đốc đệ vào kinh được vua Tự Đức chuẩn y. Và ngày 30.01.1860 cha Tôma Khuông bị điệu ra pháp trường Hưng Yên. Trên đường tới đồi Canvê của mình, mọi người thấy người cha già khả kính chống cây gậy mà cha đã cẩn thận cột thêm một thanh ngang cho giống hình Thánh Giá, bước đi chậm rãi. Cha vui vẻ chào giã biệt những người đang ngậm ngùi thương tiếc tiễn đưa.

Cây Thnáh Giá, biểu tượng suốt đời cha đã tin tưởng và công bố; cây Thánh Giá mà cha không bao giờ chà đạp, cho dù phải chịu muôn nỗi gian khổ và cả cái chết, thì giờ đây, với cách biểu hiện rất đơn giản đó, cha múôn nói với mọi người rằng: Cho đến phút cuối cùng của cuộc đời, Thánh Giá vẫn mãi mãi là niềm an ủi và là chỗ dựa vững chắc cho người Kitô hữu. Đến nơi xử, cha Khuông quỳ gối trang nghiêm cầu nguyện trúơc cây Thánh Giá đó, rồi cúi đầu lãnh nhận lưỡi gươm đem lại vinh phúc ngàn thu.

Ngày 29.04.1951 cùng với 24 vị tử đạo khác tại Việt Nam, cha Tôma Khuông được Đức Thánh Cha Pio XII suy tôn lên hàng Chân Phước.

UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

Thánh THÉOPHANE VÉNARD VEN

Ngày 02 tháng 02

Thánh Gioan Théophane VÉNARD VEN

Linh mục Thừa Sai Paris
(1829 – 1861)

• Nụ cười bất tận.

Tạp chí "Những Người Ra Đi" [(1)] số dành riêng cho Hội Thừa Sai Paris đã phác họa chân dung vị Thánh Tử Đạo trẻ trung, linh mục Théophane Vénard Ven như sau:

"Phải nói rằng khi anh chào đời, một đóa hồng nở trên môi, một cánh chim cất tiếng líu lo bên tai. Bởi vì khi anh diễn tả ý mình, lời anh trán ngập những hình ảnh dễ thương dịu dàng, duyên dáng. Những mối tình thân từ thuở thơ ấu, cũng như sau này, anh vẫn duy trì bền vững ngày càng đậm đà, ngọt ngào và thánh thiện.

"Đới anh la một bài ca trong lúc vui, lúc buồn. Từ những biến cố thời học sinh cho đến lòng sốt sắng khi gia nhập hàng tư tế. Anh hát lên khi rời đất Pháp, anh hát lên khi thấy dất Việt Nam. . .

"Trong những lá thư dài và thường xuyên, anh kể lại cho gia đình từng chi tiết anh gặp tring đời. Đối với anh, đời tông đồ

---

(1) Bulletin des Partants, tr 440, số 14. Launay III, tr. 419.

sao mà thoải mái,vui tươi, dễ yêu đến thế! Anh thi vị hóa tất cả: Với anh, việc cực nhọc thành nhẹ nhàng, gánh nặng nên nhẹ nhõm, bệnh tật không làm anh nản chí, anh coi như cơ hội thưởng nếm những giây phút nghỉ ngơi, các cuộc hành trình qua đồng lấy, núi cao hay trên đượng sỏi đá, anh diễn tả dưới mầu sắc tươi mát như những buổi đi dạo mùa xuân. Anh quả là cây huệ có sức mạnh của cây sồi.

"Chúng ta chỉ có thể đoán ra những cực hình anh chịu, vì anh mô tả chúng đằng sau những cánh hoa kỳ diệu, mà anh không ngừng gieo trồng, tung vãi mọi nơi cho đến khi nhắm mắt lìa đời. Những đóa hoa đó nở rộ trong công việc của anh, nở trong những cực hình, nở trong cũi gỗ, nở trên những dụng cụ tra tấn và nở ngay trên mảnh đất thấm máu đào của anh. Quan tòa cũng trở thành bạn hữu, lý hình cũng phải tỏ lòng ngưỡng mộ. Đối vớianh, nhát gươm chém đầu định mệnh chỉ là "ngắt nhẹ cánh hoa tuyển lựa để tranh hòang bàn thờ". . ."

• Tìm viên ngọc Viễn Đông.

Gioan Théophane Vénard sinh ngày 21.11.1829 tai Saint Loup sur Thouet, thuộc thị trấn Deux Sèvres, nước Pháp. Thân phụ là ông Gioan Vénard, thân mẫu là bà Marie Gueret. Vénard ảnh hưởng rất nhiều nơi thân phụ. Chính ông dậy dỗ va gợi lên trong cậu ước nguyện làm linh mục. Cũng chính ông gửi gắm cậu cho cha xứ để học tiếng Latinh. Năm 14 tuổi, thân mẫu cậu qua đời, chị Mélanie trở thành người bảo mẫu hiền dịu, đã cùng với thân phụ săn sóc, khích lệ cậu vượt qua mọi khó khăn thời chủng viện và thư từ thường xuyên với linh mục Vénard trên bước đường truyền giáo sau này.

Mãn khóa triết học tại Mont Morillon, thầy Vénard đươc chuyển qua giáo phận Poitiers tiếp tục khóa thần học (1848). Qua các thư từ gửi cho thân phụ, ta biết thầy Vénard tại Poitiers đã thao thức nhiều về việc truyền giáo. Do đó, ngay sau khi lãnh chức phó tế, thầy xin gia nhập Hội Thừa Sai địa phận. Năm 1852, thầy được Đức Cha Pio phong chức linh mục. Vị tân linh mục nôn nao chờ ngày được phái đến Việt Nam.

Ngày 23.09.1852, cha xuống tầu ở cảng Anvers để thế chân một thừa sai mới bị trục xuất khỏi Việt Nam. Sau bốn tháng rưỡi bập bềnh trên biển cả, cha Vénard tới Singapour. Nơi đây cha gặp bốn chủng sinh Việt Nam với những xúc động sâu xa, vì cha coi họ là anh em của những vị tử đạo. Sau đó cha được đưa đến Hồng Kông chờ cơ hội. Ở đây, cha nỗ lực học thêm tiếng Hán. Trong một lá thư viết từ Paris, cha Darran nói với cha Vénard rằng: "*Thưa cha, viên ngọc quý Việt Nam được trao cho cha rồi đó*". (02-1854).

Ngày 13.07.1854 cha cập bến cửa Cấm, và đươc tiếp đón cách long trọng tại tòa giám mục Vĩnh Trị, trụ sở Đức Cha Retord Liêu đang phụ trách địa phận Tây Đàng Ngoài. Sau vài tháng học tiếng, cha tháp tùng Đức Cha đi kinh lý các nơi và dậy học ở chủng viện. Đầu tháng 3-1857, viên tri huyện Vĩnh Trị là bạn thân Đức Cha Retord, trước khi đem quân đến vây bắt, ông đã báo tin cho biết, nhờ đó Đức Cha, cha Vénard Ven và cha Charbonnier chạy thoát (cha Lê Bảo Tịnh ra trình diện). Từ đây, bắt đầu những ngày lưu lạc của cha Ven, nay đây mai đó không lúc nào yên ổn.

• Tù tội vì yêu thương.

Ngày 30.11.1860, nhân lúc cha đang ở Kẻ Bèo, viên cai đội đem năm sáu chiếc thuyền chở khoảng 20 người đến vây bắt cha. Cha liền trốn giữa vách đôi của căn nhà. Cai đội thét lớn tiếng: "*Tây dương đạo trưởng đâu? Ra đây ngay!*" . Thầy giảng Phêrô Khang tìm cách nói tránh đi: "*Ở đây chỉ có tôi thôi. Ông cai thương, tôi được nhờ, ông cai bắt, tôi đành chịu*". Vì đã được mật báo, viên cai đội cho lệnh trói thầy, rồi đi thẳng tới vách nhà vị thừa sai đang ẩn và đập thật mạnh bật tung miếng ván che ra, bắt cha Ven nhốt vào cũi giải về Thăng Long (Hà Nội). Trong những ngày chờ đợi, một viên phó Tổng trấn đối xử với cha cách lịch sự. Ông cho đóng một chiếc cũi rộng hơn một chút và trói cha bằng một sợi xích nhẹ nhất. Thỉng thoảng còn mời cha lên phủ ăn cơm như người tự do. Nhưng thời gian đó kéo dài không được bao lâu.

Trong lá thư gởi cho gia đình, qua chị Mélanie, cha kể:
"Em đã đến Kẻ Chợ (tên cũ của Hà Nội). Cả nhà thử tưởng tượng coi: Ngồi bó gối trong cũi gỗ, tám người lính khiêng hai bên, đám đông dân chúng ồn ào bu lại nhìn xem. Em nghe họ nói: "Chàng Âu châu này dễ thương quá. Anh ta thản nhiên và vui tươi như đi dự lễ tiệc, chẳng tỏ vẻ gì là sợ hãi cả". Em cầu nguyện với Nữ Vương các Thánh Tử Đạo, xin Đức Mẹ thương phù trợ cho người tôi tớ nhỏ bé của Mẹ. Mới đầu quan tòa cho em uống một chén trà. Em vẫn bị ngồi cũi nhưng uống cách hồn nhiên. Rồi quan tra hỏi như thường lệ:

-Anh đến An Nam để làm gì?

-Tôi đến đây chỉ để chỉ giảng đạo thật.

-Anh bao nhiêu tuổi rồi?

-Thưa, ba mươi mốt.

Viên quan tỏ vẻ thương cảm thốt lên: "Hắn còn trẻ quá!". Rồi ông hỏi: "Ai sai anh đến đây?" Em đã đáp: "Không phải vua quan đất Pháp gởi tôi đi. Tôi muốn đi rao giảng đạo lành cho mọi người, và các Bề Trên trong đạo gởi tôi đến Việt Nam".

Khi viên quan muốn gán cho cha tôi xâm lược của Pháp, cha khẳng khái trả lời:

-Không bao giờ chúng tôi ủng hộ quân viễn chinh đâu. Nếu không tin, xin cứ để tôi đến gặp họ, tôi sẽ khiển trách việc họ đến gây chiến. Nếu tôi thất bại, xin tình nguyện về đây nộp mạng.

-Hãy đạp lên Thánh Giá, anh sẽ thoát chết.

-Tôi đã suốt đời thuyết giảng về đạo Thập Giá, sao tôi làm như thế được? Tôi thiết nghĩ sự sống đời này đâu quá quý, đến độ tôi phải mua nó bằng cái giá bội giáo.

Ngày 03.01.1861, cha viết thư cho Đức Cha Theurel:

"*Gươm đã kề sát bên cổ mà con chẳng rùng mình chút nào. Thiên Chúa nhân lành đã hỗ trợ sự yếu đuối của con, nên con thấy vui mừng. Thỉng thoảng con lại cất cao tiếng hát trong cung điệu này:*

Lạy Mẹ dấu yêu
Xin thương đặt con
Trong Quê đời đời
Bên thánh nhan Người.

Lạy Mẹ Vô Nhiễm! Khi đầu con rơi xuống dưới lưỡi gươm của lý hình, xin nhận lấy tôi tớ nhỏ bé như trái nho chín được hái, như bông hồng nở rộ được ngắt về dâng kính Mẹ. AVE MARIA".

Nhờ một giáo hữu tên Hương dẫn lối, linh mục Thịnh đã đến bên cũi của vị thừa sai giải tội cho cha. Sau lại nhờ một bà đạo đức chuyển cho cha một hộp nhỏ đựng Mình Thánh Chúa. Cha Ven cung kính chầu Thánh Thể cho đến nửa đêm, rồi mới chịu lễ. Một lần khi trao Mình Thánh bị phát hiện, bà này đã nhanh miệng giải thích là thuốc bổ để trị bệnh.

• Ngàn thu vinh phúc.

Ngày 02.02.1861, nghe quan tuyên đọc bản án trảm quyết, cha Ven liền mặc áo lông cừu trắng toát mà cha may riêng để mặc ngày tử đạo. Cha muốn mặc trang phục đại lễ. Một toán lính độ 200 người và hai sĩ quan cỡi voi áp giải vị anh hùng đức tin ra pháp trường. Suốt nửa giờ hành trình, cha không ngừng hát thánh ca, và kết thúc bằng lời kinh "*Magnificat*", lời kinh tạ ơn của Đức Mẹ thuở xưa. Tới nơi đã định, lính tháo gông cùm cho cha. Cha liền đứng trên chiếc chiếu đã đươc trải sẵn, và nhìn khắp tứ phía có ý tìm cha Thịnh để lãnh ơn thứ tha lần cuối. Nhưng cha Thịnh vì không rõ giờ hành quyết nên chưa đến.

Một lý hình thấy chiếc áo cha mặc đẹp quá nên tình nguyện chém cha. Anh ta nói dối rằng anh phải xử lăng trì để cha cởi áo ra cho nó lấy. Hắn còn đòi đút tiền để chém sao cho mau chết. Vị anh hùng chỉ cười và nói: "*Có hề chi đâu, càng lâu càng tốt.*" Rồi đưa tay cho hắn trói vào cột. Ba hồi chiêng trống vừa dứt, lý hình vung gươm chém lần thứ nhất, gươm trượt qua một bên vào má. Nhát gươm thứ hai, y bổ đầu cha ra làm đôi. Năm đó, cha Ven mới 32 tuổi.

Các giáo hữu phải nộp tiền để xin an táng thi hài và chuộc lại y phục của cha. Còn thủ cấp cha bị bêu trên cây ba ngày rồi thả trôi sông, sau các người thuyền chài vớt được đem về tôn kính. Năm 1865, hài cốt vị tử đạo được chuyển về an táng tại chủng viện Thừa Sai Paris.

Ngày 02.05.1909, Đức Thánh Cha Pio X suy tôn cha Gioan Théophane VÉNARD VEN lên bậc Chân Phước. Thánh nữ Têrêsa Hài Đồng rất ngưỡng mộ đời sống và những suy tư của cha Vénard. Thánh nữ đã trích dẫn nguyên đoạn văn cha viết cho phụ thân, rồi tiếp:

"Tư tưởng và tâm hồn của tôi cũng giống như tư tưởng và tâm hồn của ngài."

Ngày 13 tháng 02

Thánh Phaolô LÊ VĂN LỘC

Linh mục
(1830 – 1859)

- **Nỗi đau thương.**

Phải giải tán chủng viện Thị Nghè. Đó là một quyết định đau lòng đối với cha Giám đốc Lê văn Lộc. Nhưng biết làm sao hơn được? Tình hình Giáo Hội hết sức khó khăn. Quan quân đang truy bắt những người theo đạo Công Giáo. Hai năm coi sóc tiểu chủng viện, thời gian tuy ngắn ngủi, nhưng ý thức trách nhiệm của cha Lộc đối với Giáo Hội thật lớn, và tình thương của cha đối với các chủng sinh thật thắm thiết. Cha không đành lòng bỏ rơi những người con thân yêu này. Trong tình thế khó khăn đó, để cứu lấy mạng sống mình, chủng viện phải giải tán, nhưng việc huấn luyện vẫn không thể ngừng. Cha Phaolô Lộc tìm cách trốn tránh quanh vùng Sàigòn, Gia Định, khi thì ở với các chủng sinh, khi ở một mình, nhưng vẫn tìm cách tiếp tục công việc huấn luyện các mầm non của Giáo Hội. Chính sứ mạng cao quý này đã đứa cha đến phúc tử đạo, một vinh hạnh lớn lao cho chủng viện Thị Nghè (Sàigòn).

- **Ngược dòng thời gian.**

Phaolô Lê văn Lộc sinh năm 1830 tại làng An Nhơn, tỉnh Gia Định trong một gia đình đạo đức. Mồ côi cha mẹ từ năm

mười tuổi, cậu Lộc được cha sở nhận nuôi và cho theo học tại chủng viện Cái Nhum trong hai năm. Năm 1843, Đức cha Lefèbre Nghĩa gửi cậu sang học thần học tại Pénang. Cậu được các giáo sư viết thư về Giám mục địa phận khen là người tương lai đầy hứa hẹn.

Trở vế nước, thầy Phaolô Lộc tận tâm giảng dậy giáo lý và phụ trách việc huấn luyện cho các chủng sinh. Ngày 07.02.1857, thầy được Đức Cha Nghĩa truyền chức linh mục và được bổ nhiệm làm Giám đốc tiểu chủng viện Thị Nghè. Ngoài việc chăm sóc, giảng dậy các chủng sinh, cha Lộc vẫn cố gắng thu xếp những giờ làm công tác mục vụ, bác ái. Có sử liệu ghi nhận trong khoảng một năm, cha đã dẫn về đoàn chiên Giáo Hội hơn 200 tân tòng.

Trong tình thế khó khăn dưới thời vua Tự Đức như thế, nhiều quan chức ác cảm với đạo, nhưng cha Lộc vẫn hăng say làm việc, duy trì chủng viện được hơn một năm. Tháng 07.1858, mười bốn chiến thuyền Pháp đổ bộ lên cửa Hàn tỏ dấu khiêu khích. Đô Đốc Rigault de Genouilly ngây ngô chờ quân Công Giáo trợ lực. Ông không biết rằng người Công Giáo Việt Nam lúc đó không ưa gì ngoại xâm, như chúng ta thấy trong chuyện Thánh Phanxicô Trung, họ không bỏ Chúa, nhưng cũng không phò Tây. Họ tích cực xin đăng ký vào quân đội triều đình để chống Pháp. Thế mà các quan chức Việt Nam tức giận cho rằng các tín hữu Kitô cấu kết với ngưới Pháp, nên quyết định bắt giết các đạo trưởng trước khi quân xâm lược đến. Thế là chủng viện Thị Nghè phải giải tán. Cha con phải ngậm ngùi chia tay. Tuy nhiên, cha Lộc vẫn cố nán lại Sàigòn nay đây mai đó để gần gũi, hướng dẫn các chủng sinh của mình.

• Trên con đường khổ giá.

Cuối năm 1858, cha Lộc đến tạm trú ở nhà một cựu chủng sinh (thầy giáo Ngôn). Dầu khó khăn nguy hiểm, cha tìm cách tiếp tế cho các chủng sinh bị lưu lạc. Việc đó đưa cha vào vòng lao lý: Một phụ nữ ngoại giáo thấy cha, liền báo cáo với quan quân. Họ liền đến bao vây, lục xét và bắt được cha ngày 13.12 năm đó.

Khi bị bắt, cha Lộc khéo léo trả lời, nên các quan đối xử với cha cách tử tế, lại còn có ý định tha nếu cha chối đạo. Đầu năm 1859, thấy không thể chiếm đươc Huế, thêm vào đó 200 lính viễn chinh Pháp chết vì bệnh dịch tả, tướng Pháp quyết định chuyển hướng đưa quân vào chiếm tỉnh Gia Định theo lối cửa Cần Giờ. Khi quân Pháp bắn phá Sàigòn, các quan liền cấp tốc tâu vua cho trảm quyết cha Phaolô Lê văn Lộc.

• Đến vinh quang.

Ngày 13.02.1859, cha Lộc bị điều ra Trường Thi, bây giờ là góc đường Hai Bà Trưng-Xô Viết Nghệ Tĩnh, và bị hành quyết tại đó.

29 tuổi đới, hai năm linh mục, bản án vội vã gấp rút, cũng như chính cuộc đời của cha đã kết thúc thật ngắn ngủi. Ngắn ngủi nhưng thiết tha, ngắn ngủi nhưng hết sức đậm đà tình yêu và trách nhiệm. Cuộc đời vắn vỏi nhưng đã được thánh hiến bằng chính máu đào của mình. Thật xứng đáng để được đón nhận vào nơi trường sinh. Cha Phaolô Lộc bước vào cuộc sống vĩnh cửu là thế.

Phải chờ đến đêm, giáo hữu mới lên đưa thi hài vị tử đạo (vẫn bị trói ở cột) về mai táng ở họ Chợ Quán, sau được cải táng về dòng Thánh Phaolô, Sàigòn. Hiện nay hài cốt của thánh nhân được lưu trữ tại Vương Cung Thánh Đường Sàigòn.

Đức Thánh Cha Pio X suy tôn Chân Phước cho cha Phaolô Lê văn Lộc ngày 02.05.1909.

Ngày 11 tháng 03

Thánh Đaminh CẨM

Linh mục dòng ba Đaminh
(? – 1859)

- **Trên đường nhiệm vụ.**

Đi bất cứ nơi nào khi trách vụ đòi hỏi.
Đó phải chăng là kỷ luật một người lính? – Như vậy thì cha Cẩm đích thực là một "*người linh*" của Chúa Kitô, chiến đâu cho tình thương.

Đó phải chăng là đức tính của một người tôi trung? – Cha Cẩm cũng đúng thực là một người đầy tớ khôn ngoan và trung thành "*đúng giờ phân phối gạo cho gia nhân*", và luôn "*cầm đèn sáng chờ đợi chủ về*".

Đi bất cứ nơi nào khi trách vụ đòi hỏi. Điều đó có vẻ đơn giản quá, bình thường quá, chưa có nét gì lá một cuộc ra đi "*vĩ đại*", một cuộc lên đường "*đảo lộn*" cuộc đời. Thế nhưng nó vẫn là một cuộc lên đường thực sự trong từng công việc bình thường, và nếu như cái vẻ ngoài bình thường của một cuộc lên đường còn chưa bộc lộ được hết tấm lòng cương quyết, trung kiên của một người lính, một cuộc đời tôi trung thì trong cuộc đời cha Cẩm, chính cái chết, phải, chinh cái chết đã làm trọn tất cả, bộc lộ được tất cả những gì cao đẹp nhất của những lần lên đường, vì thật ra nó chỉ là một cuộc lên đường duy nhất về NHÀ CHA.

• Linh mục nhiệt thành.

Đaminh Cẩm sinh tại làng Cẩm Giàng (hay Cẩm Chương), xứ Kẻ Roi, tỉnh Bắc Ninh (nay là Hà Bắc gồm hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang). Vì thông minh sắc sảo từ nhỏ, nên cậu Đaminh Cẩm đã được thâu nhận vào nhà Chúa. Sau khi mãn khóa thần học, thầy Cẩm được lãnh chức linh mục. Vị linh mục trẻ trung này chẳng bao lâu đã xin gia nhập dòng ba Đaminh. Cha rất nhiệt thành với việc tông đồ, và đực Bề trên cũng như mọi người quý mến.

Năm 1848, khi Tòa Thánh chia địa phận Đông Đàng Ngoài thành hai địa phận Đông (Hải Phòng) và Trung (Bùi Chu) thì cha Đaminh Cẩm tuy sinh quán Bắc Ninh (thuộc địa phận Đông) lại đực cử phục vụ ở địa phận Trung có số tín hữu đông gấp ba lần. Tại đây, khi cuộc bách hại trở nên gay gắt, vì lợi ích của giáo dân, cha phải ẩn trốn hết nơi này đến nơi khác. Nhưng mỗi khi trách nhiệm mục vụ đòi hỏi, cha Cẩm sẵn sàng đi đến bất cứ nơi đâu, dù có nguy cơ bị bắt bớ.

Đầu năm 1859, khi cha về Hà Lang ẩn náu, một người phát hiện ra cha và tố cáo với quan (lúc này người nào khai báo các thừa sai hay linh mục, đều được thưởng tiền bạc chức tước). Do đó, quan quân đến vây bắt cha tại Hà Lang ngày 21.91.1859 và giải cha về Hưng Yên.

Trước nặt quan Tổng đốc, cha Đaminh Cẩm khẳng khái nhận mình là linh mục Công Giáo và sẵn sàng chấp nhận mọi hình khổ, chứ không bao giờ chà đạp Thánh Giá. Sau nhiều lần

khuyến dụ và đe dọa nhưng không kết quả, quan Tổng đốc ra lệnh nhốt cha vào cũi chật hẹp ròng rã mấy tháng trời.

- **Hào quang Thiên Quốc.**

Trong thời gian bị giam giữ, tư cách và đức độ của cha Cẩm khiến quân lính cảm kích, nên họ cho phép nhiều giáo hữu lui tới thăm viếng cha. Noi gương Thánh Phaolô Tông Đồ, cha nhân cơ hội này tiếp tục giảng Tin Mừng và khuyên nhủ mọi người trung thành giữ vững đức tin, hết lòng đặt trọn niềm cậy trông nơi Chúa. Nhờ các giáo hữu liên lạc, nhiều lần cha đã viết thư cho vị giám mục địa phận, Đức cha Valentinô Vinh, bày tỏ lòng trung kiên với Đức Kitô và mong mỏi khát khao đươc phúc tử đạo. Đức cha cho linh mục Hương vào thăm và giải tôi cho cha Cẩm ngày 30.01.

Khi nhận được tin bị kết án trảm quyết, cha Đaminh Cẩm tỏ vẻ hân hoan vui mừng. Trên đường đến pháp trường, cha hiên ngang như một chiến sĩ khải hoàn. Bà Maria Huệ, một giáo dân hiện diện trong giờ hành quyết đã làm chứng:

"Khi tới nơi xử, cha quỳ gối cầu nguyện một lát, rồi vui vẻ làm hiệu cho lý hình thi hành phận sự."

Quân lính vung gươm chém cha ba nhát mà đầu vẫn chưa đứt. Họ phải cứa đi cứa lại nhiều lần, đầu cha mới lìa khỏi thân. Hôm đó là ngày 11.03.1859. thi thể sau được rước về an táng ở Cẩm Chương là nguyên quán của vị tử đạo

Thánh Đaminh CẨM

Ngày 29.04.1951, Đức Thánh Cha Pio XII suy tôn cha Đaminh Cẩm cùng với 24 vị tử đạo khác lên bậc Chân Phước

Ngày 02 tháng 04

Thánh Đaminh VŨ ĐÌNH TƯỚC

Linh mục dòng Đaminh
(1775 – 1839)

• Kết thúc một Thánh Lễ.

Kể từ lúc bị bắt cho đến lúc chịu chết vì danh Đức Kitô, cuộc tử đạo của Thánh Đaminh Tước chỉ vọn vẹn trong vài tiếng đồng hồ. Thế nhưng đây lại là cuộc tử đạo có một không hai, viết nên một trang sử độc đáo của Giáo Hội Việt Nam. Vị linh mục đạo đức đã sống những khoảnh khắc cuối cùng của đới mình như một Thánh Lễ. Bị đánh trọng thương, nằm giữa các tín hữu thân mến và hấp hối trên vũng máu đào của chính mình, thánh nhân vẫn tiếp tục khích lệ anh em, vẫn dâng lời chúc tụng tạ ơn thiết tha và dâng chính mạng sống cho Chúa Giêsu, Đấng ngài không ngừng gọi tên trong giây phút sau hết.

• Dĩ đào vi thượng. . .

Đaminh Vủ Đình Tước sinh năm 1775 tại làng Trung Lao, tỉnh Nam Định. Ngay từ bé ngài đã tỏ ra là người đạo đức vững chắc. Khi được làm linh mục, cha Tước tận tụy không biết mỏi mệt trong việc thánh hóa các tín hữu. Ngày 17.04.1811, cha Tước xin nhập dòng thánh Đaminh và tuyên khấn ngày 18.04 năm sau. Đức cha Delgado Y bổ nhiệm cha coi sóc các tín

hữu ở Xương Điền, một làng Công Giáo đông đảo của địa phận Đông Đàng Ngoài.

Từ năm 1838, khi cuộc bách hại của vua Minh Mạng trở nên mãnh liệt tại địa phận Đông, cha phải ẩn náu trong nhà các tín hữu. Ông Đaminh Đoài kể rằng:

"*Cha Đaminh Tước trú ẩn ở nhà tôi hai tháng. Trong thời gian này tôi đựơc chứng kiến đời sống đạo đức sâu xa của cha. Ngài thức trắng đêm để cầu nguyện, dâng thánh lễ ngay từ tảng sáng. Khi đó tôi ra ngoài vườn canh chừng giúp cha. Một hôm tôi hỏi ngài: "nếu người ta đến bắt cha, cha sẽ xử trí thế nào?" Ngài liền đáp: "Chạy trốn nếu có thể, còn không thể trốn nữa thì xin vâng theo ý Chúa. Điều ngài thường lo lắng, là làm thế nào tránh không gây phiền hà hay thiệt hại cho chúng tôi, những người cho ngài trú ẩn. . ."*

• Mưu sự tại nhân . . .

Gần nơi cha Tước trú ẩn có một viên quan Bát phẩm tên là Phan, phụ trách huyện Cẩm Hà. Trước đây ông đã từng góp phần bắt Đức cha Henares Minh và thầy Chiếu, được vua tưởng thưởng trọng hậu, nên rất sốt sắng trong việc tìm bắt các linh mục khác. Ngày 02.04.1839, có tin mật báo, viên quan này liền dẫn khoảng 40 người đến bao vây bắt cha Tước tại nhà ông Nhiêu Tĩnh, nơi ngài trọ.

Cha Tước đang dâng lễ, nghe thấy tiếng động liền vội vàng cởi áo lễ, dự định chạy qua vườn tới nhà một người khác. Nhưng đám người kia đã nhìn thấy và chặn cha lại. Noi gương Thầy Chí Thánh xưa trong vườn Cây Dầu, cha hỏi: "*Các ông đi*

tìm ai?" Và khi họ nó đi tìm bắt linh mục, cha liền xác định: "_Chính tôi đây_". Quả đúng như cha dự đoán trước nếu không trốn kịp thì xin cho ý Chúa được thể hiện. Thế là họ trói cha lại và áp giải về Cẩm Hà, huyện Giao Thủy, Nam Định.

Các giáo hữu ở Xương Điền mới đầu tưởng là quân của triều đình nên tỏ ta ngần ngừ. Đến khi biết nhóm này là của Bát Phan, liền xin bỏ tiền ra chuộc. Nhưng phe đối phương khôn chịu, họ muốn nhận phần thưởng lẫn danh vọng do nhà vua trao tặng. Thế là đoàn người vừa di chuyển, các tín hữu liền hô hào nhu cầm gầy gộc rượt theo để giải cứu cho người cha thiêng liêng yêu quý, nhiều phụ nữ cũng tham gia vào cuộc giải cứu này.

• Thành sự tại thiên . . .

Về phần nhóm người bắt giữ, vì phải lôi theo một "_tù nhân_" bị trói, thấy khó lòng đạt mục đích, liền chọn giải pháp cuối cùng, thanh toán luôn "_đối tượng_" trong tầm tay. Theo lệnh của viên chỉ huy, một người tên Ngọc liền bổ trên đầu vị linh mục một nhát búa, khiến ngài ngã gục trong vũng máu. Sau đó, họ tản ra chạy thục mạng để thoát thân. Các tín hữu lúc đó vừa rượt tới, một số ở lại săn sóc cha Tước, còn tất cả nổi nóng đuổi theo đám sát nhân và bắt được ít người, trong đó có cả viên chỉ huy, rồi đem nộp cho quan xét xử.

Phần cha Tước, ngài tỏ ra rất bình tĩnh trong giây phút hấp hối. Người nhìn các bổn đạo đang nức nở vây quanh, cha lựa lời trấn an họ, khich lệ tất cả kiên trung làm chứng cho đức tin. Một tín hữu xé áo định băng vết thương đẫm máu trên đầu

cha, nhưng ngài ra dấu cản lại và kêu mời hiệp ý cầu nguyện. Sau đó cha sốt sắng tạ ơn Chúa về những ơn lành đã nhận đươc trong súôt cuộc đời, nhất là ơn đổ máu vì đức tin.

Vì vết thương quá trầm trọng máu ra nhiều, sức lực vị linh mục cạn dần, lời cha nói mỗi lúc càng nhỏ bớt, và cuối cùng mọi người chỉ nghe đươc những tiếng thì thào kêu tên cực trọng Chúa Giêsu. Thánh lễ dở dang buổi sáng giờ đây kết thúc bằng hy lễ mạng sống của chính vị chủ tế. Các tín hữu coi ngài như vị tử đạo, nên thấm máu ngài làm thánh tích.

Thi hài cha Tước được đưa về an táng tại nhà thờ Xương Điền. Giáo Hội đã xác nhận chứng tá tử đạo của cha Đaminh Vũ Đình Tước, linh mục dòng Thuyết giáo.

Đức Lêo XIII suy tôn ngài lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

Thánh Phaolô LÊ BẢO TỊNH

Ngày 06 tháng 04

Thánh Phaolô LÊ BẢO TỊNH

Linh mục
(1793 – 1857)

- **Từ ẩn sĩ đến tử đạo.**

Khởi đầu là vị ẩn tu, kết thúc là vị tử đạo. Hai hình ảnh như có vẻ khác biệt nhau. Nhưng đối với Thánh Phaolô Lê Bảo Tịnh, điều quan trọng đâu có phải là hình ảnh, là lối sống nhưng chính là NIỀM TIN: Thiên Chúa là tất cả. Lối sống có thể thay đổi, nhưng niềm tin mới là nền tảng chính yếu. Chính niềm tin đó đã dẫn dắt cuộc của Phaolô Tịnh, từ một vị ẩn sĩ trở thành một vị linh mục nhiệt thành truyền giáo, một giáo sư tận tụy và sau cùng đến phúc tử đạo vinh quang.

- **Rừng vắng và sứ mạng.**

Phaolô Lê Bảo Tịnh sinh năm 1793 tại xã Trinh Hà, huyện Hoàng Hóa, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là con thứ ba trong một gia đình Công Giáo. Năm 12 tuổi, cậu vào ở với cha Duệ xứ Bạch Bát. Sau ba năm, cậu được cha gởi đi học tại chủng viện Vĩnh Trị (Nam Định). Trong chủng viện, cậu là một chủng sinh gương mẫu. Trí khôn bình thường, nhưng cậu hơn hẳn anh em về sự chăm chỉ, về tinh thần đạo đức, hãm mình, cậu ăn chay các ngày thứ sáu, đánh tội và nằm đất. Khuynh

hướng sống khổ hạnh đó là bước đầu dẫn đến ý định ẩn tu của thầy Tịnh.

Có thể nói Lê Bảo Tịnh là một con người mến yêu Thiên Chúa triệt để. Thầy đã cương quyết hiến dâng cuộc đời cho Chúa. Thầy đã chọn Chúa và muốn thể hiện điều ấy cách trọn vẹn. Chính vì thế, thầy tích trữ cơm khô, âm thầm rời bỏ chủng viện vào sâu trong rừng vắng để có dịp cầu nguyện và kết hợp mật thiết với Thiên Chúa bằng đời sống khắc khổ trong cô tịch.

Thế nhưng, đâu phải ai cũng có quyền sống đạo đức theo ý riêng. Thiên Chúa mời gọi con người cộng tác vào công trình cứu chuộc của Ngài, thì chính Ngài sẽ xếp đặt công việc cho họ. Chính vì vậy, Đức cha Longer Gia đã chỉ thị cho các cha trong địa phận: "*Nếu thầy Tịnh đến xưng tội, không linh mục nào được quyền giải tội, phải bảo thầy đế gặp Đức cha ngay*."

Và vị ẩn sĩ ấy đã tim ra ý Chúa qua vị Giám mục. Một năm trời quen với rừng sâu, giờ đây thầy phải từ giã để đón nhận những hy sinh mới, những công tác mà Giáo hội đang cần đến thầy.

• Vị tông đồ đất Lào.

Để chuẩn bị cho những công tác lớn lao hơn, Đức cha cho thầy Tịnh về tiếp tục học thần học, lãnh các chức nhỏ, đồng thời tiếp tục dậy học. Đức cha Havard Du, kế vị Đức cha Gia, cử thầy sang Macao để nhận những khoản trợ cấp cho địa phận. Hai chuyến đi trong hai năm, đồng thời cũng là hai lần thoát chết khỏi tay cướp biển và giông tố.

Năm 1837, Đức cha đề ra chương trình truyền giáo tại Lào, thầy Tịnh đã hăng hái lên đường. Sau một năm hoạt động, thấy việc tông đồ tiến triển tốt đẹp, thầy trở về địa phận xin Đức cha phái thêm người đi truyền giáo. Thế nhưng tình hình trong nước đã thay đổi. Thi hành lệnh vua, quan Tổng đốc Trịnh Quang Khanh lúc đó ra lệnh cấm đạo gắt gao. Cha Mai Năm, ông Trùm Đích, ông Lý Mỹ bị bắt và tử đạo, chủng viện Vĩnh Trị phải đóng cửa, Đức cha Du phải ẩn lánh và qua đời ngày 05.07.1838. Đức cha Cao chịu tử đạo không kịp lãnh nhiệm vụ. Vì vậy đoàn truyền giáo ở Lào phải về nước, chuẩn bị nhận công tác mới.

- **Vào tù lần nhất và lưu đầy.**

Đức cha Retord Liêu, người kế vị Đức cha Du, cử thầy Tịnh đi dậy giáo lý tân tòng tại làng Thạch Tố, xứ Bích Trì, tỉnh Hà Nam. Cuối năm 1841, Lý trưởng làng Thạch Tố đã rình bắt được thầy Tịnh. Giáo hữu đem tiền nộp quan mong chuộc được thầy, nhưng thầy tỏ ra khí khái nói với quan: *"Nếu chỉ vì có tiền mà tha thì tôi không muốn".*

Thế là thầy Tịnh bị giải về Tuần phủ Hà Nam, rồi lên Hà Nội. Ở đâu con người ấy tuy mảnh khảnh, y phục thô sơ, luôn đi chân đất, có đeo gông, nhưng tâm hồn thì chính trực và cương quyết. Các vị quan hùng hổ đã không thế nào khuất phục nổi. Họ chỉ còn cách là đệ án về kinh xin trảm quyết. Nhưng rất may, khi vua Thiệu Trị lên ngôi, bầu khí ác cảm đã giảm đi. Sáu lần quan đệ án vào kinh, cả sáu lần không được chấp thuận, để đến lần thứ bẩy chuyển thánh án lưu đầy chung thân ở Phú Yên (Bình Định).

Trên đường lưu đầy, người tù có thân hình mảnh mai nhưng tâm hồn cương nghị ấy luôn hứng tỏ lòng trung thành quả cảm với chân lý đức tin mình đang theo. Thầy đã mãnh liệt phản đối khi người ta gọi "*Gia Tô tả đạo*", đồng thời giải thích với mọi người về tôn giáo của mình.

Thời gian phát lưu không lâu thì vua Thiệu Trị băng hà (04.11.1847). Vua Tự Đức lên kế ngôi và ban ân xá, giải phóng tù nhân. Trở về địa phương với niềm vui khôn xiết của nhiều người, thầy Tịnh vâng lời Đức cha lãnh chức linh mục, khi đã 56 tuổi. Khoảng một năm sau, vị tân linh mục được giữ chức Giám đốc kiêm giáo sư chủng viện Vĩnh Trị. Nhờ trước đây đã từng là ân nhân chữa bệnh đau mắt cho quan Tổng đốc Nam Định Nguyễn Đình Hưng, nên cha Giám đốc đã xin được giấy phép cho chủng viện được hoạt động một cách bán công khai, dưới hình thức trường dậy chữ Nho và thuốc.

- **Chân dung cha Phaolô Tịnh.**

Thoạt nhìn, người ta chỉ có thể nhận thấy Phaolô Tịnh là một linh mục có thân hình dong dỏng cao gầy guộc, dáng vẻ đạo mạo, khắc khổ. Nhưng chỉ những ai gặp gỡ cha mới nhận ra đó là vị linh mục đầy lòng nhân ái, giản dị, khôn ngoan từng trải. Có lẽ những bước thăng trầm đây đó cùng với số tuổi khá cao khi lãnh chức linh mục, đã ảnh hưởng nhiều đến cuộc đời tông đồ của cha. Ngài tận dụng thời giờ thật khít khao, cốt sao đạt được ích lợi tối đa. Trong những năm tháng đảm nhiệm chủng viện Vĩnh Trị với bao công việc, thế mà cha Giám đốc vẫn thu xếp được thời giờ để viết lách. Ta có thể kể những tác phẩm của cha:

-Phúc Âm dẫn giải.

-Giáo lý đại cương.

-Lục vấn lương tâm.

-Những lời khuyên thực hành để giúp xa lánh tội trọng và dọn mình chết lành.

**Trong khi hướng dẫn chủng sinh, cha thường khuyên các thầy tuân giữ kỷ luật, vì chính cha đã từng có kinh nghiệm sâu sắc: Kỷ luật là ân nhân giúp thể hiện lòng yêu mến Chúa, nâng đỡ đời tu. Đàng khác, cha còn chú tâm huấn luyện chủng sinh về đời sống cầu nguyện. Theo cha, một nhà truyền giáo mà không quý trọng việc cầu nguyện thì lời giảng không có sức thuyết phục. Lúc này, tuy không còn trực tiếp coi sóc giáo hữu, nhưng cha Tịnh rất siêng năng giải tội, giúp đỡ các tâm hồn hòa giải với Chúa. Một khía cạnh khác trong đời cha Phaolô Tịnh là lòng mến Thánh Giá: Bất cứ nơi nào cha đã từng sống, đều có bóng dáng của cây Thập Giá. Sau này khi bị bắt, các quan thấy cha có nhiều Thánh Giá quá, liền kháo nhau: "*Ông cụ này nghiện Thánh Giá".*

Đúng vậy, không phải cha "*nghiện*" Thánh Giá bằng cách dựng nên khắp nơi, nhưng vì lòng tôn kính cuộc tử nạn của Chúa Kitô, đồng thời, ao ước sống cuộc đời Thánh Giá, mong muốn mình được góp phần vào dòng máu của Thầy Chí Thánh đã đổ ra để cứu chuộc trần gian. Lòng yêu mến ấy đã được bộc lộ qua nếp sống thật nhiệm nhặt, cả khi còn làm thầy

sống ẩn tu, cũng như khi làm cha Giám đốc chủng viện. Bữa cơm thường nhật của cha là vài chén cơm với chút nước mắm và đĩa rau xanh. Cha ngủ nghỉ thường ở dưới đất, và ít khi ở trên giường. Thân xác cha hao mòn, nhưng bên trong vẫn chứa đựng một tâm hồn mãnh liệt, một trí thông minh sắc sảo.

Cha sống nhiệm nhặt đến quên thân mình, nhưng lại luôn lo lắng cho người khác. Cha thường thăm viếng, an ủi, ban các bí tích, giúp đỡ người nghèo, nhất là các bệnh nhân, kể cả những người bị bệnh nan y như phong cùi. Có thể nói cha Lê Bảo Tịnh đã tử đạo ngay trong cuộc sống, trước khi được phúc thực sự đổ máu vì đức tin trung kiên.

- **Bị bắt lần hai.**

Năm 1857, hai cha Kỳ và Hảo về tổ chức lễ tại nhà thờ Phát Diệm. Dịp này, ngoài thánh lễ còn có những cuộc rước long trọng. Biến cố rầm rộ này bị kẻ xấu báo cáo xuyên tạc với viên quan Ninh Bình: "*Cụ đạo mở cờ khao quân*". Quan quân liền kéo về Phát Diệm vây bắt, nhưng hai cha Kỳ và Hảo đã về Vĩnh Trị rồi, nên họ gửi giấy yêu cầu quan Nam Định đi bắt hai linh mục đó. Quan Tổng đốc Nam Định Nguyễn Đình Hưng vẫn nhớ ân tình với cha Phaolô Tịnh (vị ân nhân đã chữa mắt cho mình), nên đã cố gắng cản ngăn nhưng không xong. Kế hoạch vây bắt được ấn định vào ngày 27.02.1857 do quan phủ Nghĩa Hưng chỉ huy.

Trong khi đó, quan Tổng đốc đã nhờ người báo cho cha Tịnh ở Vĩnh trị, nhưng vì bất ưng bị bệnh nặng, người đó không đi báo được, nên chủng viện Vĩnh Trị vẫn sinh hoạt bình

thường cho đến khi quan quân vây kín làng. Sau mấy phút hội ý, Đức cha Liêu và các cha đồng ý chạy trốn, chỉ để một mình cha Tịnh ở lại đối phó, với hy vọng tránh được những tàn phá. Cha Tịnh bình tĩnh mời quan phủ Nghĩa Hưng và ông Phan Trứ vào phòng uống nước, rồi trình bầy giấy phép của quan Tổng đốc. Tuy nhiên, vì thấy trong nhà trường có nhiều đồ quốc cấm như sách Latinh, đồ lễ và nhiều vật dụng khác từ nước ngoài gửi về, nên quan phủ cho lập biên bản và yêu cầu cha Tịnh ra tỉnh để điều tra thêm.

Trước khi đi, cha Tịnh vào nhà thờ cầu nguyện và từ giã các chủng sinh, những người con yêu quý nhất của cha. Đức cha Liêu có tìm cách chuộc lại cha Tịnh trước khi quan phủ giaỉ cha lên tỉnh, nhưng không thành công. Đức cha cho người báo trước với quan Tổng đốc để nhờ quan lo liệu. Hôm sau ông Phán Trứ giải cha Tịnh ra tỉnh. Tờ giấy phép mà quan Tổng đốc đã cấp cho cha Tịnh đã đưa quan vào thế kẹt. Các quan khác nghĩ rằng, chắc hẳn cha Tịnh phải mất một số tiền khá lớn mới kiếm được tờ giấy phép này.

Quan Tổng đốc lâm vào tình thế thật khó xử, biết rõ cuộc đời, thân thế và sự nghiệp của cha Tịnh, thế mà chính quan Thượng Hưng lại là người hỏi cung cha. Trước tòa, quan không hỏi gì cả, chỉ xin cha quá khóa thì sẽ tha về, nhưng cha Tịnh với tư cách là một linh mục làm sao có thể chấp nhận đề nghị ấy.

Năm ngày sau, cha Tịnh lại được đưa ra trước công đường. Cũng một câu hỏi, và cũng một lòng son sắt đó. Khi được lệnh viết lại bản lý lịch, cha vẫn xác nhận mình là linh mục. Quan Thượng Hưng khuyên cha không nên viết thế, chỉ

nên khai là giáo hữu chuyên dậy chữ Nho và làm thuốc, mới hy vọng thoát án chết. Đáp lại, cha cám ơn lòng tốt của quan, vẫn giữ y như lời khai vì cho đó là một vinh dự lớn lao. Cha sẵn sàng chịu đựng tất cả vì vinh dự ấy. Lần cuối cùng quan Thượng Hưng tìm cách cứu gỡ vị ân nhân của mình. Chính tay ông viết bản án và điền thêm dưới đây:

"Xét rằng Lê Bảo Tịnh đã ngoài 60 tuổi, chiếu theo luật nước, không nên xử tử những người già nua tuổi tác như thế, xin cứ giam ở Nam Định và cứ giữ ở đó là tiện nhất".

- **Linh hồn tôi thuộc về Chúa.**

Trong khi chờ đợi vua trả lời về bản án, cha Tịnh bị giam ở Trại Vệ. 37 ngày sống tại đây là cơ hội để cha củng cố đức tin cho các anh em yếu đuối, tìm cách liệu cho họ lãnh được lương thực tinh thần cũng như những trợ giúp về vật chất. Nhờ đó, họ thêm can đảm làm chứng cho Chúa trong những giây phút bi thương nhất. Về phần cha, đây là dịp chuẩn bị lần cuối để xứng đáng với diễm phúc tử đạo mà cha hằng mong ước. Cha sửa soạn cho giờ phút đó một cách đều đặn bằng việc đọc kinh nguyện ngắm. Chính khi củng cố lòng can đảm nơi người khác, cũng là lúc cha củng cố lòng tin cho mình. Trong những ngày này, cha không thể nào quên được đòan con thân yêu ở chủng viện Vĩnh Trị. 12 ngày trước khi bị xử án, cha viết cho các chủng sinh một tâm thư rất cảm động và chan chứa những tư tưởng đạo đức.

Ngày 05.04.1857, án ra tới tỉnh, người hồi hộp nhất lá quan Tổng đốc. Vua cải án giam thánh an tử hình trảm quyết.

Nhận được bản án, quan Thượng cố gắng một lần chót bằng cách khuyến dụ cha Tịnh xuất giáo. Nhưng làm sao cha lại chấp nhận được? Cả một đời đã tận tụy với Thiên Chúa, cả một đời khát khao mong chờ diễm phúc lớn lao này, đến nay sắp được toại nguyện, lẽ nào lại bỏ đi? Cha từ tốn đáp lại lời quan:

"*Tôi xin chân thành cám ơn quan, vẫn luôn có lòng tốt tìm cách cứu tôi. Thân xác tôi ở trong tay quan, xin làm khổ nó tùy ý, tôi rất vui lòng, không oán than gì. Nó chết đi nhưng mai ngày sẽ sống lại vinh quang. Còn linh hồn tôi là của Thiên Chúa, không có gì làm tôi hy sinh nó được, không ai có thể lay chuyển lòng tin tưởng của tôi. Đạo Thiên Chúa là chính đạo, là đạo thật, tôi yêu mến và giữ đạo ấy từ thuở bé, và dù tôi có chết cũng chẳng bỏ được.*"

Lời khẳng khái ấy phát sinh từ quyết định thật can đảm và sáng suốt. Quyết định lựa chọn cái chết một cách hiên ngang, vì tin chắc rằng mình sẽ được sống muôn đời (Ga 12, 25)

Vinh phúc ấy, cha Phaolô Tịnh đã đạt được ngày 06.04.1857 tại pháp trường Bẩy Mẫu (Nam Định) trong lời từ biệt gửi tới mọi người: "*Anh em ở lại bình an, chịu khó giữ đạo và can đảm bền vững, đừng sợ chết nhé*".

Đức Thánh Cha Pio X đã suy tôn cha Phaolô Lê Bảo Tịnh lên bậc Chân Phước ngày 02.05.1909.

Ngày 07 tháng 04

Thánh Phêrô NGUYỄN VĂN LỰU

Linh mục
(1812 – 1861)

- **Hy sinh vì sứ vụ.**

Đọc lại toàn bộ lịch sử thời tử đạo Viêt Nam, hầu như trong bất cứ cuộc tử đạo nào cũng thấy bóng dang một linh mục bản quốc. Dầu hòan cảnh khó khăn hiểm nguy, các vị đã can đảm hiện diện, hoặc hóa trang vào thăm giáo hữu ở trong tù, ban bí tích hòa giải và trao Mình Thánh Chúa; hoặc ít ra kín đáo đón các tín hữu bị đưa ra pháp trường và bí mật giải tội cho họ. Linh mục Phêrô Nguyễn văn Lựu là trường hợp tiêu biểu cho sự kiện này. Cha bị bắt đang khi lén vào làm việc mục vụ trong ngục.

- **Mục tử săn sóc đoàn chiên.**

Phêrô Nguyễn văn Lựu sinh năm 1812 tại Gò Vấp, Gia Định (Sàigòn). Lớn lên cậu dâng mình cho Chúa, vào chủng viện và gửi đi học ở Pénang, rồi được thụ phong linh mục. Cha được bổ nhiệm phụ trách nhiều giáo xứ như Mặc Bắc, Sa Đéc, Mỹ Tho . . . Cha thực thi nhiệm vụ một cách rất chu đáo. Cha chú tâm đến việc giảng dạy giáo lý, quan tâm đến từng gia đình trong xứ đạo, thường xuyên thăm viếng khuyên bảo họ. Các giáo hữu quý mến và sẵn sàng nghe theo lời của cha, ngay cả khi bị cha khiển trách lỗi lầm của họ. Cha Lựu chỉ mắc một tật

nhỏ nhưng đã bỏ được. Vì gặp gỡ giao thiệp với dân đồng bằng Cửu Long, cha thường uống rượu với họ. Một hôm đang đi trên thuyền, cha mời linh mục Thuyết ở thuyền khác qua làm vài "*xị*", nhưng vị này nhất mực từ chối: "*Tôi không uống vì nhiều lý do, uống rượu vừa tốn kém, vừa mất tỉnh táo, lại chẳng phải là gương tốt cho tín hữu".* Ngay lúc đó cha Lựu ném chai rượu xuống sông và nói: "*Từ nay tôi không uống nữa*". Và cha đã trung thành giữ lời hứa đó.

Đầu năm 1853, cha Lựu thoát chết một cách may mắn. Khi đó, cha đang là cha sở họ Mặc Bắc và vừa được bổ nhiệm đến nơi khác thì quan trấn phủ Vĩnh Long, theo mật báo, đến vây bắt cha. Cha Philipphê Phan văn Minh và ông trùm Giuse Lựu bị bắt thế mạng.

Năm 1860, cha Phêrô Lựu đang phụ trách xứ Ba Giòng thì có lệnh quan trấn bắt tất cả những tín hữu có tên tuổi ở Xoài Mút và Ba Giòng (gần Mỹ Tho) đưa về giam tập trung ở tỉnh. Vì thương anh em bổn đạo, cha thường cải trang vào thăm viếng, ủy lạo.

Các tín hữu coi cha như thiên thần Chúa gửi đến đem cho họ lương thực Thánh Thể, ân sủng và bình an. Để thực hiện điều này, có lúc cha phải bỏ tiền mua chuộc lính canh và thận trọng lời nói với cấp trên của họ.

• Gương sáng trong ngục tối.

Tháng 12.1860, một hôm trong lúc đang gặp các tín hữu trong tù, vô tình cha để một lá thư chìa ra miệng túi áo. Viên quan thanh tra trại đia qua trông thấy liền ra lệnh bắt giam. Biết không thể giấu đươc nữa, cha liền nhận mình là linh mục. Thế là cha được chia sẻ đòn đánh, tra khảo, dọa nạt chung với các tín hữu của mình. Từ nay cha không chỉ an ủi, động viên anh em bằng lới nói suông nữa, mà bằng chính mẫu gương cuộc đời của mình: Bất chấp mọi đau đớn sỉ nhục, nhất quyết giữ vững niềm tin, chứ không bỏ đạo. Các quan bắt cha xuất giáo, cha trả lời:

"*Đạo đã thấm nhập trong xương trong tủy, tôi làm sao bỏ được. Vả lại một người giáo hữu thường, một thầy giảng không có quyền bỏ đạo; huống nữa tôi đây là đạo trưởng".*

Nhận thấy mọi hình khổ đều vô ích, quan tỉnh Mỹ Tho liền lên án trảm quyết cha. Ngày 07.04.1861, quân lính dẫn vị chứng nhân đức tin ra khỏi cửa thành độ một cây số, rồi chém cha ngay bên vệ đường. Viên đạo phủ vì mê tín, sợ người đã chết nhập vào mình, nên vừa chém liền quăng dao chạy trốn.

Thi hài vị tử đạo được các tín hữu thu lại đem về an táng chung với gông cùm và một chiếc bình đất vấy máu ngài. Về sau hài cốt của cha được đời đến đặt tại bàn thờ chính thánh đường Mỹ Tho. Năm 1960, hài cốt ngài lại được cải táng về nhà thờ chính tòa Sàigòn.

Thánh Phêrô NGUYỄN VĂN LỰU

Ngày 02.05.1909, Đức Thánh Cha Pio X đã suy tôn cha Phêrô Nguyễn văn Lựu lên bậc Chân Phước.

Ngày 27 tháng 04

Thánh Laurensô NGUYỄN VĂN HƯỞNG

Linh mục
(1802 – 1856)

- **Niềm tin yêu cáo quý.**

***Quá khóa đi! Ta thương và giảm nhẹ án cho*”.**
QUÁ KHÓA? Làm sao cha Hưởng có thể quá khóa được? Vì sợ hình phạt dành cho người phản bội đạo Chúa? Vâng. Vì trách nhiệm của một vị đạo trường? –Vâng. Nhưng không phaỉ chỉ có thế. Quá khóa đối cha còn là một điều gì kinh khủng hơn nhiều. Quá khóa, đó là chối bỏ niềm tin cao quý nhất của người tín hữu, chối bỏ cả ý nghĩa cuộc đời mục tử của mình.

Quan án không hiểu được cha. Các người lính không thể hiểu cha. Những người đồng đạo cảm thông và kính mến cha. Nhưng có ai cùng cảnh ngộ với cha chăng? Ngay từ ấu thơ đã chịu cảnh bất hạnh nhất của một con ngươi: mồ côi cha mẹ. Lâm vào cảnh lam lũ vất vả để kiếm sống, con người bất hạnh đó luôn luôn khát khao tình thương của người cha, sự âu yếm của người mẹ, một nỗi khát khao lớn lao không một tấm lòng trần gian nào có thể lấp đầy. Cuối cùng, người con mồ côi ấy đã khám phá ra Thiên Chúa chính là Người Cha yêu thương vô bờ bến, và đã dâng hiến trọn đời mình, trọn đời linh mục cho Tình Thương cao cả ấy.

Biết nói sao đây? Cha Hưởng chỉ biết đơn sơ trả lời quan án: *"Bẩm quan lớn, có bao giờ con cái dám đạp lên đầu cha mẹ mình chăng?"*

Thế là một lần nữa cha phải trả giá cho ý nghĩa cuộc đời linh mục, và lần này thì bằng một giá cao nhất là chính sinh mạng của mình.

• Tuổi xanh gian khổ.

Câu bé Laurensô Nguyễn văn Hưởng sinh nám 1802 tại xã Tụy Hiền, xứ Kẻ Sái, tổng Trinh Tiết thuộc Hà Nội. Gia đình nghèo, mồ côi cha mẹ ngay từ nhỏ. Cậu Hưởng phải đi chăn trâu cho ông chủ ngoại giáo tên là Thang. Thấy cậu hiền lành, ông rất qúy mến và đối xử như con một. Tình thương của ông chủ thật đáng quý, nhưng chẳng thể bù đắp được nỗi bất hạnh do thiếu tình yêu cao quý của cha mẹ ruột, bởi vì chỉ có tình yêu của cha mẹ mới thực sự bao la mà ca dao Việt Nam thường ví:

Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Cậu Hưởng múôn dâng mình cho Chúa để tìm kiếm một tình thương trọn vẹn hơn, nên đến xin cha Duyệt, chánh xứ Sơn Miêng giúp đỡ. Sau ba năm được cha xứ nuôi dưỡng ăn học, cậu đươc gửi vào học tại chủng viện Vĩnh Trị, thụ giáo với cha chính địa phận Tây Đàng Ngoài.

Khi vua Minh Mạng ra lệnh cấm đạo nghiêm ngặt, chủng viện Vĩnh Trị phải giải tán. Cậu về quê làm thuốc viên

bán quanh làng độ nhật và cũng để thăm viếng giúp đỡ nhiều người. Nhân dịp này, ông chú khuyên cậu nên ở nhà lập gia đình. Ông còn hứa nhường lại gia sản cho cậu. Một quan Tổng có họ hàng với cậu cũng hứa giúp đỡ tận tình. Nhưng cậu Hưởng vẫn cương quyết theo lý tưởng tu trì. Ông chú tức giận đuổi cậu ra khỏi nhà, và cậu liền trở về chủng viện Vĩnh Trị.

• Tất cả vì danh Chúa.

Mãn khóa học, cậu Hưởng được gia nhập bậc thầy giảng, đi giúp xứ Kim Sơn, xứ Bạch Bát. Trong suốt tám năm trời, thầy Hưởng luôn làm việc tận tụy, sống giản dị, khiêm tốn và bác ái. Sau đó, Đức cha gọi thầy về học thêm thần học và truyền chức linh mục cho thầy. Cha Hưởng trở nên một linh mục nhiệt thành, làm phó xứ Giang Sơn hai năm, rồi sang xứ Lạc Thổ. Yên Lộc, Bạch Bát. Ở đâu cha cũng tỏ ra là vị linh mục siêng năng, nhiệt tâm giảng dậy tín hữu, thường xuyên viếng thăm những bệnh nhân.

Năm 1855, cha bị bắt trên đường đi thăm kẻ liệt. Khi ấy, cha đang ở trên thuyền thì mấy gia nhân của phó Tổng Tủy với gậy gộc la ó rượt theo, cha liền bảo người lái đò chèo qua bờ bên kia sông rồi bỏ đi. Cha tự nguyện nộp mình, và không múôn người khác phải liên lụy.

Bị bắt, cha không coi đó là một tai họa, nhưng là Thánh Ý Chúa muốn cho mình thông phần vào cuộc tử nạn của Đức Kitô và nhắn với cha già Chất cùng bổn đạo đừng chạy tiền chuộc.

Sau ba ngày bị giam ở huyện Yên Mô, cha được giải về tỉnh Ninh Bình. Quan tỉnh thấy cha có nét chân tu nên hứa: "*Nếu ông đạp lên Thánh Giá, ta cho đến trụ trì ở chùa Non Nước*". Cha đáp: "*Tôi không biết gì về Thần Phật, làm sao ở chùa được?*". Quan yêu cầu cha đọc kinh bên đạo, cha đọc Mười Điều Răn. Quan lại thắc mắc về tin đồn rằng: "*Tại sao các ông khoét mắt người bệnh, và không thờ kính tổ tiên*?" Cha Hưởng bình tĩnh giải thích cho họ: "*Xin quan đừng nghe những lời đồn đãi sai lạc, chúng tôi chỉ xức dầu trên mắt mũi, tai miệng và tay chân để xin Chúa tha các tội mà bệnh nhân đã dùng chúng để phạm tội. Còn với tổ tiên, chúng tôi hằng cầu nguyện bằng những việc lành, chỉ có điều chúng tôi không cúng quả, vì biết rằng cha mẹ chẳng trở về ăn uống thứ gì được nữa".*

Với các tín hữu đến thăm, cha an ủi họ: "*Chúng con phải mừng cho cha, vì cha được chịu khổ vì Chúa Kitô".*

- **Chính trực đến cùng.**

Sau nhiều lần dụ dỗ không được, các quan Ninh Bình làm án xin vua cho xử trảm. Trước đó, vì các quan đã nhận muời nén bạc của giáo hữu, nên tìm cách giảm nhẹ án cho cha. Họ đề nghị cha khai mình chỉ là một tín hữu thôi, nhưng cha nhất định không chịu khai man che giấu chức vụ linh mục. Cha viết thư cho Đức cha Retord Liêu:

"*Xin Đức cha đừng chạy tiền chuộc con làm chi, con sẵn lòng hy sinh để làm chứng đạo Chúa Giêsu là đạo thật. Xin Đức cha cầu nguyện cho con được vững vàng cho đến cùng.*"

Cuối cùng vị linh mục được mãn nguyện. Trước kia, cha đã cương quyết từ chối lời đề nghị của ông chú, bây giớ cha lại vui mừng đón nhận bản án tử hình. Cha hân hoan chờ đợi bàn án như chờ đợi vòng tay Chúa Cha yêu dấu đang rộng mở đón chờ người con yêu. Đúng ngày thi hành bản án, cha Khoan vào ngục thăm, giải tội và trao Mình Thánh lần cuối cùng. Cha Hưởng vui vẻ ra pháp trường nằm trên võng giáo hữu đã thuê sẵn. Cha cầm sách nguyện kinh Thần vụ lần cuối . . .

Đầu cha rơi xuống, cha Laurensô Hưởng đã vượt qua cuộc đời trần thế để về xum họp với Cha trên trời ngày 27.04.1856. Các tín hữu đã an táng thi hài chứng nhân Chúa Kitô tại Vĩnh Trị.

Đức Thánh Cha Pio X suy tôn Chân Phước cho cha Laurensô Nguyễn Văn Hưởng vào ngày 02.05.1909.

Ngày 28 thánh 04

Thánh Phaolô PHẠM KHẮC KHOAN

Linh mục
(1771 – 1840)

Thánh Phêrô NGUYỄN VĂN HIẾU

Thầy giảng
(1777 – 1840)

Thánh Gioan Baotixita ĐINH VĂN THÀNH

Thầy giảng
(1796 – 1840)

- **Lời ca Tạ Ơn.**

Tâu Thượng Đế,
Này thần dân xin hát mừng trước bệ
Tuyên xưng Ngài là Chúa tể càn khôn. . .
Suy tôn Chúa, bậc tông đồ hợp xướng,
Tan tụng Ngài bao thế hệ tiên tri.
Đòan tử đạo quang huy hùng dũng,
Máu đào đổ ra minh chứng về Ngài. . .

Đó là lời kinh TE DEUM, lời kinh Tạ Ơn mà cha Khoan và hai thầy Hiếu, Thành đã hát vang lên trong ngục, cũng như trên đường ra pháp trường. Đó là kinh đem lại phấn khởi cho

những ai được nghe. Đó là tiếng hát của Giáo Hội sơ khai, khi cuộc bách hại 300 năm chấm dứt, nay lại vanh lên trên môi miệng các vị Tử Đạo Việt Nam, vượt thấu chín tầng mây, chấp cánh cho các ngài bay về hợp đoàn với các thần thánh trên Thiên Quốc.

• Định mệnh nối kết ba con người.

Phaolô Phạm Khắc Khoan sinh năm 1771 tại làng Bồng Hải, tỉnh Ninh Bình, thuộc địa phận Tây Đàng Ngoài. Sau khi thụ phong linh mục, cha phụ trách xứ Kẻ Vĩnh, rồi xứ Phúc Nhạc, nơi đông dân cư nhất trong tỉnh. Cha Khoan rất hăng say hoạt động tông đồ, ngoài xứ chính ra, cha còn phụ trách thêm hai họ Đông Biên và Tôn Đạo. Mỗi tháng ngài đều đến họ lẻ dâng lễ, giải tội và khích lệ giáo hữu sống đạo đức, gương mẫu hơn. Mỗi lần đi như vậy, cha thường dẫn theo một vài thầy giảng để giúp dậy giáo lý và tiếp xúc sâu sát hơn với quần chúng. Năm 1837, có hai thầy cùng đi với cha về giúp họ Đông Biên là thầy Phêrô Nguyễn văn Hiếu 60 tuổi, người làng Đồng Chuối, và thầy Thánh Gioan Baotixita Đinh Văn Thành, 41 tuổi, gốc Luốn Khê (Phát Diệm). Trên đường trở về, cả ba cha con bị bắt và bị giải về Ninh Bình. Khi đó cha Khoan đã 60 tuổi.

• Trước lời đường mật. . .

Vì kính trọng cha tuổi cao lại có tướng người phúc hậu, một hôm quan Tổng trấn mời ngài đến và nói: "*Ta múôn kết thân với ông. Ta chỉ muốn tìm cách cứu mạng ông thôi. Xin ông chịu khó chấp nhận bước qua Thập Giá".* Cha trả lời*: "Mấy tháng qua ở trong tù, tôi đã suy tính kỹ lắm rồi, nhưng càng nghĩ,*

tôi càng xác tín hơn, càng cương quyết giữ vững đức tin cho đến chết". **Rồi cha kể lại chuyện xảy ra năm 1802:**

**"*Khi đó, Thế Tổ Gia Long, phụ thân của Hoàng Đế ra Hà Nội, chúng tôi có đến ra mắt. Ngài hứa cho chúng tôi giảng đạo, xây nhà thờ và các nhà bác ái. Ngài yêu cầu chúng tôi cổ động dân chúng sống thuận hòa và chăm chỉ làm ăn. Từ đó đến nay, tôi vẫn vâng lệnh vua, nhắc nhở bà con làm điều tốt, tránh điều xấu. Tôi thờ Vua trên trời và tuân phục vua dưới đất, tôi vẫn xin Vua trên trời ban ơn cho các quan, để thời các ngài được thài bình thịnh trị. Sao hôm nay quan lại bảo tôi bỏ lệnh Tiên Đế mà tôi đã tuân hành biết bao năm nay?*

-Thế ông không muốn sống à?

-Thưa quan, mọi sinh vật đều múôn sống, huống chi là con người có suy nghĩ. Ai biết giá trị cuộc sống mà chẳng ham sống. Thế nhưng với người Kitô hữu, chết là cách sống đời đời trên Thiên Đàng.

-Ai bảo ông là có Thiên Đàng?

-Đó là chuyện đương nhiên. Như nhà vua vẫn ban thưởng cho các trung thần, thì Chúa trời đất chẳng những không ban thưởng cho những tôi trung phục vụ Người đến chết sao? Nơi tưởng thưởng đó, chúng tôi gọi là Thiên Đàng.

-Vậy ai dậy cho ông biết là có Chúa trời đất?

-Thưa Tổng trấn, không cần phải ai dậy cả, chính trời đất vũ trụ là cuốn sách mở ra dậy ta bài học đó. Nhìn ngắm những công trình kỳ diệu của thiên nhiên, tức khắc phải nhận ra có Đấng Sáng Tạo và gìn giữ nó. Chúng tôi gọi Đấng Tạo Hóa đó là Chúa Trời và tôn thờ Người."

Vì hy vọng thời gian sẽ làm cho các anh hùng đức tin nản chí, quan tìm cách trì hoãn vụ án thật lâu. Thấm thoát ba vị đã ở tù được gần ba năm. Thỉnh thoảng quan lại gọi ra tòa đề nghị bước qua Thập Giá. Mới đầu thì khuyên dụ ngọt ngào, sau dùng cực hình để cưỡng bách, nhưng không cách nào có thể làm các vị thay đổi lòng dạ.

Thái độ hai thầy giảng cũng làm cho mọi người bỡ ngỡ thán phục. Dù bị hành hạ dã man đến đâu, hai thầy cũng vẫn thản nhiên nhẫn nại, không bao giờ trách mắng chửi rủa, chỉ lập đi lập lại một điều: *"Dù sống dù chết, chúng tôi không bao giờ bỏ đức tin.*" Niềm an ủi lớn nhất của hai thầy là được ở gần cha Khoan, sớm hôm tâm sự và thỉnh thoảng lãnh bí tích giải tội. Các thầy coi những ngày tù như thời gian thanh luyện để lập công, đền bù những lỗi lầm từ thơ ấu. Đôi khi có người khéo léo đưa được Mình Thánh Chúa vào tù, đó là những ngày sung sướng và hạnh phúc nhất của ba vị.

Một lần cha Khoan nói thẳng với quan án rằng: "*Quan bảo tôi chà đạp Thập Giá là điều chẳng hợp lý chút nào*?" Quan hỏi: "*Sao lại không hợp lý, ta chỉ cho ông con đường sống mà không hợp lý à*?" Cha nói: "*Thưa quan, nếu nước nhà có biến, mà quan sợ chết đào ngũ thì quan là kẻ hèn nhát. Cũng vậy, tôi*

***nhờ ơn Vua Cả trên Trời, tôi đâu có quyền sợ chết mà bỏ Người được.*"**

• Lời chứng cuối cùng. . . và bài ca Phục Sinh.

Khi thấy hoàn toàn thất vọng trước sự kiên tâm quyết chí của ba người "*linh*" Chúa Kitô, quan đành quyết định ký án gửi về triều đình xin phép. Trong những ngày chờ đợi cuối cùng đó, trại giam Ninh Bình vang vọng những tiếng hát hân hoan. Đó là tiếng cha Khoan và hai thầy giảng hát lên lời kinh Tạ Ơn. Cha một câu, hai thầy một câu, nhịp nhàng rộn rã. Trên đường ra pháp trường, ba vị vẫn không ngừng cất tiếng ca những lời tri ân đó.

Tại pháp trường ngày 28.04.1840, cha Khoan xin phép nói với dân chúng đôi lời:

"*Thưa đồng bào và các bạn hữu, chúng tôi không phạm tội ác, không chống lại vua, không lỗi luật nước. Chúng tôi chết chỉ vì là Kitô hữu, và vì không chịu bỏ đạo Kitô là đạo duy nhất chân thật.*"

Lính đẩy ba vị vào khu vực riêng xa tầm mắt dân chúng. Ba vị giơ tay lên trời, hai thầy hiệp ý cầu nguyện với vị linh mục:

"*Vinh danh chúc tụng ngợi khen Thiên Chúa, Chúa trời đất. Chúng con hiến dâng mạng sống cho Ngài. Xin Chúa chúc phúc cho nhà vua được cai trị lâu dài trong an bình. Xin biến đổi*

trí tim vua, đề vua tin theo đạo thật, đạo duy nhất có thể đem lại cho con người hạnh phúc đích thực."

Tiếp theo, ba vị lại cầu nguyện bằng Thánh ca. Như trong đêm Phục sinh, cha Khoan hát lên ba lần *Alleluia, Alleluia, Alleluia,* mỗi lần với cung giọng cao hơn. Xen kẽ vào đó, hai thầy giảng cũng hát thay cho cộng đòan theo cao độ của vị chủ sự*: Alleluia, Alleluia, Alleluia*. Sau đó, lý hình thi hành phận sự. Ba cái đầu cùng rơi xuống, đưa ba vị thánh về hợp xướng với ca đoàn thiên thần trên Thiên Quốc với khúc hát *Phục Sinh Alleluia* bất diệt. Năm đó, cha Khoan 69 tuổi, thầy Hiếu 63 tuổi, thầy Thành 44 tuổi. Thầy giảng Huấn chứng kiến từ đầu vụ hành quyết, đã lãnh thi thể ba vị về Phúc Nhạc an táng theo nghi lễ Công Giáo.

Đức Lêo XIII suy tôn cha Phaolô Phạm Khắc Khoan, hai thầy Phêrô Nguyễn Văn Hiếu và Giaon Baotixita Đinh Văn Thành lênbậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

- **Tâm tình Đức cha Retord Liêu trong thư gửi cha Khoan.**

"*Sách có câu: chết vinh hơn sống nhục. hãy coi chừng kẻ bội giáo, cuộc đời họ đáng tủi hổ biết bao. Ngược lại khắp bốn phương thiên hạ đền vang lời khen ngợi những ai chết cho đức tin. Các vị tử đạo như tiếng kèn Thiên Quốc với âm điệu vang lừng muôn người lắng nghe. Những kẻ chối đạo, ở lại trần gian chỉ chờ lưỡi rìu chặt đem về tiếp lửa cho Hỏa ngục.*

***" Máu các vị tử đạo như giọt sương đêm tưới mát vườn hoa Giáo Hội, làm nó thêm phong nhiêu (*Phong phú và phì nhiêu*) . . Tôi viết cho cha những lời vắn tắt vội vã này. Ước mong nó thành ngọn gió đưa cha lướt êm đến bến bờ Quê Hương. Ước mong nó thành đóa hoa rực rỡ với làn hương thơm tỏa ngát niềm vui tô thắm tâm hồn cha trong cuộc chiến cuối cùng. Xin kính cẩn tạm biệt cha. Xin kính cẩn hôn lên gông cùm xiềng xích của cha. Trong lúc cầu nguyện, xin đừng quên tôi nhé!" (*Launay III, tr. 37-38).**

* * * * *

- **Bức tranh diễn tả cuộc hành quyết ba Thánh Khoan, Hiếu và Thành: (trang 105)**

Phía phải bên trên diễn tả lúc Thánh Hiếu bị chém đâu. Vì chiếc kiếm cùn, lính phải chém tới ba lần mới đứt. Phía phải bên dưới là cảnh Thánh Thành bị một người lính đang cắt đứt mảnh da cổ còn sót lại. Cạnh đó là Thánh Khoan đã bị hành quyết xong. Một người lính giơ cao thủ cấp cho mọi người coi. Một người lính khác cọ lưỡi kiếm dính máu Thánh nhân vào bàn chân y, có ý hòa máu Thánh nhân với máu y để hồn y được thanh thoát. Dưới chiếc cồng có một người đàn bà ngồi với một thúng quà, để hối lộ quan quân cho lãnh xác các Thánh về.

(Tranh của Hội Thừa Sai Paris)

Ngày 29 tháng 04

Thánh Giuse TUÂN (HOAN)

Linh mục dòng Đaminh
(1811 – 1861)

• Chứng nhân tình thương.

Thiên Chúa vẫn luôn luôn tác tạo những mùa xuân tươi dẹp. Ngài ban cho mùa màng tiếp tục sinh hoa kết trái. Cũng thế, do bàn tay uy quyền và rộng rãi của Ngài, Thiên Chúa sẽ gieo vãi trên mỗi thế hệ đang lên đầy đủ những đức tính dịu hiền nhân ái, để nâng đỡ những người buồn thảm, hỗ trợ những kẻ lâm ngay. Tương lai sẽ do Tình thương, vì không sớm thì muộn, Tình thương sẽ thắng sự oán thù." (FX Ronsin)

Linh mục Giuse Tuân đã sống và chết hiên ngang để làm chứng cho Thiên Chúa, Đấng sáng tạo muôn loài, mà con người được Ngài yêu thương hơn cả, đến nỗi đã ban chính Con Một Ngài là Đức Giêsu Kitô, để cho thế gian được ơn tái sinh vào sự sống viên mãn của Ngài (Ga 10, 10).

Giuse Tuân chào đời khoảng năm 1811 tại họ Trần Xá, xứ Cao Xá, tỉnh Hưng Yên (nay là Hải Hưng). Tuy là gia đình nông dân nghéo, nhưng cha mẹ cậu là người đạo đức và tận tâm giáo dục con cái. Từ cái nôi ấm cúng đó, Giuse Tuân đã lớn lên trong chân lý đức tin và trong tình thương của Thiên Chúa, của cha mẹ và của mọi người.

Từ thiếu niên, cậu Tuân đã được nhận vào nhà Đức Chúa Trời học tập và sống tinh thần Phúc Âm. Sau đó, cậu được chọn vào học chủng viện, rồi thụ phong linh mục, trở thành người phục vụ Tin Mừng trong thời bách hại tàn khốc nhất dưới triều đại vua Tự Đức, với những cuộc bắt bớ nhằm tiêu diệt các giáo sĩ và giáo dân trên đất Việt.

Để có cơ hội cộng tác chặt chẽ hơn với các thừa sai Đaminh trong công cuộc truyền giáo, năm 1857, cha Giuse Tuân xin vào dòng anh em Thuyết giáo (trong dòng tên gọi là Hoan). Năm 1858, cha được tuyên khấn trong dòng và trở thành một tu sĩ gương mẫu đạo đức.

• Truyền bá Tình Thương.

Trước cơn bách hại tàn bạo của vua Tự Đức, vì lo lắng cho đoàn chiên bơ vơ, cha Tuân phải lẩn trốn để có thể âm thầm phục vụ cho con cái trong hòan cảnh khó khăn này. Đầu năm 1860, khi cha đang giúp ở xứ Ngọc Đồng, một bà già bị bệnh nặng sai con trai đi mời cha Tuân về ban bí tích sau cùng cho bà. Không ngờ người con ngỗ nghịch này vì ham lợi lộc đã trở thành kẻ phản bội. Hắn đi tố giác với quan huyện để lấy tiền thưởng. Quan liền bắt cha giải lên tỉnh Hưng Yên nộp cho quan Tổng đốc.

Tại công đường, dù cha Tuân bị hành hạ, tra tấn gông cùm . . vẫn hiên ngang trung thành với Thầy Chí Thánh. Cha một mực làm chứng cho niềm tin của mình và Đức Giêsu, dù phải hy sinh cả mạng sống. Hân hoan với diễm phúc tử đạo sắp

được lãnh nhận, bất chấp những đau đớn và khổ hình trong tù, cha vẫn tiếp tục rao giảng tình thương vô biên của Thiên Chúa. Cha khích lệ, nâng đỡ tinh thần những anh em giáo hữu đang bị giam cầm, an ủi những anh em giáo hữu âm thầm đến thăm cha và ban bí tích cho cha.

• Trong tình yêu Thiên Chúa.

Cuối cùng người chiến sĩ anh dũng đã chạy tới đích. Sau nhiều cực hình trong mấy tháng trời, án trảm quyết cha Tuân được vua Tự Đức chuẩn phê. Và ngày 29.04.1861, cha bị đem ra pháp trường Hưng Yên xử chém.

Tại pháp trường, một giáo hữu chứng kiến vụ hành quyết cha, bà Anna Bình, đã làm chứng trong hồ sơ phong thánh như sau:

"*Tôi đã thấy người tôi tá Chúa (cha Tuân) đi lãnh án tử với thái độ trang nghiêm, dũng cảm và hân hoan. Cha phải bước đi khó khăn, chậm chạp vì hai chân bị xiềng xích nặng nề. Khi tới nơi xử, cha quỳ xuống, kêu tên cực thánh Giêsu, biểu lộ lòng tin yêu và phó thác, rồi bình thản đón chờ cái chết. Có nhiều người đã chứng kiến cái chết oai hùng của cha: Tôi đến gần và lấy vải thấm máu cha vừa đổ xuống".*

Đúng 90 năm sau ngày vị anh hùng đức tin về Thiên Quốc, ngày 29.04.1951, Đức Thánh Cha Pio XII suy tôn linh mục Giuse Tuân lên bậc Chân Phước cùng với 24 tử đạo khác trên đất Việt.

Ngày 01 tháng 05

Thánh Augustinô SCHOEFFLER ĐÔNG

Linh mục Thừa Sai Paris
(1822 – 1851)

• Ơn gọi loan báo Tin Mừng.

Đối với thánh Augustinô Đông, sứ mệnh loan báo Tin Mừng là một nhiệm vụ tông đố cao cả nhất, đặc biệt cho những miền truyền giáo xa xăm. Đó là điều thánh nhân hằng mong ước trước khi gia nhập Hội Thừa Sai Paris, mặc cho gia đình nhiều lần cản trở, thánh nhân đã chọn lựa dứt khoát theo ý Chúa hơn là nghe lời cha mẹ trần gian. Và khi rời đất Pháp, ngài đã nói:

"*Tôi không biết điều gì sẽ xẩy ra đến với tôi, nhưng điều tệ nhất có thể đến, đó là phải chịu một nhát gươm . . .nhưng tôi tin rằng người tội lội như tôi, sẽ chẳng đáng được ơn trọng ấy.*"

Augustinô Schoeffler sinh ngày 22.11.1822 tại Mittelbronn tình Lorraine, nước Pháp. Từ bé cậu đã tỏ ra là một người đạo đức, chăm học, siêng năng cầu nguyện và có ý hướng đi tu. Cha xứ nhận đỡ đầu và đưa cậu vào chủng viện địa phận Nancy. Trong chủng viện, cậu tuân giữ đúng đắn kỷ luật, vâng lời Bề trên, hòa thuận với bạn bè và học hành xuất sắc, nên đươc mọi người yêu mến. Sau khi học triết lý và năm thứ nhất thần học, thày Schoeffler cảm thấy Chúa kêu gọi mình

đi truyền giáo nên xin phép cha mẹ chuyển qua Hội Thừa Sai Paris.

Thời gian đó, những tin tức về công cuộc truyền giáo ở Đông Nam Á gởi về không lấy gì làm sáng sủa. Đi truyền giáo như là đi vào chỗ chết. Đo đó, song thân thầy cố sức ngăn cản. Ông bà nói nhiều lời nặng nề khiển trách con không vâng lời, Schoeffler đắn đo nhiều nhưng căn cứ vào lời Chúa: "*Ai yêu cha mẹ hơn Thầy thì không đáng làm môn đệ Thầy.*" (Mt 10, 37) Schoeffler quyết định gia nhập Hội Thừa Sai Paris dù cha mẹ không đồng ý. Khi đó thầy viết thư cho một người bạn: *"Than ôi! Để theo Chúa Giêsu vất vả quá, vướng đường nọ, mắc đường kia."* Người bạn đó nhắn nhủ: "*Việc giảng đạo là việc quan trọng, nếu tự ý làm mà không được Chúa gọi thì có nguy cơ mất linh hồn đó.*" Thầy trả lời: "*Xin đừng quên lời Kinh Thánh: Phải vâng lời Thiên Chúa hơn vâng lời người ta.*" (Cv 4, 19)

• Không để ai liên lụy.

Gia nhập Hội Thừa Sai Paris ngày 09.10.1846 thì ngày 29.05.1847, thầy Schoeffler được thụ phong linh mục. Sau đó, được gửi đến địa phần Tây Đàng Ngoài. Đức cha Retord Liêu vui mừng đón tiếp, giữ cha lại trụ sở học tiếng và phong tục Viêt Nam, rồi cho cha tháp tùng trong các cuộc kinh lý để hiểu rõ tình hình địa phận hơn. Sau đó, cử cha lên coi xứ Đoài. Trong nhiệm sở mới, cha Đông tích cực làm việc mục vụ và truyền giáo, số người trở lại ngày càng nhiều. Khi vua Tự Đứcra chiều chỉ cấm đạo năm 1848, cha nói: *"Kỳ này thế nào trong chúng tôi cũng có kẻ bị chém, chớ gì người đó là tôi.*" Thế nhưng cha vẫn an toàn làm việc được ba năm.

UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

Ngày 01.03.1851, sau khi đến giảng phòng mùa Chay cho xứ Bầu Nọ, cha Đông đi đường rừng qua giảng ở Bản Mộ thì bị quân lính bắt. Thời đó cuộc nổi loạn ở Hoàng Bảo (Trưởng tử của vua Thiệu Trị) mới thất bại, lính tuần đinh đang truy lùng các thành viên còn sót lại. Tín hữu Bầu Nọ cũng biết chuyện, nhưng lại chủ quan, nghĩ rằng lính chỉ đi lùng ban đêm, nên đưa cha Đông đổi chỗ giữa ban ngày, không ngờ có một tín hữu ham tiền đã đi báo cho quan. Họ bố ráp và bắt cha đang len lỏi trong rừng rậm. Một linh mục Việt và hai chú giúp lễ cùng bị bắt với ngài.

Quan Tuần phủ địa phương tuyên bố mình không có ý giải nộp vị thừa sai, và ra giá chuộc là một nén vàng với 100 nén bạc, cha Đông trả lời không có số tiền đó. Nhưng một lát sau, cha chợt hiểu ra rằng những người này dù đòi được tiền rồi, cũng vẫn nộp mình cho quan lớn như thường, nên cha nói: "*Vì quý ông nhất quyết đòi tiền chuộc, hãy thả những người này về, chỉ có họ mới biết chỗ tôi để tiền*." Quan Tuần tưởng thật nên trả tự do cho linh mục Việt Nam và hai chú giúp lễ. Phần cha Đông, khi thấy họ đã đi xa, mới nói rõ ý muốn chỉ một mình bị bắt thôi.

Tức giận viên quan cho người giải cha lên tỉnh Sơn Tây. Dọc đường gặp một người tín hữu, cha nói: "Hãy về nói với anh chị em, đừng lo sợ gì hết, dù thế nào tôi cũng không khai một ai cả." Khi đến tỉnh, các quan điều tra về quê quán, tên tuổi, đến An Nam bao lâu, cư trú những nơi nào, có biết vua cấm đạo không. Cha đáp:

"*Tôi tên Augustinô, quê ở nước Pháp, năm nay 29 tuổi, tôi đến đây chỉ để giảng đạo Đức Chúa Trời. Tôi đã biết An Nam cấm đạo ngặt, nhưng tôi không sợ xử tử. Còn việc ở đâu, tôi sẽ không nói, đừng hỏi làm gì.*"

Ngày 05.03 lại bị điệu ra tòa, cha Đông vẫn khai như cũ và cương quyết từ chối việc đạp lên Thánh Giá, nên ngày hôm đó, các quan làm án gửi về kinh đô: "*Tên Ao-du-tinh là người Tây, dám coi thường luật nước, đến đây giảng đạo dụ dỗ dân chúng. Chiếu theo sắc chỉ của Đức Vua, y phải chịu trảm quyết, bỏ đầu trôi sông. Về những kẻ chứa chấp, thần đã tra hỏi nhưng y không chịu nói. Lý trưởng và những kẻ có công, xin theo lời truyền, thưởng 30 lạng bạc. Riêng viên Tuần phủ, xin thưởng thêm một số nữa.*" Tuy nhiên, mãi đến tháng 04.1851, nhà vua mới châu phê bản án.

Suốt một tháng tù, cha Đông bị quản thúc rất chặt chẽ. Một thầy giảng giả làm linh canh đến gần ngục mà vẫn không dám nói gì. Khi thấy cha thầy thổn thức muốn khóc nên phải vội trở ra ngoài ngay, sợ bị lộ. Một tín hữu quan hệ riêng với viên cai ngục để vào tiếp tế ít nải chuối, vô tình quan tỉnh đi ngang nhìn thấy, liền ra lệnh sa thải viên cai ngục đó. Tuy nhiên, dù nghiêm ngặt như thế, cha Phượng cũng vào giải tội cho ngài được một lần, nhờ giả dạng làm người bán hàng rong.

Ngày 11.04 bản án của vua ra đến Sơn Tây: "*Trẫm đã cứu xét hồ sơ Tây dương đạo trưởng ở Sơn Tây. Luật nước đã cấm đạo Gia Tô. Thế mà tên Ao-du-tinh vẫn cả gan vào nước ta giảng đạo lừa dối dân. Trẫm truyền trảm quyết, đầu y thì bỏ trôi*

sông để răn dậy kẻ khác." **Bản án xác định ngày xử là 01.05 Dương lịch, đúng ngày đầu tháng hoa dâng kính Đức Mẹ. Cha Đông nghe tin đó thì vui mừng quỳ ngay xuống đất tạ ơn Chúa và Đức Mẹ đã xép đặt cho mình được tử đạo vào ngày đầu tháng Đức Mẹ.**

• Ngày khải hoàn.

Ngày xử diễn ra như một ngày hội. Cha Đông đi chính giữa, hai bên là tám binh sĩ tay cầm gươm sáng loáng, phái trước là hai hàng lính, mỗi hàng 50 người, một hàng cầm súng, hàng kia cầm giáo. Khi có hiệu lệnh, lính ở hai hàng này bắt chéo súng và giáo làm thành một cổng chào. Phía sau có hai thớt voi trận chở hai viên quan giám sát. Vị chứng nhân đi giữa đòan rước, cười tươi tỉnh như ngày khải hòan. Cổ mang gông, đầu ngẩng cao, hai tay ôm xích sắt để đi khỏi vướng, cha thỉnh thoảng nhắm mắt lại cầu nguyện. Đức cha Retord Liêu sau này đã phải kêu lên: *" Đẹp biết bao cái chết của vị tử đạo!*" Hầu hết mọi người hiện diện hôm đó bao quanh cha đều sửng sốt và thán phục.

Khi đến nơi xử, pháp trường Năm Mẫu, cha Đông quỳ xuống cầu nguyện một lát, rồi cầm Thánh Giá đeo trên cổ cung kính hôn ba lần, đoạn cởi áo đưa đầu cho lý hình và nói: "*Anh làm nhiệm vụ nhanh lên*." Quan giám sát nghe thấy cản lại: "*Không được, cứ phải chờ đến hồi chiêng thứ ba mới được chém."* Hôm đó, người lý hình run sợ quá, nên chém ba nhát mà vẫn chưa đứt, phải lấy gươm cắt phần thịt còn lại. Đâu vị tử đạo bị bỏ trôi sông mất tích. Thi thể ngài được chôn cất tại chỗ, sau hai đêm tín hữu cải lên đem về an táng ở họ Bách Lộc.

Thánh Augustinô SCHOEFFLER ĐÔNG

Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn cha Augustinô Schoeffler Đông lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900. [NB]

[NB] Thánh Augustino Schoeffler Đông cũng là thành viên dòng ba Đaminh. Ngài vẫn được tôn kính tại các địa phận dòng Đaminh ở Đàng Ngoài. Cụ thể ở đền các Đấng Tử Đạo Hải Dương, có di ảnh của thánh nhân đứng giữa các vị tử đạo của dòng Đaminh. Theo Cothonay, cha Schoeffler là học trò của Alex. V. Jandel sau là Bề Trên Tổng Quyền dòng Đaminh, đã lãnh áo dòng ba Đaminh ngày 04.03.1846 tại Nancy (Léo XXVI Martyrs OP du Tonkin, Paris 1906, p. 394)

Ngày 01 tháng 05

Thánh Gioan Louis BONNARD HƯƠNG

Linh mục Thừa Sai Paris
(1284 – 1852)

• Quê hương và trầm hương.

Cuộc đời thánh Louis Hương, và nhất là cuộc tử đạo của ngài gắn liền với tên gọi đã được Đức Cha Retord Liêu đặt cho khi mới tới Viêt Nam. Chúng ta có thể thấy rõ ý của vị Giám mục qua lá thư gửi cho thánh nhân ở trong tù:

"*. . .Tôi đã chúc lành cho cha khi đặt cho cha danh xưng đẹp đẽ "CỐ HƯƠNG", nghĩa là người cha của Quê Hương, là Hương trầm và là Hương thơm. Chính lúc này đây, Quê Hương yêu dấu đó đang xuất hiện cho cha trong ánh huy hoàng, vì cha sắp là một trong những công dân hạnh phúc. Chính lúc này đây, Hương trầm quý giá chuẩn bị đốt lên trên bàn thờ tử đạo và bay đến tận ngai Đấng Vĩnh Cửu. Chính lúc này đây, Hương thơm đáng ca ngợi sẽ làm hài lòng Đức Giêsu như bình hương của cô Madalêna, sẽ làm cho thiên thần và loài người, trời và đất hân hoan vì hương vị ngọt ngaò của nó. . .*"[1]

Vậy đó, suốt đời thánh nhân đã rao giảng về Quê hương trên trời, đã chịu đốt cháy trong lao khổ và tỏa hương thơm ngào ngạt cho ngàn muôn thế hệ.

---

(1) Launay III, tr. 274-275.

Thánh Gioan Louis BONNARD HƯƠNG

Gioan Louis Bonnard Hương sinh ngày 01.03.1824 tại St. Christot-en-Jarret, địa phận Lyon, nước Pháp. Năm 12 tuổi, cha mẹ lo liệu cho cậu vào chủng viện Alixe. Tuy học hành không xuất sắc, cậu được mọi người mến thương vì tính hiền lành và đời sống đạo đức. Trong thời gian này, cậu được nghe nhiều tin tức và mẫu gương truyền giáo ở vùng Viễn Đông, nên cũng ước ao sang Việt Nam giảng đạo. Ngày 04.11.1846, Bonnard xin vào Hội Thừa Sai Paris hoàn tất chương trình thần học và thụ phong linh mục ngày 24.12.1848. Đâu năm 1849, cha Bonnard lên đường sang Việt Nam.

Khi vừa đến Phố Mới (Singapour), các Bề Trên định cử cha sang truyền giáo ở Ai Lao. Nhưng vì đường bộ không thể đi được, cha phải vòng về Hương Cảng tìm đường khác. Cuối cùng, các Bề trên quyết định bổ nhiệm cha vào địa phận Tây Đàng Ngoài. Đức cha Liêu đón tiếp cha ân cần, đặt tên mới là Hương, tạo điều kiện học ngôn ngữ và phong tục Việt Nam.

- **Trái chín của trời cao.**

Sau đó, Đức cha đặt cha Hương coi sóc xứ Kẻ Trình và Kẻ Bảng. Mùa chay 1852, cha mời năm linh mục Việt Nam đến giảng phòng cho xứ Kẻ Bảng, nhiều tín hữu ở chung quanh cũng đến dự. Cuối tuần tĩnh tâm, một số tín hữu ở họ Bối Xuyên mời cha Hương về giúp cho xứ của mình. Khi đó, vua Tự Đức đã ra chiếu chỉ cấm đạo gay gắt nên cha lưỡng lự mãi mới nhận lời. Ngày 21.03.1852 tại Bối Xuyên, sau khi dâng lễ, cha ban bí tích rửa tội và làm nghi lễ bù cho một số trẻ em thì thấy quân lính đến bao vây làng. Một viên quan bị cách chức muốn lập công, đã báo tin cho quan huyện biết. Cha Hương vội

cởi áo lễ, chạy băng qua đồng lúa, nhưng vì nước ngập đến thắt lưng nên không thoát kịp và bị bắt. Trên đường áp giải cha về huyện, quân lính đi nhanh quá, cha nói với họ rằng: *"Anh nào gấp cứ đi trước, còn tôi lúc nào đến cũng được, chẳng có gì phải vội."*, lính mới đi chậm lại.

Đức cha Liêu nghe tin cha bị bắt liền cho người đem tiền đến chuộc, nhưng quan huyện không tiếp. Đức cha gửi thư cho cha Hương như sau:

"Theo tính tự nhiên, việc cha bị bắt làm tôi buồn phiền quá đỗi. Tôi rất đau lòng khi bị mất cha, đang lúc cha có thể đảm trách những nhiệm vụ lớn lao cho miền truyền giáo. Có thể thầy rõ rằng cha được hạnh phúc là người con rất yêu dấu của Đức Kitô khổ nạn, nếu không nghĩ như thế, tôi muốn khiển trách cha. Tại sao đang ở một nơi có thể phục vụ đắc lực hơn nữa, cha lịa bỏ Kẻ Bảng để chui đầu vào ngõ cụt Bối Xuyên?

"Tại Kẻ Bảng, cha đã gặt hái được biết bao thành quả. Những bó lúa chín vàng ở đây thật nhiều, thật nặng với những hạt lúa chắc nịch. Tại đây cha đã ép cho Chúa Cha tràn lan thứ rượu nho là các nhân đức . . .Thôi, tôi sẵn sàng tha thứ cho cha, vì chính Thiên Chúa đã múôn thế. Dưới mắt Ngài, cha là trái cây chín mọng của trời cao, trái cây sắp được Ngài hái về. . ." [1]

---

[1] **Launay III, tr. 270-271.**

• Ngọt ngào biết bao: Đau khổ vì Đức Kitô.

Quan huyện chỉ giam giữ cha một đêm, sáng sớm hôm sau cho áp giải ngài lên tỉnh Nam Định. Hơn một tháng tù, cha bị đưa ra tòa tra khảo bốn lần. Cũng như những vị thừa sai khác, quan Tổng đốc hỏi cha về tên tuổi, quê quán, lý do đến và những gì đã làm tại Viêt Nam. Nhiều lần các quan hỏi về những nơi cha đã đi qua hay trú ngụ, và dọa đánh đón nếu không khai. Cha đáp: "*Các ngài muốn đánh thì đánh, chứ đừng mong tìm được một lời có hại đến các tín hữu. Tôi đến đây để phục vụ cho đến chết. Các ngài đã lầm to nếu nghĩ tôi sẽ tiết lộ điều dù rất nhỏ.*" Khi các quan nói cha đạp lên Thánh Giá và dọa kết án tử hình, cha trả lời: "*Tôi đã nói tôi không sợ đòn đánh lẫn cái chết, tôi sẵn sàng chịu tất cả . . .Tôi không đến đây để chối đạo, hay làm gương xấu cho các Kitô hữu*."

Trong một lá thư, cha Hương tâm sự rằng:

"Nói chung, trong một cuộc khảo cung, tôi có kinh nghiệm cụ thể hiệu lực lời Đức Kitô: "Các con đừng sợ phải trả lời gì với các quan trần thế, Chúa Thánh Linh sẽ nói thay cho các con". (Mt 10, 20) Thực vậy, tôi không thấy bối rối chút nào, không thấy sợ gì và chưa bao giờ nói tiếng Việt Nam lưu loát và dễ dàng đến thế."

Thứ Sáu Tuần Thánh năm đó, Đức cha Liêu tìm cách gửi cha Lê Bảo Tịnh vào ngục giải tội và đưa Mình Thánh. Cha Hương tâm sự: "*Đã lâu chưa bao giờ tôi vui đến thế, khi mang trong mình Vua các thiên thần. Quả thật, cần phải vô tù mang gông xiềng để hiểu được việc chịu đau khổ vì Đức Kitô, Đấng*

chúng ta hằng yêu mến, thật ngọt ngào biết bao. Các bạn tưởng gông cùm của tôi nặng lắm sao? Ô không, ngược lại tôi thấy vui mừng vì tôi biết gông xiềng của Đức Kitô còn nặng hơn bội phần. Tôi vui mừng vì có thể nói như thánh Phaolô: "Người tù của Đức Kitô."

Cha Hương cũng viết thư an ủi song thân rằng: "*Cha mẹ đừng buồn khi hay tin con bị bắt giam và đổ máu vì Đức Kitô. Cha mẹ có yêu con thì hãy vui mừng vì con được phúc trọng ấy. . .Sẽ có ngày cha mẹ và con đoàn tụ trên Thiên Đàng, khi đó chẳng còn lo phải xa cách nhau nữa."*

Về phần các quan, thấy không thể làm được cha xuất giáo thì viết án gửi về kinh đô rằng: "*Chúng thần đã tra khảo nhiều lần nhưng y không chịu khai gì cả. Không cần kéo dài vụ án nữa, đây là tên mọi Tây, một trọng phạm, hiển nhiên là đáng bị tử hình. . .*"

Nhận đươc tin về bản án, Đức cha Liêu viết vào tù:

"*Xin cha cứ bình an. Tôi sẽ săn sóc đặc biệt những bạn tù và những tín hữu của cha. Tôi sẽ là một người cha nhân từ của họ. . .Cha xin tôi ban phép lành, nhưng tôi đã chúc lành cho cha từ ngày cha mới đến, ơn lành đó vẫn ở với cha đến bây giờ. Phải, tôi đã chúc lành cho cha khi đặt tên cha là "CỐ HƯƠNG" . . .Nguyện xin sức mạnh của Chúa Cha nâng đỡ cha trên đấu trường cha sắp bước vào. Nguyện xin công nghiệp Chúa Con an ủi cha trên đồi Canvê cha sắp bước lên. Và nguyện xin tình yêu Chúa Thánh Thần sưởi ấm cha trong ngục tù, nơi cha sẽ khởi hành đi đón nhận ngành vạn tuế tử đạo."*

• **Trong tay Ngài, lạy Chúa !**

Và đây là bản di chúc của vị chứng nhân:

"*Giờ long trọng đã điểm. Vĩnh biệt, xin chào tất cả mọi người đã thương mến và nhớ đến tôi. Xin hẹn gặp nhau trên Trời. . .Trông cậy vào lòng nhân từ Chúa Giêsu, tôi xin Ngài tha thứ muôn vàn tội lỗi cho tôi. Tôi tự nguyện hiến dâng máu và mạng sống vì yêu mến Ngài, và vì những linh hồn yêu dấu mà tôi muốn phục vụ hết mình. Ngày mai thư bẩy, 01.05, lễ thánh Philipphê và Giacôbê Tông Đồ, giáp năm ngày sinh nhật trên trời của cha Đông, tôi nghĩ sẽ là ngày hiến tế của tôi. Xin cho ý Chúa được thể hiện. Tôi vui lòng chịu chết. Xin chúc tụng Chúa. Xin chào tất cả trong Thánh TâmChúa Giêsu và Mẹ Maria. Trong tay Ngài, lạy Chúa, con xin phó thác hồn con. Người tù của Đức Kitô. "*

Sáng ngày 01.05.1852, cha Hương rước lễ lần cuối, vui vẻ theo quân lính ra pháp trường Bẩy Mẫu, cách đó một dặm rưỡi về phía nam. Đến nơi, cha quỳ trên chiếu cầu nguyện. Cha phải chờ một giờ đồng hồ, vì quân lính quên mang dụng cụ tháo gông, phải chạy về nhà kiếm. Sau đó, họ trói vị chứng nhân vào cọc. Theo hiệu chiêng trống, lính chém đầu cha rơi trên cát. Dân chúng ùa vào thấm máu làm kỷ niệm, nhưng lính dùng roi đuổi tất cả ra xa, sau đó họ lấy áo ngoài, áo lót và hai ống quần cắt ra làm nhiều mảnh bán cho dân. Thân mình và đầu vị tử đạo được đưa lên thuyền bỏ trôi sông. Đức cha Liêu đã cho người đi một chiêc thuyền lảng vảng gần đó kịp thời vớt đưa về Vĩnh Trị. Đêm đó, Đúc cha và vài linh mục âm thầm dâng lễ và an táng vị tử đạo trong chủng viện.

UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

Ngày 27.05.1900, Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn cha Gioan Louis Bonnard Hương lên bậc Chân Phước.

Ngày 02 tháng 05

Thánh Giuse NGUYỄN VĂN LỰU

Trùm họ
(1790 – 1854)

• Một cuộc đời tốt đẹp.

Sáu mươi tư tuổi đời, bao nhiêu là kỷ niệm, bao nhiêu là niềm vui, bao nhiêu là tình thương. 64 tuổi đời với những trách vụ và công việc xen lẫn với những khó khăn gian khổ, đói khát và bệnh tật của một người dân tầm thường. Ông trùm Giuse Lựu tạ ơn Chúa vì 64 năm đó, và rồi ông chỉ còn chờ giấy phút sau cùng để "trả lại quãng đời trần gian Chúa đã ban cho mình". Giây phút đó đã đến sớm hơn lòng ông mong chờ. Sau cuộc tra tấn trong ngục tối im lặng âm thầm, ông cảm thấy rõ giây phút đó từ từ đến. 64 tuổi đời sống làm con Chúa, còn lại chút hơi thở cuối cùng, ông cũng muốn thành kính dâng lên trọn vẹn cho Ngài. Ông bám vào bờ tường, cố gắng đứng dậy ngước mặt lên trời kêu tên cực trọng Chúa Giêsu và Đức Maria ba lần, rồi từ từ ngả xuống nền nhà ngục, hoàn tất 64 năm dương thế một cách tốt đẹp.

• Sống để phục vụ.

Chào đới năm 1790 tại họ Cái Nhum, tỉnh Vĩnh Long. Ngay từ thời niên thiếu, cậu Giuse Nguyễn Văn Lựu đã được hấp thụ một nền giáo dục gia đình Công Giáo đạo đức. Nhờ vậy

sau này khi kết hôn, Giuse Lựu đã đem lại cho gia đình mình một nề nếp cao quý, một bầu khí đầm ấm yêu thương thấm nhuần tinh thần đạo hạnh Kitô giáo.

Được đề cử làm Trùm họ, ông tỏ ra xứng đáng với lòng tín nhiệm, quý mến của mọi người. Đặc biệt ông có tài hòa giải những cuộc xích mích: Nhờ uy tín cá nhân, ông phân tích rõ ràng ai phải ai trái, rồi dẫn lời Chúa dậy trong Phúc Âm, ông mời gọi mọi người hãy tha thứ và làm hòa với nhau. Thế là mọi người đều nghe theo các lời chí tình, chí thết của ông. Hơn nữa trong trách vụ này, ông còn thể hiện một tâm hồn nhiệt thành với việc tông đồ, một Kitô hữu đầy lòng bác ái: Cộng tác với các linh mục trong việc điều hành họ đạo, coi sóc các em thiếu nhi, giúp đỡ người nghèo. Ông đã từng biến cả vườn ruộng để xây một nữ tu viện. Hằng ngày ông vẫn rộng tay làm phúc cho người nghèo khổ. Cuộc đời của ông Lựu thật giống những người tôi tớ trung tín luôn luôn làm sinh lời những nén bạc Chúa ban.

Những nguy hiểm gây ra do săc chỉ cấm đạo không làm cho ông Trùm họ Mặc Bắc sợ hãi. Trước biết bao nguy hiểm khó khăn, ông vẫn lo liệu để các linh mục có nơi ẩn náu, hầu có thể cử hành và trao ban các bí tích cho các giáo hữu.

- **Ý chí sắt đá.**

Ngày 26.02.1853, quan quân vây làng Mặc Bắc để tìm bắt cha Lựu (thưc ra bấy giờ cha Minh đã thay thế cha Lựu mà quan quân không biết), nhưng ngay lúc đó, ông Trùm Lựu can đảm trả lời: "*Thưa các quan, không có đạo trưởng Lựu ở đây*.

***Lựu chính là tên tôi làm Trùm họ này*.” Quan quân nhìn ông chỉ thấy dáng dấp của một nông dân nhà quê, không có vẻ gì là đạo trưởng. Họ bèn lục soát kỹ hơn. Biết không thể trốn được, cha Minh liền ra trình diện, mà họ nghĩ là cha Lựu. Sau đó cùng với cha Minh, ông Trùm Lựu và sáu giáo hữu bị giải về tỉnh Vĩnh Long.**

Những hình khổ trong tù đã làm bốn người thối chí, họ muốn sống dễ dãi hơn. Những người yếu lòng ấy, không chỉ phản bội Thiên Chúa, họ còn tố tội cho ông Trùm họ Mặc Bắc là người tiếp đón và cho đạo trưởng ẩn trú. Họ nguyền rủa ông như là nguyên nhân gây ra mọi tang tóc, nọi khổ cực cho họ. Riêng ông Trùm Lựu, trước sau vẫn một mực trung kiên với Thiên Chúa, ông đón nhận những lời sỉ nhục và mọi đau khổ một cách khiêm tốn để đền bù những tội lỗi mình. Ông sẵn sàng đón nhận tất cả vì ông tin tưởng vào Thiên Chúa, tín thác hoàn toàn nơi Ngài. Lời tâm sự với linh mục cùng bị giam cho thấy ông có một niềm tin vững mạnh và tấm lòng hy sinh cao cả: “*Thưa cha, xin cha cầu nguyện cùng Chúa để Chúa ban cho con sức mạnh và can đảm cần thiết. Con sắp phải đi đầy, con xin trao cho Chúa tất cả mọi sự thuộc về con, con bằng lòng dâng cho Ngài hy sinh lớn lao hơn hết là gia đình vợ con, chính Chúa sẽ chăm sóc gia đình vợ con của con.*”

Còn gì cao quý và giá trị cho bằng một tình yêu trong Thiên Chúa, Đấng chính là Tình Yêu.

• An nghỉ trong Chúa. . .

Những hình khổ lao tù cuối cùng chỉ thắng được thân xác. Vì tuổi già sức yếu, lại mắc bệnh và phải đeo gông mang xiềng, nên đêm mùng một rạng mùng 02.05.1854, ông Trùm Giuse Lựu đã trút hơi thở cuối cùng. Vị chứng nhân trung thành đã xứng đáng nhận lãnh cành lá vạn tuế tử đạo, dù không bị trảm quyết.

Đám tang ông Trùm Giuse Nguyễn Văn Lựu là trường hợp họa hiếm trong thời cấm đạo ngặt. Bất chấp mọi nguy hiểm có thể xẩy ra, bốn linh mục và độ 2.000 tín hữu đã tiễn đưa linh cửu ông đến an táng trong khu thánh đường họ Mặc Bắc.

Đức Giáo Hoàng Pio X đã suy tôn ông Trùm Giuse Nguyễn Văn Lựu lên bậc Chân Phước ngày 02.05.1909.

Ngày 09 tháng 05

Thánh Giuse HIỂN

Linh mục dòng Đaminh
(1769 – 1840)

• Người tông đồ kính Thánh Giá.

Ấn tượng đẹp nhất trong cuộc tử đạo của Thánh Giuse Hiển là hình ảnh cụ già 71 tuổi sau bao cực hình tra tấn ban ngày, mỗi tối nằm dài trong nhà lao nắn nót vẽ trên vải từng mẫu ảnh Thanh Giá mỹ thuật, với những nét hoa văn tinh tế. Khi giáo hữu đến thăm, cha phát cho mỗi người một mẫu. khuyên họ cung kính suy gẫm và xin ơn bền đỗ. Có người được ơn lạ vì mang trên mình ảnh Thánh Giá đó. Thế là dù ở trong tù, cha đã phát động được một phong trào suy tôn Thánh Giá ở Nam Định. Về sau, vì số người xin ảnh nhiều quá, cha phải nhờ một anh bạn tù khắc mẫu Thánh Giá đó vào gỗ, rồi dùng mực in ra nhiều bản, mới cung ứng đủ với nhu cầu.

Giuse Hiển sinh năm 1769 tại làng Quần Anh Hạ, tỉnh Nam Định. Từ thuở, gia đình đã gởi gấm cậu đến sống với Đức cha Delgado Y dòng Đaminh. Sau khi học xong thần học, thầy Hiển được phong linh mục và được gửi đi du học ở Manila. Ngày 12.10.1812, cha được lãnh áo dòng Đaminh và năm sau thì khấn dòng. Trở về Việt Nam, cha giúp nhiều giáo xứ, lâu nhất là xứ Cao Mộc. Mọi người công nhận cha sống thánh thiện, miệt mài với kinh nguyện và có tài hoán cải lòng người.

Ai nghe cha khuyên nhủ đều thấy lòng mình sốt sắng, muốn canh tân sửa đổi sống sao cho xứng danh Kitô hữu.

Khi vua Minh Mạng ra lệnh cấm đạo, cha Hiển là bạn đồng hành với Giám mục Henares Minh trên đường lưu lạc. Năm 1838, khi Đức cha về Xương Điền, ngài xin về quê cũ là Quần Anh, sau lại di chuyển về Hưng Nghĩa rồi ở họ Trung Thành suốt chín tháng. Tuy khó khăn và luôn luôn phải ẩn trốn, cha vẫn cố tìm cách phục vụ cộng đoàn dân Chúa cách đắc lực, cha thăm viếng từng nhà, an ủi khích lệ từng người và trao ban các bí tích.

- **Vững vàng trong thử thách.**

Tối 20.12.1839, cha Hiển đi xức dầu và giải tội cho ông đội Nhật đang hấp hối, ông đã bỏ xưng tội lâu năm và muốn được dọn mình chết lành. Một người ngaọi giáo phát giác và tố cáo cha với Tổng đốc Trịnh Quang Khanh. Quan liền đem quân đến vây kín làng Trung Thành. Thấy khó trốn thoát, cha cử hành một thánh lễ sốt sắng để chuẩn bị đón nhận phúc tử đạo. Đến khi trời vừa tảng sáng, quân lính tìm bắt được cha và lôi ra trước đình làng.

Vì chối không chịu đạp lên Thánh Giá, quan cho đánh cha 40 roi, tiết đông gía rét góp phần làm những vết roi thêm tê buốt. Sau đó, quan truyền lấy nước lạnh dội từ trên đầu xuống, các vết thương đang rướm máu nay gặp nước thì tím bầm lại, quả đau đớn và xót xa! Dầu vậy, cha Hiển vẫn không hế than thở rên la một lời, cha chỉ kêu tên cực trọng Đức Giêsu và suy niệm về cuôc thương khó Chúa khi xưa.

Hai ngày sau, vị linh mục được giải về Nam Định và bị giam giữ hơn năm tháng. Là một tu sĩ dòng Thuyết giáo, cha không quên sứ mạng truyền bá Tin Mừng. Ngay ở trong tù, cha vẫn dậy đạo và rửa tội được một vài tân tòng, khuyến khích các tín hữu kiên trung xưng đạo trước những cực hình tra tấn. Đặc biệt cha giúp thầy Tôma Toán đã một lần đạp lên Thánh Giá, tìm lại được can đảm tuyên xưng niềm tin cho đến ngày lãnh triều thiên tử đạo. Những mẫu ảnh Thánh Giá cha phổ biến, đã gây được một phong trào tôn sùng Thánh Giá, giúp người nhút nhát thêm nghị lực, giúp tội nhân hoán cải và nhiều người sắp chết tìm lại được bình an.

Rất nhiều lần cha bị đưa ra đối chất trước tòa. Các quan khi thì tra tấn dã man, khi thì dùng lời dụ dỗ ngọt ngào, nhưng trước sau như một, cha dứt khoát không chịu xuất giáo. Cha nói: "*Tôi đã già chẳng sống được bao lâu nữa, tôi sẵn sàng chết vì Đấng đã chết cho tôi*."

Đầu tháng 05.1840, sau khi đã nhận được án từ triều đình, quan Tổng đốc Trịnh Quang Khanh truyền đem cha Hiển cùng thầy Toán ra trình diện. Quan bắt hai vị đứng trước Thánh Giá, rồi cho quản tượng dẫn ra hai thớt voi to lớn đứng ngay sau lưng. Theo lệnh của quản tượng, hai chú voi từ từ tiến tới đẩy hai vị đạp lên Thánh Giá. Nhưng hai vị đã khéo léo và bình tĩnh tránh ra một bên. Cha Hiển nói thẳng với quan: *"Xin quan cứ tuân lệnh vua, đừng ép thêm vô ích, chúng tôi sẵn sàng chết để tỏ lòng yêu mến Chúa"*. Trịnh Quang Khanh nghe nói thế tức giận lắm, truyền đem thầy Toán vào ngục, bỏ đói cho chết rũ tù. Còn cha Hiển, ông cho đem đi xử trảm ngay.

• Khải hoàn trong vinh quang.

Trên đường ra pháp trường, cha Giuse Hiển phải mang gông rất nặng đi giữa một toán lính, cha vừa đi vừa cầu nguyện và cảm tạ Chúa. Khi tới nơi xử, cha quỳ gối thinh lặng, mắt hướng về trời cao. Trong lúc chìm đắm trong lời nguyện, cha lãnh nhận một nhát gươm đem lại ngành lá chiến thắng tử đạo mà cha hằng mong ước. Hôm ấy là ngày 09.05.1840. Thi thể cha Hiển được chôn ngay tại pháp trường. Tám tháng sau, anh Phêrô Dậu [(1)], người trước cũng bị giam chung với cha vì đức tin, cải táng và đem về chôn tại chủng viện Lục Thủy.

Đức Lêo XIII suy tôn Chân Phước cho cha Giuse Hiển, linh mục dòng Thuyết giáo, cùng với 63 vị tử đạo tại Việt Nam khác ngày 27.05,1900.

[(1)] Anh Dậu cũng bị tra tấn nhưng rồi được tha, anh thường lui tới thăm các đấng còn bị giam, và lo chôn cất sau khi xử.

Thánh Matthêu LÊ VĂN GẪM

Ngày 11 tháng 05

Thánh Matthêu LÊ VĂN GẪM

Thương gia
(1813 – 1847)

• Liều thân vì đại nghĩa.

Năm 1844, theo lời yêu cầu của Đức cha Cuénot Thể, Đức Giáo Hoàng Grêgôriô XVI chia địa phận Đàng Trong thành hai địa phận: Địa phận Đông gồm các tỉnh miền Trung, và địa phận Tây gồm các tỉnh miền Nam và Campuchia. Địa phận Tây được trao cho Đức cha Lefèbvre Nghĩa, khi đó đã bị trục xuất và đang ở Singapour. Phái đưa Đức cha về địa phận, đó là điều mong ước của toàn thể tín hữu và hàng giáo sị ở Nam Việt. Thánh Matthêu Gẫm đã đứng ra đảm nhận công tác này, dù đã lường trước được những nguy hiểm đến tính mạng. Và thực tế ngài đã bị bắt và đã hy sinh vì sứ mạng này. Tấm gương sáng ngời của thánh nhân sẽ muôn đời sống mãi trong lòng các tín hữu Việt Nam yêu mến Giáo Hội mình.

• Người gia trưởng gương mẫu.

Matthêu Lê Văn Gẫm chào đời năm 1813 thời vua Gia Long, tại họ Tắt, thuộc làng Long Đại, xứ Gò Công, tỉnh Biên Hòa (nay thuộc huyện Thủ Đức). Là con đầu lòng trong một gia đình năm anh em trai và một em gái út, Matthêu Gẫm đã thừa hưởng nơi thân phụ, ông Phaolô Lê văn Lại và thân mẫu, bà Maria Nguyễn thị Nhiệm, một truyền thống đạo đức thâm sâu.

Năm 15 tuổi, cậu Gẫm xin phép cha mẹ gia nhập chủng viện Lái Thiêu để tu học làm linh mục. Nhưng chỉ một tháng sau, song thân đã đến xin cậu về. Vì là anh cả một đàn em nhỏ dại, cậu đã vâng lời cha mẹ về phụ giúp gia đình lao động kiếm sống. Và Chúa đã hướng dẫn cậu theo lối đi khác. Khoảng 20 tuổi, chàng thanh niên vạm vỡ ấy kết hôn với một thiếu nữ thuộc họ Thành, làng Long Điền, Ba Rịa (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Nai). Hai vợ chồng sống với nhau rất êm ấm thuận hòa và sinh hạ được bốn người con.

Trong nghề thương mại thường phải xa nhà, một lần kia Matthêu Gẫm sa ngã, theo đuổi một thiếu nữ khác. Nhưng khi nghĩ lại, ông cương quyết từ bỏ mối tình ngang trái. Để bù lại, ông tỏ ra yêu vợ nhiều hơn và chú tâm vào việc giáo dục con cái, nhất là về đời sống đạo đức. Trong bốn người con thì con trưởng và con út qua đời vì bệnh, người thứ hai đứng ra cản việc đốt nhà thờ Cầu Ngang nên bị giết, còn người thứ ba bị bắt vì đạo và chết thiêu trong khám đường cùng với nhiều người khác tại Bà Rịa ngày 07.01.1862. Hai người con tử đạo, quả là bằng chứng rõ rệt về đường lối giáo dục đức tin của ông.

• Người thương gia quảng đại.

Vì có thuyền riêng và rành nghề đi biển, công việc buôn bán của ông Matthêu Gẫm càng ngày càng phát đạt. Ông quảng đại giúp đỡ các giáo sĩ và được các thừa sai tín nhiệm. trong chương trình của cha Lợi, quản lý nhà chung Bà Rịa thì thỉnh thoảng ông lại làm một chuyến qua Hạ Châu (Singapour) hay Pénang (Mã Lai) để đón các thừa sai và các chủng sinh Việt Nam du học về nước hoặc chuyển các đồ thờ tự và sách báo

đạo. Một số chuyến đi về êm xuôi, nhưng rồi công việc bại lộ, và các quan địa phương để ý theo dõi ông rất gắt.

Năm 1846, vì nhu cầu của địa phận, ông hận lời với cha Lợi sang Singapour đón Đức cha Đaminh Lefèbvre Nghĩa, cha Duclos Lộ và ba chủng sinh về Sàigòn. Như có linh cảm chuyến này khó thoát, nên ông đến giã từ cha mẹ nội ngoại, dặn dò vợ con kỹ càng ước vọng của mình rồi mới lên đường. Chuyến đi được êm xuôi. Ngày 23.05, thuyền nhổ neo quay về thì gặp bão tố, và mất thêm bốn ngày trốn chạy một tầu cướp biển, nên ông trễ hẹn. Ngày 06.06, ông mới vào cửa Cần Giờ, ông Trùm Huy họ Chợ Quán đã chờ ở đó sáu ngày để chuyển người mà không gặp, nên đã trở về nhà.

Vì biết mình là đối tượng bị theo dõi, ông Gẫm đã cẩn thận neo thuyền chờ thêm hai ngày, đến khi không thấy ai ra đón, mới quyết định đánh liều đi sâu vào Sàigòn. Vừa thoát qua một đồn canh, ông gặp một chiếc thuyền tuần tiễu, ông nhanh trí hối lộ cho họ mười nén bạc để thoát thân. Năm người lính trên thuềyn này, sau một hồi tranh luận, sợ chuyện bị bại lộ, nên quay thuyền lại và rượt theo để trả tiền và bắt thuyền ông. Ông Gẫm kêu gọi các anh em trên thuyền hợp tác, định chống trả, nhưng Đức cha Nghĩa không đồng ý, vì cho rằng trái với tinh thần nhân hậu của Kitô giáo.

- **Khổ giá và vinh quang.**

Sáng 08.06.1846, với sự yểm trợ của một số lính trên thuyền khác mới tới, quân lính nhà vua áp tải thuyền ông Gẫm

về Bến Nghé. Đức cha Nghĩa và cha Lộ bị giam ở Công Quán. Cha Lợi qua đời trong tù ngày 17.07.1846, còn vị Giám mục thì được giải ra kinh đô Phú Xuân. Tại đây, vua Thiệu Trị lên án xử trảm, sau đổi thánh án trục xuất về Singapour (sau ngài lại tìm cách vào Việt Nam). Ông Matthêu Gẫm tự nhận là người chủ mưu nên bị biệt giam ở Sàigòn.

Vài ngày sau, các quan đưa ông ra tòa lấy khẩu cung và kêu gọi quá khóa. Dù bị đòn đánh đau đớn, ông Gẫm vẫn hiên ngang chịu đựng, không khai một ai, cũng không chịu bước qua Thánh Giá. Trước tòa ông khai là Lê Văn Bửu, còn bản án lại ghi là Lê Văn Bối. 20 ngày sau, các quan làm án gửi về kinh đô xin xử chém, nhưng nhà vua chần chừ đến năm sau mới quyết định.

Trong thời gian chờ vua phê chuẩn, ông Gẫm phải mang gông xiềng nặng nề, nhưng lúc nào cũng giữ được bình tĩmh vui vẻ. Ông nói: "Tôi có ăn trộm ăn cắp gì đâu mà sợ, mà buồn. Được chết vì đạo là điều tốt lắm." Cha Thán ba lần cải trang vào thăm giải tội và trao Mình Thánh. Cha Phan Văn Minh (tử đạo ngày 03.07.1853) cũng vào thăm và khích lệ. Các tín hữu Chợ Quán, Thị Nghè, An Nhơn và họ Lăng (Chí Hòa) cũng rủ nhau đến thăm viếng người anh hùng của địa phận. Thân phụ ông Gẫm và người em, ông đội Phaolô Bằng, vì liên hệ gia đình cũng bị bắt giam tại Biên Hòa. Thân mẫu ông và các em khác trốn tránh quanh vùng Thủ Đức cũng vào ngục thăm ông một vài lần.

Sau bẩy tháng ông Gẫm bị giam, bản án được vua Thiệu Trị châu phê, nhưng vì trùng vào dịp cuối năm, vua ra lệnh dời

qua Tết mới thi hành. Sau Tết, một vài viên quan ở trấn Gia Định có cảm tình với người thương gia hiền lành, việc cớ chính vị Giám mục cũng không bị xử tử, làm đơn xin vua giảm án của ông Gẫm thành án lưu đầy chung thân. Nhưng tháng 03.1947, khi quân đội triều đình giao tranh và thua quân Pháp ở Đà Nẵng, nhà vua quyết định không ân xá gì nữa.

Ngày 11.05.1847, ông Lê Văn Gẫm được đưa đến pháp trường "*Da Còm*", tên một cây đa tróc gốc cằn cỗi ở đó (nay là xứ Chợ Đũi, khi đó còn thuộc xứ Chợ Quán), các tín hữu và lương dân hiện diện rất đông. Ba người em của vị anh hùng đức tin, là Tôma Trọng, Phaolô Bằng và Anê Nguyện, cũng có mặt trong vụ xử anh mình. Ông đội Bằng và ông Trùm Phước phải xô đẩy đám đông để đưa cha Thán đến gần giải tội lần cuối cho anh mình. Ông đội cũng tặng đao phủ ba quan tiền để anh ta chém thật gọn, giúp anh mình đỡ đau đớn.

Thế nhưng nghe tiếng chiêng trống, và thấy thái độ thương tiếc của nhiều người tham dự, viên đao phủ không giữ được bình tĩnh phải chém đến ba nhát, đầu vị tử đạo mới lìa khỏi cổ. Các người em vị tử đạo và các tín hữu ùa vào, ráp đầu vị chứng nhân với thân mình, khâu lại, thay áo trắng, lấy khăn xanh cuốn quanh cổ ngài, rồi đặt lên võng khiêng về an táng tại họ Chợ Quán.

Năm 1870, bà Nhiệm, thân mẫu vị tử đạo thuật lại ở tòa điều tra phong thánh rằng:

"*Hai vợ chồng chúng tôi nghe con chết thì chẳng có thảm thiết gì, một vui lòng mà rằng: chết vậy đặng làm thánh.'*

Thánh Matthêu LÊ VĂN GẤM

Ngày 27.05.1900, Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn ông Matthêu Lê Văn Gẫm lên bậc Chân Phước.

Ngày 22 tháng 05

Thánh Micae HỒ ĐÌNH HY

Quan Thái bộc
(1808 – 1857)

- **Bức chân dung sống động.**

Đứng trước bức tranh "NÀY LÀ NGƯỜI" (Ecce Homo), diễn tả Đức Giêsu sau cuộc tra tấn được Philatô đem trình diện dân chúng (Ga 19, 5), Thánh nữ Têrêsa thành Avila thuật lại như sau:

"*Bức tranh sống động trình bầy Đức Giêsu mình dầy thương tích đó đã khiến tôi xúc động ngay khi vừa trông thấy. Tôi thấy mình run lên, vì cảm nhận được những đau khổ Chúa chịu vì chúng ta. Tim tôi như rạn nứt vì hối hận những bất trung của tôi đã đả thương Ngài. Tôi liền quỳ xuống trước mặt Ngài, nước mắt đầm đìa, xin Ngài ban cho tôi sức mạnh một lần cho trọn đời để từ nay không bao giờ tôi làm phiền lòng Ngài nữa. . .*"

Trong lịch sử Giáo Hội Việt Nam, bức tranh "NÀY LÀ NGƯỜI" đã được phác họa không phải trên vải, mà là nơi chân dung quan Thái bộc Hồ Đình Hy mình đầy thương tích, bị dẫn qua khu chợ và quanh thành nội Huế ba ngày, lính mở đường đi trước rao tên và tội "tả đạo". Bức chân dung ấy, thánh nhân đã nhận để biểu lộ lòng sám hối và đức tin của mình.

• Là một trung thần.

Micae Hồ Đình Hy sinh năm 1808 tại Nhu Lâm, tỉnh Thừa Thiên trong một gia đình quan chức. cậu là con út trong số 12 anh chị em. Từ nhỏ, cậu đã theo học các thày đồ nho. Hình như cậu cũng biết đôi chút sinh ngữ Anh, Pháp. Khi ra làm việc, anh là một thơ lại bộ Công. Năm 20 tuổi, anh Hy kết hôn với cô Lucia Tân, sinh hạ được năm người con. Người con cả sau này đi tu, học tại Pénang, rồi sau thụ phong linh mục là cha Thịnh. Dần dần vì ông Hy thực hiện tốt mọi công tác được giao, nên được thăng chức lên Tham tá, hàm Lục phẩm. Dưới triều vua Tự Đức, ông lên tới chức Thái bộc, hàm Tam phẩm, đặc trách ngành dệt tơ lụa vải vóc trong cả nước. Uy tín ông ngày càng lớn và được vua tín cẩn. Khi một số quan lại ghen tương, xin truất chức quan Hồ Đình Hy, vua Tự Đức trả lời:

"*Không thể truất nhiệm ông ta được, vì ông đã chu toàn trách nhiệm theo lương tâm. Trước đây chưa ai giữ chức ấy được hai năm cả. Cho đến nay, ta chưa có gì phải khiển trách ông ta. Có lẽ ta sẽ tăng lương cho xứng với việc của ông ấy nữa là khác.*"

Dù làm quan dưới triều vua bách hại đạo, quan Thái bộc không ngại tỏ ra mình là người Công giáo. Trong nhà, ông đặt bàn thờ Chúa nơi xứng đáng, thắp đèn trưng hoa mỗi ngày. Thế nhưng khi giao dịch với giới quan lại, ông chịu ảnh hưởng nhiều tật xấu và sa ngã đôi phen: Ông quan hệ với một thiếu nữ trẻ, và sinh được ba người con ngoại hôn. Để chuộc lại lỗi lầm, ông đã rửa tội và đưa chúng về nuôi nấng tử tế như con chính

thức của mình. Ông cố gắng làm nhiều việc thiện để đền bù tội lỗi xin Chúa tha thứ. Một hôm, ông tâm sự với bạn bè: "*Tôi nghĩ dù lấy nước của các con sông trên địa cầu, cũng không thể rửa sạch tội của tôi được. Có lẽ chỉ có thể rửa sạch chúng bằng chính máu của tôi thôi.*"

Ở đây chúng ta có thể ôn lại một vài mẫu gương sống trong đời ông:

-Có một người bị tố cáo lấy trộm kho lẫm nhà vua. Quan Thái bộc can thiệp xin vua Tự Đức ân xá. Người này đến tạ ơn vị cứu tinh, và đã đặt lên bàn một túi tiền lớn. Nhưng ông nói với anh ta rằng: "*Cầm tiền và đi ngay, bằng không tôi sẽ giao anh cho công lý bây giờ*." Nhiều ngươi nghe chuyện phải thốt lên: "*Chưa bao giờ chúng tôi thấy ai tốt như thế*." Người được ân xá không ngờ mình đã chạm đến đức thanh liêm của vị ân nhân.

-Một người khác nghiện thuốc phiện bị bệnh trầm trọng, và được giới thiệu đến nhà quan Thái bộc. Quan đón tiếp bệnh nhân rất thân tình, thu xếp cho ở trong căn lều phía sau nhà. Rồi mỗi ngày trước khi tới nhiệm sở và khi về, quan Thái bộc đều ghé thăm hỏi và chăm sóc bệnh nhân. Khi có người trách, ông trả lời họ rằng: "*Phải làm nhiều việc thiện để đền bù tội lỗi chúng ta. Mà đã làm thì đừng máy móc qua lần chiếu lệ, phải làm với thiện ý, có thế mới lập được nhiều công phúc*." Và ông cứ tiếp tục săn sóc suốt 15 ngày, cho đến khi người bệnh qua đời. Ông còn tổ chức lễ an táng một cách cẩn thận, chu đáo.

Trong vùng có một người quá nghèo, nên bán hai bé gái cho một người ngoại giáo. Nghe biết chuyện, quan Hồ Đình Hy bỏ tiền ra chuộc lại hai cháu này đem về rửa tội, và nuôi nấng cho đến khi trưởng thành. Sau đó, với tất cả lòng quảng đại, ông đã đáp theo như ý của hai cô: một người xin đi tu, một người lập gia đình.

Đức cha Pellerin Phan phụ trách địa phận Đông Đàng Trong, tỏ ra tín nhiệm ông và trao cho ông trọng trách hỗ trợ các thầy giảng ở tỉnh Thừa Thiên; sau đó lại ủy thác cho ông việc coi sóc tài sản và cơ sở truyền giáo trong địa phận.Với trách vụ mới, ông đã quảng đại đóng góp nhiều tiền của, công sức cho Giáo Hội. Một lần kia, Đức cha đi thăm các giáo hữu, thuyền của Đức cha bị một chiếc khác tông vào. Chủ thuyền lạ này đòi tiền bồi thường, ông Hy liền cởi chiếc áo quý ông đang mặc, trao cho người chủ thuyền đó, dù biết tai nạn không do lỗi mình gây ra, nhưng vì ông muốn bảo đảm an toàn cho vị Giám mục.

- **Một lòng vì Chúa.**

Cuối năm 1856, khi quân Pháp bắn phá cảng Đà Nẵng thì quan Thái bộc Hồ Đình Hy bị bắt. Triều đình lấy cớ ông đã gửi con đi học ở Pénang, nghĩa là có giao thiệp với nước ngoài. Ông bị giam tại Trấn phủ (Huế).

Vua Tự Đức ra lệnh cho quân lính bằng mọi cách bắt ông nhận tội, bắt bước lên Thập Giá và kê khai các linh mục thừa sai hoặc Việt Nam, kể cả quân lính có đạo. Ông cương quyết không bỏ đạo, nhưng vì bị tra tấn quá đau đớn, ông lỡ lời

nói tên một vài tín hữu. Thục ra, ông nghĩ rằng những người này đã trốn khi nơi khác, nào ngờ "*bứt dây động rừng*", dựa vào lời ông, triều đình bắt được 29 người. Trong đó 8 người xuất giáo, còn 21 người kiên trung với đức tin, dù bị khắc trên má chữ "*Tả đạo*" và bị lưu đầy. Ông cho rằng tất cả bị bắt là bởi mình, nên khóc lóc ân hận, xưng tội xin Chúa thứ tha và kiên quyết dùng chính máu mình để rửa sạch lỗi lầm đó.

Một lần chính vua Tự Đức xét xử và khuyên ông nhớ lại, ít là giả bộ bước qua Thập Giá. Ông thẳng thắn từ chối: *" Tâu bệ hạ, đã 30 năm phục vụ dưới ba triều vua, lúc nào hạ thần cũng là người hết lòng yêu nước và tôi trung. Hạ thần cam chịu mọi cực hình để nên giống Đức Kitô, đền bù tội lỗi và chết thánh thiện."*

Trở về ngục, ông nói với các bạn: "*Tôi thấy đời tôi sắp tận số rồi, chỉ mong sao giữ vững được đức tin đến giờ phút cuối đời."*

- **Để nên giống Thầy Chí Thánh.**

Ngày 30.04.1857, vua kết án quan Hồ Đình Hy:

"*Khinh luật nước, theo tả đạo, lại gửi con đi Tân Gia Ba thăm đạo trưởng Oai và bàn chuyện liên lạc với tầu Pháp. Rõ ràng là đứa hai lòng đáng chết nghìn lần. Ta truyền phải chém đầu làm gương."*

Vua còn ghi chi tiết phải xử thế nào:

" Ta hạ lệnh cho năm quan triều đình và 15 binh sĩ dẫn y đi vòng quanh Thành Nội ba ngày. Khi đi ngang qua chợ và nơi công cộng, phải rao tội nó lên cho dân biết . . .Hơn nữa tại mỗi ngã ba đường, ta truyền đánh y thêm 30 trượng. Sau ba ngày như thế thì chém đầu nó. Có thế bọn Gia Tô sẽ lấy làm tủi nhục mà lo sửa mình."

Tháng 5 năm đó, vào những ngày 15, 18 và 21 quân lín đã thi hành lệnh vua: Dẫn quan Thái bộc qua các nẻo đường phố Huế, dừng lại đánh đòn ở hai nơi, tổng số 60 trượng mỗi ngày. Một người lính đi trước tuyên bố theo lệnh rằng: *"Hồ Đình Hy, kẻ theo tả đạo, đứa ngỗ nghịch bất hiếu với mẹ cha, chống lại luật lệ triều đình, Vì thế y bị kết án phải chết. Bọn Gia Tô tin rằng chết vì đạo sẽ được phúc Thiên Đàng. Điều đó đúng hay sai không ai biết. Giêsu của Hồ Đình Hy đâu rồi, sao thấy y khổ mà không đến cứu.?"*

Như thế đó, quan Hồ Đình Hy, bức chân dung "NÀY LÀ NGƯỜI" Việt Nam bị lôi qua các đường phố cách thảm thương và tủi nhục. Nhưng quan Thái bộc vẫn kiên nhẫn cho đến cùng, không bỏ đạo. Sáng ngày 22.05, ông bị đưa ra pháp trường. Dân chúng tuốn đến xem rất đông. Dù lương hay giáo, họ bùi ngùi thương tiếc vị quan thanh liêm tốt bụng. Lúc qua cầu An Hòa, ông nòi với lính rằng: "*Đi xa làm chi, ở đây tôi có nhiều bạn hữu bà con.*" Thế là thay vì đến cống Đốc Sơ, ông được xử ngay tại đó.

Vì là một quan nổi tiếng, lính cũng dành cho ông chút đặc ân cuối cùng: Ông thong thả rửa chân tay, rồi ngồi xếp bằng trên chiếu, bình tĩnh hút hết một điếu thuốc. Sau đó, đứng

lên, thật bình thản sủa soạn lại đầu tóc, y phục cho chỉnh tề rồi sốt sắng quỳ xuống cầu nguyện . . . Hai linh mục Việt Nam ẩn trong đám đông ra dấu tha tội cho ông. Cuối cùng ông đưa đầu cho lý hình thi hành phận sự. Nước Trời đã mở sẵn cửa để đón linh hồn vị chứng nhân anh dũng.

Đức Thánh Cha Pio X suy tôn quan Thái bộc Micae Hồ Đình Hy lên bậc Chân Phước ngày 02.05.1909.

Thánh Micae HỒ ĐÌNH HY

Ngày 22 tháng 05

Thánh Laurensô NGÔN

Nông dân
(1840 – 1862)

• Sức mạnh của đức tin.

Hai mươi hai tuổi đời, người vợ trẻ yêu dấu còn đó, rồi cha mẹ đã bao năm dưỡng nuôi mình nay đang cần người phụng dưỡng . . .Đó là nỗi ưu tư lớn của thánh Laurensô Ngôn trong những ngày bị giam. Nhưng cũng như những chuyện tích của nhiều vị tử đạo khác tại Việt Nam, sự yểm trợ tinh thần của những người thân quảng đại, nhiều khi lại là yếu tố rất quan trọng. Gia đình anh Ngôn đồng ý cho anh đang trốn về thăm nhà, trở lại nhà giam để trình diện. Chính thân mẫu và người vợ hiền mà anh thương mến nhất, cũng đến hiện diện trong giờ hành quyết để khích lệ anh. Một lần nữa, chúng ta được chứng kiến sức mạnh của đức tin: Mạnh hơn bạo lực đàn áp, mạnh hơn mọi mất mát tình thân và mạnh hơn cả sự chết.

• Khôn ngoan hay dại dột.

Laurensô Ngôn chào đời năm 1840 trong một gia đình đạo đức thuộc giáo xứ Lục Thủy (huyện Giao Thủy, phủ Thiên Trường, tỉnh Nam Định), một xứ đạo lâu đời của địa phận Trung. Song thân là ông Đaminh và bà Maria Thảo. Anh đã lập gia đình và là một gia trưởng gương mẫu yêu thương vợ con. Một lần anh bị bắt và buộc chối đạo, có lẽ vì nặng lòng với gia

đình, nhưng lại vì không thể bất trung với Chúa, anh đã hối lộ tiền cho quan để được tự do.

Cuộc bách hại đạo thời vua Tự Đức ngày càng khốc liệt. Chiếu chỉ cấm đạo cuối cùng vua ban ngày 05.08.1861 đã gieo rắc biết bao khốn khổ đau thương cho những người dân vô tội. Chiếu chỉ này làm cho hầu như tòan bộ các cơ sở của Giáo Hội bị tàn phá hoặc bị tịch thu. Hầu hết tài sản ruộng đất của người Công Giáo bị cướp bóc đốt phá và phân chia cho người ngoại giáo. Giáo hữu bị thích hai chữ "TẢ ĐẠO" vào má, và cứ năm người ngoại giáo quản lý một tín hữu. Giáo sĩ, tu sĩ bị bắt và đa số bị chết rũ tù hoặc tử đạo, một số trốn lên rừng sâu chết đói hoặc chết bệnh dần dần . ..Trong lịch sử bách hại của Giáo Hội hòan cầu, hiếm có nơi nào bị bách hại vừa tinh vi vừa tàn bạo như thế.

Vào giai đoạn cao điểm này, anh Laurensô Ngôn đã bị bắt lần thứ hai ngày 08.09.1861, anh bị giải về phủ Xuân trường, tỉnh Nam Định. Trong tù vì lo lắng cho gia đình, anh tìm cách trốn về để trấn an và khuyến khích cha mẹ, vợ con bền chí trung thành với đức tin, rồi anh trở lại trại giam. Quan truyền lệnh đóng gông và giải anh sang nhà giam An Xá, thuộc huyện Đông Quan.

Trong ngục tù, anh Ngôn chịu nhiều khổ nhục vì danh Thầy Chí Thánh. Thế mà anh vẫn chưa lấy làm đủ, anh còn ăn chay mỗi tuần ba lần, và anh thường hối tiếc ăn năn mỗi khi hồi tưởng về những lầm lỗi trước đây. Ngoài ra, anh Ngôn luôn an ủi khích lệ các bạn tù can đảm chấp nhận mọi cực hình, đừng bao giờ xúc phạm đến Thiên Chúa. Lời anh còn được các bạn

tù nhắc nhở: *"Chúng ta hãy bền vững kiên trì, dù bị đòn đánh tra tấn dã man. Chúng ta hãy lo lắng sợ hãi khi nghĩ tới tội chà đạp Thánh Giá."*

Lần kia, quan án gọi anh và dụ dỗ: *"Anh còn trai trẻ, sao lại dại dột muốn chết? Hãy bước qua Thập Tự, anh sẽ được thả về với gia đình."* Anh Ngôn trả lời:

"*Tôi giữ đạo tôn thờ Chúa Tể trời đất. Thập Giá là phương thế Thiên Chúa đã dùng để cứu độ nhân loại, tôi chỉ có thể tôn kính chứ không bao giờ chà đạp. Nếu quan cho tôi sống, tôi cảm ơn quan, còn nếu không, tôi sẵn sàng vui lòng chịu chết vì đức tin vào Chúa tôi."*

Trong một cuộc tra tấn khác, khi quân lính tìm cách bắt anh chà đạp lên Thánh Giá thì lúc đó anh lại quỳ phục xuống và kính cẩn cúi lạy Thánh Giá. Thái độ trung tín, hiên ngang đó khiến các quan càng tức giận, họ đã lên án trảm quyết anh.

- **Vinh hiển vĩnh hằng.**

Tam tháng rưỡi sau ngày bị bắt, người tôi trung Laurensô Ngôn đã được diễm phúc đổ máu ra vì danh Đấng đã hy sinh mạnh sống cho anh cùng toàn thể nhân loại. Trước sự chứng kiến của hai người thân nhất: thân mẫu và người vợ hiền, anh Ngôn đã hiên ngang bước ra pháp trường An Triêm (Nam Định) lảnh phúc tử đạo ngày 22.05.1862.

Tại kinh thành muôn thuở Vatican, trong Vương Cung Thánh Đường Phêrô, ngày 29.04.1951, người thanh niên can

trường Laurensô Ngôn đã được vị đại diện Đức Kitô dưới trần gian, Đức Thánh Cha Pio XII suy tôn lên bậc Chân Phước.

"*Ước gì những chịu đau khổ vì nghèo khó tật nguyền, đau yếu và những thử thách khác: chịu bách hại về công chính, cũng biết kết hợp cách đặc biệt với Chúa Kitô, Đấng đã chịu đau khổ để cứu chuộc thế giới. Vì Chúa đã tuyên bố họ là người có phúc, và vì "Thiên Chúa của mọi ơn phúc, Đấng đã kêu gọi chúng ta đến sự vinh hiển muôn đời trong Chúa Giêsu Kitô, sau khi chúng ta chịu đau khổ trong một thời gian ngắn. Chính Người sẽ làm ta cho chúng ta hoàn hảo, vững chắc và mạnh mẽ" (1Pr 5, 10).* (Hiến chế Giáo Hội, số 41)

Đúng 100 năm sau cái chết kiên cường của người thanh niên trẻ trung: Laurensô Ngôn, lời huấn dậy của Công Đồng Chung Vatican II như đã lập lại chính những gì mà anh Ngôn cùng bao vị tử đạo thời đại anh đã thể hiện.

Ngày 25 tháng 05

Thánh Phêrô ĐOÀN VĂN VÂN

Thầy giảng
(1780 – 1857)

• Người quản lý trung tin.

Ẩn trốn xa nhà xứ chưa được bao lâu, thầy Phêrô Đoàn Văn Vân đã thấy bồn chồn lo lắng, không yên lòng về các công việc của giáo xứ. Gần trót cuộc đời thầy gắn liền với trách vụ quản lý nhà xứ. Thầy dành hết nhiệt huyết mình lo chu toàn nhiệm vụ, luôn cần mẫn miệt mài với công việc, coi đó là sứ vụ Chúa trao phó.

Thầy Cai Vân quyết định trở về nhiệm sở của mình. Quyết định đó, lòng nhiệt thành với chức vụ đó, đã đưa thầy vào con đường tử đạo. Thầy bị bắt ở công làng Tiên Cát trên đường đến nhà xứ.

• "Nhân đức như thầy Cai Vân".

Phêrô Đoàn Văn Vân sinh năm 1780 tại làng Kẻ Bói, xứ Kẻ Sông, tỉnh Hà Nam. Khi còn nhỏ, thầy ở với cha Thi và được gửi đi học trường Latinh. Năm 25 tuổi, cậu trờ thành thầy giảng và đi giúp các xứ đạo. Sau cùng thầy được cử về làng Bầu Nọ, tức làng Nỗ Lực sau này, và lo việc quản lý nhà xứ. Thầy tận tụy với công việc, có lòng thương người nghèo khó, hiền lành hòa nhã với mọi người, nhưng lại nghiêm ngặt với chính

mình. Thầy ăn uống thanh đạm, trang phục đơn giản. Ngoài việc quản lý, thầy còn chăm lo đời sống đạo của tín hữu, thăm bệnh nhân, giúp đỡ người hấp hối chuẩn bị về nhà Cha trên trời, dàn xếp các mối bất hòa, chia rẽ . . .Cuộc sống nhân đức của Thầy là tấm gương trong địa phận. Khi khen ngợi một thầy giảng nào, các tín hữu hay nói: "*Ông này nhân đức như thầy Cai Vân*"

• Bản án đạo trưởng.

Khi đó có hai chức sắc trong làng tên là Tương và Huống bị thua bạc hết cả tiền đóng thuế của dân, liền kéo nhau vào nhà xứ, xin vay thóc để đền trả. Nghĩ rằng những người này quá mê bài bạc, thầy Cai Vân từ chối. Thế là họ manh tâm thù oán và tố cáo với quan là: "*Làng Nỗ Lực có đạo trưởng, có cả đạo đường và đạo quán nữa.*" [(1)] Quan liền đem quân đến vây, nhưng hôm đó không bắt được ai. Mấy ngày sau, Tương và Huống đón đường bắt trói thầy Cai Vân đem nộp cho quan và vu cáo thầy là đạo trưởng.

Trước công đường, quan phủ thấy vị bô lão đã ngoài thất tuần, chỉ tra vấn thầy xem có thực là đạo trưởng không. Thầy khiêm tốn trả lời: "*Bẩm quan, tôi nói thật không dám khai man, tôi chỉ là thầy giảng. Quan lớn cho tôi là đạo trưởng thì đó là ý quan lớn, chớ tôi không dám nhận*." Quan lại khuyên dụ thầy

---

(1) Đạo trưởng: Linh mục
Đạo đường: Nhà thờ
Đạo quân: Nhà hội quán.

quá khóa để được tha, nhưng thầy trả lời: "*Bẩm quan lớn, tôi giữ đạo đã bấy nhiêu tuổi đời, lẽ nào còn bỏ đạo*."

Thầy bị giam ở Lâm Thao khoảng bốn tháng. Giáo hữu không dám đi lại thăm nom, vì sợ quan làm khó dễ thầy. Chỉ có cha Nghiêm lén vào giải tội cho thầy được hai lần rồi nhờ giáo hữu Lê văn Giáp đưa Mình Thánh. Được rước Chúa, thấy thấy được an ủi lắm. Sau đó bị chuyển về giam ở tỉnh Sơn Tây hơn hai tháng. Thời gian này, vì không có đồ tiếp tế nên thầy sống cực khổ, đói khát, và vì không có tiền cho lính canh nên thầy bị khinh dể, sỉ nhục và khó khăn trong mọi việc. Dầu thầy Văn cải chính nhiều lần, các quan vẫn khép án thầy là đạo trưởng.

• Phần thưởng người tôi trung.

Khi án của thầy Cai Vân "*Gia Tô đạo trưởng*" được vua châu phê, thầy vui mừng chờ đợi ngày hồng phúc. Trên đường ra pháp trường, người ta thấy một vị bô lão 77 tuổi, kiệt sức, hai người lính đỡ hai bên gông để thấy khỏi té ngã, một người lính khác quàng dây thừng vào cổ tử tội lôi đi. Nhưng khuôn mặt thầy luôn vui tươi và bình thản.

Đến pháp trường, thầy xin lý hình thong thả cho vài phút để cầu nguyện. Sau đó thầy cúi đầu chịu chém, lý hình vung gươm lên và đầu thầy Cai lìa khỏi cổ. Thầy Cai Vân hòan tất tốt đẹp cuộc đời trần thế. Đời thấy là một cuộc đời gương mẫu "*một người quản lý trung tín, biết phân phát lúa đúng giờ cho gia nhân*". Hơn nữa, điều quý báu đối với thấy Cai Vân chính là: "*Phúc cho đầy tớ nào khi chủ về thấy làm như thế*". Thầy Vân

đã sống trọn hảo và hiến mạng sống mình vì sứ vụ Chúa đã trao ban.

Hôm đó là ngày 25.05.1857. Giáo dân làng Bách Lộc đã an táng vị tử đạo ngay chính nơi xử án. Sau lại chuyển thi hài thầy về mai táng ở nhà thờ Bách Lộc.

Đức Thánh Cha Pio X suy tôn thầy Phêrô Đoàn Văn Vân lên bậc Chân Phước ngày 02.05.1909.

Thánh Gioan ĐÒAN TRINH HOAN

Ngày 26 tháng 05

Thánh Gioan ĐÒAN TRINH HOAN

Linh mục
(1798 – 1861)

- **Theo Đức Kitô.**

Đức Kitô đã chết để cứu độ nhân loại. Thánh Gioan Hoan đã ý thức cuộc tử đạo là cách noi gương Chúa tuyệt hảo nhất và tự nguyện đón nhận nó. Trong những ngày cuối cùng, cha đã mượn lời thánh Phaolô để khuyên nhủ những bạn tù rằng:

"*Anh em hãy theo gương tôi, như tôi đã noi gương Đức Kitô (1Cr 11, 1). Khi đến phiên mình, anh em hãy theo đường khổ giá tôi sắp đi đây*."

Gioan Đòan Trinh Hoan sinh năm 1798 tại họ Kim Long, Phú Xuân (Huế) trong một gia đình nề nếp, đạo hạnh. Nhờ sự hỗ trợ của gia đình, cậu đã dâng mình cho Chúa, và theo học tại chủng viện Pénang (Mã Lai) của Hội Thừa Sai Paris. Về sau học xong thần học, năm 1836, thầy Gioan về nước và thụ phong linh mục tại Sàigòn, phục vụ đắc lực cho Giáo Hội Việt Nam.

• Vì sứ mạng tông đồ.

Trong 26 năm linh mục, cha Gioan Hoan đã lãnh nhận nhiều nhiệm sở. Cha nhiệt tình hoạt động nhưng lại điềm tĩnh, thận trọng và yêu thương mọi người. Hơn nữa, cha có biệt tài nói chuyện rất duyên dáng, nên ở đâu cũng được mọi người quý mến. Dưới thời vua Tự Đức, cha là một trong những linh mục Việt Nam có uy tín nhất do khả năng, tuổi tác và kinh nghiệm hoạt động lâu năm. Dù phải thay đổi chỗ ở liên tục, thực tế cha phải sống ở trên thuyền nhiều hơn trên đất liền, cha vẫn kiên tâm đầu tư tim óc vào việc đào tạo các thầy giảng và cổ động hỗ trợ ơn gọi linh mục nơi các thanh thiếu niên. Cha đã hướng dẫn và giới thiệu nhiều bạn trẻ vào chủng viện của địa phận.

Đầu năm 1861, nhân dịp lễ Hiển Linh, cha đến xứ Sáo Bùn (Quảng Bình) để thăm viếng, khích lệ các giáo hữu, giải tội và giúp họ mừng lễ. Như thường lệ, cha đến trọ nhà ông Trùm Phượng. Tối ngày 03.01, quan quân nghe tin báo đến bao vây và truy bắt, cha chạy ra sông tìm đường đi trốn, không ngờ vừa đến bờ sông thì gặp ngay một toán linh đi đến. Cha định nấp sau một đống củi, nhưng không kịp. Lính bắt và giải cha vào Đồng Hới. Khi đó cha đã 63 tuổi.

Trước tòa an, quan tỉnh đã cho dùng mọi hình thức tra tấndã man. Ông cho đánh đập tàn nhẫn, rồi cho nung đỏ kìm sắt kẹp vào đùi và cánh tay cha, để bắt cha phải bước qua Thập Giá và khai thác tin tức về Giáo Hội. Thế nhưng ông đã thất bại hòan toàn. Dù đau đớn đến nỗi có khi ngất xỉu, cha Gioan Hoan

vẫn cắn răng không nói một lời, không tiết lộ những gia đình cha đã trú ngụ, và dĩ nhiên không chịu chối đạo. Ông Trùm Phượng và bẩy tín hữu khác cũng bị bắt ở Sáo Bùn cũng theo gương cha, không tiết lộ chi tiết nào có hại đần những người khác. Cha Hoan và ông Trùm Phượng bị kết án xử tử, còn những người kia lưu đầy chung thân.

Khu vực giam cha Hoan cũng có nhiều Kitô hữu, vì chiến dịch bắt đạo tháng 10.1859 đã gom nhiều chức sắc trong các giáo xứ, và riêng ở Huế thì tập trung mọi tín hữu trên 50 tuổi. Nhà vua trù tính kế hoạch làm áp lực với quân Pháp để họ triệt thoái các tầu bè ở Cửa Hàn. Nhờ tài xã giao lịch thiệp, cha Hoan đã chiếm đươc thiện cảm của toàn lính canh ngục. Ngài có thể dễ dàng đến các phòng giam khác của khu vực để thăm viếng các tín hữu.

Trong năm tháng tù giam, cha Hoan dành rất nhiều thời giờ để giải tội, chúc lành và khích lệ các tín hữu. Nhận được Mình Thánh Chúa ở ngoài gửi vào, cha rước lễ và chia sẻ cho anh em. Thật cảm động biết bao hình ảnh người cha già, tay chân cũng mang xiềng, cổ cũng đeo gông và nắm chắc bản án vì đức tin, đã đến gặp từng người bạn sắp ra pháp trường để nói đôi lời ủy lạo và ban cho họ "*Của ăn đàng*". Chính Bánh Trường Sinh, lương thực thiêng liêng đó đã củng cố sức mạnh cho họ trên hành trình cuối cùng vế nhà Cha.

Ngày 25.05, trước ngày bị chém đầu, vị mục tử còn đi một vòng thăm các bạn tù lần cuối, khuyên nhủ họ: "*Giờ cuối cùng của tôi không còn xa. Phần anh em, những người con yêu quý, anh em còn ở lại trên trần gian đau khổ này, anh em hãy*

trung tín đến cùng. Xin anh em cầu nguyện cho tôi hoàn thành ý Chúa cho trọn."

Sau khi nghe đọc bản án, cha nói: "*Con cảm ơn Chúa, Ngài đã cho con biết trước giờ được đổ máu vì danh Ngài.*"

• Dưới bóng Nữ Vương Tử Đạo.

Tối hôm đó cha thức thật khuya để ủy lạo bạn hữu và giải tội cho một vài người. Sáng sớm hôm sau, tù nhân ở các phòng khác cũng được phép đến gặp và giã từ cha. Cha nói: "*Thưa anh em, tôi dám xin mượn lời thánh Phaolô để nói với anh em rằng: Anh em hãy noi gương tôi, như tôi đã noi gương Đức Kitô.*" Cha con vui vẻ hàn huyên mãi không dứt, cho đến khi có lệnh ra pháp trường. Cha nhanh nhẹn đứng lên, cổ vẫn đeo gông nặng trĩu, bước theo viên cai ngục.

Ra đến cửa, cha gặp ông Phượng, người đã cho cha trú ngụ cũng bị đem đi xử, hai toán lính nhập làm một. Một anh lính cầm bản án đi trước: "*Người này tên Hoan, Gia Tô đạo trưởng, dậy đạo tà và quyến rũ dân chúng. Vi phạm đến luật nhà nước là một trọng tội. Phải đem đi xử trảm ngay.*" Đến pháp trường, hai vị quỳ trên chiếu đã trải sẵn. Quan hỏi vị tông đồ có muốn trói vào cột không, cha trả lời:

"*Không cần, tôi sẽ quỳ yên không nhúc nhích. Nếu tôi không tự nguyện nhận cái chết, tôi đã chẳng đến đây. Xin cho tôi vài phút để cầu nguyện.*"

Sau đó cha ngước mắt lên Trời tạ ơn Chúa, giơ tay giải tội cho ông Phượng và ra dấu sẵn sàng. Viên lý hình được chỉ định, thấy thái độ của cha, biết cha vô tội nên nhờ người lý hình khác. Anh lý hình không quen đã phải chém đến ba nhát, sau đó dùng gươm cứa đứt miếng da còn sót lại.

Trước đó, khi cha cởi áo, thấy hai mảnh "*Áo Đức Bà*" cha đeo phất phới trước ngực, một người lính tưởng là thứ gì quý giá thì xin, nhưng vị chứng nhân Chúa Kitô trả lời:

"*Cái này tôi không thể cho ai được. Đây là hình ảnh Đức Nữ Vương và là Bà Chúa của tôi.*"

Giờ đây vị tử đạo đã đươc Chúa đón về trời để gặp Đức Maria, Nữ Vương Các Thánh Tử Đạo mà cha hằng tôn kính.

Đức Thánh Cha Pio X suy tôn linh mục Gioan Đoàn Trinh Hoan lên bậc Chân Phước ngày 02.05.1909.

Ngày 26 tháng 05

Thánh Matthêu NGUYỄN VĂN PHƯỢNG

Trùm họ
(1808 – 1861)

- **Chết là vận may.**

Giờ phút xử tử đã điểm. Lý hình chuẩn bị sẵn sàng. Bên ba người con, hai trai một gái đang quỳ khóc lóc tiễn biệt, thánh Matthêu Phượng vẫn nói những lời tràn đầy tin tưởng. Bởi vì ngài đã đươc chuẩn bị từ lâu cho biến cố tử đạo này:

"*Các con của cha ơi, đừng khóc, đừng buồn làm chi, cha đã gặp vận hội may mắn. Anh em chúng con hãy sống thuận hòa yêu thương đùm bọc nhau*."

Matthêu Nguyễn Văn Phượng chào đời khoảng năm 1808 tại làng Kẻ Lái, tỉnh Quảng Bình, con ông Nguyễn văn Bường, quân nhân. Cha mẹ đều là người Công Giáo đạo đức. Tên gọi của ông là Đắc, trong sổ là Kế, và mãi sau khi lập gia đình, người ta mới gọi ông là Phượng theo tên người con cả.

- **Tình yêu phục vụ.**

Mồ côi cha từ năm lên 10, hai năm sau lại mồ côi mẹ, cậu Đắc sớm phải lo tự lực mưu sinh. Anh theo học nghề thuốc với thầy lang Nhu, tuy ngoại đạo nhưng tình rất tốt, đã chỉ dẫn cho

anh nhiều bài thuốc quý. Dưới thời vua Minh Mạng, anh theo giúp cha Điềm suốt bẩy năm liền một cách tận tụy như người con hiếu thảo. Đổi lại, như một người cha ruột, cha Điềm đã mai mối cho anh cưới một thiếu nữ hiền hậu xứ Sáo Bùn, năm đó, anh 22 tuổi. Từ ngày ấy, anh dọn về ở với bố vợ, tức ông Đội Khiêm và hành nghề y sĩ. Được vài năm, anh chuyển sang nghề buôn bán. Nói chung, anh khá thành công trong nghề mới, nên gia đình luôn được sung túc.

Thời gian thấm thoát, gia đình ông Phượng sinh được tám người con. Dầu bận rộn với việc buôn bán, ông vẫn chu tòan việc giáo dục con cái, sống trọn vẹn giới luật mến Chúa yêu người. Đặc biệt ông dậy bằng gương sáng. Chính ông siêng năng xưng tội rước lễ khi có thể, rồi mới nhắc nhở các con. Mỗi tuần ông đều thu xếp thời giờ đi thăm bệnh và đến giúp đỡ bà con nghèo ở chung quanh. Cô Thủ, con gái ông, dâng mình cho Chúa trong dòng Mến Thánh Giá. Khi con cái đã trưởng thành, ông tìm nơi đạo hạnh để thông gia, và chia cho các con tài sản của mình, chỉ giữ lại những thứ tối cần thôi.

Năm ông 50 tuổi, vợ ông từ trần. Ông cho gọi cô Phượng, con cả, lúc đó chồng cô cũng đã qua đời, đưa các cháu về sống với ông ngoại. Tòan thể giáo hữu Sáo Bùn mến phục tài năng nhân đức của ông, nên cử ông làm Trùm họ. Trong hòan cảnh khó khăn thiếu linh mục, ông Phượng có nhiều cơ hội phục vụ cho dân Chúa. Nhiều trẻ em được ông rửa tội, nhiều người xin theo đạo do lời khuyên bảo của ông. Đặc biệt, ông rộng rãi tiếp các linh mục và thầy giảng đến trú ngụ tại nhà mình. Nghe mọi người dự đóan trước cuộc tử đạo ông sẽ phải lãnh nhận, ông mỉm cười và vẫn tiếp tục làm việc bác ái như trước.

Ngày 02.01.1861, cha Hoan về Sáo Bùn giúp mọi người chuẩn bị lễ Hiển Linh, ông Trùm Phượng hân hoan mời cha về nhà mình. Không biết có ai tố giác không, mà ngay tối hôm sau, quân lính ùa đến vây làng. Cha Hoan lén ra đàng sau tìm cách trốn nhưng bị bắt. Sau đó, lính kéo nhau đến nhà ông Trùm, rồi chia nhau lục soát khắp nhà. Khi tìm thấy áo lễ, chén lễ và ảnh tượng, lính liền bắt ông Phượng đưa về Đồng Hới cùng với cha Hoan và bẩy giáo hữu khác nữa.

• Tín trung đến cùng.

Dù cho quan quân áp dụng đủ cách thức để tra tấn xét khảo hết ngày này qua ngày khác, ông Trùm Phượng và các bạn nhắc nhở nhau không khai điều gì làm hại đến những người còn lại. Ông nhận mình có mời cha Hoan đến nhà vì tang chứng qúa rõ rệt, nhưng cương quyết không chịu bỏ đạo và không bước qua Thập Giá.

Ở dinh quan án có viên lục sự trẻ tuổi đem lòng yêu thương cô gái của ông Trùm, nên nói với ông: "*Nếu gả con gái cho tôi, tôi hứa hết sức sẽ lo cho ông được tự do*." Ông đáp: "*Không được đâu, trừ phi chính anh theo đạo, dù anh là ông ký hay ông quan đi nữa, tôi sợ nó không giữ mãi được đức tin. Nếu vì lý do đó mà phải chết, tôi sẵn sàng*."

Ngày 25.05, bản an của triều đình đã về tới Đồng Hới. Ông Phượng vui vẻ đi chào giã biệt các bạn tù, để sáng sớm hôm sau sẽ theo chân các lý hình ra pháp trường cùng với cha Hoan. Một người cầm bản án đi phía trước: *"Người này tên Nguyễn văn Đắc, tức Phượng là tín đồ Gia Tô. Kẻ đã đang tâm*

bao che đạo trưởng Hoan. Vì phạm luật nhà nước là một trọng tội. Phải đem xử trảm tức khắc."

Đến cửa thành, đoàn người dừng lại một lát. Thân nhân bạn hữu của hai chứng nhân đức tin đã đươc quan cho phép mang đến ít bánh trái để hai vị lót dạ, nhưng quân lính múôn kết thúc việc xử án cho sớm nên đánh đuổi họ. Đoàn người lại tiếp tục lên đường. Đến pháp trường, theo gương cha Hoan, ông Phượng cũng xin khỏi trói, rồi bình tĩnh đến quỳ trên chiêc chiếu của mình, chắp tay lại cầu nguyện. Hai người con trai và chị Thủ, con gái của ông, tiến đến sát bên, vừa khóc vừa chào vĩnh biệt, nhưng ông can đảm an ủi họ. Sau đó, lý hình đuổi tất cả ra xa. Ngay khi tiếng chiêng đầu nổi lên, đầu vị tử đạo đã rơi xuống và linh hồn vị anh hùng đức tin về hưởng nhan Thiên Chúa muôn đời.

Đức Thánh Cha Pio X suy tôn ông Trùm Matthêu Nguyễn Văn Phượng lên bậc Chân Phước ngày 22.05.1909.

Thánh Matthêu NGUYỄN VĂN PHƯỢNG

Ngày 28 tháng 05

Thánh Phaolô HẠNH

Giáo dân
(1827 – 1859)

- **Cây lúa trổ bông.**

Nước Thiên Chúa ví như khi một người kia gieo giống xuống đất, dù người ấy ngủ hay thức, ban đêm hay ban ngày, hạt giống cứ nẩy mầm, lớn lên mà người ấy không biết. Tự dưng cây mọc mạ rồi trổ đòng đòng và thành những hạt lúa chắc nịch, cho đến khi mùa gặt tới." **(Mc 4, 26-29)**

Đoạn Tin Mừng trên đã ứng nghiệm trong cuộc đời thánh Phaolô Hạnh.

Cậu Hạnh đã chào đời tại Tân Triều, tỉnh Biên Hòa khỏang năm 1827. Lớn lên cậu cùng với hai ngươi anh đến Chợ Quán, Sàigòn để buôn bán. Dư luận đồn đại về anh nhiều điều xấu. Trong nghề buôn, anh giao dịch với một số tay anh chị chuyên lường gạt, bắt chẹt những ngươi cô thế cô thân. Hình như có thời anh đã từng cầm đầu một băng cướp.

Thế nhưng lời Tin Mừng anh tiếp nhận thời thơ ấu vẫn không ngừng nẩy nở lớn lên trong anh. Dù chính anh không hay biết, lời Chúa vẫn đâm bông và chờ lúc thuận tiện thì kết trái. Một lần kia, khi chứng kiến một thiếu phụ nghèo khổ bị đàn em bóc lột không thương tiếc, anh bỗng xúc động và ra tay

can thiệp. anh dùng áp lực bắt chúng phải trả lại tất cả cho nạn nhân, dù biết trước thái độ hào hiệp ấy sẽ mang lại cho mình hậu quả không may theo luật giang hồ. Bông lúa đã chín vàng chờ tay người thợ gặt. . .

• Kitô hữu đến chết.

Những người bị anh khúât phục tức giận tìm cách trả thù. Họ chọn giải pháp hèn hạ nhất "*ném đá dấu tay*". Họ tố cáo anh là Kitô hữu, và gán cho tội tiếp tay với quân đội Pháp. Trước tòa án, không bao giờ anh nhận tội phản quốc, vì thực tế anh không làm. Nhưng khi quan hỏi: *"Anh có phải là Kitô hữu không?*" thì anh công nhận, và còn khẳng định rằng: "*Sẽ là Kitô hữu cho đến chết.*"

Suốt thời gian bị giam, các quan tìm mọi cách dụ dỗ anh bỏ đạo. Họ áp dụng những hình khổ dã man nhất đã đươc vua Tự Đức cho phép. Người ta căng thân thể anh ra đánh đòn, người ta dùng kìm nguội kẹp vào đùi, và dùng những thanh sắt nung đỏ dí vào người, để bắt anh nhận tội đã vu oan và bước qua Thập Giá. Nhưng tất cả những cực hình tàn bạo đó không thể làm cho anh nản lòng thối chí. Anh không ngừng khẳng định một điều duy nhất: "*Tôi là Kitô hữu, không bao giờ tôi chối đạo.*"

• Bông hoa ngát hương.

Ngày 28.05.1859, anh Hạnh bị trảm quyết tại Chí Hòa khi mới 32 tuổi. Thi thể vị tử đạo được mai táng ở Chợ Quán.

Thánh Phaolô HẠNH

Đức Thánh Cha Pio X đã suy tôn chứng nhân Phaolô Hạnh lên hàng Chân Phước ngày 02.05.1909.

Sử gia Rodriguez so sánh cuộc đời thánh Phaolô Hạnh với cuộc đời "CÁNH HOA TÍM NGÁT HƯƠNG": [1]

"Có những hoa tím mọc dại bên đường, cho đến ngày có khách bộ hành đi ngang dẫm nát, nó mới tỏa hương thơm. Phaolô Hạnh quả là bông hoa bị che khuất bên vệ đường Giáo Hội, cho đến khi bị vò nát trong cuộc bách hại, mới tỏa ra hương thơm ngát khiến chúng ta phải lâng lâng ngây ngất. . .

"Giữa một đô thị ô nhiễm đầy bon chen thấp hèn, những gian dối bất công và những nỗi cơ cực, thì mọi người mong đợi những cánh hoa báo hiệu một mùa Xuân mới đang đến, đem lại bầu khí trong lành hơn. Cánh hoa Phaolô Hạnh đã tỏa hương nhờ sức mạnh Thần Linh làm cho những ai chán ghét mùa Đông tội lỗi, lạnh giá, và khắc sâu vào tâm khảm hình ảnh mùa Xuân vĩnh cửu . . .sẽ thấy lòng mình xuất hiện một niềm vui bí ẩn và hy vọng tràn trề vào tương lai. . ."

---

[1] Martyrologio Oriental, tr. 253-255. Phỏng theo biểu tượng của Salvatierra trên báo ABC ra ngày 14.02.1940 tại Tây Ban Nha

Ngày 01 tháng 06

Thánh Giuse TÚC

Giáo dân
(1843 – 1862)

• Vì sao lấp lánh.

Sử liệu về thánh Giuse Túc có sự khác biệt nhau khá xa về số tuổi tác của ngài khi bị bắt và tử đạo. Một số sử liệu ghi rằng: Khi bị bắt và tử đạo. cậu Giuse Túc chỉ mới chín tuổi. Sử liệu khác lại cho là 19 hoặc 21 tuổi. Tuy nhiên khi xem xét kỹ các chi tiết về việc bắt bớ, tù đầy và xử án thánh nhân, chúng tôi nghĩ rằng dù dã man, các quan cũng không thể xử quá tàn bạo như thế với một cậu bé chỉ mới chín tuổi đầu. Việc tra tấn hành hạ của các quan phải dành cho một thanh niên đã khôn lớn, hơn là cho một em nhỏ còn thơ dại. [1]

Vâng, giữa tuổi thanh niên, tuổi của những ước mơ và hy vọng, tuổi của hăng say và nhiệt thành, tuổi mà sự chăm sóc và dưỡng dục đòi hỏi biết bao công phu đang chín dần, để trở thành người hữu ích cho gia đình và xã hội. Với cái tuổi thanh xuân đáng quý ấy, Giuse Túc đã chiếu sáng như một vì sao.

---

(1) Theo ASS, văn bản tuyên thánh của Đức Pio XII cho biết: Thánh Giuse Túc ở tuổi hoa niên. Còn đây chúng tôi theo tài liệu "Venticinque Martirinelle Missioni Domenicane del Tonchine", Rôma 1950, tr. 153 ghi thánh nhân 19 tuổi.

Thánh Giuse TÚC

Giuse Túc sinh năm 1843 tại họ đạo Hoàng Xá, xứ Ngọc Đồng, tỉnh Hưng Yên (nay là Hải Hưng). Cha là Giuse Cẩn và mẹ là bà Trí. Trong cái nôi của một gia đình nông dân đạo đức ấy, cậu Giuse Túc đã sinh ra và lớn lên với cuộc sống cần cù, hiền hòa như hầu hết mọi thanh niên Việt Nam ngày ngày miệt mài vơi ruộng nương. Nhưng thân phụ cậu không muốn cậu tiếp tục với công việc ruộng nương này, đã khuyến khích và lo liệu cho cậu theo đuổi nghiệp khoa cử. Cậu Túc vâng lời thân phụ chăm chỉ học chữ Nôm.

Nhưng cuộc bách hại đạo của vua Tự Đức dai dẳng ngày càng khốc liệt hơn. Vì với chiếu chỉ Phân sáp ngày 05.08.1861 thì không một người nào, không một căn nhà nào của người Công Giáo được bình yên. Biết bao người dân hiền hòa vô tội bị đọa đầy, bị tàn sát và bị ghép cho những tội trạng mà họ không bao giờ biết đến.

• Gian truân thử đức.

Anh Giuse Túc bị bắt vào đầu năm 1862 khi đang ở độ tuổi thanh xuân tươi đẹp: tuổi 19. Anh bị tạm giam ít ngày ở huyện rồi bị giải về tỉnh. Sau đó anh bị biệt giam bốn tháng tại Đông Khê, phủ Khoái Châu. Ban ngày phải mang gông nặng, ban đêm chân bị cùm xích. Dù vậy anh Túc vẫn trung kiên với đức tin chân chính. Nhiều bạn bè cùng bị giam với anh như Phêrô Kiên (18 tuổi), Phêrô Ngân (15 tuổi), Phêrô Lương (20 tuổi) cũng được kể vào số tôi tớ Chúa đang đực chuẩn bị suy

tôn Chân Phước. Các anh thường gặp nhau đọc kinh chung và an ủi khích lệ nhau can đảm đến cùng. [1]

Một số thân hữu lo lót quân lính để tạo cơ hội cho anh trốn khỏi ngục, nhưng anh nói:

"*Tôi sẽ không trốn bất cứ cách nào, vì nếu tôi trốn sẽ làm khổ người khác. Chúa múôn thế nào, tôi xin nhận như thế.*"

Khi một bạn tù tỏ vẻ lo âu không biết khi bị xử, người nhà có được tin để lãnh xác hay không, anh Túc bình thản bầy tỏ tâm trạng của mình:

"*Tôi an tâm, không lo lắng gì cả. Nếu Thiên Chúa cho tôi đổ máu vì đạo, tôi tin chắc sẽ được về trời. Còn thân xác này chôn được thì chôn, bằng không chôn được thì thôi.*"

Theo lá thư đề ngày 02.08.1862 cha Estévez Nam cho chúng ta biết tình hình ở Hưng Yên:

"*. . .Trong tỉnh Hưng Yên, các quan còn dữ tợn hơn. Cuối tháng năm rất nhiều giáo hữu bị dẫn lên tỉnh. Ngày 01.06, các quan giết 100 người, hôm sau giết 600, ngày mùng 3 giết nhiều hơn nữa. Các làng ngoại giáo đựơc lệnh giết hết các tù nhân có*

---

[1] **M. Gispert, *Summarium Servorum Dei khu vực dòng Đaminh Rôma 1928, tr. 514.***

***đạo, và họ đã triệt để thi hành, nếu tôi không biết được con số phải chết trong kỳ này. . .*”[(2)]**

Cuối tháng 5 đó, anh Túc bị giải về Hưng Yên. Sau những lời dụ dỗ, dọa nạt và tra khảo nhiều lần không làm lay chuyển được lòng tin sắt đá của anh, các quan nhất trí kết án trảm quyết anh.

Khi lập án phong thánh cho anh Giuse Túc, một số giáo dân hiện diện trong cuộc tử đạo đã làm chứng, trong đó, ông Đaminh Hưng kể lại:

“*Tôi đi theo cầu Túc ra tới pháp trường. Cậu sốt sắng cầu nguyện và luôn kêu tên cực thánh Chúa Giêsu. Sau khi cậu bị xử chém đâu, tôi đã mai táng thi thể cậu rất tử tế.*”

Bà Maria Linh kể lại bà đã nhìn thấy đầu của vị tôi tờ Chúa bị quân lính tung lên cao cho quan thấy, để chứng minh với quan là họ đã triệt để thi hành mệnh lệnh. Hôm đó là ngày 01.06.1862. Thi hài anh Giuse Túc, người chiến sĩ đức tin được chôn tại chỗ, sau được cải táng và đem về nhà thờ xứ Ngọc Đồng, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 29.04.1951, Đức Thánh Cha Pio XII suy tôn anh Giuse Túc lên bậc Chân Phước.

---

(2)) M. Gispert, *Historia des las Misiones Dominicas en Tonkin, Avila 1928, tr. 510-512.*

Ngày 02 tháng 06

Thánh Đaminh NINH

Nông dân
(1841 – 1862)

• Đức tin mạnh hơn sự chết.

Giác quan khiếp sợ trước những cái nguy hiểm, những cái sẽ đem đến đau thương và chết chóc. Nhưng với đức tin mạnh mẽ và sống động, giác quan không còn e sợ gì cả, nó biết trước tất cả những gì sẽ xẩy ra đến đều do ý Chúa, và những điều Chúa muốn chỉ sinh ích mà thôi. Như vậy tất cả những gì sẽ đến buồn hay vui, sức khỏe hay bệnh tật, sống hay chết đều được nó vui nhận trước và dĩ nhiên không còn biết sợ gì.

Tư tưởng trên đây đã được cha Chrles Foucault, vị khai sáng dòng Tiểu Đệ trình bầy, diễn tả thật chính xác về các vị thánh Tử Đạo Việt Nam. Các vị biết trước những gian nan và đau khổ sẽ phải chịu, nhưng tin vào Thiên Chúa, các ngài không chút nhát sợ. Sự hiên ngang can trường của các ngài trước bạo lực trần gian thật đáng được muôn đời ca tụng. Thánh Đaminh Ninh là một trong số các vị oai hùng đó.

Năm 1841, làng Trung Linh, tỉnh Nam Định thuộc địa phận Trung (nay là địa phận Bùi Chu) đón nhận cậu bé Đaminh Ninh chào đời. Làng Trung Linh cũng là xứ Trung Linh, là một làng thuần Công Giáo. Trong giai đoạn đầu công

cuộc truyền giáo tại miền Bắc Việt Nam. Trung Linh là nơi đặt tòa Giám mục và có trường đào tạo chùng sinh.

Tuy là một nông dân chất phát, cần cù, anh Ninh vẫn cố gắng học thêm chữ Nôm, hy vọng tương lai ngày mai tươi sáng hơn. Anh Ninh được dân làng khen là một Kitô hữu tốt lành, đạo đức. Duy có điều đáng buồn đối với anh, đó là cha mẹ đã ép anh phải kết hôn với một thiếu nữ trong làng. Vì không múôn làm buồn lòng cha mẹ, anh đành miễn cưỡng chấp nhận cuộc sống hôn nhân này. Nhưng sau ngày cưới, anh vẫn sống như người độc thân, chứ không chung sống với người thiếu nữ đó. Tuy nhiên anh vẫn cư xử hòa nhã với nàng. Và sau anh nhận thấy mình có phần lỗi, nên anh đã cố gắng đền bù bằng cuộc sống thánh thiện, nhất là can đảm chấp nhận mọi đau khổ cực hình vì đức tin và ví lòng mến Chúa.

Chiếu chỉ Phân sáp ban hành ngày 05.08.1861 của vua Tự Đức được áp dụng triệt để tại Nam Định. Nếu nhiều nơi trước khi bị phân sáp, giáo hữu còn đựơc bán nhà lấy tiền chi tiêu thì ở đây họ bi bắt, bị trói từng năm người một, và chỉ đựơc mang theo mấy nắm cơm đủ ăn trong hai ngày ngắn ngủi.

• Thanh niên can trường.

Năm 1862, anh Ninh vừa đựơc 21 tuổi. Anh bị bắt cùng với một số giáo hữu khác, và bị giam nhiều trại tù với những lời dụ dỗ, đe dọa, tra tấn để làm cho các tôi tớ Thiên Chúa khiếp sợ mà chối bỏ đức tin. Quan đã dùng nhiều lời hứa hẹn và đe dọa bắt anh Ninh phải chà đạp Thánh Giá nhưng anh can đảm trả lời:

"*Nếu làm con cái không được phép sỉ nhục cha mẹ mình thì làm sao người Kitô hữu lại được phép chà đạp hình ảnh của Đấng tạo thành trời đất? Xin quan cứ thi hành điều quan múôn, còn tôi không bao giờ xúc phạm Thánh Giá Chúa Giêsu đâu."*

Trong án phong thánh cho anh Đaminh Ninh, bà Rosa Hun làm chứng rằng: "*Tôi thấy anh bị nhốt tù tai Đông Vi, tuy mang gông cùm xiềng xích nặng nề, anh vẫn vui vẻ tươi cười."*

Trước lòng can đảm, khẳng khái của anh Ninh, Tổng đốc Nguyễn Đình Tân đã kết án trảm quyết. Và bản án được thi hành ngày 02.06.1862 tại pháp trường An Triêm, tỉnh Nam Định.

Ngày 29.04.1951 tại giáo đô Vatican, trong Vương Cung Thánh Đường Phêrô, anh Đaminh Ninh, người thanh niên nông dân nghèo, nhưng cũng là Kitô hữu can trường đã được Đức Thánh Cha Pio XII suy tôn lên bậc Chân Phước.

Ngày 03 tháng 06

Thánh Phaolô ĐỔNG (DƯƠNG)

Thủ bạ
(1802 – 1862)

- **Bất khúât vì chính đạo.**

Một trong năm điều gay go trong chiếu chỉ cấm đạo của vua Tự Đức ban hành ngày 05.08.1861, là một tín hữu Kitô giáo chịu thích chữ vào hai bên má, một bên chữ "*Tả Đạo*", còn một bên là tên xã huyện của người đó. Lối thích tự bằng thanh sắt nung đỏ vào má, để khi vết thương lành vẫn còn lưu lại dấu vết, hầu dễ hành hạ, dễ bắt bớ hoặc dễ phân biệt đối xử, là một sáng kiến, nếu không của vua Tự Đức thì cũng của một quan lớn nào đó trong triều đình Huế bấy giờ. Có thể nói đây là hình khổ có một không hai trong lịch sử bách hại Giáo Hội Công Giáo toàn cầu.

Nhưng một cụ già 60 tuổi, đã dám hiên ngang làm trái lại điều qui định ác nghiệt đó. Một lần bị khắc hai chữ "*Tả Đạo*", cụ đã rạch xóa đi. Lần khác thay vì bị quân lính khắc *Tả Đạo*, ông cụ xin quan, để kín đáo nhờ người bạn tù khắc lên má hai chữ "*Chính Đạo*", khiến quan trên vô cùng tức giận. Cụ già can trường đó chính là Phaolô Đổng.

• Chấp nhận mọi khổ đau.

Phaolô Đổng sinh năm 1802 tại Vực Đường, tỉnh Hưng Yên (nay là Hải Hưng). Phaolô Đổng là một giáo dân của xứ Cao Xá, một trong những xứ có truyền thống đạo đức lâu đời trong địa phận Trung. Ông Đổng từng làm quản lý trông nom sổ sách, tài sản họ đạo trong suốt sáu năm trời.

Thời đó thi hành chiếu chỉ cấm đạo, các quan đi tới từng làng Công Giáo lấy lý do kiểm tra dân số, nhưng thực ra để bắt các Kitô hữu phải vâng lệnh vua mà bỏ đạo. Quan truyền đặt tượng Thánh Giá xuống đất và ép buộc mọi ngươi phải đạp lên. Ai không chịu đạp Thánh Giá thì bị trói lại, bị đóng gông giải về tỉnh. Ông Phaolô Đổng bị bắt trong trường hợp tương tự vào ngày 25.11.1861, khi ông can đảm nhận mình là Kitô hữu, và không chịu chà đạp Thánh Giá.

Quan truyền quân lính giải ông về huyện Ân Thi. Tại đây, quan hứa sẽ cho nhiều tiền nếu ông bỏ đạo. Nhưng ông nhất mực từ chối và khẳng định với quan về lòng trung thành với Chúa Kitô. Do đó, ông phải chịu hành hạ, mang xiềng xích nặng nề trong tù. Tiếp theo, lính được lệnh giải ông về Hưng Yên. Vừa tới cửa thành, ông Phaolô Đổng thấy một cây Thánh Giá đặt trên mặt đất, ai muốn qua phải đạp lên. Ông nhất quyết dừng lại và không chịu bước qua. Quân lính đánh đập ông tàn nhẫn, nhưng vẫn không cưỡng bức vị anh hùng đức tin. Sau cùng, họ nhốt ông vào một cái cũi chật hẹp để khiêng qua.

Gần một năm trong tù cực khổ, ông Đổng ban ngày phải mang gông, đêm đến chân chịu cùm xích. Nhiều lần bị quan tra

hỏi, trước sau như một ông cương quyết giữ vững đức tin. Lính dã man đánh đập ông nhiều lần, khiến thân mình vị chứng nhân đầy những vết thương đẫm máu.

Ông Phaolô Đổng khẳng khái không chịu cho quân lính khắc hai chữ "*Tả Đạo*" vào má, nên bị cấm cốc (bắt nhịn ăn) nhiều ngày. Dần dần, ông rũ liệt đuối sức. Có lần người lính canh động lòng thương cho chút cơm và chén nước, ông lại nhường cho người bạn tù đồng cảnh ngộ. Ít hôm sau, không chịu nổi cơn đói khát dày vò, ông phải nhai vài miếng vải áo để quên đi. Thế rồi quân lính dùng sức mạnh khắc trên má ông hai chữ "*Tả Đạo*", nhưng ông can đảm rạch xóa đi.

Tám ngày sau, kiệt lực vì đòn vọt và đói khát, ông Phaolô Đổng bất tỉnh mê man, quân lính phải khó khăn lắm mới làm cho ông tỉnh lại được. Quan cho phép ông ăn uống và ra lệnh thích tự trên má ông lần nữa. Ông xin quan để người bạn tù làm việc này. Nhưng thay vì khắc hai chữ "*Tả Đạo*", ông lại bảo người bạn khắc hai chữ "*Chính Đạo",* khiến quan xem thấy nổi giận và ra lệnh cấm cốc thêm ít ngày, rồi kết án tử hình ông.

Trước tòa điều tra phong thánh, người cháu gái ông làm chứng rằng: "*Khi nghe tin mình bị trảm quyết, ông rất vui mừng, sấp mình xuống đất tạ ơn Thiên Chúa, cầu nguyện sốt sắng và đọc kinh Ăn Năn Tội.*"

Trên đường ra pháp trường, ông Đổng dọn mình chết lành và đọc kinh phó dâng linh hồn (kinh Giáo Hội khuyên đọc giúp người hấp hối). Ông đã lớn tiếng kêu tên cực trọng Chúa

Giêsu ba lần trước khi đao phủ chém đứt đầu, đưa linh hồn vị tử đạo về Thiên Quốc.

Hôm đó là ngày 03.06.1862. Ngày 29.04.1951, trong số 19 giáo hữu được suy tôn Chân Phước tại Vương Cung Thánh Đường Phêrô do Đức Thánh Cha Pio XII chủ sự, danh tính và tiểu sử ông Phaolô Đổng đã khiến mọi người phải khâm phục một mẫu gương hiên ngang, can đảm của con dân Viêt Nam, tuy nhỏ bé và nghèo nàn, nhưng lại giầu nghĩa khí anh hùng bất khuất.

Ngày 05 tháng 06

Thánh Luca VŨ BÁ LOAN

Linh mục
(1756 – 1840)

Truyện tử đạo của thánh Luca Loan, vị niên trường trong số 117 thánh tiên khởi Việt Nam (84 tuổi), là một trong những bằng chứng cụ thể nhất về sự phi lý của các bản án tử đạo. Ngài đã bị giết chỉ do án lệnh của triều đình, trong khi tại địa phương, mọi người đều kính yêu vị linh mục 84 tuổi, râu dài tóc bạc, hiền lành, đôn hậu. Từ quan huyện, quan tòa đến linh ngục, tất cả đều thấy ngài đang tuổi cha ông mình, nên xưng hô bằng "*cụ*", và còn đối xử nhân đạo với ngài: Từ năm tháng tù không một roi đòn, không phải cùm gông. Ngày xử tử, hai ngươi lính tình nguyện cáng cha ra pháp trường. Cả mười lý hình được lệnh chém đầu cha đều bỏ trốn dù biết sẽ bị phạt, và viên đao phủ thứ mười một chỉ dám thi hành phận sự sau khi đã xin lỗi, và nói rằng mình bị bó buộc miễn cưỡng thôi.

• Đời linh mục ướp nồng bằng lời nguyện.

Luca Vũ Bá Loan sinh năm 1756 ở họ Bút Quai, địa phận Tây Đàng Ngoài. Từ niên thiếu, cậu đã dâng mình cho Chúa, rồi tu học ở Phú Đa và Kẻ Bèo. Sau khi thụ phong linh mục, cha Loan đến giúp xứ Nam Sang sáu tháng, rồi về giúp cha già Liêm xứ Kẻ Vồi. Năm 1828, khi Đức cha Longer Gia chia xứ Kẻ Vồi làm hai thì cha Loan nhận xứ mới là Kẻ Sở cho đến ngày bị bắt. Trong nhiệm vụ linh mục, những người biết

cha đều học được nơi cha một mẫu gương sáng ngời về các nhân đức. Đặc biệt là lòng yêu mến Chúa, nhiệt tâm phục vụ các linh hồn và nếp sống thanh bạch.

Cha Loan chăm chú nhiều về việc giảng dậy. Vào mùa Chay, mội ngày cha giảng ba lần. Bài giảng của Cha ngắn gọn, đơn sơ, dễ hiểu, nhưng rât thực tế với những chỉ dẫn áp dụng cụ thể trong cuộc sống. Cha ít dùng lý luận, cha nói bằng kinh nghiệm bản thân mình về Đấng cha đã gặp gỡ thực sự trong kinh nguyện và thánh lễ.

Khi cầu nguyện cha như xúât thần, quên hết mọi chuyện chung quanh, dù ai gây tiếng động sát bên cũng không làm cha gián đọan cuộc tiếp xúc với Đấng linh thiêng được. Hầu như cha không bỏ dâng lễ bao giờ. Thánh lễ cha cử hành có mầu sắc trang nghiêm khoan thai, cung kính đặc biệt. Một thầy giảng góp ý xin cha dâng lễ nhanh lên như các linh mục khác. Cha giải thích:

"Không được con ạ. Lễ Misa là việc cao trọng nhất trên trần gian. Không có gì đang để chúng ta cử hành thánh lễ cách vội vã cả. Việc thờ phượng Chúa cần phải làm cho trang nghiêm sốt sắng."

Và thánh lễ của cha chưa kết thúc ở lời chúc bình an, cha thường quỳ lại lâu giờ trước Thánh Thể để tạ ơn Chúa.

Cha Loan đã thưa gì với Chúa`trong giờ kinh nguyện? Có Chúa mới biết đươc. Phải chăng cha xin Chúa dậy những gì

phải giảng, hay là cầu nguyện cho tín hữu trong xứ, cầu nguyện cho Giáo Hội, cho đồng bào . . .? Có điều chắc chắn: Song song với những kinh nguyện đó, cha thường xuyên đến thăm những người nghèo khó bệnh tật, cha tận tâm nuôi dậy một vài em hiền lành nhanh nhẹn để chuẩn bị linh mục cho tương lai, và cha nhiệt thành hướng dẫn giúp đỡ nhiều tín hữu sống thân ái với mọi ngươi, dù có đạo hay không.

Một đặc điểm khác nơi cha Loan là lòng khiêm tốn trong phục vụ. Khi Đức cha gửi linh mục phó xứ về Sở, cha tín nhiệm, khích lệ và nâng đỡ tận tình. Cha nói: "*Xin trao phó mọi sự cho cha, tôi đã già lại chậm chạp. Xin cha coi sóc cửa nhà, người giúp va coi sóc cả tôi nữa.*" Tuy được giáo dân sẵn sàng trợ cấp mọi nhu cầu cần thiết, nhưng cha Loan tự giới hạn cho mình. Cha muốn sống nghèo khó theo gương Đức Giêsu. Áo quần, cha mặc cho đến sờn rách, vá trên vá dưới mới chịu dùng cái khác. Ăn uống cha dùng những món bình dân như người trong xứ. Khi đi giảng ở đâu, nếu ai dọn "*mâm sang cỗ đầy*" một chút là được cha tỏ thái độ liền. Đức cha Jeantet Khiêm ca tụng cha rằng: "*Thầy xét các việc cha Loan làm từ khi chịu chức linh mục đến ngày tử đạo, thầy thấy có lẽ trong số linh mục Việt Nam từ trước đến nay không ai sánh bằng.*"

• Bị sa tay kẻ gian. . .

Bấy giờ có hai người là Bá hộ Kiểng ở làng Bún và Đô Cang ở phố Vồi. Cả hai đều ngoại giáo và hiện đang chờ xét xử vì phạm pháp. Họ bàn tính với nhau đến bắt cha Loan để lập công chuộc tội. Thế là tối ngày 10.01.1840 tại họ Kẻ Chuôn, khi cha vừa dùng cơm xong, họ giả làm khách đến thăm cha, rồi

mới xuống thuyền chở thẳng về làng Bún. Các tín hữu khi nghe biết tin đến xin chuộc, họ đòi 2.000 quan. Cha Loan thương giáo hữu nghèo nên trình bầy: "*Các anh đòi 200 may ra còn liệu được, chứ bạc ngàn thì vô phương".* Bá hộ Kiểng định hạ giá xuống, nhưng Đô Cang không chịu, vì muốn nộp cha để được giảm án của mình.

Hai người đem nộp cha cho quan huyện Phú Xuyên, nhưng quan không chịu nhận, họ lại đưa cha về thẳng Thăng Long. Vừa đến công đường, quan đầu tỉnh chỉ thẳng mặt hai ông mắng rằng: "*Quân dại dột, sao bay đang tâm bắt người hiền lành đạo đức, lại đáng tuổi cha ông chúng bay thế này*?" Tuy nhiên vì vua Minh Mạng đã ra lệnh bắt đạo, và việc cha Loan bị bắt đã công khai, qua đành phải ra lệnh giam cha lại.

• Tuổi cao nhưng vững vàng sáng suốt.

Tuy phải ra tòa hai lần, nhưng cha luôn được các quan đối xử lịch sự và kính trọng mái đầu bạc. Các quan chỉ điều tra lý lịch và khuyên cha nên đạp Thánh Giá. Cha tìm cách nói khéo đi rằng:

"*Các linh mục nuôi tôi và Đức cha truyền chức cho tôi thì đã chết cả rồi. Địa chỉ tôi thì nay đây mai đó, chỗ nào không chứa, tôi ẩn vào chùa nọ đình kia. Riêng việc quá khóa thì thưa quan, tôi là đạo trưởng, làm sao tuân điều đó được?"*

Khi quan hỏi sao lại theo đạo ngoại quốc, cha trả lời: "*Tôi chẳng theo Chúa của nước nào cả, tôi chỉ thờ Chúa trời đất, Chúa của muôn dân thôi.*"

Trong trại giam, cha Loan không hề bị gông cùm, vì các tín hữu đút tiền cho lính canh và nói: "*Cụ già quá rồi, có bảo trốn cũng chẳng được, mấy anh cùm làm chi*?" Lính thông cảm tuổi già nên không cùm cha một ngày nào. Một lần quan tỉnh xuống trại giam gặp cha, dặn dò lính canh: *"Cụ già tuổi tác cao, phải xử cho hẳn hoi, đừng cấm người ta vào thăm*." Nhờ thế, trong những ngày tháng giam tù, cha Loan được rất nhiều người thăm nuôi tiếp tế. Quà biếu nhận được, cha chia sẻ cho lính và các bạn tù nên càng được họ quý mến.

Tuy không thiếu thốn vật chất, nhưng vì sức yếu tuổi già, lại phải ở nơi chật hẹp hôi hám, sau một tháng tù cha Loan trở bệnh nặng, chân phù, mặt sưng cộng với căn bệnh suyễn kinh niên, làm cha kiệt quệ, nhiều lúc tưởng không hy vọng đi tới đích cùng lãnh phúc tử đạo. Viên cai nguc thấy thế tội nghiệp, tâu trình và xin phép quan cho một tín hữu họ đạo Chuôn Trung ở luôn trong tù chăm sóc cha cho đến ngày xử tử. Hai ba giáo xứ nài nỉ cha làm tờ di chúc thi hài sau khi chết cho xứ mình. Cha chỉ cười nói: "*Xác tôi cũng là tro bụi, chết rồi cũng tanh hôi cho giòi bọ rúc rỉa, các ông xin làm chi?"*. Thế nhưng cha nhận lời ký giấy trao thi thể cho họ Chuôn Trung, xứ Kẻ Chuông, tức là xứ đạo của người giúp cha trong tù, được lo liệu mai táng khi cha khải hoàn về Thiên Quốc

- **Vinh phúc thiên thu.**

Quan tỉnh Hà Nội tuy quý trọng cha, nhưng lai sợ vua Minh Mạng, nên khi thấy cha cương quyết không bỏ đạo, Ông đành làm án xử trảm quyết. Vua Minh Mạng châu phê và ra

lệnh thi hành. Trước ngày xử, một giáo dân tìm cách đưa cha Tuấn vào tù giải tội và trao Mình Thánh cho cha già.

Đúng ngày 05.06.1840, quân lính tình nguyện cáng cha già Loan ra pháp trường, nhưng cha cám on từ chối. Vì trời nắng gay gắt, cha chỉ chấp nhận cho hai tín hữu di hai bên cầm lọng che nắng. Viên quan giám sát chủ trì phiên xử thấy cha đi bộ cũng bỏ ngựa, giao cho một người lính, rồi cùng ra cửa ô Cầu Giấy là nơi thi hành bản án. Đến nơi, ông nói với cha: "*Cụ muốn làm gì thì làm đi.*" Cha Loan quỳ xuống cầu nguyện, rồi vui vẻ đưa tay cho lính cột trói vào cọc. Mười người lính đựơc chì định chém cha Loan bỗng trốn đi đâu hết. uy tìn của cha quá lớn, đến độ họ cứ sợ sau khi chết, hồn cha sẽ nhập vào họ trả thù chăng. Để giải quyết vấn đề, quan liền sai một người lính Nam bộ, anh Minh, người lý hình bất đắc dĩ đó đã đến lạy cha Loan và biện bạch rằng: "*Việc vua truyền chúng cháu phải làm, xin cụ xá lỗi cho, cháu sẽ giúp cụ chết êm ái. Khi về trời cụ nhớ đến cháu nhé.*" Cha Loan gật đầu, rồi ra hiệu cho anh thi hành phận sự. Chỉ một nhát chém, cha giã từ trần thế về Thiên Quốc. Các tín hữu xông vào cởi áo, thấm máu vị tử đạo như một chứng tích anh hùng của người cha tuy già yếu nhưng mạnh mẽ về niềm tin.

Được ân huệ trối trăng, xứ Kẻ Chuôn đem thi hài cha về chôn cất ở họ mình.

Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn cha Luca Vũ Bá Loan lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

Ngày 05 tháng 06

Thánh Đaminh TOẠI,

Ngư phủ
(1812 – 1862)

Thánh Đaminh HUYÊN

Ngư phủ
(1817 – 1862)

- **Lễ toàn thiêu**

Trong hạnh tích 117 vị thánh tử đạo trên đất Việt, chỉ có sáu bản án thiêu sinh, và tất cả đều diễn ra trong tháng 06.1862. Thánh Đaminh Toại và Đaminh Huyên là hai vị đầu tiên đựơc vinh dự trở thánh của lễ toàn thiêu dâng lên Thiên Chúa vào đúng ngày vua Tự Đức ký hòa ước Nhâm Tuất cho phép tự do tôn giáo (6-6-1862). Ba ngày trước khi bản án đựơc thi hành, hai vị đã biết tin mà không chút nhụt chí. Thay vì hãi sợ, hai vị đã vui mừng tạ ơn Thiên Chúa, Có lẽ thánh Polycarpo thuở xưa, hai vị đã tin tưởng rằng:

"*Đấng đã giúp tôi quyết định chịu đau khổ vì Ngài, sẽ cho tôi sức mạnh, Đấng ấy sẽ làm cho lửa dịu lại và cho tôi đủ sức lướt thắng mọi thử thách*."

• Không để mất cơ hội.

Hai ông Đaminh Toại và Đaminh Huyên đều là người làng Đông Thành, tỉnh Thái Bình, đồng thời là tín hữu của xứ Đông Thành (Đông Thành, Đại Đồng và Trung Đồng là ba xứ được tách ra từ xứ Kẻ Mèn, thuộc địa phận Trung Đàng Ngoài). Cả hai đã lập gia đình và là những gia trưởng đạo đức, gương mẫu. Hai ông làm nghề đánh cá trên sông Nhị Bình gần cửa Ba Lạt. Khi bị bắt, ông Toại đã trên 50 tuổi, còn ông Huyên 45 tuổi.

Hai ông Toại và Huyên cùng với 16.000 giáo hữu địa phận Trung là nạn nhân trực tiếp của chiếu chỉ Phân sáp tháng 08.1861 của vua Tự Đức. Theo chiếu chỉ này, quân lính và những dân làng ngoại giáo được phép tràn vào các khu vực Công Giáo để tịch thu tài sản, sau đó bắt trói các giáo hữu đưa lên huyện để khắc trên má hai chữ "*Tả Đạo*", rồi hoặc trao họ cho người ngoại giáo quản lý, hoặc giam chung họ trong ngục.

Làng Đông Thành cũng cùng chung số phận đó. Lính đến bắt ông Đaminh Huyên và giải lên huyện Quỳnh Côi. Ông Toại vì bệnh tật không thể đi bộ theo quân lính được, nên họ đề nghị ông nộp tiên chuộc nếu muốn tự do về xum họp với gia đình. Nhưng ông đã từ chối vì không muốn để mất cơ hội quý báu là hiến dâng mạng sống mình minh chứng cho niềm tin và tình yêu vào Thiên Chúa. Ông xin quan cho phép đi xe đến huyện trình diện, để được chung số phận với các giáo hữu cùng xứ đạo.

• Kiên tâm bền chí vì Đức Kitô.

Tại huyện Quỳnh Côi, sau khi khẳng định lập trường đức tin của mình, hai ông Toại, Huyện bị tống giam vào ngục tù Tăng Già. Suốt thời gian chín tháng ở đây, mọi người có thể thấy rõ lòng quả cảm và kiên cường của hai ông. Nào đói, nào khát, nào đòn vọt và ngay cả án tử hình cũng không làm các ông nản lòng. Ngược lại hai ông tiếp tục khích lệ các bạn kiên trì giữ vững niềm tin. Ông Toại thường nói với các bạn tù:

"*Này anh em, hãy can đảm lên! Chúng ta chịu khổ hình vì Đức Kitô, nên chúng ta phải đón nhận đau khổ cách nhẫn nại. Chúng ta phải bền chí đến cùng, và nếu cần, sẵn sàng hy sinh mạng sống vì Chúa.*"

Nhiều lần bị dẫn đến trước công đường và bị ép buộc chà đạp Thánh Giá, hai ông Đaminh Toại và Đaminh Huyện khẳng khái phản đối. Các quan thấy khó lòng lay chuyển được hai nhân chứng của Chúa, nên kết án thiêu sinh cả hai vị. Khi biết tin này, hai vị hân hoan tạ ơn Chúa.

Đến ngày xử án, sáng 05.06.1862, hai vị vui vẻ rảo bước đến giàn hỏa thiêu dành sẵn cho mình. Trước sự chứng kiến của rất đông người, hai ông bước vào cũi tre và chờ đợi. Những người hiện diện đều xúc động khi nghe rõ các ông cất tiếng cầu nguyện thật lớn trong khi ngọn lửa phừng phực bốc cao. Không ai ghi lại những lời hai vị đã cầu nguyện khi bị hỏa thiêu, nhưng dựa vào thái độ và tâm tình của các vị, chúng ta có thể liên tưởng đến lời cầu nguyện của thánh Polycarpo trên giàn lửa thuở xưa:

"*Lạy Chúa các thiên binh; Chúa Tể trời đất, Đấng bênh vực kẻ công chính và những ai bước đi trong sự hiện diện của Người. Con là một kẻ bé mọn trong các tôi tớ Chúa đây, xin tạ ơn Ngài đã cho con vinh dự được đau khổ, được cầm trong tay triều thiên tử đạo và được kề môi đón nhận chén thương khó. Này đây Lạy Chúa, hiến tế con sắp hòan tất trong ngày hôm nay, con sẽ được thấy lời hứa của Ngài thể hiện. Amen.*"

Ngày 29.04.1951, Đức Piô XII đã suy tôn hai ông Đaminh Toại và Đaminh Huyện lên hàng Chân Phước.

Ngày 06 tháng 06

Thánh Phêrô ĐINH VĂN DŨNG

Ngư phủ
(1800 – 1862)

Thánh Phêrô ĐINH VĂN THUẦN

Ngư phủ
1802 – 1862)

- **Hai ngọn đuốc sáng.**

Đức Kitô, Ánh Sáng Vĩnh Cửu đã nhập thể trong trần gian để mặc khải về Chân Lý Cứu Độ. Ngài đến và kêu mời những ai theo Ngài hãy trở nên ánh sáng cho thế gian, làm chứng cho Tin Mừng Cứu Độ bằng lời nói, bằng thái độ và bằng cuộc sống của chính mình. Người tín hữu sẽ trở thành ánh sáng sẽ biểu hiện một cuộc sống gương mẫu *"để mọi người ngợi khen CHA của anh em, Đấng ngự trên trời"* (Mt 5, 16) qua việc phục vụ tận tình như dấu chỉ Nước Trời đang hình thành và với thái độ chấp nhận hy sinh dấn thân cho Chân Lý.

Hai vị thánh Phêrô Dũng và Phêrô Thuần khi chấp nhận bản án thiêu sinh hơn là bỏ đạo, đã dùng chính thân thể mình làm ngọn đuốc sáng: Chấp nhận hủy diệt mạng sống hầu được sống trường tồn. Để rồi ngọn lửa rực sáng trong khoảnh khắc ấy, mọi ngừoi sẽ thấy bừng lên Ánh Sáng Thần Linh của

Thượng Đế, Đấng mà các vị làm chứng cho đến hơi thở cuối cùng.

• Khó khăn thử thách.

Ông Phêrô Đinh Văn Dũng (con ông Phêrô Mẫn và bà Maria An) và ông Phêrô Đinh Văn Thuần đều đã ngoài 60, là anh em con chú con bác, người họ Đông Phủ thuộc giáo xứ Trung Đồng, Kẻ Mèn, tỉnh Thái Bình trong địa phận Trung Đàng Ngoài. Hai ông làm nghề đánh cá, một nghề như thánh Phêrô, bổn mạng hai ông đã từng làm. Riêng ông Phêrô Thuần còn được chọn làm Lý trưởng nhờ tấm lòng cương trực và khả năng của mình. Là những giáo hữu bình dân chất phát và nhiệt thành, sau khi lập gia đình, hai ông đã tận tâm giáo dục con cái sống đạo cách sốt sắng theo tinh thần Phúc Âm.

Tháng 08.1861 với chiêu chỉ Phân sáp của vua Tự Đức, việc bách hại đạo gia tăng cách khủng khiếp nhất là trong địa phận trung. Các quan thi hành triệt để lệnh vua, không những cho quân lính truy lùng các vị thừa sai, giám mục, linh mục, thầy giảng, mà con cưỡng ép mọi giáo hữu bất kể nam phụ lão ấu đều phaỉ chối đạo và bước qua Thánh Giá. Đất đai, nhà cửa, ruộng vườn, súc vật . . của giáo hữu sau khi bị phân sáp đều bị tịch thu, phá hủy. Hơn nữa, giáo hữu còn bị khắc trên má hai chữ "*Tả Đạo*" để khỏi lẩn trốn. Quả thực, Giáo Hội Việt Nam đang phải chím đắm trong những thử thách lớn lao.

Đến năm 1862, thảm họa đã đổ xuống trên làng Đông Phủ. Trong dịp này, hai ông Phêrô Dũng và Phêrô Thuần đã bị bắt và bị giải về phủ huyện, rồi bị tống giam vào ngục Ngọc Chí.

Tại đây hai ông chịu nhiều cực hình, cổ mang gông, chân chịu xiềng xích, và nhiều lần quân lính đưa hai ông đến trình diện quan lớn rồi bị cưỡng ép phải chà đạp Thánh Giá. Nhưng các ông vẫn nhất mực từ chối lòi quan, và thẳng thắn tuyên xưng niềm tin của mình vào Đức Kitô.

- **Hai mẫu gương sống động.**

Các quan đã phải dùng đến phương sách tình cảm để mong khuất phục hai ông. Quan cho quân lính dẫn hia ông về thăm gia đình, gặp lại vợ con. Trước cảnh gông cùm xiềng xích của người chồng, người cha, cả hai gia đình đều nức nở khóc lóc buồn thương. Nhưng điều quan quân không thể ngờ được: Hai ông bình tĩnh an ủi khích lệ vợ con hãy sẵn sàng chấp nhận việc dâng hiến của mình. Ông Phêrô Dũng nói:

"*Hãy vui mừng vì tôi được hy sinh mạng sống cho Đức Kitô*".

Sau đó hai vị anh hùng bình thản trở về nhà tù sống chung với các chứng nhân khác.

Tháng 04.1862, các quan đẩy hai ông ra làng Lương Mỹ, thuộc huyện Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình, và giam ở đó hơn hai tháng. Trong hòan cảnh này, ông Phêrô Thuần đã một lần thối chí và nghe lời quan đạp lên Thánh Giá. Thế nhưng sau khi gặp lại các bạn hữu, ông tìm được can đảm, tiếp tục tuyên xưng niềm tin cho đến chết, bất chấp mọi đòn vọt tra tấn.

Nhận thấy việc kéo dài thời gian giam giữ hai ông Phêrô Dũng và Phêrô Thuần cũng vô ích, các quan liền kết án thiêu sinh hai ông. Ngày 06.06.1862, quan cho nhốt hai chiến sĩ đức tin vào một chiếc cũi tre chật hẹp, rồi chất củi thiêu sống hai ông. Trong ngọn lửa phừng phực cháy bỏng, hai chứng nhân của Chúa Kitô chắp tay cầu nguyện, tạ ơn Chúa trong tâm tình hiến dâng mạng sống mình để nói lên niền tin kiên vững vào Đấng Cứu Chuộc. Thi thể cháy đen của hai vị tử đạo được chôn cất ngay tại chổ. Về sau, giáo dân đem an táng tại sân nhà thờ Đông Phú, quê hương của các ngài.

Cùng với 23 vị tử đạo khác tại Việt Nam, hai ông Phêrô Đinh Văn Dũng và Phêrô Đinh Văn Thuần đã được Đúc Piô XII suy tôn lên bậc Chân Phước ngày 29.04.1951.

Ngày 06 tháng 06

Thánh Vinh Sơn DƯƠNG

Thu thuế
(1821 – 1862)

• Đường thẳng về quê thật.

Thế gian bách hại nhưng đã thắng
Thể xác đớn đau vẫn coi thuờng
Cái chết oai hùng con đường thẳng
Khải hoàn Thiên Quốc, chính Quê Hương."

Đọan Thánh Thi Kinh Sáng Phụng Vụ các Thánh Tử Đạo cho chúng ta thấy cái nhìn của Giáo Hội về chứng ta oanh liệt của các chứng nhân đức tin. Với niềm tin tuyệt đối vào Đức Kitô, vào vinh phúc vĩnh cửu, các Ngài đã sẵn sàng chấp nhận cái chết, từ bỏ cuộc sống trần gian để được khải hoàn với ngành lá vạn tuế. Các Ngài đã chấp nhận *"thua"* để được "*thắng*", chấp nhận đau khổ để được hạnh phúc muôn đời, vơi một thái độ hiên ngang đến nỗi chính lý hình cũng phải ngỡ ngàng kính nể.

Thái độ kiên cường đó không chỉ dành riêng cho hàng giám mục, linh mục, tu sĩ, mà ngay cả những người giáo hữu nghèo nàn, chất phát như trường hợp thánh Vinh Sơn Dương. Dưới ánh sáng của đức tin, ông Dương không hề sợ hãi nao núng khi sắp chịu chết vì danh Chúa Kitô. Vinh Sơn đã nằm

xuống, nhưng danh tính ông sẽ mãi mãi lưu truyền đến thiên thu.

- **Cuộc đời và gian khổ.**

Ông Vinh Sơn Dương sinh quán tại làng Doãn Trung, sau gọi là Phương Viên, thuộc xứ Kẻ Mèn, tỉnh Thái Bình, địa phận Trung (nay là địa phận Thái Bình). Ông lập gia đình và sinh được ba ngươi con. Ngoài việc canh tác ruộng nương như mọi người nông dân khác, ông còn giữ thêm trách vụ thu thuế trong làng nữa. Cũng vì chức vụ này ông bị "*quan tâm đặc biệt*" hơn các giáo hữu khác trong thời bách hại.

Trong vòng chỉ 15 năm, vua Tự Đức đã lần lượt ra đến tám chiếu chỉ cấm đạo ngày càng gay gắt, rộng rãi hơn. Tháng 08.1861 với chiếu chỉ Phân sáp, nhà vua đã động viên cả guồng máy quan quân cho đến những người ác cảm với đạo. Khi cho phép quan quân và người ngoại giáo được tịch thu tài sản, cũng như các tín hữu về làm đầy tờ trong nhà, nhà vua đã dẫy họ vào tình cảnh bi đát nhất chưa từng có. Thế nhưng nhà vua đã lầm. Những giáo hữu tầm thường nhất, dù chỉ có hai bàn tay trắng vẫn giữ được trái tim sắt đá, vẫn đủ sáng suốt can đảm để không bao giờ tuân lệnh độc đóan của nhà vua.

Khoảng cuối tháng 09.1861, ông Vinh Sơn Dương cùng với nhiều tín hữu khác bị bắt và bị phân sáp vào làng Mỹ Nhuệ, huyện Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình. Suốt chín tháng bị giam giữ tại đây với biết bao hình khổ dữ dằn, bao sỉ nhục mắng nhiếc, ông Vinh Sơn đã vui vẻ chấp nhận tất cả để giữ lòng trung tín với Chúa Giêsu, quyết không chà đạp lên Thánh Giá.

• Ánh lửa tỏa khắp năm châu.

Cuối cùng, ngày 06.06.1862, ông Vinh Sơn Dương đã lãnh bản án thiêu sinh. Sau giờ hành quyết, các giáo hữu đã chôn cất vị anh hùng đức tin ngay nơi lãnh phúc tử đạo. Ít lâu sau, thi hài ông Dương được cải táng và rước về mai táng tại nhà thờ thánh Vinh Sơn, nơi quê hương của Ngài. Chính vợ ông, bà Anê Tịnh, hiện diện trong ngày xử án, sau cũng đến làm chứng cho chồng với giáo quyền để lập hồ sơ phong thánh.

Thế là sau 18 thế kỷ qua đi của lịch sử Kitô giáo, một người nông dân Việt Nam lại bị thiêu sống như hàng loạt các tín hữu thời sơ khai tại hý trường Rôma thời bạo chúa Nérôn. Có điều ánh lửa thiêu đốt ông Vinh Sơn Dương không lịm tắt đi nơi một vùng quê của đất nước Viêt Nam, nhưng sẽ bừng lên tỏa sáng khắp năm châu. Ngày 29.04.1951, danh xưng ông Vinh Sơn Dương trở nên bất diệt, khi Đức Thánh Cha Piô XII long trọng suy tôn ông lên bậc Chân Phước tại Vương Cung Thánh Đường Phêrô.

Trong Hiến Chế Giáo Hội, Công Đồng Vatican II gợi lên cho chúng ta những suy nghĩ mỗi khi chiêm ngưỡng mẫu gương chết vì đức tin đáng trân trọng: "*Khi tử đạo, người môn đệ đồng hóa với Thầy mình, Đấng đã tình nguyện cái chết để cứu nhân độ thế . . . Giáo Hội coi việc tử đạo như một ân huệ lớn lao và là một bằng chứng cao cả về đức ái. Mặc dù chỉ một số ít được phúc tử đạo, nhưng tất cả mọi ngươi đều phải sẵn sàng tuyên xưng Chúa Kitô trước mặt tha nhân và bước theo Ngài trên đường Thánh Giá giữa những cuộc bách hại không hề thiếu vắng trong Giáo Hội." (Số 42 B).*

Ngày 07 tháng 06

Thánh Giuse TRẦN VĂN TUẤN

Nông dân
(1824 – 1862)

• Dấu hiệu Đức Cậy.

Sự lạc quan trước những thử thách, đó là điều Thiên Chúa hằng mong đợi nơi mỗi người tín hữu. Chúng ta có thể gọi sự lạc quan ấy là Đức Cậy, vì dựa vào sức mạnh của Chúa và vững tin vào ngày mai tươi sáng. Nếu đã tin vào Đức Kitô, Đấng đã chiến thắng các quyền lực sự ác, chúng ta thấy rằng không có gì có thể làm lay chuyển công trình Người thực hiện trên thế giới này. Đối với những thử thách lớn lao hơn như cuộc tử đạo, như những hình khổ, mà chỉ cần một hành vi chối đạo cũng đủ để thoát khỏi thì thái độ lạc quan kiên quyết của người tín hữu quả là một cuộc hiển dương Đức Cậy, như trường hợp thánh Giuse Tuấn.

Sau một năm rưỡi tù đầy cực khổ, các quan chỉ yêu cầu vị chứng nhân bước qua Thánh Giá để được tha về. Nhưng chẳng những người tôi tớ Chúa không tuân lệnh quan, lại còn kính cẩn quỳ gối trước Ảnh Chuộc Tội mắt hướng về trời cao và cầu nguyện lớn tiếng rằng:

"Lạy Chúa, con hết lòng cảm tạ trước tình yêu bao la và lòng thương xót hải hà của Chúa. Chúa là sức mạnh đỡ nâng con."

• Người nông dân hiền lành.

Giuse Trần Văn Tuấn chào đời năm 1824 tại làng Nam Điền, một họ đạo của xứ Phú Nhai, trong mái gia đình sinh sống nghề ruộng nhiều đời trên vùng đồng bằng sông Hồng thuộc tỉnh Nam Định (nay là Hà Nam Ninh). Cũng như hàng ngàn người nông dân Việt Nam, niềm vui của anh là con trâu luống cầy, để thu hoạch những bông lúa nặng trĩu do những giọt mồ hôi và công sức của mình.

Cùng với những giáo hữu cùng cảnh ngộ, cuộc đời anh Giuse Tuấn bỗng nổi cơn sóng gió vì những chiếu chỉ cấm đạo của nhà vua. Cuộc bách hại vào giai đọan cao điểm này đã ảnh hưởng đến các phần tử nhỏ bé tầm thường nhất trong Giáo Hội Việt Nam. Năm 1860, anh Tuấn bị bắt vào năm 36 tuổi, và bị giải tới phủ Xuân Trường cùng với một số giáo hữu khác. Về sau, anh lại bị phân sáp vào làng An Bái, thuộc huyện Thụy Anh.

• Máu đào chứng minh.

Từ khi về làng An Bái, anh Giuse Tuấn bị giam trong ngục chập hẹp, cổ mang gông, chân mang cùm xiềng xích. Nhưng người chiến sĩ đức tin vẫn kiên trì chịu đựng trong nhẫn nại và vui vẻ. Trong chiếu chỉ Phân sáp tháng 08.1861, quân lính nung đỏ thanh sắt, và khắc vào má của anh một bên chữ "*Tả Đạo*", một bên là nguyên quán làng xã. Sau những ngày tháng tù tội cơ cực, sức khỏe anh Tuấn suy giảm rất nhiều, các quan tưởng anh sẽ nản chí bỏ cuộc, nên điệu ra và yêu cầu anh

bước qua Thánh Giá. Quan còn hứa ban tặng tiền bạc sau khi trả tự do cho anh.

Nhưng các quan đã thất bại chua cay, người nông dân tầm thường đó không dễ bị lung lạc thối chí. Ngược lại, anh có thừa trung tín và can đảm để biểu lộ niềm tin của mình. Vì tin vào Đấng Sáng Tạo yêu thương vô biên, và tin vào Đấng Cứu Thế, nguồn trợ lực tâm hồn, anh Giuse Tuấn thành kính quỳ trước ảnh Chuộc Tội nói lên lời cảm tạ Thiên Chúa, Đấng mà chính anh cảm nghiệm đực sự nâng đỡ của Ngài. Và anh đã phải trả giá cho niềm tin đó: Quan đã kết án tử hình người chiến sĩ Đức Kitô làng Nam Điền.

Ngày 07.06.1862, trên đường tới nơi xử trảm, anh Giuse Tuấn bình thản đi sau đám quân lính, vừa đi vừa sốt sắng đọc kinh Cầu Các Thánh. Tới nơi, lý hình đã vung gươm chém đầu vị chứng nhân, đang khi anh quỳ gối, miệng vẫn liên tục kêu tên cực trọng Chúa Giêsu. Người nông dân chất phát hiền hòa nhưng đạo đức, gan dạ, đã dùng chính máu mình thay vì ngôn từ, để làm chứng cho Đức Giêsu Kitô, Nguồn Chân Lý vĩnh cửu bất diệt. Hai năm sau, thi hài vị tử đạo đực các giáo hữu cải táng và long trọng rước về chôn cất tại nhà thờ họ Nam Điền, quê quán của ngài.

Ngày 29.04.1951 cùng với 24 vị tử đạo khác tại Việt Nam, người nông dân nghèo khó thánh thiện, Giuse Trần Văn Tuấn, đã được Đức Thánh Cha Piô XII suy tôn lên bậc Chân Phước.

Ngày nay chíng ta không có hoàn cảnh tử đạo như các ngài ở thế kỷ trước, nhưng với những khó khăn thử thách vẫn

thường xẩy đến, chớ gì chúng ta vẫn noi gương Đức Cậy của thánh Giuse Tuấn để mãi mãi ca tụng Thiên Chúa:

"*Lạy Chúa! Con hết lòng cảm tạ trước tình yêu bao la và lòng thương xót hải hà của Chúa. Chúa là sức mạnh nâng đỡ con.*"

Thánh Augustinô PHAN VIẾT HUY

Ngày 13 tháng 06

Thánh Augustinô PHAN VIẾT HUY

Quân nhân
(1795 – 1839)

Thánh Nicolas BÙI ĐỨC THỂ,

Quân nhân
(1792 – 1839)

Thánh Đaminh ĐINH ĐẠT

Quân nhân
(1803 – 18.07.1839)

- **Dâng sớ biểu lộ niềm tin.**

Một ngày mùa hạ 1839, vua Minh Mạng rời hoàng cung đi dạo và quan sát dân tình Huế. Tất cả sinh hoạt đều tạm ngưng, mọi người phaỉ dạt vào lề đường, chờ xa giá nhà vua đi qua mới tiếp tục công việc mình đươc. Nhưng kía, có hai người lính không thuộc đội cận vệ, bỗng từ đâu xuất hiện, tiến ra và quỳ rạp trước kiệu rồng, hai tay nâng cao trên trán một tờ sớ viết bằng chứ Hán. Viên quan hầu nhận sớ trình cho vua xem. Tuy chỉ có hai người lính, nhưng sớ ký tên ba người, là các ông Phan Viết Huy, Bùi Đức Thế và Đinh Đạt. Nội dung lá đơn ấy như sau:

"*Cha ông chúng tôi đã theo đạo Gia Tô, năm ngoái các quan tra tấn ép buộc bước qua Thánh Giá, chúng tôi đã miễn cưỡng làm theo, chứ thực tâm không múôn. Nay chúng tôi xin tiếp tục giữ đạo để tròn đạo hiếu với cha ông chúng tôi.*"

Đó là biến cố chính đưa đến cái chết tử đạo của ba quân nhân xã Lục Thủy, phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Augustinô Phan Viết Huy sinh năm 1795 tại làng Hạ Linh, thuở bé có dâng mình cho Chúa, chủân bị làm thầy giảng, nhưng sau khi ra ngoài lập gia đình, ông đã phục vụ trong quân ngũ mười năm. Người thứ hai là Nicolas Bùi Đức Thể sinh năm 1792 tại làng Kiên trung, tính đến ngày bị bắt, ông mới đi lính được một tháng. Người thứ ba là Đaminh Đinh Đạt sinh năm 1803 tại làng Phú Nhai, tuy ít tuổi nhất nhưng đã gia nhập quân đội được 12 năm.

- **Đâu phải lính là can đảm.**

Tổng đốc Nam Định bấy giờ là Trịnh Quang Khanh. Năm 1838, ông đã từng bị triệu về kinh và bị khiển trách vì tội lơ là thi hành luật bắt đạo của nhà vua. Từ đó, ông trở thành một thứ "*hùng xám*" tỉnh Nam Định thề quyết không đội trời chung với "*Gia Tô tả đạo*" , cho quân đi lùng bắt khắp nơi. Để công việc có hiệu quả, đối tượng đầu tiên ông quan tâm là thanh lọc lại ngay trong hàng ngũ quân đội, những người ông sẽ phải thi hành chiến dịch truy lùng trong dân chúng.

Sau nhiều ngày suy tính kế hoạch và chuẩn bị, Tổng đốc tổ chức đại tiệc chiêu đãi tất cả các binh sĩ ở Nam Định, dựa vào lý lịch của họ. Hôm đó, có khoảng 500 anh em đến dự trong bữa tiệc, Tổng đốc đưa ra những lời hứa hẹn và ban thưởng cho những ai trung thành với vua. Ông cũng khéo léo đe dọa những ai cố chấp không bỏ tà đạo. Khi tiệc đã tàn, ông cho mời hết thảy vào dinh để thử lòng họ. Tại đây, quan để sẵn những dụng cụ tra tấn như gông cùm, xiềng xích, roi kìm . . . và đặt tượng Thánh Giá dưới đất. Tất cả được tự do lựa chọn, bước qua ảnh Chuộc Tội, hoặc chịu gia hình thì tùy ý. Tiếc thay trong số 500 lính hôm đó chỉ có 15 người trung kiên, từ chối bước qua anh tượng Chúa, còn lại bao nhiêu đều nhát sợ bỏ đạo. Tức khắc 15 người kia bị tống giam vào ngục tối.

Ngày hôm sau, quân lính đưa 15 tín hữu này ra công đường, đánh đòn và bắt ép các ông bước qua ảnh Chúa. Sáu người sờn lòng bỏ cuộc, chỉ còn chín người vững vàng trước trận đòn chí tử. Cả chín lại bị tống giam vào ngục. Ba ông Huy, Thể, Đại thuộc nhóm chín người này. Riêng ông Huy, vì trước đây có lấy vợ nhỏ ở tỉnh, đêm hôm đó trốn ra ngoài xưng tội và làm tờ cam kết bỏ vợ nhỏ với cha Năng tại họ Phúc Đường, rồi trở vô tù với anh em.

Ngày thứ ba, chín người trên lại được đem ra trình diện với quan, Tổng đốc hứa thưởng tiền cho ai bỏ đạo. Thoạt đầu không ai nghe lời, quan ra lệnh đánh đập tàn nhẫn, rồi cho lính đánh vào đầu ngón tay từng người. Chịu không nổi chín người bỏ cuộc, chỉ còn năm vị cương quyết trung thành với Chúa. Đầu thang sáu, vua Minh Mạng phái thêm tướng Lê Văn Đức đem 2.000 kinh binh ra tăng viện cho Nam Định. Viên tướng

này vừa đến nơi đã là người cộng tác rất đắc lực với Tổng đốc trong cuộc bách hại. Ngày 25.06, khi đem Đức cha Henares Minh và thầy Chiếu đi xử tử, tướng Lê Văn Đức cho dẫn năm binh sĩ bướng bỉnh ra pháp trường, có ý hù dọa để các ông sợ. không ngờ các ông tỏ ra hân hoan vì tưởng sắp chết vì đạo.

• Chỉ còn ba người trung tín.

Thấy thế quan lại cho giải năm ông trở về trại giam. Ít bữa sau, quan truyền gọi năm ông ra tòa, mới đầu quan dùng lời ngon ngọt dụ dỗ, nhưng không thành công, liền thịnh nộ sai quân lính khiêng hai đầu gông từng người kéo lê trên tượng Chúa, các ông liền co chân lên. Họ lấy roi đánh túi bụi, vừa đanh vừa kéo chân các ông xuống đạp lên ảnh thánh. Thêm hai binh sĩ nữa bỏ cuộc sau trận đòn này, chỉ còn ba ông Huy, Thế và Đạt kiên quyết trả lời với quan rằng: "*Các người cưỡng bách chúng tôi đạp lên tượng Chúa, nhưng lòng chúng tôi không chiều theo, thì chẳng phải chúng tôi bỏ đạo đâu*." Quan liền ra lệnh đóng gông thật nặng và giam cả ba vào ngục.

Từ đó trở đi, ba ông còn phải chịu nhiều cuộc tra tấn khác nữa. Khi thì mỗi người 24 roi, khi thì 150 roi. Một lần quan dùng lý luận khuyên các ông bỏ đạo tà, ông Huy thay mặt anh em đáp lại: "*Quan lớn dậy chúng tôi bỏ đạo Thiên Chúa, thì chúng tôi theo đạo nào bây giờ? Chúng tôi chỉ theo đạo thật thôi.*" Quan thét lên: *"Nếu đạo chúng bay là đạo thật, sao Đức Vua lại nghiêm cấm?"* Gấy giờ ông Huy có dịp sử dụng những gì xưa đã học khi chuẩn bị làm thầy giảng, để cắt nghĩa các lẽ đạo và trả lời cách mạch lạc sáng sủa những câu hỏi quan đặt ra. Thấy mình đuối lý, quan cho lệnh giam ba ông chung với

linh mục Giacôbê Năm, ông Lý Mỹ và ông Trùm Đích. Cha Năm hỏi ba ông: "*Hôm nay thế nào, được hay thua*?" Các ông vui vẻ đáp: "*Chúng con chẳng chịu quá khóa, nên quan đã làm án xử rồi.*"

Thế nhưng án của các ông chưa được vua Minh Mạng châu phê. Vua truyền các quan bằng mọi cách bắt ba ông bỏ đạo vì "*khi đầu đã đứt, chẳng còn có phép chi nối lại được nữa.*" Giai đoạn này, Trịnh Quang Khanh đang bị ngưnng chức Tổng đốc, Tổng trấn Lê Văn Đức tạm thay quyền đã cho lệnh đóng gông và đưa ba chiến sĩ Đức Kitô phơi nắng chỗ công cộng, ông Huy và Thế ở cửa Đông, ông Đạt ở cửa Nam suốt 21 ngày liền, mọi người đi qua đều tự do hành hạ, sỉ nhục tùy ý. Nhưng quan lại một lần nữa thất bại.

Tháng 10.1838, Trịnh Quang Khanh được phục chức Tổng đốc, nên hết lòng tìm cách đền đáp ơn vua. Tổng đốc cho những người đã bỏ đạo trước đây vào ngục thất khuyên dụ ba ông bỏ đạo, nhưng những người này bị các ông khiển trách là kẻ hèn nhát dại dột, nên mắc cỡ không dám nói năng gì cả. Tổng đốc chuyển sang kế hoạch mới, dọa nạt vợ con, thân nhân, bạn bè của các ông, bắt họ vào nài nỉ dụ dỗ, hy vọng các ông sẽ xiêu lòng. Nhưng cả ba vị vẫn cương quyết trung thành với Chúa.

- **Một phút lầm lỡ . . .và thống hối.**

Cuối cùng Tổng đốc cho gọi các kỳ mục ba làng Hạ Linh, Kiên Trung, Phú Nhai đến, và ra hẹn trong một tháng phải ép

ba chiến sĩ đức tin bỏ đạo, bằng không sẽ bị trừng phạt. Một tháng sau, những người này vẫn chưa hoàn thành được công tác khó khăn ấy. Quan liền tập trung các kỳ mục và cho lệnh đánh đòn họ trước mặt ba người chiến sĩ Đức Kitô. Và lần này ông thành công. Ông Thế động lòng trước cảnh một bô lão làng Kiên Trung chịu đòn thâm tím vì mình, xin quan tha cho cụ bằng cách đồng ý bước qua Thập Giá. Quan quân vỗ tay reo mừng. Tiếp theo ông Đạt cũng bước qua Thập Giá. Riêng ông Huy vẫn chưa chịu khuất phục.

Đêm hôm đó, quan cho người vào ngục dụ dỗ ông Huy: "*Chẳng ai cười chú đâu, vì chú đã chịu khổ rất can đảm. Vua chẳng muốn giết chú, chỉ bằng cứ bước đại qua Thập Giá để khỏi rầy rà*". Ông Huy nghe thế hơi xiêu lòng, lại thấy hai bạn mình được tự do cả rồi, nên sáng hôm sau ông cũng theo chân các bạn bỏ đạo. Quan cho mỗi người mười quan tiền và cho trở lại trong phòng quân ngũ.

Thế nhưng ba người lính được tự do trở về nhà lại thấy lòng áy náy, lương tâm cắn rứt. Các ông không ngờ vụ án mình không chỉ là vấn đề cá nhân. Quá nhiều người quan tâm và cầu nguyện cho các ông mỗi ngày. Do đó, việc bỏ đạo của ba người cuối trong nhóm 500 binh sĩ trở thành tin buồn lớn lao cho tập thể. Có người không tin các ông đã đạp lên Thập Giá, dù các ông hoàn toàn nhận lỗi nơi mình, họ bảo rằng chắc các quan dùng thuốc mê khiến các ông mất sáng suốt. Thế là ba ông sau khi xưng tội, bàn bạc với nhau và cương quyết lên tỉnh để tuyên xưng đạo một lần nữa.

•Lòng can đảm hy hữu .

Đến tỉnh, ba ông vào thẳng dinh quan Tổng đốc trình bày nguyện vọng của mình:" *Thưa quan, đạo Thiên Chúa là đạo thật, Chúa chúng tôi thờ là Đấng quyền năng vô biên. Mấy ngày trước chúng tôi đã trót dại quá khóa. Nay chúng tôi xin trả tiền lại cho quan để được giữ đạo Chúa cho thật lòng*". Quan nghe nói tức giận chửi mắng ba ông thậm tệ, rồi ra lệnh giam vào ngục để tìm cách dụ dỗ như lần trước. Nhưng vì quan đã báo cáo lên vua việc ba ông bỏ đạo nên muốn cho qua chuyện, chỉ truyền đánh đòn ba ông và rồi đuổi ra khỏi dinh. Số tiền các ông trả, quan trao cho hương chức ba làng của các ông.

Trở về nhà, ba ông cầu nguyện liên lỉ và tiếp tục bàn bạc với nhau, dự tính vào tận kinh đô dể tuyên xưng niềm tin. Ba ông đến hỏi ý kiến cha Tuyên và cha Năng. Các ngài nói tùy ý, chứ tội các ông không buộc phải đền bằng cách đó. Cha Chính Jimenô Lâm (sau này làm Giám mục địa phận Đông Đàng Ngoài) nghe tin thì viết thư tán thành sáng kiến đó. Thế là ba ông ngồi lại với nhau viết một lá đơn cho vua, bày tỏ niềm tin của mình. Ông Đạt cũng ký vào đơn, nhưng vì đang phải công tác với đội binh nên ở lại. Hai ông Huy và Thế có cơ hội tức tốc khăn gói đi vào Huế. Trước khi lên đường, cha Tuyên nhắc bảo hai ông phải trông cậy vào Chúa hơn là sức mình, phải cầu nguyện nhiều mới có thể can đảm làm chứng cho đạo Chúa. Hai vị xưng tội một lần nữa, chào giã biệt họ hàng thân thích và xin mọi người góp lời cầu nguyện. Sau 20 ngày đi, các ông vào tới kinh đô đầu tháng 05.1839. Một người con ông Huy mới 16 tuổi cũng theo chân cha để nghe ngóng tin tức.

Theo thủ tục khi đó, ba ông đến nộp đơn ở tòa Tam Pháp chớ đợi. Các quan nhận đơn, nhưng lại bỏ qua không trình lên vua. Trong thời gian chờ đợi, các ông ở trọ nhà bà Đông, cũng là một tín hữu ở Huế. Sau đó hai vị làm thêm một lá đơn thứ hai, nhưng tòa Tam Pháp vẫn im tiếng làm ngơ như cũ. Thế là các ông phải tính đến một kế hoạch táo bạo hơn. Nhân dịp vua Minh Mạng ngự giá đi dạo trong thành phố. Hai ông đón đường để trình đơn thẳng lên nhà vua. Đọc xong vua nổi giận tống giam cả hai, và giao cho các quan bộ Hình cứu xét.

• Khổ hình và vinh phúc.

Các quan ở kinh đô khuyến dụ, hứa hẹn nhiều điều, rồi tra tấn đánh đập, nhưng hai nhân chứng vẫn trướcsau như một, tuyên xưng là những binh sĩ có đạo. Tướng quân Lê Văn Đức ở Nam Định trở về, vì đã từng biết sự gan dạ của hai ông nên nói: "*Đừng hy vọng thuyết phục bọn này, đanh chúng chỉ mỏi tay thôi.*"Một hôm quan hỏi tại sao trong đơn còn có chữ ký của Đinh Đạt, hai ông trả lời: "*Thưa quan, anh Đạt cũng không chịu quá khóa, nhưng bận việc quân nên không đi với chúng tôi được. Anh ấy dặn: chúng tôi thế nào, anh ấy cũng như vậy.*"

Các quan trình bầy sự việc lên vua để lãnh ý. Sau đó theo lệnh vua, quan cho bày trước mặt hai ông mười nén vàng, một tượng Chịu Nạnvà một thanh gươm rồi nói: *"Cho bay tự ý chọn, bước qua tượng thì được vàng, bằng không thì gươm sẽ chặt đôi người bay ra, xác sẽ bị trôi ngoài biển.*" Hai ông bày tỏ ý muốn chọn gươm. Vua Minh Mạng nổi giận truyền viết bản án như sau:

"*Trước đây ta đã làm án tử hình, nhưng ta thương chẳng muốn giết, nào ngờ chúng đã mê dại chẳng biết sự phải lẽ. ta đã mở lối cho chúng ăn năn chừa cải, song hai tên tội phạm cố chấp theo Gia Tô tả đạo, lại bỏ việc quân vào kinh nộp đơn. Thật là bọn kiêu ngạo đáng khinh, đáng ghét, chẳng thể để sống đựơc nữa. Vậy hai tội phạm Phan Viết Huy và Bùi Đức Thế phải cho lính đem ra biển lấy rìu lớn chặt ngang lưng rồi bỏ xác xuống biển, để ai nấy biết tỏ điều răn cấm. . .*"

Phần sau bản án, vua giao cho Trịnh Quang Khanh việc điều tra ông Đinh Đạt và dặn trình báo lại. Ngày 13.06.1839, quân lính điệu hai ông ra cửa Thuận An thi hành án lệnh. Họ dẫn hai ông lên thuyền chèo ra giữa biển, đặt một Thánh Giá ngay trong thuyền, để thử xem các ông có đổi ý đạp lên chăng. Khi thất vọng, họ trói hai ông vào cột chèo, thay vì chặt ngang lưng, họ chặt đầu trước rồi bổ thân ra làm bốn, ném xuống biển làm mồi cho cá.

- **Bổ làm tám cũng được.**

Về phần ông Đinh Dạt, sau khi đi công tác trên tỉnh, ông thu xếp việc nhà và chuẩn bị tâm hồn đón nhận cái chết anh hùng. Cuối tháng 06.1839, một người bạn đồng đội đến báo tin ông Huy và Thế đã b5 hành hình. Ông Đạt tỏ ra rất vui mừng, báo tin cho cha mẹ, bà con, từ giã mọi người. Ông không tính chuyện chạy trốn, chỉ chờ đợi ngày bị bắt. Vợ con khóc lóc, ông lựa lời an ủi và quả quyết Chúa sẽ lo liệu và qun phòng mọi sự. Khi quân lính đến vây bắt, ông lánh mặt ít giờ để xưng tội và rước lễ lần cuối, rồi thản nhiên đi theo họ lên tỉnh. Dọc đường ông sốt sắng lần chuỗi, suy niệm các mầu nhiệm kinh Mân Côi.

Đến Nam Định, lính đưa ông vào gặp Trịnh Quang Khanh, quan Tổng đốc bảo ông: "*Hai bạn của ngươi vì cuồng dại không chịu bỏ đạo tà, nên đã chém làm tư quăng xuống biển. Còn ngươi, nếu khôn thì chối bỏ đi để về với vợ con.*" Ông Đạt thẳng thắn thưa: "*Tôi đã chịu nhiều cực hình vì đức tin, nay tôi sẵn sàng chịu thêm nhiều hình khổ khác nữa. Hai bạn tôi đã được phúc trọng, quan cứ chém tôi làm tám khúc cũng được.*" Quan biết có đe dọa cũng không thành công, liền lập án gởi về kinh xin xử giáo.

Ông Đạt khi nghe đọc bản án thì rất bình tĩnh, vui mừng đón nhận cái chết gần kề. Ngày 18.07.1839 ông theo lính ra pháp trường Bẩy Mẫu, vừa đi vừa chăm chú đọc kinh. Đến nơi xử, ông quỳ trên chiếu cầu nguyện giây lát, rồi chờ quân lính tháo gông trên cổ, ông nằm xuống. Lý hình đứng hai bên dùng dây xiết cổ ông cho đến khi tắt thở. Tín hữu làng Phú Nhai thương lượng với quan quân đem thi hài vị anh hùng tử đạo về an táng tại khu đất của người anh cả vị anh hùng. Sau hài cốt của ông Đạt được lưu giữ tại nhà thờ Phú Nhai.

Ngày 27.05.1900, Đức Lêo XIII suy tôn ba vị anh hùng tử đạo: Augustinô Phan Viêt Huy, Nicolas Bùi Đức Thể và Đaminh Đinh Đạt lên bậc Chân Phước.

Ngày 16 tháng 06

Anrê TƯỜNG

Nông gia
(1812 – 1862)

Vinh Sơn TƯƠNG,

Chánh tổng
(1814 – 1862)

Đaminh NGUYỄN ĐỨC MẠO,

Nông gia
(1818 – 1962)

Đaminh NHI,

Nông gia
(1822 – 1862)

Đaminh NGUYÊN,

Chánh trương
(1800 – 1862)

• Niềm tin được chứng giám.

Cuộc đời năm vị tử đạo Anrê Tường, Vinh Sơn Tương, Đaminh Mạo, Đaminh Nhi và Đaminh Nguyên tưởng như đã được trình bày cụ thể trong thư gởi giáo đòan Do Thái:

"*Có những người vì đức tin bị căng nọc, bị đanh đòn, họ đã từ khước giải thoát ngõ hầu được sự sống hoàn hào hơn. Có những người chịu thử thách, chịu sỉ nhục, chịu đòn vọt, họ còn bị xiềng xích và tù ngục. Họ bị ném đá, bị cưa xẻ, bị thiêu đốt, bị hiếp đáp, bị hành hạ. . . Hết thảy những người đó đã được Thiên Chúa chứng giám nhờ đức tin." (Dt 11, 35-37. 39)*

Chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi chiếu chỉ Phân sáp, năm giáo hữu đồng hương này đã đồng lao cộng khổ, để cúôi cùng đồng vinh quang trên Nước Trời. Thiên Chúa đã chứng giám cho niềm tin của họ.

• Số phận gắn bó với nhau.

Dưới thời vua Tự Đức, xứ Lục Thủy, tỉnh Nam Định, địa phận Trung Đang Ngoài, có 13 họ đạo nằm trong chín làng xã. Do đó, làng Ngọc Cục bao gồm hai họ đạo Ngọc Cục (bổn mạng lễ truyền tin) và họ Phú Yên (bổn mạng thánh Vinh Sơn).

Ba ông Anrê Tường, Vinh Sơn Tương và Đaminh Nguyễn Đức Mạo thuộc họ Phú Yên. Anrê Thường sinh năm 1812 và Vinh Sơn Tương sinh năm 1814 là hai anh em ruột. Thân phụ là Đaminh Tiên làm Trùm họ, và thân mẫu là bà Maria Gương. Ông Tương tuy thua anh hai tuổi, nhưng đã

từng giữ chức Chanh tổng. Còn Đaminh Nguyễn Đức Mạo sinh năm 181, con ông Đaminh Giỏi, làm xã trưởng và bà Maria Nhiên. Khi bị bắt ông đươc 44 tuổi và làm Hương quản lo an ninh trật tự trong làng.

Hai ông Đaminh Nguyên và Đaminh Nhi thuộc họ Ngọc Cục. Đaminh Nguyên sinh năm 1800, con ông Đaminh Duệ làm Xã trưởng. Khi bị bắt ông đang làm Chánh trương xứ Lục Thủy. Con trai ông là Đaminh Trình (35 tuổi) cũng bị bắt và tử đạo sau ông một ngày. Còn Đaminh Nhi, người trẻ nhất trong nhóm, sinh năm 1822, con ông Đaminh Vương và bà Catarina Vân.

Năm ông đều đã lập gia đình, đều là những tín hữu nông gia tôt bụng, khá giả, nên đươc dân làng rất kính nể và tôn trọng. Riêng Đaminh Nguyên nhờ có nghề thuốc nên có nhiều cơ hội thực thi bác ái ngay cả với những người anh em ngoại giáo trong vùng. Không rõ trước khi bị bắt, các ông có thân thiết với nhau không, nhưng với một số điểm tương đồng trên, các ông đã là những đối tượng đầu tiên đươc lưu ý khi chiếu chỉ Phân sáp được áp dụng tại làng Ngọc Cục.

Chiếu chỉ Phân sáp của vua Tự Đức ban hành ngày 05.08.1861 gồm năm nội dung chính: Phân tán các làng Công Giáo; sáp nhập họ vào các làng ngoại giáo; tịch thu tài sản ruộng nương; thích tự hai bên má những người theo đạo; rồi giao cho lương dân quản thúc. Trong bối cảnh đó, năm ông đã bị bắt ngày 14.09.1861. Quan phủ Xuân Trường ra lệnh ép các ông phải chà đạp Thánh Giá. Nhưng các môn đệ Chúa Kitô đã khẳng khái biểu lộ niềm tin của mình, cương quyết khước từ

hành vi chối đạo, xúc phạm đến Chúa. Thế là quan giận dữ đày các ông sang làng Bạch Cốc, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

• Tù đầy và lời chứng.

Tiếp theo là bẩy tháng rưỡi bị giam cầm, cổ mang gông, chân tay xiềng xích, bị đanh đòn nhiều lần dã man, nhưng năm vị anh hùng vẫn kiên trung với đạo Thánh Chúa. Cũng theo chiếu chỉ Phân sáp này, quân lính dùng dùi sắt nung đỏ khắc chữ trên mặt các chứng nhân của Chúa, một bên má là chữ "*Tả Đạo*", bên kia là tên làng xã. Nói sao cho xiết nỗi tủi nhục đau đớn của các ông. Đau vì nhức nhối khủng khiếp và vết phỏng lâu ngày trên mặt mới khỏi, nhục vì phải trình bày cho mọi người thấy dấu hiệu chế diễu khinh mạn niềm tin đạo giáo. Nhưng tất cả các ông nhẫn nại chịu đựng, miễn tấm lòng vẫn trung thành với đức tin chân chính.

Để kín múc ơn trợ lực của Thiên Chúa, hằng ngày các ông quây quần bên nhau cầu nguyện, đọc kinh Mân Côi, cùng nhau dâng lên Chúa lời tuyên xưng tuyệt đối của mình vào bàn tay quan phòng, và phó dâng đời mình cho thánh ý Ngài. Có thể nói, chính nhờ những lời nguyện sốt sắng phát xuất từ đáy con tim đó, các ông đã tìm được nghị lực và can đảm lướt thắng mọi gian nan thử thách. Ngoài ra, các ông còn giúp nhau sám hối những lỗi lầm, và tự nguyện hãm mình bằng chay tịnh mỗi tuần ba ngày để chuẩn bị đón chờ hông phúc tử đạo.

Trong bức thư đề ngày 07.08.1862, linh mục Estévez Nam đã trình bày cơn sốt bắt đạo tại Nam Định như sau:

**"*Trong tỉnh Nam Định, người Công Giáo bị đuổi khỏi nhà, quân lính trói từng năm người một, họ chỉ được đem theo mấy nắm gạo đủ ăn chừng hai ngày.. . Có 300 giáo hữu đang bị giam, Tổng đốc Nguyễn Đình Tân ra lệnh cấm tiếp tế lương thực và chỉ mấy ngày sau, 240 người gục chết, những người còn lại hấp hối chờ chết. . . Ngày 18.05.1862, ông ra lệnh chém 21 người, ngày 22 chém 43 người, ngày 26 chém 67 người . . . Ngày 30.05 ông truyền trói 112 người buông thả sông, rồi hôm sau đến lượt 112 người khác. . .*

**"*Việc làm của Tổng đốc được cac quan phủ huyện noi theo. Người Công Giáo phải chết hàng trăm, kẻ bị chém, người bị thiêu sinh trong ngục, hoặc có ai tháo chạy ra ngoài được, cũng bị lý hình cầm gươm dí họ vào lửa cho đến chết. Có lần 150 người bị xử một lúc, lý hình vì không thành thạo, chém đi chém lại chỉ giết được 20 người, số còn lại bị đẩy xuống sông. Nhưng sóng lại nhỏ, một số người sống sót lội vào bờ, quân lính tóm bắt, rồi cứ hai người một, buộc vào nhau ném xuống giếng sâu chết cả.*" [(1)]

Riêng với năm chiến sĩ đức tin Anrê Tường, Vinh Sơn Tương, Đaminh Mạo, Đaminh Nguyên và Đaminh Nhi, quan vẫn còn nhân nhượng. Ngày 15.06.1862, một lần nữa, quan yêu cầu các ông chà đạp Thánh Giá, các ông lại từ chối. Quan liền sai lính trói cả năm ông đem ra phơi nắng suốt cả ngày không cho ăn uống. Sáng hôm sau, quan đổi chiến thuật, lấy lời ngon ngọt dụ dỗ các ông chối đạo. Mặc dù đói khát và mệt lả, ông

---

(1) M. Gispert, Historia de las Misiones Dominicas en Tunkin, Avila 1928, tr. 610-612.

Đaminh Mạo đại diện anh em khẳng khái trả lời: "*Sao quan lại dụ dỗ chúng tôi như vậy? Chắc quan tưởng chúng tôi là con nít khiếp sợ đau đớn, nên quan khuyên dụ chúng tôi xúc phạm Thiên Chúa ư? Nếu chà đạp Thánh Giá để khỏi bị bắt và bị đánh đập thì chúng tôi đã làm ngay ở quê chúng tôi rồi, dại gì phải trải qua biết bao cực khổ nơi đây. Bây giờ quan cứ làm theo ý quan, chúng tôi không boa giờ bỏ đạo đâu.*"

• Đón phúc vinh quang.

Tức giận trước những lời trên, quan lệnh truyền xử tử ngay tức khắc năm vị tôi tớ trung kiên của Chúa. Quân lính điệu các ông ra pháp trường Bạch Cốc, tỉnh Nam Định. Các chứng nhân đức tin vui mừng phó thác linh hồn trong tay Chúa, cầu xin Ngài ban cho đủ sức mạnh chiến thắng cơn thử thách cuối cùng. Quả thật, các ông đã tỏ ra can đảm phi thường. Ngoài ông Đaminh Nhi, cả bốn vị kia đều yêu cầu lý hình, thay vì chém một nhát thì xin họ chém ba nhát để các ông tỏ lòng tôn kính Chúa Ba Ngôi.

Hôm đó là ngày 16.06.1862. Thi thể năm vị anh hùng tuẫn giáo được gia đình và các bạn hữu chôn ngay nơi tử đạo, năm sau thì cải táng về nhà thờ họ quê làng.

Ngày 29.04.1951, Đức Thánh Cha Piô XII đã long trọng suy tôn năm vị tử đạo Anrê Tường, Vinh Sơn Tương, Đaminh Nguyễn Đức Mạo, Đaminh Nguyên và Đaminh Nhi lên bậc Chân Phước.

Ngày 17 tháng 06

Thánh Phêrô ĐA

Thợ mộc
(1802 – 1862)

• Đức tin kiên vững

Thánh Phêrô Đa là vị tử đạo cuối cùng trong 117 chứng nhân đức tin tại Việt Nam đã được Giáo Hội tôn vinh.Cái chết của Ngài chấm dứt một giai đoạn cam go va khai mạc một giai đoạn thanh bình mới của Giáo Hội Việt Nam. Tuy chỉ là một tín hữu tầm thường thiếu học, sinh trưởng trong một gia đình nghèo khó, nhưng lòng dũng cảm và đức tin kiên cường của ông thợ mộc Phêrô Đa không thua gì các vị mục tử của mình: chấp nhận hy sinh trọn vẹn, kể cả chính mạng sống, để giữ lòng trung tín với Đức Kitô.

• Đời sống đạo đức.

Phêrô Đa chào đời khoảng năm 1802 trong một gia đình lao động tại làng Ngọc Cục, xứ Lục Thủy, tỉnh Nam Định, thuộc địa phận Trung Đàng Ngoài. Thân phụ cậu là một Kitô hữu, nhưng thân mẫu là người ngoại đạo. Tuy thế, cậu Đa đã được đón nhận bí tích rửa tội ngày từ bé, và được giáo dục chu đáo niềm tin Kitô.

Ông Phêrô Đa theo nghề thợ mộc và đã lập gia đình. Ông là một gia trưởng gương mẫu, lưu tâm săn sóc con cái và

hướng dẫn chúng bằng chính đời sống thánh thiện của mình. Đằng khác, ông rất nhiệt tình với việc chung và nhận làm ông Từ phụ trách kéo chuông và dọn đồ lễ tại thánh đường giáo xứ.

Sau chiếu chỉ Phân sáp, ông Phêrô Đa bị bắt khoảng 60 tuổi, và bị giải về phủ Xuân Trường với nhiều Kitô hữu khác. Sau sáu ngày bị giam, ông được giải đến Qua Linh. Tại đây ông chịu nhiều cuộc tra tấn dã man và nhiều khổ hình kinh khiếp, nhưng vị anh hùng luôn bền chí chịu đựng, không than van và nhất định không bước qua Thánh Gía. Khi biết chắc không thể làm ông khuất phục, quan liền kết án thiêu sinh ông Phêrô Đa cùng với một số chứng nhân đức tin khác.

• Vinh phúc người tôi trung.

Ngày 17.06.1862, vị tôi tớ trung kiên Phêrô Đa bị dẫn đến nơi xử án. Trên đường đi, ông biểu lộ nét hân hoan vui mừng. Ông bình thản cầu nguyện và phó dâng mọi sự trong bàn tay quan phòng của Chúa. Đồng thời ông khẩn xin Chúa cho mình đủ can đảm chiến thắng cực hình sau cùng vì Danh Thầy Chí Thánh.

Khi ngọn lửa thiêu đốt sắp tàn, quân lính thấy ông vẫn còn sống, liền vung dao chém bay đầu vị tử đạo. Thế là thánh Phêrô Đa, người giáo hữu kiên cường bất khuất, có thể nói đã hy sinh về chân lý bất diệt đến hai lần: vừa bị thiêu đốt, vừa bị chém đầu. Thi hài của người tôi trung Đức Kitô được giáo hữu chôn ngay tại pháp trường. Năm sau giáo hữu lại cải về an táng tại quê nhà.

Thánh Phêrô ĐA

Ngày 29.04.1951, người thợ mộc làng Ngọc Cục, Phêrô Đa được Đức Thánh Cha Piô XII suy tôn lên bậc Chân Phước.

Ngày 26 tháng 06

Thánh Đaminh HENARES MINH (XUÂN)

Giám mục dòng Đaminh
(1765 – 1838)

• Lời kinh và ước vọng.

Lạy Chúa Giêsu rất dịu hiền là cha của lòng con. Xin Chúa vì cuộc tử nạn thánh, vì công nghiệp và lời Đức Mẹ chuyển cầu, xin đoái thương đến bác của con, Đức Giám Mục Đaminh. Xin gìn giữ bác khỏi mọi sự dữ. Xin cho bác yêu Chúa thiết tha, trung thành phục vụ Chúa suốt cuộc đời. Và nếu cần để tôn vinh và làm danh Chúa hơn, xin cho bác được phúc đổ máu minh và hiến dâng mạng sống cho tình yêu Chúa để làm chứng cho đức tin. Amen." [1]

Đó là lời kinh mà Đức cha Minh từ miền truyền giáo Việt Nam đã soạn gửi về quê nhà cho cháu mới năm tuổi đọc cầu cho bác. Cô bé đã dâng lời nguyện đó hằng ngày, dù em biết rất ít về người bác mình. Khi bà con lối xóm hỏi em về ông bác giám mục, em chỉ biết thưa; "*Bác tên là Đaminh, tu dòng Đaminh, đang truyền giáo ở xa, thật xa, nơi mà người ta đang tàn sát các Kitô hữu.*" Và Chúa đã nhận lời khấn xin tha thiết của hai bác cháu tại hai phương trời xa xăm đó.

---

[1] Rodriguez, tr. 69.

• Theo tiếng gọi truyền giáo.

Đaminh Henares sinh ngày 19.12.1765 tại làng Baena, giáo phận Cordoba, nước Tây Ban Nha. Một vài năm sau, gia đình dọn về Granada, nơi cậu đã lớn lên và theo học các lớp phổ thông. Được thừa hưởng nơi người mẹ lòng đạo đức sốt sắng, Henares đã biết cách phát triển nó cách tuyệt vời. Trong khu phố, các phụ huynh thường nhắc đến cậu như một mẫu gương cho con cái mình. Còn bản thân cậu, càng ngày càng sôi sục trong lòng tiếng Chúa kêu gọi vào đời sống tu trì. Năm 16 tuổi, Henares xin nhập dòng Đaminh ở tỉnh Granada. Nhưng mãi đến 30.08.1783, cậu mới được lãnh tu phục dòng tại tu viện Guadix (18 tuổi), năm sau thì tuyên khấn và theo học triết học. Ngay từ niên khóa đầu, thày Henares đã tỏ ra là một sinh viên xuất sắc, nên cuối năm đó, khi thày xin phép chuyển qua tỉnh dòng Rất Thánh Mân Côi để được truyền giáo ở Việt Nam, các bề trên đều tiếc nhớ. Thầy Đaminh đã nhận ra tiếng Chúa kêu mời qua lời cổ động khẩn thiết của Đức cha Obelar Khâm, địa phận Đông Đàng Ngoài: Đã 15 năm địa phận chưa nhận thêm được một thừa sai nào cả.

Thế là thày Henares liền tham gia một nhóm tu sĩ trẻ lên đường đến Phi Luật Tân dưới sự dẫn dắt của tu sĩ Delgado. Kể từ nay cuộc đời hai vị gắn liền với nhau cách khăng khít. Sau hơn một năm lênh đênh trên biển cả, vượt Đại Tây Dương và Thái Bình Dương, phái đoàn đã cập bến Manila vào ngày 09.07.1786. tại đây, thầy Henares vừa tiếp tục học thần học, vừa dậy văn chương cho học sinh trường Santo Tomas. Ngày 20.09.1789 thầy thụ phong linh mục và được gởi đi truyền giáo tại Bắc Việt. Khi thuyền đến Macao, cha Henares gặp lại linh

mục Delgado đã khởi hành trước một năm nhưng vẫn chưa tới Việt Nam. Hai cha cùng với hai thừa sai khác là Vidal và Gatillepa, cả bốn vị đã vào lãnh thổ địa phận Đông Đàng Ngoài ngày 29.10.1790, trong niềm hân hoan của cả địa phận, vì khi đó chỉ còn ba vị thừa sai, mà tất cả đều đã cao niên.

Riêng cha Henares Minh, với tuổi trẻ 25, cha học tiếng Việt rất nhanh chóng. Sau sáu tháng, cha đã được trao phó việc coi sóc chủng viện Tiên Chu. Trong nhiều năm, cha kiên trì dậy các chủng sinh học tiếng Latinh và giúp họ rèn luyện các nhân đức. Từ năm 1798, giữa cơn bách hại của vua Cảnh Thịnh, cha được tỉnh dòng ủy nhiệm làm Bề trên phụ tỉnh (cha chính) của cha dòng Đaminh tại Việt Nam. Năm sau, khi Đức cha Alonso Phê qua đời, Đức cha Delgado Y lên kế vị, cha Minh được đặt làm cha chính địa phận. Ngày 09.09.1800, Đức Piô VII bổ nhiệm cha làm Giám mục hiệu tòa Fez và Giám mục phó có quyền kế vị của Đức cha Delgado Y. Nhưng tình hình Việt Nam căng thẳng, hai năm sau sắc phong mới tới xứ truyền giáo.

- **Vị mục tử nhân hiền.**

Ngày 09.01.1803 là ngày hội lớn của toàn địa phận Đông Đang Ngoài. Các thừa sai ngoại quốc, hơn 30 linh mục Việt Nam, háng chục ngàn giáo dân từ các nơi tuốn về Phú Nhai tham dự lễ tấn phong Giám mục phó Henares Minh, khởi đầu một giai đoạn bình an kéo dài hơn 20 năm. Hai vị Giám nục Delgado Y và Henares Minh, hai anh em "*sinh đôi*" như một số người quen gọi, cùng mang những thao thức như nhau, cùng được đào tạo một nơi, cùng đến đất Việt một ngày. . . từ nay

luôn tâm đầu ý hợp, cùng nhau đưa địa phận đến giai đoạn cực thịnh. Hai vị chia nhau đến thăm từng họ đạo nhỏ nhất. Đức cha Minh với tinh thần phục vụ cao, thường chọn cho mình những họ đạo xa hơn, thuộc trấn Kinh Bắc, nơi rừng sâu nước độc mà trước đó ít năm, Đức cha Phê đã bỏ mạng vì bệnh sốt rét rừng.

Linh mục Hermosilla Vọng đã viết về Đức cha Minh như sau:

"*Ngài là một thủ lãnh thanh khiết trong đời sống, là vị mục tử nhiệt tâm không hề mỏi mệt vì ơn cứu độ các linh hồn và là đấng khao khát mãnh liệt phúc tử đạo. Ngài sẵn sàng lên đường bất cứ lúc nào trách vụ đòi hỏi, dù đang nửa đêm khuya vắng. Ngài có lòng đạo đức trổi vượt, biểu lộ qua việc cầu nguyện không ngừng, đồng thời siêng năng nghiên cứu các giáo phụ. Ngài sống nghèo khó Tin Mừng thật sự, và như một người cha hiền dịu, ngài quảng đại với người xấu số nhất. Đó là những nhân đức chính mà ngài luôn nêu gương.*"

Với lòng khiêm tốn, bác ái, Đức cha Minh nhiệm nhặt với mình, nhưng lại rộng lượng với mọi người. Tuy bận rộn với bao công việc của địa phận, ngài vẫn tự may vá lấy y phục của mình, vẫn cố gắng sửa lại những quần áo cũ để phân phát cho người nghèo. Nhờ biết chút ít về nghề thuốc, Đức cha là ân nhân của nhiều bệnh tật. Đi đâu ngài cũng mang theo một hộp nhỏ đựng thuốc phát cho các bệnh nhân. Đôi khi ngài chữa được những bệnh nan y, mọi người đều cho là họ được khỏi do lời cầu nguyện và chúc lành hơn là nhờ thuốc.

• Nếu giờ chưa đến. . .

Chính tráp đựng thuốc bác ái đó một lần kia đã cứu ngài thoát chết. Khi ngài đang ở họ Thượng Hộ thuộc Sơn Nam Hạ thì bị một nhóm cướp bắt cóc để tống tiền. Giữa đêm chúng lén vào nhà, bắt và dẫn Đức cha vào rừng. Bỗng tên cướp ôm chiếc tráp vấp ngã, những chai lọ đổ lỏng chỏng ra ngoài, một vài dụng cụ kim loại lấp lánh trong đêm, khiến chúng tưởng là vàng bạc xô lại tranh giành, Đức cha liền nhanh chân náu mình trong một bụi cây rậm rạp gần đó. Đám cướp sục sạo một lát thì trời tảng sáng và nghe dân làng đánh kẻng báo động đi tìm Đức cha, họ ùa nhau bỏ chạy.

Theo ý Tổng trấn Hà Nội Nguyễn Văn Thành, ông múôn tổ chức một buổi trao đổi công khai về tôn giáo. Đức cha Minh cùng với Đức cha Longer Gia địa phận Tây Dàng Ngoài nhận lời và đưa ra đề tài: "*Không ai được bắt ép người Công Giáo làm việc dị đoan*." Nhưng sau vì Tổng trấn không chấp nhận đề tài đó, nên cuộc trao đổi phải bãi bỏ. Đức cha Minh thấy vậy nhận định rằng: "*Bao lâu còn thiếu ánh sáng bởi trời thì dù lý luận mấy cũng vô ích.*"

Khi vua Minh Mạng lên ngôi được vài năm, miền Bắc có nhiều cuộc khởi nghĩa: Lê Duy Lương, Nùng Văn Vân . . .Ở Nam Định và Hải Dương có Phan Bá Vành. Nói chung, dân Bắc Hà vẫn còn hoài nhớ triều Lê, chứ không ưa gì triều Nguyễn. Chính Gia Long phải mượn cớ phò Lê để thống nhất cả nước. Lúc đó, thế lực nhóm Phan Bá Vành ngày càng lớn, năm 1826, vua Minh Mạng phải cử Lê Văn Duyệt và Nguyễn Công Trứ ra đánh dẹp. Quân của Vành thua rút vào làng Trà Lũ, cầm cự

được ba tháng mới bị bắt. Cuộc chiến thắng này có phần đóng góp của hơn 300 giáo hữu, thế nhưng vì trong số tù nhân cũng có những người Công Giáo, họ khai là có biết Đức cha Minh và mười cha dòng người Việt, khiến từ đó Đức cha bị ghi vào *"sổ đen"* của nhà vua.

Ngày 13.05.1827, Tổng đốc Nam Định thừa lệnh nhà vua đem 800 quân và voi trận đến vây Trà Lũ bắt Đức cha, nhưng ngài đã kịp biết nên tránh đi nơi khác. Dù rất mong mỏi được đổ máu làm chứng cho tình yêu Chúa, Đức cha thường tâm sự rằng tử đạo là ơn phúc trọng đại, không ai tự tiện liều lĩnh ngoài thánh ý Chúa. Tiếp theo đó là mười năm phục vụ, tuy có phần khó khăn âm thầm hơn, nhưng nói chung địa phận Đông Đàng Ngoài vẫn tương đối được bình an. Cho đến tháng 04.1838, vì phát hiện sáu lá thư của cha Viên gởi cho hai giám mục và bốn linh mục, nhà vua biết có sự hiện diện của các ngài. Vua đã khiển trách Tổng đốc Trịnh Quang Khanh nặng lời, và phái thêm 2.000 lính kinh đô ra tăng viện, quyết lùng bắt hết các giáo sĩ. Đức cha Minh và thày Chiểu phải bỏ Tiên Chu đi ẩn tại Kiên Lao, gần chỗ Đức cha Y và hai vị thừa sai khác. Ngày 28.05, khi Đức cha Y bị bắt, Đức cha Minh đang lánh thân trong nhà bà Tư, giả bộ xay lúa. Mỗi khi quân lính đi ngang, bà Tư lấy nong che mặt cho ngài.

- **Bản án phải được sửa lại.**

Tối hôm đó, Đức cha Minh bỏ nhà bà Tư đi sang làng Trung Thành, rồi làng Quần Anh và Xương Điền. Khi thấy quân triều đình vẫn lảng vảng theo dõi, Đức cha và thầy Chiểu xuống thuyền đi ngược ra biển. Một ngư phủ ngoại giáo nói với

tín hữu:"*Coi chiếc thuyền ngược gió kia, tôi đoán là một thừa sai chạy trốn cuộc bách hại mà chưa biết về đâu. Các bác tìm cách đưa ngài vào đây, tôi sẽ lo liệu chỗ trọ và che dấu dùm cho.*" Quá tin vào ông ta, các tín hữu ra mời ngài trở lại, ai ngờ ông ta đi báo quan quân đến bắt Đức cha và thầy Chiểu tại nhà mình.

Quan phủ Xuân trường đối đãi với Đức cha khá lịch sử tử tế, nhưng vì sợ nhà vua, ông đành phải đóng cũi và áp giải lên Nam Định ngày 11.06.1838. Tại dinh Tổng đốc, có lúc hai chiếc cũi của ngài và của Đức cha Y được đặt gần nhau, hai vị nói chuyện với nhau bằng tiếng Tây Ban Nha. Không rõ các vị nói những gì, nhưng chắc chắn quả là niềm an ủi lớn lao, khi được chia sẻ với nhau những tâm sự thầm kín. Gần nửa thế kỷ sát cánh bên nhau để phục vụ giáo phận, giờ đây lại được sát cạnh gần bên nhau trên đường về Thiên Quốc. Mọi người thấy rõ niềm vui lộ trên khuôn mặt của hai vị.

Khi quan tòa đòi Đức cha Minh phải ký vào bản an đã viết sẵn, ngài yêu cầu cho nghe trước rồi mới ký. Vừa nghe đọc hai chữ "*Tả Đạo*", Đức cha cắt ngang: "*Xin quan sửa lại chữ đó thành đạo Đức Chúa Trời*". Quan đồng ý và sửa lại. Khi đọc đến chữ ". ..*lừa đảo ngu dân*", Đức cha lại lên tiếng: "*Không đúng, chúng tôi không lừa đảo ai, chúng tôi chỉ đến đây để giảng đạo chân chính.*" Đức cha không chịu ký cho đến khi quan đồng ý sửa bản văn lại. Ngày 12.06, bản án được gửi về kinh đô, nhà vua châu phê và gởi trả lại Nam Định ngày 25.06. Đức cha còn đươc một ngày để chuẩn bị tâm hồn lãnh phúc tử đạo.

• Chứng tá cuối cùng.

Một số binh sĩ Công Giáo giữ đạo cách bí mật đã bỏ tiền ra xin được vinh dự khiêng cũi Đức cha. Và trước khi khởi hành ra pháp trường, nhiều binh sĩ đã trót nhát sợ đạp lên Thánh Giá đến quỳ khóc lóc trước cũi, xin Đức cha cầu nguyện và tha thứ. Đức cha đã nhân ái an ủi họ và giúp họ thống hối đền tội. Trên đường đến Bẩy Mẫu, Đức cha Minh trong cũi với nét mặt hân hoan, miệng thầm thĩ nguyện kinh và giơ tay ban phép lành cho các tín hữu đang khóc thương hai bên đường. Thầy Chiểu mang gông đi phía sau. Cuối cùng là năm binh sĩ không chịu bước qua Thánh Giá, trong đó có ba vị tử đạo sau này là Augustinô Huy, Nicolas Thể và Đaminh Đinh Đạt, nhưng hôm ấy đến nửa đường, cả năm binh sĩ đều được đưa trở về ngục. [1]

Tại pháp trường, Đức cha Minh múôn chứng kiến cái chết anh dũng trung kiên của người môn đệ quý yêu: thầy Phanxicô Chiểu, Đức cha xin xử trảm thầy trước.Viên quan đồng ý. Thế là quân lính xử chém và trao đầu thầy cho vị Giám mục. Ngài trân trọng đón lấy, rồi ngửa mặt lên trời cầu nguyện trang nghiêm như đang dâng lễ vật đẫm máu lên Thiên Chúa. Đến lượt mình, Đức cha nghiêng đầu cho lý hình thi hành phận sự. Hôm đó là ngày 26.06.1838, Thiên Chúa đã gọi Đức cha Henares Minh về trời lãnh ngành thiên tuề tử đạo, chấm dứt 73 năm trên dương thế với 48 năm phục vụ tại Việt Nam, 38 năm Giám mục.

---

[1] Xin xem thêm hạnh Thánh Huy, Thể và Đạt , tr. 200.

Thi hài Đức cha được lý hình an táng ngay tại pháp trường, nửa tháng sau các tín hữu cải về Lục Thủy. Đầu của ngài bị treo ở cổng thành ba ngày, rồi ném xuống sông Vị Hoàng, vài ngày sau một dân chài Công Giáo may mắn vớt được, các tín hữu đưa về táng chung với thi hài. Về sau khi ngưng bách hại, họ long trọng đưa hài cốt Đức cha về tòa Giám mục Bùi Chu.

Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn Giám mục Henares Minh lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

Ngày 26 tháng 06

Thánh Phanxicô ĐỖ VĂN CHIỂU

Thầy giảng dòng ba Đminh
(1797 – 1838)

- **Lễ vật đẫm máu.**

Hình ảnh đáng ghi nhớ nhất trong cuộc tử đạo của thầy giảng Phanxicô Chiểu là chiếc thủ cấp đẫm máu của thầy, sau khi rời khỏi cổ đã được Đức cha Minh nhận lấy, kính cẩn dâng lên cao như lễ vật tinh tuyền hiến dâng lên Thiên Chúa. Cả pháp trường đều thinh lặng ngây ngất trong giây phút thiêng liêng có một không hai đó, giây phút kết tinh trọn cuộc đời dâng hiến của một người con cái Chúa. Thầy Chiểu đã hòa lẫn máu mình với hy tế Đức Giêsu trên đồi Canvê, và giờ đây hân hoan trở về trong vòng tay ấm êm của Chúa Cha từ ái.

- **Một tông đồ tràn đầy tâm huyết.**

Phanxicô Đỗ văn Chiểu sinh năm 1797 tại làng Trung Lễ, giáo xứ Liên Thủy, tỉnh Nam Định, thuộc địa phận Đông Đàng Ngoài. Cậu Chiểu đi tu từ hồi niên thiếu, và đươc đào tạo thành thầy giảng của địa phận. Trong thời gian bốn năm học thần học, thầy Chiểu luôn sống đạo hạnh và có tinh thần kỷ luật cao, nên đươc các vị hữu trách tín cẩn. Sau đó thầy gia nhập dòng ba Đaminh, và trở thành cộng sự viên trung tín của Đức cha Henares Minh.

Bận tâm lớn nhất của thầy Chiểu là phần rỗi của mọi người. Lần kia, tại làng Kiên Lao, một người lính đến gặp thầy ngỏ ý muốn được giúp xưng tội và rước lễ để thêm can đảm trong cơn bách hại. Thầy đã tiếp chuyện với anh khá lâu, khuyến khích anh trung thành với đức tin Kitô giáo cho đến chết. Hai người cùng nhau cầu nguyện sốt sắng trước khi chia tay. Lần khác, khi nghe tin người em bị bắt vì đạo, thầy xin cha Hiển dâng hai thánh lễ cầu cho người em được can đảm chấp nhận mọi gian khổ để tuyên xưng đức tin.

- **Cùng chung số phận.**

Từ năm 1838, Tổng đốc Nam Định trịnh Quang Khanh quyết tâm lùng bắt các vị thừa sai để lập công với vua Minh Mạng. Ông đã đem đến cho người Công Giáo Đang Ngoài muôn vàn khổ cực. thầy Chiểu theo Đức cha Henares Minh đến ẩn trốn tại làng Kiên Lao, một giáo xứ lớn tương đối an toàn.

Nhưng ngày 27.05.1838, do sự tố cáo của thầy đồ Hy, quan Tổng đốc đã cho lính bao vây làng Kiên Lao. Quân lính bắt được Đức cha Delgado Y, còn Đức cha Henares Minh và thầy Chiểu may mắn thoát nạn trong gang tấc, liền trốn ra bờ sông đi thuyền về Hải Dương. Dọc đường hai cha con vào trốn tạm tại nhà ông Nghiêm gần họ Hà Quang, xứ Trung Thành, sau qua làng Quần Anh và Xương Điền. Một ngư phủ ngoại giáo nhận cho hai vị trú ngụ và hứa che dấu cẩn thận. Ai ngờ, ngày 09.061838, chính người đó đi tố giác với quan, nên hai vị đã bị bắt. Đức cha Henares Minh thì bị nhốt trong cũi, còn thầy Chiểu, quan bắt mang gông nặng và tống giam vào ngục. Trong

ngục, thầy tuyên bố: "*Tôi sẵn sàng theo Đức cha Đaminh cho đến chết, sẵn sàng chịu mọi cực khổ như ngài, kể cả cái chết dữ tợn nhất.*" Hai ngày sau, lính phủ Xuân Trường áp giải cả hai về tỉnh Nam Định.

Khi tới cổng thành Nam Định, mặc dù cổ mang gông nặng, dù bị những ngọn roi tàn bạo, thầy Chiểu cố cúi xuống cầm lấy Thánh Giá dưới đất hôn kính, rồi chờ cho cũi của Đức cha Minh đi qua, thầy mới để Thánh Giá lại như cũ và tiến vào thành.

- **Cực hình gian nan.. . .**

Tại dinh Tổng đốc, các quan tra hỏi thầy nhiều lần, lần nào thầy cũng tuyên xưng đức tin một cách can đảm, không sợ sệt. Khi các quan bảo thầy bước qua Thánh Gía thì sẽ đươc tha về, còn bất tuân sẽ bị xử tử, thầy Chiểu trả lời: *"Đức Chúa Trời là Chúa thật, là căn nguyên của mọi sự, người ta phải thờ lạy kính mến Ngài. Vì thế, tôi không dám bước qua Thánh Giá, chắc chắn tôi không làm điều đó.*"

Dùng lời khuyên dụ không được, quan sai lính trói tay chân thầy vào cọc rồi đánh 30 roi, nhưng thầy vẫn không nao núng. Quan truyền cho lính xích thầy và tống giam vào ngục. Sau đó, các quan kết án như sau:

"*Tên Đỗ văn Chiểu đã đi theo và học với tên Trùm Hai (tức Đức cha Henares Minh). Nó học những điều giả dối. Nó ngoan cố và bất tuân lệnh vua cải tà qui chính. Mặc dù bị bắt*

giam, bị tra tấn, nó vẫn nhất mực ngoan cố theo tả đạo Gia Tô. Vậy nay nó đáng chịu trảm quyết."

Các quan đệ trình bản án về kinh đô xin vua phê chuẩn. Trong 15 ngày bị giam, thầy Chiểu đã trải qua nhiều thử thách, chịu đòn vọt, chịu đói khát. . . như trong thư thầy viết gửi thầy Quỳnh ngày 21.06:

"*Ở trong này tôi phải chịu nhiều cực hình đau đớn, chịu đói khát, không có tiền mua cơm ăn. Tôi nhờ thầy gặp các cha xin các ngài giúp đỡ tôi. Thầy xin lỗi mọi người giup tôi nhé. Chắc chắn tôi sẽ được tử đạo, vì nhờ ơn Chúa, tôi vẫn trung thành và bền đổ với ngài."*

Trong khi đó, vua Minh Mạng phê án và gửi bản án về tới Nam Định ngày 25.06.1838. ngay trong ngày cuối đời, thầy Chiểu còn phải đương đầu với những lời dụ dỗ của các quan. Quân lính dẫn thầy ra công trường, quan đọc bản án và hứa nếu đạp lên Thánh Giá, quan sẽ tha thầy ngay. Thầy Chiểu bình tĩnh và mạnh dạn trả lời: "*Khi quan lớn nằm nghỉ, quan có bằng lòng để cho người con của quan đạp lên không? Phương chi Đức Chúa Trời là Chúa Trời đất, mọi người phải kính thờ thì làm sao tôi bước qua ảnh của Người.*" Trước lời khẳng khái của thầy, quan nổi giận cho thầy là xấc láo. Có ông đòi xử tử ngay, ông khác nói hãy để đến ngày mai vì đã quá muộn, chỉ nên cho lính đánh đòn rồi tống ngục. Thế là quân lính ra tay đánh đập cho đến khi thầy ngất lịm với biết bao vết bầm tím trên da thịt, mới khiêng thầy ném về ngục thất.

• Giờ phút vinh quang.

Sáng hôm sau 26.06.1838, quân lính dẫn Đức cha Henares Minh và thầy Chiểu tới pháp trường Bẩy Mẫu, Nam Định. Tuy mang gông ở cổ, kèm thêm hai sợi xích nặng nối từ gông xuống đến chân, thầy Chiểu bình tĩnh lê từng bước như xưa Chúa Giêsu vác Thập Giá tiến lên Núi Sọ. Thấy nhiều tín hữu đi theo khóc lóc, thầy nói với họ: "*Anh chị em về nhà đi, đừng khóc nữa, thầy trò chúng tôi hôm nay về Quê thật mà*." Tới nơi, lính mở cũi đưa Đức cha ra, và tháo gông cho thầy Chiểu. Đức cha Minh xin chém thấy Chiểu trước, để được thấy tận măt người con thiêng liêng của mình đã trung thành vì Chúa đến giây phút cuối cùng. Viên quan chỉ huy chấp thuận. Thế là thầy Chiểu quỳ xuống trước mặt Đức cha và lãnh bí tích giải tội. Xưng tội xong, thầy quỳ xuông cầu nguyện và kêu tên Chúa Giêsu ba lần. Cũng như thánh Stêphanô xưa, thầy Chiểu thưa với Chúa:

"*Lạy Chúa, con phó linh hồn con trong tay Ngài*."

Ngay sau đó, lý hình chém một nhát trúng vào xích nơi cổ thầy, họ phải chém thêm ba nhát nữa thì đầu mới lìa khỏi cổ và linh hồn thầy về hưởng phúc Thiên Đàng, thọ 41 tuổi. Lý hình tung thủ cấp thầy lên ba lần cho các quan và mọi người thấy rõ. Thế rồi một khung cảnh trào dâng xúc động: Đức cha Minh đã cầm thủ cấp thầy và kinh cẩn dâng lên Thiên Chúa như lễ vật hy hiến trước khi Đức cha được phúc tử đạo.

Giáo dân an táng thi thể thầy tại nơi pháp trường, về sau di hài cốt về quê Trung Lễ.

UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn lên bậc Chân Phước thầy Phanxicô Đỗ Văn Chiểu ngày 27.05.1900.

Ngày 27 tháng 06

Thánh Tôma TOÁN

Thầy giảng dòng ba Đaminh
(1764 – 1840)

- **Tuổi già can đảm.**

Sau 13 ngày dài bị lột trần phơi nắng phơi sương, không một hạt cơm vào bụng, quân lính đem bầy trước mặt tử tội một mâm cơm đầy thức ăn ngon và mời mọc. Thế nhưng cụ già 76 tuổi đó đã từ chối:

"Nếu ăn mà phải xuất giáo, tôi không bao giờ ăn!"

Cụ già dũng cảm đó là thầy giảng Tôma Toán.

Sinh năm 1764 tại làng Cần Phán, tỉnh Thái Bình, Tôma Toán vừa là hội viên dòng ba Đaminh, vừa là thầy giảng có uy tín làm việc truyền giáo ở Trung Linh. Nhà dòng giao cho thầy chức phụ tá quản lý nhà chung tại đây. Thời Minh Mạng bách hại, thấy Tóan là cánh tay đắc lực của cha già Tuyên trong việc tông đồ.

- **Sa ngã và thống hối.**

Trong làng Trung Linh có ông lang Tư, vì ham tiền thường tố cáo với quan phủ Xuân trường rằng làng có đạo trưởng, nên ngày 16.12.1839, quân lính đến càn quét lục soát

làng này. Cha già Tuyên may mắn xuống hầm nên thóat nạn. Thầy Toán không kịp lẩn tránh, bị điệu ra trình diện. Thầy khai tên là Thi và ngồi chung với dân làng. Nhưng do sự chỉ điểm của ông lang Tư, quân lính tiến về phía thầy, kéo khăn trên trán ra và tri hô lên: "*Tên này sói đầu đúng là đạo trưởng đây.*" Về sau chúng biết thầy không phải là linh mục, nhưng vì tội không chịu xuất giáo nên vẫn bắt giam thầy.

Cuộc tử đạo của thầy Toán được ghi dấu bằng hai lần chối đạo:

-Lần thứ nhất, sau một tháng bị tra khào, ngày 19.01.1840 thầy đã nhát sợ bước qua Thánh Giá. Thế nhưng Tổng đốc Trịnh Quang Khanh vẫn chưa tha cho thầy về ngay, còn muốn thử xem thầy có thật lòng bỏ đạo không. Khi lính đưa thầy già về ngục, cha Giuse Hiển đã ân cần nhủ khuyên thầy thống hối và tiếp tục tuyên xưng niềm tin vào Thiên Chúa.

-Lần thứ hai, ngày 18.04, quan trịnh Quang Khanh bắt hai người đã xuất giáo đến thúc giục thầy Toán, và dọa nếu không thành công sẽ giết cả hai. Những người này năn nỉ khóc lóc xin thầy thương kẻo họ bị chết, và họ nói nhiều lời phạm đến Chúa và Đức Mẹ suốt hai ngày liền. Để họ khỏi nói phạm thượng, thầy Toán một lần nữa lại bước qua Thánh Giá. Lần này thấy mình quá dại dột để bị đánh lừa, thầy thống hối khóc lóc đêm ngày không ai ngăn cản đượ̣c. 15 ngày sau, cha Đaminh Trạch bị bắt cũng được dẫn tới giam chung một ngục, cha an ủi và giải tội cho thầy. Từ đây thầy trở thành một con người mới, đủ sức đương đầu cách phi thường với những thử thách nặng nề hơn trước.

• Không gì lay chuyển.

Ngày 09.05, trước khi xử chém cha Giuse Hiển, thầy Toán cũng bị đưa ra tòa với cha. Sau khi hai vị cương quyết không đạp lên Thánh Giá, quan cho quản tượng lùa hai thớt voi đến sau lưng húc xô hai vị. Thầy Toán và cha Hiển bình tĩnh cố tránh qua một bên, nhất định không bước qua Thánh Giá. Trịnh Quang Khanh tức giận truyền đưa thầy già về ngục, và ra lệnh đưa vị linh mục ra pháp trường xử chém tức khắc.

Một hôm viên quan nói khôi hài với lính: *"Dẫn lão Toán ra đây để nó bước qua Thập Tự, kẻo nó quên*." Nhưng ông hòan toàn thất vọng, người chiến sĩ đức tin lần này gan dạ lạ lùng, dù bị đanh đập tra tấn dã man, thầy vẫn một lòng trung thành với đạo Chúa. Sau một trận đòn tưởng chết, quân lính lôi thầy bước qua Thánh Giá, thầy liền vùng dậy quỳ phục xuống đọc kinh Ăn Năn Tội, quan giận dữ cho giam thầy nơi khác, bắt nhịn ăn nhịn khát, và cho lính muốn bày trò hành khổ gì tùy ý.

Thế là quân lính liền lột hết quần áo thầy, buộc hai Thánh Giá nhỏ vào hai bàn chân, bắt phơi nắng 13 ngày liền không được ăn uống gì cả. Trong khi đó, chúng vây quanh trêu chọc thầy: Bứt râu giật tóc, nhéo tai, vuốt mũi . . . Khi thấy thầy rơi vào tình trạng đói cực độ, người như lả đi, quan Trịnh Quang Khanh âm mưu cho dọn một mâm cơm rượu thịt thơm ngon và nói: *"Ăn đi, rồi bước qua Thập Tự."* Nhưng vị anh hùng đức tin thà chết đói hơn là phải bỏ đạo, thầy nói: "*Nếu ăn mà phải xuất giáo, tôi không bao giờ ăn cả*." Quan tức mình tống giam, bắt thầy nhịn đói thêm năm ngày nữa cho chết rũ tù: Có

người lính canh tên Thám tội nghiệp, ngấm ngầm tiếp tế đội chút, nhưng rồi anh bị phát hiện và bị quan trừng phạt.

• Cho tới hơi thở cuối cùng.

Từ đó thầy già Toán phải chịu đói khát hoàn toàn cho đến khi ngã gục và tắt thở trong tù ngày 27.06.1840. Thi hài thầy Toán được chôn cùng với xác tù nhân. Bẩy tháng sau, anh Dậu cải lên an táng tại Lục Thủy chung với nhiều vị tử đạo khác.

Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn thầy Tôma Toán lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

Ngày 30 tháng 06

Thánh Vinh Sơn ĐỖ YẾN

Linh mục dòng Đaminh
(1764 – 1838)

• Ông lão lang thang

Thánh Vinh Sơn Đỗ Yến được họa lại dưới chân dung một cụ già tuổi ngoài thất tuần, râu tóc bạc phơ sau 40 năm tận tụy với đoàn chiên Chúa tại nhiều giáo xứ tại Hải Dương. Như lương y tận tâm với con bệnh, vị linh mục cao niên khả kính, đạo đức, hiền từ ấy đã luôn hiện diện giữa giáo hữu trong mọi cơn thử thách. Giờ đây khi nhà vua gắt gao truy lùng các linh mục và hăm dọa phá bình địa khu vực dám chứa chấp bất cứ đạo trưởng nào, vị tông đố lão thánh không múôn gây liên lụy cho đoàn chiên, đã từ giã xứ Kẻ Sặt thân thương lên đường bước tới một phương trời vô định . . .như Đức Kitô xưa "*cáo có hang, chim có tổ, nhưng Con Người không có chỗ tựa đầu*." Cuộc ly biệt đoàn chiên yêu quý dưới thế đã đưa cha Vinh Sơn Đỗ Yến đến đoàn tụ với các thánh trên trời: Vị cha già đã lãnh triều thiên tử đạo làm phần thưởng muôn đời Thiên Chúa trao ban.

• Linh mục dòng Thuyết giáo.

Vinh Sơn Đỗ Yến chào đời năm 1764 (thời Hậu Lê) tại Trà Lũ, xứ Phú Nhai, tỉnh Nam Định. Đây là một miền đất "*phì nhiêu*" đã phát sinh nhiều vị thánh: Vinh Sơn Liêm, Tôma Dụ,

Đaminh Đạt. . . Cậu Vinh Sơn Yến theo lời Chúa gọi sống đời tu trì ngay từ niên thiếu. Sau một thời gian rèn luyện nhân đức và học hỏi các môn triết, thần, thầy đuỡc Đức Giám mục Delgado Y phong chức linh mục năm 1798. Người ta tưởng cuộc đời tông đồ của ngài kết thúc ngắn ngủi, vì ngài đã bị bắt trong cơn bách đạo cuối đời Cảnh Thịnh. Nhưng may mắn nhờ các tín hữu dùng tiền chuộc lại, cha đã được tha về.

Ngày 22.07.1807, cha Vinh Sơn Đỗ Yến lãnh áo dòng Đaminh và được tuyên khấn năm sau. Đời tu dòng giúp cha kết hợp mật thiết hơn với tình yêu Chúa. Ngài sống rất khiêm tốn, thường hy sinh hãm mình và thầm lặng lâu giờ trong chiêm niệm. Tâm hồn luôn bừng cháy lòng mến Chúa yêu người, cha nhiệt tâm với việc tông đồ truyền giáo, không hề quản mệt nhọc hay hiểm nguy đến tính mạng. Dưới triều Gia Long (1802 – 1820) và đầu thời Minh Mạng, cha Vinh Sơn Yến thi hành sứ mệnh tông đồ trong bầu không khí tương đối bình an. Thoạt tiên cha đảm trách giáo xứ Kẻ Mốt, sau chuyển đến xứ Kẻ Sặt, thuộc tỉnh Hải Dương. Nơi nào ngài cũng hết mình củng cố đức tin cho các tín hữu và hóan cải nhiều người ngoại giáo tin theo đạo Chúa. Các tìn hữu khẳng định ngài luôn vui tươi, khôn ngoan, bình tĩnh, dịu hiền và thánh thiện.

• Bước chân lưu lạc.

Năm 1838, vua Minh Mạng truyền các quan chức phải triệt để thi hành chiếu chỉ cấm đạo tại các địa phận Đàng Ngoài. Nhiều Giám mục, linh mục, tu sĩ, giáo hữu đã anh dũng hy sinh mạng sống vì trung thành với đức tin. Nhiều thánh đường, chủng viện, nhà chung bị tàn phá. Cha Vinh Sơn Đỗ

Yến, chánh xứ Kẻ Sặt, rất đau lòng chứng kiến cảnh các con chiên mình chịu cưỡng bách hạ ngôi thánh đường khang trang do công sức vất vả và tiền bạc họ đóng góp để xây dựng nên. Vì thương đòan chiên đang cảnh ngộ gian nan, ngài ở lại giữa họ, nay ẩn nhà này, mai tránh sang nhà khác, ban đêm lo cử hành phụng vụ thánh lễ, ban ngày đến khuyên bảo các tín hữu và ban bí tích cho họ. Tất cả những điều đó, cha phải làm cách kín đáo tương tự thời sơ khai của Giáo Hội.

Nhưng khi hay tin cha Vinh Sơn Yến vẫn còn lẩn trốn trong xứ Kẻ Sặt, các quan liền cho tăng cường kiểm sóat chặt chẽ, quyết lùng bắt ngài cho kỳ được, và dọa tàn phá bình địa làng Sặt. Vì muốn giáo hữu được yên ổn, vị chủ chăn âm thầm ra đi, mang theo nỗi niềm đau xót phải xa cách đoàn chiên yêu quý. Cha hoàn toàn tín thác mọi sự vào bàn tay quan phòng của Thiên Chúa.

Trước hết cha đến họ Thừa, nhưng thấy nơi đây không bảo đảm, ngài lại lên đường đến họ Lực Điền (Hưng Yên). Đường xa mệt mỏi, ngài dừng chân nghỉ dưới bóng bụi tre. Một khách bộ hành đi qua hỏi: "*Ông lão đi đâu sao lại ngồi đây*?" Để giấu tung tích, cha liền giả vờ hỏi xem đường nào đi Kẻ Sặt, đường nào về Lực Điền. người khách chỉ giúp rồi bỏ đi. Tiếp tục cuộc hành trình, ngày 08.06 cha gặp ông Cai Phan. Ông làm bộ thương cảm, nài nỉ ngài nên nghỉ chân ở nhà mình. Thế rồi ông trở mặt bắt ngài, cho đóng gông và chuẩn bị giải về Hải Dương. Khi hay tin giáo hữu xứ Kẻ Sặt và Lực Điền đem trâu và tiền đến chuộc, nhưng ông Cai nhất định không cho, vì hy vọng được quan trên ban thưởng nhiều hơn. Cha Vinh Sơn

phải hết lời khuyên can mới ngăn được giáo hữu hai họ khỏi dùng vũ lực để giải thóat ngài.

Tại Hải Dương, ba ngày sau vị tông đồ được đưa ra trước công đường. Quan Tuần phủ tỉnh này vốn sẵn lòng nhân hậu, lại có lời can thiệp của ông lang Hàn, y sĩ chữa bệnh cho quan, nên không muốn vấy máu người có đạo. Ông xin vị linh mục tự nhận là lang y để ông phóng thích. Vị chứng nhân trả lời: "*Không, tôi không phải là thầy lang. Tôi là thầy cả chuyên giảng đạo và tế lễ Thiên Chúa. Tôi sẵn sàng chịu chết vì lẽ đó, chứ không nói dối để được sống*."

Quan tìm cách khác để trả tự do cho cha. Ông truyền vẽ vòng tròn chung quanh chỗ cha đứng, bảo ngài bước qua vòng đó coi như bước qua Thánh Giá vậy. Một lần nữa vị tuyên xưng đức tin lại cương quyết từ chối: *"Làm như thế không khác nào tôi chối đạo."* Quan Tuần phủ thấy không thể nào làm lay chuyển đức tin của vị linh mục lão thành, liền làm sớ tường trình về kinh. Nhưng vì không muốn đích thân xử án người vô tội, quan xin phép triều đình cho giải cha về nguyên quán là tỉnh Nam Định.

• Giờ ân thưởng.

Vua Minh Mạng không chấp thuận và kết án tử hình ngay. Bàn án ký ngày 20.06.1838, về tới Hải Dương ngày 30.06, nội dung như sau:

"*Đỗ Yến người bản quốc là đạo trưởng Gia Tô, bị bắt mà vẫn không chịu bỏ đạo, thật là người mu muội cố tình không*

theo đường phải, vậy trảm quyết ngay, giải về Nam Định làm gì?"

Trong ba tuần lễ bị giam, nhờ sự can thiệp của ông lang Hàn, cha Vinh Sơn Yến không phải mang gông xiềng, được phép nhận lương thực giáo hữu thăm nuôi khá đầy đủ. Ngày đêm ngài chỉ chuyên cần nguyện kinh và trầm lặng suy niệm lâu giờ.

Ngày 30.06.1838, quan Tuần phủ thi hành ngay bản án mới nhận đựơc. Cha Vinh Sơn hiên ngang tiến ra pháp trường ở ngã tư, gần họ Bình Lao, cách thành Hải Dương một cây số về phía Tây. Gương mặt hiền từ của linh mục lão thành đáng kính với dáng điệu thanh cao khiến nhiều người xúc động. Tới nơi, ngài quỳ gối cầu nguyện thật sốt sắng, rồi lý hình thi hành phận sự. Chỉ một nhát gươm vung lên, đầu vị tử đạo rơi xúông đất.

Quan tặng một tấm vải để tưởng niệm và truyền khâu đầu vị tử đạo vào cổ, rồi cho phép các tín hữu họ Bình Lao đưa về an táng. Tám tháng sau, tín hữu cải táng vào nàh thờ Thọ Ninh. Khi cải táng người ta thầy thi hài cha Vinh Sơn còn nguyên vẹn như mới ly trần. Ông Trưởng Dong , một ngươi ngoại giáo, được chứng kiến tận mắt đã nói: *"Thật là người sống khôn thác thiêng, đã tám tháng mà không tiêu hao chút nào, không hôi tanh, lại thoảng múi thơm tho nữa."*

Anh hùng vị tử đạo Vinh Sơn Đỗ Yến, linh mục dòng Đaminh, đã đựơc Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

Ngày 03 tháng 07

Thánh Philiphê PHAN VĂN MINH

Linh mục
(1815 – 1853)

• Lời nguyện là thần lương.

Bên kia bờ sông Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, trước khi đến Cái Sơn Bé, theo thói quen, người ta dọn một bữa ăn ngon cho tử tội trước khi xử trảm. Nhưn gtử tội, linh mục Philipphê Minh đã từ chối, chẳng phải do sợ hãi nuốt không nổi, vì trên đường ra pháp trường cha đã chẳng luôn hiên ngang tươi cười đó sao?

Thế nhưng chỉ còn ít phút nữa để hoàn thành sứ mạng nơi trần thế, ít phút nhưng không phải là quãng thời gian tầm thường, ít phút này là cao điểm của một kiếp nhân sinh. Để sống trọn vẹn vài phút đó, cha Minh đã chọn một thức ăn khác, như một thứ lương thực cần thiết cao quí hơn: cha quì xuống, ngửa mặt lên trời âm thầm cầu nguyện. Và sau bữa ăn tâm linh cuối cùng, cha nói ngắn gọn với lý hình: "*Đã xong rồi!*"

Một hồi chiêng trống vang lên, thời gian như trùng lại, trang trọng và linh thiêng trong giờ phút cuối cùng của đời cha. Những giây phút thật ý nghĩa, thật trọn vẹn, thật tràn trề trôi qua, cha được bước vào cõi hạnh phúc vĩnh cửu sau khi lý hình vung nhát gươm kết liễu cuộc hành trình làm chứng cho Đức Kitô.

• Soạn giả tự điển.

Sinh trưởng trong một gia đình đạo đức và lễ nghĩa thuộc làng Cái Mơn, huyện Mỏ Cày, tỉnh Vĩnh Long, năm Ất Hợi 1815, Philipphê Phan Văn Minh, con ông Đaminh Phan Văn Đức và bà Anna Tiếu, là người con út trong gia đình có 14 anh chị em. Cha mẹ cậu mất sớm, mọi việc trong nàh đều do một người chị đảm đang. "*Bà mẹ thứ hai*" này đã hết lòng lo cho các em cả về vật chất lẫn tinh thần. Cậu Minh được học hỏi giáo lý chu đáo để rước lễ lần đầu, rồi lãnh nhận bí tích thêm sức năm 13 tuổi. Sau đó cậu được Đức cha Tabert Tứ nhận cho đi học chủng viện Lái Thiêu. Nhưng chỉ ít lâu, do sắc lệnh cấm đạo 1833 của vua Minh Mạng, chủng viện phải giải tán.

Thời gian này thây Minh đươc theo Đức Cha Tứ qua Thái Lan rồi đến trọ tại chúng viện Pénang, Mã Lai. Thầy có vinh dự được Đức cha gọi qua Calcutta (Ấn Độ) để hợp tác với ngài soạn bộ tự điển Latinh-Việt Nam năm 1838. Khi Đức cha qua đời, thầy lại trở về Pénang tiếp tục học thần học. Các giáo sư và bạn học đều quí mến thầy, một sinh viên xuất sắc, học giỏi và có tinh thần đạo đức.

• Vị tông đồ hăng say.

Hết thời gian học tại Pénang, thầy Minh trở về nước và đươc Đức cha Cúenot Thể truyền chức linh mục năm 1840 tại Gia Hựu [(1)].

---

(1) Đức cha Lefèbvre Nghĩa bị giam ở Cung Quán viết thư giới thiệu thầy Sáu Minh đến Đức cha Thể.

Sau khi vua Minh Mạng băng hà, Giáo Hội đựơc hưởng một thời an bình dễ chịu hơn. Vua Thiệu Trị lên ngôi tuy không hủy bỏ những sắc lệnh cấm đạo, nhưng không gắt gao thi hành như trước nữa. Nhờ đó, cha Minh có thể đi thăm viếng, dậy kinh cho các tín hữu vùng Tiền Giang, Hậu giang. Những làng như Đầu Nước, Xoài Mút, Chợ Búng, Ba Giòng, Cái Nhum, Cái Mơn, Bãi San, Chà Và, Mặc Bắc. . . đều còn ghi dấu chân truyền giáo của cha. Khi vua Tự Đức lên ngôi năm 1847, việc cấm đạo vẫn lắng dịu ít lâu. Nhưng sau đó lại trở nên dữ dội hơn bao giờ hết.

Sau chiếu chỉ tháng 08.1848, và nhất là chiếu chỉ tháng 03.1851 truyền phải chém đầu thả trôi sông Tây dương đạo trưởng, tra tấn và xử tử các giáo sĩ bản quốc cố chấp, phát lưu những người theo "*Gia Tô Tả đạo*". Vua còn ghi rõ các quan phải triệt để thi hành mệnh lệnh này.

Trong tình hình mới hết sức khó khăn đó, cha Minh vẫn bình tĩnh chu toàn phận sự của một mục tử: cha vẫn đi lại khuyến khích các tín hữu, mở các lớp giáo lý và trao ban các bí tích.

Khi đó ở làng Mặc Bắc, có một người tên Nhẫn, vì có lần xin tiền cha Lựu không được nên để tâm thù oán và đi tố giác với quan. Ngày 26.02.1853, quan sai lính đến vây nhà ông Trùm Lựu, nhưng cha Lựu đã đi nơi khác, còn cha Minh và vài chủng sinh đang trọ ở đó. Để cứu cha Minh, ông Trùm Lựu ra nói: "*Thưa quan, không có đạo trưởng Lựu ở đây. Lựu chính là tên tôi.*" Họ thấy dáng dấp cụ chỉ là nông dân lam lũ, nên tiếp tục

đi lục soát khắp nhà. Khi đó, cha Minh sợ quan quân vì mình mà hại gia đình ông Trùm, nên ra mặt nhận mình là linh mục. Thế là cùng với bẩy vị chức dịch trong vùng, cha bị bắt trói, đeo gông và đẩy xuống thuyền đưa về giam tại Vĩnh Long.

Tại đây quan Tổng đốc hạch hỏi cha về các linh mục khác, những nơi đã trú ẩn, nhưng không khai thác được điều gì cả. Những ngày này quan dùng mọi cách, khi thì dụ dỗ, khi dọa nạt, khi sai lính kéo`cha qua khỏi Thập Giá để bắt cha chối đạo. nhưng cha Minh vẫn giữ lập trường của mình, trung thành với Đức Kitô và Giáo Hội. Thấy cha còn trẻ, mới 38 tuổi, lại hiền lành, học thức, các quan muốn tìm cách cứu cha, họ không bắt cha bước qua Thập Giá nữa, chỉ cần cha nói miệng là "*đã bỏ đạo*" cũng đươc tha. Nhưng cha Minh một mực từ chối đề nghị này.

• Đường về trời.

Không thể làm gì hơn được, các quan cho lính đưa cha về giam tại Tuyến Phong chờ ngày lãnh án. Nghe án xử từ kinh đô đã gửi về, cha Minh quỳ gối tạ ơn Chúa, rồi an ủi các anh em bạn tù nên vui lòng tuân theo ý Chúa, hẹn tái ngộ trên Nước Trời. Cha nói: "*Xin anh em vững lòng tin và hết dạ cậy trông Chúa. Ngài chẳng từ bỏ ai, và sẽ thưởng công bội hậu cho những ai tận tâm tôn thờ Ngài*." Cha cũng căn dặn một tín hữu ở ngoài: tiền bạc của cha nếu còn lại, đừng phí tổn ma chay lớn làm gì, cứ đem phân phát cho người nghèo.

Cuối cùng ngày mong đợi của cha đã đến. Cha vui vẻ lần chuỗi tiến ra pháp trường. Qua bờ sông Long Hồ đến Cái Sơn Bé, quân lính dọn bữa ăn sau cùng, nhưng cha Minh không thiết gì nữa. Cha chăm chú cầu nguyện. Sau hồi chiêng trống rền vang, lưỡi gươm lý hình đã đưa linh hồn vị anh hùng tiến thẳng về Thiên Quốc. Lời nguyện cầu thánh thiện sau hết của cha Minh còn âm vang trong lòng những người hiện diện:

"*Lạy Chúa, xin thương xót con. Lạy Đức Giêsu, xin cho con sức mạnh và can đảm chịu khổ để vinh danh Ngài. Lạy Mẹ Maria xin nâng đỡ con*."

Hôm đó là ngày 03.07.1853. Thi thể vị tử đạo được đưa về an táng dưới nền một nhà thờ mới bị đốt phá ở Cái Mơn. Năm 1960, di cốt của Ngài được đưa về Vương Cung Thánh Đường Sàigòn trong dịp lễ cung hiến.

Đức Lêo XIII suy tôn cha Philipphê Phan Văn Minh lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900. Chủng viện địa phận Vĩnh Long đã nhận thánh Philipphê Minh làm bổn mạng.

Ngày 04 tháng 07

Thánh Giuse NGUYỄN ĐÌNH UYỂN

Thầy giảng dòng ba Đminh
(1775 – 1838)

- **Niềm tin sống lại.**

Hạnh tich thanh Giuse Uyển, vị thầy giảng 63 tuổi cho chúng ta thấy: Niềm tin vào "*xác loài sống lại*" của các vị tử đạo khi phải đối diện với cái chết. Đó là một ngày tràn đầy vinh hiển cho những ai trung thành giữ đạo thánh Chúa. Lúc mới bị bắt, quan tỉnh Hưng Yên doạ chém đầu, thầy mạnh dạn trả lời: "*Bẩm quan lớn, tôi có bị chém chết mới trông được sống lại mai ngày*." Lần khác, sau cuộc tra tấn vô hiệu, một người lính rút gươm ra dọa chém ngang cổ, thầy Uyển vẫn bình tĩnh, mặt không hề biến sắc. người lính hỏi: "*Lão không sợ ta chém ư?"* Thầy điềm nhiên tuyên xưng niềm tin của mình: *"Hãy chém đi, đến ngày phán xét, tôi lại được cái đầu khác."*

- **Thầy phòng bộ và thầy sở.**

Giuse Nguyễn Đình Uyển sinh năm 1775 tại làng Ninh Cường, tỉnh Nam Định. Lớn lên cậu vào sống trong chủng viện Tiên Chu, rồi được gửi đến ở với cha Nhân. Sau chính thức thành thầy giảng và là trợ tá đắc lực của Đức cha Henares Minh (địa phận Đông Đàng Ngoài). Theo lời khuyên của Đức cha, thầy gia nhập dòng ba Đaminh. Mỗi lần Đức cha đi kinh lý các xứ trong địa phận đều cho thầy tháp tùng. Mọi người gặp

thầy đều ca tụng đời sống gương mẫu, đặc biệt trong việc giữ kỷ luật dòng ba và tinh thần tông đồ của thầy.

Năm 1838, khi cuộc bách hại bùng nổ ở địa phận Đông Đàng Ngoài, hia giám mục, các linh mục phải tìm đường lẩn tránh. Đức cha Minh chính thức trao cho thầy Uyển trách nhiệm chăm sóc giáo xứ Tiên chu, dù thầy không có chức thánh. Thầy đã chu toàn đầy đủ trách nhiệm đặc biệt này, điều khiển mọi sinh hoạt trong xứ, khích lệ các tín hữu vững niềm tin , được Đức cha và các tín hữu yêu mến khen ngợi.

Ngày 29.05.1838, quan quân đến vây làng Tiên Chu tìm bắt Đức cha phó. Họ ra lệnh cho mọi người có đạo trình diện ở đình làng để điểm danh. Thầy Uyển cũng ra trình diện với giáo hữu của mình. Vì vô ý để lộ ra khỏi cổ chiếc áo dòng ba, thầy bị quan gọi riêng ra hỏi: "*Ông có phải đạo trưởng không*?" Thầy trả lời: "*Không*". Một người lính đùa giỡn tới vuốt mũi thầy và nói: "*Mũi ông này dài chăc là cố Tây chứ chẳng sai*." Thầy Uyển lắc đầu tỏ vẻ phản đối nhưng không nói gì cả. Tiếp theo quan bảo thầy bước qua Thánh Giá, nếu không sẽ bị chém đầu. Thầy Uyển từ chối và tuyên xưng niềm tin phục sinh của mình. Quan nổi giận truyền trói thầy, rồi đến chiều cho giải lên Hưng Yên. Quan Tuần phủ Hưng Yên điều tra sơ khởi xem thầy có chức bậc nào và ai truyền chức? Các thừa sai trốn ở đâu? Thầy không đáp một lời, nên bị đóng gông giam vào ngục.

- **Gian truân nghìn nỗi.**

Hôm sau, thầy Uyển bị dẫn ra tòa. Quan án nghiêm nghị truyền thầy bỏ đạo, và ký giấy xuất giáo. Nhưng vị anh hùng

đức tin cương quyết trung thành với Chúa. Quan cho đánh 39 roi rồi hỏi về đạo. Thầy Giuse Uyển liền lợi dụng cơ hội giải thích cho mọi người có mặt về mười điều răn của Chúa. Tối đến, thầy lại bị tống giam vào ngục. Vì bị bệnh tả rất nặng, cộng thêm với trận đòn ban ngày, thầy rũ liệt gần chết, quan án thương tình cho mời lương y đến chữa trị.

Mười lăn ngày sau, khi cơn bệnh mới tạm khỏi, quan lại cho điệu tù nhân ra tòa. Quan nói: "*Ông Uyển hãy xuất giáo, ta sẽ tha về với vợ con,*" thầy đáp: "*Tôi không có vợ con.*" Quan tòa quát lên: "*Bước qua Thập Tự đi để giữ lấy mạng sống, con chó còn ham sống dù chỉ một ngày, huống chi con người.*" Vị chiến sĩ anh hùng trả lời: "*Nếu quan để sống thì tôi cám ơn quan, còn việc bước qua Thánh Giá thì nhất định tôi không làm.*" Quan cho đánh 18 roi, rồi nói: "*Chỉ một bước là sống, sao ông không chịu?*" Thầy trả lời: "*Tôi coi sự sống đời này chỉ lớn bằng cái móng tay thôi.*"

Thế là quan nổi giận cho lính dùng sức mạnh lôi thầy qua Thánh Giá. Thầy bèn ngồi bệt xuống đất, mặc cho quân lính đánh đập. Bốn ngươi lính hai đầu gông mới khiêng thầy lên nổi, thầy Uyển co gập hai chân để khỏi chạm vào Thánh Giá, đồng thời cầu nguyện xin Chúa giúp sức. Một viên quan truyền lệnh: "*Cắt bộ râu hắn đi*". Anh lính đứng gần đó liền nắm lấy râu của thầy, tay kia định xén, nhưng thấy cụ già mệt lả sắp chết nên lại thôi.

Sau đó còn một lần quan bảo thầy Uyển xuất giáo, nhưng như mọi lần, quan lại thấy chí khí của thầy. Ông không dấu được lòng thán phục phải thốt lên: "*Bề ngoài hắn như kẻ sắp*

***chết, thế mà lòng dạ vẫn cương quyết lạ lùng*.” Rồi ông cho đeo gông nặng hơn, tống giam vào ngục và gởi án về kinh xin xử trảm. Bàn án nhắc đến thánh Phanxicô Chiểu đã bị chém ngày 20.06 và xin vua phê một án tương tự.**

• Phúc trường sinh.

Trong khi chờ bản án được châu phê, thầy Uyển còn bị cắt giảm phần ăn mỗi ngày. Thân xác kiệt quệ vì roi đòn, vì đói khổ, vì bệnh hoạn, vì tuổi già . . . Thầy Giuse Uyển vẫn một lòng kiên vững với niềm tin sắt đá của mình. Thế rồi hồi ba giờ chiều ngày 04.07.1838, thầy đã chết gục rũ trong niềm tin vững mạnh đó. Tuy chưa bị xử trảm, nhưng cái chết khổ đau của thầy giảng Giuse thật xứng đáng đội triều thiên vinh phúc tử đạo. Các quan cho phép các tín hữu đưa thi hài về chôn táng tại xứ Tiên Chu, nơi thầy đã từng sống với họ trong những ngày lo âu gian khổ nhất.

Đức Lêo XIII suy tôn thầy giảng dòng ba Đaminh Giuse Nguyễn Đình Uyển lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

Ngày 10 tháng 07

Thánh Phêrô NGUYỄN KHẮC TỰ

Thầy giảng
(1808 – 1840)

• Chiếc khăn tình nghĩa.

Cuộc tử đạo của thánh Phêrô Tự là một biểu hiện sâu xa mối tình thầy trò, mối tình cha con tinh thần trong Giáo Hội. Ngày 31.07.1838, sau khi quân lính bắt được linh mục thừa sai Borie Cao, các tín hữu sợ liên lụy nên làm ngơ như không quen biết. nhưng thầy giảng Tự lẽo đẽo đi theo đám lính, vừa khóc lóc, vừa xin đi theo gót thầy mình. Quân lính thấy thế sinh nghi, bắt thầy đưa đến trước mặt vị thừa sai. Cha Cao vì không muôn thầy liên lụy, liền giả bộ không hề biết "*người thanh niên*" này là ai, sau lại bỏ tiền ra để chuộc tự do cho anh ta.

Nhưng thầy Tự đã quyết tâm thực hiện ý định của mình khi làm điều đó. Thầy tuyên bố thẳng, mình là đệ tử của người bị bắt, và năn nỉ với ngài: "*Xin cha cho con theo cha đến cùng.*" Tước thái độ chí tình, vị linh mục xúc động, tháo chiếc khăn quàng, xé làm hai, trao một phần cho người môn sinh, cũng là cộng tác viên đắc lực nhiều năm qua và nói: *"Cầm lấy, thầy hãy giữ lấy nó làm bằng chứng cho lời thầy đã hứa.*" Và thầy Tự đã giữ miếng vải đó suốt hai năm trời cho đến ngày tử đạo, trong đó gần bốn tháng cùng bị giam với người cha linh hồn. Thầy đã ghi lại cuộc tử đạo anh hùng của người cha quí yêu, để rồi cùng

với ngài theo chân Đức Kitô, vị Tôn Sư duy nhất đến đỉnh đồi Canvê của mình.

• Xin theo cha đến cùng.

Phêrô Nguyễn Khắc Tự sinh năm 1808 tại Ninh Bình, thời vua Gia Long. Từ nhỏ cậu Tự đã được vào nhà Đức Chúa Trời, rồi trở thành thầy giảng theo giúp cha già Quế. Khi cha già qua đời, thầy được cử đến giúp linh mục Dumoulin Borie Cao. Trong bốn năm giúp cha Cao, thầy tỏ ra rất nhiệt tình, tận tụy và hiền từ. Bốn năm cùng làm việc tuy chẳng lâu, nhưng đã phát sinh một mối tình thân thiết đặc biệt giữa hai người. Chính sự gắn bó đã đưa thầy Tự vào vòng lao lý khi muốn theo vị linh mục đến cùng.

Sau khi áp giải cha Cao và thầy Tự từ Bố Chính về Đồng Hới, quan cho nhốt hai người riêng. Nhưng nhiều lần cả hai cùng với linh mục Khoa, Điềm và ông Năm Quỳnh bị đưa ra tra khảo chung. Lần đầu tiên thầy Tự bị đánh 20 roi vì tội không chịu quá khóa. Hôm sau, quan cho điệu thầy ra tra hỏi: "*Người gặp đạo trưởng đã lâu chưa*?" Thầy đáp: *"Được bốn năm*" Quan hỏi tiếp: "*Vậy người gặp đạo trưởng ở đâu*?" Để tránh liên lụy tới mọi người, thầy Tự nói: "*Tôi gặp ông ấy ở trên thuyền, và rồi chúng tôi ở chung với nhau*." Quan tức giận quát lên: "*Nói dối, tên này dám khai man. Lính đâu, cho nó 30 roi*!" Thầy Tự đã nhẫn nhục chịu đòn, không hề kêu ca một lời.

Những cuộc tra khảo, đòn vọt và ép buộc quá khóa như thế cứ tái diễn nhiều lần trong bốn tháng. Một hôm để ép buộc cha Cao khai những nhà đã cho trú ẩn, quan lôi thầy ra đánh

trước mặt ngài, cũng may là vị linh mục đã nhanh trí khai tên những người đã chết, để thầy bớt bị đòn vọt. Thầy Tự luôn kiên vững với niềm tin. Thầy vẫn khuyên nhủ các tín hữu đến thăm hãy chấp nhận thánh ý Chúa, trung thành giữ đạo và cầu nguyện cho nhau đủ sức chịu đựng đến cùng. Khi có thể, thầy tận dụng hoàn cảnh để dậy giáo lý và cắt nghĩa về đạo cho những bạn tù và những lính canh ngoại giáo. Thêm vào đó thầy siêng năng cầu nguyện, xin Chúa cho mình can đảm hy sinh vì Chúa. Hai lần, cha Ngôn đã khéo léo cải trang vào ngục thăm viếng và cho thầy rước lễ.

Ngày 24.11.1838, thừa sai Dumoulin Cao (bấy giờ đã nhận đươc sắc phong giám mục) cùng hai cha Điềm và Khoa bị điều đem đi xử tử. Cũng trong bản án đó, thầy Tự và một tù nhân khác, ông Năm Quỳnh được vua Minh Mạng phê như sau:

"*Tuy không phải là đạo trưởng, nhưng hai kẻ này cũng mù quáng cố chấp không kém, nên cũng thuộc vào số những kẻ đáng cho trẫm ghét bỏ. Do đó, cả hai bị kết án xử giảo (xiết cổ cho chết), nhưng chưa xử ngay.*"

Theo thừa sai Miche Mịch, nhà vua trì hoãn việc xử vì múôn chờ ông Quỳnh, một người có uy tín lớn, nản lòng bỏ đạo. Ba bốn bận các quan gửi sớ vào kinh xin thi hành án, nhưng vua Minh Mạng viết thư yêu cầu kiên nhẫn chờ đợi.

• Lãnh phúc trên mảnh đất thấm máu người cha.

Thấm thóat gần hai năm trôi qua, thầy Tự và ông Năm Quỳnh vẫn vững vàng giữ trọn niềm tin của mình. Nhiều lần được đưa ra trước công đường và bị tra tấn, cả hai người vẫn không thay đổi lập trường. Cuối cùng vào tháng 07.1840, nhà vua cho lệnh thi hành bản án. Khoảng 100 binh lính áp giải chứng nhân Chúa Kitô ra pháp trường Đồng Hới. Rất nhiều tín hữu cũng như lương dân đi theo. Đến nơi, thầy Tự hỏi cho biết chính xác chỗ trước đây đã xử Đức cha Cao, rồi vui vẻ quỳ ngay xuống đó để cầu nguyện. Hai người con ông Quỳnh đến chào giã biệt thầy, thầy hứa sẽ cầu nguyện cho họ, và nhắn lới chào giã biệt các tín hữu.

Giờ hành quyết đã điểm. Thầy Tự nằm xuống cho lính tròng dây qua cổ. Được lệnh, hai người lính cầm hai đầu dây cùng xiết mạnh, đưa thầy giảng 32 tuổi về hưởng phúc với Chúa Kitô, tại chính nơi đầ người cha linh hồn thầy rơi xuống. Ông Quỳnh cũng bị xử giảo (xiết cổ) như vậy. Hôm đó là ngày 10.07.1840.

Gần 60 năm sau, Đức Lêo XIII đã suy tôn thầy giảng Phêrô Nguyễn Khắc Tự lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

Ngày 10 tháng 07

Thánh Antôn NGUYỄN HỮU QUỲNH (NĂM)

Trùm họ
(1768 – 1840)

- **Vay mượn để giúp người.**

Nếu bà và các con không đồng ý cho tôi lấy của nhà giúp người, tôi sẽ đi vay mượn hoặc làm thuê, kiếm tiền giúp họ.” **Đó là một câu nòi cương quyết nhưng đầy chân thành của quan Vệ Úy, cũng là ông lang và là ông Trùm: Ông Antôn Nguyễn Hữu Quỳnh. Câu nói đó cho chúng ta thấy và hiểu về một cuộc đời 72 năm phục vụ con người để phụng sự Thiên Chúa.**

Antôn Nguyễn Hữu Quỳnh sinh năm 1768 tại làng Mỹ Hương, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Cha là Antôn Nguyễn Hữu Hiệp, mẹ là Madalêna Lộc. theo gia phả, ông Quỳnh là con cháu 15 đời của đệ nhất Công Thần Nguyễn Trãi (1380-1442). Vì là con thứ năm, nên thường được gọi là Năm Quỳnh.

Thời niên thiếu, cậu xin làm đệ tử Đức cha Lambartette Bình có ý học làm linh mục, nhưng vì hai người anh trai cũng xin đi tu, nên gia đình cậu goị về để nối dõi tông đường. Năm 1800, theo việc cắt cử của làng xã, anh gia nhập đội quân của Nguyễn Ánh, góp phần chiến thắng quân Cảnh Thịnh và đực

thăng chức Vệ Úy. Đến khi đất nước đã thống nhất (1802), Gia Long lên ngôi, ông thấy đời quân ngũ không thích hợp, liền xin giải ngũ. Trở về quê nhà, ông mua một thuở đất canh tác và buôn bán thêm để sinh sống. Đồng thời ông danh nhiều giờ học thêm nghề thúôc, và dần dần trở thánh một lương y nổi tiếng khắp vùng. Nhờ đó kinh tế gia đình ngày càng khá giả hơn.

• Gia Đình, xã hội và Giáo Hội.

Thế nhưng đối với ông Quỳnh, tài sản, khả năng Chúa ban cho là để phục vụ mọi người, nên thay vì thu tích cho bản thân, ông quan tâm phục vụ dân nghèo cách tận tình. Đối với họ, ông chữa bệnh miễn phí, săn sóc và đôi khi còn tặng họ thêm tiền để làm vốn nữa. Khi vợ con lên tiếng kỳ kèo, ông trả lời rằng:

"*Tôi chưa thấy những ai hay giúp đỡ kẻ nghèo khó lại túng bấn bao giờ. Kinh Thánh chẳng dậy chúng ta phải coi họ như chi thể của Chúa đó sao? Chúa đã cho chúng ta sống, tất sẽ quan phòng cho ta đủ dùng*."

Khi các con ông khôn lớn, ông nói với chúng*: "Cha đã nuôi dưỡng các con từ nhỏ, nay đã lớn khôn, các con sẽ lo tất cả cho gia đình. Cha muốn dành tiền bán thuốc để chia sẻ với bà con nghèo khó."*

Lòng thương người của ông đựơc biểu lộ rõ rệt hơn khi làng ông gặp thời kỳ dịch tả. Ông bỏ ra cả hàng trăm quan tiền để phát thuốc, nuôi dưỡng và săn sóc các bệnh nhân cách tận tụy quên mình. Thế nhưng tinh thần bác ái Kitô giáo đòi ông

phải đi xa hơn một bước nữa. Ông vâng lời Đức cha Labertette Bình phụ trách giáo lý trong hạt. Để phục vụ con người trọn vẹn hơn cả xác lẫn hồn, Ông Năm Quỳnh nhận lời làng Mỹ Hương giữ chức Trùm trưởng.

Trong thời cấm đạo, các linh mục, tu sĩ phải rút vào bóng tối, vai trò của những người như ông rất cần thiết. Từ nay, nhà ông biến thành lớp giáo lý, thành nơi tiếp nhận các thừa sai và giáo sĩ. Từ nay, ông đứng ra điều khiển tổ chức mọi sinh hoạt kinh nguyện tang lễ và bác ái trong vùng. Tuổi càng cao ông càng sắp xếp công việc một cách gọn gàng và chín chắn hơn, do đó, ông càng đượ mọi người tín phục. Điều đáng lưu tâm là dầu bận rộn với việc tông đồ, ông vẫn khéo léo chăm sóc, dậy dỗ con cái sống Tin Mừng. Cô gái lớn gia nhập dòng Mến Thánh Giá địa phận. Những người con khác cũng noi gương ông: trung kiên với niềm tin, và cùng với ông quên lợi riêng để lo cho công ích.

- **Hoa quả của đức tin.**

Năm 1838, vua Minh Mạng ra lệnh truy nã linh mục thừa sai Candalh Kim. Ông Quỳnh thân hành đưa cha lên Kim Sen, một trang trị cũ của tổ tiên mình, và đem theo một số sách vở, ảnh tượng của xứ Mỹ Hương. Thấy ông đi vắng lâu ngày, quan sai lính đến nhà ông khám xét. Họ lôi các đầy tớ ra đánh đập tra khảo, một người sợ quá đã khai ra chỗ của chủ. Khi đó quan định bắt luôn cả bà Quỳnh và hai cô gái út, một cô 14 tuổi, một cô 10 tuổi đang ở nhà. Quan cưỡng bức ba mẹ con xuất giáo, nhưng không ai tuân lệnh. Tức giận, quan cho lính

đánh vào chân hai cô bé để ép buộc bướcqua Thánh Giá, hai cô vẫn không chịu khuất phục. Đám lính liền xông đến lôi kéo hai chị em bước qua. Dĩ nhiên với tuổi nhỏ sức yếu, hai cô bé không thể chống cưỡng lại đươc, nhưng một mực hai cô bé kêu khóc mình bị ép buộc, chứ lòng luôn luôn tôn kính Thánh Giá. Quan không dấu được sự thán phục tấm lòng son sắt và đã tha cho cả ba mẹ con.

Tiếp đó, quân lính kéo nhau đến vây trại Kim Sen. Sau khi bắt đươc ông Quỳnh và tịch thu một số sách đạo, họ liền áp giải ông về Đồng Hới. Giữa đường ông nhắn tin một người con kín đáo đến gặp và hối lộ cho lính 50 quan tiền để xin đốt sổ ghi tên những người tín hữu trong xứ.

Tại trại giam Đồng Hới, ông Quỳnh vui mừng được gặp linh mục thừa sai Borie Cao, cha Điềm, cha Khoa cùng thầy Tự. Nhiều lần ông cũng bị tra tấn chung với các vị ấy. Nhưng bao giờ ông cũng tuyên xưng: "*Thà chết không thà chối Chúa, dù chỉ trong giấy lát.*" Có lần quan cho lính lôi ông qua Thanh Giá, ông liền lớn tiếng phản kháng rằng: "*Việc này do quan lớn làm, nếu có tội là quan phạm tội, chứ không phải tô*i." Câu nói đó làm quan bực mình truyền đóng gông giải ông về ngục. Mấy bữa sau quan hỏi cha Cao tại sao ông Năm lại cứng cổ đế thế. Vị thừa sai trả lời: "*Các giáo hữu bước qua Thánh Giá vì họ không hiểu rõ giáo lý và nhát gan, còn ông Năm đã am tường lẽ đạo, lại mạnh mẽ đức tin, quan lớn cưỡng bách mấy cũng vô ích, chẳng có lợi gì đâu!*" Thất vọng, quan gửi án về kinh đô . Đức cha Cao bị kết án trảm quyết (chặt đầu), hai cha Điềm, Khoa thì bị kết án xử giảo ngay, còn thầy Tự và ông Antôn Quỳnh

cũng bị xử giảo nhưng "*giam hậu*", nghĩa là lệnh xử sẽ ban hành sau.

Thời gian trôi quá nhanh, thấm thoát ông Quỳnh và thầy Tự đã bị giam hai năm tròn. Trong thời gian đó, quan sốt ruột gửi sớ về kinh ba bốn lần xin xử tử, nhưng vua Minh Mạng cứ trì hoãn, viết thư khuyên quan quân cứ từ từ kiên nhẫn. troing một là thư gửi về Hội Thừa sai, cha Miche Mịch giải thích lý do như sau:

"*Ông Antôn quen biết hấu hết các quan, lại đã từng chữa bệnh cho nhiều vị quan nữa. Rất nhiều người biết đến nhân đức và kiến thức của ông nên trọng nể. Do đó, thái độ của ông có tầm ảnh hưởng lớn trong dân. Đối với họ, cướp được con mồi lớn như vậy khỏi tay Đức Giêsu là một chiến thắng lớn lao. Thế nên chẳng lạ gì "hỏa ngục", phải tìm trăm phương nghìn kế để dành lại phần thắng sắp mất."*

Phần ông Quỳnh, dù đã 72 tuổi, vẫn biểu lộ đức can đảm và nhẫn nại đáng khâm phục. Suốt ngày ông lo đọc kinh cầu nguyện, như mọi giáo hữu ở ngoài, ông giữ chay và yêu thương giúp đỡ mọi người. Nghề lang y của ông vẫn có cơ hội dùng đến, có lần ông chữa cho một viên quan ở Đồng Hới và nhất là chữa bệnh cho các bạn tù đồng số phận.

- **Lời trăn trối sau cùng.**

Thấy thời gian cũng không làm nản lòng được ông Quỳnh, vua Minh Mạng chấp thuận cho quan tỉnh Quảng Bình

xử giảo ông vào ngày 10.07.1840. Khoảng 100 quân lính dẫn ông ra pháp trường chung với thầy Tự. Đến nơi, hai vị hỏi chỗ xử Đức cha Cao và hai linh mục Khoa và Điềm năm trước, rồi dừng lại đúng chỗ đó mà cầu nguyện: *"Lạy Chúa, xin tạ ơn Chúa cho con được ân phúc như các ngài. . ."* Nguyện cầu xong, ngồi xuống, ông Quỳnh bình tĩnh chậm rãi hút hết điếu thuốc được quan trao cho.

Hai người con đến từ giã, ông nhắc họ qua giã biệt thầy Tự, xin thầy về bên Chúa nhớ khẩn cầu cho các con. Thế rồi ông nói những lời sau cùng:

"*Cha gửi lời chào các chức sắc và anh em giáo hữu Mỹ Hương. Cầu chúc mọi người bình an, trung thành giữ đạo. Hãy yêu thương nhau và sống đạo đức, các con sẽ gặp lại cha trên Thiên Đàng*."

Nói xong ông nằm xuống trên chiếu giải sẵn, ông Quỳnh giang tay ra nói: "*Xưa Chúa cũng phải giang tay thế này để chịu đóng đinh."* Quân lính tròng dây qua cổ và giữa tiếng thanh la vang rền, họ mạnh tay xiết chặt hai đầu dây, đưa người tôi trung của Đức Kitô về hưởng hạnh phúc trường sinh.

Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn ông Antôn Nguyễn Hữu Quỳnh lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

Ngày nay mọi người vẫn con cảm kích với hai câu thơ khắc trên bia mộ ông Quỳnh ở xứ Kim Sen, nơi thi hài ông được an táng với tổ tiên dòng họ.

"Nghĩa khí nêu cao trên đất nước,
Oai linh phù hộ khắp non sông."

Ngày 12 tháng 07

Thánh Ignatiô DELGADO Y

Giám mục dòng Đaminh
(1762 – 1838)

• Chiến sĩ truyền giáo.

Với gần nửa thế kỷ hăng say trong việc truyền giáo tại Việt Nam và 43 năm giám mục, cuộc đời thánh Ignatiô Y gắn liền với địa phận Đông Đàng Ngoài, nay là năm địa phận: Hải Phòng, Bùi Chu, Bắc Ninh, Lạng Sơn và Thái Bình. Hoạt động của ngài trải dài trên ba triều đại: thời Cảnh Thịnh với những khó khăn từng khu vực giúp ngài nhận định được nhu cầu, để đến thời Gia Long, ngài phát triển địa phận Đông tới mức cực thịnh, dù sức đương đầu với những cơn giông tố bách hại thời Minh Mạng, và đó cũng là mùa gặt phong phú "*các Thánh Tử Đạo*" của địa phận. Số linh mục bản xứ, số tu sĩ nam nữ, số giáo dân tăng nhanh mỗi năm đã là những chứng cớ hùng hồn nhất cho chúng ta thấy nhiệt tình và tài lãnh đạo của ngài.

• Ý Chúa nhiệm mầu.

Ignatiô Delgado sinh ngày 23.11.1762 tại làng Villafeliche, tỉnh Saragozza, miền Aragon, Tây Ban Nha. Từ thời niên thiếu, Delgado chịu ảnh hưởng nhiều của các nữ tu Xitô. Say mê đọc sách, cậu nghiền ngẫm tối ngày những chuyện tích của những dì, hơn nữa khu làng của cậu từ núi đồi đồng cỏ, đất đai đến cây rừng đều ghi dấu những nữ tu áo trắng, con cái

thánh Bernađô này. Đo đó, cậu đã nuôi chí dấn thân phục vụ Chúa trong Đan viện.

Thế nhưng Chúa lại an bài cách khác. Ngày kia, một người bạn có ý định đi tu dòng Đaminh rủ cậu cùng đi, Delgado liền nhận lời. Sau đó cả hai đến gõ cửa tu viện thánh Phêrô Tử Đạo ở Catalayud, thuộc tỉnh dòng Aragon. Cậu vào nhà tập khi 18 tuổi và khấn năm 1781. Đang khi theo học tại đại học Orihuela, Delgado được biết việc truyền giáo của dòng tại Đông Nam Á. Trong thư ngày 25.06.1780, cha chính Alonsô Phê ở Việt Nam báo cáo số người và công việc, đã xin gởi thêm nhiều nhà truyền giáo "*nhân đức, thông thái và can đảm*". Delgado thấy lòng mình sôi sục ý muốn đi truyền giáo. Năm 1785, sau khi bàn hỏi với các bề trên, Delgado xin chuyển qua tỉnh dòng Nữ Vương Rất Thánh Mân Côi và được gửi tới Manila Phi Luật Tân để tiếp tục học tập.

- **Vị Giám Mục trẻ trung.**

Năm 1787, thầy Delgado được thụ phong linh mục. Năm sau trong số 15 tu sĩ tình nguyện đến Việt Nam, bề trên chọn Delgado và một người nữa. Thế nhưng nước Việt khi đó đang có nội chiến, nên hai vị thừa sai phải lưu lạc hết Macao đến Mlacco rồi trở về Macao. Cuối cùng năm 1790 cha mới đến đất truyền giáo cùng với ba thừa sai khác, trong đó có cha Henares Minh. Tuy mới tới Việt Nam, nhưng mọi người đã nghe đồn về tài năng và nhân đức của cha Delgado khi còn ở Manila, nên đã quý mến cha cách đặc biệt,. Sau vài tháng học tiếng, cha được cử coi sóc chủng viện hai năm. Làm cha chính địa phận hai

năm, kiêm chưc đại diện coi sóc các cha dòng Đaminh. Sự khôn ngoan và nhân đức của cha được xác định khi Đức cha Alonso Phê đệ trình lên Tòa Thánh xin đặt cha làm Giám mục phó có quyền kế vị. Đức Piô VI đã chính thức công nhận trong đòan sắc ngày 11.02.1794, nhưng mãi tháng 9 năm sau nghi lễ tấn phong mới được cử hành trong niềm vui của toàn địa phận. Vị tân Giám mục khi đó mới 33 tuổi.

Các sử gia ghi nhận Đức cha Ignatiô Y đã thích ứng được với miền truyền giáo ngay từ những ngày đầu, từ khí hậu, ngôn ngữ đến phong tục và những món ăn địa phương. Bốn năm coi chủng viện và làm cha chính, giúp ngài hiểu biết rõ về tình hình địa phận cũng như các giáo sĩ. Giờ đây với chức vụ mới, ngài là vị cộng tác đắc lực và hữu hiệu của Đức cha Alonsô Phê trong việc quản trị và truyền giáo. Tháng 08,1798, khi vua Cảnh Thịnh ra sắc chỉ cấm đạo, triệt hạ các nhà thờ, bắt bớ các thừa sai linh mục và thầy giảng, ép buộc các tín hữu bỏ đạo, Đức cha Delgado Y liền viết thư luân lưu cho các giáo sĩ thu cất các đồ thờ, nếu phải ẩn trốn thì cũng đừng đi quá xa, để có thể tiếp tục gặp gỡ phục vụ các tín hữu. Đặc biệt Đức cha tin tưởng vào sức mạnh từ Trời cao khi kêu gọi các tín hữu ăn chay những ngày thứ tư và đọc kinh Cầu Các Thánh hàng ngày cầu xin ơn bình an.

Trong báo cáo gửi về cho tỉnh dòng mẹ, Đức cha viết: ".. *Các giáo sĩ phải ẩn trong hầm hố, trong rừng sâu hay trên đồng vắng nhưng vẫn lén lút cải trang về thăm các giáo hữu*." Riêng hai vị Giám mục vẫn tiếp tục đi thăm viếng hết xứ này đến xứ khác trong địa phận. Một hôm, Đức cha Phê đi kinh lý tại khu

vực trấn kinh Bắc (Bắc Ninh) thì bị sốt rét và qua đời tại Lai Ổn ngày 02.02.1799, trút hết gánh nặng địa phận cho Đức cha Y. Trong bài giảng lễ tang, Đức cha Y nhắc lại mẫu gương và lời kinh vị tiền nhiệm thường đọc là: "*Lạy Chúa, xin hãy nung đốt con, cưa cắt con, đừng dung tha con ở đời này, để con được thứ tha muôn đời.*" Đức cha Y đã tiếp nối truyền thống và mẫu gương đó, suốt đời chấp nhận gian khổ và không quản ngại khó khăn để phục vụ Chúa trong tha nhân.

• Khôn ngoan và can đảm.

Công việc Đức cha quan tâm nhất là đến thăm tất cả các họ đạo dù đường xá xa xôi trắc trở đến đâu. Từ đầu năm 1803, công tác này được san sẻ cho vị tân Giám mục phó Henares Minh (thụ phong ngày 09.01.1803) Lúc đó đường xá miền Bắc không được như bây giờ, hai vị Giám mục đã phải đi hàng ngàn cây số đường mòn, bờ đê, phải xuyên rừng leo núi. . . thế mà không họ lẻ nhỏ nhất nào không được các vị đến thăm nhiều lần. Tại mỗi nơi, các ngài đưa ra những chỉ thị cụ thể, sửa lại những lạm dụng, trừ diệt những thói dị đoan và xóa bỏ tệ nạn cho vay nặng lãi.

Suốt thời đại Gia Long và những năm đầu thời Minh Mạng, tuy còn một vài vụ bắt bớ ở địa phương, nhưng nói chung đây là thời tương đối bình an nhất. Đức cha Y đã tận dụng giai đọan này để tổ chức địa phận vững chắc hơn. Ngài quan tâm nhiều đến việc đào tạo linh mục bản xứ, củng cố chủng viện, nhất là tại Ninh Cường, Lục Thủy, Tiên Chu và Ngọc Đồng. Số linh mục chỉ mười năm sau đã tăng gấp đôi

(năm 1810 có 54 linh mục Âu và Việt). Là thành phần dòng Đaminh, Đức cha được sự hỗ trợ tích cực của tỉnh dòng mẹ về nhân sự trong địa phận, thế nhưng chủ yếu ngài đào tạo linh mục triều, rồi sau khi đã làm linh mục, nếu ai muốn, mới chuyển qua dòng. Ngoài 16 cha dòng Việt cũ, thời Đức cha có thêm 66 cha dòng người Việt, hỗ trợ cho công tác mục vụ và truyền giáo, sát cánh với các linh mục triều.

Suốt 20 năm thái bình, các tín hữu đựơc tự do tham dự kinh lễ mỗi ngày, nên được học hỏi về giáo lý kỹ lưỡng hơn và sống đạo tốt hơn. Nhiều nơi tổ chức những nghi thức công khai và long trọng, lôi cuốn các anh em lương dân đến dự, rồi tìm hiểu và bỏ được nhiều thành kiến nghi kỵ với đạo. Thí dụ trứơc đây họ thường trách người có đạo là bỏ cha mẹ tổ tiên, nay mới hiểu được trong đạo có những nghi lễ chôn cất, giỗ chạp cũng trang nghiêm và đầy ý nghĩa. Dần dần số người xin theo đạo ngày càng đông. Chỉ trong 10 năm có hơn 10.000 người lớn xin rửa tội. Con số 114.000 tín hữu khi Đức cha Y nhận quyền địa phận đã tăng lên 160.000 vào năm 1815, với gần 800 họ đạo.[(1)]

Ý thức trách nhiệm mình đối với tiền nhân, Đức cha cho ủy nhiệm một số người và đích thân điều hành việc nghiên cứu cuộc đời sự nghiệp hai linh mục tử đạo tại Hà Nội năm 1733 là cha Castaneda Gia và Vinh Sơn Liêm. Năm 1818, Đức cha hòan tất hồ sơ xin phong thành và gởi về Rôma.

---

(1) Sử Ký Địa Phận Trung, tr. 58.

Những năm đầu thời Minh Mạng, ôn dịch hoành hành khắp nơi, có tỉnh chết hàng ngàn người, kinh tế kiệt quệ, mọi người khiếp sợ, lương dân cũng như giáo hữu chạy vào nhà thờ xin nước thánh, nhà vua không dám ra khỏi cung điện. Tiếp đến là mất mùa, hạn hán và đói khổ . . . Nhân cơ hội này, Đức cha Y cổ động các thừa sai và tín hữu thể hiện lòng bác ái, săn sóc các bệnh nhân, cứu trợ người túng thiếu . . .khiến mọi người kính nể.

• Giông tố mở màn. . .

Những chiếu chỉ cấm đạo 1825 và 1833 không được thi hành triệt để ở địa phận Đông Đàng Ngoài, các quan có thện cảm với đạo, lại phò Lê hơn phò Nguyễn, nên báo cáo với vua cho có hình thức. Bất ngờ ngày 17.04.1838, thầy Vũ Văn Lân, thầy giảng của cha Viên về tòa Giám mục lãnh dầu thánh, mang theo sáu lá thư (cho hai Đức cha, hai linh mục thừa sai và hai linh mục người Việt), bị phát hiện và bị bắt. Tổng đốc Trịnh Quang Khanh hí hửng đưa sáu lá thư về khoe với vua. Tuần phủ Hưng Yên liền bị cách chức, Trịnh Quang Khanh bị triệu về kinh khiển trách. Tướng Lê Văn Đức dẫn thêm hai ngàn lính kinh đô ra hỗ trợ việc bắt đạo, bão tố bắt đầu bừng lên trên miền đất Nam Định. Nhiều biệt phái được phái đi len lỏi khắp nơi. Hai chủng viện Ninh Cường, Lục Thủy và nhiều nhà chung, nhà phước tự rỡ xuống để tránh sự dòm ngó. Các chủng sinh phải giải tán, các nữ tu phải trở về gia đình, giáo hữu phải tự tìm chỗ ẩn. Hai Đức cha và hai thừa sai đến náu thân tại làng Kiên Lao.

• Con đường Thập Giá. . .

Kiên Lao lá một làng lớn, nguyên số tín hữu cũng lên đến 5.000 người. Các kỳ mục trong xứ thu xếp cho hai Đức cha và hai thừa sai ở bốn nhà khác nhau. Gần chỗ Đức cha Ignatiô Y trốn có thầy đồ Hy, các kỳ mục cẩn thận đế điều đình xin ông tạm đời chỗ dậy học. Thấy lạ, thầy đồ gạn hỏi các học sinh và biết được có người Âu Châu núp, liền đi báo với các quan. Ngày 27.05.1838, khỏang 200 lính đến bao vây làng Kiên Lao dưới sự chỉ huy của quan Lê Văn Thế. Họ kiểm tra qua loa rồi bỏ đi. Các thừa sai tửơng yên ổn, nên sinh hoạt bình thường. Không ngờ ngay sáng hôm sau, quân lính trở lại và bao vây đúng những nhà các ngài đang ẩn.

Cha Jimenô Lâm và cha Hermosilla Vọng nhanh chân trà trộn vào đám đông chạy thóat. Đức cha Henares Minh được đưa đi trốn ở nhà khác (một tuần sau mới bị bắt). Còn Đức cha Y đã 76 tuổi, được anh em tín hữu khiêng đi trên võng bị lính nhận ra, đuổi theo và bắt tại chỗ. Họ trói Đức cha nằm trong võng và cáng về đình làng, vừa đi vừa reo hò mừng rỡ, quên cả việc bắt các thừa sai còn lại.

Viên quan hỏi Đức cha: "*Ông từ đâu đến*?" Ngài đáp: "*Tôi ở nơi khác mới đến làng này, họ chẳng liên hệ gì đến tôi*," Quan nói: "*Ông đã bị bắt, ông có thể tự vẫn như những người dũng cảm thường làm*." Đức cha trả lời: "*Chúng tôi không đựơc tự vẫn, vì đó là trọng tội. Nhưng nếu vì đạo, quan truyền giết tôi thì tôi hết sức vui mừng.*"

Chiều đến, Đức cha được đưa về phủ Xuân Tường. Đêm đó quan Lê Văn Thế truyền nhốt Đức cha vào một cũi gỗ, bốn phía có các hàng song như cũi giam thú dữ, các song gỗ được đóng liền sát với nhau, không thể thò tay ra ngoài. Trên nóc, ông cho trổ một cửa nhỏ để đưa cơm nước cho tù nhân. Chiếc cũi thấp tè, khiến người bị giam không thể nào đứng thẳng đượ̣c, đó sẽ là căn nhà của Đức cha từ nay cho đến chết.

Về phần Tổng đốc Trịnh Quang Khanh, khi nghe tin, liền gởi 100 lính đến hỗ trợ, áp giải từ phủ về tỉnh Nam Định 11giờ trưa ngày 30.05, tất cả các quan tỉnh cùng 2.000 lính đón chờ "*con mồi vĩ đại*" mới bắt được. Cờ xí rợp trời, trống cái trống con, chiêng la vang dội . . .Thế là họ đã vô tình đoán rước người anh hùng đức tin với nghi thức một quân vương (!). Còn vị anh hùng, ngài quỳ gối cầu nguyện trong cũi, tay không rời cuốn sách vẫn đem theo từ lúc bị bắt, có lẽ là cuốn sách nguyện.

Không thể kể cho xiết những nỗi khốn cực Đức cha phải chịu suốt 43 ngày bị giam trong cũi. Ăn uống thì thiếu thốn, rồi những buổi tra hỏi, những lời sỉ nhục chửi bới, có người nhổ nước miếng vào mặt. Sau những buổi hỏi cung, quân lính khiêng cũi ra bỏ ở cửa Tây của thành. Mình ngài lúc nào cũng nhễ nhãi mồ hôi dưới sức nóng mặt trời hoặc lạnh cóng vì sương đêm lạnh lẽo. Thế nhưng, ngoài những lời khai về lý lịch bản thân, Đức cha không tiết lộ một người hay một vùng nào liên hệ.

Thỉnh thoang Đức cha lại nói với quan và lính rằng: "*Các ngài chưa biết về đạo Chúa Giêsu, nếu các ngài biết, hẳn các ngài sẽ theo đạo*."

Ngày 14.06, Trịnh Quang Khanh gửi bản án vào hoàng cung, nhưng vua Minh Mnạg không châu phê, vị vua muốn vị thừa sai nhận tội "*làm mật thám*". Dĩ nhiên ngài không thể nhận điều vu cáo ấy được. Một hôm ngài nói với quan: "*Tôi ở An Nam đã 48 năm, tôi có giấy tờ của Tiên Đế (Gia Long) cho phép giảng đạo. Xin quan cứ dẫn tôi về triều đình, nếu vua muốn nướng thịt tôi mà ăn tôi cũng chịu. . .Xin đừng để lâu kẻo quân lính phải canh coi vất vả làm gì."*

• Dẫn đến vinh quang.

Án xử lần thứ hai gửi vào kinh được vua châu phê ngay, nhưng bản án chưa kịp về tới Nam Định thì Đức cha đáng kính đã từ trần. Với tuổi già 76, cộng với sức yếu vì bệnh tật, một tháng rưỡi trong cũi đã làm Đức cha kiệt lực và an nghỉ trong Chúa ngày 12.07.1838, sau 43 năm làm Giám mục. Quân lính thấm dầu vào vải, quấn quanh ngón chân, đốt thử xem chết thật chưa, rồi báo cho quan Tổng đốc hay. Quan quyết định: "*Cứ thi hành mọi sự như án đã đề ra, để mọi người biết tôi y nặng nề dường nào."*

Quân lính liền khiêng cũi Đức cha ra pháp trường Bẩy Mẫu, đưa thi thể ra ngoài, rồi chém đầu trước sự hiện diện của quan giám sát và một vài tín hữu. Thi hài của vị tử đạo được các tín hữu đem về an táng tại bàn thờ một thánh đường đã bị phá hủy ở Bùi Chu, Thủ cấp Đức cha bị treo nơi công cộng ba ngày, rồi ném xuống sông Vị Hoàng. Hơn ba tháng sau một người đánh cá vớt được, đưa về an táng chung với thi hài của ngài.

Thánh Ignatiô DELGADO Y

Ngày 27.05.1900 Đức Lêo XIII suy tôn vị Giám mục dòng Thuyết giáo Ignatiô Y lên bậc Chân Phước.

Ngày 12 tháng 07

Thánh Anê LÊ THỊ THÀNH (Bà Thánh Đê)

(1781 – 1841)

• Thánh nữ tiên khởi Việt Nam.

Nhìn lại lịch sử Giáo Hội Công Giáo Việt Nam, số chị em phụ nữ góp phần xương máu làm chứng đức tin không phải là ít. Tuy nhiên, tinh thần kiên cường bất khuất vì đức tin Kitô giáo của Thánh Nữ Anê Lê Thị Thành là một mẫu gương hiếm có. Chính quan Tổng đốc Trịnh Quang Khanh nổi tiếng "*Hùm xám tỉnh Nam*" (Nam Định) cũng phải đành phải bất lực trước trong việc thuyết phục bà chối đạo. Quan áp dụng nhiều phương thế, từ khuyến dụ ngon ngọt cho đến tra tấn nhục hình, gông xiềng đòn đánh đến tan nát thân mình, cũng không thể lung lay đức tin trung kiên của Thánh Nữ. Những giọt máu tung tóe vì đòn vọt đã trở nên những bông hồng kết thành triều thiên tử đạo, phần thưởng tuyệt hảo Thiên Chúa trọng thưởng bà Anê Lê Thị Thành, thánh nữ tiên khởi của Giáo Hội Công Giáo Việt Nam.

• Người mẹ gương mẫu.

Anê Lê Thị Thành sinh khoảng năm 1781 tại làng Bái Điền, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Ngay từ nhỏ, ô Thành đã theo mẹ về quê ngoại ở Phúc Nhạc, một giáo xứ lớn nay thuộc địa phận Phát Diệm, tỉnh Ninh Bình. Năm 17 tuổi, cô kết hôn với anh Nguyễn Văn Nhất, người cùng xã và sống với nhau

rất hạnh phúc, thuận hòa, sinh hạ được hai trai tên Đê, Trân và bốn gái: Thu, Năm, Nhiên, Nụ. Tục lệ địa phương thường gọi cha mẹ bằng tên người con đầu lòng, vì thế mới có tên ông Đê, bà Đê. Hai ông bà sống hiền lành đạo đức, rất quan tam đến việc giáo dục con cái. Cô Lucia Nụ, cô gái út, cung khai khi giáo quyền thẩm vấn trong việc điều tra phong thánh như sau:

"*Thân mẫu chúng tôi rất chăm lo việc giáo dục các con. Chính người dậy chúng tôi đọc chữ và học giáo lý, sau lại dậy cách tham dự thánh lễ và xưng tội rước lễ. Người không để chúng tôi biếng nhác việc xưng tội. Khi chúng tôi lơ là, người thúc giục chúng tôi bằng được mới thôi. Người cho chúng tôi nhập hội Con Đức Mẹ, vào ban thiếu nữ thưa kinh ở nhà thờ.*"

Một người khác, cô Anna Năm cũng xác minh*:*

"Song thân chúng tôi chỉ gả con gái cho những thanh niên đạo hạnh. Sau khi tôi kết hôn, thân mẫu thường đến thăm chúng tôi và khuyên bảo những lời tốt lành. Có lần người dậy tôi: "Tuân theo ý Chúa con lập gia đình là gánh rất nặng. Con phải ăn ở khôn ngoan, đừng cãi lại lời cha mẹ chồng. Hãy vui lòng nhận Thánh Giá Chúa gửi cho."

Người cũng thường khuyên vợ chồng tôi:

"*Hai con hãy sống hòa hợp, an vui, đừng để ai nghe chúng con cãi nhau bao giờ.*"

Bà Anê thật là tấm gương sáng về đạo hạnh cho các bà mẹ Công Giáo.

• Từ bác ái đến tử đạo.

Ông bà Đê có lòng bác ái hay thương giúp người, nhất là trọng kính và sốt sắng giúp đỡ các linh mục gặp khó khăn trong thời cấm đạo. Ông bà dành một khu nhà đặc biệt để các linh mục thừa sai trú ẩn. Chính đức ái đó đã đưa bà Đê đến phúc tử đạo.

Tháng 03.1841 đời vua Thiệu Trị, có bốn linh mục, hiện diện tại làng Phúc Nhạc. Cha Berneux Nhân ở nhà ông Tổng Phaolô Thức, cha Galy Lý ở nhà ông Trùm Cơ, cha Thành ở nhà bà Đê và cha Ngân ở một nhà khác.

Một người tên Đễ theo giúp cha Thành muốn lập công và tham tiền đã mật báo tin các linh mục trú ẩn cho quan Tổng đốc Trịnh Quang Khanh. Chính quan Tổng đốc đích thân chỉ huy 500 lính bao vây làng Phúc Nhạc vào đúng sáng ngày lễ Phục Sinh (14.04.1841). Quan truyền tập trung giáo dân lại để quân lính lục sóat từng nhà. Hai cha Thành và Ngân may mắn trốn thóat kịp. Cha Nhân vừa dâng lễ xong vội rời nhà trọ, sang trốn trên gác bếp nhà phước Mến Thánh Giá, nhưng vô tình để gấu áo ra ngoài kẽ ván nên bị bắt trước nhất. Cha Lý được ông Trùm Cơ đưa sang vườn nhà bà Đê ở sát bên. Bà Đê chỉ cho cha đừơng mương khô ở sau vừơn cạnh một bụi tre:

"*Xin cha ẩn dưới rãnh này, Đức Chúa Trời gìn giữ thì cha thoát, bằng không cha và con đều bị bắt.*"

Nói xong bà cùng con gái Lucia Nụ lấy rơm và cành khô che phủ lên. Nhưng quân lính đã thấy cha chạy qua vườn nhà bà, nên họ đến bắt cha Lý và bà Đê, chủ nhà. Ông Trùm Cơ, bốn hương chức trong làng và hai nữ tu Mến Thánh Giá là Anna Kiêm và Anê Thánh cũng bị bắt. Tất cả bị trói mang gông điệu ra đình làng. Nhà bà Đê bị lục soát, thóc lúa, đồ dùng, tiền bạc đều bị linh lấy hết. Khi bị bắt, bà Đê rất sợ hãi, nhưng khi điệu bà ra đình làng thì gương mặt bà lại vui tươi không còn vẻ sợ sệt gì nữa.

- **"Mặc áo hoa hồng".**

Quân lính áp giải các nạn nhân về Nam Định. Họ phải đi suốt đêm rất cực nhọc. Bà Đê sức yếu, không chịu nổi gông quá nặng, phải có người nâng đỡ nhiều lần. Tới thành Nam bà bị giam chung với hai nữ tu. Sáu ngày sau ra trước công đường, quan tòa bắt bà chối đạo, bà đáp:

"*Tôi chỉ tôn thờ Thiên Chúa, không bao giờ tôi bỏ đạo Chúa muôn đời. . .*"

Các quan truyền đánh đòn bà. Lúc đầu lính đánh bằng roi, sau dùng củi lớn quật vào chân bà. Bà không nản lòng, khi chồng bà đến thăm, bà giải thích vì sao bà được kiên tâm như vậy:

"*Họ đánh đập tôi vô cùng hung dữ, đến đàn ông còn không chịu nổi, nhưng tôi đã được Đức Mẹ giúp sức, nên tôi không cảm thấy đau đớn*."

Đến lần thẩm vấn thứ hai, thứ ba, thấy bà Đê vẫn một lòng trung kiên, quân lính được lệnh vừa đánh vừa lôi bà bước qua Thánh Giá. Nhưng bà sấp mình xuống đất, kêu lớn tiếng rằng:

"*Lạy Chúa, xin thương giúp con, con không bao giờ múôn chối bỏ lòng tin Chúa, nhưng vì con là đàn bà yếu đuối, nên họ dùng sức mạnh để cưỡng bách con đạp lên Thánh Giá.*"

Lần tiếp theo ra trứơc tòa, quan cho túm tay áo lại rồi thả rắn độc vào trong áo, nhưng bá Đê đã giữ đựơc bình tĩnh cách lạ lùng. Bà đứng yên không hề nhúc nhích nên rắn không cắn, chỉ lượn vài vòng rồi bò ra. Các quan truyền đánh bà dữ hơn nữa rồi giam trong ngục. Nhưng bà đã kiệt sức, đi không nổi phải có người dìu. Một nhân chưng tên Đang, về sau cho biết: "*Bà Anê Đê đã bị đánh đập tàn bạo đến nỗi thân mình bà đầy máu mủ. Tuy vậy bà vẫn vui vẻ, và còn muốn chịu khổ hơn nữa.*" Quả thật bà đã hiện trọn vẹn mối phúc thứ tám:

**"*Tin yêu Chúa Tể muôn trùng,*
Tan vàng nát ngọc chữ trung một lòng."**

Cô Lucia Nụ đến thăm mẹ trong ngục, thấy y phục thân mẫu loang lổ máu cô thương mẹ khóc nức nở, bà an ủi con bằng những lời lạc quan:

"*Con đừng khóc, mẹ mặc áo hoa hồng đấy, mẹ vui lòng chịu khổ vì Chúa Giêsu, sao con lại khóc*?"

Bà khuyên con:

"*Con hãy về chuyển lời mẹ bảo với anh chị em con coi sóc việc nhà, giữ đạo sốt sắng, sáng tối đọc kinh xem lễ, cầu nguyện cho mẹ vác Thánh Giá Chúa đến cùng. Chẳng bao lâu mẹ con ta sẽ đòan tụ trên nước Thiên Đàng*."

Ngoài những cực hình tra tấn nặng nề và ăn uống kham khổ, bà còn chịu thêm nỗi đau đớn của bệnh kiết lỵ. Hai nữ tu tận tâm săn sóc bà, các linh mục gởi thúôc, đến thăm, ban bí tích giải tội, xức dấu và giúp bà. Trong giờ hấp hối, người ta thường nghe bà cầu nguyện:

"*Lạy Chúa! Chúa đã chịu chết vì con, con hết lòng theo Thánh Ý Chúa. Xin Chúa tha mọi tội lỗi cho con*."

Cuối cùng bà dâng lời sau hết:

"*Giêsu Maria Giuse! Con xin phó linh hồn và thân xác con trong tay Chúa, xin ban ơn cho con được tuân theo ý Chúa trong mọi sự*."

Bà Anê Đê đã về Nhà Cha trên trời trong tinh thần thánh thiện ấy. Hôm đó là ngày 12.07.1841, sau ba tháng bị giam cầm hy sinh vì đức tin. Bà hưởng thọ 60 tuổi.

Theo tục lệ, người lính cho đốt ngón chân bà để biết chắc nạn nhân không còn sống. Họ tẩm liệm thi hài vào quan tài do nhà chung đem tới, rồi an táng tại pháp trường Năm Mẫu. Sáu tháng sau giáo hữu cải táng về Phúc Nhạc.

UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

Ngày 02.05.1909, Đức Giáo Hoàng Piô X đã suy tôn Chân Phước cho bà Anê Lê Thị Thành. Bà thực xứng đáng là gương mẫu và là Bổn mạng các bà mẹ Công Giáo Việt Nam.

Ngày 12 tháng 07

Thánh Phêrô KHANH

Linh mục
(1780 – 1842)

• Niềm vui ngày mùa.

Cuộc đời thánh Phêrô Khanh gợi lên cho chúng ta một hình ảnh mùa gặt phong phú. Một người đổ mồ hôi gieo giống trên nương đồng, đến ngày thu hoạch thì vui ca, tay ôm bó lúa chín vàng lựng hương (Tv 125). Vì giữa những ngày bị bách hại đen tối, khi chủng viện chính thức bị giải tán, cha Khanh là người đã đào tạo được 40 chủng sinh trong số đó thành đạt được tám linh mục.

• Dắt dìu nhau mà đi.

Phêrô Khanh sinh khoảng năm 1780 tại làng Nguyên Kiệt, xã Hoa Duệ, tỉnh Nghệ An. Ngay từ nhỏ, cha mẹ đã gửi cậu vào trong nhà xứ để được đào tạo thành thầy giảng. Vì nhiệt thành với Giáo Hội và thấy rõ nhu cầu dân Chúa, thầy Khanh xin phép và được bề trên chấp thuận cho học thêm để trở thành linh mục. Nếu xưa kia thánh Ignatiô đã ngoài 30 tuổi còn cắp sách đến trường thì thầy Khanh năm 25 tuổi mới bắt đầu vật lộn với những mẫu chia danh từ Latinh đầu tiên. Suốt 14 năm liền, thầy kiên trì tự học, tìm các linh mục để hỏi thêm và cuối cùng thầy được toại nguyện. Năm 1819, khi đã 39 tuổi, thầy thụ phong linh mục.

UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

Như một nhà thám hiểm leo núi, khi đã tới đỉnh núi, nhìn thấy cả một bầu trời rộng lớn bao la thì muốn mời gọi nhiều người cùng lên cao với mình. Cha Khanh sau khi lãnh sứ vụ linh mục, nhìn thấy rõ hơn cánh đồng Việt Nam bát ngát còn thiếu thợ gặt, biết bao tín hữu cần người săn sóc truyền giảng Tin Mừng cứu độ. Cha thấy rõ các vị thừa sai và linh mục bạn nằm xuống trong cuộc bách hại, việc truyền giáo đang cần những bàn tay kế thừa để phát triển. Do đó, tuy bận rộn với việc mục vụ, cha đầu tư mọi khả năng của mình đào tạo linh mục tương lai.

Theo sự điều động của địa phận, cha phục vụ tại nhiều nơi: họ Trai Lẻ, họ Quỳnh Lưu, rồi sau đến các xứ Thọ Kỳ, Thọ Nhinh, Long Trương, Ngân Sáu. Nhưng ở bất cứ nhiệm sở nào, bất cứ lúc nào, nhà cha cũng là một tiểu chủng viện thu hẹp. Cha nuôi một số thiếu niên nam, dậy giáo lý, hướng dẫn và gợi lên trong các em nhiệt tâm tông đồ. Với tình yêu của người cha, với sự thận trọng tinh tế của một nghệ sĩ, cha chú tâm vào việc đào tạo những nhà lãnh đạo tương lai trong Giáo Hội.

Bên cạnh những bài học và lời giáo huấn, chính đời sống cha là một gương sống động cho họ, khi cha dâng lễ, mọi người như gặp gỡ được Thiên Chúa. Khi cha giảng mọi người đề thấy sốt sắng thêm lên. Không bao giờ cha ngại ngùng với bất cứ điều gì. Vì ích lợi các linh hồn, cha vui vẻ chu toàn các công tác không một lời ta thán. Giữa đêm khuya, nếu có ai gọi đi giúp bệnh nhân, sẽ thấy cha nhanh nhẹn thế nào.

Trong một giai đoạn lịch sử khó khăn, việc đào tạo phải thực hiện một cách lén lút và riêng tư từng người một thì con số

40 chùng sinh, tám linh mục quả là một con số đáng kể với 22 năm linh mục của cha, quả là bó lúa chín vàng nặng trĩu hạt mà cha đóng góp được cho Giáo Hội Việt Nam.

Năm 1841, vua Minh Mạng băng hà, tình hình Giáo Hội có vẻ tự do hơn, cha Khanh càng an tâm và hăng say với sứ vụ tông đồ hơn trước. Nào ngờ cuối tháng 01.1842, khi tháp tùng cha Masson, phụ tá giám quản đi công tác ở Hà Tĩnh, cha bị quân lính chặn lại khám xét và bắt giam.

• Không chỉ là thầy lang.

Mới vào tù được ít bữa, cha đã được mọi người kể cả lính canh ngục quý mến vì tính vui vẻ và hòa nhã. Uy tín của cha gia tăng nhờ tài năng y sĩ, nhất là sau một lần chữa bệnh nổi tiếng. Viên cai ngục ở Hà Tĩnh có một cô tình nhân đang mang thai lại mắc bệnh, cô đã chạy nhiều thầy thúôc vẫn không khỏi. Nghe lời đồn đãi, ông cai đến nhờ cha Khanh chữa trị, và đích thân cha đến phòng bệnh nhân.

Sau khi chẩn bệnh, cha kê cho ông một toa thúôc nam gồm năm loại dược thảo để sắc lên cho bệnh nhân uống. Sáng hôm sau, một gia nhân của ông sai đến lạy cha ba lạy để báo tin bệnh đã thuyên giảm. Cha hỏi lại bệnh đã giảm thật chưa, rồi cho thuốc một ngày nữa, đến ngày thứ ba bệnh khỏi hẳn. Từ đó khắp miền Hà Tĩnh đều biết tiếng và ca tụng người tù nhân là thầy thuốc "*mát tay*". Nhưng điều cha vui mừng thực sự không phải vì tiếng đồn cho bằng việc có nhiều người đến xin học đạo, trong đó có song thân của quan án. Ngay cả cô gái đã đươc cha

chữa trị, sau khi sanh con trai, cũng đến xin cha rửa tội cho mình và con.

Vì mến phục vị chứng nhân đức tin, các quan tỉnh tìm cách cứu cha khỏi chết. Các ông đề nghị cha giấu chức vụ linh mục, trước sau cứ khai nghề thầy lang thì họ sẽ tìm cách xin ân xá. Nhưng cha Khanh không chấp nhận đề nghị nói dối ấy. Thế là bản án của cha đựơc gửi về Huế để vua Thiệu Trị ký duyệt. Ngày 11.07.1842, bản án đựơc gửi lại Hà Tĩnh kết án cha là "*một kẻ điên rồ*", mù quáng và dốt nát đáng chém đầu.

Ngay sáng hôm sau, bản án đựơc thi hành, chấm dứt năm tháng rưỡi ngục tù và 62 năm sống trên dương thế của vị chứng nhân đức tin. Thi thể vị tử đạo đựợc đưa về Kẻ Gòn, cha Masson cử hành tang lễ cách trọng thể với sự tham dự đông đảo của các tín hữu.

Ngày 02.05.1909, Đức Giáo Hoàng Piô X suy tôn cha Phêrô Khanh lên bậc Chân Phước.

Thánh Phêrô NGUYỄN BÁ TUẦN

Ngày 15 tháng 07

Thánh Phêrô NGUYỄN BÁ TUẦN

Linh mục
(1766 – 1838)

• Nụ hôn của Giuđa.

Được cha xứ Kim Sơn tin cậy gửi gấm hai linh mục, Bát Biên kín đáo giấu hai vị trong nhà. Một tuần sau, ông nói với hai cha: "*Con nghe tin quan biết hai cha ẩn ở đây và quan quân sắp đến vây làng. Con phải đem hai cha đi nơi khác an toàn hơn.*" Rồi Bát Biên mới linh mục thừa sai Fernandez Hiền xuống một chiếc thuyền nhỏ chở đi. Lát sau lại vòng về đón cha Phêrô Tuần.

Xuống thuyền đi trốn, hai cha hoàn toàn tin lới Bát Biên, chẳng ngờ chút nào sự săn sóc ân cần đó lại chính là "*cái hôn của Giuđa*". Âm mưu bắt hai cha của Bát Biên thành công thật êm thấm. nhưng nụ hôn bao giờ mà chẳng nhẹ nhàng êm ái! Và dằng sau nụ hôn đó, tù ngục, tra tấn, cái chết đang chờ đợi hai cha.

Phêrô Nguyễn Bá Tuần chào đời năm 1766 tại làng Ngọc Đồng, tỉnh Hưng Yên. Từ thuở nhỏ, cậu tuần đã có tiếng là hiền lành, đạo đức, chăm chỉ học hành. Lớn lên, cậu vào sống trong nhà Chúa, tại đây cậu siêng năng học giáo lý, đồng thời học thêm chữ Hán. Thấy dấu chỉ cò ơn kêu gọi, các linh mục giới thiệu cậu vào chủng viện. Nhưng mới theo học tại trường

Latinh ít lâu, vua Cảnh Thịnh ra chiếu chỉ cấm đạo, thầy Phêrô phải nghỉ học và ẩn trốn nơi này nơi khác cùng với cha chính Hoan (Gatillepa). Thầy đã tỏ ra là một đệ tử đắc lực của ngài. May mắn thay, một thời gian sau, trường được mở lại, thầy trở về tiếp tục học hành và được lãnh chức linh mục năm 1807. Cha Tuần đã thi hành tác vụ thánh tại nhiều nơi, thu hái nhiều kết quả, được các bề trên hài lòng suốt 30 năm.

• Giá trả về niềm tin.

Năm 1838, khi vua Minh Mạng ra chiếu chỉ cấm đạo gắt gao hơn thì cha Tuần đang làm chánh xứ Lác Môn, tỉnh Nam Định. Cha không những chỉ lo chu toàn trách vụ giáo xứ của mình, nhưng cha còn lưu tâm đến tình hình Giáo Hội Việt Nam, lo đến các anh em linh mục. Nghe tin làng Quần Liêu sợ vạ lây, không muốn chấp nhận cha chính Fernandez Hiền bị bệnh kiết lỵ trầm trọng đang chữa trị tại đây nữa, cha Tuần phải vội vàng đến can thiệp và ở lại để dân chúng yên tâm giúp đỡ cha chính. Không ngờ nghĩa cử yêu thương này đã kết nối số phận đời cha với vị thừa sai Âu Châu.

Sau vài ngày, hai cha bỏ Quần Liêu trốn lên Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, thuộc địa phận Tây Đàng Ngoài. Nhưng tại đây quan quân cũng đang tầm nã gắt gao, các tín hữu bắt buộc phải giấu hai cha ngoài vùng sình lấy, suốt hai ngày nắng sương gió rét. Khi đó, cha xứ Kim Sơn cho tìm một người ngoại đạo tên là Bát Biên, người thọ ân ngài nhiều lần và gởi gấm tạm hai vị mục tử. Ở đây, trước khi được làm chứng cho niềm tin vào Thiên Chúa, hai cha đã phải trả giá cho niềm tin vào con

người. Bát Biên trở mặt nộp hai linh mục cho quan Tổng đốc Nam Định trịnh Quang Khanh. Thế là hai cha bị đóng gông giam vào ngục.

Trong tù, vị linh mục già 72 tuổi, luôn can đảm trung thành với đức tin của mình, dù thân thế già nua ốm yếu phải chịu gông cùm xiềng xích với biết bao đòn vọt. Khi viên quan nói với cha: *"Lão già quá rồi, không chịu nổi các hình khổ đâu"*. Cha Tuần trả lời: "*Quả thật tôi ốm yếu lại già nua, nhưng Thiên Chúa sẽ cho tôi sức mạnh để đón nhận mọi cực hình và cả cái chết vì Ngài.*" Lần khác, quan cho một tín hữu đã bỏ đạo ra đạp lên Thánh Giá và bảo cha làm theo như vậy, cha liền nói: *"Sao tôi lại phải bắt chước kẻ bội giáo? Mẫu gương tôi soi là hai Đức cha của tôi, tôi múôn noi gương các Đấng ấy.*" (Cha Tuần muốn nói đến Đức cha Henares Minh và Delgado Y, tử đạo ngày 26.06 và 12.07).

• Rũ tù trong vinh phúc.

Pháp luật thời đó không cho phép xử chém người già trên 60 tuổi. Thế nhưng, ngày 10.07.1838, vua Minh Mạng vẫn phế án xử trảm cha Tuần. Bản án "*vi hiến*" đã không bao giờ thi hành đươc. Các hình khổ trong tù: tra tấn, đánh đập, đói khát, nóng nực và muỗi rệp, cuối cùng cũng đã làm thay công việc của lý hình. Trước đó ba ngày, cha Tuần đã hòan tất cuộc đời làm chứng cho tình yêu Thiên Chúa ngay trong nhà tù, tức ngày 15.07.1838.

Con đường tử đạo của cha không kết thúc đẫm máu, không có những bi kịch thảm thương. Một con đường khá bình thường, được dệt nên bằng những việc quen thuộc mà nhiều khác có thể từng gặp trong đời: một người anh em mắc bệnh, một người phản bội vô tâm, đòn vọt, rệp muỗi . . . Nhưng *"trên từng cây số"* con đường đó, cha đã đi thật đúng đắn, thật trung thành, thật trọn vẹn. Cha đã tận tình lo cho người anh em gặp hoạn nạn. Cha đã hết sức tin vào con người, dù có thể gặp kẻ phản bội. Cha đã sống trọn vẹn niềm tin của mình trong những hòan cảnh khó khăn, mới thoạt nhìn qua như có vẻ bình thường, nhưng vì dai dẳng nên cái bình thường đó không kém phần gay go.

Lòng trung thành trong những "*việc nhỏ*" như thế, đáng đươc coi là trung thành trong những "*việc lớn*". lòng trung thành đó đã đưa cha đến phúc tử đạo dù không đổ máu. Cha đươc về quê trời ngày 15.07.1838 trong khi đã sẵn sàng bước ra pháp trường lấy máu mình minh chứng niền tin. Giáo hữu rước thi hài cha về an táng tại nhà thờ xứ Ngọc Đồng, sau đem vào Nam đặt tôn kính tại xứ Lạc An, Biên Hòa.

Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn Chân Phước linh mục Phêrô Nguyễn Bá Tuần ngày 27.05.1900.

Ngày 15 tháng 07

Thánh Anrê NGUYỄN KIM THÔNG (NĂM THÔNG)

Trùm họ
(1790 – 1855)

• Phải đi cho trọn hành trình.

Nhận được án lệnh lưu đầy, thánh Anrê Thông bị áp giải đường bộ từ Bình Định vào Mỹ Tho. Đường xa xôi diệu vợi, lại chập chùng hiểm trở. Cổ mang gông, tay đeo xiềng nặng nề, nhưng thánh nhân vẫn kiên trì vững bước leo đèo vượt suối và băng rừng. Vào đến Gia Định, quan Tổng trấn cho phép ở lại đây, nhưng thánh nhân từ chối vì muốn đi cho đến đỉnh đồi Canvê của mình. Và khi đã tới Mỹ Tho, sức cùng, lực kiệt, ngài còn năn nỉ người ta dìu tới Gò Bắc ở cuối tỉnh. Dù chỉ sống thêm ít phút, Thánh Anrê Thông đã hoàn tất hành trình chứng tá cho Thiên Chúa và đã tới đích Tiên Đàng vĩnh cửu.

• Cuộc đời phục vụ.

Anrê Nguyễn Kim Thông sinh khảong năm 1790 tại Gò Thị, một họ đạo kỳ cựu nhất của địa phận Qui Nhơn, thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, cách tỉnh 20 cây số về hướng Bắc. Ông có tên khác là Năm Thông.

Là chủ một gia đình khá giả, đạo đức, ông Thông đã giáo dục con cái sống đạo tốt lành. Hai người con của ông đã đựơc Thiên Chúa ân thưởng đặc biệt là linh mục Nguễyn Kim Thư và nữ tu Anna Nhường, dòng Mến Thánh Giá. Dân làng tín nhiệm, có thời ông đã làm Xã trưởng, nhiệt tình phục vụ dân chúng bất kể lương hay giáo. Về sau ông đựơc đề cử làm Trùm họ và đựơc Đức cha Cúenot Thể đặt làm Trùm cả phụ trách tòan thể hạt Bình Định.

Ngoài mẫu gương liêm chính, bác ái và tận tâm, ông còn thừa hưởng truyền thống của họ Gò Thị về lòng súng kính Đức Mẹ cách đặc biệt. Ông siêng năng lần chuỗi Mân Côi hằng ngày, va kiến thiết một nhà nguyện dâng kính Trái Tim Vẹn Sạch Đức Mẹ. Với uy tín sẵn có, ông phụ tá đắc lực cho hàng giáo sĩ trong việc tông đồ, khéo léo trong việc tìm nơi trú ẩn cho các ngài trong thời bách hại. Đức cha Thể và nhiều linh mục đã tạm trú lân ngày tại nhà ông. Hơn nữa ông còn là ân nhân cả về vất chất lẫn tinh thần cho viện mồ côi trong vùng.

• Xin nhận chén đắng.

Một người cháu của ông Trùm cả tên là Út vôn tính ngang tàng, phóng đáng, nên hay bị ông quở mắng. Để trả đũa, y viết một lá thư nặc danh lên quan tỉnh, tố cáo ông về tội chứa chấp giáo sĩ. Thế là quan quân liền đến vây bắt ông cùng với bốn giáo sĩ khác, rồi giam vào ngục thất ở Bình Định.

Quan tỉnh vốn quen biết từ hồi ông làm Xã trưởng, và trước đây đựợc ông đãi ngộ rất hậu, nên tỏ ra rộng rãi với ông. Nhờ đó, ông Trùm cả không bị đanh đập, và thỉnh thoảng lại

được phép về thăm nhà. Ông lợi dụng cơ hội này khuyên nhủ con cháu trung kiên với Chúa trong mọi hoàn cảnh. Ông nói*:"Tôi đã già, cũng chẳng ham sống lâu nữa. Tôi sẵn sàng chịu tù đầy và chịu chết vì danh Đức Kitô, nhất định tôi không vân động xin tha*." Rồi ông tình nguyện vào ngục trình diện.

Nhiều lần quan tỉnh gọi ông Trùm cả ra công đường, nhỏ nhẹ khuyên ông bỏ đạo. Quan nói: *"Ông dẫm chân lên Thập Giá đi! Chỉ tôi và ông biết thôi, rồi về xưng tội là xong chứ có chi đâu.*" Ông trả lời: "*Không được, Thập Giá tôi tôn kính mà dẫm lên sao được.*" Và ông khẳng định với quan: "*Thà tôi chịu lưu đầy và chết vì Chúa, chớ tôi không chối đạo*." Sau ba tháng tù, ông nhận được ân phát lưu vào Mỹ Tho thuộc miền Lục Tỉnh, Nam Kỳ. Các con ông dự định bỏ tiền vận động xin giảm án, nhưng ông cản: "*Các con cứ để Thánh Ý Chúa được thể hiện*."

• Uống cạn chén Chúa trao.

Đường vào Nam xa xôi, cùng với bốn tín hữu, ông bị đầy vào Vĩnh Long. Ông Trùm cả vì tuổi già sức yếu, lại phải mang gông xiềng, nên bước đi một cách khó khăn mệt nhọc. Mỗi ngày chỉ đi được bẩy tám dặm dưới ánh nắng gay gắt, tối đến đoàn tù nhân được tạm giam trong các đồn canh hay nhà tù địa phương. Được vài ngày, quân lính thấy ông Trùm cả đuối sức quá, sợ không đủ sức đi tới nơi thì thương tình tháo gông xiềng cho ông. Khi đi ngang qua tỉnh Bình Thuận, ông may mắn gặp linh mục Nguyễn Kim Thư, con trai ông, và xin lãnh bí tích giải tội.

Tại Chợ Quán, thấy tình trạng sức khỏe của ông ngày càng suy yếu, cha Được đã ban bí tích xức dầu cho ông. Sau đó, ông lại tiếp tục mang gông xiềng đi xuống miền Tây. Bốn người bạn tù với ông xuống Vĩnh Long trước, có báo tin cho cha Bề Trên Borelle Hòa về tình hình nguy tử của ông. Cha Borelle liền cử một y sĩ đến Mỹ Tho chăm sóc, nhưng không kịp nữa. Vị chứng nhân của Chúa khi đặt chân đến nơi lưu đầy được chỉ định, mới kịp đọc kinh Ăn Năn Tội, vài kinh Kính Mừng, rồi tắt thở đang khi cầu nguyện với Đức Trinh Nữ Maria. Hôm đó là ngày 15 tháng 07 năm 1855.

Thi hài vị tử đạo được viên y sĩ của cha Borelle Hòa đưa về Cái Nhum (Vĩnh Long), và sau đó các hiếu tử là linh mục Thư, ông Ngọc và ông Xa dời về an táng ở nhà thờ Gò Thị. Hiện nay, tại Gò Thị còn Lăng của ông, nhưng hài cốt đã được di chuyển về chủng viện Làng Sông (Bình Định).

Đức Thánh Cha Piô X suy tôn ông Trùm cả Anrê Nguyễn Kim Thông lên bậc Chân Phước ngày 02.05.1909.

Ngày 18 tháng 07

Thánh Đaminh ĐINH ĐẠT

Quân nhân
(1803 – 1839) **(Xem trang 200)**

Ngày 20 tháng 07

Thánh Giuse Diaz SANJURJO AN

Giám mục dòng Đaminh
(1818 – 1857)

- **Lá thư tâm sự.**

Qua những lời lẽ được trích từ lá thư viết trong tù của thánh Giám mục Giuse An, chúng ta có thể hiểu được phần nàotâm hồn của ngài. Với mẫu thân và mảnh giấy xé trong sách, ngài đã nắn nót từng chữ viết lên lời tuyên xưng niềm tin, bày tỏ ước nguyện dâng hiến đời mình hòa với hy tế của Đức Kitô và biểu lộ lòng xác tín vào Quê Trời vĩnh cửu, nơi ngài mong tái ngộ với mọi người thân yêu:

"*Tù nhân trong Chúa gửi lời tạm biệt Đức cha và các cha cho tới ngày gặp nhau trên Trời. Xin tất cả anh em tha thứ cho những điều lầm lỗi và gương xấu mà tôi đã làm. . .Gông xiềng tôi đang mang được coi là những báu vật Chúa Giêsu gởi cho tôi. Tôi vui mừng lắm và chỉ ước ao đổ máu vì Chúa, để máu tôi hòa*

với Máu Cực Thánh Chúa Giêsu rửa linh hồn tôi được sạch mọi tội lỗi. Xin anh em cầu cho tôi vững đến cùng. . .

Viết tại ngục Nam Định, ngày 28.05.1857,
Fray José Maria."

• Ước vọng và nỗ lực.

Giuse Diaz Sanjurjo chào đời ngày 26.10.1818 tại Santa Eulalia de Suegos, tỉnh Lugo nước Tây Ban Nha. Là con cả của gia đình năm anh em, trong đó người em út là nữ tu Antonia. Lớn lên cậu theo học tại chủng viện Lugo. Vì nội chiến, cậu bị gián đoạn ba năm học phải trở về quê. Sau đó, vào đại học Compostella. Trong giai đoạn này, Giuse Sanjurjo được biết và cảm mến sinh hoạt truyền giáo của dòng Đaminh tại Viễn Đông. Vào dịp thuận tiện, cậu giã từ cha mẹ bạn bè và xin vào tu viện Santo Domingo Ocãna của tỉnh dòng Đaminh Rất Thánh Mân Côi, đặc trách truyền giáo ở Viễn Đông.

Ngày 23.09.1842 cùng với bẩy thỉnh sinh khác, cậu được lãnh tu phục dòng Thuyết giáo. Năm sau (24.09.1843), thầy Sanjurjo khấn dòng trong tay Bề trên Orge. Vì đời sống đạo đức, nhiều khả năng và ước vọng loan báo Tin Mừng của thầy đã được khẳng định ngay từ khi đến Ocãna, nên sau đó nửa năm, thầy được gửi đến Cadiz chuẩn bị đến miền truyền giáo. Tại Cadiz, thầy thụ phong linh mục ngày 23.03.1844 và cùng với năm tu sĩ bạn đến Manila (Phi Luật Tân) ngày 14.09 năm đó. Sáu tháng sau, vị linh mục trẻ lại lên đường qua Macao, rồi từ đó đến địa phận Đông Đàng Ngoài ngày 12.09.1845 với tên

Việt Nam là An. Sau thời gian học tiếng Việt, cha được đề cử coi sóc chủng viện tại Nam Am.

Cuộc bách hại 1848 của vua Tự Đức đã gây thiệt hại nặng nề cho chủng viện. Cha An và cha Alcazar Hy phải gấp rút giải tán các chủng sinh, cho chôn giấu các đồ thờ phượng, và đau buồn nhìn chủng viện bị tàn phá. Trong thư gửi cho bạn ở quê nhà, cha viết: "*Chúng tôi chẳng còn nhà, chẳng còn sách vở quần áo, chẳng còn gì nữa. . .nhưng chúng tôi vẫn an tâm vì nhờ lời Thầy Chí Thánh: Con Người không có chỗ gối đầu . ..*"

Sau đó, cha An phải lánh nạn đến Ngọc Cục qua Ninh Cường vài tuần, rồi sang miền Cao Xá. Vì nhiệt tâm với tương lai của địa phận, cha mở lại chùng viện cho các chủng sinh cũ ngay tại Cao Xá. Thời gian này, cha biên soạn cuốn Văn Phạm Latinh bằng tiếng Việt.

• Vị Giám mục phó hăng say.

Năm 1848, vì số giáo hữu trong địa phận gia tăng, Đức cha Hermosilla Liêm xin Tòa Thánh chia khu vực dòng Đaminh thành hai địa phận. Qua văn thư ngày 05.09, Đức Piô IX thiết lập địa phận Trung tách khỏi địa phận Đông Đàng Ngoài. Địa phận Trung gồm hia địa phận hiện nay là Bùi Chu, Thái Bình với khoảng 140.000 giáo hữu và 624 giáo xứ.

Linh mục Marti Gia khi nghe tin đựơc chọn làm Giám mục địa phận mới thì tỏ ra lo lắng và đền hỏi ý kiến cha Sajurjo An đang ở Trung Lễ. Trong bầu khí trao đổi thân mật, cha An phân tích các mặt của nhiệm vụ Giám mục với những khó khăn

trong thời cấm đạo. Rồi cha đề cập đến các nhu cầu của cộng đoàn dân Chúa, đến các vai trò của các phẩm trật. sau cùng cha đã thuyết phục cha Marti Gia lãnh nhận vinh dự, cũng là gánh nặng chủ chăn địa phận mới.

Nhưng một điều cha An không ngờ: trong sắc lệnh bổ nhiệm Đức cha Marti Gia, Tòa Thánh đã cho vị tân Giám mục quyền chọn vị Giám mục phó. Đức cha Gia liền chọn Giám mục phó là cha An, người đã thuyết phục mình nhận chức. Ngày 05.04.1849, cha Sanjurjo An được thụ phong Giám mục hiệu tòa Platea cùng với cha Alcazar Hy, người được chọn làm Giám mục phó cho Đức cha Hermosilla Liêm.

Sau đó, vị tân Giám mục lại trở về Cao Xá tiếp tục coi sóc chủng viện. Trong thư gửi cho gia đình, Đức cha viết: "*Ở đây thì chức vụ cao chỉ thêm công việc, con thường phải đi bộ, có khi phải đi chân không, nhiều lần phải lội bùn đến đầu gối, để trốn tránh những người tìm bắt.*"

Tháng 03.1850, Đức cha An trao chủng viện cho cha Sampedro Xuyên, rồi đi kinh lý toàn tỉnh Hưng Yên. Nhưng cuộc kinh lý phải bỏ dở vì quan quân truy lùng quá gắt gao. Hai linh mục Việt Nam cùng đi với Đức cha bị bắt. Trở về Cao Xá, Đức cha bị sốt rét nặng một thời gian.

- **Vị mục tử tận tình.**

Năm 1852, Đức cha Marti Gia lâm bệnh nặng phải rời bỏ xứ truyền giáo và qua đời ngày 26.04 tại Hương Cảng trong sự luyến tiếc của các giáo hữu Việt Nam. Kể từ đó, Đức cha An

phải gánh vác tòan địa phận Trung. Ngài về tòa Giám mục ở Bùi Chu và trực tiếp điều hành việc truyền giáo. Số tân tòng gia tăng mau lẹ. Số rửa tội năm 1852 của địa phận ghi thêm tên của 28.355 người. Đức cha viết:

"*Đó quả là phần thưởng đầy khích lệ để các nhà truyền giáo tiếp tục những trách vụ tông đồ, bất chấp mọi âm mưu của thần dữ, không nản lòng trước những cơ cực thiếu thốn, trước nguy hiểm vây quanh và những nghịch cảnh có thể xẩy đến. . .*"

Năm 1854, Đức cha Sanjurjo An mở lễ trọng thể kính thánh tổ phụ Đaminh tại Lục Thủy, có đông đủ các cha dòng triều, các chủng sinh, nữ tu và trên 20.000 giáo hữu khắp nơi về tham dự. Sau lễ, Đức cha họp hội đồng địa phận để thảo luận về nhiều vấn đề có ích lợi chung. Ngài còn tổ chức thi kinh bổn giữa các giáo xứ và các buổi tranh luận về tôn giáo. Có lần ngài viết một số vấn nạn về giáo lý bằng chữ Hán phát cho các thầy Nho. Đến ngày hẹn, khoảng 30 thầy, đa số ngoài Công Giáo đến dự cuộc. Đức cha khai mạc và nói vài lời gợi ý, sau đó để các thầy tự do phát biểu. Mọi thắc mắc đều được Đức cha giải đáp thỏa đáng, khiến các thầy và dân chúng trong huyện đó phải khâm phục.

Năm 1855, ba cha dòng mới từ Macao tời Việt Nam đem theo sắc lệnh đặt Đức cha An làm giám mục đại diện Tông tóa địa phận Trung, và trao quyền chọn phụ tá. Đưc cha đã chọn cha Sampedro Xuyên và tổ chức lễ tấn phong Giám mục ngày 16.09 tại thánh đương Bùi Chu, với sự tham dự của 49 linh mục và đông đảo giáo dân, đến độ khu vực Bùi Chú không đủ nhà để trọ.

Số trẻ ngoại đạo đực rửa tội trong năm này là 35.349 em.

- **Giông tố bách hại.**

Từ năm 1854, tại miền Bắc có giặc Châu Chấu của Lê Duy Cự và Cao Bá Quát. Nhóm này hứa hẹn và cổ động giới Công Giáo tham gia nổi loạn, nhưng rất ít người theo vì Đức cha đã lên tiếng cấm chống lại chính quyền. Nhờ đó, các quan địa phương nới tay trong việc thi hành sắc lệnh của nhà vua. Tổng đốc Nguyễn Đình Tân biết rất chính xác trụ sở Tòa Giam mục, nhưng không múôn bắt, ông còn hứa hẹn nếu bất đắc dĩ phải đem quân truy nã thì ông sẽ cho báo trước.

Tháng 05.1857, đúng lúc có viên quan Thượng thư từ kinh đô ra Nam Định, thì Chánh Mẹo ở làng Thoại Miêu lên tỉnh tố cáo rằng: "*Có đạo trưởng Tây tên An ở Bùi Chu*". Vì có quan trên, quan Tổng đốc buộc lòng phải ra lệnh truy bắt, nhưng cũng báo cho Đức cha, tiếc rằng tin đến nơi thì Đức cha đã bị bắt. Khi quân lính đến bao vây, Đức cha lúông cuống chạy ẩn đến 4 chỗ và cuối cùng, ngài ngồi giữa một bụi tre khá kín đáo. Nhưng đúng lúc ngài ngó đầu xem linh đi chưa, thì bị phát hiện và bị bắt. Quân lính tước đoạt Thánh Giá và nhẫn Giám mục, sau đó, trói ngài dẫn đi. Rồi họ kéo nhau vào nhà chung để cướp của và thiêu hủy những gì họ không đem đi được.

Sau một đêm bị giam tại phủ Xuân Trường, vị anh hùng đức tin được quan quân giải về Nam Định. Tại đây, Tổng đốc Nguyễn Đình Tân tỏ ra tiếc khi thấy Đức cha bị bắt, nhưng vì sợ quan Thượng thư nên phải xử với ngài như tù phạm. Đức cha bị biệt giam hai tháng, chỉ có 3 lần một linh mục địa phận vào ban bí tích, và một lần người của Đức cha Retord Liêu vào thăm. Tuy bị xiềng xích gông cùm, Đức cha An luôn bình tĩnh vui vẻ đón chờ phúc tử đạo. nhiều lần các quan bắt ngài đạp lên Thánh Giá, nhưng ngài cương quyết từ chối.

- **Nhát gươm di chúc.**

Ngày 20.07.1857, có án tử hình từ kinh đô ra, truyền chém đầu "*Tây dương đạo trưởng tên An*". Trên đường ra pháp trường Nam Định, Đức cha An, tay cầm sách nguyện, vừa đi vừa suy niệm, vẻ mặt bình thản. Đến nơi xử, quân lính vây quanh ngài ba vòng, vòng trong cầm gươm, vòng giữa cầm giáo, vòng ngoài cầm cờ, cưỡi ngựa, cỡi voi. Đức cha An xin hoãn một lát, rồi lớn tiếng nói đôi lời với những người có mặt, sau đó nói với viên chỉ huy:

"*Tôi xin gửi quan 30 đồng tiền để xin một ân huệ: xin đừng chém tôi một nhát, nhưng là ba nhát. Nhát thứ nhất tôi tạ ơn Chúa đã dựng nên tôi, và đưa tôi tới đất Việt Nam giảng đạo. nhát thứ hai để nhớ ơn cha mẹ sinh thành ra tôi, còn nhát thứ ba như lời di chúc cho các bổn đạo của tôi, để họ bền chí cho đức tin, theo gương vị chủ chăn của mình. Và như thế họ đáng lãnh phần hạnh phúc cùng các thánh trên Trời.*"

Đức cha vừa dứt lời, quân lính trói ngài vào cây cọc hình Thập Tự. Dân chúng òa lên khóc. Lý hình chém Đức cha 3 nhát như ngài đã xin. Đầu và mình của vị tử đạo bị liệng xuống sông. Có hai người lính thấm máu vị tử đạo liền bị tống giam. Đồ đạc, sách vở của Đức cha đều bị đốt. Chén lễ, áo lễ thì trao cho đòan văn nghệ sử dụng. Đến sau dân chài lưới đã vớt đượ̛c thủ cấp vị tử đạo. Đức cha Xuyên an táng thủ cấp này tại Bùi Chu. Một thời gian sau, tu viện Santo Domingo ở Ocãna xin rước cốt của Đức cha An về tôn kính từ năm 1891, vì Đức cha là vị Tử Đạo tiên khởi của tu viện.

Ngày 29.04.1951, Đức Thánh Cha Piô XII suy tôn Đức cha Giuse Diaz Sanjurjo An lên bậc Chân Phước.

Ngày 24 tháng 07

Thánh Giuse FERNANDEZ HIỀN

Linh mục dòng Đaminh
(1775 – 1838)

• Cuộc hội ngộ trong tù.

Khi bị tẩm vấn về các thừa sai, linh mục Fernandez Hiền liền nhận là có quen thân với hai Giám mục Delgado Y và Henares Minh. Cha xin quan cho gặp mặt vì biết hai vị đang bị giam cầm gần đấy. Cuộc gặp gỡ kéo dài gần tiếng đồng hồ, mỗi vị một cũi, nhưng cũng đủ để ba vị thủ lãnh địa phận Đông trao đổi, an ủi và khích lệ nhau. Đức cha Delgado Y vì bệnh nặng nên ít nói hơn. Nhưng bỗng nhiên ngài hỏi cao giọng bằng tiếng Việt, chắc có ý cho quan quân nghe được: "*Này cha bề trên phụ tỉnh, cha có sẵn lòng tự nguyện để người ta chém đầu chưa?*" Không chút ngần ngừ, cha chính Hiền trả lời: "*Dĩ nhiên đã sẵn sàng*." Các quan và lính tráng có mặt hôm ấy đều ngạc nhiên hết sức khi thấy những tù nhân của họ nói đến cái chết cận kề, mà vẫn bình tĩnh, nếu không nói là vui vẻ nữa.

Hai ngày sau, tâm tư của cha Hiền được khẳng định rõ hơn cho các quan: "*Xin các ngài biết cho, không bao giờ tôi chà đạp Thánh Giá. Còn việc về nước (Tây Ban Nha) thì tôi không múôn, vì tôi đến đây với ước nguyện là giảng đạo Chúa Kitô, đạo chân chính duy nhất giúp con người sống tốt đẹp ở đời này và đạt hạnh phúc vĩnh cửu đời sau. Tôi sẵn sàng lấy máu mình để làm*

chứng cho người dân Việt biết đạo Thiên Chúa là đạo thật. Đó là mục đích và niềm vui của tôi."

• Hành trình rao giảng.

Giuse Fernadez sinh ngày 13.12.1775 trong một gia đình đạo đức ở Ventosa de la Cuesta, tỉnh Velladolid, địa phận Avila, Tây Ban Nha. Cha mẹ cậu rất hân hoan khi cậu xin vào dòng Đaminh, và coi đó là một vinh dự cũng như đặc ân Chúa ban cho gia đình. Tại tu viện thánh Phaolô (ở Velladolid) cậu tuyên khấn ngày 02.08.1796, khi mới 27 tuổi. Sau đó thầy Fernandez học triết lý và thần học, rồi thụ phong linh mục.

Để thực hiện hoài bão truyền bá Tin Mừng cho miền Viễn Đông, cha Fernandez xin chuyển qua tỉnh hạt Rất Thánh Mân Côi và tơi Manila (Phi Luật Tân) ngày 16.04.1805. Từ đây ngài đến Macao cùng với ba cha dòng Đaminh khác: Luis Villanova, Giacôbê Matthêo và Manuel Gonzalez. Ngày 08.02.1806, bốn tu sĩ thuyết giáo theo một tầu cùa Anh vào bến Cửa Hàn (Đà Nẵng). Từ đây, bốn vị riêng lẻ đi bộ lên địa phận Đông Đàng Ngoài, trời có bão, các thuyền bè không ai dám chở. Tháng 6 năm đó, cha Fernandez đến đươc trụ sở Bề trên phụ tỉnh.

Việt Nam thời này đang dưới quyền Gia Long, các thừa sai tương đối tự do giảng đạo. sau một vài tháng học tiếng, vị tông đồ trẻ tuổi đã bắt tay ngay vào việc truyền giáo cách hăng say. Với bản tính hiền lành, khiêm tốn và nhã nhặn, cha Hiền đươc mọi người cả giáo lẫn lương đều quí mến. nhờ đó cha đã

giúp nhiều lương dân đón nhận đức tin, nhất là tại làng Xuân Dục.

Giáo xứ cha Hiền phụ trách lâu nhất là Kiên Lao, nơi cha đã nâng số tín hữu lên đến 5.000 khi cuộc bách hại của vua Minh Mạng bùng nổ. Từ đây cha phụ trách chủng viện của địa phận. Năm 1837, sau một cơn bệnh kiết lỵ súyt chết, tỉnh dòng trao cho chức vụ Bề Trên phụ tỉnh. Cha vâng lời nhận trách nhiệm với sự trợ giúp của linh mục phụ tá Hermosilla Vọng. Tuy làm cha chính có vài tháng, cha đã phải lãnh trách nhiệm trong giai đoạn bão tố của địa phận Đông. Những lá thư của cha Viên bị tịch thu đã tố cáo sự hiện diện của các linh mục ngoại quốc tại Nam Định.

• Cô đơn và niềm an ủi.

Trong cơn truy lùng gắt gao của Tổng đốc Trịnh Quang Khanh năm 1838, cha Hiền đang ở chủng viện Ninh Cương, được giáo dân yêu cầu dọn đi nơi khác: "*Xin cha thương chúng con mà lánh đi nơi khác, kẻo nếu họ bắt đựơc cha ở đây, chúng con sẽ mất hết tài sản và có lẽ mất cả đầu nữa*." Thế là vị linh mục 63 tuổi đang mang trọng bệnh, đành phải ra về Quần Liêu, có hai thầy giảng theo giúp đỡ ngài.

Khi cha đến Quần Liêu, giáo hữu ở đây cũng lo sợ không kém bên Ninh Cường. Vì sợ liên lụy, họ đã xin ngài đừng ở lại. Một lần nữa, cha Hiền và hai thầy giảng lại ra đi mà không biết đến đâu, vừa đi vừa nghĩ đến tấm gương của Thầy Chí Thánh: "*Cáo có hang, chim trời có tổ, còn Con Người không có chỗ gối*

***đầu*.” Nhưng may mắn thay, đang tình trạng bế tắc đó thì một linh mục Việt Nam xuất hiện.**

Cha Phêrô Tuần đang coi xứ Lác Môn khi biết tin, liền đến Quần Liêu can thiệp. Cha trách các tín hữu ở đây bội bạc, và yêu cầu họ cho cha Hiền lưu lại vài ngày. Cha Tuần cũng quyết định ở lại để tìm chỗ ẩn mới cho vị thừa sai. Hai ngày qua, khi cha vượt sông qua địa phận Tây Đàng Ngoại, ghé vào xứ Kim Sơn. Nhưng vừa đến nơi thì hay tin quan tỉnh Nam Định đã ra lệnh cho quan địa phương lùng bắt hai vị rồi. Dân xứ Kim Sơn vì thế không dám lưu giữ, họ mời hai linh mục lên một chiếc thuyền nhỏ, rồi đưa các ngài vào vùng sình lấy gần đó. Địa điểm này tuy an toàn không bị truy lùng, nhưng quá là gian khổ vì bùn lầy tanh hôi, ban ngày thì nắng cháy da, đêm về thì làm mồi cho muỗi đốt.

• Con đường Thập Giá.

Cũng may có cha xứ Kim Sơn khi biết tình trạng bi đát của hai chứng nhân đức tin liền tìm cách thu xếp. Hai ngày sau, ngài cho người rước hai cha về trú ở nhà ông Bát Biên (hàm Bát Phẩm), là người thọ ơn cha xứ nhiều lần. Hơn nữa, người này ngoại giáo nên ở đấy an toàn hơn. Thực tế Bát Biên được vua Minh Mạng tăng thêm một cấp quan và thưởng cho 100 nèn bạc.

Đêm hốm đó, hai môn đệ Chúa Kitô bị gim tại huyện, các ngài giải tội cho nhau và khích lệ nhau chịu đựng gian khổ dù phải chết. Sang hôm sau, quân lính điệu hai cha lên Ninh Bình, Cha Hiên bị nhốt trong cũi tre, cha Tuần phải mang gông nặng.

Ngày 22.06, hai cha lại được giải về Nam Định, các quan và lính võ trang ra đón hai cha giữa tiếng hò reo chiến thắng. Sau đó, họ giam mỗi vị một nơi.

Ngồi bó gối trong cũi tại ngục Nam Định, cha Hiền phải chịu đói khát, và nhất là cơn nóng nực. Có lẽ ngài đã chết tại đó nếu không được anh Đường, một tín hữu tốt bụng đến tiếp cứu. Anh đã bỏ tiền ra mua chuộc lính gác để được vào tiếp tế mỗi ngày một ít lương thực. Mấy ngày đầu, anh còn phải giúp ngài từng miếng cơm, ngụm nước vào miệng vị linh mục quá kiệt sức đến độ tự mình không thể ăn uống được nữa.

Một tháng trong tù, nhiều lần cha bị đưa ra tòa để đối chất. Quan Tổng đốc mới Lê Văn Đức điều tra ngài về lý lịch, đến đây làm gì, bao lâu? Cha cố trả lời vắn tắt để không liên lụy đế ai. Cha nói: "*Từ ngày vua cấm đạo, chúng tôi mạnh ai nấy trốn, chẳng biết ai ở đâu cả.*" Quan hứa sẽ tâu vua đặt cha làm thông dịch viên nếu chịu bỏ đạo, cha đáp: "*Tôi đến đây không để phục vụ vua chúa trần gian này mà chỉ để rao giảng đạo Đức Chúa Trời thôi.*" Thế rồi, cha xin được gặp hai Đức cha đã bị giam trước, và bình tĩnh tỏ lòng sẵn sàng chết vì đức tin theo vị chủ chăn của mình. Thấy không thể làm cha bỏ đạo, đạp lên Thánh Giá, các quan họp nhau và lên án trảm quyết ngài. Bản án của cha và cha Tuân được vua Minh Mạng châu phê tới Nam Định ngày 18.07. Cha Phêrô Tuần vì tuổi già sức yếu, đã về với Chúa trước đó ba ngày.

• Giây phút vinh quang.

Sáng 27.04, trước khi đem đi xử, các quan còn khuyên dụ cha Hiền lần cuối: "*Lát nữa ông sẽ bị chém đầu nếu không đạp lên Thập Giá. Hãy quyết định lại đi, ông sẽ đựơc tha về Âu Châu*". Vị chứng nhân trả lời: "*Tôi không chịu đạp lên Thánh Giá, các ông muốn chém thì cứ chém*." Sau đó nhốt cha trong tù, các quan để mặc dân chúng đến xem chế nhạo. Họ kéo đến chỗ nắng, bứt tóc giật râu hoặc thò tay đấm vào người cha.

Khoảng hai chờ chiều, quan quân mới đưa vị linh mục đến pháp trường Bẩy Mẫu. Khi quân lính kéo ngài ra khỏi cũi và ném lên chiếu, ngài hầu như không gượng dậy nổi, phần thì đau mệt, phần thì đói lả, ngài nằm sõng soài ra đó. Tuy thế, cặp mắt của vị anh hùng vẫn hướng về trời cao, dâng lên Thiên Chúa hy tế đời mình và dâng lời cảm tạ sốt sắng qua 32 năm đã được phúc làm chứng cho Thiên Chúa ở Việt Nam. Lý hình vung gươm xử chém đang lúc vị chứng nhân còn chìm sâu trong ý nguyện.

Đầu vị tử đạo phải bêu ba ngày trứơc khi bị ném xúông sông. Các giáo hữu đem áo quan theo sẵn, đút tiền để đưa thi hài ngài về an táng tại chủng viện Lục Thủy. Hiện nay hài cốt ngài còn để tại nhà thờ Phú Nhai.

Ngày 27.05.1900, Đức Lêo XIII suy tôn cha Fernandez Hiền, dóng Đaminh, lên bậc Chân Phước.

Ngày 28 tháng 07

Thánh Giuse Melchior Garcia
SAMPEDRO XUYÊN

Giám mục dòng Đaminh
(1821 – 1858)

• Phác họa một chân dung.

Thánh Giuse Sampedro Xuyên với 37 tuổi đời, chín năm truyền giáo, ba năm Giám mục (hai năm làm Giám mục phó. . .), những con số tương đối khiêm tốn, nhưng sự nghiệp của thánh nhân thật lẫy lừng vì ngài đảm nhiệm một địa pậhn lớn nhất khi đó (154.000 người) và là địa phận chịu bách hại nặng nề nhất. Hơn nữa, cuộc đời ngài mãi mãi là mẫu gương sáng ngời của một người luôn sống có lý có tình, trung thành từ những việc nhỏ, khắc khổ hãm mình, nhiệt tâm truyền giáo, chuyên chăm cầu nguyện và đặc biệt là lòng sùng kính Đức Mẹ.

• Tuổi xuân đầy hứa hẹn.

Giuse Melchior Garcia Sam pedro sinh ngày 29.04.1821 tại San Pedro de Arrojo, tỉnh Oviedo, Tây Ban Nha.Gia đình cậu tuy thuộc dòng dõi quí tộc, nhưng đả sa sút đến chỗ nghèo khổ. Ngay từ nhỏ, Melchior đã bộc lộ khuynh hướng đạo đức của mình. Cậu thích tụ tập những em nhỏ để dậy kinh. Trong giờ đọc kinh ban tối ở gia đình, cậu sốt sắng nhận phần xướng kinh và nghiêm trang quỳ suốt buổi kinh.

Năm 12 tuổi, Sampedro có ý xin đi tu làm linh mục. Cha mẹ cậu tuy nghéo nhưng vẫn vui vẻ dành dụm gởi con theo học tiếng Latinh với tu sĩ Alvarez, để tiết kiệm cho gia đình, cậu quyết định đi bộ mỗi ngày đến trường. Những ngày nghỉ, cậu về giúp song thân trong việc đồng áng. Năm 1835, cậu phải xin dậy học tư gia và phải thừơng xuyên dùng sách mượn. Nhờ chăm chỉ, cậu đã đạt thành quả cao trong các kỳ thi.

Từ năm 1842, tuy vẫn còn học, Sampedro đã đựơc mời làm giáo viên dậy văn chương, La ngữ và âm nhạc tại trường San Jose. Năm 1844, khi đã tốt nghiệp triết học và thần học, thầy đựơc chọn làm giáo sư phụ tá dậy luân lý cho các tân sinh viên. Để chia sẻ với hoàn cảnh khó khăn của gia đình, mỗi kỳ thi, thầy đếu trở về quê phụ giúp cha làm ruộng. Khi học sinh tỏ vẻ ngạc nhiên, thầy nói: "*Không có việc nào làm mất danh dự, nếu nó không trái với ý Chúa. Chính Chúa trên trời cũng đã chọn sinh ra nơi hang đá và nằm trong máng cỏ*."

Ngoài ra trong các kỳ nghỉ hè, thầy Sapedro vẫn dậy giáo lý cho các em thiếu nhi để lãnh nhận các bí tích. Dân chúng trong vùng tỏ vẻ mến phục thầy và quen gọi là "*ông cầu nguyện*" vì thời gian dài "*ông cầu nguyện*" quỳ trước Thánh Thể cũng như tập quán thầy giữ suốt đới là đọc và suy niệm sốt sắng mầu nhiệm Mân Côi mỗi ngày.

- **Tu sĩ thuyết giáo.**

Thế nhưng thầy Sampedro chưa thấy vậy là đủ, thầy cảm thấy Chúa kêu gọi mình hiến thân cho ngài một cách trọn

vẹn hơn trong việc truyền giáo cho lương dân. Thầy xin vào tỉnh dòng Đaminh Mân Côi để loan báo Tin Mừng ở Viễn Đông, dù gia đình phản đỗi mãnh liệt, dù lời ngăn đe và nước mắt, thầy đã cương quyết từ bỏ chức giáo sư, đến Ocãna, trung tâm huấn luyện của tỉnh dòng. Thầy lãnh tu phục ngày 16.08.1845 khi đã 24 tuổi. Ngày 18.08.1846, thầy tuyên khấn trọng thể trong dòng Đaminh.

Vì đã mãn khóa thần học ở Oviedo, bấy giờ thầy Sampedro chuẩn bị lãnh các chức thánh và thụ phong linh mục ngày 29.05.1847 tại Madrid, rồi ngày 06.06 vị tân linh mục dâng thánh lễ mở tay ở Ocãna. Chín tháng sau, cha Sampedro từ Cadiz đi theo tầu Victoria cùng bốn bạn đồng hành sang Manila ngày 25.07.1848 nhằm lễ thánh Giacôbê. Khi đến nơi, Bề trên đã sắp đặt để cha phụ trách khoa triết lý cho trường đại học Santo Tomas, nhưng cha xin phép trình bầy ý nguyện đi truyền giáo ở Viêt Nam, và Bề trên đã chấp thuận.

Chỉ ba tháng, cha đáp tầu đến Macao, rồi đến Đông Xuyên ngày 28.02.1849 đem theo hai sắc lệnh của Tòa Thánh bổ nhiệm hai Đức cha Hermosilla Liêm và Marti Gia coi sóc hai địa phận Đông và Trung mới được phân chia. Sau một thời gian học hỏi kinh nghiệm với vị giám mục lão thánh Hermosilla, cha Sampedro được ngài đặt tên mới là Xuyên.

Sau đó, Đức cha Liêm gửi cha đến Nam Am học tiêng Việt và phục vụ ở đó cho đến tháng 03.1850 thì đươc Đức cha Sanjurjo An đặt làm giám đốc chủng viện ở Cao Xá. Tháng 7 năm đó, cha được làm đại diện Bề trên phụ tỉnh, và tháng

8.1852 thì nhận chức Bề trên phụ tỉnh, chu toàn trách nhiệm giáo dục của mình, cha Sampedro còn nêu gương cho các chủng sinh về đời tông đồ truyền giáo. Cha giữ luật chay tịnh, hãm mình theo luật dòng, mặc áo nhặm và gia tăng nhiều việc hy sinh khác. Ngoài ra, cha còn xuất bản nhiều tập sách nhỏ truyền bá đức tin, và đi giảng cho lương dân. Đưc cha An xác nhận cả một họ đạo mới thành lập gồm 54 gia đình, 500 tín hữu ở gấn Cao Xá là kết quả lòng nhiệt thành của cha Bề trên Sampedro Xuyên.

- **Giám mục trong cơn bách hại.**

Tháng 8.1852, Đức cha Sanjurjo An lên kế vị Đức cha Marti Gia (qua đời ngày 26.08). Vì địa phận quá đông, ngài xin phép Tòa Thánh để chọn cha Sampedro làm Giám mục phụ tá hiệu tòa Tricomia. Lễ phong chức được cử hành rất trọng thể ngày 16.09.1855 tại làng Bùi Chu, với sự hiện diện của hai Giám mục, 49 linh mục và rất đông giáo hữu. Trong chức vụ mới, Đức cha Sampedro Xuyên càng nhiệt thành hơn với việc truyền bá đức tin. Trong hòan cảnh nạn dịch lan tràn, việc rửa tội cho trẻ em ngoại đạo sắp chết gia tăng rất nhanh. Chỉ trong năm 1855 đươc 35.349 em đươc rửa tội.

Dầu hoàn cảnh khó khăn, Đức cha Xuyên vẫn lén lút đi thăm các họ đạo, và phải thi hành việc phục vụ hầu hết vào ban đêm. Tháng 5.1857, khi Đức cha An bị bắt, Đức cha Xuyên tìm mọi cách để đưa ngài ra, nhưng việc chưa thành thì Đức cha An đã bị xử tử vào ngày 20.07.

Cuộc bách hại ngày càng gia tăng, quan quân triệt hạ các nhà thờ Bùi Chu, Lục thủy, Phú Nhai, bệnh viện, cô nhi viện và các chủng viện. Tổng đốc Nguyễn Đình Tân hăng hái quyết lùng bắt hết các giám mục, linh mục trong khu vực của ông. Thủ cấp của Đức cha Xuyên được treo giá cao nên khắp nơi đều có người rình bắt ngài.

Về phần Đức cha, sợ địa phận có ngày mất chủ chăn, đã dùng quyền Tòa Thánh để chọn cha Berrio Ochoa Vinh làm giám mục phụ tá có quyền kế vị. Lễ tấn phong âm thầm có một không hai cho vị giám mục "*gậy tre mũ giấy*" này đã được cử hành trong một nhà giáo hữu ngày 13.06.1858 ở Ninh Cường.

Điều hành địa phận trong những ngày khó khăn, cuộc sống của Đức cha Xuyên nổi bật về lòng đạo đức và tinh thần cầu nguyện. Ngài thường tự xưng là "*kẻ tội lỗi khốn khổ*". Ngài thường khuyên người khác: "*Hãy nhìn những khuyết điểm của tha nhân để sửa mình và sẵn sàng lắng nghe ý kiến của mọi người.*" Đức cha vẫn luôn mặc áo nhặm và suy gẫm chuỗi Mân Côi, mỗi ngày suy niệm về Đức Mẹ Sầu Bi, Nữ Vương Các Thánh Tử Đạo, mẫu gương hiệp thông với những đau khổ của Chúa. Đặc biệt, vì tôn kính Đức Mẹ, ngài luôn khởi đầu thư từ và các buổi nói chuyện bằng lời chúc tụng AVE MARIA.

- **Ngục tù và án lăng trì.**

Sau lễ tấn phong cho vị giám mục phụ tá, Đức cha Xuyên đi lên Quần Cống, rồi qua thôn Đông vài ngày, và đến Kiên Lao tạm trú tại nhà ông Trùm Khanh. Ngày 08.07.1858, quân lính

đã vây bắt được ngài và hai chú giúp lễ: Đaminh Nguyễn Tiệp và Mai Hiên. Quan bắt Đức cha mang gông xiềng nặng nề và giải ba cha con lên tỉnh Nam Định.

Sau 20 ngày trong ngục, Đức cha lãnh án lăng trì ngày 28.07.1858. Trên đường ra pháp trường Bẩy Mẫu, đi sau đám lính đông đảo và lý hình 20 người tuốt gươm trần, Đức cha Sampedro Xuyên một tay cầm sách nguyện, một tay giơ lên ban phép lành cho dân chúng. Tuy nhiên cũng có kẻ lấy bùn ném vào ngài.

Tại pháp trường, hai cậu Tiệp và Hiến đón nhận phép lành của Đức cha, rồi đưa cổ chịu chém. Sau đó lý hình xô vị Giám mục nằm sấp trên chiếu có phủ vải sẵn, tước hết y ohục, chỉ để ngài mặc chiếc quần cụt. Rồi họ cột chân tay thật căng vào bốn cọc ở bốn phía, và thêm hai cọc ở dưới nách để nạn nhân khỏi cựa quậy.

Năm lý hình cầm sẵn 5 cái rìu chờ lệnh quan án sát ra dấu, lần lượt từng người thi hành nhiệm vụ. Họ chặt từng chân, từng cánh tay rồi mới chặt đầu. Máu tuôn ra đọng lại thành vũng, trong khi vị tử đạo vẫn giữ đươc vẻ mặt bình tĩnh, không ngừng kêu tên Chúa Giêsu cho đến khi tắt thở.

Mấy phút sau, quân lính mổ bụng ngài, cắt buồng ga giơ lên cao và nói: "*Xem này! Gan Tây thật là to!",* rồi họ chia nhau ăn. Cuối cùng họ đẩy thi thể ngài xuống một hố sâu, lấp đi và muốn cho voi giầy xéo nữa. nhưng dù họ thúc giục hò la mà

đàn voi vẫn không đạp lên hố. Thủ cấp của vị tử đạo sau ba ngày bị bêu nơi công cộng, quân lính băm nát rồi ném xuống sông. Đến sau các giáo hữu đưa thi thể của Đức cha về mai táng tại Phú Nhai. Năm 1888, thi hài được dời về quê hương Oviedo, nhưng tay phải của ngài thì để lại Bùi Chu, và tay trái đươc đưa về Manila, sau bị thất lạc trong Thế Chiến Thứ Hai vì bom đạn.

Ngày 29.04.1951, Đức cha Piô XII đã suy tôn Đức cha Giuse Melchior Gracia Sampedro Xuyên lên bậc Chân Phước cùng với Đức cha An và 23 vị tử đạo người Việt Nam. [NB]

[NB] Theo bản án của vua Tự Đức, Đức cha Xuyên bị ghép vào tội theo Lê Văn Phụng. Nhưng Tòa Thánh có một thư chung của ngài gửi cho địa phận (Đức cha Vinh có nói đến) cấm nổi loạn và còn ra vạ tuyệt thông chỉ mình ngài có quyền giải (Xe Diquitie RPD Promotoris Fidei super intro causae, I, tr. 17-19).

Thánh Phêrô ĐOÀN CÔNG QUÝ

Ngày 31 tháng 07

Thánh Phêrô ĐOÀN CÔNG QUÝ

Linh mục
(1826 – 1859)

• Những năm thơ ấu.

Ông Antôn Đoàn Công Miêng và bà Anê Nguyễn Thị Thường sinh sống ở Bắc Việt cho đến năm 1820. Cả gia đình di cư vào Nam ở tại họ Búng, lang Hưng Thịnh, tổng Bình Thạnh, hạt Thủ Dầu Một (nay là tỉnh Bình Dương). Năm 1826, người con trai út, Phêrô Đoàn Công Quý chào đờ. Đây là người con thứ sáu trong gia đình và là hy lễ của gia đình ông Miêng hiến dâng cho Thiên Chúa.

Vì thấy vị con út thông minh, nên ông Miêng cố lo liệu để cậu chuyên chăm lo việc học vấn, với hy vọng mai sau nối dòng thi lễ, làm vẻ vang cho cả gia tộc. Nhưng Thiên Chúa múôn cho người con út này đi theo con đừơng khác. Cậu Quý thường lui tới gặp gỡ và học hỏi cha Tám ở nhà thờ họ Búng. Một thời gian sau, cậu xin phép cha mẹ đựơc ở luôn với người, thỉnh thoảng mới về thăm gia đình.

• Theo tiếng Chúa gọi.

Năm 1847, cha Tám giới thiệu chàng trai 21 tuổi này với cha Gioan Miche Mịch để đựơc học hỏi tiếng Latinh và tiếp tục theo đuổi ơn gọi tu trì. Sau khi học tiếng Latinh tại nhà cha

Mịch, cậu Quý đươc học tại Chủng viện Thánh Giuse (Thị Nghè) do cha Borelle làm giám đốc. Năm 1848, thầy Quý đươc du học tại đại chủng viện của Hội Thừa Sai Paris ở Pénang (Mã Lai). Tại đây, thầy học triết lý và thần học, ngôn ngữ, văn chương. Việc huấn luyện như thế là khá đầy đủ cho một linh mục thuộc miền truyền giáo trở về hoạt động tại quê hương.

• Trên con đường sứ vụ.

Năm 1855, thầy Quý hồi hương vào thời kỳ vua Tự Đức ra sắc chỉ cấm đạo gắt gao. Tháng 09.1855, vua Tự Đức ra chiếu chỉ thứ ba, trong đó không ngừng lùng bắt các đạo trưởng, mà còn bắt cả giáo hữu phải xuất giáo, triệt hạ các thánh đường, phá hủy các cơ sở tôn giáo .. . Với hoàn cảnh bất lợi này, Đức cha Lefèbvre Nghĩa trao cho thầy nhiệm vụ săn sóc, dậy dỗ, động viên các giáo hữu tại các họ đạo. Qua một thời gian hoạt động, thầy tỏ ra là người nhiều khả năng, nên Đức cha đã truyền những chức nhỏ cho thầy. Sau ba năm thi hành việc mục vụ tại các giáo họ, tháng 09.1858, thầy Quý đươc lãnh chức linh mục tại nhà thờ Thủ Dầu Một. Sau một thời gian phục vụ các giáo xứ Lái Thiêu, Gia Định và Kiến Hòa, Đức cha bổ nhiệm cha Phêrô Quý làm phó xứ Cái Mơn (Vĩnh Long).

Cha Phêrô Quý đươc tuyển chọn vào cánh đồng truyền giáo trong giai đoạn đặc biệt của đất nước: Pháp và Tây Ban Nha đem quân đánh phá ở Cửa Hàn (Đà Nẵng) vào tháng 09.1858 làm cho vua Tự Đức càng thêm căm ghét các gíao sĩ nước ngoài và đạo Thiên Chúa. Do đó, cuộc bách hại ngày càng khốc liệt hơn. Nhưng nhiệt tình truyền giáo đã làm cho cha Quý

vượt thắng mọi gian khổ, đe dọa, hiểm nguy. Chỉ ba tháng sau khi cha về Cái Mơn, quân lính bao vây dòng Mến Thánh Giá Cái Mơn để lùng bắt giáo sĩ, nhưng không có vị nào ở đó, nên lính bắt giam một số nữ tu để tra tấn, khai thác các chị về chỗ ở của các ngài. Nghe tin các nữ tu bị bắt, cha Quý muốn nộp mạng để lính tha cho chị em, nhưng giáo hữu ngăn cản và không để cha thực hiện ý định này. Cha vẫn ao ước sẵn sàng hy sinh để thế cho các chị. Cha chỉ bỏ ý định này khi có lệnh rõ ràng của cha Bề trên địa phận Borelle Hòa. Từ đó, cha cải trang thành thường dân, đi thăm viếng, an ủi và ban các bí tích cho các giáo hữu.

• Chặng đường khổ giá.

Đức cha bổ nhiệm cha Quý về giáo họ Đầu Nước ở Cù Lao Giêng, tỉnh An Giang ngày 27.12.1858 thì mười ngày sau (07.01.1859) quan Tổng đốc An Giang được mật báo có Tây dương đạo trưởng trú ẩn tại nhà ông Lê Văn Phụng ở Đấu Nước. Quan sai 100 quân lính đến bao vây nhà ông Phụng. Khi lính gần đến làng, giáo hữu đến báo tin cho gia đình ông Phụng. Nghe tin này, cha Pernot Định đã đề nghị với cha Quý cùng đi trốn, nhưng cha Quý bình tĩnh trả lời: "*Tôi là người bản xứ chắc quan quân khó nhận ra, cha cứ đi trước, tôi ở lại thu dọn đồ lễ để khỏi gây phiền hà cho chủ nhà và giáo họ, rồi sẽ theo sau.*" Sau khi cha Pernot ra khỏi thì quan quân ập tới. Cha Quý chạy vào ẩn nấp dưới sàn nhà, quan ra lệnh cho ông Phụng phải nộp đạo trưởng Tây như đã được mật báo. Ông Phụng cương quyết trả lời là không có ai là đạo trưởng Tây cả. Quan dọa là nếu không tuân lệnh thì sẽ bị đánh đòn. Thấy lính sắp sửa đánh đòn

chủ nhà, cha Quý tự ra nhận mình là đạo trưởng. Lính không chịu nghe và nói chắc chắn là có tên đạo trưởng Tây ở trong nhà này. Cha Quý lại cương quyết khẳng định: "*Không có Tây dương đạo trưởng nào ở đây, chỉ có tôi là đạo trưởng. Ai muốn theo đạo tôi sẵn sàng chỉ dậy*."

Thấy cha Quý còn trẻ, quan không tin ngay, liền hỏi em nhỏ 10 tuổi, cháu nội của ông Phụng xem đạo trưởng là ai. Nó chỉ vào cha Quý và thưa: "*Bẩm, ông này ạ!"* Lính liền trói cha Quý, ông Phụng và 32 giáo hữu, rồi xiềng xích giải về Châu Đốc. Đến Châu Đốc, linh áp giải cha Quý đến quan Tổng đốc. Quan thẩm vấn cha nhiều điều và hứa sẽ tha cho về nếu cha tuyên bố bỏ đạo, theo như chiếu chỉ nhà vua. Nhưng cha Quý vẫn cương quyết nhận mình là đạo trưởng, không bao giờ bỏ đạo Thiên Chúa.

Lần khác, quan nói với cha: *"Thầy là người thanh liêm, nhân từ, đức hạnh, tại sao lại mê theo tà đạo, hãy nghe ta mà bỏ đạo đó đi."* Cha Quý trả lời*: "Dạ, thưa quan, tôi là người giảng dậy đạo này, sao lại có thể bỏ đạo cho được? Và nữa, đây là chính đạo, vì chỉ dậy những điều tốt lành, chứ không phải là tà đạo như quan hiểu lầm đâu."* Quan ra lệnh tống giam cha và sau đó dùng nhiều phương kế dụ dỗ đe nạt, tra tấn, hòng làm thay đổi lập trường của cha. Nhưng cha vẫn một lòng trung kiên với chính đạo. Sau cùng, quan thảo bản án trảm quyết gửi về kinh đô. Bẩy tháng trong ngục, cha Quý động viên các bạn tù, cử hành bí tích, nguyện ngắm và đọc kinh Mân Côi với họ. Một số giáo hữu đến thăm cha, có cả linh mục bản quốc cải trang để vào giải tội và cho cha rước Thánh Thể.

• Tình thương thân mẫu.

Đã sống trong cảnh tù ngục, cha Quý vẫn tưởng nhớ đến thân mẫu của mình (thân phụ đã qua đời). Cha gửi thư kính thăm và báo tin cho thân mẫu biết tin mình sắp đựơc phúc tử đạo:

"Ký vụ thân mẫu đôi chữ tường tri
Kể từ ngày con vâng lệnh ra đi
Lòng lã chã lụy rơi luồng lụy
Ngỡ tới đây hành công biện sự
Một hai tháng về viếng từ thân
Ai ngờ rầy sớm tách lìa phân
Trời cùng nước không hề vầy hiệp

Hễ đạo làm tôi đua giữ lời răn dậy
Cho nên con vâng lệnh chỉ sai
Đàng xa xôi cách trở lại chi nài
Miễn đặng tiếng vâng lời chịu lụy
Khi con tới An Giang tạm nghỉ
Gặp chân trời mở hội khoa thi
Nên con phải liều công ứng cử
Ấy là Thiên Chúa nhi sổ nhiên
Nhơn tất tùng chi, nhi dĩ hỉ
Dầu trăng trói, gông cùm tù rạc
Chén ngục hình xiềng tỏa chi nề
Miễn vui lòng cam chịu một bề
Cho trọn đạo trung thần hiếu tử
Chí con dốc đền công ơn Chúa
Dạ con làm báo nghĩa mẹ cha

Xin mẫu tử chớ chút phiền hà
Một cam chịu cho danh Cha cả sáng.

. . .
Nay thơ,
Thần tử Bá Đa Lộc Đoàn Công Quý,
Linh mục bổn quốc.”

- **Sau ba tiếng chuông ngân.**

Ước vọng hiến dâng trọn ven cuộc đời cho Thiên Chúa của cha Phêrô Đoàn Công Quý đã được chấp nhận. Ngày 30.07.1859, bản án trảm quyết cha đực gửi từ kinh đô về đến Châu Đốc cùng với bản án ông Emmanuel Lê văn Phụng. Sáng hôn sau (31.07), cha Quý và ông Phụng hớn hở đi ra pháp trường ở xóm Chà Và cùng với quan quân và giáo hữu. Người lính đi trước tay cầm tấm thẻ của cha Quý và thỉnh thoảng đọc to:

“*Tự Đức thập tam, An Giang tỉnh, kỷ vị niên, thất nguyệt, sơ nhị nhật.*
***Thẻ: Đạo trưởng Đoàn Công Quý, tùng gia đạo, tụ tập đạo đồ, đạo chủng, đạo thư: Bất kháng quá khóa, vi phạm quốc pháp, luật hình trảm quyết.*”** [1]

---

(1)Niên hiệu Tự Đức thứ 13, tỉnh An Giang, năm Kỷ vị, tháng 7 ngày 2. . .
Thẻ: Linh mục Đoàn Công Quý theo đạo rối, tụ họp giáo hữu, chủng sinh, sách đạo, không chịu bước qua ảnh tượng, phạt. . . luật nước, luật hình phải chém.

Đến nơi xử án, hai vị chứng nhân Chúa Kitô: cha Quý và ông Phụng, cùng quỳ xuống cầu nguyện. Sau đó, cha Quý giải tội cho ông Phụng. . . Giờ hành xử đã đến, ba tiếng chuông vang lên giữa pháp trường, lý hình chém cha Quý ba nhát gươm, đầu cha lìa khỏi thân mình và rơi xuống đất. Vị tử đạo từ giã cõi đời trở về quê hương vĩnh cửu với tuổi đời 33, sau một năm thi hành chức vụ linh mục. Thi hài vị tử đạo được an táng tại nhà thờ Năng Gù, sau được cải táng về chủng viện Cù Lao Giêng năm 1959, nhân dịp bách chu niên cuộc tử đạo.

Đức Thánh Cha Piô X suy tôn Chân Phước cho cha Phêrô Đoàn Công Quý ngày 02.05.1909.

Ngày 31 tháng 07

Thánh Emmanuel LÊ VĂN PHỤNG

Trùm họ
(1796 – 1859)

• Vì chính tôi đã tha thứ.

Con ơi, hãy tha thứ. Đừng tìm báo thù kẻ tố giác cha nhé." **Đó là lời trăn trối cuối cùng của thánh Emmanuel Lê Văn Phụng cho con trai trước khi bị xử chém. Noi gương Đức Kitô trên Thập Giá xin Chúa Cha tha cho những kẻ hành hạ mình, thánh nhân nài nỉ các bạn hữu sống trọn vẹn giới luật bác ái Kitô Giáo: "*Hãy tha thứ cho kẻ thù. Đừng báo oán những kẻ tố giác hay kết án tôi, hãy tha thứ, hãy tha thứ vì chính tôi đã tha thứ. . .*"**

Cho đến muôn đời, mẫu gương và lời nói đó sẽ mãi mãi vang vọng trong lòng người tín hữu Việt Nam.

• Xanh vỏ đỏ lòng.

Emmanuel Lê Văn Phụng sinh năm 1796 tại họ Đầu Nước ở Cù Lao Giêng, tỉnh An Giang, thuộc trấn Châu Đốc, Nam Hà. Nhìn bề ngoài, ông Phụng không mấy hấp dẫn, vì vóc dáng có vẻ dữ dằn, lại hay lớn tiếng với mọi người. Nhưng trái lại, nhờ tính cương trực, sự dứt khoát cũng như lòng nhiệt thành với việc chung, ông được bà con tín nhiệm và đề bạt làm "*câu*" họ Đầu Nước. Đáp ứng lại sự tín nhiệm đó, ông Câu

Phụng đã góp sức tổ chức giáo họ thêm lớn mạnh ngay trong thời bách hại đạo dưới thời vua Tự Đức.

Nhờ tài đức của ông, họ đạo đã tái thiết được ngôi thánh đường khang trang, cất nhà cho các nữ tu và trở thành khu trú ngụ khá an toàn cho các giáo sĩ. Viên quan huyện địa phương một phần vẫn nhận tài trợ của ông, một phần đã thấy rõ sinh hoạt tôn giáo không có gì nguy hiểm, nên cho người báo tin trước khi phải kiểm tra theo lệnh trên, đủ thời giờ để các tín hữu cất giấu ảnh tượng và các vật dụng tôn giáo.

- **Tai họa bất ngờ.**

Thế nhưng có điều ông Câu Phụng không ngờ tới là món tiền thưởng của nhà vua vốn có hấp lực với một vài lương dân trong vùng. Những người này chia nhau theo dõi nhà ông, mỗi đêm họ cử người leo lên cây xoài gần đó để quan sát, và họ đã toại nguyện. Cuối năm 1858, họ đã phát hiện một vị thừa sai ngoại quốc Pernot Định đang tạm trú tại nhà ông Câu.

Đêm hôm đó, khi mọi người đã an giấc, cha Pernot ra sân đi dạo để hít thở không khí trong lành và cầu nguyện giữa khí mát trăng sao. Đêm thanh như có phép mầu làm tiêu tan đi những mệt nhọc ban ngày và giúp cha hướng về Đấng Tạo Hóa cao thẳm, thầm ước mong các tín hữu Việt Nam sẽ đông đúc như sao ở trên trời. Trước khi khép cửa để trở vào nhà ẩn nấp, cha còn nói với lại: "*Chào các bạn tinh tứ nhé. Thực là tồi tệ cho những ai bắt tôi phải sống thế này*." Thế là hai người rình rập hôm đó mừng rỡ, họ vội vã kéo nhau đi báo cho quan trấn thủ Châu Đốc. Họ tố ông Câu Phụng chưa chấp Tây dương đạo

trưởng. Họ cũng không quên xin phái quan lãnh binh đi bắt, chứ đừng báo cho quan huyện, vì quan này thông đồng với người Công Giáo.

Sáng ngày 07.01.1859, ông Câu Phụng vẫn chưa hay biết gì cả. Ngoài thừa sai Pernot, còn có cha Phêrô Quý (cha sở mới của họ Đầu Nước) đang trọ tại nhà ông. Hai linh mục vẫn dâng lễ như thường. Sau đó, mới có người chạy về báo tin là quan quân Châu Đốc đi thuyền và đi bộ đang tiến đến nhà ông. Ông Phụng liền cử người đưa hai cha đi trước, nhưng cha Quý nhất định ở lại, vì nghĩ rằng mình có thể trà trộn vào dân được, và tìm chỗ ẩn nấp ngay trong nhà.

Đến khi quan quân ập vào hạch hỏi và dọa đánh chủ nhà, cha sở Quý tự ý ra trình diện. Thế là quân lính liền bắt trói ông Câu Phụng, cha Quý và 32 giáo hữu khác áp giải về Châu Đốc. Trước mặt quan, vì có người tố cáo, ông Câu (Trùm) khẳng khái xác nhận mình đã từng tiếp đón và cho thừa sai nước ngoài trọ tại nhà. Nhưng sau đó, dù tra tấn hay dụ dỗ nhiều lần, ông nhất định không khai thêm chi tiết nào khác về các thừa sai va cương quyết không bỏ đạo.

• Kỷ vật cuối cùng.

Sau sáu tháng giam giữ, không hy vọng gì các tù nhân đổi ý, các quan trấn Châu Đốc làm án gửi về kinh đô xin xử giảo và vua Tự Đức châu phê liền. Ngày 31.07, linh mục Phêrô Đaòn Công Quý và ông Câu Lê Văn Phụng được đưa ra pháp trường Cha Và. Cả hai vị bình tĩnh, cha Quý vừa đi vừa đọc

kinh Mân Côi, còn ông Câu thì dặn dò bạn hữu tha thứ cho những kẻ hại mình.

Tại pháp trường, ông Câu gặp các con mình. Ông đeo vào cổ con gái - cô Anna Nhiên - ảnh Thánh Giá và nói:

"*Con ơi, hãy nhận lấy kỷ vật của ba. Đây là ảnh Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Ảnh này quý hơn vàng bạc bội phần. Con hãy luôn mang nơi cổ và trung thành cầu nguyện sớm chiều con nhé.*"

Ông cũng dặn con trai, đừng chôn cất rầm rộ, và nhớ chôn ông bên cạnh cha sở của mình. Tiếp theo, hai chứng nhân của Chúa quỳ xuống cầu nguyện. Cha Quý giải tội cho ông Câu. Sau ba tiếng chiêng vang, vị linh mục bị chém đầu, còn ông Câu Emmanuel bị xiết cổ bằng dây thừng do hai người kéo.

Đức Thánh Cha Piô X đã suy tôn hai vị tử đạo lên bậc Chân Phước ngày 02.05.1909.

Nghĩa cử quảng đại tha thứ của ông Câu Emmanuel Lê Văn Phụng trước giờ tử đạo đã là bài giảng hùng hồn nhất về sự bao dung của đức bác ái Kitô Giáo.

Ngày 01 tháng 08

Thánh Bernadô VŨ VĂN DUỆ

Linh mục
(1755 – 1838)

• Người tù già hy sinh tự nguyện.

Mùa Thu năm 1838, tại nhà giam Nam Định, một tù nhân đã 83 tuổi hình như vẫn coi sự khắc nghiệt của trại giam là nhẹ. Những đêm mưa to gió lạnh, chỗ của cụ nằm bị nước mưa giột, nhưng cụ vẫn không chịu dời chỗ khác theo lệnh của lính canh. Từ ngày vào tù, cụ trải chiếu dưới đất, không chịu tiếp tế chăn mềm, rôi khoảng một tuần sau, cụ bỏ luôn chiếu để nằm trên đất.

Cụ già đó là linh mục Bernadô Vũ Văn Duệ. Đối với ngài, phải có những hy sinh tự nguyện để bổ túc cho những hy sinh bất đắc dĩ. Những hy sinh đó là những phương pháp luyện ý chí để đủ sức đối đầu với những thử thách cuối cùng ngoài pháp trường. Đối với ngài, suy niệm cuộc thương khó của Chúa Giêsu phải đưa đến việc tham dự, chia sẻ những nỗi cơ cực của Chúa trong thực hành. Cha nói: "*Nơi tôi nằm bây giờ còn êm ai hơn Thánh Giá Chúa Giêsu xưa kia nhiều*."

• Vị linh mục khắc khổ.

Bernadô Vũ Văn Duệ sinh năm 1755 tại làng Quần Anh Hạ (Quần Phước), tỉnh Nam Định, trong một gia đình Công Giáo. Ngay từ nhỏ, cậu đã dâng mình cho Chúa, và chuẩn bị học hành hướng tới chức linh mục. Nhưng việc học của cậu bị gián đọan nhiều lần vì tình hình bách hại của Chúa Trịnh và thời vua Cảnh Thịnh. Mãi đến năm 1795, thầy Duệ mới được toại nguyện, thụ phong linh mục đã 40 tuổi. Cha Duệ phục vụ Giáo Hội và các linh hồn trong nhiệm vụ mục tử suốt 37 năm. Đến 1832, năm ngài 77 tuổi, Đức cha xét thấy tình trạng bệnh tật, đã cho cha về hưu tại xứ Trung Lễ.

Không thể phục vụ Giáo Hội trực tiếp, cha Duệ đã dâng những ngày tháng bệnh tật để cầu nguyện cho Giáo Hội. Tuy đã già, mỗi ngày cha vẫn tiếp tục đọc, suy niệm, chia sẻ Tin Mừng và hướng dẫn cho các tín hữu trong vùng tìm đến bàn hỏi. Cha gia tăng những việc khổ chế hãm mình: bỏ nằm giường để ngủ trên đất, không nằm mùng để muỗi tự do cắn đốt.. . .Nhiều người cản trở vì lo cho tuổi già của cha, cha trả lời: "*Bấy nhiêu hãm mình đã là gì? Tôi không có cơ hội làm việc lớn thì tôi chọn lựa một chút khó khăn vậy thôi*."

• Giá trị một lời hứa.

Từ ngày vua Minh Mạng lệnh cho quan Trịnh Quang Khanh gắt gao truy lùng các giáo sĩ, Đức cha Delgado Y, Giám mục địa phận Đông phải bỏ trụ sở Bùi Chu đi trốn. Một hôm trên đường xuống Liên Lao, Đức cha ghé vào Trung Lễ gặp cha Duệ. Đức cha nói nửa đùa nửa thật: "*Cụ còn sức theo tôi đến*

***thủ phủ Nam Định chăng?*" Cha Duệ hiểu ý người cha chung địa phận muốn nói về việc tử đạo, nên trả lời: "*Thưa Đức cha, khi nào Đức cha bị bắt, xin cho phép con theo cùng*."**

Có lẽ vị Giám mục nói đùa rồi quên đi, nhưng cha Duệ không bao giờ quên điều mình đã nói. Từ ngày 28.05.1838, khi nghe tin Đức cha bị bắt ở Kiên Lao, cha Duệ đã khóc lóc và muốn ra trình diện với quan quân để được tử đạo với Giám mục của mình. Lúc đó, cha đã 83 tuổi, mắt thì lòa nên đi đâu phải có người dẫn, thế nhưng không ai chịu đưa cha đến nộp cho các quan cả.

Cũng từ đó, nằm trong nhà, hễ nghe có tiếng chân người bên ngoài, cha lại hô lên: "*Hãy báo tin cho các quan biết tôi ở đây. Tôi là linh mục, hãy đến mà bắt tôi.*" Các giáo hữu xin cha thinh lặng kẻo liên lụy đến dân làng. Cha đáp: "*Tôi không thể im được vì tôi đã hứa với Đức cha.*" Một hôm lính đi qua, nghe tiếng cha gọi thì bước vào. Cha nói: "Bây giờ các ông đã có linh mục, hãy bắt mà nộp cho quan đi." Một thầy giảng đứng đó liền nói: "*Ông nội tôi đó, các ông đừng để ý làm gì, ông ấy già nua nên lú lẫn, tự cho mình là linh mục đấy thôi.* " Cha Duệ thanh minh rất tỉnh táo chớ chưa lẩm cẩm. Nhưng lính thấy cụ già đã ngoài 80, nằm liệt trên giường như thế thì xin theo lời thầy giảng rồi bỏ đi. Quân lính đã xa rồi mà cha già Bernadô cứ lẩm bẩm phàn nàn vì người ta đã làm cha mất cơ hội bị bắt.

Những ngày sau đó, cha Duệ vẫn tiếp tục la lên yêu cầu mọi người hãy đi báo cho quan đến bắt mình. Các tín hữu thấy không cản ngài được nữa thì bàn tính với nhau, họ đưa cha đến

một túp lều của một người cùi ở ngoài đồng, nhờ một bà đạo đức chăm sóc cơm nước. Họ nghĩ rằng chẳng bao giờ quân lính đến khu vực đó. Không ngờ ngày 04.07.1838, một toán lính vô tình đi ngang qua nghe tiếng cha đã ghé vào. Cha nói: *"Các chú tìm đạo trưởng hả? Tôi là đạo trưởng đây.*" Không có ai ở đó để cải chính như hôm trước, nên cha bị bắt đem về nộp cho Tổng đốc Trịnh Quang Khanh.

• Vững như bàn thạch.

Tổng đốc thấy lính dẫn đến một người già nua tuổi tác thì cười, rồi cho đặt tấm ảnh Chúa trên đất và nói: "*Ông lão bước qua tấm ảnh đi, ta sẽ tha cho về.*" Cha Duệ đáp: "*Xin quan lớn đừng bảo tôi làm thế, dù thế nào tôi chẳng thể vâng lời quan.*" Bấy giờ trời đã gần tối, quan cho giam cha trong một ngôi chùa gần đó và bỏ đói suốt đêm. Sáng hôm sau lính giải cha về Nam Định. Viên quan ở đây cũng để một Thánh Giá yêu cầu cha bước qua. Cha trả lời như đã nói với quan Tổng đốc. Viên quan tội nghiệp tuổi già nên không đánh đập gì, nhưng bắt cha phải mang gông và cho cha vào trại giam.

Gần hai tháng trong tù, nhiều lần quan cho người vào dụ dỗ cha bỏ đạo, nhưng cha cương quyết từ chối. Những ngày đầu trong trại giam chật hẹp, hôi hám, cha Duệ phải trải chiếu dưới đất ngủ, có người thương đem đến biếu cha một chiếc chăn để quấn cho ấm, cha từ chối và nói: "*Nơi tôi nằm bây giờ còn êm ái hơn Thánh Giá của Chúa Giêsu xưa nhiều*". Có một hôm, mưa giột ướt hết nơi cha nằm, lính đến bảo cha dời chỗ, cha không chịu: "*Cứ để tôi ở chỗ ướt này cũng được, không can*

chi. Tôi chỉ lo những sự đời sau và ước ao đổ máu vì đạo Chúa Kitô thôi."

Ngày 12 tháng 07, Đức cha Y đã tạ thế, ly trần trong ngục nhưng vẫn bị đem ra pháp trường xử chém. Nghe tin đó, cha Duệ bỏ luôn chiếu, ngủ trên đất. Cha nói: "*Giám mục là cha đã phải xử, ta là con mà nằm chiếu sao phải lẽ.*" Cha Duệ đã chọn những hy sinh tự nguyện để dọn mình đón nhận cuộc tử đạo. Thời gian này cũng có cha Hạnh, linh mục dòng Đaminh bị giam chung. Cha Hạnh trẻ hơn, mới 66 tuổi, nên thường thay mặt cha già trả lời cho các quan. Sau khi thấy không làm hai vị đổi ý được nữa, các quan liền làm án gởi về kinh đô:

"*Chúng tôi đã tra khảo hai tên Vũ Văn Duệ và Nguyễn Văn Hạnh. Chúng đã bị bọn Tây lừa mà theo đạo Gia-Tô từ lâu. Chẳng những chúng tin mà còn giảng đạo ấy cho nhiều kẻ khác tin theo nữa. . .Xem ra đạo ấy đã thấu tận tâm can bọn chúng đến nỗi không thể bỏ được. Vậy chúng tôi luận cho chúng án trảm quyết, để ai nấy đều biết tội chúng nặng, đáng phải phạt thể ấy."*

• Chiến thắng vinh quang.

Theo luật thời đó, ở tuổi cha Duệ 83 lẽ ra không bị xử tử, nhưng vua Minh Mạng bất chấp cả luật lệ, ký bản án liền. Nghe tin ấy, cha Duệ tỏ ra vui mừng, gia tăng việc hãm mình chuẩn bị cho ngày hồng phúc cha vẫn mong đợi. Ngày 24.07, quan cho tách riêng cha Hạnh đi giam nơi khác. Nhưng ngày 01.08, hai vị cũng được ra tòa lần chót trước khi đưa đi xử. Cả hai vị đều khẳng khái tuyên xưng niềm tin vào Thiên Chúa. Cha Duệ vì

quá yếu sức, lính phải cáng ra pháp trường Bẩy Mẫu. Ra đến cửa thành, vì viên quan chủ tọa cuộc xừ án chưa đến, hai linh mục phải đứng ngoài nắng mấy giờ liền. Một người đưa cha Duệ một chiếc nhỏ để che nắng, cha cảm ơn từ chối. Suốt hành trình, cha làm dấu Thánh Giá nhiều lần và cầu nguyện cách sốt sắng.

Đến nơi hai vị cầu nguyện chung một lát. Sau đó, linh tháo gông xiềng xích và trói hai vị vào cọc. Theo lệnh quan, hai lý hình thi hành phận sự, chém và tung đầu lên cho mọi người trông thấy. Dân chúng ùa vào thấm máu hai vị tử đạo. Quân lính chôn cả đầu lẫn xác tại pháp trường, sau các tín hữu xin phép được đưa thi hài về an táng tại Lục Thủy.

Thế là cha Duệ đã thực hiện trọn vẹn lời hứa với vị Giám mục Y: Đi theo ngài đến cùng, để rồi chung hưởng hạnh phúc trường tồn trên Thiên Quốc.

Cùng với vị Giám mục của mình, Đức cha Y, linh mục Bernadô Vũ Văn Duệ được Đức Lêo XIII suy tôn lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

Ngày 01 tháng 08

Thánh Đaminh NGUYỄN VĂN HẠNH

Linh mục dòng Đaminh
(1772 - 1838)

- **Laurensô Viêt Nam.**

Chuyện tử đạo thánh Đaminh Hạnh làm chúng ta liên tưởng đến thánh Laurensô phó tế thuở xưa. Bản thân ngài trốn tránh khi xẩy ra cuộc bách hại, nhưng khi đã nắm án tử thì can trường trước mọi cực hình. Sau một trận đòn chí tử, vị chứng nhân quay lại hỏi viên quan: "*Các ông đảnh đủ chưa*?" Rồi chắp tay sau lưng nói tiếp: "*Làm đến ông lớn mà còn bất công, bắt một mông chịu cả, còn mông kia chẳng chịu gì hết.*" Câu hỏi đó làm chúng ta chợt nhớ đến thánh Laurensô khi bị nướng trên giường sắt, đã nói với lý hình: "*Bên này chín rồi, trở qua bên kia đi thôi.*" Câu nói đó có vẻ thách thức, diễu cợt nhưng nói lên lòng can đảm dám chấp nhận mọi thử thách của một con người đã sẵn sàng hiến dâng chính mạng sống cho Đấng mình yêu.

Đaminh Nguyễn Văn Hạnh sinh năm 1772 tại làng Năng A, tỉnh Nghệ An, thuộc địa phận Tây Đàng Ngoài. Ngay từ bé cậu đã có ước nguyện làm linh mục, được Đức cha Delgado Y nỗ trợ và gửi cậu đến học với cha Liêm. Sau khi thụ phong linh mục, cha Hạnh xin gia nhập dòng thánh Đaminh, và khấn ngày 22.08.1826 trong tay cha bề trên Amandi Chiêu khi đã 54 tuổi.

Từ ngày đó, cha tìch cực rao giảng danh Thánh Chúa và phục vụ các linh hồn. Lúc vua Minh Mạng bách hại những người Công Giáo, cha phải làm việc mục vụ cách lén lút, nhưng không bao giờ chịu bó tay.

Năm 1838, cha đến phục vụ tại Quần Anh Hạ. Tới khi tình hình ở đó căng thẳng, cha di chuyển qua làng Trung Thành. Hai người làng Quần Anh hứa đưa cha đến nơi trú ẩn cách an tòan, cha thật thà tin lời đi theo. Ngày 07.07, trên đường đi, chính hai người này bắt cha nộp cho quan. Cha bị giải về thị trấn Nam Định và tống giam chung với cha Bernadô Vũ Văn Duệ, một linh mục triều cùng địa phận đã bị bắt trước cha bốn ngày.

• Ai dại ai khôn.

Khi tới cửa thành, cha Hạnh thấy một cây Thập Giá đặt dưới đất ngay lối đi, cha liền dừng lại yêu cầu quan cho lính cất đi. Thấy thái độ dứt khoát của cha, quan cho cất Thánh Giá, bấy giờ người chiến sĩ đức tin mới chịu vào thành, bình tĩnh vui vẻ ra mắt quan tòa. Sau khi hỏi về tuổi, quê quán, quan hỏi: "*Vậy ông dậy dân chúng những gì?*" Cha đáp: "*Tôi chỉ người ta làm điều lành, tránh điều dữ thôi.*" Quan lại hỏi:

- ***Tại sao không bước qua Thập Tự?***

- ***Thưa quan, Thập Tự đối với chúng tôi là hình Thánh Giá, tượng trưng cho ơn cứu chuộc, nên không ai được chà đạp, vì đó là một trọng tội.***

- Xem kìa, đạo trưởng Duyệt đã chịu bỏ đạo rồi được tha về, ông cứ làm như thế ta sẽ tha cho.

Nhưng cha Đaminh Hạnh cương quyết không chịu đạp lên Thánh Giá. Cha bình tĩnh giải thích cho quan các lẽ đạo rồi kết luận: "*Kẻ trung thành với Chúa Giêsu, khi chết sẽ được lên Thiên Đàng.*" Quann hỏi: "*Thế những người không tôn thờ Chúa Giêsu, chết sẽ đi dâu*?" Cha đáp: "*Xuống hỏa ngục*". Câu trả lời đã làm cho quan giận quá, tiện tay cầm quạt đập ngay vào đầu cha một cái, chửi mắng cha thậm tệ và cho lính đánh cha 15 roi. Đánh xong, quan bắt cha mang gông xiềng và tống ngục.

Cha Hạnh còn phải ra tòa nhiều lần nữa. Một lần quan đưa ra mẫu ảnh Đức Bà, yêu cầu cha đạp lên thay cho Thánh Giá, nhưng cha kính cẩn cầm lấy mà hôn. Việc tôn kinh Đức Mẹ ấy được quan "*ban thưởng*"100 roi đòn, nhưng cha vui vẻ chấp nhận. Lần khác cha ra tòa với linh mục Duyệt, một người trước đây có nhiều tiếng xấu. Linh mục bị bắt và đã bỏ đạo. [(1)] Khi quan bảo bước qua Thập Giá, linh mục Duyệt vâng ngay, bước qua lại mấy lần. Cha Hạnh thấy thế nổi nóng chỉ thẳng mặt nói:

"*Bớ ông kia! Hãy xem đầu mình đã bạc, còn sống được bao năm nữa mà cả lòng bỏ Chúa mình vì năm ba ngày tháng*

---

(1) Thời vua Minh Mạng, hai linh mục Duyệt và Kiên bỏ đạo. Linh mục Duyệt chết không hóan cải. Còn linh mục Kiên, bị tra tấn đã 87 tuổi, nên liều bước qua Thánh Giá, về sau hoán cải và nhận kỷ luật của Giáo Hội (Louvet II, sách đã dẫn, tr. 110).

chóng qua ru? Ông làm ô danh đấng bậc mình để được lòng vua dữ? Ông thêm cực lòng cho Giáo Hội đã nuôi nấng dậy dỗ bấy lâu, đi làm bạn với ma quỷ, chực làm hại đời mình."

Nhưng kẻ phản bội quay qua cười chế nhạo và nói: "*Tôi làm khôn, chỉ có ông là dại dột.*" Quan và lính nghe nói vỗ tay reo hò cách đắc thắng. Người chiến sĩ quay ra cãi lý với các quan. Nói một hồi mất bình tĩnh, cha xưng hô "*mày tao*" nên bị phạt 30 roi đòn. Khi quan ra lệnh ngưng đánh, cha Hạnh ung dung nói: "*Các ông đánh đủ chưa*?" Rồi chắp tay sau lưng nói tiếp: "*Làm đến ông lớn mà còn bất công, bắt một mông chịu cả, còn mông kia chẳng chịu gì hết.*"

• Đạo thấm vào tâm can.

Sau khi thấy không thể làm cha Hạnh và cha Duyệt bỏ đạo được, quan liền làm án gửi vào kinh đô xin vua Minh Mạng châu phê. Ám ấy như sau:

"*Chúng tôi đã tra khảo hai tên Vũ Văn Duệ và Nguyễn Văn Hạnh. Chúng đã bị bọn Tây lừa, mà theo đạo Gia-Tô đã lâu. Chẳng những chúng tin mà lại giảng đạo ấy cho nhiều người khác tin theo nữa. . . Xem ra đạo ấy đã thấm vào tâm can bọn chúng đến nỗi không thể bỏ được. Vậy chúng tôi luận cho chúng án trảm quyết, để ai nấy đều biết tội chúng nặng, đáng phải phạt thế ây.*"

Nghe tin bản án đã được ký, cha Hạnh tỏ ra vui mừng và vững mạnh hơn trước: cha tranh thủ những giờ giấc có thể để ủy lạo các bạn tù và giải thích về đạo cho các lính gác. Ngày

24.07, cha Fernandez Hiền bị đem đi chém, cha Hạnh được đem đến dinh quan án thì mừng rỡ, tưởng sẽ được tử đạo như cha chính địa phận, nhưng quan chỉ muốn tách riêng cha qua nhà tù khác.

Tuần lễ cuối cùng ở trong nhà tù của cha Hạnh không còn ghi dấu bằng những trận đòn đánh nữa. Quan cho người này đến người khác vào thăm và xúi cha bỏ đạo. Một lần có người nói: "*Ông không thoát chết được đâu*." Cha đáp: "*Phải, sự chết thì đã hẳn rồi. Trước tôi cứ ngỡ là được chết với cha chính Hiền, mà tôi chẳng được sự ấy thì lấy làm buồn lắm*." Lần khác, người của quan nói rằng nếu cha bỏ đạo, quan hứa sẽ nuôi dưỡng và đề nghị cho cha làm quan. Cha đáp: "*Dù tôi được làm quan ngay hôm nay mặc lòng, tôi cũng không xuất giáo đâu. Tôi chỉ mong được làm con Đức Chúa Trời thôi*."

• Chúng tôi về Thiên Đàng đây.

Ngày 01.08.1838, hai cha Bernadô Duệ và Đaminh Hạnh được dẫn đi xử. Từ sáng sớm, khi biết tin đó, cha Hanh liền trỗi dậy đọc kinh, rồi chào giã biệt và cám ơn các bạn tù đã giúp mình cách này cách khác. Quan cho dẫn hai cha lên tòa lần chót, để hỏi xem có đổi ý không. Cha Hạnh trả lời: "*Được chết vì đạo là điều tôi mong đã lâu, rầy sự ấy đã gần thì tôi vui mừng lắm.*" Cha Duệ già 83 tuổi thì được lính võng đi trước. Cha Hạnh 66 tuổi mang gông xiềng nặng nề theo sau, tới khi kiệt sức mới được lính cho lên cáng. Thế nhưng cha vẫn vui vẻ nói với các tín hữu đi theo rằng: "*Anh chị em ở lại bình an, hai chúng tôi về Thiên Đàng hưởng phúc vô cùng*."

Đến pháp trường Bẩy Mẫu, cha Hạnh nói với cha già Duệ: "*Đến nơi rồi, chúng ta hãy cầu nguyện cho sốt sắng hơn*." Cả hai vị quỳ xuống cầm trí cầu nguyện một lát. Sau đó, linh tháo gông xiềng và trói hai vị vào cột. Theo lệnh quan, hai lý hình thi hành phận sự, họ chém và tung đầu lên cho mọi người thấy. Dân chúng ùa vào thấm máu hai vị tử đạo. Thi hài các ngài đươc chôn ngay tại pháp trường, sau các tín hữu xin phép được đưa về an táng tại nhà thờ Lục Thủy.

Hai linh mục đã cùng nhau uống cạn chén đắng khổ nạn, cũng đươc cùng nhau chung hưởng phúc vinh quang.

Đức Lêo XIII đã suy tôn cha Đaminh Nguyễn Văn Hạnh và Bernadô Vũ Văn Duệ lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

Ngày 12 tháng 08

Thánh Giacôbê ĐỖ MAI NĂM

Linh mục
(1781 – 1838)

• Như chuyện bình thường.

Nghe tin quan Tuần phủ đến làng, cha Đỗ Mai Năm thắt lưng, xắn quần định trà trộn vào đám đông dân chúng đi làm cơm cho quan ăn. Nhưng chưa kịp ra khỏi nhà thì quân lính đến. Khi thấy ông cụ trắng trẻo, râu dài, họ chặn lại hỏi: "*Ông là ai*?" Cha Năm vui vẻ trả lời: "*Tôi là người nhà này*." Ngay lúc ấy hai người tên Tý và Xuân được quan thuê đi dò thám nơi ở của các đạo trưởng, trước đã giả xin làm việc trong nhà ông Lý Mỹ, liền đến chỉ vào cha và kêu lên: "*Đúng đạo trưởng ở nhà này.*" Vẫn cũng giọng bình tĩnh như mọi khi, cha Năm khẳng khái trả lời: "*Phaỉ, chính tôi đây*."

Thế là cha bị bắt. Bị bắt một cách bình thản như cuộc đời cha vốn bình thản. Hay có thể nói, cha bị bắt một cách vui vẻ, tự nhiên như một công việc vẫn xẩy ra thường ngày trong đời sống của cha vậy.

• Bình dân và nhân ái.

Giacôbê Đỗ Mai Năm, tên trong sổ là Mai Ngũ, sinh năm 1781, tại làng Đông Biên, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Cậu Ngũ vào nhà Đức Chúa Trời từ nhỏ, sau đó học tiếng Latinh ở chủng viện Vĩnh Trị, khi thành thầy giảng thì ở lại giúp chủng viện luôn. Thầy Năm hiền hòa, vui vẻ nên trẻ em rất mến và thích thầy. Sau đó ít năm, thầy được đi học thêm thần học và thụ phong linh mục năm 32 tuổi. Cha Năm đi giúp các xứ đạo đây đó, sau lại về giúp nhà trường Vĩnh Trị khoảng năm 1830.

Từ khi vua Minh Mạng cấm đạo tòan quốc, chủng viện bị giải tán, cha Năm phỉa đi ẩn trốn ở nhà các tín hữu. Cha ở nhà ông Trùm Tôn ba năm, họ Kẻ Nguồi, lần khác tại nhà ông Trùm Đích làng Vĩnh Trị. Trong thời gian ẩn trú như thế, cha Năm đã sống rất hòa mình vui vẻ với mọi người. Cha hay kể chuyện cho trẻ em hoặc cùng với các chủng sinh giúp nhổ cỏ ruộng cho chủ nhà, cha làm các việc nhỏ mọn chẳng phiền hà bao giờ. Đặc biệt cha yêu thương săn sóc những người nghèo. Tất cả những gì nhận đươc, cha thường dành dụm cho họ.

Có người bảo cả làng Vĩnh Trị chứa chấp đạo trưởng. Quan cho lính đến vây làng, bắt được cha Năm cùng với ông Trùm Đích, và con rể của ông là Lý Mỹ. Cha bị tống giam vào ngục Nam Định.

• Gan vàng dạ sắt.

Trước mặt quan, khi được khuyên nhủ bỏ đạo, cha Năm khẳng khái thưa: "*Tôi là đạo trưởng làm sao dám bỏ đạo hay đạp ảnh tượng tôi tôn kính được. Tôi vốn khuyên dậy người ta phải giữ đạo vững vàng, thà chết không bỏ đạo thì tôi phải giữ*

lời tôi đã khuyên dậy người khác chứ. Nếu đạo trưởng mà không dám chịu chết vì đạo thì còn ai chịu chết vì đạo nữa."

Sau nhiều lần khuyên dụ, biết không làm cha đổi ý được, các quan không tra khảo gì thêm nữa, để cho cha được dễ dàng đi lại, gặp gỡ các bạn tù, nhờ đó cha an ủi, khuyến khích nhiều người trong tù, ban phát bí tích cho họ. Nhất là động viên ông Trùm Đích bị bắt cùng với cha, ông đã luống tuổi và rất sợ hãi khổ hình, cha nói: "*Nhờ ơn Chúa giúp sức thì các khổ hình đau đớn thế nào, chúng ta cũng chịu được*." Cha nhắc đến gương thánh Laurensô bị nung trên giường sắt, mà vẫn vững tin đến cùng.

Án xử đượ c châu phê. Ngày 12.08 cha Giacôbê Năm cùng với ông Trùm Antôn Đích, ông Micae Lý Mỹ được phúc tử đạo tại pháp trường Bẩy Mẫu, Nam Định. Cha Giacôbê Năm khi đó được 57 tuổi, thi hành tác vụ linh mục được 25 năm.

• Như ngọn đèn luôn tỏa sáng.

Suốt cuộc đời, cha Năm luôn sống hiền hòa, bình dị, thoải mái như cái tên Năm bình dị. Cuộc đời thầy giảng Năm đầy vui vẻ, và cuộc đời linh mục Năm hòan tòan giản đơn. Sự đơn giản thoải mái đó, không do hoàn cảnh may mắn dễ dàng, không do điều kiện bên ngoài, nhưng do chính tâm hồn tràn dầy tình yêu Thiên Chúa của cha. Cuộc đời xuề xòa vui vẻ của cha đã tỏa trên những người chung quanh cha thứ ánh sáng tuyệt với của Đức Kitô, Đấng cao cả như thế, mà khi đến trần gian đã luôn sống hiền hòa khiêm tốn, vui với trẻ thơ và sống với người cùng khổ.

Trong cái tình huống "*dầu sôi lửa bỏng*" lúc đó, chắc chắn lễ mừng ngân khánh linh mục của cha nếu có, cũng chỉ thật âm thầm lặng lẽ. Nhưng diễm phúc thay cho cha, vì Thiên Chúa đã đưa người tôi tờ trung tín về nước Trời. Và phải khỏi nói, không một ngân khánh của ai trên trần gian có thể huy hòang, long trọng để so sánh được với lễ ngân khánh của cha trên Thiên Quốc.

Thi hài ba vị tử đạo được đưa về an táng tại Vĩnh Trị, dân làng kéo chuông, đốt đuốc, đón rước cách long trọng. Sau được đưa về nhà chung ở Kẻ Sở.

Đức Thánh Cha Piô XIII suy tôn Chân Phước cho cha Giacôbê Đỗ Mai Năm ngày 27.05.1900.

Ngày 12 tháng 08

Thánh Antôn NGUYỄN ĐÍCH

Trùm họ
(1769 – 1838)

• Gia trưởng một gia đình tử đạo.

Thánh Antôn Nguyễn Đích, một mẫu gương sáng ngời cho những người gia trưởng, đặc biệt trong việc giáo dục hướng dẫn đức tin cho con cái. Không kể thánh Lý Mỹ, người con rể chí hiếu, đã cùng tử đạo một ngày, gia đình ông đã cống hiến hai vị tử đạo khác (hai vị này không có trong số 117): ông Lý Thi, bị xử giảo năm 1858 thời vua Tự Đức (con thứ hai ông Trùm Đích), và ông phó Nhâm, người con thứ tư, cương quyết không bước qua Thập Giá, bị đầy lên Cao Bằng và qua đời tại đó. Thánh nhân đã giáo dục con cái không chỉ bằng lời nói, mà bằng chính mẫu gương chứng tá đức tin sống động của mình.

• Lý lịch thân phụ tôi.

Muốn biết rõ lý lịch của thánh Antôn Nguyễn Đích, không gì bằng nghe chính lời con gái ngài là cô Maria Mến (Miều), góa phụ của thánh Micae Nguyễn Huy Mỹ cung khai trước tòa điều tra phong chân phước:

"Bố tôi tên là Nguyễn Đích, quê ở Chi Long, huyện Nam Sang, tỉnh Nam Định. Ông bà nội tôi, vốn có lòng đạo đức, thấy

xa nhà thờ có linh mục thì lấy làm tiếc, nên dọn đến làng Kẻ Vĩnh (Vĩnh Trị), rồi bố tôi lập gia đình ở đó.

"Hồi đó, bố tôi tên là Khiêm, khi sinh con đầu lòng đặt tên là Hiếu, người ta gọi bố tôi là Hiếu, đến khi sinh người con thứ hai đặt tên là Đích, bố tôi lại mang tên là Đích và giữ tên đó mãi.

"Gia đình chúng tôi làm nghề ruộng rất cần cù, nhưng không vì thế mà sao nhãng việc đạo đức, trái lại vẫn siêng năng xưng tội, rước lễ. Bố tôi luôn quan tâm đến đời sống đạo đức của mười người con và của những gia nhân giúp việc. Mỗi ngày, ông chỉ định một hay hai người coi nhà, còn những người khác đi lễ. Tôi thấy bố tôi làm tròn các nghĩa vụ trong đạo. Ngài rất chăm sóc việc giáo dục con cái, mời thầy đồ đến nhà dậy chữ Nho cho con trai, từ chối gả con gái cho những thanh niên gia đình giầu có mà không giữ đạo sốt sắng...."

Bốn vị tử đạo trong một gia đình, thật là kết quả hết sức lớn lao của nền giáo dục đạo đức đó.

• Một lòng vì Giáo Hội.

Đặc biệt quan tâm đến tương lai của Giáo Hội, ông Trùm Đích rất yêu quí các giáo sĩ và chủng sinh, quảng đại tiếp đón và giúp đỡ về vật chất. Thời gian chủng viện Kẻ Vĩnh bị nạn dịch tả, nhiều chủng sinh từ trần, các bề trên quyết định phân tán các chú. Ông Trùm Đích tình nguyện nhận một số, vừa nuôi dưỡng, vừa săn sóc chữa bệnh cho đến khi hòan toàn bình phục, không xá kể lao nhọc tốn phí.

Đức bác ái của ông còn tỏ ra qua lòng thương người nghèo, và việc thường xuyên thăm viếng an ủi những người mắc bệnh phong cùi. Chính thế giá và nhân đức của ông mà người ta gọi ông là "*Trùm*", mặc dù thực tế ông không giữ nhiệm vụ ấy.

Gặp thời cấm đạo ngặt nghèo, ông cho trú ẩn tại nhà và nuôi dưỡng trong hai năm một lớp của chủng viện. Đức cha Havard Du, Giám mục địa phận, cũng đã trú ẩn tại nhà ông trong thời kỳ cấm đạo triều vua Minh Mạng.

• Vị gia trưởng đáng kính.

Quan Tổng đốc Trịnh Quang Khanh dùng mọi phương thế, từ thuyết phục đến tra tấn, để bắt ông Trùm Đích bỏ đạo: "*Ông đã cao niên, các con đã trưởng thành, các cháu chắt đông đảo, có nhà cửa phong lưu, ông hãy quá khóa để vui hưởng tuổi già với đàn con cháu có hơn không?"* Ông Đích trả lời với giọng vững vàng: "*Thưa quan, con cháu chi cũng mặc, tôi đã lo liệu cho chúng. Tôi có bổn phận tôn thờ Thiên Chúa, quan tha hoặc kết tội thì tùy, chứ đừng ép tôi bỏ đạo*."

Quan truyền khiêng ông qua Thánh Giá nhưng ông co ch6n hai chân lên, tức giận quan truyền đánh đòn ông. Vì phải mang gông xiềng, bị tra tấn lại thấy mình già nua yếu đuối, có lúc ông tưởng không chịu nổi gian truân thử thách đến cùng, nhưng may mắn ông vẫn kiên trung tới ngày tử đạo, nhờ ơn Chúa giúp, nhờ sự khuyên nhủ của cha Năm, nhờ lời khích lệ của các bạn tù, nhất là nhờ tấm gương hy sinh cao cả của người

con rể chí hiếu, Micae Lý Mỹ. Ông Lý Mỹ sau khi lãnh phần mình xong, ba lần chịu đòn thay cho nhạc phụ, ông Trùm Đích chỉ phải chịu đòn một lần. Ngoài ra, ông Trùm Đích đượ mang gông nhẹ hơn.

Ít phải chịu cực hình thân thể, ông gia tăng công nghiệp bề trong bằng việc bác ái và đạo đức. Thực phẩm, tiền bạc do gia đình tiếp tế, ông chia sẻ cho các bạn tù ngoại giáo. Ông chuyên chú đọc kinh cầu nguyện, xưng tội rước lễ sốt sắng ngay trong nhà giam.

Thấy không thể khuyến dụ ông Trùm Đích bỏ đạo, quan làm sớ tâu về kinh. Đây là tờ sớ luận tội:

"*Tên Đích tin theo và thực hành tà đạo, dù đã bị cấm. Đã không nộp đạo trưởng Mai Năm cho quan, lại còn chứa chấp, không nghe lời khuyến cáo dậy bảo, nhất là không chịu quá khóa, thật là người cố chấp, bất tuân lụât nước. Chúng thần đã nhiều lần truyền buộc y quá khóa trước công đường, nhưng y trả lời: "Tôi giữ đạo từ nhỏ, tôi sẵn lòng thà chết chẳng thà bỏ đạo." Vậy xin luận xử trảm quyết làm gương cho kẻ khác."*

Bản án đượ vua Minh Mạng châu phê chấp thuận ngày 12.08.1838, ông Trùm Antôn Nguyễn Đích cùng với linh mục Giacôbê Mai Năm và người con rể Micae Nguyễn Huy Mỹ bị điệu ra pháp trường Bẩy Mẫu, Nam Định. Sau khi hành quyết linh mục Mai Năm, lý hình chém đầu ông Trùm Nguyễn Đích, rồi mới xử tử ông Lý Mỹ.

Thánh Antôn NGUYỄN ĐÍCH

Thi hài ông Antôn Nguyễn Đích, 69 tuổi thọ, được rước về làng Kẻ Vĩnh ngay trong đêm đó. Dân làng tổ chức lễ qui lăng rất trọng thể, rồi an táng trước nhà ông, nơi ông đã để lại bao gương sáng của một chức sắc và một gia trưởng đáng kính.

Cùng với linh mục Mai Năm và ông Lý Mỹ, ông Trùm Antôn Nguyễn Đích được Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

Ngày 12 tháng 08

Thánh Micae NGUYỄN HUY MỸ

Lý trưởng
(1804 – 1838)

- **Người con chí hiếu.**

Gông đóng xiềng mang, dạ nguyện kinh
Những say vì đạo hả vì tình
Vai mang bốn điệp [1]tai thêm ấm
Xổng xểnh ba vòng [2]cổ lại thanh
Phép nước đành lòng không óan thán
Nghĩa thầy để dạ vẫn đinh ninh
Khiến sao nên vậy nào lo nghĩ
Phó mặc Hoàng Thiên sự tử sinh.”

Qua những vần thơ của thánh Micae Mỹ trên đây: Gông, xiềng, đòn đánh là những hình phạt dành cho phạm nhân, làm thân thể con người phải đau đớn, suy giảm sức khỏe thể xác thì đối với ngài, người tín hữu trung kiên “*say về đạo*” Chúa Kitô, gông xiềng đã trở nên hành trang quí báu vô cùng. Chính bản thân đã tình nguyện lãnh đòn thay cho nhạc phụ tuổi già sức yếu (ông Trùm Antôn Nguyễn Đích) để rồi trở nên người đồng hành làm chứng cho Đức Kitô, cùng lãnh phần thưởng cành lá

---

(1) Điệp: thanh gỗ, gông.
(2) Võng: vòng xích sắt.

vạn tuế tử đạo, và cùng được tôn phong lên bậc hiển thánh. Ông Micae Lý Mỹ quả thực là người con chí hiếu, một môn đệ trung kiên, đã thực hiện trọn hảo lời Thấy Chí Thánh: "*Ai muốn theo Ta, hãy từ bỏ mình, vác Thập Giá mà theo*." (Mt 16,24)

• Tốt đời đẹp đạo.

Thân phụ nguyên quán ở Đại Đăng, tỉnh Ninh Bình, đến lập nghiệp và kết hôn tại làng Kẻ Vĩnh, Nam Định. Cậu Micae Nguyễn Huy Mỹ sinh năm 1804, mồ côi cha năm lên mười, rồi hai năm sau mồ côi mẹ. Được người tận tâm nuôi dưỡng giáo dục, cậu tỏ ra rất thông minh và đạo đức, thông thạo chữ Hán và nghề thuốc, siêng năng đọc kinh sáng tối, tham dự và lãnh nhận các bí tích, nhất là bí tích Thánh Thể. Cậu thường tìm nơi thanh vắng yên tĩnh trong vườn để đọc kinh Mân Côi và cầu nguyện.

Năm 20 tuổi, anh Mỹ kết duyên với cô Maria Miến (Miều), con gái ông Trùm Antôn Nguyễn Đích. Cuộc sống gia đình đầm ấm hạnh phúc với tám người con đạo hạnh, khiến hết thảy dân làng đều mến phục kính nể. Họ đồng thanh thỉnh ông làm chánh tổng, nhưng ông từ chối. Sau cùng vì vâng lời Đức cha Havard Du, để trợ giúp chủng viện và giúp đỡ gíao dân trong thời cấm đạo, ông nhận chức Lý trưởng.

Dù đời sống gia đình và xã hội nhiều phức tạp, ông luôn sống xứng đáng là một gia trưởng đạo đức gương mẫu. Bà Lý Mỹ kể rằng: "*Gia đình tôi sống trong hòa thuận yêu thương.*

***Ông Micae chuyên chăm đạo đức, dự lễ hằng ngày, nếu vợ con hay người giúp việc bận rộn không đi lễ được, ông bắt phải đọc kinh chung và nghe sách thiêng liêng để suy niệm. Ông xưng tội nhiều lần trong năm, mỗi lần ông kỹ lưỡng xét mình hai ngày trước. Mùa chay, ông giữ chay các ngày thứ tư và thứ sáu. Ông không uống rượu, không đánh bạc hay to tiếng với ai bao giờ.*"**

Làm lý trưởng, ông Mỹ tỏ ra là người liêm khiết, không nhận tiền hay quà hối lộ. Khi phân xử, ông rất công bằng chính trực, không thiên vị bên nào. Với những người vướng mắc tệ đoan xã hội, ông khuyên răn, sửa trị nghiêm minh. Lo cho gia đình thế nào, ông Lý cũng chăm sóc làng xã như vậy: mỗi tối, ông thường đọc kinh chung, với phu tuần trước khi thi hành công tác. Ông khuyên nhủ người khô đạo, giúp đỡ người nghèo khổ, tạo điều kiện cho họ năng nhận các bí tích, tu thân sửa lỗi, để họ trở thành người giáo hữu tốt lành và người công dân lương thiện. Hàng Tổng vẫn lấy làng Kẻ Vĩnh ra làm gương cho các làng khác.

• Phép nước đành lòng không oán than.

Như các làng khác ở miền Bắc trong những năm cấm đạo (1833), dưới triều vua Minh Mạng, vì quan quân không ráo riết chấp hành, nên Kẻ Vĩnh được tạm yên trong mấy năm.

Nhưng năm 1837, Tuần phủ Hưng Yên bị cách chức, quan Tổng đốc Nam Định Trịnh Quang Khanh bị triều về kinh quở trách nặng lời, nhà vua trao cho Tổng đốc 40 Thánh Giá, truyền phải triệt để áp dụng chiếu chỉ cấm đạo. Từ đó, quan

Tổng đốc trở thành con người tàn bạo, người ta gọi ông là "*hùm xám tỉnh Nam*". Hai địa phận Đàng Ngòai vào cuối triều Minh Mạng phải chịu những cơn bão táp dữ dội. Quan quân từng đội, từng đòan đi khắp nơi, bao vây từng làng, khám xét từng nhà, chủng viện Kẻ Vĩnh hai lần phải giải tán chủng sinh sang các miền xung quanh.

Một lần, quan quân bao vây làng Kẻ Vĩnh đúng lúc Đức Giám mục và một số linh mục đang trú ẩn tại đó. Ông Lý Mỹ can đảm và khôn khéo, đánh lạc hường, dẫn quan quân đi khám xét từng nhà, không bắt đươc vị nào. Ông thương nói với các giáo hữu: "*Việc nhà vua cấm đạo ví như thử thách Thiên Chúa gửi đến, ta phải kiên tâm trung thành giữ đạo*." Khi nghe tin Tổng đốc bắt các linh Công Giáo phải quá khóa, ông Lý vì ở xa, nên gửi thư khuyên bốn ngươi thuộc làng Kẻ Vĩnh: "*Xin anh em giữ vững đức tin, mấy ngày nữa tôi sẽ đến với các anh em.*"

Ngày 02.07.1838, quan Tổng đốc chỉ huy cuộc bao vây làng Kẻ Vĩnh, ông Lý Mỹ thưa với nhạc phụ: "*Cha con ta đồng sinh tử với nhau, việc Chúa quan phòng đã đến rồi, xin cha đừng sợ hãi chi.*" Nói xong, ông ra đón quan Tổng đốc tại đình làng, quan truyền cho các giáo hữu và linh mục phải ra trình diện, nếu không Lý trưởng phải làm tờ cam đoan. Ông viết: "*Lý trưởng Nguyễn Huy Mỹ làm tờ cam đoan: làng chúng tôi không có đạo trưởng, cùng các đồ quốc cấm, nếu khai gian tôi xin nộp mạng cả gia đình tôi.*"

Tờ cam đoan chưa ráo mực thì quân lính dẫn linh mục Giacôbê Mai Năm đến. Quan ngạc nhiên hỏi phải xử thế nào?

Ông thưa : "*Thưa quan lớn, quan thương thì chúng tôi xin tạ ơn, bằng không thì xin nộp đầu chịu tội.*" Bấy giờ quan truyền đanh ông Lý 40 roi, rồi đóng gông gửi ra tỉnh cùng với linh mục Mai Năm và ông Trùm Nguyễn Đích.

• Gông đóng, xiềng mang, dạ nguyện kinh.

Trên đường ra tỉnh Nam Định, một ký lục trong làng bàn luận với ông Lý xin nộp tiền chuộc để ông đực về. Ông Lý từ chối: "*Xin cám ơn lòng tốt của dân làng, nên để tiền đó giúp vợ con tôi và mở tiệc mừng khi đưa thi hài tôi về.*" Trong ba người bị bắt, vì biết không thể dùng áp lực lay chuyển đức tin của cha Mai Năm, nên quan không thúc ép nhiều. Với ông Trùm Đích đã 70 tuổi già sức yếu thì quan cũng nương tay. Riêng ông Lý Mỹ, đang tuổi cường tráng, lại nói năng lưu lóat, nên quan dùng đủ các phương thế khuyên dụ ông chối đạo:

"Anh còn trẻ trung, thông minh sắc sảo, dân chúng đều quí sao anh lại dại khờ không bước qua Thập Tự?

Ông Lý đáp:

-Trước khi tôi sinh ra, đã có dân chúng. Vậy khi đó, ai lãnh đạo? Nên tôi không vì thế mà làm theo lời quan đực.

-Anh không thương ngươi vợ hiền với đàn con sao?

-Thiên Chúa trao phó người vợ và con cái cho tôi khi tôi có thể, nay Ngài định cho tôi trong tay quan lớn, tôi xin vâng ý Ngài, vợ con tôi cũng vui lòng theo ý tôi hơn.

Ông Lý còn dùng nhiều lý luận sắc bén đối chất với quan:

-Thưa quan lớn, tôi đã suy xét và tin nhận đạo Thiên Chúa là đạo thật, nên tôi không thể chối bỏ. Giá như có ai nói quan lớn đạp đầu Đức Vua đã ban chức trọng cho quan, ắt hẳn quan chẳng dám làm, thì tôi lẽ nào cả gan đạp ảnh Chúa tôi thờ kính .

Quan Tổng đốc nổi giận truyền đánh đòn ông Lý nhiều lần, tính tổng cộng trong suốt thời gian bị giam giữ, ông Lý phải chịu đến 500 roi, kể cả ba lần chịu đòn thay cho nhạc phụ. Nhìn ông Trùm Đích tuổi già, sức yếu, ông Lý ngày đêm lo lắng, thiết tha cầu khẩn Thiên Chúa trợ giúp ban ơn cho nhạc phụ vững tin cho đến giờ phút cuối cùng. Ông Lý thường khuyến khích nhạc phụ: "*Cha đã tuổi cao sức yếu, chẳng sống được bao lâu nữa, nếu không chết vì đạo thì cũng chết vì bệnh, nhưng nếu tử đạo, sẽ làm vinh danh Thiên Chúa và được hạnh phúc Thiên Đàng. Cha đừng quyến luyến sống thêm ít ngày, con đây còn khỏe mạnh, đời còn dài, vợ trẻ với đàn con thơ dại thật đáng yêu đáng quí, nhưng con tin Thiên Chúa lo liệu thật tốt đẹp cho chúng. Hơn nữa, khi cha con ta đựơc lên Thiên Đàng, sẽ cầu bầu trứơc nhan Thiên Chúa thì có ích hơn cho cả gia đình dòng tộc. Cha đừng lo về những hình khổ phải chịu, con sẽ chịu đòn thay cho cha hết thảy. Cha hãy can đảm làm chứng và sẵn lòng chết vì yêu mến Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã chết vì chúng ta.. . "*

Quả thật, mỗi lần quan truyền đánh đòn ông Trùm Đích thì ông Lý Mỹ đứng lên thưa: "*Cha tôi đã già nua tuổi tác, xin quan lớn tha cho, tôi xin chịu đền thay*." Quan lớn thấy ông có lòng hiếu kính, nên chấp thuận đề nghị ấy. Ông Lý chịu đòn

gấp hai lần nên y phục rách nát, thân mình đầm đìa những máu, tứ chi bầm tím khắp nơi. Ông còn phải mang gông xiềng nặng hơn, khiến càng thêm đau đớn khủng khiếp, nhưng vị chứng nhân Đức Kitô luôn tỏ ra hân hoan vui mừng, không một lời oán than:

"*Vai mang bốn điệp, tai thêm ấm,*
***Xồng xểng ba vòng, cổ lại thanh*."**

• Cuộc giã từ rơi lệ.

Người con gái ông Lý, cô Mỹ tuy mới 12 tuổi, cũng lén mẹ ra tỉnh tìm cách qua ba lần cửa có linh gác, vào thưa với cha: "*Xin cha can đảm chịu chết vì Chúa.*" Cậu Tường mới chín tuổi, con trai ông Lý Mỹ, không đi xa được, cậu cũng cố gắng nài nỉ dân làng đi thăm chuyển lời đến ông: "*Cha đừng lo cho chúng con, cha hãy an tâm vững lòng xưng đạo và chịu chết vì đạo.*" Bà Lý bồng con mới sinh được mấy tháng ra thăm chồng, trao con cho chồng ẵm một lúc, bà thấy những cực hình chồng phải chịu, bà không cầm được nước mắt, bà nói trong nghẹn ngào:

"*Vợ con ai mà chẳng thượng chẳng tiếc, nhưng ông hãy hy sinh vác Thánh Giá rất nặng vì Chúa, hãy trung thành với Chúa cho đến cùng, đừng lo nghĩ về mẹ con tôi, Thiên Chúa sẽ quan phòng tất cả. Đến thăm ông lần này có lẽ là lần sau hết, cầu xin Chúa cho ông vâng theo Thánh Ý Chúa.*"

Ông Lý Mỹ lòng đau như cắt. Ông biết rằng sự ra đi của ông sẽ là nỗi thương đau vô cùng cho vợ con, nhưng vững tin

vào tình yêu và sự quan phòng của Thiên Chúa, ông bình tĩnh an ủi vợ:

"*Lời bà khuyên nhủ đốt thêm lửa kính mến Chúa trong lòng tôi, bà đem con về săn sóc chúng thay tôi, sớm tối cầu nguyện nhiều cho tôi vững lòng xưng đạo Chúa trước mặt thiên hạ, hẹn ngày sau gặp bà và các con chung hưởng hạnh phúc vĩnh cửu nơi quê thật là nước Thiên Đàng.*"

Nhờ lời khích lệ của vợ con, ông Lý như được tăng thêm sức mạnh, nên càng vững lòng tin hơn, sẵn sàng hy sinh tính mạng vì đạo Chúa. Có lần một vài phu tuần làng Kẻ Vĩnh vì mộ mến ông, khuyên ông quá khóa để trở về coi sóc dân làng như trước, ông liền mắng họ: "*Ai bảo các anh đến thăm tôi và nói những lời sai trái như vậy, bây giờ tôi về thì các anh sẽ khóc, nhưng khi đưa thi hài tôi về làng thì các anh sẽ ăn mừng.*"

• Say vì đạo, hả vì tình.

Suốt một tháng trời, quan vừa hành hạ vừa khuyên dụ ông Lý Mỹ bước qua Thánh Giá không thành công, dù phải những trận đòn tan xương nát thịt, dù gông cùm, xiềng xích nặng nề đau buốt thịt xương, vị chứng nhân Chúa Kitô vẫn một lòng kiên trung với đức tin. Quan làm án tâu về kinh:

"*Nguyễn Huy Mỹ, 34 tuổi, làm Lý trưởng làng Kẻ Vĩnh, can tội theo đạo Gia-Tô triều đình nghiêm cấm, cùng với Nguyễn Đích là nhạc phụ, chứa chấp đạo trưởng Mai Năm trong nhà. Đã khuyến dụ nhiều lần chối đạo nhưng chúng không chịu quá*

khóa, nên luận phải xử trảm ba người đó để làm gương cho dân chúng."

Ngày 12.08.1838, được tin vua Minh Mạng đã châu phê y như án nghị, cả ba tông đồ Chúa vui mừng hớn hở chuẩn bị tâm hồn lãnh nhận bí tích giải tội và rước Mình Thánh Chúa cách sốt sắng. Các ông hân hoan bước đến nơi xử, vừa đi vừa hát kinh tạ ơn Chúa. Dọc đường ông Cả Tú (là anh em thúc bá với ông Lý Mỹ) khích lệ: "*Anh Lý! Hãy vững tâm nhé*!" Ông Lý Mỹ đáp: "*Anh Cả yên chí, đừng lo, tôi không sợ đâu."*

Đến pháp trường Bẩy Mẫu, ba vị chứng nhân quỳ cầu nguyện một lúc. Ông Lý Mỹ xin xử cha Giacôbê Mai Năm và ông Antôn Nguyễn Đích trước, quan chấp thuận. Ông Lý Mỹ bị chém sau cùng.

Thi hài của ba vị tử đạo được rước về làng Kẻ Vĩnh ngay trong đêm đó. Dân chúng vui mừng đốt đèn đuốc đón rước cách trọng thể, đúng như lời tiên báo của ông Lý Mỹ.

Ông Micae Lý Mỹ lãnh phúc tử đạo, chiến thắng tất cả những thử thách cực hình nhờ tình yêu tuyệt đối vào Chúa Giêsu Kitô và với tinh thần đạo đức say mê giáo lý Tin Mừng của Ngài. Tình yêu và tinh thần vun trồng ngay từ thời niên thiếu phát triển theo thời gian đến tuổi trưởng thành, và cho đến giờ phút quyết liệt của cuộc đời, bằng một tình yêu tột đỉnh, ông Lý Mỹ xứng đáng lãnh nhận phần thưởng trọng hậu Thiên Chúa trao ban: Khải hoàn Thiên Quốc với cành lá tử đạo.

Ông Micae Lý Mỹ thực là con người chí hiếu của người cha dưới thế cũng như Cha trên trời.

Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

Ngày 21 tháng 08

Thánh Giuse ĐẶNG ĐÌNH VIÊN

Linh mục
(1785 – 1838)

• Noi gương Đấng chăn chiên lành.

Đang trốn trong vườn mía, linh mục Đặng Đình Viên bỗng bàng hoàng nghe tiếng kêu thảm thiết của đưa bé con người chủ nhà đã cho cha trú ẩn. Thì ra, quan quân đang tra hỏi đẩ cậu bé chỉ chỗ cha ẩn trốn.

"*Giêsu, Maria, cứu con với*!"

Quả là chua xót khi nghe tiếng kêu la đau đớn trong cung giọng ngây thơ đó! Cha Viên có thể chịu nổi những tiếng kêu xé lòng đứt ruột đó không? Cha có thể đang tâm trong hòan cảnh ẩn trốn như thế không? Làm chủ chiên phải sẵn sàng phục đàn chiên. Nếu vì sứ vụ cha phải trốn tránh quan quyền thì lúc này đây, cũng chính sứ vụ đó thúc đẩy cha phải ra mặt để cứu đứa trẻ. Cha bước ra khỏi vườn mía kín đáo và nói: "*Tôi là đạo trưởng Viên các anh đang tìm bắt đây. Xin đừng làm khổ đứa trẻ này nữa*."

• Tuổi xanh và lý tưởng.

Giuse Đặng Đình Viên còn có tên là Lương. Sinh năm 1785 tại làng Tiên Chu, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Khi còn nhỏ, cậu sống và học hành ở họ Vân, huyện Ân Thi là quê ngoại của cậu. Khi cha mẹ qua đời, cậu Viên theo giúp các linh mục thừa sai, nên đươc vào chủng viện.

Năm 1821, thầy Viên thụ phong linh mục và coi sóc giáo hữu làng Lục Thủy, tỉnh Nam Định. Hai năm sau, cha đươc cử đi giảng đạo ở xứ Bắc, giúp các họ Đông Bài, Thiết Nham, Như Thiết, An Mỹ. Suốt 17 năm thi hành sứ vụ linh mục, cha Viên nổi tiếng là linh mục đạo đức, siêng năng đối với mọi công việc, làm sáng danh Chúa, cha được mọi người nậhn biết và yêu mến.

Ngày 17.04.1838, thầy giảng Vũ Văn Lâm đươc cha cử đi lãnh dầu thứ Năm Tuần Thánh bị bắt cùng với sáu bức thư của cha gửi cho hai Đức cha và bốn linh mục khác. Các quan định giấu nhẹm sáu bức thư này đi, nhưng Tổng đốc Trịnh Quang Khanh lại đem về khoe với vua Minh Mạng. Vua liền thịnh nộ cho rằng quan phía Bắc bao che cho tà đạo và dọa truất chức quan Trịnh Quang Khanh nếu không bắt đươc người gửi thư và những người đươc thư gửi đến. Tuần phủ Hưng Yên là Hà Thúc Lương được lệnh bằng mọi giá phải bắt cha Viên, nếu không phải chịu tội thay.

Không ngờ chỉ một chút bấb cấn, những lá thư của cha Viên đã là nguyên nhân một chiến dịch bách hại đẫm máu tại

Nam Định và Hưng Yên. Hai Đức cha Delgado Y và Henares Minh, cha chính Hiền và bao vị tử đạo, chưa kể những tổn thất về cơ sở và việc xáo trộn mọi sinh hoạt tôn giáo ở tại các giáo xứ.

• Tất cả vì con chiên.

Tại Hưng Yên, quan quân lục soát khắp nơi mà vẫn không bắt được cha Viên. Các quan phải dùng mưu: họ giả mạo thư của gia đình cha và mua chuộc hai người bà con với cha cũng là người Công Giáo, cầm thư để để đi tìm người chỉ chỗ cha trốn.

Ngày 01.08.1838, sau khi biết chắc đượ cha đang trốn ở họ Cầu Chay, xã Như Thiết, quan cho lính đến vây bắt, nhưng cha kịp thời chạy vào khu vườn mía rậm rạp. Éo le thay, các quan quân tức giận vì bắt hụt cha, đã dùng mưu mô bắt ngay đứa con tri con chủ nhà mà cha đang ẩn trốn ra tra khảo. Chính sự đau đớn và tiếng kêu la thảm khốc của cậu bé đã làm cha xúc động và ra trình diện. Thế là cha đã cho em không phải một bát nước lã mà là chính bản thân của cha. Hành vi cao thượng đó chắc chắn đã do từ tấm gương tuyệt vời của Đấng chấp nậhn hy sinh chính mạng sống để cứu độ nhân loại.

• Phúc vinh tử đạo.

Tại tỉnh Hưng Yên, các quan bắt cha Viên dịch các bức thư của cha đã bị tịch thu trước đây ra tiếng Việt. Đến khi thấy các thư đó không có gì là bí mật hay âm mưu cả, họ liền khuyên

cha chối đạo để tha về, cha Viên cương quyết trả lời: "*Dù có chết tôi cũng không quá khóa. Tôi là đạo trưởng mà quá khóa thì ai theo đạo nữa?*" Ngày 03.08, các quan gửi án về kinh xin xử trảm. Ngày 21.03, án lệnh về đến tỉnh. Các quan cố thuyết phục cha lần cuối nhưng vô hiệu, nên tuyên đọc bản án và đem thi hành ngay hôm đó. Thẻ bài của cha ghi như sau:

"*Đạo trưởng Đặng Đình Viên, tùng gian tà đạo, liên lạc đạo trưởng Tây Nam, tụ tập đạo đồ, đạo chủng, đạo thư, bất kháng quá khóa, vi phạm quốc pháp, luật hình trảm quyết.*" [(1)]

Trên đường ra pháp trường Ba Tòa, cha Viên sung sướng cảm động tạ ơn Chúa. Khi đó hai người họ hàng đã tiết lộ chỗ cha ẩn đến xin cha tha thứ. Cha nhân từ nói: "*Cha tha cho các con. . .*" Cũng như Chúa Giêsu trước giây phút cúôi cùng trên Thập Giá đã sẵng sàng tha thứ cho kẻ làm hại và giết Ngài, giờ đây cha Viên vui mừng ban lời thứ tha cho hai ngươi nộp mình.

Sau khi ăn chút cơm, cha Viên quỳ trên chiếc chăn bông đươc trải sẵn, ngửa mặt lên trời cầu nguyện. Giờ hành xử đã đến, lý hình vung gươm, đưa vị chứng nhân Đức Kitô đầy lòng trắc ẩn lên đài vinh quang tử đạo. Các tín hữu ùa vào thấm máu vị tử đạo. Một người lính thấy vậy liền lấy áo ngài cắt ra bán cho họ nữa. Hôm đó là ngày 21 tháng 8 năm 1838. Thi hài

---

[(1)] Linh mục Đặng Đình Viên theo đạo gian tà, liên lạc với các linh mục Âu Việt, tụ tập giáo dân, chủng sinh, tích trữ sách đạo, không chịu bước qua Thánh Giá, vi phạm luật nước, luật xử phải chém.

cha đã đươc khoảng 300 tín hữu rước long trọng về an táng tại nhà thờ Tiên Chu.

Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn cha Giuse Đặng Đình Viên lên hàng Chân Phước ngày 27.05.1900.

Ngày 05 tháng 09

Thánh Phêrô NGUYỄN VĂN TỰ

Linh mục dòng Đaminh
(1796 – 1838)

• Cha dưới đất, Cha trên trời.

Thưa quan, tôi kính Thiên Chúa như Thượng Phụ, kính vua như Trung Phụ, và kinh song thân tôi như Hạ Phụ. Không thể nghe lời cha ruột để hại vua, tôi không vì vua mà phạm đến Thượng Phụ là Thiên Chúa đượ̣c."

Vị tử đạo đã có những lời phân tích mạch lạc quan niệm về trung, hiếu của các giáo hữu Việt Nam như trên là một linh mục dòng Thuyết giáo: cha Phêrô Nguyễn Văn Tự.

• Bị bắt vì sứ vụ.

Sinh quán tại Ninh Cường, huyện Nam Chân, phủ Thiên Trường, tỉnh Nam Định năm 1796. Cậu Phêrô Tự đã dâng mình cho Chúa từ niên thiếu. Năm 1826, thầy thụ phong linh mục, sau đó xin vào dóng Đaminh và được cha chính Amandi Chiêu nhận lời khấn ngày 04.01.1827. Suốt 12 năm đời linh mục, cha Phêrô là một tu sĩ gương mẫu và là cha truyền giáo nhiệt tình. Hồ sơ phong thánh ghi nhận cha luôn tận tụy với công việc, không quản ngại khó khăn, luôn đối xử hòa nhã và rất mực yêu thương mọi người.

Năm 1838, cha Tự được cử phụ trách xứ Đức Trai còn gọi là Kẻ Mốt, thuộc tỉnh Bắc Ninh. Lúc này cuộc bách hại của vua Minh Mạng khá gay cấn, nên cha phải thi hành tác vụ cuả mình lén lút. Một thân hào tên Quang đã cho cha đến trú ẩn tại vườn nhà ông. Mỗi sáng cha dâng lễ ngay trong vườn đó. Ngày 29.06, khi quân lính kéo đến bao vây làng Kẻ Mốt để bắt cha Tự, thì ngài được anh chị em tín hữu đưa lánh qua làng bên. Nhưng quân lính sau khi lục sóat, tìm thấy áo lễ và chén lễ của cha, đã tập trung dân chúng để đánh đập và tra khảo. Nhiều tín hữu đã chịu đựng, không để lộ tung tích của cha, đến lượt ông lang Ninh mới bị dọa đánh đã khai ra chỗ cha đang trú ẩn. Cùng bị bắt với cha Tự có thầy giảng Đaminh Úy, dòng ba Đaminh, 26 tuổi, một trợ tá đắc lực của ngài.

Khi bị giải về huyện Lương Tài, quan huyện ngỏ ý đòi vị linh mục nộp tiền chuộc, nhưng cha bình tĩnh trả lời: "*Đối với tôi, bị bắt vì đạo là một hồng ân Chúa ban, tiền bạc thì tôi không có, còn phiền giáo hữu thì tôi không muốn chút nào*." Đến này 03.07, sau khi bắt thêm được bốn ông Trùm ở bốn giáo xứ và một giáo hữu trong vùng, quan cho áp giải tất cả về Ninh Thái (thị xã Bắc Ninh ngày nay).

Sáng hôm sau, quan cho gọi cha Phêrô ra hỏi. Ông lịch sự cho mời cha vào nhà, cho ngồi chiếu tử tế, rồi với giọng ngọt ngào, quan yêu cầu cha khai tên các giáo sĩ địa phận. Cũng bằng giọng điệu lịch sự không kém, cha thong thả kể tên hai Đức cha và sáu linh mục, những người đã bị bắt rồi, thế cũng đủ làm viên quan gật gù ra vẻ đắc ý lắm. Một tuần sau, ông lại cho mời cha đến và yâu cầu cha cắt nghĩa về các đồ thờ, áo lễ,

chén lễ của cha mà họ tịch thu. Cha được dịp giảng đạo lý Công Giáo cho các quan nghe, bác bỏ những tin đồn bịa đặt về đạo, về các nghi lễ, cũng như về các giáo hữu.

• Phong thái vị thủ lãnh.

Trong thời gian bị giam tại huyện, bất ngờ cha Tự thấy trong sổ sách của mình bị tịch thu, có cúôn sổ ghi tên tất cả các giáo hữu ở Kẻ Mốt, ngài liền tìm cách để hủy nó đi, nhưng làm sao bây giờ? Vì quân lính canh gác kỹ quá. Cha liền bầy một kế xin họ một cái chiếu, lấy cớ đắp cho đỡ muỗi, rồi nằm trong chiếu, cha nhẩn nha nhai và nuốt cuốn sổ ấy. Dĩ nhiên , *"món ăn"* này không hợp khẩu vị chút nào, nên mới ăn được hai phần, cha đã thấy rát cả cổ, không thể nuốt nổi nữa, thế là cha đành nhai cho nát rồi ném dưới gầm phản.

Điều làm cha đau lòng nhất là thấy nhiều người bị bắt với cha đã đạp Thánh Giá để được về. Cha không ngừng nhắc lại lời Chúa xưa: "*Ai chối Thầy trước mặt người đời, Thầy sẽ chối kẻ ấy trước mặt cha Thầy, Đấng ngự trên trời.*" (Mt 10, 33) Cha nói tiếp: "*Trời đất qua đi, nhưng lời Chúa chẳng qua.*" (Mt 5, 18), "*Hãy tỉnh thức và cầu nguyện, kẻo sa ngã trước thử thách.*" (Mt 26, 41). . . Nhưng cha vẫn được an ủi vì sự kiên trung của hai thầy giảng Phanxicô Mậu, Đaminh Úy va bốn giáo dân Giuse Cảnh, Tôma Đệ, Augustin Mới và Stêphanô Vinh. Tất cả là hội viên dòng ba Đaminh, sau này được phúc tử đạo (19.12.1839)

Ngày 27.07.1838, Tổng đốc Bắc Ninh đệ án về triều đình xin xử giảo cha Phêrô và ông Trùm Cảnh, còn năm người kia, đanh mỗi người 100 roi, rồi phát lưu họ vào Bình Định. Nhưng vua phúc đáp yêu cầu cho tra hỏi lại, nếu bỏ đạo thì ân xá, nếu cố chấp thì xử chém hai vị trên và xử giảo năm vị còn lại.

Ngày 09.08, quan đòi bẩy vị ra tòa. Khi thì dọa dẫm , khi thì ngon ngọt, quan dụ dỗ các vị đạp lên Thánh Giá. Trước hết quan mời cha Tự làm gương. Ông nói mình thực tình múôn tha cho cha. Nhưng cũng bằng lới nói khiêm tốn, tinh tế, vị linh mục nói với ông về Thượng Phụ, Trung Phụ và Hạ Phụ, cũng như trật tự kính trọng đối với ba vị đó của mình. Cha tiếp: "*Người tương cầm quân đánh giặc, dù binh lính mình chạy hết, tướng cũng không đựơc phép hàng giặc. Tôi là linh mục, dù giáo dân bị tan tác, vẫn phải một niềm trung thành với Thiên Chúa.*" Sau lời khẳng khái của cha, quan biết có nói thêm cũng vô ích, nên ra lệnh giam cha vào ngục.

- **Áo trắng lòng son.**

Biết ngày xử án sắp tới, cha Tự nhờ một giáo hữu mời linh mục Phương xứ Kẻ Roi đến giải tội. Từ hôm đó, cha tỏ ra vui vẻ khác thường, mong chờ ngày hạnh phúc. Sáng ngày 05.09, bản án về tới Bắc Ninh, cha và ông Trùm Giuse Cảnh bị điệu ra xử. Hai vị cười cười nói nói, tạm biệt các đồng bạn. Cha lấy tu phục ra mặc, cụ Cảnh cũng khóac tấm áo dòng ba. Thấy cha rạng rỡ trong bộ áo trắng, quan thắc mắc về ý nghĩa bộ áo, cha giải thích:

"*Đây là áo dòng tu lớn trong Giáo Hội mà tôi được hân hạnh là phần tử. Mầu trắng tiêu biểu cho đức khiết tịnh mà tôi hết lòng gìn giữ. . .*"

Rồi cầm lấy Tượng Chịu Nạn, cha nói tiếp:

"*Đây là Chúa Cứu Thế, đã chịu đóng đinh vì tội thiên hạ. Xin quan cho phép tôi được mang áo dòng và cầm Thánh Giá này khi đi xử.*"

Quan không nói gì cả, hiểu ngầm là đồng ý. Bấy giò dân chúng hiếu kì chen lẫn nhau ùa đến xem, cha xin phép quan nói đôi lời. Thế là trong gần một giờ đồng hồ, cha giảng về Chúa Giêsu, về ơn cứu độ, về mọi người là anh em con cùng một cha trên Trời.

Trên đừơng ra pháp trừơng, lính xếp hành đi hai bên, cha Tự và cụ Cảnh đi ở giữa, vừa đi vừa sốt sắng đọc kinh Cầu Các Thánh. Pháp trừơng là một ngọn đồi nhỏ, ở ngoài thành Kinh Bắc. Đến nơi, hai vị quỳ xuống hai chiếu đã trải sẵn. Theo tiếng trống lệnh, lý hình thi hành phận sự, chém rồi tung đầu hai vị lên cho mọi người trông thấy. Tức thì nhiều người, trong đạo cũng như ngoại đạo, xô nhau chạy vào để thấm máu các ngài. Một người về sau chuộc đựơc ảnh Thánh Giá của cha, trao lại cho nhà dòng Đaminh. Trong hồ sơ phong thánh, người ta thuật lại nhiều ơn lạ Chúa đã thực hiện nhờ các di tích này.

Vị chứng nhân áo trắng đã về Trời với tấm lòng son ngày 05.09.1838. Thi hài cha đựơc lệnh chôn ngay gần đó, giáo hữu

đã phải bỏ tiền chuộc đưa về an táng tại họ Nghiã Vũ, huyện Yên Dũng, cũng thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Đức Giáo Hoàng Lêo XIII đã suy tôn cha Phêrô Nguyễn Văn Tự, linh mục dòng Thuyết giáo lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

Ngày 05 tháng 09

Thánh Giuse HÒANG LƯƠNG CẢNH

Trùm họ dòng Đaminh
(1763 – 1838)

• Lời kinh thắp sáng cuộc đời.

Đã là Kitô hữu thì ai ai cũng từng thuộc và đọc một số kinh để cầu nguyện. Thế nhưng số người sống theo lời kinh mình đọc không phải là nhiều. Đối với cụ lang Giuse Cảnh thì lời kinh chính là hơi thở của cuộc đời mình. Lời kinh là nến sáng soi dẫn hành trình dương gian tiến về nước Chúa. Đọc truyện tử đạo của cụ, ta thấy rất rõ điều đó.

Giuse Hoàng Lương Cảnh sinh ra dưới thời Chúa trịnh Doanh năm 1763 tại làng Vân (hoặc Ngàn Vân), tỉnh Bắc Giang. Sống ở làng Thổ Hạ, huyện Yên Việt, ông đươc mọi người quý mến, nổi tiếng hiền lành và bác ái. Là một lang y, ông tận tụy với các bệnh nhân, thường chữa trị miễn phí cho người nghèo. Tuy không đi tu, nhưng trọn ngày sống của ông đươc dệt bằng kinh nguyện và các việc tông đồ. Ông đã rửa tôi nhiều người trong giờ hấp hối, đặc biệt cho trẻ em. Giáo dân Thổ Hà tín nhiệm và bầu ông làm Trùm họ. Từ đó, ông càng hăng say hơn với việc truyền giáo phục vụ cộng đòan dân Chúa.

Đầu tháng 07.1838, đang khi quân lính vây bắt các giáo hữu làng Thổ Hà, có người mời ông đến chữa bệnh và rửa tội cho con họ. Dù biết nguy hiểm, ông Trùm vẫn tìm cách lén đi

giúp đỡ, nhưng khi đến bên đó, quân lính phát giác ra, bắt ông đeo gông và giải về Bắc Ninh với cha Tự, thầy Úy, ba ông Trùm xứ khác và một số giáo dân.

• Sức mạnh của lời kinh.

Ngày 12.07, quan đưa tất cả ra tòa và bắt họ bước qua Thánh Giá. Ba ông Trùm kia và một giáo dân nhát gan đã nghe lời để đượ̛c tha về. Chỉ còn bấy người tuyên xưng niềm tin là cha Tự, cụ lang Cảnh, hai thầy Úy và Mậu, cùng ba thanh niên Mới, Đệ, Vinh. Xét rằng cụ Giuse ở chức vị Trùm họ lai cao niên, nên có ảnh hưởng lớn đến giáo dân, quan kết án cụ như cha Tự, còn năm người kia chỉ bị án phát lưu.

Dù tuổi già sức yếu, cụ lang Cảnh vẫn giữ lòng trung kiên, vui lòng chấp nhận mọi hình khổ, không than van, không oán trách. Những lần quan bắt bước qua Thánh Giá cụ quỳ xuống hôn Tượng Chịu Nạn và thầm thì đọc kinh. Thấy thế, quan bảo cụ đọc to lên, cụ liền đọc lớn tiếng những lơi kinh nguyện cầu thay cho những lời giải thích lý luận. Khi thì cụ đọc kinh Chúa Thánh Thần: "*... Xin yên ủi chúng con, dậy dỗ chúng con làm những việc lành. . .*" khi thì đọc kinh Thánh Danh Giêsu: "*Chúa Giêsu là đượ̀ng nẻo thật, ai theo đượ̀ng này thì sẽ sống mãi vui vẻ chẳng cùng. . .*" Đặc biệt có lần cụ đọc một lời kinh làm cho các quan ngạc nhiên phá lên cười: "*Cầu Chúa Giêsu cho các vua trị nước cho yên, càng ngày càng thịnh*. " Họ hỏi tại sao cụ lại cầu cho kẻ hành hạ mình như thế. Cụ bình tĩnh trả lời cho các quan về giới luật yêu thương của đạo Chúa.

Một lần khác quan hỏi ý kiến về những kẻ bỏ đạo hoặc tố cáo các linh mục, cụ liền chậm rãi kể tích truyện Giuđa phản thầy vì 30 đồng bạc, rồi cụ thêm: "*Thực ra lính cũng chẳng bắt đựơc Chúa Giêsu, vì khi Chúa nói chính ta đây, tóan lính Do Thái bị té xúông hết, chính Chúa đưa tay cho họ trói để hòan tất việc chụôc tội thiên hạ, trong đó có cả các quan nữa đấy*".

• Vinh phúc ngàn thu.

Quan tỉnh Bắc Ninh tội nghiệp người già yếu, nên tìm hết cách khuyên dụ cụ bỏ đạo về với con cháu. Nhưng cụ trả lời: "*Xin quan cứ làm án cho tôi đựơc chết với cha Tự của tôi, thì tôi mừng rỡ bội phần.*" Ngày 05.09.1838, tỉnh Bắc Ninh nhận đựơc bản án từ kinh đô ra. Thay vì án xử giảo như các quan đề nghị, bản án quyết định:

"*Đạo trưởng Nguyễn Văn Tự và đạo mục Hoàng Lương Cảnh phải trảm quyết ngay tức khắc*."

Khi biết tin sắp bị xử tử, vị linh mục và cụ Trùm họ liền vui vẻ chào giã biệt các bạn tù. Viên cai ngục kêu riêng cụ Cảnh ra, có ý cho uống chén nước lã để lấy sức, cụ đáp: "*Xin cám ơn, tôi chẳng thiết ăn uống chi nữa, chỉ mong theo cha tôi ra pháp trừơng thôi.*" Thấy cha Tự mặc bộ tu phục tắng toát trên mình, cụ cũng khóac tấm áo dòng ba, như biểu hiệu nỗi lòng người con Cha Thánh Đaminh. Cụ nâng niu trên tay ảnh Chuộc Tội nhỏ mà trong hai tháng tù vừa qua mà cụ đã hôn kính cả ngàn lần, giờ đây là nguồn trợ lực quý giá của cụ trong cơn thử thách cuối cùng.

Đường ra pháp trường nô nức như ngày hội. Cha Tự vừa đi vừa thong thả xướng kinh Cầu Các Thánh, cụ lang Cảnh bước đi vất vả hơn vì yếu sức, nhưng vẫn đều đặn thưa đáp: "*Cầu cho chúng tôi.*" Hai vị như thấy lòng mình ấm lại vì như thấy toàn thể chư thánh đều hiện diện đâu đây như sẵn sàng đón mình về Trời cao. Đến nơi xử, vị chứng nhân đức tin và cha Tự quỳ xuống trên hai chiêc chiếu nhỏ. Lý hình theo lệnh trống thi hành phận sự, đưa cụ về hưởng Thánh Nhan Chúa muôn đời. Hôm đó là ngày 05.09.1838, cụ Trùm Cảnh đã quá thất tuần, 75 tuổi.

Thi hài cụ Giuse Cảnh được chôn táng dưới một ngọn đồi gần đấy. Sau giáo dân làng Thổ Hà rước về họ mình.

Ngày 27.05.1900, Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn cụ Trùm Giuse Hoàng Lương Cảnh lên bậc Chân Phước của Giáo Hội.

Thánh Emmanuel NGUYỄN VĂN TRIỆU

Ngày 17 tháng 09

Thánh Emmanuel NGUYỄN VĂN TRIỆU

Linh mục
(1756 – 1798)

• Cho trọn đạo hiếu. . .

Là một linh mục địa phận Đông Đàng Ngoài, với biết bao bận rộn vì công tác mục vụ, nhưng cha Emmanuel Nguyễn Văn Triệu vẫn không quên người mẹ già ở quê nhà. Năm 1798 giữa cơn bách hại gay gắt của vua Cảnh Thịnh, nhất là tại kinh đô, cha đã xin phép Bề trên về Phú Xuân thăm mẹ, và ở lại gần ba tháng để gầy dựng cho bà một mái nhà xinh. Chính vì múôn trọn đạo hiếu với mẫu thân mà vị linh mục đã bị bắt.

• Không phải Chúa Trịnh mà là Thiên Chúa.

Emmanuel Nguyễn Văn Triệu sinh năm 1756 tại làng Kim Long, Phú Xuân (nay là Huế). Thân phụ cậu là ông Cai Lương, Nguyễn văn Lương, một võ quan Công Giáo phò Chúa Nguyễn đã bị tử trận trong một cuộc chiến với Tây Sơn, Sớm mồ côi cha, cậu triệu sống với mẹ ở Thợ Đúc, gia nhập quân đội năm 1771 khi mới 15 tuổi. Năm 1774, anh cùng các bạn gia nhập quân đội của vua Lê Chúa Trịnh, chiếm đươc Phú Xuân. Đến khi Tây Sơn từ phía Nam đánh lên, trở thành chủ nhân ông mới của Phú Xuân, vệ binh Nguyễn Văn Triệu đành theo Trịnh Khải rút về Thăng Long (1786).

Tháng 6 năm đó, quân Tây Sơn thừa thắng xông lên, tiến ra Bắc lấy cớ phò Lê diệt Trịnh. Trịnh Khải phải mổ bụng tự tử. Rồi vua Lê Cảnh Hưng băng hà, Lê Chiêu Thống lên ngôi, miền Bắc lại xẩy ra nội chiến giữa hai phe Trịnh Lệ và Trịnh Bồng. Chính bối cảnh nhiễu nhương thay ngôi đổi chúa đó đã làm cho anh vệ binh Triệu phải suy nghĩ và đi đến quyết định dứt khoát cho cuộc đời mình.

Ba mươi tuổi đời, mười lăm năm binh nghiệp với biết bao thăng trầm, Emmanuel Triệu bước vào một khúc quanh mới, giã từ vũ khí để phụng sự Vua trên trời và qua đó phục vụ tha nhân cách đích thực hơn. Mới đầu anh được một linh mục dòng Tên ở Hà Nội hướng dẫn, nhưng sau anh được Đức cha Obelar Khâm địa phận Đông Đàng Ngoài nhận vào học tại trường thần học trung Linh. Và năm 1793, Đức cha Alonsô Phê truyền chức linh mục. Khi đó cha Triệu đã 37 tuổi.

Nhờ nền giáo dục chu đáo từ nhỏ, cùng với những kinh nghiệm lâu năm trong đời sống quân ngũ, và nhất là nhờ ơn Chúa giúp, cha Emmanuel Triệu trờ thành mục tử hăng say nhiệt tình và làm việc có phương pháp. Sáu năm phục vụ trong địa phận Đông, cha đã thu hoạch được nhiều kết quả và được các bề trên quí mến.

• Đường lao vào tù.

Dưới thời vua Cảnh Thịnh (1792-1802) tình hình trong nước ngày càng phức tạp. Nguyễn Ánh (vua Gia Long sau này) tổ chức quân đội ngày càng mạnh, hùng cứ ở Gia Định, hàng năm cứ đến mùa gió nồm lại đem quân ra đánh Huế. Hỗ trợ

cho cho Nguyễn Ánh có một số quân Pháp do Đức cha Bá Đa Lộc chiêu mộ. Do đó, vua Cảnh Thịnh sinh ra ác cảm với đạo, nhất là cúối năm 1797, khi bắt đựơc lá thư của Nguyễn Ánh gửi Đức cha Lambertette Bình (giám mục Đàng Trong) ở Phú Xuân, nhà vua càng nghi ngờ đạo Công Giáo tiếp tay cho giặc.

Một quan văn có đạo, quan Thượng Hồ Cung Điều nhiều lần thanh minh trứơc mặt nhà vua rằng: "*Đạo dậy trung quân vương, hiếu phụ mẫu, chớ có phải đạo dậy làm giặc đâu*." Vua nghe nói thì chần chừ. Nhưng viên quan nội hầu tên Lợi, cứ gièm pha mãi, nên cuối cùng, tháng 08.1798, một chiếu chỉ cấm đạo đựơc ban hành. Trước đó ba tháng, cha Emmanuel Triệu vì thương nhớ mẹ già, nên trở về khu Thợ Đúc, Phú Xuân (Huế). Thật bùi ngùi cảm động sau 12 năm xa cách, hai mẹ con lại gặp nhau. Giờ đây mái tóc của mẹ đã bạc phơ, còn con nay đã 42 tuổi và là linh mục của Chúa. Cha Triệu thấy xót xa trước cảnh mẫu thân mình phải ăn nhờ ở đậu nhà người khác. Cha quyết định ở lại, cùng với bà con lối xóm, dựng cho mẹ một mái nhà nhỏ để có nơi nương thân. Thời gian này, cha Triệu nhân thế cũng đi thăm viếng và dâng lễ tại các họ đạo gần đó. Cha đựơc các tín hữu ở đây thương mến nhiều.

Ngày 07.08.1798, theo chiếu chỉ nhà vua mới ban hành, bốn cơ binh (mỗi cơ 50 quân) bất thần bao vây bốn giáo xứ vùng kinh đô. Tại xứ Thợ Đúc, quan quân có ý tìm cha chính xứ, cha Nhơn, nhưng nhờ quan Thượng Điều đã báo tin, nên ngài đã trốn thoát kịp. Còn cha Triệu thì mới về, nên quan không biết, quan quân bắt một số giáo hữu trong đó có cha Triệu và tra hỏi về các linh mục. Cha Triệu tự nguyện cung

khai, nhận mình là người mà họ lùng bắt. Quân lính liền trói tay cha lại dẫn đi. Khi thấy mẹ già khóc lóc thảm thiết, cha Triệu dừng lại nói ít câu từ giã: "*Thiên Chúa đã cho con vinh dự làm chứng cho Ngài. Xin mẹ đừng khóc nữa. Mẹ hãy vui lòng vâng theo ý Chúa.*"

• Vượt qua gian khổ.

Tiếp theo đó là 40 ngày đêm thử thách trong cảnh ngục tù. Cổ mang gông, tay chân bị xiềng xích, cha còn bị đưa ra tòa nhiều lần, chịu ba trận đòn dữ dội. Khi các quan thẩm tra lý lịch, cha nói rõ mình sinh quán ở Phú Xuân, vì hoàn cảnh khó khăn mới phải ra Đàng Ngoài để làm ăn, rồi được học giáo lý trong đạo và làm linh mục. Quan hỏi: "*Thầy có vợ con ở đây hay ở Đàng Ngoài*?" Cha đáp: "*Tôi không lấy vợ, vì là linh mục nên tôi sống độc thân.*"

Ngày 17.08 các quan định kết án voi giầy nhưng một viên quan không đồng ý nên vụ án được trì hoãn.

Thời gian ở trong ngục, cha Triệu vẫn giữ được niềm vui vẻ và tin tưởng vào Chúa. Điều an ủi cha nhất, là được một linh mục caỉ trang vào thăm và giải tội. Thân mẫu cha nhiều lần cũng đến thăm. Cha an ủi bà và xin bà cầu nguyện cho mình được trung kiên. Ngoài ra, cha tranh thủ mọi giờ rảnh rỗi để chuẩn bị tâm hồn lãnh phúc tử đạo.

• Giờ phút vinh quang.

Ngày xử được ấn định là 17.09.1798. Sáng hôm đó, các quan hỏi cha lần cuối: "*Thầy có muốn bỏ nghề đạo trưởng về quê quán sinh sống không? Nếu thầy đồng ý, ta sẽ xin vua tha cho.*" Cha Triệu khẳng khái trả lời: "*Thưa không, tôi là đạo trưởng, tôi thà chết chớ không bỏ việc giảng đạo*." Thế là đến 10 giờ sáng cha Triệu bị điệu ra pháp trừơng cùng với sáu tên trộm cướp cũng bị tử hình hôm đó. Cha bước đi bình tĩnh, trang nghiêm như một chiến sĩ thận trọng trứơc giờ lâm chiến. Các tín hữu nghe tin lũ lượt đi phía sau. Đằng trứơc cha, một người lính cầm thẻ bài đọc ghi bản án:

"*Tên Triệu, con nhà Nguyễn văn Lương, chuyên giảng đạo Hoa Lang, quyến rũ dân chúng theo đạo đáng ghê tởm ấy. Vậy y phải trảm quyết.*"

Tai Bãi Dâu, nơi thi hành bản án, cha Triệu quỳ xúông cầu nguyện. Theo thói lệ, quan phát cho mỗi tử tội một quan tiền để ăn uống trứơc khi chết. Cha từ chối, quan liền nói: "*Của vua ban không đựơc coi thùơng.*" Cha trả lời: "*Vậy xin ai đó cầm tiền giúp tôi, gửi cho người nghèo*." Một người lính thấy thế liền tát vào mặt ngài một cái. Viên quan nổi giận và mắng anh ta: "*Chưa đến giờ xử mà mi dám ngạo ngược như thế sao*?" Rồi ông quay qua mời vị chứng nhân đức tin ngồi và nói: "*Khi nào đến giờ, tôi sẽ nói cho thầy.*" Cha Triệu liền ngồi và tiếp tục cầu nguyện.

Đúng giờ (12 giờ trưa), viên quan nói với vị linh mục: "*Giờ đã đến rồi*". Cha Triệu quỳ lên giơ cổ cho lý hình chém.

Thi hài vị tử đạo được các tín hữu an táng tại họ Dương Sơn, sau đực cải vào nhà thờ Dương Sơn.

Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn Chân Phước cho cha Emmanuel Nguyễn Văn Triệu ngày 27.05.1900.

Ngày 18 tháng 09

Thánh Đaminh TRẠCH

Linh mục dòng Đaminh
(1793 – 1840)

• Chứng nhân sự sống bất diệt.

Thưa quan, nếu quan múôn đựơc sự sống bất diệt, xin quan kính lạy Thánh Giá này."

Vị anh hùng Kitô giáo khi bị ép buộc bước qua Thập Giá, đã bình tĩnh hiên ngang giảng về Thập Giá cho chính viên quan đó là thánh Đaminh Trạch.

Chào đời năm 1793 tại họ Ngoại Vối, tỉnh Nam Định (xứ Ngoại Bồi), Đaminh Trạch vào ở với cha xứ từ bé. Trong thời gian vua Gia Long, cậu có hoàn cảnh đựơc học đầy đủ chương trình ở chủng viện và thụ phong linh mục năm 30 tuổi. Năm sau cha xin vào dòng Đaminh và tuyên khấn ngày 03.06.1825.

• Không sợ cũng chẳng hối tiếc.

Những người làm chứng trong hồ sơ phong thánh ca tụng cha Trạch sống nghiêm ngặt và hết lòng tuân giữ kỷ luật dòng. Tuy mang trong mình chứng bệnh lao phổi nan y, cha vẫn giữ đủ luật ăn choi hãm mình và chu toàn mọi công tác. Cha coi xứ Quần Cống, rồi về Lục Thủy để dưỡng bệnh và kiêm nhiệm việc linh hướng cho các chủng sinh. Năm 1839, cha

bi bắt ở Ngọc Cục, nhưng dân làng bỏ ra 200 quan để chuộc cha về. Từ đó, cha ở nhà ông lang Thiện và ông Trùm Bảo ở Trà Lũ.

Ngày 11.4.1840, khi lên thăm hai linh mục Vinh và Thản ở Ngưỡng Nhân, cha bị quân lính phát hiện. Do tình trạng bệnh hoạn, sức yếu chân chậm, cha không kịp chạy trốn trên đường về Tử Liêu, cha bị bắt và giải về phủ Xuân Trường. Sau một thời gian bị giam và bi tra hỏi ở đây, cha Trạch được chuyển qua ngục thất tỉnh Nam Định.

Sự hiện diện của cha trong ngục là niềm vui và khích lệ cho nhiều Kitô hữu, cả những phạm nhân khác đang bị giam ở đó. Mặc dù sức đã kiệt, cha Trạch vẫn cố gắng an ủi khuyên nhủ các giáo hữu và giải tội cho họ, đặc biệt cha đã giúp thầy Tôma Toán, sau khi đạp lên Thánh Giá lần thứ hai thống hối trở về với Chúa và can đảm chịu tử đạo. Cha kêu mời anh em cùng cầu nguyện, nhất là đọc kinh Mân Côi. Khuôn mặt cha lúc nào cũng vui vẻ, cha thường nói:

"*Tuy tôi thể lực yếu đuối, nhưng đã vì đạo mà bị bắt, tôi chẳng sợ gì, cũng chẳng hối tiếc chi*".

Ra tòa lần nào cha cũng bi vặn hỏi về linh mục Hermosilla Vọng dòng Đaminh, vị thừa sai Tây Ban Nha mà quan tưởng là người cuối cùng chưa bị bắt. Quan còn hứa trả tự do nếu cha bước qua Thập Giá và đe dọa: "*Hãy nhìn cây Thập Giá kia, một là bước qua, hai là chết*". Cha Đaminh Trạch không trả lời ngay, tự động quỳ xuống hôn kính Thánh Giá rồi quay về phía quan và nói: "*Thưa quan, Thánh Giá là giường*

Chúa Kitô nằm chết thay cho nhân loại, nếu quan muốn sự sống đời đời, xin quan kính lạy Thánh Giá này. Tôi thà bị chết chớ không bước quan Thánh Giá".

•Cứ để tôi đi trước.

Nghe vậy quan tổng đốc nổi giận tát vào nhà thuyết giáo, rồi đấm đá túi bụi. Quan bắt lính cầm hai đầu gông khiêng qua Thánh Giá, nhưng cha co chân lên mặc cho chúng đánh đập tàn nhẫn. Vừa mỏi mệt thất vọng, vừa phẫn nộ điên cuồng, các quan đồng thanh kết án xử cha. Ngày 18.9.1840, bản án được vua Minh Mạng châu phê ra tới Nam Định và được thi hành ngay tức khắc. Quan cho một cơ hội ân xá cuối cùng nếu bước qua Thánh Giá, nhưng cha từ chối.

Khi sắp rời ngục đi xử, cha tạm biệt các cha Ngân, Nghi, Thịnh, thuộc Địa Phận Tây Đàng Ngoài cùng bị giam tại đó. Như một người xác tín mình sắp được vào Thiên Quốc vỉnh cửu, cha nói: "*Các cha ở lại để tôi di trước".* Dân chúng hiếu kỳ theo ngài ra pháp trường đông như xem hội. Đến nơi xử, lính tháo gông cho cha. Sau đôi phút cầu nguyện, cha Trạch đưa đầu lãnh nhát gươm tử đạo tiến về Nước Hằng Sống. Thi thể ngài được an táng tại chỗ, năm sau các tín hữu cải về nhà chung ở Lục Thủy.

Ngày 27.5.1900, Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn linh mục dòng Thuyết giáo, cha Đaminh Trạch, lên bậc Chân Phước.

Ngày 20 tháng 09

Thánh Gioan Charles CORNAY TÂN

Linh mục Thừa Sai Paris
(1809 – 1837)

• Thanh gươm sẽ xức dầu cho con.

Lạy Chúa! Xin nhận lời con thống hối thay cho việc xưng tội, và máu con đổ ra thay cho bí tích xức dầu. Lương tâm con không vướng mắc trọng tội nào, nhưng không vì thế, con coi mình là công chính. Xin Đức Maria chứng giám cho việc thống hối, và thanh gươm sẽ xức dầu cho con."

Đó là lời cầu nguyện va lời chia sẻ chân thành của linh mục Gioan Tân trong ngày bị xử tử. Trước mặt cha giờ đây, một Thiên Chúa công bằng xét định tội phúc, cũng là một Thiên Chúa yêu thương khoan hồng tất cả, khi con người dám dâng trọn vẹn vì tình yêu Ngài.

• Xin chọn nơi này làm quê hương.

Gioan Cornay sinh ngày 28.02.1809 tại Loudun, nước Pháp, trong một gia đình giầu có. Thời niên thiếu, ngoài việc học hành, cậu chỉ vui chơi với chúng bạn. Hết bậc trung học, được Chúa kêu gọi, cậu xin vào chủng viện Saumur, Mont Morillon, và sau vào đại chủng viện Thừa Sai Paris năm 1830. Năm sau thầy lãnh chức phó tế, và xúông tầu đi giảng đạo ở

Viễn Đông. Khi đến Macao, bề trên phái thầy đến tỉnh Tứ Xuyên, Trung Hoa, nhưng vì khi đó đường vào Quảng Đông bị cấm ngắt, thầy phải đến Việt Nam, có ý đi bộ theo lối Vân Nam cho an tòan hơn.

Đến Việt Nam thầy lấy tên là Tân và ở xứ An Tôn chờ đợi. Chẳng may hai giáo hữu Trung Hoa qua đất Việt Nam để đón thầy, khi đến Hà Nội lại mắc bệnh dịch tả và qua đời, nên thầy Tân liền xuống địa phận Nam, đực Đức cha Havard Du truyền chức linh mục ngày 20.04.1834. Sau đó cha ngược lên Son Tây phục vụ ở địa phận Tây Đang Ngoài. Đường đi Trung Hoa vẫn con trắc trở, nên năm 1836, cha chính thức xin ở lại Việt Nam, và đực gửi đến xứ Bầu Nọ giúp thừa sai Marette. Hỗ trợ cho cha có hai thầy Phaolô Mỹ và Phêrô Đường, sau cũng bị bắt một ngày với cha.

Với cha Tân, Việt Nam là quê hương thứ hai mà cha rất thân thương. Khi mang bệnh nặng, nhiều người đã khuyên cha về Pháp chữa trị, cha nói rằng: "Được Chúa sai đến đây, tôi sẽ không chịu bỏ về, dù phải chết đi nữa." Và sau này cha đã tioại nguyện.

• Tình ngay lý gian.

Ở làng Bầu Nọ có một người tên Đức chỉ huy một băng cướp, đã bị các tín hữu bắt nộp cho quan. Để trả thù, anh ta tố cáo dân làng Bầu Nọ che giấu lin mục Âu Châu. Khi ấy, quan trấn Sơn Tây Lê Văn Đức cũng chẳng tha thiết với lệnh bách hại đạo cho lắm, nên cũng lờ đi. Anh liền tố cáo cha Tân xúi dân nổi loạn, y dặn vợ là Yến giả xin học đạo để biết chỗ cha ở,

rồi lén đến chôn vũ khí trước khi báo cho quan. Lần này y thành công. Quan nghe tin có nổi loạn, liền đưa đại quân gồm 1.500 linh đến bao vây làng Bầu Nọ ngày 20.06.1837.

Mới đầu viên lý trưởng Bầu Nọ cũng là người Công Giáo, đã tìm cách che chở cho cha Tân, nhưng khi quan đưa ông tới chỗ giấu gươm giáo và đánh đòn điều tra điều tra, ông liền tiết lộ chỗ của vị thừa sai. Lúc ấy cha Tân đang núp trong bụi rậm, thấy gươm giáo của lính đâm ngay bên mình, biết là không thóat khỏi, cha đứng dậy bước ra trình diện. Quan liền sai líng đóng gông nhốt vào cũi giải về Sơn Tây.

Cha kể lại trong một lá thư rằng: "*Thứ năm ngày 22.06 đòan áp tải khởi hành từ sớm. Suốt con đường, tôi cầu nguyện, nói chuyện và ca hát không ngừng. Dân chúng tụ tập và khen tôi vui vẻ quá.*" Tiếng hát của cha khá độc đáo và kích thích sự tò mò của nhiều người. Mấy ngày liền, quan bắt cha phải hát, rồi mới cho ăn. Cha liền chọn một khúc thánh ca chúc tụng Đức Mẹ để hát . . .Từ đấy cha bị nhốt tù gần ba tháng.

Nhận đựơc tin, vua Minh Mạng ủy quyền cho các quan tỉnh xử án. Các quan cho điệu cha ra tòa, ép cha nhận tội phiến loạn. Cha trả lời:

"*Thưa quan, chúng tôi chỉ chuyên giảng đạo dậy người ta làm lành lánh dữ, dậy con cái thảo kính cha mẹ, dậy dân vâng phục vua quan. Tôi đâu thể đi ngược lại giáo huấn của mình mà chống đối nhà vua đựơc.*"

Ngày 11.08, cha bị 50 roi kép bện bằng nhiều sợi dây, đâu mỗi sợi có một miếng chì, khiến thân thể cha bị rách da nát thịt, máu tuôn thấm cả y phục. thế nhưng cha không một lời kêu trách, đứng lên cha lại tiếp tục hát thánh ca. Tám ngày sau, quan bắt cha đạp lên Thánh Giá, cha ôm Tánh Giá lên hôn một cách cung kính. Lính đánh cha nát ba cây roi mây trước khi trả cha về ngục. Lần khác, khi ép nhận tội làm loạn, cha khẳng khái tuyên bố:

"*Không, tôi thà chịu đủ mọi cực hình, hơn là nhận tội tôi không phạm đó. Được sống đấy, nhưng phải mang tiếng xấu suốt đời.*"

• Chết vẫn còn ca hát.

Cuối cùng các quan kết án cha phải chém đầu, nhưng khi gửi vào Huế, vua Minh Mạng sửa thánh án lăng trì. Nhận đươc tin do cha Jaccard Phan báo, cha Tân viết thư cảm ơn và gửi lời vĩnh biệt mọi người. Cha viết thư về cho gia đình:

"*Cha mẹ yêu quí, đừng buồn về cái chết của con. Đó không phải là ngày than khóc, mà là ngày vui mừng. Xin hãy nghĩ sau những đau khổ ngắn ngủi con chịu thì con sẽ luôn nhớ đến cha mẹ trên Trời cao. Xin nhận nơi đây tấm lòng thảo hiếu của con. Cornay.*"

Ngày 20.09.1837, cha bị đưa ra pháp trường Năm Mẫu ngoài thành Sơn Tây. Ngồi trong cũi giữa đòan lính tráng đông đảo, cha vẫn vui vẻ tươi cười đọc kinh và hát thánh ca. Đến nơi

xử cha xin phép cầu nguyện một lát, rồi tự cởi áo và nằm trên thảm trải sẵn. Lý hình đóng bốn cọc bốn phía, trói chân tay ngài vào đó.

Theo luật xử án lăng trì, lẽ ra phải chặt chân tay trước, nhưng viên quan đã tỏ ra nhân đạo hơn, cho chém đầu cha trước, rồi mới đến tay chân. Cuối cùng phân xử thân mình cha làm bốn khúc. Tóan lý hình thấy lòng can đảm của tử tội thì mơ ước hão huyền: Họ múôn gan của vị thừa sai rồi ăn sống, có kẻ liếm máu còn đọng lại trên gươm đã chém đầu cha, họ hy vọng nhờ đó họ thêm can đảm.

Được phép quan, tín hữu xứ Bạch Lộc đến chôn cất thi thể vị tử đạo tại chỗ. Hai tháng sau đem về an táng tại Chiêu Ưng.

Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn cha Gioan Cornay Tân lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

Ngày 21 tháng 09

Thánh Phanxicô JACCARD PHAN (NINH)

Linh mục Thừa Sai Paris
(1799 – 1838)

• Một cuộc sống bi hùng.

Nếu so sánh những cuộc tử đạo như những vở bi hùng kịch thì cuộc tử đạo của thánh Phanxicô Jaccard Phan là một trong những bi hùng kịch hùng tráng nhất: mười năm tù khi rộng khi ngặt, với 20 tháng lưu đầy gian khổ và ba bản án tử hình. Giữa những khổ ái đó, nổi bật lên chân dung một người hùng quả cảm. Ngài đã chiến thắng được đói khát và sốt rét, đã trung thành tuyệt đối với chân lý của Tin Mừng là tha thứ và phục vụ kẻ làm hại mình. Gan lì trước nghịch cảnh, từ chối mọi tiện nghi, như nhận xét của Đức cha Cúenot Thể: "Con người không còn gì để mất đó, đã luôn tiến về phía trước để chinh phục tha nhân."

• Chí khí chàng nông dân.

Chào đới ngày 06.09.1799 tại Onion thuộc miền Savoie nhước Pháp, trong một gia đình nông dân nghèo, nhưng đạo đức, cậu Phanxicô Jaccard thuở nhỏ ham chơi hơn ham học. Còn gì lý thú cho bằng chạy nhảy giữ cánh đồng xanh tươi bát ngát. Khi được cha mẹ gửi vào chủng viện Mélan, cậu Jaccard luôn là học sinh "*đội sổ*" nên dâm ra chán nản và trốn về gia

đình. Nhưng sau, nhờ bạn bè và thân nhân khích lệ, đang khác vì ước múôn làm linh mục, cậu xin trở lại chủng viện, cậu hứa với mọi người sẽ cố gắng tới cùng.

Quả thực Jaccard đã giữ lời hứa. Với sự chuyên cần và nỗ lực, anh hòan thành chương trình chủng viện Mélan, rồi đươc lên đại chủng viện địa phận Chambery năm 1819. Hai năm sau, thầy Jaccard xin gia nhập Hội Thừa Sai Paris, và thụ phong linh mục ngày 15.03.1823. Liền đó, cha Jaccard đươc đề cử vào chức vụ giám đốc đại chủng vệin. Nhưng cha thẳng thắn trình bầy với các Bề trên: "*Con tình nguyện vào đây để truyền giáo phương xa, chớ không phải ở thánh phố Paris này*."

Thế là ngày 10.07.1823, cha Jaccard xuống tầu tại cảng Bordeux giã từ quê hương yêu dấu. Ngày 25.11.1824 tầu của cha cập bến Macao, nhưng mãi tháng 02. 1826, vị thừa sai mới đến đươc địa phận Đàng Trong. Sau một thời gian học tiếng Việt ở chủng viện An Ninh, cha lấy tên là Phan, hoạt động tại Nhu Lý, Phủ Cam, rồi làm giám đốc chủng viện An Ninh (Quảng Trị).

• Tinh thần phục vụ hết mình.

Tháng 06.1827, vua Minh Mạng tập trung về Huế ba vị thừa sai Tabert Từ, Gagelin Kính và Odorico Phương, viện cớ cần người thông dịch và dịch sách. Ba tháng đầu, ba cha đươc đối xử tử tế, có thể làm việc mục vụ cho giáo hữu Huế, nhưng các ngài như bị giam lỏng tại Cung Quán, lúc nào cũng có linh gác, đi đâu thì có ba linh đi kèm. Đến cúôi năm, nhờ có tả quân

Lê văn Duyệt can thiệp với vua, ba vị thừa sai mới đươc thả về. Còn riêng cha Phan, tháng 07.1828, quân lính mang trát son, cáng điều đến triệu cha về kinh đô. Ngài ở Cung Quán dịch các tài liệu tiếng Pháp ra tiếng Việt. Thấy ở Cung Quán như bị "*Bó tay buộc chân*" không làm việc tông đồ đươc, cha Phan liền xin vua đến ở họ Dương Sơn cách kinh thành 15 cây số, để vừa giúp các tín hữu vừa dịch các sách cho hoàng cung. Giai đọan này cha đã dịch các sách về Napoléon, về việc chinh phục của Anh ở Ấn Độ, về lịch sử Âu Mỹ, và dậy tiếng Pháp cho nhiều ngửời vua gửi tới. Vua múôn ban chức lộc triều đình, nhưng cha từ chối không nhận.

Đươc vua Minh Mạng sắp mừng lễ Tứ Tuần, cha xin phép đứng ra tổ chức tám ngày liên tiếp, cầu nguyện cho Hoàng Đế bằng những nghi thức long trọng. Ngoài các tín hữu, số lương dân đến tham dự đông đảo như ngày hội. Nhiều người nhân dịp này thêm quý mến đạo, trong đó có một số quan đại tầhn và bà chị cả của Đức Vua.

- **Người lính của vua Minh Mạng.**

Tháng 09.1831, làng Dương Sơn giao cho cha Phan phụ trách bị dân làng Cô Lão gây chuyện và tố cáo về chuyện chiếm đất. Đến sau vì không có bằng cớ, họ đổi qua tố cáo về việc theo đạo. Lập tức 73 người bị giam tù, mỗi người lãnh 100 roi đòn, viên phó lý bị lưu đầy. Lý trưởng và cha Phan bị án tử hình. Riêng với cha Phan, vua Minh Mạng tỏ vẻ nhân từ hơn, đổi qua án sung quân, bắt nhập ngũ trong quân đội hoàng gia, và đươc điệu về giam lỏng ở Cung Quán để tiếp tục dịch sách và thư từ.

Giai đọan này cha Phan nhiều lần tiếp xúc với vua Minh Mạng. Chính vua nhờ cắt nghĩa các tranh ảnh Cựu Ước và Tân Ước. . . Vị tông đồ của Chúa liền tranh thủ giải thích cho vua hiểu về giáo lý trong đạo, về Thiên Chúa sáng tạo, linh hồn bất tử và thưởng phạt đời sau. Một lần cha Phan đánh bạo gửi cho Vua cuốn giáo lý dành cho người xin học đạo. Đối lại, nhà vua sai quan Thượng thư bộ lễ đến bắt cha phải đốt hết các sách tôn giáo đó, nhưng cha cương quyết từ chối. Quan nói: "*Tôi tha cho ông, nhưng khi ra trước hội đồng các quan, ông phải nói đã gửi sách và đồ lễ về Tây rồi, và hứa không giảng đạo nữa.*" Cha đáp: "*Thưa quan, quan biết là đạo cấm nói dối, còn việc ngừng giảng đạo, tôi không thể vâng được.*" Viên quan tiếp: "*Vậy ông sẽ bị án xử tử.*" Cha trả lời: "*Tôi đã bị lên án một lần, có lên án lần nữa cũng chẳng sao.*" Vua Minh Mạng biết chuyện nhưng lờ đi vì chưa đến lúc, chỉ ra lệnh cho người canh gác cha nghiêm ngặt hơn trước.

- **Người tù lưu đầy bất khuất.**

Tháng giêng 1833, sau sắc lệnh cấm đạo toàn quốc, cha Phan có thêm người bạn đồng hành, cha Odorico Phương dòng Phanxicô mới bị bắt ở Cái Nhum. Mỗi đêm, hai cha âm tầhm dâng lễ với nhau ở Cung Quán, đồ lễ giấu ở sàn nhà. Từ đây hai vị sống bên nhau trong một năm rưỡi, cùng chia sẻ ngọt bùi đắng cay, cùng đón nhận người bạn tù đặc biệt, cha Gagelin Kính và hiệp thông với hy lễ tử đạo của ngài. Nhiều tuần lễ liền, mỗi buổi sáng khi thức dậy, hai vị lại giúp nhau chuẩn bị dọn mình lãnh phúc tử đạo, nhưng giớ Chúa chưa đến.

Thời gian này, miền Nam có cuộc nổi loạn của Lê văn Khôi. Vua Minh Mạng nghe đồn các tín hữu tham gia rất đông, nên lo sợ và thảo một lá thư dụ hàng, đưa cho thừa sai ký. Hai cha thức súôt một đêm để viết một lá thư khác kêu gọi các anh em tín hữu. Theo lá thư, việc chống lại triều đình chỉ có hại cho đạo, và Tin Mừng không bao giờ chấp nhận việc huynh đệ tương tàn. Thế nhưng số tín hữu theo Lê văn Khôi thưc tế không đông nên lá thư này không mang lại hiệu quả bao nhiêu.

"*Giận cá chém thớt*", vua Minh Mạng nổi cơn thịnh nộ, truyền xử tử hai vị giáo sĩ. Nhưng có sự can thiệp của Hoàng Thái Hậu Thuận Thiên. Bà không múôn con làm điều thất nhân ác đức, và nhắc con coi chừng nước Pháp trả thù. Thế là bản án được đổi thành lưu đầy chung thân tại Lao Bảo (ở biên giới Lào), nơi rừng sâu nứơc độc. Sau mười ngày trèo non lội suối, ngày 12.12.1833, hai cha đến đất lưu đầy, phải sống trong trại tù có rào chắn và chông nhọn chung quanh. Niềm an ủi lớn lao của hai cha là vẫn đựơc nhiều tín hữu viếng thăm tiếp tế lương thực.

Nhưng chưa đựơc một tháng, Vua thay viên cai ngục khó tính hơn, và nhắn lời dọ dỗ hai vị xuất giáo. Việc dụ dỗ thất bại, viên cai ngục liền chuyển hai cha sang trại cấm cố, cho giam riêng trong một túp lều chật hẹp, bớt phần cơm và cấm tiếp tế. thêm vào đó, ông còn cho tịch thu toàn bộ sách kinh, giấy viết. Cha Odorico Phương hay nói đùa: "*Chúa thấy tôi làm thừa sai vụng về nên cho đổi qua nghề làm bếp. Tôi là đầu bếp, cha Jaccard rửa chén. Nhưng vấn đề là không có gì bỏ vào nồi nấu thôi.*"

Ngoài nắm cơm mỗi ngày mỗi nhỏ bớt, hai cha phải đi hái hoa cỏ dại, chuối xanh về luộc với một ít muối để đủ sống qua ngày. Đời sống kham khổ, đói khát và cơn bệnh sốt rét ác tính đã cướp đi sinh mạng của người bạn của cha Phan. Cha Odorico đã từ trần ngày 25.05.1834 sau một tuần liệt giường. Còn lại một mình cha Phan đã sốt sắng ácch tài tình cho tròn 20 tháng lưu đầy. Cũng sốt rét cũng kiết lỵ, nhưng ngài đã khuất phục đươc chúng. Không những thế, cha vẫn tiếp tục làm việc tông đồ trong trại, học tiếng Lào để nếu có cơ hội sẽ qua đó truyền giáo. Cha cũng soạn đươc một cuốn ngữ vựng tiếng Chàm, nhờ sự hỗ trợ của các bạn tù người Chàm.

- **Vắt chanh bỏ vỏ.**

Đến tháng 09.1835, vì cần người, vua Minh Mạng đưa cha về giam ở Cam Lộ (Quảng Trị) để làm giáo sư. Vua gửi đến sáu thanh niên học tiếng Pháp nhưng cấm không đươc nói chuyện về đạo. Vua nhờ cha hướng dẫn về địa lý và lịch sử Âu Mỹ, giải thích các phong tục, tập quan và tục lệ của họ. Đặc biệt cha giúp vua tìm hiểu về Âu Châu, nhất là luật pháp nước Nhật. Dầu bận rộn vất vả, nhưng cha rất tận tụy với Vua, vì như cha nói: "*Tôi múôn chứng tỏ phải dùng điều thiện để thắng điều ác*."

Ba năm trời ở Cam Lộ, niềm vui lớn nhất của cha Phan là được dâng lễ trong ngục. Một tấm ván bắc qua hai chiếc ghế làm bàn thờ, cha dâng lễ vào giữa đêm khuya, rồi thu xếp dọn dẹp ngay sau đó. Vì được quan quân kính nể, cha có thể trốn thóat dễ dàng. Chính Đức Thể cha cũng gợi ý điều đó, nhưng cha không thực hiện, vì cha biết quan quân sẽ truy lùng gắt

gao. Việc truy lùng đó sẽ làm hại các tín hữu và lỡ ra nhiều người sẽ bị bắt vì mình.

Đầu năm 1838, một biến cố lớn làm thay đổi hoàn cảnh cha Phan. Số là khi triệt hạ chủng viện An Ninh gần Di Loan, cha giám đốc Kandalh Kim chạy thóat lên miền núi, vua liền trút cơn thịnh nộ lên cha Phan "*kẻ thông đồng với tội nhân qua thư từ*". Ngày 17.03, cha bị trói, hỏi cung rồi bị mang gông xiềng áp giả về Quảng Trị.

• Đường lên núi Sọ.

Tại Quảng trị, quan cho căng nọc vị thừa sai và cho đánh từ 9 giờ đến trưa, nát nhiều chiếc roi, để bắt cha phải bỏ đạo. Cha trả lời: "*Đạo của tôi không do Đức Vua, nên tôi không buộc phải bỏ đạo theo ý Vua được*." Lần khác, cha bị tra tần bằng kìm nung đỏ kẹp vào đùi, thịt cháy khét, đau đớn vô cùng, nhưng cha vẫn cương quyết không chối đạo.

Từ 18.07.1838, cha đươc giam chung với chủng sinh Tôma Thiện. Hai cha con tạ ơn Chúa, và cùng nhau nguyện cầu xin Ngài trợ giúp. Bản án từ Quảng Trị gửi vào kinh đô xin xử trảm, nhưng vua Minh Mang sửa thành xử giảo và ký ngày 17.09. Sáng ngày 21.09.1838, quan quân dẫn hai cha con ra khỏi trại giam, đến một ngọc đồi làng Nhan Biều (Quảng Trị). Tới nơi xử, hai cha con từ chối bữa ăn ân huệ, và quỳ đối diện quay vào nhau cùng cầu nguyện.

Theo ý cha Phan, muốn thấy tận mắt sự trung thành của người môn sinh trẻ tuổi, nên quân lính hành xử chủng sinh

Tôma Thiện trước. Sau đó, vòng dây qua cổ vị giáo sĩ rồi kéo mạnh hai đầu, đưa linh hồn ngài vào Thiên Quốc.

Bà mẹ của cha Phan khi hay biết, đã reo lên: "*Thật là tin vui, gia đình ta có một vị tử đạo*." Bà nói: "*Xin chúc tụng Chúa. Tôi vẫn sợ sẽ buồn khổ biết bao, nếu con tôi bị khuất phục trước gian khổ, trước cực hình.*"

Thi hài hai vị tử đạo đươc chôn cất ngay tại pháp trường, đến năm 1847 đươc cải táng về chủng viện Thừa Sai Paris.

Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn linh mục Phanxicô Jaccard Phan lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

Ngày 21 tháng 09

Thánh Tôma TRẦN VĂN THIỆN

Chủng sinh
(1820 – 1838)

- **Tuổi trẻ hào hùng.**

Trong một phiên tòa năm 1836, viên quan án xúc động trước người tù trẻ tuổi với dáng dấp thư sinh nho nhã, khuôn mặt khôi ngô tuấn tú, hứa hẹn một tương lai sán lạn, ông nói với anh thật dịu dàng:

"*Nếu con bỏ đạo, ta sẽ gả con gái cho, và sẽ lo liệu cho con làm quan*."

Chàng thanh niên trẻ tuổi ấy, anh Tôma Trần Văn Thiện đã thẳng thắn trả lời:

"*Tôi chỉ mong chức quyền trên trời, chứ không màng chi danh vọng trần thế*."

Tuy mới 18 xuân xanh, lứa tuổi yêu đời ham sống, chưa nếm mùi khổ đau cuộc đời, cũng chưa được học tập thâm sâu về giáo lý, anh Tôma Thiện mới vừa tới ngưỡng cửa chủng viện, đã ứng ph1o khéo léo trước bạo lực, đâu thua kém gì bất cứ chiến sĩ đức tin nào khác trên hoàn cầu. Quả thực, anh đã thấu hiểu lời Đức Kitô: "*Được lời lãi cả về thế gian mà mất linh hồn thì có ích gì.*" (Mt 16, 26)

• Con muốn "*ở chú*" với cha không?

"*Chú Thiện*" như người đương thời quen gọi các chủng sinh, sinh năm 1820 trong một gia đình đạo hạnh làng Trung Quán, tỉnh Quảng Bình.

Nữ tu Madalena Yến, một nhân chứng sống cùng thời thuật lại: "*Chú Thiện có một người dì, gọi là dì Nghị, làm bà nhất nhà phước Trung Quán. Chú thường lui tới thăm dì và tỏ ra rất ngoan ngoãn, nhu mì, lễ phép. Khi linh mục đến dâng lễ ở họ nhà, chú quỳ dự lễ cách nghiêm trang. Lên tám, chín tuổi, chú bắt đầu học chữ Nho, tỏ ra thông minh bền chí và tiến bộ rất nhanh.*

"Có lần chú theo dì Nghị đi lễ ở họ Mỹ Lương, sau lễ vào chào các linh mục. Các cha thấy cậu bé khôi ngô, hiền lành đều hỏi: "Con có muốn ở chú (đi tu) với cha không?" Cậu Tôma Thiện không thưa gì. Nhưng chỉ ít lâu sau, người ta thấy chú thường xuyên ở nhà cha Chính, họ Kẻ Sen. Vị linh mục này đã dậy tiếng Latinh cho chú nhiều năm. . ."

• Hãy nhìn xem máu tôi chảy ra kìa.

Nhờ tính tình tốt lành và trí thông minh, năm 18 tuổi (1838), chú Thiện được cha giám đốc Candalh Kim gọi về chủng viện Di Loan, Quảng Trị. Nhận được tin, chú Thiện cùng với chị tên Sao hăng hái lên đường. Dọc đường hai chị em gặp nữ tu Yến từ Di Loan về cho biết cha bề trên Candalh đã phải trốn và quân lính đang lùng bắt, rồi khuyên hai chị em đừng đi

nữa, nhưng chú Thiện tỏ ra cương quyết: "*Dầu không gặp cha Bề trên, con cũng phải đến tận nơi để biết rõ sự thể. Cha đã gọi, không lẽ chưa đến nơi đã bỏ về.*"

Tới chủng viện, hai chị em trình diện với cha Tự. Ngài nói: "*Chúng tôi lo trốn chưa xong mà chị còn dẫn em đến, chỉ làm khó khăn cho chúng tôi thôi.*" Chị Sao đáp: "*Thưa cha, em con nhờ con dẫn đi, vì có giấy cha Bề trên gọi. Chúng con không biết cuộc bắt đạo lại xẩy ra bất ngờ như thế.*"

Hai ngày sau, quân lính bao vây làng Di Loan, lục soát từng nhà. Không tìm thấy cha Kim, vì ngài đã trốn lên rừng, họ bắt một số giáo dân, trong đó có chú Thiện giải về Quảng Trị.

Quan tỉnh Quảng Trị nghe nói chú Thiện là chủng sinh của cha Kim, nên truyền tra hỏi cặn kẽ để biết cha Bề trên trốn ở đâu. Quan khuyên chú chối đạo, nếu không sẽ bị chết. Chú Thiện thành thật trả lời: "*Tôi quê ở Trung Quán, Quảng Bình, đến tìm thầy học đạo. Đạo dậy tôi thờ Thiên Chúa là đạo thật, tôi sẵn sàng chịu chết chứ không bỏ đạo.*"

Quan tỏ ra khoan nhượng khuyến dụ chú Thiện nhiều lần: nào là tuổi còn nhỏ, tương lai còn nhiều triển vọng, nào là sẽ thăng quan tiến chức nếu bỏ đạo. Hơn thế nữa, quan còn múôn chú làm con rể mình, và sẽ đứng ra lo liệu cưới xin. Nhưng chú Thiện đã từ chối: "*Tôi chỉ mong chức quyền trên trời, chứ không màng đến quyền chức trần thế.*"

Lời khẳng định ấy không phải ai cũng thốt lên đượ̣c. Trong số những người bị bắt, nhiều người tỏ ra luyến tiếc cho chú đã bỏ lỡ một "*cơ hội ngàn vàng*". Chàng trai có vóc dáng thư sinh nhưng chí khí thật kiên cường, khiến quan phải ngạc nhiên, từ ngạc nhiên đến tức giận, vì dám xúc phạm đến sự "*bao dung*" và lòng "*ưu ái*" của mình, thế là ông truyền đánh đòn chàng. 40 roi đòn quất trên thân thể gầy yếu, máu chảy thấm qua y phục, nhưng vị chứng nhân không lay chuyển, vẫn gan dạ mỉm cười nói:

"*Hãy nhìn xem máu tôi chảy ra kìa".*

Thấy chú can đảm hơn người, quan truyền đóng gông xiềng, giam chú Thiện vào ngục.

Trong ngục thất, Tôma Thiện không có bà con thân thích nào đến thăm nom tiếp tế. Các giáo hữu Di Loan cũng bị bắt, lúc đầu còn chia sẻ cho chú đôi chút lương thực, nhưng sau họ không cho gì nữa. Họ đã nghe quan dụ dỗ để mong trở về với gia đình. Tuy thế quan vẫn chưa thả họ ngay. Vì muốn chú Thiện cũng phải khuất phục, quan dùng những kẻ nhẹ dạ này gây áp lực, nhưng Tôma Thiện trước sau vẫn một mực trung thành với đức tin.

Chú Thiện tiếp tục bị thẩm vấn và bị đánh đòn hai lần nữa, nhưng chú vẫn vui vẻ lãnh nhận. Mỗi lần roi quất xuống, chú lại cầu nguyện:" *Lạy Chúa, xin thêm sức cho con chịu đau khổ vì Chúa".* Ngoài ra chú còn bị phơi nắng và bị kìm kẹp, nhưng vị anh hùng trẻ tuổi vẫn không sờn lòng, chứng tỏ một nghị lực phi thường và một đức tin hiếm có.

• Đồng khổ, đồng vinh.

Sau khi bất lực trước ý chí sắt đá của Tôma Thiện, quan truyền giam chú chung với cha Jaccard Phan. Hai cha con gặp nhau vui mừng hết sức. Chú Thiện được cha an ủi, khích lệ và ban bí tích hòa giải. Chú thiện được cha an ủi, khích lệ và ban bí tích hòa giải. Riêng cha Phan thì sung sướng hãnh diện có một người con tinh thần dũng cảm trong đức tin. Hai cha con cùng nhau cầu nguyện, nâng đỡ trợ giúp lẫn nhau và quyết chí trung thành với đạo đến cùng.

Trước tinh thần bất khuất của hai chứng nhân Chúa Kitô, quan quyết định lên án xử trảm cả hai. Bản án chú Thiện như sau:

"*Tên Thiện bị mê hoặc theo đạo Gia Tô, dầu bị tra tấn cũng không bỏ đạo, nên nó phải chết giống như đạo trưởng của nó".*

Ban án gởi về kinh đô. Gần một tháng sau vua Minh Mạng mới châu phê và đổi thành xử giáo. Có lúc nóng lòng chờ đợi, chú Thiện thưa với cha Phan: "*Thưa cha, người ta cứ để cha con ta sống lâu mãi, sao không sớm cho cha con ta được tử đạo, để được kết hiệp cùng Chúa muôn dời".* Chú cũng viết thư về gia đình vĩnh biệt cha mẹ, họ hàng, và khuyên mọi người trung thành giữ vững đức tin.

Sáng ngày 21.9.1838, hai cha con chứng nhân Chúa Kitô cùng được dẫn ra pháp trường ở làng Nhan Biều gần Quảng

Trị. Khi đi qua một quán ăn, viên đội chỉ huy cho hai vị dừng chân, ăn uống theo thói quan dành cho tử tội. Cha Phan không dùng gì cả, chú Thiện thưa với cha: "*Con cũng không ăn, để về dự tiệc Thiên Đường vĩnh phúc, phải không cha?*" Tới nơi xử, chú Tôma Thiện quỳ xuống trước mặt cha, lính tháo gông, tròng dây vào cổ. Lệnh xử ban hành, họ kéo hai đầu dây thật mạnh, đầu vị tử đạo 18 xuân xanh gục xuống. Sau đó, đến lượt cha Phan cũng bị xử như vậy.

Khác với các cuộc tử đạo trước, cuộc hành quyết này không có giáo hữu đi theo để xin an táng. Những người ngoài đã chôn cất hai vị ngay ở pháp trường. Năm 1847 thi hài hai vị tử đạo được cải táng và tôn vinh tại chủng viện Hội Thừa Sai Paris.

Ngày 27.5.1900 Đức Giáo Hoàng Lêo XIII đã suy tôn chủng sinh Tôma Trần Văn Thiện lên bậc Chân Phước.

Ngày 06 tháng 10

Thánh Phanxicô TRẦN VĂN TRUNG

Cai đội
(1825 – 1858)

• Đánh Pháp thì đánh, bỏ đạo thì không.

Tên Trung làm cơ đội Tuyên văn Phong, trước đây bị cáo về tội gian lận trong kỳ thi sát hạch, phải giáng chức và xử trọng tội, nay xin gia nhập số lính đi đánh giặc nhưng lại không chịu quá khóa nên đáng xử trảm."

Đọc lại bản án của ông cai đội Phanxicô Trần Văn Trung trên đây, mọi người hiểu ngay tấm lòng của vị thánh. Cũng như hầu hết những người Công Giáo thời vua Tự Đức, ông Trung tình nguyện tham gia việc chống ngoại xâm bảo vệ quê hương, nhưng vẫn trung thành với Thiên Chúa.

Phanxicô Trần văn Trung sinh khoảng năm 1825 tại Phan Xá, tỉnh Quảng trị, dưới thời vua Minh Mạng, thuộc gia đình Công Giáo . Thân phụ cậu trước cũng là cai đội, nhưng đã về hưu. Cùng chí hướng với cha, cậu cũng tham gia binh nghiệp và trở thành một cai đội. Khoảng 24 tuổi, anh Trung kết hôn với một thiếu nữ cùng làng, và sinh đựơc bốn người con. Như các gia đình Công Giáo khác, ông cai đội chu tòan trách vụ Kitô hữu.

Vì một lý do đặc biệt, ông đã bị bắt giam trong tù. Một lần kia, cùng với mười một bạn đồng ngũ, ông phải dự cuộc khảo thí. Trong tình hình bất an thời bấy giờ, muôn việc thi cử trót lọt dễ dàng, phải hối lộ với quan trên. Dù đủ điều kiện trúng tuyển, ông không thể làm khác hơn được. Không may, vì việc chia tiền không đồng đều, các quan tranh cãi với nhau. Vua Tự Đức biết tin liền cho cả 12 cai đội vào ngồi tù.

• Yêu nước và tin Chúa.

Sau khi cửa Hàn bị quân Pháp dưới sự chỉ huy của đô đốc Rigault de Grenouilly đánh chiếm ngày 01.09.1858, vua Tự Đức liền cho phóng thích các binh lính bị giam giữ để bổ sung vào số quân bảo vệ kinh thành Huế. Ông cai đội Trung và các bạn hăng hái hưởng ứng. Nhưng khi sắp được xuất trận các quan bắt ép các ông phải bước qua Thập Giá. 11 người kia đều theo lệnh, còn ông Trung nhất định không chịu nghe. Các quan hỏi:

- Tại sao không chịu đạp lên Thập Giá? Có phải mi theo đạo không?

- Thưa phải. Tôi là người Công Giáo. Tôi sẵng sàng đi đánh giặc để bảo vệ tổ quốc, nhưng không bao giờ tôi lại bỏ đạo.

Câu nói khẳng khái trọn vẹn đôi đàng của người công dân tổ quốc và người con của Thiên Chúa ấy đã đưa ông cai đội Trung trở lại nhà ngục. Một tháng bị giam, ông bị điệu ra tra hỏi nhiều lần, bị tra tấn ba lần, mỗi lần 50 roi. Những trận

đòn đó không làm cho người chiến sĩ đức tin bỏ cuộc. Dự đóan mình sẽ bị xử tử, ông chẳng những không sợ lại tỏ ra chờ mong ngày đó nữa.

• Người gia trưởng gương mẫu.

Dầu sắp chịu án tử, ông đội Trung đã bình tĩnh thu xếp việc gia đình cách khéo léo. Ông căn dặn vợ: "*Tôi có bị chết, mình lo săn sóc các con nhé! Hãy hết lòng yêu thương các con, đừng tái hôn với ai nữa nhé!*" Đứa con nhỏ 8 tuổi của ông tên là Catarina Thông đươc phép ở lại giúp đỡ ông một tháng. Đến khi nghe tin ở xứ nhà có lớp giáo lý, ông bắt nó về để theo học giáo lý và khuyên con vâng lời dậy bảo của các linh mục.

Khi nhớ ra còn thiếu nợ vài người, ông tỏ vẻ lo lắng vì sợ các chủ nợ bắt các con mình ở đợ để trừ nợ, vừa cực khổ lại vừa có thể quên cả đạo nghĩa nữa, nên ông căn dặn vợ rất kỹ lưỡng, những đồ đạc nào trong nhà phải bán đi và thanh tóan nợ nần cho chu đáo.

• Thánh Giá trên cổ.

Khi không còn hy vọng làm cho ông đội Trung mất niềm tin, các quan liền làm án tâu xin vua Tự Đức cho lệnh trảm quyết. Nhà vua liền châu phê. Sáng 06.10.1858, ông đội Trung được dẫn ra pháp trường An Hòa (Huế). Năm viên quan cỡi ngựa và 60 linh đi bộ hộ tống. Cha Anrê Thoại ở họ Dương Sơn biết tin, liền cải trang đi với một thầy giảng tới giải tội cho ông. Cha nhắn một người bà con của ông tín hiệu nhận ra cha:

người sẽ cầm một điếu thuốc giơ cao ngang mặt. Ông đội đã chuẩn bị tâm hồn để lãnh nhận Bí tích Giải tội lần cuối cùng.

Nhưng sự việc lại diễn tiến thể khác: các quan đình việc xử lại, và cho người về xin nhà vua tha cho ông, lấy cớ việc xử án có thể bị hiểu lầm là khiêu khích quân Pháp, họ sẽ đánh thì nguy. Đòan người chờ đến 18 giờ chiều vẫn chưa có tin, liền kéo nhau vào quán nghỉ ngơi, và dẫn ông đội Trung đã bị trói cẩn thận đi theo. Chờ đến khoảng 20 giờ tối, chiếu chỉ của vua Tự Đức gửi tới nơi ra lệnh xử tức khắc và đe phạt những quan đã xin ân xá cho ông.

Được tin, ông đội Trung hỏi tìm cha Thoại nhưng cha đã trở về vì tưởng ngày mai mới xử án. Lúc đó, ông liền quỳ xuống nền đất, xin đao phủ lấy vôi vẽ trên cổ hình Thánh Giá, để chứng tỏ mình trung kiên với Đức Kitô đến cùng. Sau đó, ông hiên ngang đưa cổ cho lý hình chém. Thủ cấp ông được bêu ba ngày để làm gương, rồi mới được đem chôn. Hiện nay thi hài của vị chứng nhân được lưu giữ ở nhà thờ họ Dương Sơn.

Đức Thánh Cha Piô X suy tôn ông đội Phanxicô Trần Văn Trung lên bậc Chân Phước ngày 22.05.1909.

Ngày 11 tháng 10

Thánh Phêrô LÊ TÙY

Linh mục
(1773 – 1833)

- **Lưu niệm đạo đức.**

Nếu xưa trong Kinh Thánh có chuyện cụ già Eleazarô không thèm "*giả bộ ăn của cúng*" để được tha chết (2Mac 6, 18-28) thì ở Việt Nam cũng có thánh Phêrô Lê Tùy không khai man mình là y sĩ, không giấu chức vụ mình là linh mục theo yêu cầu của quan địa phương, để được sống còn. Như cụ già Do Thái xưa, cái chết của cha để lại cho giáo hữu Việt Nam và toàn cầu một lưu niệm sâu xa về đạo đức.

Phêrô Lê Tùy sinh trưởng trong một gia đình nề nếp khá giả làng Bằng Sở, huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín, Hà Đông, nay thuộc địa phận Hà Nội. Năm 1733, năm cậu mở mắt chào đời cũng là năm hai thánh linh mục Vinh Sơn Liêm và Castanêda Gia lãnh triều thiên tử đạo tại Hà Nội do án xử của Chúa Trịnh Sâm. Cảm kích trước tấm gương hào hùng ấy, khi cậu lớn lên, song thân đã lo liệu gửi cậu theo học tại chủng viện Nam Định. Trong những năm học, cậu tỏ ra rất thông minh, khôn ngoan và đạo đức. Sau khi lãnh chức phó tế, thầy Phêrô được cử đi giúp Đức cha De la Mothe Hậu lo việc truyền giáo ở Nghệ An. Ít lâu sau, thầy thụ phong linh mục, làm phó xứ Đông Thánh, Chân Lộc, rồi làm chánh xứ Nam Đường.

Thánh Phêrô LÊ TÙY

Cha Phêrô Tùy là một linh mục vui tính, hiền hòa và rất nhiệt thành trong sứ vụ chủ chăn. Dù ở đâu, dù chức vụ nào, cha cũng luôn sốt sắng chu toàn nhiệm vụ của mình. Đức cha Hậu đả có lần khen ngợi những đức tính và hoạt động của cha, ngài nói: "*Không ai là không hài lòng với cha Tùy*." Trong 30 năm liền, nhà truyền giáo Lê Tùy hoạt động công khai đắc lực phục vụ Giáo Hội Việt Nam. Nhưng như mọi linh mục khác, từ khi vua Minh Mạng ra chiếu chỉ cấm đạo trên tòan quốc ngày 06.01.1833, cha phải haọt động âm thầm trong bóng tối.

• Phúc trọng không dám mong.

Ngày 25.06.1833, cha Tùy đến xức dầu cho một bệnh nhân gần chết ở họ Thanh Trai. Đây là một họ đạo nhỏ, chen giữa làng mạc của lương dân. Một nhóm người ngoại giáo đã bắt cha nộp cho quan huyện Thanh Phương. Giáo hữu điều đình bỏ tiền xin chuộc, nhưng quan đặt điều kiện cha phải khai mình là thầy thúôc, chứ không phải là linh mục. Cha Tùy cho rằng khai man như thế không tốt, nên khẳng khái từ chối. Cha bị đóng gông áp giải về tỉnh đường Nghệ An. Suốt thời gian trong tù, lúc nào cha cũng giữ đựơc nét vui tươi, hồn nhiên, can đảm trước mọi khổ nhục. Thái độ đó làm nhiều người thán phục.

Một hôm quan án đòi cha ra công đường và nói: "*Ông là đạo trưởng Gia Tô?* Cha đáp: "*Phải, tôi là đạo trưởng.*" Quan nói ngay: "*Ông nghe ta đi, ai thấy ông bị bắt cũng động lòng trắc ẩn. Không ai muốn ông phải án tử hình, ta đây cũng vậy. Bây giờ ông nghe ta, làm một tờ khai nói mình là lang y chữa bệnh, có thể ta mới cứu đựơc ông.*"

Cha Tùy trả lời: "*Tôi không sợ chết, và chết cách nào tôi cũng không ngại. Ai cũng phải chết. Dù chết trên chăn êm nệm ấm, dầu bị cọp tha cá rỉa, dầu bị lột da hay xé xác làm trăm mảnh cũng đều là chết thôi; cho nên tôi không sợ chết.*"

Vì kính trọng cha đã 60 tuổi, quan không truyền đánh đòn, chỉ đưa cha về ngục.

Suốt ba tháng tù, cha được mọi người, từ quan tới lính, cùng các tù nhân khác quí mến. Họ nói với nhau: "*Một người hiền từ nhân đức như vậy, mà bị giam như một tù nhân gian ác, thật là không phải. Chúng mình bị án phạt đã đành, chứ ông ấy nào có tội tình gì*?" Các quan nhiều lần cho ngươi dụ dỗ cha khai mình là y sĩ để khỏi chết, nhưng trước sau cha vẫn xác định mình là linh mục.

Thời đó, luật nhà nước cấm xử tử những người từ 60 tuổi trở lên. Đàng khác, đây là thời kỳ đầu cuộc bách hại, nên chính các quan khi làm sớ báo tin về kinh đô, chỉ nghĩ tội nhân sẽ phải nộp một số tiền phạt thôi. Ai ngờ, vua Minh Mạng bất chấp luật lệ truyền thống nhân đạo của dân tộc. Ngày 10.10.1833, các quan tỉnh Nghệ An nhận đươc sắc chỉ của vua: "*Tên Tùy đã xưng mình là đạo trưởng và truyền dậy tà đạo cho dân, phải trảm quyết.*"

Một tín hữu nghe tin liền chạy đến nhà giam báo cho "*tử tội*" biết. Cha Tùy không chút lo sợ, chỉ hỏi lại cho chính xác, rồi vui vẻ nói: "*Bấy lâu nay thật tôi không dám đợi trông ơn lớn lao như vậy*." Ngài dùng bữa tối như thường lệ, rồi lặng lẽ một

mình, tránh mọi cuộc tiếp xúc để dọn mình lãnh triều thiên tử đạo.

• Về nơi vĩnh phúc.

Sáng hôm sau 11.10.1833, ngày Giáo Hội ngày đó kính Đức Maria là Mẹ Thiên Chúa, cha Tùy tiến ra pháp trường chợ Quân Ban như đi dự hội, vẻ mặt vui hớn hở, đến nỗi dân đi xem và quan quân đều nói: "*Xưa nay chưa thấy ai đem đi xử mà lại can đảm như thế.*" Một giáo hữu trải chiếu ra, chứng nhân Đức Kitô quỳ xúông cầu nguyện, bên cạnh là người lính cầm thẻ bài bằng gỗ ghi bản án:

"*Can phạm từ lâu học điều dị đoan, xưng mình là đạo trưởng, lẩn trốn trong dân để quyến rũ. Bắt được đã tra xét kỹ càng. Lệnh xử chém tức khắc để răn kẻ khác.*"

Một tín hữu, ông Bernado Thu đến xin quan đừng xử vội, để cha cầu nguyện giây lát. Quan đồng ý và đưa mấy quan tiền theo tục lệ vua ban cho tử tội mua sắm ăn bữa sau cùng. Cha Tùy không nhận, tiếp tục cầu nguyện ít phút nữa. Sau đó, ông Thu lậy cha bốn lậy và nói: "*Giờ đây, cha sắp được về nơi vĩnh phúc đã bao lâu trông đợi. Phần con, con ở lại chốn khóc lóc này, xin cha nhớ đến con.*" Vị linh mục cũng lậy bốn lần đáp lễ và khuyên: "*Hỡi con, con hãy bền lòng vững chí, rồi con cũng được phần thưởng muôn đời.*" Cảnh cha con từ biệt làm nhiều ngươi xúc động đến rơi lệ.

Sau đó, cha nói với quân lính: "*Tôi đã sẵn sàng*". Tiếng thanh la vừa dứt, một người lính vung gươm, đầu vị tử đạo rơi xuống, trong khi linh hồn vút cao về Trời. Các tín hữu xin thi thể cha, khâm liệm vào áo quan, rước về nhà xứ Tràng Nửa và an táng tại đấy. Sau này họ dời hài cốt cha về Xứ Yên Duyên, rồi đưa về nguyên quán ngài là Bằng Sở. Nhiều người đến kinh viếng mộ ngài đã được ơn lạ. Ông Bernadô Thu cũng làm chứng nhiều bệnh nhân được khỏi nhờ cầu nguyện với cha Lê Tùy.

Ngày 27.05.1900, Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn cha Phêrô Lê Tùy lên bậc Chân Phước.

Ngày 17 tháng 10

Thánh Isidôrô GAGELIN KÍNH

Linh mục Thừa Sai Paris
(1799 – 1833)

• Mục tử nhân lành.

***Chúng tôi đã từ bỏ gia đình, quê hương và tất cả lợi lộc trần thế, để chỉ truyền giảng Tin Mừng.*"**

Từ chối chức quan do chính vua Minh Mạng trao ban, cha Gagelin Kính chứng tỏ mình chỉ mong thi hành sứ mệnh linh mục cao quý "*loan báo Tin Mừng cho muôn dân*" (Mc 3, 10). Lòng nhiệt thành mục tử thúc bách ngài không ngừng đi khắp nơi để ban phát các bí tích. Chính vì yêu thương giáo hữu, ước mong họ được bình an, cha đã tự nguyện hiến mình vì đoàn chiên (Ga 15, 13). Ngài thực là gương mẫu sáng ngời cho các thế hệ.

• Túp lều Việt Nam hơn hòang cung nước Pháp.

Isidôrô Gagelin sinh ngày 10.05.1799, tại Montperreux, giáo phận Besancon, nước Pháp. Cậu Gagelin có ý hướng theo ơn thiên triệu ngay từ nhỏ, và từng tâm nguyện "*tôi múôn làm linh mục*". Lớn lên, sau bốn năm học đại chủng viện giáo phận, năm 1819, thầy gia nhập Hội Thừa Sai Paris. Tháng 09.1821, Đức cha Lambertette Bình, Giám mục địa phận Đàng Trong, truyền chức linh mục cho thầy Gagelin Kính, khi mới 22 tuổi.

Thời ấy, vua Minh Mạng mới lên ngôi, bầu khí tự do tín ngưỡng do vua cha (Gia Long) để lại chưa phai nhạt. Linh mục Gagelin Kính vừa nhận chức giáo sư chủng viện An Ninh, Quảng trị, vừa thi hành công tác mục vụ tại các vùng lân cận. cha gửi tâm sự về quê nhà năm 1823: "*Những thiếu thốn những cực nhọc đủ thứ đến với chúng tôi, nhưng tôi dám khẳng định rằng: tôi được hạnh phúc trong túp lều tranh của tôi hơn vua nứơc Pháp ở trong hòang cung của ngài.*"

Dần dần vua Minh Mạng áp dụng chính sách bách hại đạo ngày càng mãnh liệt hơn. Bề trên Thomassin đã phải di tản chủng viện An Ninh và cử cha Kính vào Sàigòn, là khu vực Tả quân Lê Văn Duyệt không áp dụng bài Công Giáo. Cha thừơng thực hiện sứ vụ tông đồ nơi các vùng họ đạo vùng Sàigòn., Bà Rịa và đào tạo chủng sinh tại Lái Thiêu.

• Ngôn sứ Tin Mừng.

Năm 1827 cha Kính được vua Minh Mạng triệu về kinh cùng với các giáo sĩ Tây Phương khác. Vua lấy cớ cần người dịch sách và làm thông ngôn cho triều đình, nhưng với hậu ý cản ngăn việc truyền giáo.

Nhận đựơc triệu lần thứ ba, cha Kính mới lên đừơng về kinh đô. Tại đây, cha gặp hai thừa sai khác là cha Tabert Từ, cũng thuộc Hội Thừa Sai Paris và cha Odôricô Phương, dòng Phanxicô, đã trình diện nhà vua trừơc ngài.

Để trấn an và để có thể che giấu ác ý, nhà vua đề nghị ban chức quan cho các cha, nhưng các cha từ chối. Cha Kính bầy tỏ lập trường trong thư gửi về Pháp:

"*Tôi nói dứt khóat với ông quan do vua sai đến ban ân huệ cho chúng tôi. Tôi cho ông biết rõ mục đích chúng tôi sang đây làm gì, và chức linh mục hơn chức quan dường nào. Tôi cũng nói rõ chúng tôi đã từ bỏ gia đình, quê hương và tất cả những lợi lộc trần gian để chỉ truyền giảng Tin Mừng thì không dễ gì chúng tôi từ bỏ nhiệm vụ này. Tuy nhiên, những công việc nào có thể dung hòa với nhiệm vụ cùa chúng tôi thì chúng tôi sẵn sàng giúp đỡ nhà vua.*"

Tả quân Lê Văn Duyệt, ngươi đã tống đạt lệnh vua và khuyên ba giáo sĩ Tây Phương về kinh đô, khi nhận thấy các ngài bị giam lỏng, chính ông đã về triều đình vào tháng 8 năm 1827 để thuyết phục vua Minh Mạng giữ lời hứa. Tuy không múôn, nhà vua buộc lòng phải trả tự do cho ba linh mục.

Ngày 01.06.1828, cha Kính lên đừơng trở về Đồng Nai, rồi đi thăm viếng các họ đạo tại miền Nam, từ Đồng Nai, Vũng Tầu đến miền Lục Tỉnh, Hà Tiên. Ngài vừa lo hướng dẫn chăm sóc dân Chúa, vừa truyền giảng Tin Mừng cho dân tộc Chàm ở Bình Thuận và dân Campuchia ở Bắc Hà Tiên. Nhưng các sắc dân này tin theo đạo rất ít. Năm 1829, ngài trở về chủng viện Lái Thiêu, đựơc Đức cha Tabert Từ bổ nhiệm làm Bề trên địa phận và cử ra hoạt động ở miền Trung.

• Hiến mình vì đòan chiên.

Cha Bề trên Kính bắt đầu hoạt động mục vụ tại tỉnh Phú Yên, rồi tới Bình Định, Quảng Ngãi (1830). Cha đi bộ từ họ này sang họ khác, dầu xa hay gần, lớn hay nhỏ để giảng dậy, dâng lễ, giải tội và ban phép Thêm Sức cho các giáo hữu. tất ảc những ai quen biết cha, và làm chứng trong cuộc điều tra phong thánh, đều đồng thanh khen ngợi đức hiền từ, lòng đạo đức, tinh thần khó nghèo khổ hạnh và chính trực trong đời sống của ngài.

Ngày 06.01.1833, vua Minh Mạng ra chiếu chỉ cấm đạo gắt gao. Nhiều thân hữu khuyên cha nên tạm hồi hương một thời gian, cha thẳng thắn trả lời: " *Một công dân có nhiệm vụ thi hành nghĩa vụ quân sự, huống chi tôi được trao chức vụ lãnh đạo, sao có thể thoái thác trách nhiệm của mình được*." Thế là dù thời buổi khó khăn, cha vẫn tiếp tục hăng say trong sứ mệnh, thăm hỏi an ủi giáo dân, giảng đạo và rửa tội nhiều người Thượng ở Bình Định. Được một vị quan thân hữu mật báo sẽ có cuộc truy bắt các linh mục Tây Phương, cha lẩn tránh ít lâu. Nhưng khi thấy nhiều giáo hữu bị bắt bớ, đau lòng trứơc cảnh đòan chiên tan tác, cha liền viết thư xin phép Đức Giám mục cho ngài ra nộp mình, hy vọng nhờ đó giáo hữu khỏi bị bách hại. Đức cha Từ chấp thuận. Thế là ngài đến trình diện với quan tri huyện Bồng Sơn (Bình Định) và tháng 05.1833, sau đó cha bị giải về kinh đô.

• "Tôi múôn thành tro bụi để kết hợp với Đức Kitô".

Đến Huế ngày 23.08.1833, cha bị giam ở trấn thủ với cha Jaccard Phan, cùng thuộc Hội Thừa Sai Paris và cha Odôricô Phương, dòng Phanxicô, bị bắt ở Cái Nhum. Cha Phương qua đời năm 1834 sau sáu tháng lưu đầy ở khu đèo Lao Bảo, ranh giới Ai Lao.

Suốt bẩy tuần lễ bị giam cầm, cha bề trên Kinh không bị thẩm vấn lần nào. Vua Minh Mạng đã quá rõ, không thể lay chuyển đức tin can trường của cha.

Kể từ ngày 12.10, quân lính xiềng xích chân tay cha, canh gác nghiêm ngặt hơn,và cấm không cho giáo tiếp với ngươi khác. Linh mục Jaccard Phan, nhờ có liên hệ với triều đình, báo tin cho cha biết ngày hành quyết sắp đến. Cha Kính liền gửi thư phúc đáp, bầy tỏ niềm hân hoan vô tả khi đươc đổ máu cho Chúa. Ngài cũng nhờ cha Phan thông báo cha Đức Giám mục, cho các Bề trên Hội Thừa Sai Paris và gia đình. Cha viết tiếp: "*Tôi từ giã cõi đời không hề thương tiếc sự gì, chỉ nhìn lên Chúa Giêsu chịu đóng đinh, đủ an ủi tôi về mọi đau khổ và cả cái chết nữa. Tất cả ước vọng của tôi là sớm thoát khỏi thân xác tội lỗi này, kể kết hợp cùng Chúa Giêsu trong nơi vĩnh phúc. Tôi múôn thành tro bụi để kết hợp với Chúa Giêsu*."

Vua Minh Mạng giữ bí mật bản án đến phút chót. Sáng sớm mngày 17.10.1833, một đội lính đến ngục thất, áp giải cha Kính, họ còn nói rằng cha đươc dời sang ngục khác. Cha hiểu ngay giờ sau hết đã điểm , cha hỏi: "*Có phải các ông đưa tôi đi*

xử tử không?" Họ đáp: "_Thưa phải_". Thế là ngài vui vẻ mau mắn cùng đòan hành quyết lên đường. Đến đấu cầu ngăn cách kinh thành với khu ngoại ô Bải Dâu, bốn ngừoi lính đỡ bốn chiếc gông nặng nề đè trên cổ vị mục tử. Các linh khác võ trang gươm giáo đi hai bên, hai quan lớn cỡi ngựa đi sau, dân chúng đi xem rât đông. Một người lính giơ co tấm thẻ ghi bản án. Cứ đi khoảng một trăm bước, người lính đó dừng lại, đánh mấy tiếng cồng, rồi đọc bản án như sau:

"_Dương nhân Hoài Hóa mang tội truyền giảng đạo Gia Tô tại nhiều tỉnh nước ta, nên phải xử giảo_." (Hoài Hóa là chữ Han do các quan dịch tên cha Gagelin).

Đến pháp trường, vị linh mục bình tĩnh cầu nguyện, mặc cho quân lính thi hành nhiệm vụ. Họ trói ngài vào chiếc cọc giữa, lấy dây vòng quanh cổ, rồi cuốn hai đầu dây vào hai cọc bên. Hiệu lệnh thứ nhất ban ra, tiểu đội quân lính cầm lấy hai đầu dây. Đến hiệu lệnh thứ hai, họ kéo thật mạnh, trong khoảnh khắc, vị chứng nhân Chúa Kitô trút thơi thở cúôi cùng.

Một học trò cũ của cha Odôricô và một thầy giảng của cha Phan xin phép nhận thi hài thánh tử đạo đem an táng tại một tư gia ở Phú Cam. Vì nghi ngờ môn đệ Chúa Kitô sẽ sống lại sau ba ngày, vua Minh Mạng truyền khai quật mồ vị tử đạo, khám nghiệm kỹ lưỡng, rồi mới yên lòng cho chôn lại. Thế mà vẫn phân vân, vua truyền cho dân làng Phủ Cam trông canh giữ mồ, nếu vị tử đạo sống lại, hay người ta lấy mất thi hài, họ sẽ phải đền mạng. Trong các thư của cha Phan và Đức cha De la Motte Hậu có ghi chép sự việc hy hữu trên.

Thánh Isidôrô GAGELIN KÍNH

Năm 1946, thi hài thánh tử đạo Gagelin Kính đượcđưa về chủng viện Hội Thừa Sai Paris.

Ngày 27.05.1900, Đức Giáo Hoàng Lêo XIII đã suy tôn ngài lên bậc Chân Phước.

Thánh Phaolô TỐNG VIẾT BƯỜNG

Ngày 23 tháng 10

Thánh Phaolô TỐNG VIẾT BƯỜNG

Quan thị vệ
(1773 – 1833)

- **Hiến lễ trong đêm.**

Thánh Phaolô Tống Viết Bường, trương hợp đặc biệt bị xử trảm về đêm. Ngài là viên quan thị vệ có nhiều công trạng với vua Minh Mạng, nên vua muốn cuộc hành hình phải diễn ra thật âm thầm, ít người biết đến. Năm giờ chiều "*tử tội*" mới được báo tin giờ xử, nhưng chính lúc ấy, ông đồi Bường lại coi là một cơ may "*có một không hai*" cho mình. Trên đương ra pháp trường vào buổi chiều cuối tháng mười "*chưa cười đã tối*" đó, ông tìm cách đi chậm lại, và nói với đám lý hình (trước vốn thuộc quyền ông): "*Các chú đi chi mà nhanh rứa, tôi biết đương mà, không sợ lạc mô.*" Và thực ra, trời thì tối, cầu thì hẹp, lại đúng lúc nước sông đang lên, nên đương rất khó đi. Đàng khác, ông Bường chú ý tìm hướng đến nền cũ của nhà thờ Thợ Đúc, xin được chết tại đây. Quan đồng ý ban cho ông như lời ước nguyện. Chính nơi đây, đã từng bao năm tháng, dưới ánh sáng lung linh của những ngọn nến, các tín hữu tụ họp dâng lên hiến tế tối cao làa Đức Giêsu, thì lúc này dưới anh sáng của những ngọn đuốc bừng cháy, ông đội cũng dâng lên Chúa chính mạng sống mình. Cho đến ngày nay, ông vẫn sống mãi trong tâm thức của mọi tín hữu Thợ Đúc, cũng như Giáo Hội Việt Nam.

• Giã từ quan trường vì đức tin.

Phaolô Tống Viết Bường sinh khoảng năm 1773 tại Phú Cam, Phú Xuân (Huế), trong một dòng tộc Công Giáo lâu đời, cũng là dòng tộc có nhiều quan lớn, dưới triều vua Lê, Chúa Nguyễn. Thân sinh là ông Nicolas Tống Viết Giảng và bà Maria Lương. Vì tổ tiên đều làm quan, nên đến khi trưởng thành, ông được chọn là lính thị vệ. Với đời sống liêm khiết và đức độ, sau một thời gian, ông được thăng chức đội, và được nhà Nguyễn tuyển vào làm thị vệ hoàng cung. Vua Minh Mạng rất hài lòng về việc phục vụ cần mẫn và nhiệt tâm của ông. Ông có hai đời vợ, sinh hạ được tất cả 12 ngươi con.

Vào năm 1831, giặc Đá Vách ở Quảng Nam nổi lên quấy phá, quan quân phải đi đánh dẹp. Ông đội Bương được vua cử đi thanh sát mặt trận. Ông mau mắn chu tòan phận sự, và trở về tâu trình thành quả đã đạt được. Nhưng có lẽ trong thời gian đó, có ngươi ghen ghét tố cáo ông theo đạo Công Giáo nên vua hạch hỏi ông: "*Khi xong công tác, khanh có viếng chùa Non Nước không?*" Ông bình tĩnh trả lời: "*Muôn tâu, vì Hoàng Thượng không truyền nên thần không đi. Hơn nữa, chùa Non Nước đâu có giặc để đánh.*" Vua hỏi tiếp: "*Lệ thường, dẹp giặc xong rồi thì phải vô chùa lễ bái, tại sao khanh không đi*?" Ông không ngần ngại trả lời: "*Vì hạ thần theo đạo Công Giáo.*"

Thế là ông đội Bương đã phải trả giá cho lời tuyên xưng của mình. Vua Minh Mạng thịnh nộ trách mắng thậm tệ và dọa đem đi chém đầu. Một số quan chức có cảm tình với ông đội, đứng ra can gián, nhà vua vẫn chưa nguôi giận, ra lệnh đánh

ông 80 roi, tước hết chức quyền, và giáng xúông làm linh trơn. Dù vậy, ông Bường vẫn vui vẻ tiếp tục phục vụ nhà vua.

• Vẹn chữ trung với Chúa.

Hơn một năm sau, khỏang cuối tháng 12 năm 1832, khi chuẩn bị ra chiếu chỉ cấm đạo tòan quốc, vua Minh Mạng đòi kê khai những người Công Giáo trong hàng ngũ thị vệ. Lúc đó, các quan mới phát hiện ra nhiều thị vệ nghe lời "quyến rũ" của ông đội Bương vừa gia nhập đạo. Thế là ông Bường và 11 binh sĩ khác có tên trong danh sách đựơc trình lên. Năm người sợ quá bỏ đạo, còn bẩy người vua hạ lệnh tống giam vào ngục tối tăm hôi hám tại trấn phủ. Mỗi người phải mang gông nặng gần bẩy ký, chân thì bị xiềng sắt xiết chặt.

Thời gian đầu, cứ độ mười ngày một lần, ông Bương lại bị đem ra tra khảo về niềm tin. Lần nào quan cũng hỏi: "*Có bỏ đạo không?*" Và lần nào ông cũng trả lời: "*Lâu nay tôi chỉ thờ một Thiên Chúa đựng nên vạn vật, lẽ nào bây giờ tôi lại bỏ Chúa tôi.*" Hậu quả mỗi lần thưa như vậy là 20 đòn rách da xé thịt, nhưng ngươi chiến sĩ của Chúa không than trách một lời. Với chí khí một người lính kiên cường, ông tỏ ra sẵn sàng chịu những hình khổ cay nghiệt hơn nữa. Có lần ông nói với bạn hữu đến thăm rằng: "*Kiếm cho tôi cái gì nặng hơn chứ gông xiềng tôi còn nhẹ. Người ta còn đánh đập tôi ít quá, tôi tưởng đựơc chịu đòn hơn nữa kia.*"

Bốn quân lính khiêng qua Thập Giá, ông đều mạnh mẽ chống cự đến cùng. Lần kia, quan bắt lính kéo chân ông chạm vào Thập Giá, ông phản đối: "*Việc này do quan làm, chứ*

***không bao giờ tôi làm như thế*.” Quan tức giận truyền đánh tàn nhẫn hơn mọi lần khác.**

Đàn áp không được, các quan quay qua dụ dỗ. Quan Hình Bộ Thượng thư Võ Xuân Cẩn tha thiết ông chiều theo ý vua: “*bỏ đạo lúc này thôi, rồi sau sẽ hay, muốn làm gì thì làm*.” Nhưng ông trả lời: “*Quan lớn có lòng thương thì tôi cũng xin quan lớn một điều là cho tôi được vẹn chữ Trung với Chúa trời*.”

Trong nhà giam, ông thường khuyên các bạn bị bắt hãy kiên tâm bền chí, trông cậy và cầu nguyện Đức Mẹ luôn, để được vững lòng chịu khổ đến cùng, vác Thập Giá theo Chúa Giêsu. Càng bị đau khổ, đời sống thiêng liêng của ông càng gia tăng. Mỗi ngày ông siêng năng cầu nguyện, suy gẫm và đọc kinh Mân Côi. Mỗi tháng nhờ các linh mục cải trang vào thăm, ông đều xưng tội và đón nhận Mình Thánh Chúa. Hai linh mục An và Vững thay nhau vào khích lệ ông. Thừa sai Jaccard Phan cũng gửi thư an ủi động viên ông. Một lần, ông sáng tác đươc một bài thơ gửi cha An, biểu lộ lòng trung kiên sắt đá, coi mọi khổ đau là “*niềm vui trong Chúa*.”

• Đường về Trời.

Thấy không thể lay chuyển đức tin của người môn đệ Chúa Kitô, quan Thượng thư Bộ Hình liền xin nhà vua tuyên án. Vua trả lời: “*Cần gì bản án, cứ việc tra tấn không ngừng, nếu nó không chịu đạp lên Thập Tự thì cứ việc đánh cho chết, rồi vất ra ngoài thành cho xong*.”

Lần thứ hai các quan tâu lại, vua Minh Mạng mới chấp thuận châu phê bản án trảm quyết, treo đầu ba ngày để làm gương cho kẻ khác. Tuy nhiên, vua vẫn chưa cho thi hành ngay, có ý chờ "*người tôi trung*" của mình xin ân xá. Các quan nói ý vua cho đội Bương, nhưng ông quyết liệt từ chối.

Thế là ngày 23.10.1833, lúc năm giờ chiều quân lính báo tin cho ông đội biết giờ hành xử đã đến. Ông bình thản giã từ sáu ngươi bạn cùng bị bắt (cả sáu người này về sau cũng bị tử hình), ông nói:

"*Xin anh em thêm lời cầu nguyện, để tôi lãnh nhận Thánh ý Chúa. Đừng lo cho tôi, anh em hãy luôn đi theo đường lối của Chúa.*"

Trên đương ra pháp trương, lấy cớ bị trói và mang gông nặng, ông đội kéo dài thời gian di chuyển, để đươc chém trên nền nhà thờ Thợ Đúc. Dọc đương, ông gặp mặt con gái, đã về nhà chồng ở họ Thợ Đúc, tuy không nói với nhau lời nào, nhưng trong ánh mắt hai cha con, dạt dào biết bao tình cảm xúc động.

Dưới ánh sáng bừng bừng của những ngọn đuốc, ông đội đươc tháo gông, cởi trói và tự do trong ít phút, ông tiến vài bước, bình tĩnh đứng nhìn lần cuối cùng những mái nhà thân thương của giáo xứ vây quanh nền nhà thờ hoang tàn. Rồi bước lên chiếc chiếu do một bạn cũ tên Thục ở Phủ Cam đưa cho lính trải. Ông quỳ xúông cầu nguyện giây lát, và ra lệnh cho lính thi hành án xử. Quân lính trói tay ông lại và vung gươm chém rơi đầu người chiến sĩ đức tin kiên cường. Thủ cấp ông bị

bêu ba ngày ở nhà thờ Thợ Đúc, còn thi hài vị tử đạo đươc an táng ở họ Phủ Cam.

Ngày 27.05.1900, ông Phaolô Tống Viết Bường đươc Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn lên bậc Chân Phước.

Ngày 24 tháng 10

Thánh Giuse LÊ ĐĂNG THỊ

Cai đội
(1825 – 1860)

• Cùng bạn về trời.

Đúng ngày bị hành quyết, cai đội Giuse Lê Đăng Thị thức dậy rất sớm. Ông đánh thức một tù nhân bị xử tử cùng ngày, rồi đưa anh vào một góc nhà giam. Sau nhiều ngày tận tâm hướng dẫn người bạn dự tòng này, hôm nay (24.10) ông nghiêm trạng đổ nước rửa tội cho anh "NHÂN DANH CHA, VÀ CON VÀ THÁNH THẦN". Thế là ông có một người bạn đồng hành với mình vào quê hương vĩnh phúc trên Trời.

Giuse Lê Đặng Thị sinh năm 1825 tại xứ Kẻ Văn, làng Văn Quy, tỉnh Quảng Trị, trong một gia đình binh nghiệp. Thân phụ anh giữ chức cai dội. Lớn lên, anh cũng theo nghề của cha, xin nhập ngũ và phục vụ trong quân dội nhà vua. Một thời gian sau, anh được thăng Chưởng vệ trông coi lính ở Hà Tĩnh, rồi được dời vào Nghệ An. Tại đây, anh lập gia đình và sống hạnh phúc với vợ con.

• Bão tố và niềm tin.

Vua Tự Đức sau một thời gian bách hại đạo gắt gao, đã phát hiện ra lệnh của mình chưa được thi hành đồng loạt, vì ngay trong hành ngũ lãnh đạo, cũng có người theo đạo Công

Giáo. Ngày 15.12.1859, nhà vua ra thêm một chiếu chỉ bắt tất cả các quan có đạo đó: "*Những quan nào có đạo (theo tả đạo), dù thành thực bỏ đạo cũng phải truất chức. Cần phải diều tra cẩn thận dể tìm thêm những viên chức triều đình theo tả đạo. Những ai không tố giác, hoặc chứa chấp trong nhà mình, cũng bị trừng phạt như chúng...*". Nhà vua còn bắt tất cả các quan quân phải bước qua Thánh Giá trước khi ra trận đánh giặc Tây. "*Ai không bỏ đạo sẽ bị giải ngũ, bị khắc chữ tả đạo vào má và phát lưu*".

Theo lời khuyên của quan trấn thủ, ông cai dội Lê Đăng Thị làm đơn xin xuất ngũ lấy cớ bệnh tật. Đơn xin được chấp thuận, ông trở về quê cũ để vợ con ở lại Nghệ An. Tháng giêng năm 1860, chiếu chỉ vua Tự Đức trên dây được áp dụng triệt để trên toán quốc, ông cai Thị vì có kẻ tố giác, nên bị bắt ngày 28.1 cùng với một số bạn đồng ngũ khác và bị giải về Quảng Trị. Ông vui vẻ nhận mình là cai đội và là Kitô hữu.

Cuối tháng hai, ông phải ra tòa cùng với 31 quân nhân khác. Trong số đó có ba người bỏ đạo. Tất cả đều bị cách chức, một được tha về vì già yếu, còn lại 10 người bị thích tự, lưu đầy chung thân, 17 người bị án tử hình giam hậu.

Riêng ông cai Lê Đăng Thị nhận án xử giáo, nhưng hẹn đến cuối tháng mười mới thi hành. Từ đó ông được đưa về giam ở khám đường Huế. Trong một lá thư gửi về cho vợ, ông viết: "*Anh nghĩ rằng chúng ta không còn gặp nhau nữa, dầu chuyện gì zảy ra, chúng ta vẫn đang và yêu thương nhau. Anh luôn nhớ đến em và các con mỗi ngày*".

• Xứng danh huynh trưởng.

Suốt thời gian trong tù, vì là người có cấp bậc cao nhất, ông cai Thị khích lệ các anh hùng đức tin cùng bị giam bằng lời nói và nhất là bằng mẫu gương trung thành, can đảm. Cũng do chức vụ ấy, ông bị mang một gông rất nặng và bị đánh đập tra tấn nhiều hơn mọi người. Dù còn trẻ trung sung sức, nhưng trước những cực hình dã man, ông đã ngã bệnh. Khi đó, ông chia sẻ với các ban tù nỗi lo lắng lớn nhất của mình. Ông noí: "*Tôi không rõ Chúa có cho tôi sống đến ngày tử đạo không. Tôi sợ bệnh tật làm tôi chết sớm hơn. Than ôi! Chắc vì tội tôi, nên Chúa từ chối cho tôi ơn trọng ấy".*

Một linh mục đã đến thăm và giải tội cho ông. Hôm sau một thầy giảng cũng lén vào trao Mình Thánh Chúa cho ông. Ngày 24.10.1860, ông cai bị dẫn đi hành hình. Viên quan đề nghị ông lần cuối cùng xuất giáo, và hứa sẽ xin vua ân xá, nhưng ông cai Thị quyết liệt từ chối. Bản án của ông được ghi như sau: "*Lê Đăng Thị, Chưởng vệ, theo tà đạo, không chịu bỏ đạo thì y không thể tha thứ được. Y bị kết án xử giảo cuối mùa thu".*

• Vạn phúc.

Tại pháp trường An Hòa (Huế), ông cai kính cẩn quỳ trên chiếu cầu nguyện. Một linh mục đứng lẫn trong đám dân chúng ra dấu và giải tội lần cuối cho ông. Sau đó, ông kêu lớn tiếng: "*Vạn phúc! Vạn phúc! Tôi sắp được tử đạo".* Lý hình quấn một sợi dây vào cổ ông cai dội, rồi chia ra hai bên kéo thật mạnh cho tới khi chứng nhân Chúa Kitô tắt thở. Các tín hữu

Phủ Cam tổ chức lễ an táng đông đảo tại xứ mình. Hiện nay hài cốt vị tử đạo còn dược lưu giữ tại nhà thờ dòng Chúa Cứu Thế Huế.

Đức Giáo Hoàng Piô X suy tôn ông Giuse Lê Đăng Thị lên hàng Chân Phước ngày 02.05.1909.

Ngày 28 tháng 10

Thánh Gioan ĐẠT

Linh mục
(1765 – 1798)

• Hiến mạng vì đòan chiên.

***Người mục tử nhân lành hiến mạng sống cho đòan chiên.*" (Ga 10, 11b). Đó là lời Đức Giêsu đã được thánh Gioan Đạt đem ra thực hiện một cách tuyệt hảo. Đang khi quân lính truy bắt, cha có thừa cơ hội trốn thóat, nhưng vi thương các tin hữu đang bị tra khảo, thấy quân lính tàn nhẫn đánh đập, cha đã tự nguyện ra trình diện.**

Gioan Đạt mở mắt chào đới năm 1765 tại làng Khê Cầu, huyện Bình Lục, Thanh Hóa, địa phận Tây Đàng Ngoài. Mồ côi cha từ nhỏ, cậu Đạt xin phép mẹ để hòan toàn hiến thân cho Chúa dưới sự chăm sóc đầy tình thương của cha Loan xứ Đồng Chuối. Năm 18 tuổi, cậu xin vào chủng viện, sau đó, đi giúp xứ một thời gian. Đến năm 1798, thầy mới thụ phong linh mục.

Cha Gioan Đạt được phái đến xứ Hảo Nho, Thân Phú. Vị tân linh mục hết sức lo lắng cho các tín hữu nên đươc mọi ngươi yêu quí. Cha chính địa phận Tây Đàng Ngoài nhận xét: "*Cha đạt có nhiều nhân đức, nhất là đức tuân phục và khó nghèo. Cha luôn chu tòan mọi bổn phận, nên Đức cha và các vị thừa sai đều quí mến. Lời cha giảng có sức mạnh đặc biệt, có sức thuyết phục lòng ngươi.*"

Mới thi hành sứ vụ linh mục đựơc sáu tháng, vua Cảnh Thịnh ra sắc chỉ bắt đạo gắt gao hơn trứơc. Quan trấn ra lệnh cho quân lính tầm nã các tín hữu, nhất là các đạo trửơng. Cha Đạt phải trốn lên rừng một thời gian. Khi thấy tình hình có vẻ lắng dịu, cha thường lén về giáo xứ ban các bí tích.

Một hôm cha vừa hoàn tất thánh lễ an táng tại tư gia thì quân lính ập đến. Giáo hữu đưa cha ra sau nhà, và chỉ lối cho cha thoát thân. Thế nhưng cha không đành lòng bỏ họ ra đi. Và khi đó, lính đã tìm thấy chén thánh và áo lễ, nên đang tra tấn chủ nhà, ông trùm Mới và một số tìn hữu khác. Như Chúa Giêsu xưa yêu cầu quân Do Thái để các tông đồ đựơc an toàn, cha cũng tự nguyện ra trình diện. Ngài nói: "*Vẫn biết tôi có thể trốn thóat, nhưng như thế anh chị em sẽ khổ nhiều*."

Quân lính trói cha lại, rồi đánh đập tàn nhẫn cùng với thầy Tâm và ba vị trong ban chức giáo xứ. Các giáo hữu ở đó định cậy đông ngừơi dùng sức mạnh giải vây cứu cha, nhưng cha biết ý, cản họ lại: "*Cứ để tôi vâng theo Thánh ý Chúa, anh chị em ở lại bình yên, kiên trung giữ đạo, và nhớ cầu nguyện cho tôi vững vàng đến cùng*." Trên đường áp giải cha về Thanh Hóa, khi ngang qua làng Kẻ Dừa, có ngừơi cầm nón đưa cho cha đội, nhưng quân lính không cho.

- **Chứng tá trong tù.**

Hai tháng tù tại Đình Đang, cha Đạt làm mọi ngừơi bỡ ngỡ, vì thấy cha trong hòan cảnh đó mà vẫn bình tĩnh vui vẻ. khi các tín hữu đến thăm và khóc thương, cha nói chuyện vui

cho họ bớt u sấu và an ủi khích lệ họ. Cha nói: "*Tử đạo là phúc cao trọng, An Nam ta chưa được mấy ngươi. Nếu được tử đạo, tôi mừng lắm*."

Lương dân sống gần trại giam cũng cảm mến thương cha. Một thiếu phụ lòng ngay đưa cha một chai độc dược để kết liễu cuộc đời khổ đau trong tù ngục. Cha từ chối và giải thích cho bà biết: "*Người Công Giáo chân chính, dù trong hòan cảnh nào cũng không chấp nhận tự tử.*" Đặc biệt cha còn cảm hóa được cả đám lính canh ngục. Mới đầu họ hay làm khó dễ, cứ mỗi lần đổi ca gác, họ lại bắt các tín hữu đút lót tiền, nếu không họ sẽ hành hạ tù nhân. Sau thấy được lòng bác ái yêu thương của cha Đạt, đám lính canh đã có thiện cảm và dễ dàng hơn với các tín hữu. Một lần cha bênh vực cho một ngươi lính ăn cắp nải chuối giáo dân gửi vào cho cha. Lần khác, cha nói với họ rằng: "*Khi nào tôi được phúc trên trời, tôi sẽ chẳng quên anh em dưới thế.*"

Ông Thiêng, cai ngục, tỏ lòng quí mến cha cách đặc biệt. Khi gặp riêng, ông nòi với cha rằng: "*Tôi thấy cụ khôn ngoan, đạo đức thì múôn kết nghĩa huynh đệ lắm, ngặt vì cụ sắp bị kết án tử rồi. Tôi xin hứa biếu cụ cỗ quan tài để biểu lộ lòng tôi quí cụ.*"

Nhiều lần, cha Đạt và các tín hữu bị lôi ra quỳ trứơc tòa, tay chân mang xiềng xích, cổ đeo gông. Ông Hoàng Đệ là em vua Cảnh Thịnh, đích thân chủ tọa phiên tòa. Ông bắt các anh hùng đức tin chối đạo hoặc đạp lên Thánh Giá, và dù đã áp dụng nhiều thức tra tấn dã man, nhưng ông vẫn hòan toàn thất

bại. Có hôm ông yêu cầu cha Đạt cắt nghĩa tấm ảnh phán xét chung, rồi nói cha đạp lên tấm ảnh đó thì sẽ được tha. Nhưng cha cúi xúông cầm lấy ảnh và hôn kính cách sốt sắng.

• Hiến lễ dâng Thiên Chúa.

Trung tuần tháng 10, ông Hòang Đệ gọi cha ra công đừơng tuyên án xử tử. Ôn tửơng nghe bản án cha sẽ kinh ngạc và đổi ý, không ngờ cha lại tỏ ra hân hoan khác thừơng. Về trại giam, cha thuật lại cho các bạn tù nghe án xử như một tin mừng đến với cha. Cha Huấn xứ Bạch Bát giả làm cụ đồ bạn cũ đến thăm, giải tội và đem cho cha Mình Thánh Chúa.

Đúng ngày hành xử, trời bỗng đổ cơn mưa như trút. Cha Đạt, cổ đeo gông nặng trĩu, phải lẽo đẽo chạy theo lính dứơi cơn mưa tầm tã tiến ra pháp trừơng Trinh Hà. Tại đây, giáo dân đã trải chiếu hoa, cha bình tĩnh quỳ xúông cầu nguyện. Khi các quan cho phép, tín hữu ùa đến bên cha lãnh phép lành cuối cùng. Cha khuyên họ:

"*Là Kitô hữu, chúng ta phải vâng lệnh vua quan trong những điều hợp lý, nhưng trứơc hết, phải tôn trọng lề luật Chúa.*"

Một hồi chuông nổi lên, mọi ngừơi phải lui ra xa. Lý hình vung gươm kết liễu cuộc đời vị linh mục trẻ đầy nhiệt huyết và can đảm. Giáo hữu và lương dân đều xúm lại thấm máu vị chứng nhân đức tin. Đó là ngày 28.10.1798, khi đó cha Đạt mới 33 tuổi, với chưa đầy một năm phục vụ trong chức linh mục.

Thánh Gioan ĐẠT

Đời sống của cha Gioan Đạt là mẫu gương sáng ngời về tình yêu. Yêu lý tưởng, cha hiến thân tu hành, yêu anh em, cha tự nguyện nộp mình và yêu Thiên Chúa, cha hiến tế chính mạng sống vô giá không thương tiếc. Thi hài vị tử đạo đươc đưa về an táng tại nhà thờ Phúc Nhạc (Phát Diệm).

Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn cha Gioan Đạt lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

Ngày 01 tháng 11

Thánh Jeronimô HERMOSILLA VỌNG (LIÊM)

Giám mục dòng Đaminh
(1800 – 1861)

• Cột trụ Giáo Hội Việt Nam

Thánh Hermosilla Liêm là một trong ba vị thừa sai lỗi lạc và can đảm nhất trong lịch sử Giáo Hội Việt Nam, sánh bước với Đức cha Cúenot Thể (1835-1861 địa phận Đàng Trong) và Đức cha Retord Liêu (1840-1858 địa phận Đàng Ngoài), ba trụ cốt chống đỡ Giáo Hội Việt Nam trong những giai đoạn khó khăn thời bách hại. Riêng Thánh Giám Mục Liêm luôn luôn đứng đầu sổ truy nã của ba triều vua và các Tổng đốc Nam Định, đã khéo léo khi ẩn khi hiện, hòan thánh trách nhệim một cách tuyệt vời.

33 năm thừa sai không một ngày yên ổn. 20 năm Giám mục chứng kiến bao cảnh tang thương, nhưng chính ngài đã chủ phong cho bốn Giám mục (Đức cha Jimenô Lâm, Marti Gia, Alcazar Hy và Sajurjo An), và truyền chức cho nhiều linh mục bản xứ, đã điều khiển địa phận Đông Đàng Ngoài phát triển vững chắc, đủ khả năng tách làm hai, và khi ngã gục dưới lưỡi gươm của lý hình thì theo sử gia Rodriguez: Ngón tay phải của ngài vẫn chỉ lối cho nhân loại hướng đến một vì sao.

• Thỏa niềm ước mong.

Thánh Jeronimô Hermosilla sinh ngày 30.09.1800 tại Santo Domingo de la Calzada trong một gia đình tuy nghèo nhưng đạo đức (Tây Ban Nha). Từ nhỏ cậu đươc theo học với các cha dòng Biển Đức và có ý định xin vào dòng này năm 15 tuổi. Thời đó, nước Tây Ban Nha chịu sự thống trị của Napoléon I, các dòng tu không đươc nhận ngươi. Hersomilla đươc giới thiệu qua học tại chủng viện địa phận Valencia do các cha dòng Đaminh điều hành. Duyên kỳ ngộ này đã đưa cậu đến dòng Thuyết giáo và lãnh tu phục năm 19 tuổi.

Năm sau (1820), nước Tây Ban Nha có loạn, một số tu viện phải giải tán, tài sản Giáo Hội bị xung công, các giáo sĩ tuyên thệ không trung thành với hiến pháp mới đều bị bắt giam, bị lưu đầy hoặc bị giết. Hermosilla đành phải rời nhà dòng, đăng ký vào quân đội cho đến năm 1823. Khi vua Fernando khôi phục lại quyền bính, cậu xin vào nhà tập và khấn dòng ngày 20.10.1823. Ba năm quân ngũ đã mãi mãi lưu lại nơi vị tu sĩ này tính xông pha, lòng gan dạ và đức kiên nhẫn.

Năm 1824, khi đọc thư kêu mời của tỉnh dòng Rất Thánh Mân Côi Manila, thầy Hermosilla và 11 ngươi khác liền tình nguyện đi truyền giáo ở Viễn Đông. Sau sáu tháng lênh đênh trên biển, ngày 02.03 năm sau, 12 tu sĩ này đã đến Manila quỳ phục dưới chân cha giám tỉnh và thưa: "*Này con đây, xin hãy sai con.*" Quả là niềm vui lớn lao của tỉnh dòng, vì 20 năm qua, tỉnh dòng chỉ đón nhận đươc 27 ngươi, bên cạnh con số 86 vị đã qua đời vì tuổi già. Năm 1826, thầy Hermosilla lãnh chức linh mục và làm giám đốc Hội Mân Côi.

Năm 1828, cha tình nguyện đến Việt Nam cùng với ba thừa sai Pháp, khởi hành từ Macao đến Bắc Việt ngày 05.02.1829, 9 giờ tối, cha tới trụ sở cha chính Amandi Chiêu, và sáng hôm sau tới trình diện Đức cha Degado Y.

Tả sao cho xiết niềm vui của vị Giám mục. Cả địa phận Đông Đàng Ngoài chỉ có ba vị thừa sai, gồm hai Đức cha Y và Henares Minh, cha chính Hiền, nhưng cả ba vị đều già và bệnh tật. Vừa thấy vị thừa sai mới, Đức cha đã chạy ra và vui sướng: "*Vọng! Vọng! Ước Vọng!*" Và từ đó, Vọng trở thành tên gọi chính thức của cha Hermosilla.

Sau vài tháng miệt mài học tiếng Việt, cha Vọng đã không phụ lòng mong đợi của các bậc đàn anh. Cha hòa mình rất nhanh với các tín hữu cũng như người ngoại giáo, tất cả là hy sinh và yêu thương. Không hề mệt mỏi, vị thừa sai 30 tuổi không ngừng di chuyển thăm viếng các họ đạo, giảng dậy, rửa tội và giải tội. Nỗi buồn duy nhất của cha là việc nhiều quá mà làm không xuể. Cha liền viết thư xin bề trên gửi thêm những tu sĩ trẻ, khỏe mạnh và hăng hái khác.

• Danh "trùm Vọng" thời vua Minh Mạng.

11 năm thừa sai đầu tiên, cha Vọng là linh hồn các hoạt động truyền giáo của dòng Đaminh trong địa phận: Bốn năm phụ tá cha chính Amandi Chiêu, ba năm bề trên dòng, một năm phụ tá cha chính Hiền, rồi thay thế ngài từ năm 1838. Nhưng thực tế những năm làm phụ tá, vì cha chính già yếu, mọi công việc đều do cha Vọng điều hành. Cha đã nâng số linh mục bản xứ lên đến 40, đủ sức đương đầu với cơn bách hại sắp tới.

Bão tố đã thực sự bừng lên trên địa phận Đông Đàng Ngoài từ năm 1838, khởi từ sau lá thư gửi cho bốn thừa sai và hai linh mục Việt Nam của cha Viên bị phát hiện. Hai Giám mục và cha chính bị tử đạo, nhiều linh mục tu sĩ giáo dân đã đổ máu vì đức tin. Cũng vì một trong sáu lá thư gửi cho cha Vọng, nên "*danh trùm Vọng*" được ghi vào đầu sổ bộ truy lùng của vua Minh Mạng và quan Tổng đốc Trịnh Quang Khanh. Chiếu chỉ 18.01.1839 dành một đoạn nói về cha: "*Hãy còn danh Trùm Vọng chưa bắt được, dù quan quyền, dù thứ dân, chẳng kỳ ai, hễ bắt được sẽ lãnh thưởng mười ngàn quan tiền. . .*"

Để giúp dân dễ nhận diện, vọ tình vua Minh Mạng cho chúng ta biết đôi nét về chân dung của vị thừa sai này: "*Người cao lớn, mũi dài, râu rậm, cặp mắt tinh anh và hơi sám, nước da trắng trẻo, khuôn mặt phương phi. . .* " Đúng là chân dung của một con ngươi nghị lực không bao giờ chịu lùi bước. Quả thật, trong giai đọan này tuy rất thận trọng, cha Vọng vẫn đi khắp nơi an ủi người này, khích lệ kẻ kia, và trao ban các bí tích như coi thường cơn giận dữ của "*hỏa ngục*". Dĩ nhiên không phải là không có những giây phút hồi hộp, khi thì súyt bị bắt với Đức cha Y, khi thì bị cắm đầu cắm cổ vượt vòng vây chạy trốn. Có những lần một mình đi giữa đêm tối trên những đạon đường quanh co xa lạ.

• Thoát chết trong đừơng tơ kẽ tóc.

Chúa gìn giữ cha Vọng trong nhiều trường hợp kỳ lạ. Lần kia, tại xứ Liễu Dinh, một người lính đã thấy cha trong phòng, liền gọi đồng đội ra tiếp sức. Đến khi họ vào, cha ngồi

sau màn cầu nguyện: "*Xin cho ý Chúa được thể hiện. . .*" Thế mà lính không thấy gì cả, cho đến khi họ nhìn thấy một cụ già có râu ngoài sân, liền nhào ra bắt nhầm, và cha có thời giờ chạy trốn thóat.

Lần khác, quan Tổng đốc Trịnh Quang Khanh dẫn 800 lính với hàng chục chiếc thuyền bao vây làng cha đang ẩn trốn, bỗng trời nổi giông bão, thế là quan quân hòan tòan thất bại: hai thuyền bị đắm và nhiều chiếc bị trôi dạt kéo theo ba sĩ quan và các linh thủy.

Vào cuối thời vua Minh Mạng, địa phận chịu thiệt hại đáng kể. trên 1.000 nhà thờ bị rỡ xúông, có nơi phải nộp gỗ ván cho quan tỉnh. Các chủng viện, 40 nhà chung, 60 họ đạo, 22 nhà phước Đaminh, 3 nhà phước Mến Thánh Giá, đều bị triệt hạ và giải tán mỗi ngươi mỗi nơi, giáo dân thì bơ vơ, hai vị Giám mục và cha chính chịu tử đạo, mọi gánh nặng đổ trên vai cha Vọng. Tuy nhiên với sự cộng tác của hai thừa sai, 37 cha dòng Việt và một số linh mục triều, năm 1840, địa phận đã rửa tội thêm 143 người lớn, hơn 1.000 trẻ em, giải tội 118.000 người và chứng hôn 1.630 đôi.

Thời gian này có hai mẫu chuyện về cha Vọng.

***Thứ nhất về lá thư cha báo cáo về tình hình Bắc Việt cho Bề trên tỉnh về sự kiên cường của các vị tử đạo và "sức sống ngầm" của* Giáo Hội Việt Nam trong những năm giông tố. Lá hư đã làm cho cả tỉnh dòng vui mừng. Tại nhà thờ thánh Đaminh ở Manila, cộng đòan tu sĩ đã sốt sắng hát kinh "*Te Deum*" và cử hành một thánh lễ tạ ơn. Lá thư này đươc phổ biến khắp nơi,**

làm cả thế giời ngạc nhiên và khâm phục. Đức Grêgoriô XIV viết cho Giáo Hội Việt Nam một lá thư mục vụ khích lệ, ngài họp hội đồng cơ mật trù liệu việc phong thánh cho các vị tử đạo Việt Nam.

Chuyện thứ hai là chuyện thừa sai Marti Gia đã đến Yên Trì đươc gần một năm mà không có cách nào trình diện để tuyên thệ theo luật bấy giờ (sắc EX QUO). Lúc ấy, cha Vọng đang làm Bề trên phải bỏ chỗ ẩn an toàn để đến gặp người dươi tiến hành việc tuyên thệ này, cũng như đưa ra những lời khuyên thực tiễn.

Dưới thời vua Thiệu Trị, cuôc bách hại tuy lắng dịu, nhưng vẫn còn xẩy ra ở một vài nơi. Tòa Thánh đặt cha Vọng làm Đại diện Tông Tòa thay thế Đức cha Y và Minh đã tử đạo. Theo dự định, lễ tấn phong sẽ cử hành vào ngày 14.04.1841 tại Vĩnh Trị, Phúc Nhạc, nơi Đức cha Retord Liêu ẩn trú. Tổng đốc trịnh Quang Khanh đươc mật báo đem quân bao vây bắt lầm đươc hai thừa sai Pháp là Berneux Nhân và Galy Lý. Trên đừơng áp giải về dinh, dân chúng kháo với nahu: "*Kìa! Đó là danh trùm Vọng!*" Tổng đốc Trịnh Quang Khanh cũng không giấu đươc vui mừng cho đến khi biết mình đã lầm, liền tức giận, cho đóng cũi, tra tấn dã man và lột trần cả hai vị, trói ngoài công đường cho mọi ngươi sỉ nhục. Về sau nhờ áp lực của quân Pháp, nhà vua cho lệnh tha hai vị về (1843) (Xem thêm hạnh thánh Anê Đê, tr. 273)

Hai ngày sau, cha Vọng mới khởi hành từ Hải Dương đến Vĩnh Trị. Vì đã biết vụ hai vị thừa sai bị bắt, cha nhờ giáo hữu dẫn đi đường khác. Tất cả chỉ có thể đi vào ban đêm, băng

rừng lội suối, có khi đi thuyền nhưng thường là đi bộ, còn ban ngày thì ẩn nấp trong bụi cây, ngoài đồng lúa hay bụi tre. Tổng đốc Trịnh Quang Khanh đã cho đặt các trạm canh khắp nơi. Đặc biệt có một trạm canh rất cẩn mật, cha phải hối lộ cho viên phó Tổng, và theo kế hoạch của ông ta để lọt được qua trạm. Đêm ấy, theo lời chỉ dẫn, cha mặc áo cộc, quần nâu xắn lên tới đầu gối, lấy bùn xoa đen hết mặt mũi tay chân, bụôc túm râu tóc lại, đầu đội nón lá . . . rồi nắm đuôi ngựa của viên phó Tổng đang cưỡi, chạy lăng xăng theo sau, như tên đầy tớ để qua trạm.

- **Vị Giám mục khôn ngoan.**

Đến Vĩnh Trị, cha Vọng tìm đến tòa Giám mục của Đức cha Liêu. Đó là một cái chòi có lối chạy xuống hầm để đề phòng mỗi khi quan quân bất ưng đến thăm. Tại đây, ngày 25.04, cha được tấn phong, Đức tân Giám mục tìm đường trở về địa phận và đổi tên là Liêm, thay cho danh trùm Vọng vẫn được treo giá cả vạn quan. Ít lâu sau, Tổng đốc cũng ngã bệnh và qua đời.

Lợi dụng tình hình lắng dịu, Đức cha Liêm hoạt động không ngừng. Ngày 26.06, ngài tấn phong Giám mục cho cha Jimenô Lâm làm phụ tá. Sau lễ, ngài tập họp các linh mục để lập chương trình truyền giáo trong hòan cảnh mới. Từ đó, cả địa phận bừng lên sức sống mới. Các nhà thờ, nhà xứ được tái thiết, các nữ tu viện, nhà Đức Chúa Trời được tu sửa. Giáo hữu góp tiền chuộc các anh em khác còn bị giam giữ. Trường Latinh được xây lại tại Nam Am (Hải Dương), sau dời về Lục Thủy. Trường Thần học được thiết lập ở Mỹ Động, Hải Dương.

Đức cha khuyên giáo dân đặc biệt tin tưởng, cậy trông vào Đức Mẹ, siêng năng đọc kinh Mân Côi và kêu cầu nữ thánh Philomêna tử đạo. Sau này, ngài chọn thánh nữ làm Bổn Mạng địa phận và xin phép Tòa Thánh mừng lễ hàng năm. (1)

Nhờ sự cộng tác của nhiều tân linh mục trong địa phận và nhiều thừa sai mới được gửi tới, tình hình địa phận Đông phục hồi rất nhanh. Việc trao ban bí tích được gia tăng thêm mỗi năm. Chỉ cần cẩn thận đôi chút, các Giám mục có thể đi ban Bí tích Thêm sức nhiầu nơi.

Năm 1844, ngài mở lễ kính thánh Tổ phụ Đaminh rất trọng thể. Các linh mục tu sĩ, giáo dân tahy nhau về thánh đường Nam Am suốt 8 ngày liền. Họ gặp nhau chia sẻ tin tức, kinh nghiệm sống đạo của mình. Thánh lễ đại trào duy nhất của Đức cha Liêm, sau này sẽ trở thành tập tục "*Lễ Đầu Dòng*" trong địa phận. Số tân tòng ngày càng gia tăng. Ngày 22.08.1844 tại Đông Xuyên, Đức cha rửa tội cho 44 người lớn, trong đó có một Chánh tổng, một phó Tổng, tám Lý trưởng, một thầy cúng.

Sự phát triển ấy ngày càng phấn khởi hơn. Năm 1848, khi số tín hữu lên tới 184.000, Đức cha xin Tòa Thánh chấp thuận chia địa phận thành hai: Địa phận Trung (nay là Bùi Chu, Thái Bình) đươc trao cho Đức cha Marti Gia, còn Đức cha

---

(1) Hiện nay Giáo Hội không kính thánh nữ Philomêna nữa, vì danh xưng này đươc tìm thấy nơi huyệt mộ của vị thánh tử đạo lại không phải là tên của ngài.

Liêm giữ lại phần đất đông dân cư (trên mười triệu), mà ít tín hữu (chỉ 0,4 phần trăm). Từ đó, hai địa phận ngày càng phát triển vững mạnh hơn, mặc dù vua Tự Đức bắt đầu bách hại đạo. Năm 1852, địa phận của Đức cha Liêm rửa tội được 388 người lớn, 2.824 trẻ em, trong đó đa số là trẻ em ngoại.

Mười năm cuối đời của Đức cha Liêm là những năm đầy vất vả và gian lao. Vua Tự Đức ra thêm chiếu chỉ cấm đạo. Năm 1855, khi qua địa phận Trung, hai thầy giảng tháp tùng Đức cha Liêm bị cướp bắt, Đức cha phải năn nỉ cả ngày họ mới chịu tha. Năm sau, chính Đức cha bị bắt, khi ngài đi kinh lý xứ Hữu Bàng, phải chuộc mất 300 quan. Năm 1858, trước tình hình bách hại gay gắt, sẽ không còn ai sống sót, Đức cha họp và quyết định chia một nửa số thừa sai về Macao, chờ ngày thuận tiện sẽ trở lại địa phận hoạt động. Ngài chỉ giữ lại năm thừa sai Đaminh cho cả hai địa phận. Năm 1859, một lần nữa, Đức cha phải đổi tên là Tuấn, để khỏi bị lộ cho tới ngày chiếu chỉ phân sáp ra đời.

• Nỗi đau của vị chủ chăn.

Tả sao cho hết nỗi đau của vị chủ chăn dòng Thuyết giáo. Hai cuộc tử đạo của hai Đức cha An và Xuyên, biết bao hung tin mỗi ngày: các thánh đường bị phá hủy, nhiều linh mục và thầy giảng bị ngã gục. Giờ đây chiếu chỉ phân sáp lại nhắm đến giáo dân. Ý thức bổn phận chủ chăn, ngài liền viết một thư luân lưu cho khắp địa phận, kêu gọi mọi ngươi thống hối, để Chúa mở tay ban phát mọi sự lành, kêu gọi tín hữu tin vào Chúa quan phòng, vì "*lá cây nhỏ mọn mặc lòng, nếu Chúa chẳng cho động, nó chẳng động đựơc đâu*", khích lệ mọi ngươi can đảm

xưng đạo cho vững vàng, năng suy niệm cuộc thương khó mà Chúa đã chịu vì nhân loại hầu được thêm can đảm.

Đêm thu 14.08 năm Tân Dậu (18.09.1861), trong khung cảnh tịch mịch của đêm trăng rực sáng, Đức cha Liêm ngước mắt nhìn cảnh vật mà lòng xúc động tráo dâng. Ngài nghĩ đến số phận đòan chiên đang bơ vơ thiếu chủ chăn, những gia đình tín hữu bị phân tán, vợ một nơi chồng một nẻo, con cái phải xa cha mẹ . . . Nhưng nỗi khổ tâm lớn nhất của ngài là cũng đêm đó, chủng viện Kẻ Mốt phải giải tán, những mầm non của Giáo Hội thiếu điều kiện phát triển. Cha Khoa thay mặt ngài, giờ đây đang nói với chủng sinh những lời cuối cùng xiết bao xúc động:

"*Từ trước tới nay Đức cha cố giữ anh em ở đây, và lo liệu cho anh em thực hành. . . Bây giờ Đức cha buộc lòng phải giải tán nhà trường. Nếu Chúa để chúng ta còn sống thì rồi đây có ngày Đức cha sẽ gọi anh em trở lại. Đức cha nhắn lời chúc lành và dặn dò anh em sống sao cho tốt, trông cậy vào Chúa là Cha nhân lành và đừng quên cầu nguyện cho ngài, cho địa phận và cho cả Giáo Hội Việt Nam. Anh em hãy thu xếp đi ngay trong đêm nay, khỏi cần bái chào Đức cha, kẻo ngài không cầm được nước mắt. . .*"

Cũng đêm đó, Đức cha Liêm phải rời làng Kẻ Mốt đên trú ẩn ở Thọ Đức. 33 năm hoạt động trên quê hương Việt Nam đã chất chứa những gánh quá nặng trên vai ngài. Giờ đây sức khỏe ngài đã giảm sút, râu tóc đã bạc phơ chỉ duy đôi mắt vẫn giữ được vẻ tinh anh. Cảm thương thay vị cha già bước từng

bước mệt nhọc trên quãng đường trơn trượt trèo lên đỉnh núi Sọ. Ngày mai sẽ ra sao? Không địa sở, không nơi ẩn náu, chỉ còn chớ cái ngày cũng chẳng xa, rơi vào tay những kẻ đang truy nã.

Cùng đi với Đức cha có thầy giảng Giuse Khang. Hia cha con trọ ở Thọ Đức được ba tuần thì bị lộ. Lại phải xúông thuyền qua thị xã Hải Dương và tá túc trên thuyền của một giáo hữu, gia đình ông Trương Bính. Được vài ngày, hai vị tình cờ gặp Đức cha Valetino Vinh và cha Almato Bình dọc theo đường thủy từ Kẻ Nê xuống. Thật là cuộc hội ngộ đặc biệt, các vị khích lệ, trao đổi nhau thêm can đảm và tạ ơn Chúa vì dịp may hiếm có này. Sau đó, các vị chia tay nhau mỗi người một nẻo.

Dưới sự tận tình che giấu của ông Trương, Đức cha và thầy giảng Khang được ít ngày bình yên cho đến hôm xẩy ra cuộc cãi vã giữa cha con ông Trương Bính, người con trai vì tức giận cha mẹ, đã đi tố cáo ông bà về tội chứa chấp Tây dương đạo trưởng. Đội Bằng lúc đó làm Chánh tổng liền đem gia nhân đến bắt Đức cha vào ngày 20.10.1961. Khi bắt, Đức cha đưa cho đội Bằng một số tiền và nói: "*Xin bắt và giam giữ một mình tôi thôi. Hãy để những ngươi đánh cá nghèo này đi.*" Khi thầy Khang nhổ cây sào thuyền định chống cự thì Đức cha cản lại rằng: "*Đừng chống trả làm gì, hãy phó mặc cho Thánh ý Chúa.*" Thế là cả hai bị bắt trói và đưa về Hải Dương.

• Đồng hành về Trời.

Sau khi lấy khẩu cung, Đức cha bị giam trong chiếc cũi chật hẹp, nằm không nổi, đứng cũng chẳng được, cứ phải khom lưng suốt ngày, chân tay rã rời. Dầu vậy, ngài vẫn tìm cách giảng đạo cho các bạn tù, và rửa tội cho con trai viên đội Bái, cậu cũng bị xử tử với Đức cha.

Chiều ngày 26.10 sau khi bắt được Đức cha Vinh và cha Bình, quân lính hò reo ầm ĩ, Đức cha Liêm đang thiếp ngủ bừng tỉnh dậy. Ba chiến sĩ đức tin trong ba chiếc cũi ngậm ngùi nhìn nhau, nhưng lòng đầy hân hoan, vì thấy được đòan tụ bên nhau trong những ngày cuối cùng.

Ngày xử được ấn định là ngày 01.11.1861. Ba chiếc cũi được khiêng đi sau đội quân 500 người. Đức cha Liêm trong cũi cúôi cùng, trang nghiêm như ngày đại lễ, thỉnh thoảng ngài giơ tay ban phép lành cho các giáo hữu đứng hai bên đường.

Tai pháp trương Năm Mẫu, ba vị được đưa ra khỏi cũi, cùng cầu nguyện ít phút, rồi đưa tay cho lý hình trói vào ba cọc. Bản án được đọc lên. Ba hồi chiêng trống, ba lưỡi gươm vung lên một lúc, chém rơi đầu ba vị anh hùng. Khi các quan ra về, dân chúng dù lương hay giáo, tranh nhau thấm máu tử đạo. Ba thi hài được bọc trong ba chiếc khăn và chôn tại chỗ. Thủ cấp các ngài được treo ở bến đò Hàn ba ngày (nhưng sau đó giáo dân đánh tráo bỏ vào đó ba củ chuối) rồi đưa về Yên Dật, và sau lại đưa về an táng tại Thọ Ninh một thời gian, cuối cùng, di về đền Các Thánh Tử Đạo Hải Dương.

UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

Đức Thánh Cha Piô X suy tôn Đức cha Jeronimô Hermosilla Liêm lên bậc Chân Phước ngày 20.05.1906. Đức cha đã nằm xúông, nhưng chân lý ngài đã truyền giảng, phong thái và nhiệt tâm của ngài vẫn sống mãi trong các tín hữu và hàng giáo sĩ của địa phận. Tất cả sẽ nắm tay nhau theo dấu chân vị cha chung để tiếp tục làm chứng cho đức tin.

Thánh BERRIO-OCHOA VINH

Ngày 01 tháng 11

Thánh Valentinô BERRIO-OCHOA VINH

Giám mục dòng Đaminh
(1827 – 1861)

• Đẹp như khúc tình ca.

Cuộc đời thánh Valentinô Vinh đẹp như một bài thơ và hùng tráng như bản tình ca bất hủ. Quả thật cuộc đời ngài chỉ vỏn vẹn có 34 năm với ba năm Giám mục, không có nhiều thành quả lẫy lừng, nhưng đã là một thiên ca hùng tráng . . .Cuộc đời ấy được dệt bằng biết bao biến cố thăng trầm, bao kỷ niệm gian khổ và bao thắng vượt anh hùng. Với tinh thần đơn sơ của một người tràn đầy tình yêu Chúa và tha nhân, ngài đã biến tất cả thành một giai điệu nên thơ. Tất cả những nỗi vất vả đã được vị "*Giám Mục Hầm Trú*" này khóac cho chiếc áo tươi vui bằng thái độ kiên ường, bằng tình yêu nhiệt thành và sự trung tín. Ngài biến đổi chúng bằng những phút chiêm niệm sâu xa và bằng nụ cười bất diệt.

• Nỗ lực tuổi trẻ.

Valentinô Berrio-Ochoa xúât thân trong một gia đình quí phái, đạo đức nhưng lại nghèo. Sinh ngày 14.02.1827 tại làng Elorrio, địa phận Vich, nước Tây Ban Nha. Cuộc đời Valentinô chịu ảnh hưởng rất nhiều của song thân. Cậu học đươc nơi cha sự cần cù kiên nhẫn, và thừa hưởng nơi mẹ đức

tin sống động, lòng sùng kính Đức Maria và tính vui tươi hòa nhã với mọi ngươi. Đặc biệt với mẫu thân, Valentinô vẫn hàng ôm ấp mối tình thắm thiết cả khi đã làm Giám mục mà chúng ta có thể thấy đươc, vẫn dạt dào trong các lá thư viết về cho bà.

Vì thân phụ thường đóng bàn ghế cho một nữ tu viện Đaminh trong vùng, nên Valentinô đươc vào giúp lễ. Nhờ vậy, cậu có dịp tiếp xúc với cha linh hướng của tu viện, một linh mục dòng Đaminh. Khi rảnh rỗi cậu đến gặp cha để nghe kể chuyện về các vị thừa sai Đaminh tại Việt Nam, về những mẫu gương dấn thân và những cuộc tử đạo anh hùng. Từ đó, cậu bé 12 tuổi ôm mãi trong lòng giấc mộng vàng là đươc làm linh mục Đaminh và đến phục vụ mảnh đất Việt Nam yêu dấu. Nhưng vì gia đình quá nghèo, cậu phải phấn đấu rất nhiều để biến mộng ước thành hiện thực.

Sáu năm liền, Valentinô phải kết hợp ba chương trình: vừa làm mộc giúp thân phụ, vừa trao dồi văn hóa phổ thông và xếp thêm giờ học Latinh. Theo gương Đức Giêsu nơi xưởng mộc Nazareth xưa, cậu kiên nhẫn chờ đợi ý Chúa được thể hiện. Năm 18 tuổi, nhờ sự giúp đỡ của một linh mục, cậu xin phép cha mẹ gia nhập chủng viện Logrono. Tại đây, cậu đươc các giáo sư, các bề trên và bè bạn quí mến. Mọi ngươi ghi nhận nơi chàng thanh niên này tính chăm chỉ học hành, một nếp sống đạo đức sâu xa, khổ chế với mình nhưng lại tươi vui với mọi ngươi. Đức Giám mục địa phận, khi kinh lý làng Elorrio ghé thăm gia đình anh, đã nói với tâhn mẫu anh rằng: "*Bà Maria ơi, có lẽ con bà sẽ làm đến Giám mục*."

Sau ba năm triết học với thành quả mỹ mãn, hè năm 1848, thầy Valentinô về thăm gia đình, và thấy cha đã già yếu quá vất vả với công việc, thầy trở lại xin bề trên sống ngoại trú, để vừa đi học thần học, vừa có thể giúp gia đình 30 tháng.

Hơn hai năm rưỡi đã trôi qua như thế, mãi tới khi theo đề nghị của một cha giáo sư, Đức Giám mục cho thầy lãnh chức cắt tóc và đặt thầy làm linh hướng dự khuết của chủng vện. dây là trường hợp rất họa hiếm nói lên uy tín của thầy, tuy còn là sinh viên àm đã đươc chọn vào một trách vụ thường dành cho những linh mục lão thành đạo đức, nhiều kinh nghiệm.

- **Vị linh hướng đạo đức.**

Lòng tín nhiệm thầy Valentinô của Đức cha Irigoyen ngày càng rõ rệt hơn, khi ngài lần lượt trao ban chức năm, chức sáu và linh mục cho thầy chỉ trong một năm (1851). Valentinô đã chuẩn bị xứng đáng, và trong niềm hân hoan khôn tả, vị tân linh mục đã viết cho thân mẫu như sau:

"Mẹ yêu dấu của con, hôm qua, ngày 14.08.1851, ngày mộng ước, ngày con đươc thụ phong linh mục . . . Con của mẹ giờ đây đã đươc tình thương Chúa nhấc lên chức phẩm cao cả, đến nỗi các thiên thần cũng phải run sợ. . ." (thư 16).

Hơn hai năm tận tụy với chức vụ linh hướng đại chủng viện, cha Valentinô vẫn ôm ấp giấc mộng vàng thuở thơ ấu. Sau khi bàn hỏi với cha linh hướng dòng Tên tại Loyola, cha xin phép Giám mục qua dòng Đaminh. Lúc giã từ người quen, có người hỏi cha: "*Cha đi đâu, và bao lâu mới trở lại*?". Cha

đáp:"*Tôi đi để quê tôi có người làm thánh*". Và cha đã khởi sự quyết định nên thánh đó bằng thái độ từ bỏ dứt khoát: Đường từ nhà đến tu viện Ocanã độ ba bốn ngày đường, cha quyết định đi bộ, không giày dép, không tiền bạc. Hành trang duy nhất là cuốn sách nguyện. Sau có người thấy tội nghiệp, tìm cách ép mời cha đi xe ngựa vài đoạn đường.

Ocanã, một học viện của tỉnh dòng Mân Côi từ năm 1830, nơi đã đào tạo hai Đức Cha An và Xuyên, khi đó đang làm giám mục chánh và phó địa phận Trung Đàng Ngoài, đã rộng cửa đón vị linh mục linh hướng nổi tiếng, trao tu phục và sau một năm tập như thường lệ, đã cho cha khấn trọng ngày 12.01.1854

Ba năm sau, cha tiếp tục giấc mộng thời niên thiếu, nên qua trụ sở tỉnh dòng ở Manila để tìm đường đến Việt Nam. Sáu tháng lênh đênh trên biển cả, chiếc tàu của cha Valentinô gồm các thừa sai của ba dòng tu Đaminh, Phanxicô và Augustinô. Các vị tổ chức đời sống như một tu viện. Qua thư, cha Valentinô thuật lại: các vị cùng nhau dâng lễ, đọc kinh nguyện mỗi ngày. Dịp Tuần Thánh, các vi cũng tổ chức nghi lễ rửa chân, suy niệm Đàng Thánh Giá, bắn pháo bông mừng phục sinh và tổ chức việc suy niệm Đức Mẹ trong tháng hoa nữa.

Ngày 17.06.1857, cha đến Manila trong niềm vui của các anh em dòng tại đây. Anh em ra đón cha tai bến tàu, rồi đưa về thánh đường hát kinh TE DEUM và tạ ơn Đức Mẹ trước bàn thờ Mân Côi.

• Biến ưu sầu thành khúc ca vui.

Ngày 30.03.1858, cùng với cha Rianã Hòa và cha Carreras Hiển, cha Berrio-Ochoa đặt chân lên đất Việt Nam, đến trình diện cha chính Nam và Đức cha Xuyên tại Kiên Lao. Cơn bách hại đang ở cao điểm:Đức Cha An mới bị tử đạo được tám tháng, thủ cấp của Đức cha Xuyên dược treo giá vàng, nên thường xuyên ngài phải ẩn nấp.

Trong thư gửi về gia đình, cha Vinh đã ghi nhận: "*Cánh đồng truyền giáo này không thấy lấy một ngày quang đãng, không ngày nào không phải cố gắng giữ nét vui tươi. Không ngày nào không có đau thương để khóc, không có lo toan để tìm phương bổ cứu, không có mặt kẻ theo dõi hay quan quân truy lùng".*

Sườn núi Canvê trơn dốc của cha Vinh đã bắt đầu. Tại đây tất cả đều còn lạ lẫm: Ngôn ngữ, tập quán, đường đi, con người và bao nhiêu thứ phải làm quen, phải học. Thế mà chỉ mấy ngày sau khi chào vị chủ chăn địa phận, vì tình hình an ninh, mỗi vị phải chia tay nhau ẩn náu mỗi người một phương. Tuy mới chân ướt chân ráo đến vùng truyền giáo, cha Vinh phải vận dụng sự khôn ngoan và sáng tạo để hoàn thành những công tác mục vụ, thăm viếng. Tất cả mọi việc đều phải lén lút.

Hai tháng rưỡi trôi qua, tuy tiếng Việt nói chưa thông, nhưng tài năng và nhân đức của vị linh mục trẻ tuổi này đã được khẳng định. Đức cha Sampedro Xuyên, trước nguy cơ có thể bị bắt, đã chuẩn bị cho tương lai của địa phận, ngài dùng quyền Tòa Thánh để chọn một giám mục phó có quyền kế vị.

Ngài đã chọn cha Berrio-Ochoa Vinh. Đây là tâm sự của vị được tiến chức:

"*Thưa Đức Cha, nếu được thì xin cất chén đó cho con...Con thấy lòng tràn ngập lo lắng, áy náy khi nghĩ đến địa vị mà Đức cha muốn dặt con lên. Nhưng diều mà môi miệng con nói thì con cũng xin nói cả tấm lòng, đó là xin vâng trọn ý Chúa, bây giờ và đời đời chẳng cùng".*

- **Giám mục "*gậy tre mũ giấy".***

Lễ tấn phong tân Giám mục Valetinô Vinh, quả thực có một không hai trong lịch sử Giáo Hội. Đêm 13 rạng ngày 14.06.1858, Đức cha Xuyên xử hành lễ tấn phong trong nhà ông Trùm Chi ở Ninh Cường. Lễ nghi được tiến hành âm thầm giữa đêm thâu, không một tiếng hát, không một người tham dự. Hai cha Rianõ Hòa và Carreras Hiển là phụ phong, bao tay, bí tất không có, mũ ngọc của tân Giám mục làm bằng bìa cứng cũng phủ giấy tráng kim, gậy ngọc là một cây nứa, đầu gậy cuốn bằng rơm cũng được bọc giấy tráng kim. Việc chuẩn bị cho ngày lễ, chúng ta hãy nghe ngài thuật lại trong thư gửi cho cha Orge ở Manila.

"*Con thú thật rằng, con muốn thoát ra khỏi vòng ràng buộc này. Nhưng biết bao lần Đức cha đã bảo con, nên theo lương tâm, buộc con phải vui nhận việc tuyển chọn...Con không dám cưỡng ý Chúa đã rõ rệt. Sau ngày được tuyển chọn, con chỉ còn vừa đủ thì giờ để cấm phòng. Con lắng nghe Ngài phán trong thinh lặng, không có một cuốn sách nào giúp tĩnh tâm, mà có tìm cũng không ra... Không phải chỉ thiếu sách cấm phòng, nhưng*

chiều áp lễ tấn phong, thấy rằng mới chỉ có độ một nửa khăn áo cần dùng trong nghi lễ, Đức Giám mục đại diện Tông tòa và con phải vội vàng hai tay kim chỉ đóng vai thợ may. Tạ ơn Chúa, tới đúng giờ đã định, chúng con cũng có ít khăn áo xứng đáng. . .” **(Thư 79).**

Nếu như thánh Phaolô xưa tự nhận mình là tông đồ sinh non, vị tân Giám mục cũng tự nhận là Giám mục sinh non, sinh thiếu tháng. Chưa đầy ba tháng trên đất Việt với số tuổi 31, thế mà giờ đây phải quan tâm săn sóc một địa phận trên 150 ngàn giáo hữu giữa cơn cuồng phong bách hại ác liệt nhất. Lúc này đây, ngoài Chúa ra, ai có thể cảm thông được nỗi ưu tư của ngài?

Sau ngày tấn phong, hai Đức cha và hai linh mục lên xứ Quần Cống. Được ít hôm, quan án sát Nam Định đến bao vây làng này, khiến mỗi vị phải đi một ngã. Đức cha Vinh phải chạy sang Trà Lũ, Đức cha Xuyên qua làng Thôn Đông, rồi đến Kiên Lao thì bị bắt ngày 08.07 và bị xử lăng trì ngày 28.07.1858. Từ nay, Đức cha Vinh phải một mình lãnh trách nhiệm toàn địa phận Trung. Theo ý vị tiền nhiệm, Đức cha bỏ địa phận trốn qua tỉnh Hải Dương, là nơi cuộc bách hại còn lắng dịu. Sau bốn ngày vượt sông băng lạch, ngài đến Cao Xá, tỉnh Hưng Yên, rồi tới nơi Đức cha Hermosilla Liêm và cha Almato Bình trú ẩn. Được ít lâu, ngài đã tìm được nơi trú ẩn mới trong vườn nhà anh Thăng, làng Hương La, xứ Tử Nê (Bắc Ninh). Gia chủ đã đào cho ngài một hầm trú ẩn khá an toàn. Chính tại hầm này, vị “*Giám Mục Hầm Trú*” đã thành lập tòa Giám mục trong gần trọn đời Giám mục của ngài.

• Giám mục hầm trú.

Khi nghe Đức cha Xuyên tử đạo, dầu kiên nhẫn và bình tĩnh, Đức cha Vinh đã phải phát biểu nửa đùa nửa thật rằng:

"*Đức Giám mục khả kính Sampedro Xuyên để lại cho tôi một gánh quá nặng. Ngày nào tôi nhoai đến thiên cung, tôi sẽ tố cáo ngài.*"

Trong thư gửi cho linh mục bạn, ngài viết: "*Tôi còng lưng gánh một gánh mà tôi sợ, rất sợ, sợ đổ vỡ học đường. . .*" Sau đó, Đức cha tìm mọi cách trở về với địa phận, nhưng không thể được, vì cơn bách hại tại địa phận Trung quá khắc nghiệt.

Theo cha M. Gispert, có một lần duy nhất trong đời Giám mục, Đức cha Vinh về xứ Kẻ Mèn, thuộc địa phận Trung. Nơi đây cùng với cha Rianõ Hòa, hai vị đã tuyên thệ xây cất một thánh đường dâng kính Đức Mẹ Vô Nhiễm, và nhận Ngươi làm bổn mạng của địa phận, nếu Chúa ban Giáo Hội thóat khỏi cơn bách hại và hửơng thái bình. Lời tuyên thệ này về sau khi cha Hòa làm Giám mục đã thực hiện. Đó là thánh đường sau ba lần tái thiết, nay là thánh đường kiểu Gothique nguy nga dâng kính Đức Mẹ Vô Nhiễm tại Phú Nhai.

Trở lại vị Giám mục hầm trú tại Hương La. Sáu tháng đầu, ngài sống chung với Đức cha Alcazar Hy, Đức cha phó địa phận Đông, cho đến khi vị này phải rời xứ truyền giáo tạm lánh qua Macao. Chính tại hầm trú này, Đức cha điều hành địa phận gần trọn ba năm. Nơi đây, ngài sống như một ẩn sĩ,

nhưng vẫn là linh hồn của địa phận Trung. Sinh hoạt của ngài là cầu nguyện, hy sinh, viết thư cho các linh mục và các giáo xứ bên địa phận. Hỗ trợ Đức cha có bốn đại chủng sinh và ông lang Thư, người Cao Xá, trong việc sao chép thư luân lưu, cũng như việc liên lạc.

Thật đang khâm phục, trong cảnh dầu sôi lửa bỏng như thế, Đức cha vẫn hướng về ánh sáng cuối đường hầm, vẫn nhìn trời xanh qua kẽ lá, vẫn chuẩn bị cho Giáo Hội tương lai trong hòan cảnh tưởng như tuyệt vọng này. Trong hầm trú, ngài vẫn tiếp tục hướng dẫn, dậy thần học cho một số chủng sinh, huấn luyện các linh mục tương lai. Để ôn học thêm và để việc huấn luyện đươc đầy đủ, giữa khung cảnh bão táp ấy, ngài viết thư cho cha quản lý ở Macao, xin gửi cho cha bộ sách thần học, bộ Contra Gentiles của thánh Tôma và nhất là bộ Giáo Luật.

Ba năm trải qua như thế. Tất cả ở dưới hầm trú, trừ đôi lần giữa đêm, ngài ra khỏi đó để thăm và xưng tội với Đức cha Liêm, hoặc đi giúp các bệnh nhân, nhưng khôn vượt qua khỏi ranh giới hai làng Đức Trai và Tử Nê. Một vài lần, ngài phải cuốn gói chạy trốn qua một hầm khác để tiếp tục ẩn nấp. Thật tả sao cho xiết nỗi cơ cực và nỗi khổ ngài chịu. Cơ cực vì hầm chật chội, ngột ngạt, ăn uống thiếu thốn . . . Khổ tâm vì không thể về với địa phận mình, trong khi cơn bách hại ngày càng gia tăng. Các hung tin được loan báo tới tấp: Một, hai. . . rồi 18 linh mục tử đạo, các thầy giảng và biết bao giáo hữu bị gục ngã vì đức tin chân chính. Trong một thư gửi cho Thánh Bộ Truyền Giáo, cha viết:

"*Rất có thể trong ít tháng nữa, địa phận của tôi chẳng còn thừa sai, chẳng còn linh mục, không chủng sinh, không thầy giảng và không biết còn nói thêm chăng, không còn bổn đạo.*" (Thư 93)

• Vui tươi và xả hỷ.

Tuy sống gian khổ như thế, Đức cha Vinh đã không một lời rên rỉ, không một tiếng than thở. Cái "*chương trình*" thánh thện trong vui tươi và xả hỷ của anh chủng sinh thợ mộc vừa học vừa làm thời niên thiếu, giờ đây ngài vẫn trung thành thực hiện. Ta có thể thấy điều đó trong một thư gửi cho thân mẫu vào tháng 08.1860:

"*Mẹ chí yêu của lòng con,*

"Mẹ hỏi con , ăn uống làm sao? Mẹ quí mến của con ơi! Con sống tươi lắm, con làm Giám mục cơ mà! Còn thức ăn ngày nào cũng có. Đừng lo mẹ ạ, chúng con chẳng đói đâu. Nhưng mẹ tưởng hễ cứ làm Giám mục là ngồi ngựa à? Không chúng con tuột giầy ra giữa đêm hôm tăm tối, nhoài hết chỗ lội này đến quãng lội khác. Vậy mà cứ vui thôi. Một hôm, con lội sáu dặm đường, trên mưa tuôn, dưới bùn trơn, con ngã soành soạch không biết bao nhiêu lần. Tuy là Giám mục, con cũng ướt như chuột và lấm bùn be bét. Nhưng giáo hữu ở đây tốt lắm, về tới nhà đã thấy họ đổ nước cho con tắm rửa sạch sẽ để chuẩn bị dâng lễ.. .

"Ồ có lẽ mẹ bảo: Vinh nhỏ của mẹ ơi, sống thế xìu lắm! Không, chả buồn chả xìu chút nào mẹ ạ. Ở đây ngươi ta sống mạnh, sống tươi, nhanh nhẹn lắm. Chúa an ủi chúng con trong lao nhọc. Con tuy là "trai già" mà nhảy qua vũng lội vẫn lẹ như sóc ấy. Mẹ ạ, Vinh trước đã là đứa con nhaỷ nhót qua núi đồi thì nay bộ mặt đầy râu của nó, cũng sẽ làm tên quỷ già nhất ở trong hỏa ngục phải run sợ. . ." **(thư 116)**

Quả thực, phải có tâm hồn tươi trẻ và siêu nhiên mới có đựơc thái độ và lời lẽ như vậy, vừa dí dỏm vừa tươi vui pha chút đùa bỡn nữa. Những lá thư như thế phản ánh đựơc sự bỏ mình và nét tươi trẻ của vị Giám mục tử đạo 34 tuổi này. Thực là cái vui của các vị thánh, của những tâm hồn đầy Chúa. Chẳng bao lâu nữa, vẫn với niềm vui tươi và tính đơn sơ phó thác ấy, ngài giơ đầu đón nhát gươm lý hình, và trên mặt đẫm máu đào của ngài, còn ánh lên nét tươi vui.

Tháng 08.1861, chiếu chỉ phân sáp của vua Tự Đức như một cơn hồng thủy tràn lan mọi thị xã cũng như thôn quê. Làng Hương La cũng không yên ổn đựơc nữa. Đức cha Vinh liền xuống thuyền với linh mục Almato Bình, xuôi dòng xúông Hải Dương. Tại đây, hai vị may mắn gặp Đức cha Liêm và thầy Khang đang ở trên một thuyền khác trong bầu không khí thân mật và cảm động. Nhưng sau đó, thuyền ngài lại phải tiếp tục cuộc hành trình. Các giáo hũu giới thiệu hai vị trọ nhà một ngươi ngoại giáo làm phó lý ở gần đó. Không ngờ cháu ông này đi báo với quan, khiến hai vị bị bắt ngày 25.10.1861 và bị đóng cũi giải về Hải Dương. Tại đây, hai vị gặp Đức cha Liêm trong một cũi khác, ngài đã bị bắt trước đó năm ngày.

Ngày 01.11.1861, ba vị thừa sai cũng bị đem đi xử. Quân lính áp giải đông như đi rước. Cũi Đức cha Vinh đi giữa hai vị kia. Ngài bình tĩnh ngồi cầu nguyện như thói quen, nét mặt tươi tỉnh khiến mọi người phải ngạc nhiên. Tại pháp trường Năm Mẫu, sau ít phút cầu nguyện, lý hình đã chém đầu các ngài theo hiệu chiêng trống. Thi thể ba vị tử đạo đựơc chôn tại đó, sau được cải về Thọ Ninh, rồi Kẻ Mốt. Đến đời Đức cha Hiển, thi thể Đức cha Vinh đựơc gửi về Macao, và sau cùng đựơc đem về quê hương của ngài.

Đức Thánh Cha Piô X đã suy tôn Giám mục Valentinô Berrio-Ochoa Vinh lên bậc Chân Phước ngày 20.05.1906.

Ngày 11 tháng 11

Thánh Phêrô ALMATÔ BÌNH

Linh mục dòng Đaminh
(1831 – 1861)

• Xâu chuỗi và thanh gươm.

Chân dung của thánh Almatô Bình đựơc phác họa dưới hình một tu sĩ Đaminh có vầng trán rộng của sự thông minh, với bộ râu của người nghị lực. Cặp mắt ngài đăm đăm nhìn xuống đôi tay: tay phải cầm nhành lá vạn tuế, một chuỗi Mân Côi và một thanh đao to bản, tay trái khẽ nâng cao mũi dao với ngón tay cái đang chạm vào lưỡi, như muốn thử nó sắc cỡ nào, trên môi hé nở một nụ cười.

Bức chân dung đó nói lên hai đặc điểm của vị thánh: Tín nhiệm vào Đức Maria và suốt đời trân trọng với phúc tử đạo, không đâm đầu tìm cái chết, nhưng vui tươi đón nhận nó.

• Nụ hoa kết trái.

Phêrô Almatô chào đời vào lễ Các Thánh 01.11.1831 tại làng Santo Felice Saserra, xứ Vich, miền Cataluna nước Tây Ban Nha. Thân phụ cậu là ông Salvio Almatô làm nghề y sĩ và thân mẫu là bà Antinia. Cậu có ngươi bác là linh mục kinh sĩ phụ trách giải tội cho khắp địa phận và người em gái sau cũng đi tu.

Thánh Phêrô ALMATÔ BÌNH

Từ thơ ấu, cậu Almatô đã có những dấu hiệu hâm mộ đời tu trì. Khi ngồi một mình, cậu thích xếp hình các nhà thờ hoặc bắt chước các linh mục dâng lễ. thỉnh thoảng cậu tập hợp các trẻ nhỏ tuổi hơn để cùng nhau đọc kinh Mân Côi, hoặc kể chuyện giáo lý cho chúng nghe.

Năm 15 tuổi, gia đình cho cậu vào chủng vện. Tại đây, Almatô có cơ hội đọc các bản tin tức về truyền giáo của tỉnh dòng Đaminh Mân Côi tại Viễn Đông. Từ đó khát vọng truyền giáo luôn sôi sục trong lòng anh. Khi đươc Giám mục Claret khuyến khích, anh quyết định giã từ bạn bè và gia đình để đến Ocãna xin vào dòng Đaminh. Sau thời gian thử thách, ngày 25.09.1847, anh đươc lãnh tu phục vào tập viện, và ngày 26.09.1848, thầy tuyên khấn.

Tháng 09.1849, thầy Almatô đến Manila tiếp tục học thần học. Ngoài những giờ miệt mài học tập, thầy thích tìm nơi thanh vắng để cầu nguyện và đọc sách thiêng liêng. Năm 1854, thầy thụ phong linh mục và năm sau đươc phái đến phục vụ tại Việt Nam. Ngày 04.08.1855, cha Almatô đến địa phận Đàng Ngoài (địa phận Đông).

• Khó khăn và nghị lực.

Khi mới đến Việt Nam, cha Almatô nhận tên là Bình, ở lại Nam Am và Đông Xuyên. Sau đó cha về chủng viện Kẻ Mốt để học tiếng Việt với cha Gaspar Nghĩa, rồi đươc cử đi phụ trách Thiết Nham hơn một năm. Tình trạng sức khỏe của cha Almatô Bình thật yếu kém, cha bị bệnh thừơng xuyên. Nhưng

bên trong thân xác yếu đuối đó là một khối nghị lực tưởng chừng như vô tận, đủ sức đưa cha vượt mọi khó khăn thử thách của môi trường truyền giáo.

Từ năm 1857, cuộc bách hại ngày càng khốc liệt, cha Bình phải bó buộc nay đây mai đó, ít khi được yên ổn. Ban ngày phải trốn trong hầm ẩm thấp, ban đêm mới ra ngoài, đi thuyền lẻn đến phục vụ giáo hữu hai bên sông. Những hôm bị bao vây bất ngờ, cha phải ngủ lại trong bụi rậm, bụi tre hoặc phải băng sông lội suối dưới trời mưa lạnh giá. Bệnh hoạn, đói rách và nguy cơ bị bắt, như ba tai họa thường xuyên của cha, nhưng vị tông đồ của Chúa đã thắng vượt tất cả nhờ chí khí can trường và tinh thần hăng say của tuổi trẻ. Khi tình hình cấm đạo trở nên gay gắt hơn, các thừa sai Đaminh quyết định chia một nửa tạm lánh sang Macao, cha Bình tình nguyện xin ở lại Việt Nam.

Trong một thư gửi cho gia đình, cha viết:

"*Con và một linh mục nữa đã ẩn mình bẩy, tám tháng nay trong một nhà ở sẵn hang dưới lòng đất để núp khi quan quân vây bắt. Nhưng nay mai cha mẹ có nghe tin con bị bắt thì xin cha mẹ đừng khóc làm chi. Hãy vui mừng vì con được phúc trọng dường ấy.*"

Từ tháng 08.1861, dưới sự ảnh hưởng của chiếu chỉ Phân sáp, hàng giáo sĩ hầu như không thể tìm được chỗ nào an toàn để ẩn náu. Cha Almatô Bình trước đã rời Thiết Nham sang Kẻ Nê rồi ẩn ở Thọ Ninh, nay lại xuống thuyền đi với Đức cha

Valentinô Vinh xuôi theo giòng sông Thái Bình. Đến Hải Dương, hai vị gặp Đức cha Hermosilla Liêm và thầy giảng Giuse Khang bị bắt thì cha Bình và Đức cha Vinh cũng đang ở trên một thuyền khác, nhưng may mắn đã chạy thoát được.

Sau biến cố đó, hai vị thấy trốn trên thuyền không yên ổ nữa, nên khi một giáo hữu là ông Cựu Trọng giới thiệu hai vị tới trọ tại một người ngoại giáo là ông lang Thừa, hai vị đã đến đó và được tiếp đón niềm nở. tuy nhiên người cháu của ông lang là Khán Cáp, khi biết tin này, liền báo với qua để lãnh thưởng. Để khỏi mang tiếng xấu, anh ta mời các vị thừa sai đi ẩn chỗ khác, rồi dẫn hai vị ra đồng ruộng cho quan huyện Thanh Hà đến băt. Hôm đó là ngày 25.10.1861.

• Phúc trường sinh.

Quan Tổng đốc Hải Dương là Nguyễn Quốc Cấm thấy các giáo sĩ Tây có dáng vẻ hiền lành nên kông đành tâm đối xử tàn nhẫn. Ông chỉ điều tra qua loa về tên tuổi và việc giảng đạo. Cha Bình trả lời: "*Tôi là linh mục, tôi tên là Bình, người Y pha Nho, sang An Nam giảng đạo được bẩy năm tại nhiều nơi.*" Nhưng cha không nói rõ địa điểm nào cả.

Tuy quan Tổng đốc cho giam mỗi vị vào một cũi, nhưng ông lại ra lệnh cho viên cai ngục phải đối xử tử tế và nghiêm cấm ăn nói lỗ mãng. Thái độ "*nương tay*" trên đã được đồn đãi đến tai Tổng đốc Nam Định Nguyễn Đình Tân, ông đích thân ra Hải Dương và dùng quyền ép viên Tổng đốc ở đây phải lên án trảm quyết. Ngày 01.11.1861, đúng ngày cha Almatô tròn 30

tuổi, từ nay trở thành ngày sinh nhật trên trời của cha cùng hai vị Giám mục Hermosilla Liêm và Berrio-Ochoa Vinh.

Ngày xử án, ba chiếc cũi đựơc khiêng đi sau tón lính đông đảo. Cha Bình trong cũi đầu tiên, tay cầm chuỗi Mân Côi bình thản cầu nguyện khiến mọi ngừơi hiện diện phải bỡ ngỡ. Tại pháp trường Năm Mẫu, sau ít phút cầu nguyện, lý hình đã chém đầu các ngài trong tiếng chiêng đổ dồn. Thi thể ba vị đựơc chôn cất ngay tại nơi xử án, sau dời về Thọ Ninh. Hiện nay thủ cấp cha Almatô Bình đựơc tôn kính ở quê hương Tây Ban Nha, còn hài cốt của cha đựơc an táng trong thánh đựờng kính bốn thánh tử đạo Hải Dương.

Ngày 20.05.1906, Đức Thánh Cha Piô X đã suy tôn linh mục dòng Đaminh, cha Phêrô Almatô Bình lên bậc Chân Phước.

Ngày 03 tháng 11

Thánh Phêrô Phanxicô NÉRON BẮC

Linh mục Thừa Sai Paris
(1818 – 1860)

• Chọn Việt Nam làm quê hương.

Tuy chỉ ở Việt Nam hơn 11 năm, thánh Phêrô Néron Bắc đã trở nên như người Việt Nam chính gốc. Cha cũng tập ăn tương cà như mọi ngừoi. Cha có công phiên dịch ra tiếng Việt sách toán pháp, chuyển ngữ các bài triết học, thần học cho các chủng sinh, và cúôi cùng gửi nắm xương tàn cho mảnh đất thân yêu này, như ước nguyện khẩn cấu với Đức Mẹ Mân Côi trong những ngày tu học ở Hội Thừa Sai Paris.

Phêrô Phanxicô Néron sinh ngày 21.09.1818 tại Bordeaux, địa phận Saint Claude, nước Pháp. Là con thứ năm trong gia đình có chín anh em. Thuở thơ ấu của Néron khá vất vả. Tuy đựoc đi học, nhưng mỗi ngày cậu phải ra đồng chăn súc vật, vì thế chịu nhiều ảnh hưởng xấu của các bạn. Thế nhưng một biến cố đã thay đổi cuộc đời cậu. Năm 17 tuổi, một người cho cậu mượn cuốn sách đạo đức, cậu đọc và nhận ra tiếng Chúa kêu gọi mình. Từ đó, cậu thay đổi hẳn lối sống.

Năm 19 tuổi, Néron xin nhưng mãi đến này 14.02.1839 (21 tuổi) mới đựoc vào chủng viện Neteroy. Sau sáu năm, thầy lên học tại chủng viện Saunier, rồi xin gia nhập Hội Thừa Sai

Paris và thụ phong linh mục ngày 17.06.1848. Bề trên cử cha Néron đi giảng đạo tại Việt Nam. Trong những ngày đợi tầu, cha Néron thường xin Đức Mẹ Mân Côi cho mình được dâng hiến mạng sống vì sứ vụ tại xứ truyền giáo. Ước nguyện của cha là một khi đã vào được Việt Nam, sẽ không bao giờ phải rời khỏi đất nước này.

Ngày 28.03.1849, cha đến trình diện Đức cha Retord Liêu, khi ấy đang coi địa phận Tây Đàng Ngoài. Đức cha gửi cha Néron đến Kẻ Vĩnh để học tiếng Việt và đặt cho ngài tên mới là Bắc. Năm 1852, Đức cha trao cho cha giúp xứ Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Năm 1854, Đức cha cử cha làm Bề trên chủng viện Kẻ Vĩnh coi sóc 150 em. Cha kiên nhẫn giảng dậy chủng sinh các kiến thức cần thiết và dịch cho họ sách tóan học ra tiếng Việt. Với các lớp đại chủng sinh, cha dậy họ về triết học và thần học. Một lần cha bị bắt, nhưng được Đức Giám mục chuộc lại.

• Những chặng đường Thập Tự.

Dù bận rộn với việc giảng dậy, cha Bắc đã không sao nhãng đời sống nội tâm. Mỗi ngày cha đều gùy suy niệm cuộc thương khó Đức Chúa Giêsu qua 14 chặng đường Thánh Giá. Cha ăn chay các ngày thứ sáu, các ngày vọng lễ trọng, suốt mùa chay và đặc biệt cả những ngày vọng lễ Đức Mẹ. Năm 1858, đang khi phụ trách bốn giáo xứ ở trên Sơn Tây, coi sóc 16 ngàn tín hữu, cha bị bắt lần thứ hai, phải chuộc 300 lạng bạc.

Ngày 17.01.1860, vì thất bại trong việc quan hệ với Pháp, vua Tự Đức đã ra một chiếu chỉ cấm đạo gắt gao hơn: "*Tất cả các quan phải triệt để thi hành chỉ thị của Trẫm. Nếu theo ý riêng mình như xẩy ra trước đây, sẽ bị nghiêm phạt như kẻ vi phạm luật nhà nước.*" Chiếu chỉ trên khiến các quan địa phương không dám chểnh mảng trong việc bách hại đạo nữa. Cha Néron Bắc lại là người Châu Âu da trắng, vóc dáng cao lớn, nên rất dễ bị lộ. Các giáo xứ Công Giáo cũng không dám cho cha trú ẩn lâu ngày. Chỗ ẩn thường xuyên của cha giờ đây là rừng rậm. Nhưng rừng rậm đâu phải là dễ đi. Có lần cha bị mất liên lạc với giáo hữu, bị đói khát đến kiệt sức ngất xỉu dưới một gốc cây. May mắn sau đó dân làng Tạ Xá tìm thấy liền lấy nước cháo tiếp cho cha từng muỗng, một giờ đồng hồ sau cha mới tỉnh lại được.

Một hôm có tin báo là quân lính đã biết cha ở làng Tạ Xá, dân làng liền xin lỗi rồi mời cha lên một ghe nhỏ đẩy ra giữa đồng, tiếp tế ít lương thực rồi đưa cha đến làng Yên Tập. Dân Yên Tập cũng hoảng quá, liền cử một cụ già dẫn cha lên một đỉnh núi vắng vẻ, ở trong lều lợp bằng lá chuối. Cha phải ở đó với cụ già ba tuần lễ, một ngày chỉ được một nắm cơm nguội, vì nếu chụm lửa nấu cơm sẽ bị phát hiện. Thức ăn duy nhất là một hũ tương, thỉnh thoảng mới được ít quả cà muối. Cũng may là cha đã làm quen với món ăn này từ trước.

Cơn bách hại ngày càng gay gắt, cha Bắc lại phải tiếp tục di chuyển. Ở làng Suồng ba tháng trong nhà một người ngoại giáo tốt bụng, rồi ở Chiêu Ửng, bị quan quân rượt chạy sang làng Ru Bơ, rồi ẩn trong rừng rậm nửa tháng, lại về Yên Tập, Tạ Xá và bị bắt. Có một ngươi tên Luyện đánh bạc thua ông Lý

trưởng 100 quan, ông hứa tha nợ nếu ông chỉ chỗ cha Bắc trú ẩn. Và anh "*Giuđa*" này đã bán cha với giá tiền đó.

Ngày 05.08.1860, theo sự chỉ dẫn của anh Luyện. Lý trưởng và Cai tổng Mờn đem lính đến bắt cha đang ẩn nấp tại nhà bà Truật. Cha xứ Yên Tập cho giáo hữu đem tiền đến chuộc. Viên cai đội này không chịu, nhưng ông vẫn nhận tiền và hứa ghi vào hồ sơ là bắt được cha Bắc ở ngoài đồng vắng, nhờ thế không có ai bị liên lụy. Đó cũng là điều bận tâm nhất của cha Bắc. Trước mặt quan Sơn Tây, cha luôn luôn bình tĩnh, khẳng khái và cẩn mật. Quan hỏi cha đã gặp những ai, ở nhà nào và được ai giúp đỡ. Cha thẳng thắn trả lời: "*Xin quan đừng hỏi làm chi, tôi sẽ không khai ai hay vùng nào cả. Tôi không muốn người ấy hay vùng đó bị các quan làm khó dễ.*" Quan truyền đánh đòn cha 40 roi, nhưng cha cắn răng chịu, không khai một lời cũng không than một tiếng.

- **Ông thần sống.**

Điều làm cho quan, lính và dân miền Sơn Tây ngạc nhiên hơn cả là cha đã nhịn ăn 21 ngày liền, mỗi ngày chỉ uống một bát nước. Ngồi trong cũi chật hẹp mà khuôn mặt lúc nào cũng vui tươi. Các vết thương lở lóet, cha cũng không xin thuốc chữa trị gì hết. Dân chúng đồn thổi với nhau coi cha như một "ÔNG THẦN SỐNG". Họ bảo: "*Không ăn mà vẫn sống, thật lạ lùng*". Thấy để cha sống lâu, dư luận bất lợi, quan tỉnh liền làm án về kinh đô xin chém đầu và bêu giữa chợ ba ngày rồi thả trôi sông. Vua Tự Đức liền chuẩn phê theo án xin.

Thánh Phêrô Phanxicô NÉRON BẮC

Ngày 03.11.1860, vị tông đồ bị dẫn đi xử tại pháp trương Sơn Tây, cách Hà Nội khỏang 50 cây số. Cha xin được cởi trói, cổ vẫn mang gông, bước đi nhẹ nhàng giữa tốp lính bên ngoài cầm gươm sáng loáng. Đến pháp trường, vị chứng nhân quỳ xúông sốt sắng cầu nguyện, rồi giơ cổ cho lý hình chém. Hai người lính đứng hai bên tử tội cùng vung gươm một lượt, giữa lúc chiêng trống khua lên ba hồi chín tiếng.

Vì nhịn ăn 21 ngày trứơc đây, dân chúng người ngoại giáo cũng tranh nhau thấm máu "*ông thần sống*". Cha Độ, chánh xứ Bách Lộc, nhờ một người ngoại giáo đến xin thi thể vị tử đạo để chôn cất, nói rằng: "*Tội nghiệp ông Tây không có thân nhân nên làm phúc để đức cho con cháu*." Ba ngày sau, cha Độ tìm cách chuyển thi hài về an táng ở nhà xứ. Thủ cấp vị tử đạo bị ném xuống sông Hồng, sau các giáo dân tìm vớt mà không thấy.

Đức Thánh Cha Piô X suy tôn linh mục Phêrô Néron Bắc lên bậc Chân Phước ngày 02.05.1909.

Địa phận nguyên quán Saint Claude hằng năm tổ chức lễ trọng thể ngày 03.11 với bài lễ riêng và chọn ngài làm bổn mạng giới trẻ trong địa phận.

Ngày 05 tháng 11

Thánh Đaminh HÀ TRỌNG MẬU

Linh mục dòng Đaminh
(1794 – 1858)

• Thánh lễ mạng sống.

Khi cha Mậu bị điệu đến nơi xử, tôi thấy cha hết sức bình tĩnh, hai tay chắp lại như khi dâng thánh lễ."

Lời chứng của bà Maria Di có lẽ cũng nói lên đươc tâm tình của thánh Đaminh Hà Trọng Mậu trong ngày tử đạo. 30 năm linh mục, với bao nhiêu thánh lễ trên bàn thờ, chắc chắn giờ đây cha cũng hân hoan khi đươc hiến dâng chính mạng sống mình như Đức Giêsu trên đồi Golgotha. Tại bờ sông Hưng Yên hôm ấy, giữa tiếng quát tháo ồn ào của quân lính và dân chúng, ngài đã quỳ đó thinh lặng, ngây ngất cầu nguyện và nghiêng mình lãnh nậhn nhát gươm hồng phúc.

• Gian nan chẳng sờn.

Năm 1794, làng Phú Nhai, phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định, quê hương của thánh Tôma Dụ và Đaminh Đạt, đã đươc vinh dự chào đón ngày sinh của bé Đaminh Hà Trọng Mậu, vị tử đạo tương lai. Lớn lên cậu xin phép cha mẹ, ông bà Đaminh và Maria Mỹ, dâng mình cho Chúa và chung sống với những bạn đồng chí hướng. Như hạt giống tốt đươc ươm vào mảnh

đất phì nhiêu, nơi đây cậu Mậu được học chữ nghĩa và tập tành các nhân đức. Càng thêm tuổi, cậu càng thêm khôn ngoan và đạo đức, càng được mọi người mến thương.

Tiếp đó, cậu nhận thấy Chúa múôn cho mình tiến xa hơn, nên cậu xin vào chủng viện và kiên trì học tập cho đến ngày thụ phong linh mục. Năm 1829, cùng với mười linh mục khác trong địa phận, cha Mậu xin vào dòng Đaminh để có thể kết hợp mật thiết hơn với Chúa, và gắn bó với nhau trong sứ mạng rao giảng Tin Mừng. Năm sau, cả mười một vị khấn dòng. Lớp tập của cha sau này tử đạo bẩy vị, sáu vị kia đều thụôc danh sách các Đấng đáng kính chờ được phong lên bậc Chân Phước. [(1)]

Trải qua những ngày gian khổ dưới cuộc bách hại của vua Minh Mạng, rồi những ngày bình an hơn dưới thời vua Thiệu Trị, cho đến mười năm đầy khó khăn, thời vua Tự Đức, cha tỏ ra luôn là một người tận tụy với đoàn chiên, không quản ngại vất vả, không lùi bước trước khó khăn, đem hết tâm trí sức lực mưu ích cho các linh hồn. Cha đảm nhiệm nhiều giáo xứ, nhưng bất cứ nơi nào cần, cha sẵn sàng đến, coi thường mọi nguy hiểm.

Ngày 27.08.1858, quan quân đến vây làng Kẻ Diền và bắt được cha Mậu, những người phục vụ trong nhà xứ và một số

---

(1) Xc: Bùi Đức Sinh, "Dòng Đaminh Trên Đất Việt I", tr. 154, Sáu Đấng đáng kính là: Đaminh Khang, Nicolas Tý, Phêrô Cảnh, Phêrô Quyền và Vinh Sơn Trí.

giáo dân khác, giải về Hưng Yên. Hơn hai tháng bị giam trong ngục, dầu phải mang gông xiềng và chịu tra tấn nhiều lần, cha vẫn kiên quyết tuyên xưng niềm tin vào Thiên Chúa. Ngược lại, cha biến nhà giam thành một nơi hoạt động mới. Tại đây, cha gặp gỡ và khích lệ các giáo hữu cùng bị giam chấp nhận mọi khổ đau vì niềm tin. Tại đây, cha giúp nhiều tội nhân hóan cải đời sống. Đặc biệt một số phụ nữ đạo đức tìm cách đưa giáo hữu ở ngoài vào thăm để được xưng tội với cha.

• Hiến lễ tình yêu.

Mặc dù phải ra tòa nhiều lần, nhưng cha luôn luôn giữ trong mình chuỗi tràng hạt Mân Côi. Cha cố dành ra những giờ rảnh rỗi để cầu nguyện và suy niệm về cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu. Đối với mọi người, cha luôn cư xử cách nhân ái, yêu thương, săn sóc, nên ai cũng quí mến cha. Bà Anna Nguyễn Ngoan, một người vẫn thừơng xuyên vào thăm cha trong tù, khẳng định rằng: "*Các lính canh cũng kính nể và khâm phục cha*."

Khi thấy không thể làm cho vị chiến sĩ đức tin bỏ đạo, quan tỉnh Nam Định làm án trảm quyết cho cha và 21 giáo hữu khác. Khi biết tin này, cha Mậu tỏ ra hân hoan, giúp đỡ các giáo hữu xưng tội và chuẩn bị đón nhận hồng phúc tử đạo.

Ngày 05.11.1858, trên đừơng ra pháp trừơng, mọi người đi dự đều có cảm tưởng cha đang nghiêm trang cử hành thánh lễ. Ngước mắt lên trời, đôi khi tay chắp lại, cha dẫn đầu đoàn người tử đạo. Khi đến nơi xử, bên bờ sông Hưng Yên, cha quỳ

gối xuống, tiếp tục cầu nguyện ít lâu, rồi đưa cổ cho lý hình chém. Thi thể cha đực mai táng trọng thể tại nhà xứ Mai Linh, tỉnh Nam Định.

Đức Thánh Cha Piô XII suy tôn cha Đaminh Hà Trọng Mậu lên bậc Chân Phước ngày 29.04.1951.

Thánh Vinh Sơn PHẠM HIẾU LIÊM

Ngày 07 tháng 11

Thánh Vinh Sơn PHẠM HIẾU LIÊM

Linh mục dòng Đaminh
(1732 – 1773)

• Hội Đồng Tứ Giáo.

Đọc lại chuyện các anh hùng tử đạo, chúng ta thấy các ngài bằng lời làm chứng cho Đức Kitô hai lần: bằng mang sống và bằng lời nói. Các vị đã nói để tuyên xưng niềm tin của mình, có vị giải thích những dư luận sai lầm, có vị cắt nghĩa giáo lý. Nhưng chuyện hy hữu nhất trong chuyện 117 thánh tử đạo Việt Nam, là linh mục Vinh Sơn Liêm và một linh mục bạn, cha Jacinto Gia, đã tranh luận suốt ba ngày với đại diện ba tôn giáo lớn ở nước ta khi đó, là Phật Giáo, Khổng Giáo và Lão Giáo.

Con người bởi đâu mà có? Sống ở đời để làm gì? Và chết rồi đi về đâu? Đó là ba vấn đề lớn của cuộc nhân sinh, đã được đem ra trao đổi trong Hội Đồng Tứ Giáo. Những lời lẽ nhã nhặn và sáng sủa, những phân tích sâu sắc về lịch sử với các trích dẫn chính xác kinh điển của Khổng Tử, Lão Tử và Phật Giáo, đã được ghi lại trong cuốn "*Hội Đồng tứ Giáo*" từng tái bản tới 14 lần tại SàiGòn [1], sẽ mãi mãi nhắc chúng ta nhớ đến cha Vinh Sơn Liêm, tác giả cuốn sách, là người tham gia cuộc trao đổi, và là linh mục Việt Nam tử đạo đầu tiên.

---

[1] ***Imprimerie de la Mission, Tân Định 1959***

• Vinh Sơn Hòa Bình.

Vinh Sơn Phạm Hiếu Liêm mở mắt tráo đời năm 1732 tại Thôn Đông, làng Trà Lũ , phủ Thiên Trường, trấn Sơn Nam Hạ. Thân phụ cậu, ông Antôn Doãn, một thân hào trong thôn. Thân mẫu cậu, bà Maria Doãn, một người mẹ đạo đức, đã hết mình với việc giáo dục con cái. Năm 12 tuổi, cận Liêm vào tu trong nhà Đức Chúa Trời ở Lục Thủy. Qua sáu năm học tập, cậu đã tỏ ra là người thông minh đạo đức, nên được các cha dòng Đaminh thời đó đang phụ trách địa phận Đông Đàng Ngoài để ý. Cha chính Espinoza Huy đã chọn cậu vào số thanh niên hưởng học bổng của vua Tây Ban Nha, gởi đi du học Manila (Phi Luật Tân) tại trường Juan de Latran.

Sau ba năm hoc thành công xuất xắc, thày Liêm xin gia nhập dòng Đaminh và lãnh tu phục ngày 09.09.1753. Năm sau, thày tuyên khấn trọng để cùng với ba tu sĩ đồng hương [(2)] và lấy biệt hiệu là VINH SƠN HÒA BÌNH (Vincente de la Paz). Tiếp đó, thày Vinh Sơn học thêm bốn năm thần học và được thụ phong linh mục năm 1758

Thụ phong linh mục rồi, cha Liêm liền trở về phục vụ quê hương. Ngày 03.10 năm đó, khi giã từ các giáo sư và thân hữu để xuống tàu hồi hương, cha không thể giấu nổi niềm xúc cảm với bao lưu luyến những bạn bè quen thuộc trong tám năm qua. Về đến Trung Linh ngày 02.01.1759, cha đã không cầm nổi nước mắt, vì vui mừng được gặp lai cha chính Huy ra đón tận

---

(2)Gioan Thi Công, Phêrô Thiêng, Gioan Huy.
Bùi Đức Sinh*, "Dòng Đaminh Trên Đất Việt, q.I, tr.83*

bến đò, được tái ngộ cùng thân quyến, đồng bào xóm làng, và nhất là các giáo hữu đang nôn nao dón chò ngày "*vinh qui*" của vị linh mục du học hải ngoại.

• Ngươi loan báo Tin Mừng.

Về Việt Nam, trước hết cha Vinh Sơn được bổ nhiệm làm giáo sư chủng viện Trung Linh. Cha đã đem hết tài trí và nhiệt thành truyền đạt cho các chủng sinh những kiến thức cha đã thu nhập được. Nhưng nguyện vọng của linh mục Vinh Sơn Hòa Bình lại là loan báo tin mừng bình an cho anh em. Và chẳng bao lâu, cha rời chủng viện dấn thân vào cánh đồng truyền giáo. Cha lần lượt đảm nhiệm các xứ Quất Lâm, Lục Thủy, Trung Lễ, Trung Linh , Trung Lao, và từ khi cha Jacinto Gia bị bắt, cha kiêm luôn cả vùng Lai Ổn.

Hoạt động tông đồ của cha không chỉ hạn hẹp trong các giáo xứ, mà còn mở rộng đến các làng ngoại giáo, bất chấp những khó khăn nguy hiểm của thời cấm cách, nhất là từ thời chúa Trịnh Xâm (1767-1782). Tại bất cứ nơi nào, cha cũng luôn nhiệt tình yêu thương giúp đỡ mọi người, nên ai ai cũng hết lòng thương mến. Cha khích lệ mọi người thêm can đảm , cha an ủi những người buồn sầu, và không nề hà bất cứ điều gì vì lợi ích thiêng liêng của họ.

Dầu thành công trong công tác, cha Liêm không bao giò tư mãn với chính mình. Trong các thư của cha, ta còn đọc được: "*Xin Đức cha và cha Bề trên cầu nguyện cùng Chúa cho con, khi dâng lễ và trong kinh nguyện, để mỗi ngày con được hoàn thiện hơn, vui lòng đón nhận những khốn khó theo ý*

Chúa". **Một ông hoàng, em thứ sáu của Chúa Trịnh Doanh trước khi từ trần đã lãnh bí tích thánh tẩy nhờ công của các cha thừa sai, cha Liêm đón nhận tin đó như niệm vui của giáo hội Việt Nam, và loan báo cho Bề trên Giám Tỉnh ở Manila [(3)].**

• Lời chứng giữa công hội.

Năm 1773, cha Vinh Sơn Liêm đi giảng cho họ Lương Đống, chuẩn bị mừng lễ Đức Mẹ Mân Côi. Các quan nghe tin, liền cho ông Điều Cam đem quân vây bắt cha tại nhà ông Nhiêu Nhuệ ngày 02.10. Sau một trận đòn chí tử, họ trói cha và hai cậu giúp lễ Matthêu Vũ, Giuse Bích, rồi đem nộp cho Chánh tổng Xích Bích. Viên Chánh tổng giam cha 12 ngày không thấy các tín hữu đưa tiền chuộc, sau đó mới chịu giải lên Phố Hiến nộp cho quan trấn. Ở đây, cha Liêm gặp một linh mục cùng dòng, cha Castanẽda Gia đã bị giam ở đó. Hai anh em sung sướng cùng nhau chia sẻ ngọt bùi trong cảnh tù tội.

Ngày 20.10, quan trấn bắt hai cha mang chiếc gông có ghi bốn chữ "*Hoa Lang đạo Sư*" , rồi trao cho qan phủ Thần Khê giải hai cha và hai cậu giúp lễ về kinh đô Thăng Long, ra mắt Chúa Trịnh Sâm. Chính tại đây đã diễn ra Hội Đồng Tứ Giáo.

Có một quan lớn là chú của Chúa Tinh-Đô-Vương Trịnh Sâm. Mẹ của quan lớn, bà Thượng Trâm, quê xứ Hải Dương,

---

(3) Hai thư đề ngày 17.06.1764 gửi về bề trên tỉnh Pedro Yre và Đức cha Bernado Vetaria, tân Giám mục địa phận Nueva Segovia.

vốn có đạo. Nhiều lần bà khuyên con tòng giáo. Quan lớn liền nảy ra sáng kiến triệu tập đại hội bốn tôn giáo để trình bầy về đạo của mình. Quan nói: "*Lòng ta chuộng sự thật muốn biết đạo nào là đạo chính để thờ phượng*". Cuộc trao đổi kéo dài ba ngày, mội ngày một ấn đề về nguồn gốc con người, mục đích cuộc đời và đời sau của mỗi người. Cha Liêm và cha Gia đại diện cho đạo Thiên Chúa đã khéo léo trình bầy đến nỗi quan lớn phải trầm trồ khen ngợi. Nhưng vì biết Phủ Chúa vẫn cấm đạo, nên quan vẫn ngần ngại chưa theo [(4)]

Sau đó ít bữa, hai cha lại có cơ hội để nói về đạo với Thái Tôn, mẹ của Chúa Trịnh Sâm. Bà vì tò mò, đã cho vời các ngài vào. Không noí rõ nội dung buổi nói chuyện ra sao, nhưng cuối cùng Thái Tôn hỏi: "*Nếu chỉ có đạo của các thầy là đạo thật thì những người không theo đạo ấy, chết rồi đi đâu*?" Cha Liêm đáp: "*Bẩm bà, sa hỏa ngục ạ!*" [(5)] Nghe thế Thái Tôn Dương Hậu đùng đùng nổi giận, bà dùng uy tín ép con là Tinh Đô Vương phải xử tử cả hai linh mục. Do đó, ngày 04.11, Tinh Đô Vương đã lên án trảm quyết hai cha, hai cậu giúp lễ bị kết án lưu đầy, đến khi nộp 100 quan tiền chuộc thì đực trả tự do.

Ngày 07.11, hai cha bị đem đi xử, dân chúng đi theo rất đông. Khi đòan ngươi dừng trước hoàng cung, một viên quan đọc bản án. Theo phong tục thời đó, lúc này vua có thể ân xá

---

(4) Cuốn "Hội Đồng Tứ Giáo" đực lưu truyền ở Bắc Hà ghi rõ thời vua Cảnh Hưng và Chúa Trịnh Sâm, xác định có hai linh mục bị giam ở Thăng Long: một Tây, một bản quốc. Gispert (tr. 267-277) khẳng định đó là hai cha Liêm và Gia.

(5) Xin coi thêm hạnh tích thánh Castanẽda Gia, trang 481.

cho tội nhân. Một viên quan khác lớn tiếng nói: "*Hoa Lang Đạo đã bị nghiêm cấm, nhưng cho đến nay, chưa ngươi dân Việt nào bị xử tử vì đạo này* [(6)] *nên vua đại xá cho tên Liêm*." Nghe thế cha Liêm vội lên tiếng thưa rằng:

"*Cha Gia bị án trảm quyết vì lẽ gì thì cũng phải lên án trảm quyết cho tôi vì lẽ đó. Cha Gia là đạo trưởng, tôi cũng là đạo trưởng. Nếu luật nước không kết án tôi thì cũng không được kết án cha Gia. Vì tôi là công dân nước Việt, lẽ ra tôi phải giữ luật nước hơn ngaì. Nhưng nếu giết cha Gia, còn tôi lại tha, án của nhà vua không công bằng. Yêu cầu tha thì tha cả hai, giết thì giết cả hai. Thế mới là án công bằng."*

Những lời lẽ minh bạch của cha Liêm có thể là phát xúât từ tình nghĩa huynh đệ, không muốn xa lìa ngươi anh em, cũng có thể là lời xin tha cho linh mục bạn, vì nhiều ngươi chứng kiến cảm động và múôn cả hai đươc tha. Những lời lẽ đó cũng có thể là do lòng ao ước múôn dâng hiến chính mạng sống mình để làm chứng cho sự thật.

Dù sao thì bản án vẫn không thay đổi. Hai vị anh hùng đức tin đã vui mừng đọc kinh Tin Kính và hát kinh Lạy Nữ Vương trên đường ra pháp trường Đông Mơ. Những nhát gươm định mệnh đã giúp hai vị hòan tất sứ mệnh, chứng tá tuyệt hảo cho Đức Kitô. Thi hài các ngài đươc rước về an táng tại Trung Linh.

---

(6) Có lẽ viên quan không nhớ đến anh Phanxicô tử đạo 1630-1631 ở Bắc Hà. Xem* Võ Long Tê, *"Lịch sử văn học CGVN", Saigòn 1961, tr. 97.

Thánh Vinh Sơn LIÊM

Ngày 20.05.1906, Đức Thánh Giáo Hoàng Piô X suy tôn các ngài lên bậc Chân Phước, riêng thánh Vinh Sơn Phạm Hiếu Liêm, nhiều trường học đã nhận ngài làm Bổn Mạng, trong đó có trừơng cao đẳng Juan de Latran ở Phi Luật Tân. Thánh nhân quả là ánh vinh quang của dân tộc Việt Nam nơi hải ngoại.

Ngày 07 tháng 11

Thánh Jacintô CASTÃNEDA GIA

Linh mục dòng Đaminh
(1743 – 1773)

• Từ lời kinh tạ ơn của bà mẹ. . .

Cuối năm 1773, tin tức linh mục Castãneda tử đạo đã về tới quên hương ngài ở Tây Ban Nha. Em trai thánh nhân lá Clêmentê biết trước tiên, đã hết sức thận trọng báo tin cho mẫu thân. Bà sửng sốt hỏi: "*Tại sao Jacintô của mẹ lại chết. Anh ấy chết bệnh hay bị giết*?" Clêmentê chợt nghĩ anh mình mới 30 tuổi, sợ mẹ buồn nên hỏi lại: "*Vậy mẹ múôn anh ấy chết cách nào*?" Bà đáp: "*Mẹ mong vì đức tin mà Jacintô con mẹ bị giết.*" Clêmentê liền nói: "*Thưa mẹ chính vì đức tin, người ta đã chém đầu anh ấy*." Ngay chiều hôm đó, bà mẹ đến nhà thờ dòng Đaminh để cùng các tu sĩ hát lên lời tạ ơn TE DEUM.

• Dấn thân và gian khổ.

Jacintô Castanẽda sinh ngày 13.10.1743 tại Jativa, thuộc giáo phận Valencia, Tây Ban Nha. Cậu đươc trời phú cho một khuôn mặt xinh đẹp đặc biệt. Nhiều người so sánh cậu đẹp như thiên thần trong các tranh của nhà danh họa Tây Ban Nha Myrille (1862). Hơn thế nữa, chàng thanh niên tuấn tú ấy lại có một tâm hồn cao quý, đã sớm quyết tâm dâng hiến cuộc đời phụng vụ Thiên Chúa và truyền giảng Tin Mừng cho thế giới.

Để thực hiện lý tưởng cao cả đó, cậu đã gia nhập dòng Đaminh tại tu viện thánh Philipphê ở Valencia.

Lòng nhiệt thành truyền giáo đã đưa thầy Jacintô đến Phi Luật Tân năm 1762. Sau khi thụ phong linh mục, cha tình nguyện đi loan báo Tin Mừng ở Trung Hoa. Dầu Trung Hoa đang trong cơn cấm cách, cha đã đến nơi vào khoảng tháng 04.1766 cùng với cha Lavilla giảng đạo ở Phúc Kiến. Sau ba năm nhiệt thành phục vụ, ngày 18.07.1769 hai vị linh mục bị bắt giữ 15 ngày ở Phúc An, rồi gần hai tháng với 14 cuộc thẩm vấn ở Phúc Kiến, cuối cùng các ngài bị trục xuất về Macao.

Không nản chí và cũng không chùn bước, tại Macao, gặp hai cha dòng khác tới để đi Việt Nam, cha Castanẽda và Lavilla liền xin bề trên cho phép đồng hành sang Việt Nam. Sau đó, bốn vị cùng đáp tầu đến Bắc Việt ngày 23.02.1770. Cha Gia ở lại Trung Linh học tiếng và phong tục Việt trong sáu tháng, rồi đươc cử đi truyền giáo ở khu Lai Ổn, Kẻ Diền, phủ Thái Ninh. Cha tự thuật như sau: "*Hiện nay với sự cộng tác của hai linh mục bản xứ. Quả thật tôi không đủ sức cáng đáng hết những việc phải làm.*"

Vì 60 làng có đạo mà cha Gia phụ trách ở rải rác cách xa nhau, nên cha phải liên tục di chuyển hết làng này đến làng khác, và chẳng bao lâu, sức khỏe của cha giảm sút mau lẹ. Dù vậy, cha vẫn cố gắng đến thăm từng họ đạo. Giáo hữu rất yêu mến cha, nhưng lương dân cố lập mưu bắt cha để được tiền chuộc hoặc tiền thưởng. Do đó nhiều lần cha phải đổi chỗ để thóat khỏi những cặp mắt đang rình rập.

Ba năm truyền giáo đã trôi qua, ngày 12.07.1773, sau khi ban bí tích cho một bệnh nhân ở Lai Ổn, cha Gia và thầy Tân về Kẻ Diền thì lọt vào vòng vây của quan phủ Thân Khê. Để đánh lạc hướng, thầy Tân nhanh trí chèo thuyền sang bên kia sông Luộc, rồi lập tức quay lại cùng cha trốn vào ở làng Gia Đạo. Không ngờ người gia chủ đi báo với quan để lãnh thưởng nên cả hai đều bị bắt.

Qua trung gia Chánh tổng Xích Bích, quan đòi 2 ngàn tiền chuộc. Cha đáp: "*Quan muốn tha thì tha chứ tôi không có tiền chụôc. Tôi sẵn sàng chịu mọi gian khổ kể cả cái chết.*" Sau nhiều ngày hành hạ cha đủ cách, quan phủ không còn hy vọng đòi tiền chuộc nữa, mới cho giải nộp lên quan Trấn thù Sơn Nam ở Phố Hiến (Hưng Yên), và cha Gia bị tống giam vào ngục.

Giữa tháng 10.1773, cha hân hoan gặp một tù nhân mới, linh mục Vinh Sơn Liêm bị bắt ngày 02.10 tại Lương Đống, cũng bị Chánh tổng Xích Bích giam giữ 12 ngày trước khi giải lên. Thật là niềm vui lớn, hai anh em cùng dòng từ nay sẽ đồng hành với nhau trong ngục tù cũng như trong vinh quang tử đạo. Ngày 20.10, quan Trấn truyền đóng gông hai cha có ghi hai chữ "*Hoa Lang Đạo Sư*" [(1)], rồi trao cho quan phủ Thần Khê áp giải lên Thăng Long.

---

(1) Thời này ngươi ta gọi các linh mục là đạo sư, thầy đạo.

• Suy tôn Thánh Giá trong phủ chúa.

Tại kinh thành Thăng Long, hai linh mục dòng Thuyết giáo có nhiều cơ hội trao đổi về giáo lý với các quan. Cuộc trao đổi nổi tiếng nhất được mệnh danh là "*Hội Đồng Tứ Giáo*", giữa đại diện bốn tôn giáo : Khổng giáo, Lão giáo, Phật giáo và Thiên Chúa giáo. Ba đề tài được đưa ra: Người ta bởi đâu mà có? Sống ở đời này để làm gì? Và chết rồi đi đâu? Cha Gia với kinh nghiệm giảng đạo ở Phúc Kiến, đã thành thạo trưng dẫn những điển tích, châm ngôn của Trung Hoa, khiến viên quan tổ chức, chú của chúa Trịnh Sâm, phải hết sức khâm phục.

Chính Tinh-Đô-Vương Trịnh Sâm cũng thích hỏi hai cha nhiều chi tiết về đạo. Một hôm, ông yêu cầu cha Gia cử hành vài nghi lễ cho các quan xem, cha liền mặc áo lễ, cắt nghĩa lễ phục và trình bầy cho các quan nghe. Sau đó, cha đặt tượng Thánh Giá trước ngai Tinh-Đô-Vương, quỳ xuống hôn kính sốt sắng và đọc kinh bằng tiếng Việt các kinh Ăn Năn Tội, kinh Tin Kính, kinh Lạy Cha. Tiếp đó, cha nâng cao ảnh Đức Mẹ và đọc kinh Lạy Nữ Vương. Cử chỉ và lời kinh của cha gây nhiều xúc động cho những người hiện diện. Nhưng số phận của cha đã được định đoạt trong chiếu chỉ của phú chúa rồi. Có điều bản án đến sớm hơn vì bà mẹ chúa Trịnh Sâm.

• Khi bà Thái Tôn nổi giận.

Nguyên do bà mẹ của Tinh-Đô-Vương rất sùng đạo Phật. Khi nghe tin có hai linh mục trẻ tuổi, thông thái lại điển trai và ăn nói văn hoa, liền yêu cầu được gặp mặt và nói chuyện. thế là

hai vị được dẫn đến trước mặt Thái Tôn. Rồi một hồi trao đổi thân mật, bỗng nhiên bà hỏi: "*Nếu như các thầy nói chỉ có đạo các thầy là đạo thật, vậy những người không theo đạo, chết đi về đâu?*" Cha Liêm điềm nhiên trả lời: "*Bẩm bà, sa hỏa ngục ạ!*"[(1)] Câu trả lời của vị linh mục làm Thái Tôn nổi giận, không thèm nghe giải thích thêm, đòi xử tử hai ông đạo sư ngay lập tức. Từ đó, hai cha bị cách ly, không cho gặp ai nữa. Ngày 04.11.1773, sau một buổi nghị án, chúa Trịnh Sâm tuyên án trảm quyết cả hai vị.

Ngày 07.11.1773, quan quân điệu hai vị tông đồ đến pháp trường Đông Mơ thi hành bản án. Trên đường, hai vị cùng thầm thì cầu nguyện xin Chúa thứ tha mọi lỗi lầm, đọc kinh Tin Kính và hát "*Salve Regina*" (kinh Lạy Nữ Vương). Hai chứng nhân Chúa Kitô cùng lãnh triều thiên tử đạo, cha Jacintô khi ấy mới 30 tuổi, với sáu năm truyền giáo ở Trung Hoa và Việt Nam. Nhưng máu ngài đã đổ ra vun tưới cho bao hạt giống Tin Mừng âm thầm trổ bông.

Thi hài hai vị tử đạo được an táng trọng thể ở nhà thờ Trung Linh. Ngày 13.111775, trong diễn văn trước Hồng Y Đoàn, Đức Giáo Hoàng Piô VI đã nhắc đến chiến thắng vinh quang của cả hai vị.

---

(1) Ngoài Giáo Hội không có ơn cứu độ. Đó là chân lý Giáo Hội vẫn khẳng định. Nhưng Giáo Hội vẫn tin rằng: có thể có người chưa rửa tội mà sống ngay lành thì dù họ không ngờ, họ đang ở trong Giáo Hội (Xe HCGH, số 16).

Thánh Jacintô CASTÃNEDA GIA

Ngày 20.05.1906, Đức Giáo Hoàng Piô X đã suy tôn hai chứng nhân anh hùng lên bậc Chân Phước.

Ngày 08 tháng 11

Thánh Giuse NGUYỄN ĐÌNH NGHI

Linh mục
(1793 – 1840)

Đọc lại cuộc tử nạn của Chúa Giêsu theo thánh Gioan thấy: Khi thuộc hạ các thượng tế đến bắt Đức Chúa Giêsu trong vườn Cây Dầu, Ngài nói với họ:

"Tôi đã bảo với các anh là chính tôi đây. Vậy nếu các anh tìm bắt tôi thì hãy để cho những người này đi."

Thế là ứng nghiệm lời Ngài đã nói: "*Những người Cha đã trao phó cho con, con không để thất lạc một ai*." (Ga 18, 8-9). Đó là điều cha Giuse Nguyễn Đình Nghi hằng suy niệm trong thời bách hại. Lúc nào trong người cha cũng mang sẵn một vài nén bạc, để nếu bị bắt ở nhà người khác thì có tiền chuộc chủ nhà. Cha sẵn sàng hy sinh tử đạo nhưng không múôn liên lụy đến ai.

Giuse Nguyễn Đình Nghi sinh năm 1793 tại xứ Kẻ Vồi, huyện Thượng Phúc, nay thuộc Hà Nội, trong một gia đình trung lưu. Ngay từ nhỏ, cậu Nghi đã dâng mình cho Chúa, sống với cha Liêm ở xứ Kẻ Vồi. Học xong trừơng thầy giảng, thầy lại trở về giúp xứ nhà. Các cha thấy thầy thông minh hiền hậu, nên cho theo thần học, và năm 30 tuổi, thầy Nghi thụ phong linh mục. Đức cha Havard Du bổ nhiệm cha làm phó xứ Sơn Miêng một năm, phó xứ Kẻ Vạc bốn năm, rồi phụ giúp cha Khoan ở

xứ Phúc Nhạc. Do khả năng quản trị, ngài được về làm cha sở xứ Đa Phạn khoảng 10 năm. Cuối cùng đang làm cha xứ Kẻ Bảng thì bị bắt.

Cha Nghi có nếp sống rất đạo hạnh, chuyên chăm việc giảng dậy và siêng năng ngồi tòa giải tội. Cha có biệt tài giúp tội nhân thống hối, hoán cải. Cha ăn chay nhiều ngày cách nghiêm ngặt, các thầy giảng lo cho sức khỏe, phải can gián cha nhiều lần. Tính tình cha hòa nhã vui vẻ, nhanh nhẹn hoạt bát, nhất là thông thạo luật đạo đời, nên trong giao tế, cha được mọi người kính trọng mến yêu. Lương dân chung quanh thừơng đồn đãi với nhau là: Nếu ông này không đi tu chắc làm quan lớn lắm. .

Trong những năm vua Minh Mạng cấm đạo, cha biểu lộ niềm mong ước tử đạo, nhưng ngài nói: "*Tôi mong sẽ bị bắt ở đồng vắng, để không hại đến anh chị em tín hữu*." Khi đi làm mục vụ, cha cẩn thận mang theo ít tiền để chuộc chủ nhà, nếu không may bị bắt.

(Xem tiếp hạnh tích
Thánh Martinô TẠ ĐỨC THỊNH,
Trang 490)

Ngày 08 tháng 11

Thánh Phaolô NGUYỄN NGÂN

Linh mục
(1790 – 1840)

Điều bận tâm lớn nhất trong đời linh mục của thánh Phaolô Ngân là theo gương Đức Giêsu, vị Mục Tử nhân hiền. Trong thời bách hại, cha thường than thở với mọi ngươi rằng: "*Chủ chăn khó đi tìm chiên lạc, khó biết tên từng con một quá.* " Cha thường tỏ ra tiếc vì hoàn cảnh không săn sóc kỹ lưỡng từng tín hữu của mình được.

Phaolô Nguễyn Ngân sinh năm 1970 tại họ Cự Khanh, tỉnh Thanh Hóa. Cậu đi tu từ nhỏ, đến khi vào chủng viện thì học cùng lớp với cha Nghi. Sau khi thụ phong linh mục, cha về giúp xứ Phúc Nhạc, phụ trách luôn họ Duyên Mậu và các họ lẻ chung quanh. Đươc ít lâu cha bị sốt rét nên phải nghỉ và dậy học ở chủng viện Vĩnh Trị đươc bẩy năm. Khi khỏi bệnh, cha phụ trách xứ Trình Xuyên ba năm nữa. Cuối cùng về làm phó xứ Kẻ Bảng giúp cha Nghi mới đươc khoảng một năm thì bị bắt.

(Xem tiếp hạnh tích
Thánh Martinô TẠ ĐỨC THỊNH
Trang 490)

Ngày 08 tháng 11

Thánh Martinô TẠ ĐỨC THỊNH

Linh mục
(1760 – 1840)

Sau 80 năm phụng sự Chúa, tóc đã bạc, chân mỏi, sức hầu cạn, cộng với cơn bệnh đang dằn vặt trong mình, cha Martinô Thịnh vẫn cảm thấy phải dâng hiến cho Chúa phần còn lại là chính mạng sống để làm chứng cho Chúa. Tuy có thể thóat thân trong cuộc truy lùng, cha đã trả lời cho người lính hỏi: "*Ông có phải là đạo trưởng không*?", bằng lời xác nhận "*Phaỉ tôi đây*". Lời xác nhận đó đưa cha đến chỗ chết, nhưng cũng đưa cha lên đài vinh quang cho muôn đời noi gương.

Martinô Tạ Đức Thịnh sinh năm 1760 tại làng Kẻ Sét, huyện Thanh Trì, nay thụôc khu vực Hà Nội, trong một gia đình nề nếp. Năm 18 tuổi gia đình định cho anh kết duyên với một thiếu nữ thùy mị, duyên dáng và đạo hạnh, nhưng anh xin hõan lại để suy nghĩ, và sau cùng quyết định xin đi tu dâng mình cho Chúa.

Thầy Thịnh thụ phong linh mục trong thời Cảnh Thịnh cấm đạo. Cha làm bí thư cho Đức cha Giacôbê Longer Gia một thời gian, đã tháp tùng Đức cha đến yết kiến vua Gia Long về đăng quang tại Thăng Long năm 1803.

Theo sự bổ nhiệm của Đức Giám mục, cha phục vụ tại nhiều giáo xứ: trước tiên là Cửa Bạng rồi Đồng Chuối, sau về xứ Nam Sang phục vụ hai mươi năm liền. Cuối cùng, làm cha sở xứ Kẻ Trình khi đó cha đã gần 80 tuổi. Ngài là một ngươi cha già, đạo đức, hiền lành, được tất cả các tín hữu kính nể và yêu mến.

Một hôm cha bị nhọt ở má, rồi lở miệng, nửa hàm răng bị mưng mủ và đau nhức khôn tả. Ông Còn lên thăm, thấy tình cảnh cha như vậy liền rước về nhà cháu ở Kẻ Báng để chăm sóc chữa trị. Được độ tám tháng, cha bị bắt cùng hai chi Nghi và Ngân.

• Tai họa cho làng Kẻ Báng.

Tổng đốc Trịnh Quang Khanh là một cộng tác viên đắc lực nhất của vua Minh Mạng trong việc bách hại đạo Công Giáo. Trong vòng ba năm, ông phá hủy hơn 400 nhà thờ, tu viện và chủng viện. Ông cho phóng thích một tội nhân phạm tội hình sự đang bị giam ở Nam Định, để anh ta đến làng Kẻ Báng dò thám, lập công chuộc tội. Anh này tuy không trong đạo, nhưng quen biết nhiều, nên ra vào gặp gỡ các giáo hữu dễ dàng. Khi biết chắc trong làng có ba linh mục, anh liền đi tố giác với quan.

Ngày 30.05.1840, theo tin mật báo, quan Tổng đốc liền đem 1.000 quân đến vây làng Kẻ Báng. Rồi ông cho phát loa kêu gọi dân ra đình điểm danh. Tất cả đàn ông, thanh niên trên 15 tuổi đều bị trói lại và tập trung ở một chỗ, quân lính canh

gác cẩn thận. Họ bắt cứ phải ngồi vậy phơi nắng, phơi sương suốt hai ngày. Chị em phụ nữ lo cơm nước tiếp tế cho lính và thân nhân.. Đồng thời, quan sai lính đi lục soát tất cả "*hang cùng ngõ hẻm*". Ngày đầu tiên không tìm thấy linh mục nào, ông nản lòng định rút quân, nhưng ngươi tố giác cứ nhất quyết, lấy đầu ra mà thề, nên ông lại cho tiếp tục lục soát.

Ngày thứ ba, quan ra lệnh phá cách vách dầy trong làng thì quả thật bắt đươc cha Nghi đang ẩn giữa hai lớp vách nhà bà Duyên. Quan cho gọi bà ra bước qua Thánh Giá, nhưng may mắn quân lính nghe lộn ra bà Doãn, bà này ngoại giáo nên sẵn sàng bước qua, nhờ đó bà Duyên thoát mạng. Khoảng giữa trưa thì lính bắt thêm đươc cha Ngân đang ẩn ở nhà ông Thọ và cha bị bắt trói, điệu ra chỗ cha Nghi ngoài đình.

Về cha Thịnh thì giả điếc nằm ngay võng nhà ông Chiền là cháu ông Cỏn, quân lính đi ngang thấy cụ già nhà quê bệnh tật, nên chẳng nghi ngờ gì. Nếu có hỏi thì cô Thanh, một nữ tu họ Kẻ Trình đi theo phục vụ cha khai là: "*Bố tôi đấy, ông bị bệnh nặng nên không ra điểm danh được*." Đến khi nghe hai cha Nghi và Ngân đã bị bắt, cha Thịnh không múôn im lặng nữa. Nhân một cai đội hỏi cụ: "*Ông có phải là đạo trưởng không*?" Cha Thịnh liền đáp: "*Phải, tôi đây*." Thế là cha Thịnh đồng số phận bị bắt với hai bạn cùng chí hướng. Lợi dụng cơ hội này, quân lính ùa vào làng cướp tiến của, thíc lúa, trâu bò . . . Họ vừa đập phá vừa reo hò chiến thắng vang dậy cả làng. Sau đó, quan cho đóng gông và áp giải ba linh mục, ông thọ, ông Cỏn và 20 tín hữu Kẻ Báng về nhà lao Nam Định.

• Vững vàng tuyên tín . . .

Suốt một tháng đầu, ba cha, ngày mang gông xiềng, tối bị cùm chân, nhưng chưa phải ra tòa. Đến đầu tháng bẩy, quan gọi ra công đừơng, bắt bứơc qua Thập Giá, các cha đều can đảm từ chối. Cha Thịnh lên tiếng: "*Tôi đã bằng này tuổi đầu mà còn sợ chết nữa sao? Tôi không thể làm theo lời quan đựơc.*" Quan lại hỏi về tên và chỗ ở của các thừa sai, nhưng các cha đều chối không biết. Quan liền truyền trói ba vị bắt quỳ giang nắng suốt ngày không cho uống nước.

Ba ngày sau (06.07), Tổng đốc Trịnh Quang Khanh lại cho gọi ba cha và nói: "*Nếu các ông không đạp lên Thập Tự, các ông sẽ phải chết.*" Cha Nghi trả lời: "*Thưa quan, nếu quan thương, chúng tôi nhờ; nếu không thương, chúng tôi cũng xanh rì nấm mộ, còn bứơc qua Thập Giá, chúng tôi không dám.*" Quan liền cho đánh mỗi người 50 roi. Thấy không hiệu quả, ông cho đưa cha già Thịnh đánh thêm 10 roi nữa, vì nghĩ tuổi già sức yếu, cha sẽ bị khuất phục. Nhưng ông không ngờ cha Thịnh mạnh mẽ can đảm chịu đòn cách vui vẻ. Tức giận, quan lại bắt ba vị ra phơi nắng một ngày nữa.

• Hạnh phúc thiên thu.

Thắm thóat ba cha đã ở trong ngục đựơc năm tháng. Với nhiều trận đòn chí tử, nhiều ngày giang nắng ngoài trời . . ., các vị vẫn không nản lòng, cứ một mực tuyên xưng niềm tin vào Đấng chịu khổ nạn. Các quan thấy các ngài cương quyết giữ vững lập trừơng, liền làm án gửi về kinh đô. Vua Minh Mạng

phê chuẩn và ra lệnh thi hành. Đươc tin ấy, ba cha hớn hở vui mừng, giải tội cho nhau và chuẩn bị tâm hồn sốt sắng lãnh nhận triều thiên tử đạo.

Ngày 08.11.1840, cha Thịnh, cha Ngân, cha Nghi, ông Thọ, ông Cỏn bị đòan lính 500 người điệu ra pháp trừơng Bẩy Mẫu. Đến nơi, tất cả các ngài quỳ xuống cầu nguyện một lát, rồi ra hiệu đã sẵn sàng. Theo lệnh quan, lý hình chém rơi đầu năm chiến sĩ đức tin, kết thúc cuộc đời dương thế và khai mở cuộc sống vĩnh hằng trên Thiên Quốc.

Thi thể hai cha Nghi và Ngân đươc đưa về Kẻ Báng. Còn cha Thịnh được mai táng ở xứ Vũ Điện, sau dời về quê hương ngài là Kẻ Sét, Hà Nội.

Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn ba linh mục Giuse Nguyễn Đình Nghi, Phaolô Nguyễn Ngân và Martinô Tạ Đức Thịnh lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

Ngày 08 tháng 11

Thánh Martinô THỌ

Viên thuế
(1787 – 1840)

Tiểu sử thánh Martinô Thọ đươc ghi nhớ cách đặc biệt qua những lời trăn trối với các con vào thăm trong tù. Di ngôn của ông đang trở thành bản mẫu cho những người cha Kitô hữu trong giờ phút cuối của cuộc đời: vừa thực tế, vừa dạt dào tình cảm, mà cũng đầy tin tưởng:

"*Các con thân mến, cha không còn làm gì giúp chúng con ở thế gian này đươc nữa, cha chỉ còn lo chủân bị tâm hồn đón nhận những thử thách cuối cùng. Ý Chúa đã múôn cha xa lìa các con mãi mãi, nhưng các con còn có mẹ, hãy cố vâng lời mẹ. Các con lớn hãy nhớ quan tâm em mình. Các con nhỏ phải biết kính trọng và vâng lời anh chị. Hãy yêu thương nhau, siêng năng làm việc đỡ đần mẹ. Nhớ đọc kinh tối sáng và lần chuỗi Mân Côi hằng ngày. Chúa trao cho mỗi người một Thánh Giá riêng, hãy vui vẻ vác theo chân Chúa và kiên trung giữ đạo.*"

Martinô Thọ sinh năm 1787 tại làng Kẻ Báng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Ông tên thật là Nho, còn Thọ là tên người con thư chín. Tuy gia đình đông con, nhưng ông đã khéo léo giáo dục chúng bằng đời sống gương mẫu của chính mình.

Dân trong làng biết ông ngay thẳng, nên cử ông phụ trách việc thu thuế đinh. Ông sống rất thanh liêm, không nhận

hối lộ, không ăn chận của ai, cũng không quỵ lụy cấp trên, cứ theo lẽ công mà làm nên rất có uy tín. Ngoài ra, ông Thọ còn thức khuya dậy sớm lao động như mọi người, vừa làm rụông, vừa ươm tơ nuôi tằm. Ông thừơng khuyên các con: "*Sống công bằng thôi chưa đủ, phải có bác ái nữa, mà múôn thực thi bác ái phải có điều kiện.*" Dành dụm đựơc chút nào, ông giúp đỡ người nghèo, hoặc góp phần vào việc chung, trong làng, trong giáo xứ. Nhà ông ở luôn mở rộng cửa tiếp đón các linh mục đến giáo xứ làm việc. Ông không sợ chết, lại còn muốn tỏ ra đựơc chết vì đạo nữa.

Năm 1838, khi nghe tin hai ông Trùm Đích và ông Lý Mỹ bị xử trảm tại pháp trừơng Bẩy Mẫu, ông thu xếp công việc đến viếng xác và về nhà dặn dò các con:

"*Các con yêu dấu, nếu Chúa cho cha theo chân hai ông ấy, các con hãy vui lòng. Phần các con, nếu bị bắt, hãy can đảm giữ vững đức tin.*"

(*Xem tiếp hạnh tích*
Thánh Gioan Baotixita CÔN
Trang 497)

Ngày 08 tháng 11

Thánh Gioan Baotixita CỎN

Lý trưởng
(1805 – 1840)

Đối với ông Gioan Côn, việc tử đạo là biến cố ông hân hoan hằng mong đợi. Trên đường ra pháp trường, ông vẫn tươi cười chào giã biệt mọi người dù quen hay không. Khi thấy một người đang thương khóc thương mình, ông dừng lại nói: "*Sao anh lại khóc, lẽ ra phải mừng cho tôi chứ?*" Có lẽ ông đã thấy cửa Thiên Đàng đang rộng mở đón tiếp mình.

Gioan Cỏn sinh năm 1805 tại làng Kẻ Báng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định và có họ hàng xa với ông Matinô Thọ. Ông sống bằng nghề nông, cầy sâu cuốc bẫm, chân lấm tay bùn, gia đình tuy nghèo nhưng luôn thuận hòa ấm êm. Là một tín hữu sáng suốt và nhiệt thành, ông Cỏn ý thức phải đem Tin Mừng thánh hóa môi trường mình đang sống. Ông đã thành công trong vụ kiện một người Lý tưởng cậy thế chiếm đoạt tiền của dân chúng.

Từ sau vụ kiện đó, uy tín ông càng ngày càng gia tăng cho đến khi ông được dân tín nhiệm đề cử làm Lý trưởng. Trong chức vụ ấy, ông hết lòng tận tụy với việc chung. Tuy nhiên do bạn bè lôi kéo, ông thường bê trễ trong các sinh hoạt tôn giáo. Bù vào đó, ông rất sẵn lòng phục vụ anh em vì đạo. Có lần, ngay giữa đêm khuya, ông lặn lội mưa gió mời linh mục đến giúp một bệnh nhân hấp hối. Khi vua Minh Mạng ra lệnh

truy nã các thừa sai và linh mục, ông Cỏn bố trí xếp đặt cho các vị đến ẩn trong làng. Ông bị bắt vì tội chứa chấp các đạo trưởng: Cha già Thịnh ở Kẻ Trình bị bệnh nặng và không có chỗ chữa trị, ông Cỏn đón về để cha ở trong nhà cháu mình, để dễ dàng chăm sóc thuốc than, và thế là hai cha con bị bắt ở đây.

• Đạo tại tâm.

Ngày 30.5.1840, nghe báo tin ở Kẻ Báng có linh mục, quan Tổng đốc Trịnh Quang Khanh đưa hàng ngàn lính về bao vây làng. Ông chia lính thành những tốp 10 người đi sục sạo hết các xó xỉnh, các bụi rậm. Sau hai ngày lục soát họ bắt được ba linh mục: Cha Nghi, cha Ngân và cha Thịnh. Ông Thọ và ông Cỏn cũng bị bắt vì tội chứa chấp đạo trưởng. Quan cho lệnh đóng gông và giải tất cả về tỉnh Nam Định.

Một tháng đầu quan bỏ lơ không nói gì đến. Sau đó, cho gọi ra bắt bước qua Thập Giá, các ông không chịu, quan truyền đánh mỗi người 50 roi, rồi bắt phơi nắng cho đến tối không dược ăn uống gì cả. Lần khác, quan lại gọi ra và dụ dỗ: "*Cứ đạp đi rồi xưng tội là khỏi tội thôi mà*". Hai ông vẫn từ chối, Trịnh Quang Khanh liền cho lính nắm gông khiêng các ngài qua ảnh chuộc tội. Hai ông co chân lên và khẳng khái tuyên bố:

"*Đạo lai tâm. Quan lớn cưỡng bách mà lòng chúng tôi không thuận thì chẳng mắc tội gì*".

Thế là quan nổi giận, nảy ra một sáng kiến kinh dị : khi ba vị linh mục cùng bị bắt vừa chịu tra tấn, máu me loang lổ khắp mình, quan bắt hai ông hoặc liếm máu nơi các vết thương

ấy, hoặc bỏ đạo. Hai ông liền quỳ xuống thực hiện điều quan yêu cầu một cách cung kính. Trịnh Quang Khanh vừa rùng mình, vừa kinh ngạc nói với các quan: "*Xem kìa! Bọn chúng kính trọng các đạo trưởng biết bao! Chẳng lẽ chúng bị bỏ bùa mê sao?*". Rồi ông truyền đem trói hai ông lại, bắt quì trên cát giữa trời nắng gắt suốt ngày.

- **Chắp cánh cùm gông , roi đòn gió thoảng...**

Một lần quan tra hỏi về các thừa sai, ông Thọ trả lời: "*Thưa quan, tôi có biết Đức cha Giacobê, nhưng ngài đã qua đời, còn các thừa sai khác vua bắt hết rồi, còn đâu? Hơn nữa chúng tôi ở trong tù làm sao biết các vị ấy ở đâu được?*" Tức giận, quan cho lính hôm đó tự do đánh đập tùy thích. Ông còn chịu được 60 roi thì kiệt sức, máu miệng trào ra, được quân lính khiêng về trại. Còn ông Thọ bị đánh đúng 150 roi. Về sau ông nói với con gái rằng: "*50 roi đầu đau đớn khôn tả, còn 100 roi sau, nhờ ơn Chúa, cha thấy nhe nhàng như gió thoảng vậy*".

Quan thấy hình khổ không làm cho các ông xiêu lòng, nên cho lệnh bắt vợ con để áp lực, buộc các ông bỏ đạo. May mắn hai ông biết trước, vội nhắn tin cho gia đình lẩn tránh nơi khác. Tuy thế, quan vẫn nói với các ông*: " Nếu ta đưa vợ con các ngươi đến đây để giết thì các ngươi có chịu bỏ đạo không?".* **Ông Cỏn đáp: "*Thưa quan, cửa nhà vợ con dều do Chúa ban, chúng tôi chẳng có gì tiếc xót cả. Nếu vợ con tử đạo, chúng tôi càng mong ước về Thiên Đàng*". Ông Thọ nói thêm: *" Gông cùm và roi vọt của quan là hai cánh đưa chúng tôi bay về Thiên Quốc".*

Nghe thế, quan càng giận dữ hành hạ ác liệt hơn nữa: Ban ngày phơi nắng, ban đêm bắt nằm ngoài cống rãnh nước thải của trại tù, và bớt phần ăn suốt tuần lễ. Đến ngày thứ bảy, cô Thuyên, con gái ông Thọ tìm cách vào thăm cha. Thấy cha nằm dái bất tỉnh, cô lấy nước rót vào miệng, nhưng phải khá lâu ông mới hồi tỉnh nhận ra con mình. Lần khác, khi gặp lại con cái, ông nói với chúng những lời dặn dò sau hết.

Bàn án trảm quyết gởi vào kinh đô và được vua Minh Mạng ký duyệt. Ngày 06.11, các ông biết tin, tìm cách gặp các cha cùng bị bắt để xưng tội và chuẩn bị tâm hồn. Ngày 08.11.1840, cùng với ba vị linh mục, hai ông bị điệu ra pháp trường Bẩy Mẫu. Dọc đường hai vị vẫn tươi cười chào hỏi mọi người. Đến nơi hai ông quỳ cầu nguyện một lát, rồi đưa tay cho quân lính trói vào cọc. Theo lệnh quan, lý hình vung gươm, đưa các ngài về quê hương mong ước. Một vị 35 tuổi, một vị 53 tuổi, từ nay mãi mãi bên nhau trong vinh quang bất diệt. Thi hài hai Đấng tử đạo được đưa về an táng ở xứ Kẻ Báng.

Đức Giáo hoàng Lêo XIII suy tôn hai ông Martinô Thọ và Gioan Baotixita Cỏn lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

Ngày 14 tháng 11

Thánh Stêphanô Théodore CÚENOT THỂ

Giám mục Thừa Sai Paris
(1802 – 1861)

• Như một Phaolô ngày xưa.

Cuộc đời thánh Giám mục Cúenot Thể với 32 năm phục vụ Giáo Hội Việt Nam, 26 năm trong chức vụ Giám mục, gắn liền với những trang sử đẹp nhất, giữa một giai đọan khó khăn nhất thời bách hại. Nhiệt tâm truyền giáo của ngài như ngọn thủy triều dâng tràn đến mọi ngươi mọi nơi. Với tài đức khéo léo, ngài đã đào tạo một đội ngũ linh mục xuất sắc và hàng ngàn thầy giảng, nữ tu hăng say. Với châm ngôn "*để tín hữu vững tin, phải đào tạo những tông đồ truyền giáo*", nên dù cho bao linh mục, tu sĩ, giáo dân của ngài bị tàn sát, địa phận Đàng Trong của ngài vẫn phát triển mạnh mẽ, đủ sức tách làm bốn địa phận. Số linh mục, tu sĩ, tân tòng gia tăng nhanh mỗi năm, sẽ mãi mãi là bằng chứng của nhiệt tâm và tài tổ chức của ngài.

Stêphanô Théodore Cúenot sinh ngày 08.02.1802 tại Sous Réamont thuộc Bélieu, nước Pháp. Lớn lên cậu vào chủng viện Besancon, trung tâm huấn luyện cua cha Réceveur, và thụ phong linh mục ngày 24.09.1825. Tuy thế, hoài bão chính của tân linh mục là đi truyền giáo. Năm 1828, cha Cúenot xin gia nhập Hội Thừa Sai Paris, và năm sau đươc cử đến Việt Nam. Ngày 31.05.1829, cha đến Kẻ Vĩnh, địa phận Đàng Ngoài. Ngày 24.07, cha vào miền Nam.

Mới đầu cha được gửi đến Lái Thiêu để học thêm tiếng Việt, đồng thời dậy các chủng sinh tại đó. Bốn năm dậy ở chủng viện, tuy là thời gian ngắn ngủi, nhưng cũng đủ để cha hiểu nhiều về phong hóa địa phương, gắn bó với các cộng tác viên trong tương lai. Năm 1833, vua Minh Mạng ra chiếu chỉ cấm đạo trên tòan quốc, triệt hạ các nhà thờ, tập trung các thừa sai và bắt các tín hữu phải bỏ đạo. Vì mới lần đầu va chạm với bách hại, các tín hữu lúc đó chưa dám chứa chấp các vị thừa sai. Đức cha Tabert Từ liền quyết định đưa các vị di tản qua Thái Lan. Cha Thể phụ trách việc di chuyển 15 chủng sinh. Sau hơn một tháng rưỡi hành trình vất vả, đoàn người đã đến Thái Lan và đựơc vua Thái tiếp đón nồng nhiệt.

Thời gian đó, Thái Lan và Việt Nam đang có chiến tranh, nên vua Thái Lan muốn nhờ các vị thừa sai kêu gọi dân Công Giáo chống lại vua Minh Mạng. Dĩ nhiên là Đức cha Tabert Từ không thể nào chấp nậhn, ngài cương quyết từ chối. Điều đó làm Thái Hoàng nổi giận và thay đổi cách cư xử. Nhà vua ra lệnh bắt giam ba linh mục và các chủng sinh Việt Nam. May là nhờ tài ăn nói thuyết phục của cha Thể, vua mới nương tay và cho họ đến ẩn náu tại chủng viện Pénang (Mã Lai) năm 1834. Cha nói:

"*Bằng mọi giá phải lo cho họ. Như tôi (một thừa sai) chết, người ta có thể gửi ngừời khác thay thế chậm lắm là một năm. Một linh mục, chủng sinh Việt Nam nằm xuống, phải mất hai ba chục năm mới có ngừoi thay thế đựơc*."

Cũng năm đó, vì không ủng hộ Thái Lan đánh Việt Nam, Đức cha Tabert Từ lại phải chạy đến Singapour.

• Hoa tiêu giữa sóng gió.

Tuy sống cách xa nghìn dặm, Đức cha, cha Thể và các vị thừa sai vẫn hướng tâm hồn về Giáo Hội Việt Nam đang lâm cảnh máu chảy đầu rơi, vừa thương xót vừa thán phục, các ngài tìm cách trở lại miền đất truyền giáo này. Năm 1835, Đức cha Tabert có quyết định mới. Khi thấy trên mảnh đất Lạc Hồng chỉ còn hai thừa sai và 10 linh mục Việt Nam, Đức cha liền đáp tầu sang Pénang, truyền chức Giám mục cho cha Thể, chọn làm phụ tá mình, và cử vị tân Giám mục cấp tốc trở về địa phận.

Trở lại Việt Nam trong những ngày bách hại khốc liệt, sự hiện diện của Đức cha Thể quả là niềm an ủi lớn lao cho các tín hữu. Đặt trụ sở ở Gò Thị, tỉnh Bình Định, Đức cha thấy mình không thể đi thăm hết các họ đạo đựơc, ngài liền viết thư luân lưu gửi đến khắp nơi để cổ võ tinh thần đạo đức của giáo hữu. Từ nay tất cả các biến cố trong địa phận: những cuộc càn quét của quân lính, những chứng nhân bị bắt giam, những cuộc tử đạo cho đến những thành quả tông đồ, đều đựơc người cha chung địa phận cảm thông, viết thư khen ngợi, ủy lạo hay khích lệ. Nhờ đó các linh mục và giáo hữu đều thấy thêm can đảm.

Việc Đức cha bận tâm nhất là sĩ số các linh mục phục vụ. Ngoài hai linh mục đã theo ngài về từ Thái Lan, năm 1835, Đức cha truyền chức cho 10 thầy giảng. Năm sau, ngài xin Hội Thừa Sai đựơc thêm sáu linh mục. Là người sáng suốt nhìn xa trông rộng, Đức cha cho tái lập hai chủng viện, một ở Huế trao cho cha Candalh Kim và một ở miền Nam trao cho cha Lefèbvre

Nghĩa. Đồng thời Đức cha cũng gọi các nữ tu Mến Thánh Giá trước đây đã phải phân tán về gia đình (250 dì) trở lại sống chung và hoạt động trong 18 nhà phước.

Ngày 31.07.1840, Đức cha Tabert Từ qua đời tại Calcutta (Ấn Độ), Đức cha Thể chính thức làm đại diện Tông tòa. Năm sau ngài tổ chức lễ tấn phong cho tân Giám mục Lefèbvre làm phụ tá. Lợi dụng tình hình lắng dịu hơn, ngài tổ chức Công Đồng Gò Thị (1841) gồm ba thừa sai và 13 linh mục Việt trong địa phận [(1)]. Công Đồng dưới sự điều khiển của Đức cha Thể, đã đưa ra những nguyên tắc sáng súốt để đào tạo một lớp linh mục bản xứ đông đảo và nhiệt thành. Nếu việc mở chủng viện khó khăn, mỗi thừa sai có trách nhiệm dậy sáu bẩy em, rồi gửi qua Pénang học bẩy năm. Họ sẽ về Việt Nam thụ phong linh mục và làm việc. Cách tổ chức ấy thực tế đã cung cấp cho địa phận Đàng Trong một số khá đông linh mục thông thái và đạo đức.

- **Vị chủ chăn nhiều tài năng và sáng kiến.**

Dù hoàn cảnh khó khăn, Đức cha vẫn quan tâm đến việc nâng cao kiến thức và nhân đức cho hàng giáo sĩ, mỗi năm ngài gửi cho các linh mục những bài học hỏi về tín lý, luân lý. Các cha sẽ viết bài rồi nộp trong kỳ tĩnh tâm hàng năm. Sau đó, chính Đức cha đọc, sửa bài và gửi thư nhắn nhủ cho từng linh mục. Đối với giáo hữu, Đức cha chủ trương rằng: "*Phương pháp tốt nhất để đức tin của giáo hữu vững vàng là đào tạo họ*

---

(1) Synodus in Provincia Bình Định, Hồng Kông 1893.

thành những tông đồ truyền giáo.” **Thực vậy, nhờ giải thích cho ngươi khác về giáo lý, các giáo hữu càng ngày càng xác tín hơn về niềm tin của mình. Hơn nữa, họ tự thấy nghĩa vụ làm gương cho anh em tân tòng về đời sống đạo và tinh thần can đảm giữ vững đức tin.**

Đối với những giáo hữu vì sợ hãi đã xuất giáo, đạp lên Thánh Giá, Đức cha sẵn lòng thay mặt Chúa tha thứ. Nhưng ngài xin họ nhận một điều kiện là hứa giúp cho một lương dân theo đạo Công Giáo. Bên cạnh đó, hàng năm Đức cha làm thống kê báo tin xứ đạo nào có nhiều tân tòng hơn, khiến các xứ thi đua làm việc tông đồ. Đặc biệt phải nói đến lòng can đảm của các nữ tu Mến Thánh Giá. Các chị chia nhau, cứ hai người một, đi hết các làng mạc, phát thúôc men cho bệnh nhân, và khi có thể, rửa tội cho trẻ em sắp chết. Nếu năm 1835, khi Đức cha mới về nước (Việt Nam), số trẻ em ngoại giáo đươc rửa tội là 133 em, thì năm 1841 là 1.800 em và năm 1843 là 8.273 em. Năm 1844, số trẻ em gia đình Công Giáo đươc rửa tội là 5.056 thì số người lớn trở lại và rửa tội là 1.007, nghĩa là một phần năm.

Nhiều giáo hữu sẵn sàng bỏ tiền bạc, công sức nuôi dùm trẻ em những người quá nghèo, chỉ với điều kiện là cho em gia nhập đạo. Lòng bác ái sâu xa ấy quả là bài giảng hùng hồn về sức sống của Giáo Hội. Nhiều người thiện chí, và đôi khi cha mẹ các em cũng xin trở lại vì những bài giảng sống này.

Một công trình lớn lao khác của Đức cha Thể là công cụôc truyền giáo cho các dân tộc thiểu số miền Thương du, đặc

biệt là dân tộc Bahnar. Chính Đức cha cử nhiều đợt người theo dõi, khích lệ và đưa ra những chỉ đạo thích hợp để anh em Thượng nhận đươc Ánh Sáng Tin Mừng.

Những thành công lớn lao của Đức cha đã đươc Tòa Thánh công nhận năm 1844 khi phân chia địa phận Đàng Trong thành hai địa phận Đông (Qui Nhơn) và Tây (Sàigòn). Tiếp theo đến năm 1850, lại chia làm bốn là Nam Vang, Sàigòn, Bắc (Huế) và Qui Nhơn. Từ đây, Đức cha Thể chỉ coi sóc địa phận Đông Đàng Trong, nhưng lại ở trong tình hình bách hại mới gay gắt hơn nhiều.

- **Lòng kính mến Đức Mẹ.**

Trong 10 năm liền, nhờ sự che chở của các tín hữu và các nữ tu Mến Thánh Giá, Đức cha và các linh mục thoát khỏi các cuộc truy lùng. Thế nhưng các ngài phải thay đổi chỗ ở liên tục, nhiều đêm ngủ ngoài trời "*đêm sao*", có lúc phải vào rừng sâu hay đầm lầy, chịu đói chịu khát, chịu khí hậu thất thường và nhiều lần suýt chết trong khi thăm viếng bệnh nhân hay giải tội cho ngươi hấp hối. Thế mà trong thời gian này, Đức cha duy trì thường xuyên mối liên lạc với Tòa Thánh. Đặc biệt khi đươc hỏi về tín điều Đức Mẹ Vô Nhiễm, ngài đã trao đổi với các linh mục trong địa phận, rồi gửi thư bầy tỏ lòng kính mến Đức Maria của dân tộc Việt cho Tòa Thánh. Cuối thư, Đức cha viết:

"*Xin Đức Thánh Cha cho con đươc hiệp thông trong lời cầu nguyện cùng với tất cả các Giám mục khác trong ngày Đức Thánh Cha long trọng công bố tín điều Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội.*"

• Tù tội vì rao giảng Tin Mừng.

Năm 1861, chiếu chỉ "*phân sáp*" của vua Tự Đức làm Giáo Hội Việt Nam một phen điêu đứng. Đức cha Thể đã khuyên các thừa sai trong địa phận di tản vào Sàigòn, nhưng chính ngài tình nguyện ở lại, ngài đưa ra một phương châm bất hủ: "*Dù chỉ còn một thừa sai chẳng làm được gì ngoài đọc kinh thần vụ, thì nguyên việc hiện diện của vị đó đủ để nâng đỡ niềm tin và sinh hoạt của tín hữu rồi.*"

Từ tháng 10, Đức cha phải bỏ Gò Thị trốn từ nhà này sang nhà khác. Ngày 24.10.1861, ngài đang ẩn ở nhà bà Madalena Hùynh thị Lựu thì quân lính bao vây nhà bà . . .

Đức cha và hai chú giúp lễ kịp trốn xuống hầm, nhưng vừa dâng lễ xong chưa kịp cất giấu đồ lễ. Vì chứng cớ ấy mà quân lính thề phá nhà, nếu không tìm thấy đạo trưởng Tây dương. Mọi người trong nhà đều bị tra tấn, bà Lựu bị đánh đòn 17 roi. Sau hai ngày và một đêm ở dưới hầm, Đức cha và hai chú giúp lễ khát khô cả cổ. Vả lại vì quân lính chẳng bỏ đi, nếu chưa bắt được Đức cha, nên ngài tự ra nộp mình. Vừa thấy ngài, quân lính chồm tới trói tay chân ngài lại như một con thú. Nhưng viên chỉ huy nhân đạo hơn, cho cởi trói và mời ngài ngồi chiếu nói chuyện với ông ta.

Hôm sau, Đức cha bị nhốt trong cũi đưa về tỉnh. Hai chú giúp lễ, bà Lựu và hai người lân cận cũng bị mang gông giải đi (sau này tất cả cùng bị xử tử tháng 12). Bà Lựu vừa cho con bú vừa ra pháp trường, rồi hôn con lần cuối trao lại cho bà ngoại.

Tháng 10 năm đó, miền Trung bị lụt, nước dâng lên đến lưng, nên ngồi trong cũi chật chội, Đức cha cũng bị ngập nước. Do đó, khi đến nhà giam thì Đức cha lâm trọng bệnh. Chứng bệnh kiết lỵ làm sức khỏe ngài càng đuối dần, vì thế, ngài chỉ phải ra tòa một lần. Quan hỏi:

- ***Tại sao ông sang nước tôi?***

- ***Thưa, để giảng đạo Thiên Chúa.***

- ***Ông ở đây bao lâu rồi?***

- ***Ba mươi bốn năm.***

- ***Ông đã ở những đâu?***

- ***Thưa, trước hết là Bình Định rồi Phú Yên, Bình Thuận và lại trở về Bình Định.***

- ***Ông biết gì về chiến tranh không?***

- ***Thưa, không biết gì cả. Tôi đến đây chỉ để giảng đạo, khi nơi này khi nơi khác thế thôi. Quan hành hạ thế nào tôi cũng đành chịu, chứ tin tức chiến tranh tôi hoàn toàn không biết gì cả.***

Trở về với chiếc cũi của mình, cơn bệnh khắc nghiệt chỉ trong vòng ba tuần lễ đã làm Đức cha kiệt sức và thở hơi cuối cùng ngày 14.11.1861, kết thúc 32 năm truyền giáo không một ngày bình an.

Hôm sau, ngày Đức cha qua đời, bản án trảm quyết từ Huế mới tới Bình Định. Thấy ngài đã từ trần, quan Trấn thủ Bình Định không cho chém nữa, truyền đem đi chôn. Những tín hữu đang bị tù xin phép mua cho Đức cha một áo quan xứng đáng, nhưng Trấn thủ không chấp thuận. Nhưng sau đó, triều đình lại gửi ra một một bản án mới ghi thế này:

"*Tây dương đạo trưởng Thể đã lẩn lút trong nước ta 40 năm nay. Y đã giảng đạo và lừa dối dân chúng. Bị bắt và tra hỏi, y đã thú nhận mọi tội lỗi. Lẽ ra phải chém đầu y bêu lên giữa chợ, nhưng vì y đã chết trong tù, ta truyền phải quăng xác y xuống sông.*"

Chiếu theo bản án ấy, quan Trấn thủ cho đào mồ Đức cha lên, để liệng thi hài Đức cha xuống sông.

Mặc dù Đức cha Cúenot Thể không đổ máu vì đức tin, nhưng căn cứ vào bản án và muôn ngàn nỗi truân chuyên ngài đã chịu vì đạo, Giáo Hội tôn kính Đức cha với tước hiệu tử đạo.

Ngày 02.05.1909, Đức Piô X nêu danh Đức cha Stephanô Théodore Cúenot Thể đứng đầu danh sách 20 vị tử đạo tại Việt Nam đực suy tôn lên bậc Chân Phước cùng ngày.

Một Tiểu Chủng Viện "*nổi*" trên sông Hồng.
(Trích trong "Le Vietnam des Martyrs et des Saints")

Ngày 20 tháng 11

Thánh Phanxicô NGUYỄN CẦN

Thầy giảng
(1803 – 1837)

• Tôi trung không thờ hai chủ.

Tôi trung không thờ hai chủ.” **lời cuối cùng phát ra từ miệng thánh Phanxicô Nguyễn Cần tóm tắt cuộc đời của thầy, một người tôi trung, đã suốt đời trung thành với Chúa, phục vụ tha nhân, sống trung thực với suy nghĩ của mình, trung tín với giáo lý Tin Mừng và cuối cùng đã trung kiên vượt qua mọi thử thách, xứng đáng nhận lời chúc phúc “*Hãy vào hưởng niềm hoan lạc của Chúa trên Trời*.” (Mt 25, 21)**

• Chí con đã quyết.

Phanxicô Nguyễn Cần còn có tên Nguyễn Tiên tức Tiên Truật, sinh 1803, tại xã Sơn Miêng, huyện Phú Xuyên, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông, Hà Nội. Từ niên thiếu, cậu Cần đã ước ao dâng mình trong nhà Chúa, nhưng mẹ cậu vì thướng nhớ, không múôn xa con, nên từ chối. Cậu phải nói với mẹ: “*Nếu mẹ không bằng lòng con ở với cha xứ nhà, con sẽ trôn đi, ở với cha xứ khác*.” Thế là bà mẹ cũng phải chiều ý cho cậu ở với cha Nghi, chánh xứ Sơn Miêng.

Nhờ đức hạnh tốt và siêng năng, cậu được vào chủng viện, trở thành thầy giảng, được cử đi giúp Đức cha Havard Du, rồi cha Retord Liêu (năm 1838 lên chức Giám mục, gọi là Đức Thầy Liêu). Cha Liêu đã nhận xét về thầy Cần: "*Thầy giúp tôi học tiếng Việt, chia sẻ với tôi mọi khó khăn, hiểm nguy, thiếu thốn. Thầy rất nhiệt tâm trong việc tông đồ.*"

Ngày 19.04.1836, cha Liêu nhờ thầy đi mời cha Tuấn về xứ Kẻ Chuông giảng, chuẩn bị lễ Phục Sinh. Nhưng khi thầy đến xứ Kẻ Vạc, nơi cha Tuấn ở thì bị bắt. Quân lính giấu ảnh tượng vào túi xách của thầy để có chứng cớ cụ thể. Thầy bị giải về huyện Thanh Oai và bị tống giam vào ngục.

Trước công đường, quan nói thầy đừng tin vào các đạo trưởng và hãy đạp lên ảnh đạo, quan sẽ tha cho về nuôi mẹ già. Thầy trả lời: "*Thưa quan, tôi chưa thấy các đạo trưởng lừa dối ai bao giờ, còn mẹ già tôi không lo, tôi xa nhà đã lâu chẳng giúp gì cho bà*." Sau đó quan dùng nhiều lời khiếm nhã phê bình về đạo, thầy bình tĩnh giải thích lại rồi trình bầy về 10 điều răn Thiên Chúa và 6 điều răn Hội Thánh, thầy kết thúc bằng một lời nguyện tự phát rất cảm động. Mọi người ở đó đều cảm phục. Quan tuyên bố kết thúc phiên tòa, đưa thầy về trại giam. Nhưng quan nói nhỏ với nhưng người đứng bên: "*Anh này nói cũng có lý. Những giới răn và kinh nguyện của anh ta chứa đựng nhiều điều tốt lành, có lẽ còn dễ hiểu hơn bản "thập điều" của nhà vua nữa*".

• Một dạ sắt son.

Phần cha Liêu ở nhà rất buồn, cha tìm mọi cách cứu mạng cho thầy Cần. Cha cho ngươi đem tiền theo thân mẫu người lên huyện để chuộc. Mới đầu, quan đòi 300 quan, sau tăng lên 500, rồi 600, vượt qúa con số dự trù, có lẽ vị quan đó không dám cho chuộc thì đúng hơn. Thầy Cần an ủi mẹ: "*Xin mẹ đừng lo cho con, con đã ước ao tử đạo từ lâu, xin mẹ chỉ cầu nguyện cho con là đủ*."

Có nhiều người tỏ lòng thương hại thầy Cần. Quan khuyên thầy bước qua Thập Giá, thầy cương quyết từ chối. Lính khiêng thầy đặt lên tượng ảnh Chúa, thầy ôm chặt lấy chân rồi la lên: "*Tôi không đạp lên ảnh Chúa đâu*." Một số giáo dân đã bỏ đạo nói: "*Tội nào Chúa chẳng tha, Phêrô chối Chúa ba lần mà còn làm thủ lãnh Giáo Hội*." Ngươi khác lừa dối: "*Cha Liêu nhắn thầy cứ bước qua Thánh Giá, rồi về sẽ liệu sau*." Họ còn đe dọa: " *Nếu thầy không nghe, quan sẽ làm khổ cả làng đó.*" Nhưng tất cả không làm lay chuyển ý chí sắt đá của vị chứng nhân Đức Kitô. Thầy quả quyết:

"*Dù thiên thần xúông bảo tôi bỏ đạo, tôi cũng chẳng tin. Dù kính trọng cha Liêu, tôi không thể làm điều sai lạc đó đượC. Hơn nữa, tôi biết chắc ngài không ra lệnh tôi như vậy. Còn với dân chúng, tôi thương mến thật. nhưng cũng không vì họ mà xúc phạm đến Chúa."*

Nhiều ngươi ngoại giáo nói với nhau: "*Giá như đạo mình bị cấm, chắc ta đã bước qua ảnh tượng trăm lần. . . Tượng đồng,*

***ảnh giấy có chi mà sợ.*" Thấy không thể lay chuyển được ngươi tôi trung của Chúa Kitô, quan cho giải thầy lên Hà Nội. Tám tháng tù ở Thanh Oai, mười tháng tù ở Hà Nội, là cả chuỗi ngày cực hình đổ trên đâu thầy: cổ mang gông, tay mang xiềng xích, chân bị cùm. . . nhà tù thì nồng nặc mùi hôi hám, vì tù nhân phóng uế tại chỗ, lính canh đánh đập thầy mỗi ngày để tra khảo tiền bạc. Trong một lá thư gửi cha Liêu, thầy viết:**

"***Con bị tra tấn ba lần, hai lần đầu, mỗi lần 60 roi, lần sau 50 roi, nhà giam đã chật hẹp hôi hám, lại có hơn chục anh đầu trộm đuôi cướp, ăn nói lỗ mãng, ban ngày say sưa, ban đêm cờ bạc, lúc nào cũng ồn ào làm con khó cầu nguyện quá.***"

- **Tông đồ trại giam.**

Thế nhưng thầy không chán nản, mà coi đó là môi trường Chúa gửi đến. Thầy kiên nhẫn giúp hai tù nhân hóan cải, dậy giáo lý và rửa tội được vài người, chúng ta hãy đọc một đạon thư thầy viết từ trại giam ở Hà Nội:

"***Con xin báo để cha an tâm. Ở đâu con cũng được mọi người thương mến, dù quan hay dân và các bạn tù đều kính trọng gọi con bằng thầy, có người tặng con danh hiệu khác nữa. Hầu hết họ cảm thương con bị đau khổ, hoặc khen con vững chí. Con hay bàn luận với họ và biết nhiều điều mê tín của họ, nhưng chưa biết khuyên bảo họ sao bây giờ. Có một ông Chánh tổng cũng bị giam ở đây, hứa với con khi ra tù sẽ theo đạo và sống theo những điều con giảng . . . Thưa cha, con thấy người đời sẵn sáng chịu nhiều khổ sở để được giầu sang hoặc danh vọng chóng***

qua, lẽ nào con không nhẫn nại, chịu những sự khó mau qua này, để được vinh quang đời đời."

• Một lời tiên đóan.

Viên cai ngục Hà Nội thấy tác phong của thầy Cần, dự đoán: "*Ông này chỉ bằng nắm tay mà nghị lực phi thường. Ông ta mà chết sẽ trở nên Thành Hoàng của làng chứ chẳng chơi.*" Cũng trong thời kỳ ở Hà Nội, có lần thầy Cần bị bệnh nặng, một linh mục giả làm thầy lang vào giải tội, cho thầy rước lễ và xức dầu. Nhưng sau đó thầy được bình phục ngay.

Ngày 20.11.1837, bản án vua Minh Mạng châu phê ra tới Hà Nội. Quan Tổng trấn khuyên thầy nhắm mắt bước đại qua Thập Giá. Thầy nói: "*Mắt thì nhắm được, chứ lòng và trí khôn không thể nhắm được, nên tôi chẳng làm*." Quan lại cho xếp chéo hai khúc gỗ và nói: "*Đây không phải ảnh Chúa, gỗ này cũng chưa được làm phép, cứ bước qua đi sẽ thoát chết.*" Nhưng thầy không làm vì biết đó là dấu hiệu chối đạo.

• Và thiên thu vĩnh phúc.

Sau đó, thầy Phanxicô Cần bị điệu ra pháp trường cửa ô Cầu Giấy. Năm viên quan cỡi voi đi trước, 10 cai đội cỡi ngựa theo sau, rồi đến 300 lính vũ lâm, mặc binh phục đỏ, tay cầm kiếm. Một người cầm tấm thẻ ghi bản án: "*Can phạm theo đạo Gia Tô, không chịu bước qua Thập Giá, án xử giảo*". Dân chúng hôm đó đi xem rất đông.

Tại pháp trương, khi dây thừng đã cuốn vòng qua cổ, thầy Cần vẫn bình tĩnh cảm ơn mọi người, nói với họ về cái chết theo đức tin Công Giáo, về hạnh phúc đời sau và hứa sẽ nhớ đền họ khi về bên Chúa. Viên quan cố thuyết phục lần chót: "*Anh có thể cứu mạng mình. Anh không trộm cắp, cũng không làm loạn, bản án của anh còn có thể rút lại được, chỉ cần anh bước một bước qua Thập Tự.*" Nhưng thầy trả lời: "*Tôi trung không thờ hai chủ, xin quan cứ án mà thi hành.*" Quan ra lệnh, tức khắc quân lính kéo mạnh 2 đầu dây, người môn đệ Chúa Kitô gục đầu tắt thở, lãnh cành vạn tuế tử đạo ngày 20.11.1837, khi mới 34 tuổi.

Thi hài vị tử đạo được an táng tại Chân Sơn, sau cải táng về nhà thờ xứ Sơn Miêng, Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn thầy Nguyễn Cần lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

Lời tiên đoán vô tình của viên cai ngục đã trở thành hiện thực. Ngày nay, thánh Phanxicô Nguyễn Cần không những là "*Thành Hoàng*", mà hơn thế, là Thánh Tử Đạo của Giáo Hội Việt Nam và được cả Giáo Hội hòan cầu ngưỡng mộ.

Ngày 24 tháng 11

Thánh Phêrô BORIE CAO

Giám mục Thừa Sai Paris
(1808 – 1838)

• Ngươi thợ xay lúa.

Giám mục Borie Cao chưa làm Giám mục đến một ngày, nhưng ngài xứng đáng với tước hiệu đó. Căn cứ vào khả năng và nhiệt thành, Đức cha Havard Du đã chọn ngài làm Giám mục phó có quyền kế vị. Cha Cao nhận đươc giấy quyết định của Tòa Thánh đang khi ở trong tù, và vì thế chưa kịp thụ phong. Tên thừơng gọi của ngài là Dumoulin do bạn bè đặt (tiếng Pháp Dumoulin là máy xay lúa). Thế nhưng danh xưng Dumoulin đã đi vào lịch sử với hai tước hiệu vinh quang: Giám mục và tử đạo. Quả thật đối với Chúa, giá trị con ngươi là nhân đức và thiện chí, dù thụôc giai cấp nào, mọi ngươi đươc kêu gọi nên thánh.

• Khi Thiên Chúa can thiệp.

Phêrô Borie sinh ngày 20.02.1808, tại Beynat miền Correze, thân phụ tên là Guillaume Borie, thân mẫu là Rose Borie. Thế nhưng vì song thân làm nghề xay lúa, bãn bè hàng xóm quen gọi cậu là Dumoulin. Sinh trưởng trong một gia đình tầm thường như vậy, nên thuở bé Dumoulin có tính cẩu thả. Cha mẹ ép cậu vào chủng viện, cậu nghe theo nhưng chẳng có

hứng thú gì, và ví phạm kỷ luật liên tục. Cha giám đốc phải sử dụng nhiều hình thức xử phạt cũng chẳng làm cậu khá hơn đươc. Tuy vậy, Thiên Chúa đã can thiệp vào cuộc đời con ngươi Ngài tuyển chọn.

Bất ngờ Borie bị một cơn sốt trầm trọng. Trên giường bệnh, cậu có cơ hội suy tư về đời mình. Một hôm đang khi đọc cuốn niên giám của trương Thừa Sai ghi lại cuộc đời các vị truyền giáo, cậu thấy một tia sáng chói lòa trong tâm hồn. Thế là như thánh Phaolô trên đường Damas xưa, cuộc đời cậu Borie từ nay chỉ lấy Đức Giêsu làm lẽ sống, từ đó cậu siêng năng đến gặp Chúa trong Thánh Thể. Và trong những giờ gặp gỡ ấy, cậu nghe như Ngài kêu gọi cậu lãnh nhận một sứ mạng cao quí hơn: sứ mạng truyền giáo.

Trong những giây phút cầu nguyện linh thiêng ấy, Borie như thấy Chúa nói với mình về vùng Viễn Đông xa xăm, về những người ở đây còn chưa biết Chúa, về những thừa sai đã đến đó để rao giảng Tin Mừng và hỏi cậu có yêu Ngài đủ để ra đi như thế không. Câu trả lời của Borie đã đươc chính cậu ghi lại trong một buổi tận hiến cho Đức Mẹ:

"*Lạy Mẹ của con! Xin hãy tin nơi con, khi con trưởng thành, con sẽ hiến tòan thân cho việc cảm hóa những ngươi chưa tin. Xin Mẹ giúp con đi theo con đường và tinh thần của ơn kêu gọi đó. Xin cho con đươc đau khổ vì danh Đức Kitô, đươc đón nhận ngành lá tử đạo và về bến vinh quang.*"

Đức Mẹ như đã nhận lời cậu. Càng ngày Borie càng cương quyết hơn với giấc mơ truyền giáo. Để giấc mơ có thể thành hiện thực, cậu xin chuyển qua chủng viện Hội Thừa Sai Paris. Tại đây cậu kiên trì học tập, lãnh chức phó tế năm 1829, rồi năm sau thụ phong linh mục (21.11.1830). ngày 01.12.1830, vị tân linh mục bắt đầu xuống tầu khởi hành đến Viễn Đông. Thế nhưng vì bão tố phải dừng lại ở Macao khá lâu, ngày 15.05.1832, cha Borie mới tới đươc Việt Nam.

• Vị tông đồ di trú.

Nửa năm sau, ngày 06,01.1833, vua Minh Mạng ra chiếu chỉ cấm đạo trên tòan quốc. Các thừa sai bị lúng báo gắt gao, nên phải di chuyển liên tục, nay nhà này, mai nhà khác. Ngày 24.03, cha Borie kể trong thư là "*Tôi đã phải đổi chỗ ở đến 17 lần.*" Những năm sau, mỗi năm cha đổi chỗ khoảng hai đến sáu lần nữa. Nét đặc biệt của cha Dumoulin là hòa mình rất nhanh với phong tục địa phương. Ngay ngày đầu tiên, cha đã có thể ăn nứơc mắm cách ngon lành (điền này thật khó với ngừoi Châu Âu), cha học tiếng Việt cách dễ dàng và phát âm khá chính xác. Nhờ bản tính bình dân vui tươi và hoạt bát, cha nhanh chóng lấy đợc cảm tình của các tín hữu và với cả lương dân nữa.

Măm 1836, khi đọc những điều vu cáo trong chiếu chỉ của vua Minh Mạng, cha Borie Cao định viết một lá thư điều trần, nhưng các thừa sai cản lại, vì nói là vô ích thôi. Năm 1838, sau khi giết thừa sai Jaccard Phan, vua Minh Mạng vẫn chưa thỏa mãn. Ông cho lệnh tiếp tục truy tìm cha Candalh Kim, giám đốc chủng viện Dĩ Loan. Ngày 02.07, khi quan quân bắt

linh mục Khoa thì bắt được hai thầy giảng Đức và Khang. Thầy Khang lúc bị tra tấn đau quá, đã khai rằng có một thừa sai Châu Âu ở Bố Chính, thủ phủ của Nghệ An. Ngươi bị tiết lộ tung tích đó là cha Cao, không phải là cha Candalh. Dựa vào lời thầy Khang, quân lính bủa vây khắp vùng Bố Chính, bắt bớ nhiều tín hữu rồi đe dọa tra tấn và dụ dỗ, để tìm cho ra chỗ ẩn của vị linh mục.

Giai đoạn này cha Cao không thể ở nhà nào được đến vài giờ, luôn luôn ngài phải di động. Các tín hữu có người múôn cho trú, nhưng lại sợ người khác khi bị đánh đập, sẽ tố cáo họ. cuối cùng ngày 31.07, cha Cao đành xúông một thuyền nhỏ chèo ra khơi, chờ mong một cuộc lùng bắt lắng dịu. Nhưng trời bỗng nổi cơn giông bão, dồn ghe của cha tấp vào bờ. Cha nghĩ rằng đây là dấu Chúa muốn mình ở lại, cha bỏ ghe trở lên đất liền, và ẩn nấp dứoi một hố sâu có cây cối che phía trên.

- **"Các anh đi tím ai?"**

Một thiếu nữ 16 tuổi bị bắt và bị tra khảo. dù biết chỗ cha ẩn trốn, cô cắn răng chịu đựng, không tiết lộ điều mình biết. nhưng bố cô không dằn lòng được khi thấy con mình bị đánh đập, đã chỉ chỗ cho lính đến nơi trốn của ngài. Dầu đang giữa đêm, quân lính cũng kéo nhau rất đông đi bắt vị thừa sai. Cha Cao nghe rõ tiếng chân của đám lính, biết rằng không thể thóat được nữa, cha liền leo lên và hỏi: "*Các anh đi tím ai?"* Tất cả đám lính đều ngỡ ngàng trông thấy một bóng đen to lớn từ dứoi đất chui lên, họ cứ tưởng là ma, nên hoảng sợ không dám hé môi. Lát sau, khi lấy lại bình tĩnh, biết là linh mục, họ yêu

cầu cha ngồi xúông, và cha Cao nhẹ nhàng ngồi xuống. Ngài múôn bứơc vào cuộc hiến tế bằng một thái độ vâng phục hòan tòan.

Thầy Tự thấy cha bị bắt cũng vội chạy đến xưng là đệ tử của cha. Cha định không nhận, nhưng thầy khẩn khoản: "*Xin cha cho con theo cha đến cùng.*" Cha Cao nghe thầy xin thế thì xúc động, ngài tháo chiêc khăn quàng, xé một mảnh trao cho người môn sinh và nói: "*Cầm lấy, con giữ nó làm bằng chứng cho lời con đã hứa.*" Thầy Tự đã giữ mãi miếng vải đó trong những ngày tháng cùng bị giam với cha. Sau này, thầy đã viết lại cụôc tử đạo đau thương của Tôn Sư mình, và cúôi cùng với mảnh vải như kỷ vật giao ước, thầy Tự đã theo gót ngươi cha kính yêu: hy sinh mạng sống vì Đức Kitô ngày 01.07.1840.

Tại Đồng Hới, cha Cao phải ra tòa chung với cha Điềm và cha Khoa. Quan hỏi: "*Đạo trưởng Cao, vua đã cấm đạo Gia Tô. Nếu ông bứơc qua Thập Giá, ta sẽ thả ông về ngay.*" Cha trả lời: "*Thà tôi chết ngàn lần còn hơn.*" Quan hỏi tiếp: "*Tại sao ông không về nứơc mà giảng, ở đây làm gì mà phải trốn tránh hết chỗ này đến chỗ khác*?" Cha đáp: "*Vua cấm đạo sau khi tôi đã đến nứơc này, từ đó vua cấm tầu Âu Châu cập bến Việt Nam thì làm sao tôi có thể về đựơc.*" Quan lại hỏi: "*Ông đã ở nhà những ai?*" Cha trả lời: "*Tôi đã bị quan bắt, tôi xin chịu cực hình một mình tôi thôi.*" Quan liền ra lệnh đánh cha 30 roi, lính nọc cha ra, đánh cho đủ số. Tuy rất đau đớn, cha Cao vẫn không kêu than một lời, quan hỏi ngài có đau không, cha đáp: "*Tôi cũng bằng xương bằng thịt như ai khác, lẽ nào không đau. Nhưng mặc kệ, trứơc và sau trận đánh tôi vẫn thấy thoải mái.*"

Quan đành giải cha về ngục, hôm khác, quan bắt cha chứng kiến cảnh tra tấn thầy Tự và bảo: "*Nếu ông không khai chỗ ở, tôi cứ cho lệnh đánh hoài.*" Cha đành khai vài gia đình, nhưng chọn lựa những ngừơi đã chết. Quan tưởng thật vui vẻ tha cho thầy Tự, nhưng đến khi thẩm tra lại, ông gọi cha Cao ra đối chất:

- ***Tại sao ông cứng đầu thế?***

- ***Thưa, câu hỏi của ngài tôi không trả lời khác hơn đựơc.***

- ***Đã vậy ngày mai ông sẽ chịu 100 roi.***

- ***Thưa dù đánh 300 roi tôi cũng chịu, chỉ xin một điều là đừng hỏi tôi về dân chúng.***

- ***Thế nếu ông phải ra mắt vua, đứng bên lò lửa cháy bừng, với những chiếc kìm nung đỏ sắp lóc thịt ông ra, liệu ông có im lặng đựơc không?***

- ***Thưa, chừng đó sẽ biết, tôi không dám quá tự phụ về mình.***

Biết không thể làm cha đổi ý, quan liền nghị án gửi về kinh đô. Cha Cao bị giam chung với hai cha Điềm và Khoa, ba vị linh mục hằng ngày đọc kinh Mân Côi và hát vang bài "*Ave Maria Stella": Kính chào Mẹ Maria là sao mai rực rỡ, xin chuyển cầu cho chúng con*". Mấy ngày đầu, vì chưa tìm ra tràng hạt, ba vị nhổ lông quạt để đếm kinh. Ba cha phó thác đời

mình cho Nữ Vương các linh mục: "*Như xưa Mẹ đã dâng Con yêu quí trong đền thờ, nay xin cũng hiến dâng chúng con trong cuộc tử đạo đầy hồng phúc.*"

Trong những ngày tù tội, cha Cao nhận được văn thư Tòa Thnáh gửi tới, đặt ngài làm Giám mục hiệu tòa Acanthe và làm Đại diện Tông tòa coi sóc địa phận Tây Đàng Ngoài, thay thế Đức cha Havard Du. Thế nhưng, vì đang bị cầm tù, ngài không thể tiến hành nghi thức thụ phong. Chức vụ đó sau này được trao cha cha Retord Liêu.

• Đường về Thiên Quốc. . .

Ngày 24.11.1838, quan vào ngục tuyên đọc bản án xử trảm. Đức cha Cao yên lặng lắng nghe sắc chỉ của nhà vua, rồi nói với quan rằng:

"*Thưa quan, từ bé đến nay tôi chưa lạy ai, vì bên Âu Châu chúng tôi, đó là hành vi kính trọng chỉ dành cho Đấng Tối Cao. Nhưng điều tôi vừa nghe làm tôi quá vui mừng, xin được bày tỏ lòng tri ân của tôi theo kiểu Đông Phương.*"

Nói xong, ngài quỳ xúông định lạy, nhưng viên quan quá xúc động, không thốt lên lời, vội cản ngăn ngài lại.

Lúc dẫn đi xử, Đức cha Cao đi đầu, cổ mang gông, tay cầm tràng hạt, vừa đi vừa đọc kinh. Một viên quan khác, ít thiện cảm với người Công Giáo đi lại gần, hỏi Đức cha có sợ chết không. Ngài trả lời:

"*Tôi đâu phải là quân phiến loạn hay quân trộm cướp mà sợ chết. Tôi chỉ sợ một mình Thiên Chúa. Hôm nay tôi chết, mai sẽ đến phiên ông.*"

Nghe thế, viên quan thét lên: "*Láo quá! Tát cho nó vài cái.*" Nhưng không ngươi lính nào tuân lệnh ông. Đức cha nói với quan: "*Nếu lời đó làm phiền ông thì xin ông tha lỗi.*"

Tại pháp trương Đồng Hới, hai cha Khoa và Điềm bị xử giảo trước. Đến lượt xử chém Đức cha Cao, ngươi lý hình rất kính phục ngài, phải uống rược để lấy bình tĩnh, nhưng không ngờ vì quá chén, anh đã chém trật vào tai, hàm và vai Đức cha. Mãi đến nhát thứ bẩy, đầu vị Thừa Sai mới lìa khỏi cổ. Thân xác ngài đươc chôn cất ngay tại chỗ, năm sau mới đươc các tín hữu cải táng về họ Hương Phương.

Năm 1843, hài cốt Đức cha Cao đươc đưa về chủng viện Hội Thừa Sai Paris, đặt cạnh hài cốt thừa sai Kính và Phan.

Đức Lêo XIII suy tôn Giám mục Borie Cao lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

Ngày 24 tháng 11

Thánh Phêrô VŨ ĐĂNG KHOA

Linh mục
(1790 – 1838)

- **An vui trong hiểm nguy.**

Phêrô Vũ Đăng Khoa sinh năm 1790 tại làng Thuận Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Cậu là con thứ ba trong bẩy người con của ông Phaolô Vũ Đình Tân và bà Maria Nguyễn Thị Hoan. Lên tám tuổi cậu Hoan đươc học chữ Hán, rồi tiếp tục học thêm với hai linh mục Hòa (Hoan) và Phương. Nhận thấy cậu có trí thông minh, tính tình hiền lành và có ý dâng mình cho Chúa, hai cha đã gửi cậu vào học tại chủng viện Vĩnh Trị (Nam Định), dưới sự giáo huấn của cha chính Jeantet Khiêm. Năm 1820, cậu Khoa đươc lãnh chức linh mục.

Với nhiệt tình của ngươi thanh niên 30 tuổi, cha Vũ Đặng Khoa đươc bổ nhiệm làm phụ tá cho cha Nguyễn Thế Điềm, coi sóc hai xứ Lu Đăng và Vĩnh Phước, thuộc hạt Bố Chính. Trong thời gian chín năm làm phụ tá, cha Khoa đã hăng say trong nhiệm vụ, học hỏi thêm các chức vụ chủ chăn. Nhờ có đời sống đạo đức và niềm nở với mọi ngươi, cha đã thu hoạch đươc nhiều thành quả tốt đẹp.

Năm 1829, Đức cha Havard Du bổ nhiệm cha về coi sóc giáo xứ Cồn Dừa. Về nhận xứ mới, cha Khoa đã vận dụng hòan cảnh thuận lợi, khiến cho công tác mục vụ ngày càng tiến triển không ngừng. Trong những công việc bận rộn của giáo xứ, cha vẫn giữ được nét trang nghiêm, nói năng điềm đạm, nhất là luôn quảng đại, nhân từ, nên được mọi ngươi kính nể va mên yêu.

Ngày 06.01.1833 vua Minh Mạng ra chiếu chỉ tòan quốc: lùng bắt các giáo sĩ nước ngoài cũng như bản xứ, kể cả các tín hữu, triệt hạ các thánh đường và các cơ sở tôn giáo. Nhất là sau chiếu chỉ thứ ba ban hành ngày 25.01.1836, cha Khoa phải thay đổi chỗ ở luôn để có thể tiếp tục công tác mục vụ trong hai năm liền (1836-1838). Mặc dù hòan cảnh bất lợi và nhiều nguy hiểm cha vẫn vui vì thấy mình đang sống như Đức Giêsu xưa "*Cáo có hang, chim có tổ, nhưng Con Ngươi không có chỗ gối đầu*."

• Chọn đường khổ giá.

Ngươi môn đệ của Chúa Kitô, cha Phêrô Vũ Đăng Khoa đâu ngờ mình sắp được chia sẻ con đương khổ nạn theo chân Thầy Chí Thánh. Đó là đêm 02.07.1838, cha đang trú ẩn ở làng Lê Sơn, hạt Bố Chính thì một văn nhân tên là Tú Khiết đột nhập vào nhà bắt trói cha cùng với hai thầy giảng Đức và Khang. Sau đó, Tú Khiết tra gông vào cổ, giải tất cả các ngài lên Đồng Hới, thuộc tỉnh Quảng Bình ngày 10.07.1838.

Tại công đường Đồng Hới, quan tra vấn cha Khoa nhiều lần, khuyên dụ cha bỏ đạo và khai báo chỗ ở của linh mục thừa

sai Candalh Kim. Cha còn ra lệnh đánh cha 76 roi để uy hiếp tinh thần, nhưng quan vẫn chẳng khai thác được điều mong đợi. Không thành công trong việc tra khảo cha Khoa, quan xoay sang hai thầy giảng Đức và Khang. Thầy Khang khai báo sau đó, khiến quan tìm ra nơi trú ẩn của thừa sai Cao và cha Điềm. Ít lâu sau, hai vị này cùng bị bắt giam chung với cha Khoa (31.07).

Quan tiếp tục thi hành nhiều mưu kế và khổ hình để lung lạc đức tin cha Khoa cùng các vị khác. Là linh mục, là chủ chăn, làm sao lại có thể chối Chúa được, cha Khoa cương quyết đi trọn đường khổ nạn. Các quan đành thua cuộc và quyết định lên án xử giảo cha. Các quan đệ bản án vào kinh đô xin nhà vua phê chuẩn cùng với án trảm quyết thừa sai Cao và án xử giảo cha Điềm. Từ đó ba chiến sĩ đức tin mong đợi ngày vinh quang sắp tới, phó thác đời mình qua tay Đức Mẹ. Ba vị linh mục hằng ngày đọc kinh Mân Côi và hát vang bài "*Ave Maria Stella": Kính chào Mẹ Maria, là sao mai rực rỡ, xin chuyển cầu cho chúng con*." Mấy ngày đầu vì chưa tìm ra tràng hạt, ba vị nhổ lông quạt để đếm kinh. Ba cha phó thác đời mình cho Nữ Vương các linh mục như xưa Mẹ đã dâng Con Yêu Quí trong đền thờ, nay cũng xin Mẹ hiến dâng chúng con trong cuộc tử đạo đầy hồng phúc.

Trong những ngày tù tội, cha Khoa nhận được văn thư Tòa Thánh gửi tới, đặt ngài làm giám mục hiệu tòa Acanthe và làm đại diện Tông tòa coi sóc địa phận Tây Đàng Ngoài, thay thế Đức cha Havard Du.

Vua Minh Mạng châu phê bản án và ban lệnh thi hành. Ngày 24.11.1838, quân lính áp giải cha Khoa, Đức cha Cao và cha Điềm đến pháp trừơng ngoài thành Đồng Hới. Tấm thẻ ghi án của cha Khoa viết:

"*Đạo trưởng Vũ Đăng Khoa, bất kháng quá khóa, phải xử giảo*." [(1)]

Đến nơi chỉ định, cha quỳ xúông cầu nguyện. Lý hình tròng dây vào cổ cha. Nghe hiệu lệnh, lý hình cầm hai đầu dây xiết mạnh cho đến khi vị anh hùng đức tin nghẹt thở và lịm dần. Với 48 tuổi đời, trong đó 18 năm làm linh mục, cha Phêrô Khoa đã thi hành trọn vẹn chức vụ làm linh mục của mình: Hòa với của lễ vô giá là Đức Kitô, cha hiến tế chính mạng sống mình để dâng lên Thiên Chúa Cha, Đấng hằng yêu thương nhân loại.

Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn cha Phêrô Vũ Đăng Khoa lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

---

(1) Linh mục Vũ Đăng Khoa không chịu bước qua Thánh Giá, lệnh xử phải thắt cổ.

Thánh Vinh Sơn NGUYỄN THẾ ĐIỂM

Ngày 24 tháng 11

Thánh Vinh Sơn NGUYỄN THẾ ĐIỀM

Linh mục
(1761 – 1838)

• Cuộc đời thánh thiện.

Vinh Sơn Nguyễn Thế Điềm sinh năm 1761 tại An Do, gần Cửa Tùng, tỉnh Quảng Trị. Lớn lên cậu theo học tạ chủng viện Kẻ Vĩnh, Nam định thuộc địa phận Tây Đàng Ngoài, và sau đựơc thụ phong linh mục.

Lãnh nhiệm vụ chánh xứ Cồn Nam và coi sóc giáo hữu các vùng lân cận thuộc hạt Bố Chính, cha Vinh Sơn Điềm nêu gương vị mục tử đạo đức, nhân tử hay thương giúp ngươi nghèo khổ, chuyên cần giảng truyền lời Chúa, nhiệt tình ban phát các bí tích cho giáo dân và loan báo Tin Mừng cho muôn dân. Ngài rất quan tâm, chuyên chú huấn luyện và đào tạo các thầy giảng. Mặc dầu đã cao niên, với tinh thần hy sinh cao độ, ngài vẫn ăn chay mỗi tuần hai ngày, thứ tư và thứ bẩy, hẳn là có ý tôn kính Đức Maria và thánh Giuse.

• Đi về đâu. . .?

Vào năm 1838, cuộc bách hại Công Giáo của vua Minh Mạng trở nên ác liệt hơn. Ngày 02.07 năm ấy, quan quân tầm nã vùng Bố Chính truy lùng thừa sai Candalh Kim, bắt đựơc

linh mục Vũ Đăng Khoa, trước là phó xứ của linh mục Vinh Sơn Nguyễn Thế Điềm, cùng với hai thầy giảng Đức và Khang tại làng Lệ Sơn, rồi nộp các vị cho quan Đồng Hới. Bị tra khảo đau đớn, thầy Khang đã tiết lộ nơi ẩn trú của cha Borie Cao.

Quân lính liền được lệnh truy nã bủa vây khắp vùng Bố Chính. Quan chưa tìm thấy vị thừa sai, nhưng khi đến gần làng Đơn Sa, họ bắt được linh mục Vinh Sơn Điềm và một chú học trò.

Nguyên do khi nghe tin cha Khoa bị bắt, cha Điềm sai chú Sang đến làng An Bì hỏi giáo hữu có sẵn lòng cho ngài đến trú ẩn không? Giáo hữu thấy làng mình không đủ bảo đảm an ninh, nên không dám nhận lời. Vị linh mục lão thành còn đang lang thang ngoài rụông đồng, nhận được câu trả lời như thế, không biết đi về đâu để tìm nơi ẩn trú. Ngài tiếp tục đi một quãng nữa thì bị bắt giải về Đồng Hới. Trong tù linh mục Vinh Sơn Điềm gặp lại cha Khoa, và mấy tuần sau gặp cha Cao, thầy giảng Nguyễn Khắc Tự, rồi ông Trùm Nguyễn Hữu Quỳnh. Cả năm chứng nhân Chúa Kitô sau này đều được phúc tử đạo.

• Thà chết trăm lần.

Trong lần tra vấn đầu tiên vì mệt mỏi và sợ hãi, cha Vinh Sơn Điềm lỡ lời khai ra mấy nhà giáo hữu, nhưng ngài rất mạnh dạn tuyên xưng đức tin, nhất quyết không bước qua ảnh Chuộc Tội. Đến khi cha Cao vào tù cho biết những lời khai ấy đã làm tổn hại một số giáo hữu cha Điềm tìm cách sửa lỗi, thưa lại với quan: "*Tôi già nua lẩm cẩm, trong lúc sợ hãi qua, đã*

***khai dông dài, có khi gây oan ức cho một số ngươi. Xin quan bỏ qua lời khai của tôi, đừng bận tâm đến những ngươi ấy kẻo lầm*.”**

Những cuộc tra khảo sau này chung với cha Cao và cha Khoa, ngài thường im lặng. Tuy nhiên, khi cần thiết, ngài cũng lên tiếng minh chứng niềm tin của mình. Một lần quan hỏi ngài: “*Này đạo trưởng Điểm, Hòang Thượng đã ra lệnh cấm đạo rất ngặt, dầu vậy, nếu ông chịu quá khóa, ta sẽ tha ông ngay tức khắc*.” Cha đáp: “*Tôi thà chết trăm lần, chẳng thà quá khóa*.” Vì đã 77 tuổi, cha Điểm không bị đánh đập, luật pháp đương thời cấm tra tấn tù nhân tuổi tác.

Trong thời gian bị giam dữ, cha Vinh Sơn đã luôn nêu gương đạo đức trung kiên cho các tín hữu cũng bị bắt và đối xử bác ái quảng đại với các bạn tù ngoại giáo. Ngài chia sẻ lương thực và khuyên họ sống ngay chính lương thiện. Tại đây, cha Điểm cũng đươc vinh dự chia sẻ niềm vui của cha Cao qua văn thư Tòa Thánh đặt vị này làm Giám mục địa phận Tây Đàng Ngoài. Được Đức cha Cao khuyên bảo và ban các bí tích cần thiết, cha Vinh Sơn Điểm như được thêm ơn Chúa Thánh Thần, càng ngày cha càng tỏ ra can đảm vững tin hơn, đêm ngày cha cầu nguyện và mong ước đươc hiến mạng sống để làm chứng cho đạo Thánh Chúa Kitô.

Ngày 24.11.1838, bản án đươc vua Minh Mạng chuẩn phê về tới Đồng Hới. Ước nguyện của vị mục tử lão thánh đươc thỏa mãn, ngài bị kết án xử giảo. Ba vị tông đồ mục tử: Đức cha Cao, cha Khoa và cha Vinh Sơn Điểm đươc dẫn ra pháp trường. Ngươi lính đi đầu cầm tấm thẻ ghi chữ Hán cho mọi

người biết đây là đây là đạo trưởng tả đạo cố chấp bất tuân lệnh vua nên phải chết.

Đến nơi xử, cha Vinh Sơn Điềm quỳ xúông cầu nguyện một lát. Quân lính thi hành nhiệm vụ, trói chân cha vào cột, quấn dây thừng vào cổ, và theo hiệu lệnh, họ kéo mạnh hai đầu dây cho đến khi vị chứng nhân Chúa Kitô tắt thở. Cha Phêrô Nguyễn Đăng Khoa cũng bị xử như vậy. Riêng Đức cha Cao bị trảm quyết cùng ngày ngay tại đây. Ngươi ta chôn cất ba vị tử đạo ngay tại pháp trừơng Đồng Hới. Về sau linh mục Tự cải táng hài cốt về nhà thờ họ Hướng Phương.

Linh mục lão thành Vinh Sơn Nguyễn Thế Điềm đựơc Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

Ngày 26 tháng 11

Thánh Tôma ĐINH VIẾT DỤ

Linh mục dòng Đaminh
(1783 – 1839)

Giả thiết có ai đó đặt câu hỏi như sau: "*Anh sắp bị giam tù lâu ngày, anh múôn mang theo cái gì*?". Mỗi ngươi chúng ta sẽ có câu trả lời riêng, nhưng xoay quanh hai nhu cầu là tiền bạc và đồ dùng thương nhật. Câu trả lời bằng hành động của thánh Tôma Dụ lại rất khác. Tài sản duy nhất, vũ khí duy nhất của ngài là một chuỗi tràng hạt Mân Côi. Súôt đời cha đã đọc, đã sống và truyền bá kinh Mân Côi cho mọi ngươi, giờ đây cha tiếp tục phó thác bản thân cho sự bảo trợ của Đức Mẹ Maria.

• Một đời hiến dâng.

Tôma Đinh Viết Dụ sinh khỏang năm 1783, tại làng Phú Nhai, tỉnh Nam Định. Đươc Cháu kêu gọi từ bé, cậu đã quyết tâm sống đời tu trì. Sau khi thụ phong linh mục, cha Dụ xin nhập dòng Đaminh và khấn ngày 21.12.1814. Cha l2 một tông đồ nhiệt thành dấn thân vì lợi ích các linh hồn. Đồng thời, cha cũng là một tu sĩ gương mẫu về đời sống chiêm niệm, ngày đêm chìm đắm trong suy gẫm cầu nguyện, đến nỗi các bạn trong dòng đã goi ngài là "*Thánh Brunô Việt Nam*."

Cha Dụ đã hoạt động tông đồ nhiều nơi, trứơc khi tới họ Liễu Đề, Bùi Chu, thay thế cha Phêrô Tuần bị bắt năm 1838.

Ngày 25.05.1839, dưới thời vua Minh Mạng cấm đạo, Tổng đốc Trịnh Quang Khanh dẫn 800 quân linh bao vây, lục soát làng Liễu Đề, vì có người chỉ điểm báo tin "*Danh Trùm Vọng*" tức cha Hermosilla Vọng đang ở đó, nhưng lính không bắt được cha Vọng. Phần cha Dụ, khi vừa hoàn tất thánh lễ tại nhà bà Anê Thu, được tin quan quân đã vây kín làng, biết không kịp đến nơi trú ẩn cách đó hơi xa, cha đành cải trang thành người làm vườn qua nhà bên cạnh lúi húi ngồi nhổ cỏ. Quân lính đi ngang qua không biết, nhưng người tố cáo nhận ra được và nói: "*Đạo trưởng đấy*". Thế là cha bị bắt và dẫn đến quan đang ở đình làng. Cha bình tĩnh nói: "*Tôi là đạo trưởng, có nhiệm vụ coi sóc giáo hữu ở đây*."

Tiếp đó, quan hỏi về thừa sai Vọng và các linh mục khác ở đâu, cha nhất quyết không trả lời chi cả. Quan tức giận cho lục soát khắp người xem có tiền bạc giấy tờ gì không. Nhưng ông hoàn toàn thất vọng, vì chỉ thấy có một chuỗi tràng hạt Mân Côi, lính tịch thu và đánh cha 21 roi. Cha vui vẻ chịu đòn, không một lời than van oán trách. Bà Anê Thu, vì không kịp cất giấu đồ lễ, nên cũng bị bắt trói và giữ tại đình làng 24 tiếng đồng hồ mới được về.

• Xin vâng ý Cha.

Cha Tôma Dụ bị đóng gông vào cổ, tay chân mang xiềng xích như một tội phạm và bị giải lên tỉnh Nam Định. Các quan ở đây tiếp tục tra vấn nhiều lần, khuyến dụ cha đạp lên Thánh Giá. Nhưng mặc cho những lời dụ dỗ hay dọa nạt, cha Dụ vẫn cương quyết không xúc phạm đến Thập Giá, và không cung

khai điều gì hại đến các tín hữu. Cha bị đánh đập tàn nhẫn nhiều lần, lần thứ nhất 90 roi, lần hai 30 roi, lần khác 20 roi và phải đón nhận nhiều lời mắng nhiếc chế nhạo của dân chúng tò mò đến xem.

Sau những cuộc tra tấn, cha Dụ bị tống giam vào ngục, ban ngày mang gông xiềng, ban đêm bì cùm chân, thêm vào đó là chịu đói khát, chịu nóng bức hôi hám khổ cực khôn tả. Vị tông đồ của Chúa chẳng những tỏ ra nhẫn nhục, mà còn vui vẻ coi đó là cơ hội tốt để suy niệm và bước theo chân Đức Kitô tử nạn. Chứng nhân Giuse Hiền thuật lại chuyện mẹ của ông ta, giả làm hành khất vào tận ngục tăhm cha. Khi thấy cha tiều tụy vì những cuộc tra tấn, bà khóc lên nức nở, cha nói với bà:

"*Sức lực tôi tuy giảm, nhưng tôi còn có thể chịu đựng đựơc nữa. Chúa chúng ta đã chịu bao cực khổ để cứu độ nhân loại, tôi cũng sẵn lòng chịu những sự khổ này để nên giống Chúa Kitô phần nào.*"

● Để danh Chúa cả sáng.

Lần thứ hai bà vào thăm, cha Dụ cho biết những cực hình sau này cha cảm thấy không đau đớn như trước, hình như Chúa đã giảm bớt sự đau khổ cho cha. Khi bà chào tạm biệt, cha nói:

"Tôi không biết ngày nào sẽ được hiến dâng mạng sống vì Chúa, có thể anh chị em không còn gặp tôi nữa. Bà hãy cầu nguyện, xin Chúa ban cho tôi ơn nhẫn nại chịu đựng tất cả những điều ngươi ta gây cho tôi để danh Chúa đựơc cả sáng."

Sau sáu tháng giam cầm và tra tấn, quan tuyên bố bản án với những lời sau:

"*Đạo trưởng Tôma Đinh Viết Dụ bị kết án trảm quyết vì tội truyền bá Gia Tô tả đạo. Các quan đã hết sức khuyến dụ, dọa nạt và tra tấn để bắt y quá khóa theo luật nước, nhưng y không chịu. Y đã trở nên chai đá không gột rửa được những điều dị đoan đã quá ăn sâu. . . Do đó mọi ngươi thấy rõ y là kẻ điên khúng cố chấp bất trị, đáng khinh dể. Vậy phải nghiêm trị, cón phàn nàn gì nữa.*"

Thực tế, cha Dụ nghe bản án có phàn nàn chi đâu. Ngày 07.11, vua Minh Mạng ký án. Ngày 12.11, án về tới Nam Định. Khi ấy có cha Đaminh Nguyễn Văn Xuyên cũng thuộc dòng thánh Đaminh đã bị bắt ngày 18.08 được đưa tới trại giam chung và cùng bị án tử với cha Dụ. Hai anh em gặp nhau trong tù tay bắt mặt mừng, hàn huyên tâm sự. Hai cha xưng tội với nhau, an ủi khuyến khích nhau kiên trì đến cùng.

● Ngân khánh trên Thiên Quốc.

Ngày 26.11.1839, hai vị tông đồ Chúa bị điệu đến nơi xử án. Hai vị ung dung bước đi giữa một đoàn quân oai vệ, có các quan cỡi voi chỉ huy với cờ quạt chiêng trống, và theo sau là đông đảo dân chúng. Vai mang gông, tay mang xiềng, hai vị vừa đi vừa cầu nguyện, dáng điệu hân hoan khiến mọi người phải sửng sốt bỡ ngỡ. Quan hỏi lại lần chót xem nếu chịu xuất giáo sẽ được tha. Hai cha trả lời ngắn gọn: "*Không*" rồi tiếp tục cầu nguyện cho tới khi đến pháp trường Bảy Mẫu. Bà Maria Ơn có mặt trong buổi hành quyết thuật lại rằng: "*Tôi thấy hai*

***cha quỳ xuống, chắp tay lại, mắt hướng lên trời, lính cưa gãy gông, chặt đứt xích sắt, trói tay vào cọc rồi chém cổ hai cha*”. Sau khi thi hành án trảm, lý hình tung đầu hai cha lên cao làm ba lần và nói: ”*Đầu đạo trưởng đã bị chém đây*”.**

Cha Tôma Đinh Viết Dụ hưởng thọ 56 tuổi, đã lãnh phúc tử đạo đúng vào năm kỷ niệm Ngân Khánh linh mục của cha. Một mùa ngân khánh được ghi vào lịch sử Giáo Hội. Thi thể hai cha được an táng ngay tại pháp trường, rồi đến tháng giêng năm 1841, tín hữu cải táng về Lục Thủy.

Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn linh mục dòng Đaminh, cha Tôma Đinh Viết Dụ lên bậc Chân Phước ngày 27.5.1900.

Từ đó hài cốt vị tử đạo được đặt trong hòm gỗ sơn son thiếp vàng trưng bày tại đền thờ Phú Nhai. Muôn đời sẽ mãi mãi ghi nhớ hình ảnh người chứng nhân đức tin, một người con yêu của Nữ Vương Rất Thánh Mân Côi.

Ngày 26 tháng 11

Thánh Đaminh NGUYỄN VĂN XUYÊN

Linh mục dòng Đaminh
(1786 – 1839)

Ai ơi giữ lấy túi khôn,
Đầy tràn tin cậy đầy lòng mến yêu.
Gươm đao đe dọa đã nhiều,
Quỷ ma cám dỗ sớm chiều lẻ loi.
Ai mà thắng được trên đời,
Mai sau hưởng phúc cõi trời cao sang.

Đó là những vần thơ lục bát do thánh Đaminh Xuyên sáng tác trong ngục tù, vừa diễn tả tâm tình của mình vừa khuyên nhủ các tín hữu đến thăm. Những vần thơ vắn gọn nhưng cô đọng trọn vẹn triết lý sống của các vị tử đạo, lòng tràn đầy niềm tin yêu vướt qua mọi gian khổ để chiếm đoạt vinh quang nước trời.

● Tấm lòng người tu sĩ áo trắng.

Đaminh Nguyễn Văn Xuyên còn có tên là Doãn, sinh năm 1786 tại làng Hương Hiệp, tỉnh Thái Bình. Thấy con có trí thông minh, cha mẹ cho cậu đi học chữ Nho, rồi gửi gấm cậu cho Đức cha Delgado Y dậy bảo. Được Đức cha nhắc nhở, cậu Xuyên chăm chỉ học hành, nhất là học hỏi giáo lý. Lớn lên, ngài cho anh vào chủng viện và trao ban chức linh mục năm 1819.

Ngày 20.04 năm sau, cha Xuyên tuyên khấn trọn đời trong dòng thánh Đaminh. Từ đó cha rất nhệit thành phục vụ các giáo hữu, không ngừng đi nhiều nơi giảng tĩnh tâm, dậy giáo lý và sốt sắng cử hành phụng vụ bí tích.

Trước tiên cha Xuyên coi xứ Phạm Pháo, tỉnh Nam Định, rồi về xứ Kẻ Mèn, Thái Bình trong ba năm. Tại đây, ngài lập họ đạo mới, họ Thanh Minh, chọn thánh Vinh Sơn làm bổn mạng. Sau cha phụ trách xứ Đông Xuyên 13 năm. Thời gian này dân chúng bị hạn hán mất mùa nhiều năm, và bị giặc Phan Bá Vành quấy phá nên đói nghèo khổ sở. Có lần cha phải dốc cạn túi để giúp đỡ họ, có lần cha nhừơng phần cơm của mình. . . Bao giờ cha cũng để một ngân khỏan riêng làm việc bác ái, từ thiện.

Cuối năm 1836, cha đựơc bổ nhiệm làm phụ tá cha Fernandez Hiền tại chủng viện Ninh Cừơng giữa lúc cuộc bách hại của vua Minh Mạng gay gắt. Năm sau cha về làm quản lý địa phận Đông Đàng Ngoài, giúp Đức cha Delgado Y. Khi Đức cha phải lưu lạc về Kiên Lao rồi bị bắt thì cha Xuyên vừa tìm chỗ ẩn trốn, vừa giúp xứ Hạ Linh. Tuy phải lang thang nay nhà này mai nhà khác, cha cũng phục vụ các tín hữu ở đây đựơc khoảng một năm. Ngày 18.08, cha đến cử hành lễ mừng thánh Gioachim, bổn mạng họ Phú Đừơng (họ lẻ xứ Hạ Linh) thì bị bắt. Một giáo viên trứơc có dậy ở Bùi Chu biết mặt cha đã đi báo quan kiếm tiền thửơng.

● Bền chí trung kiên. . .

Cha Xuyên dâng lễ gần xong, nghe tiếng gọi của quân lính, cha vội rước hết Mình Thánh, rồi cởi áo lễ đi trốn. Nhưng không kịp nữa, quân lính đã tóm bắt cha và dẫn đến quan phủ. Quan phủ cười nói: "*Đưa đây một số bạc, ta tha cho về*". Cha trả lời: "*Tôi chẳng có đồng nào trong ngươi, nếu quan tha, tôi cám ơn, nếu quan bắt, tôi xin chịu*." Về sau giáo hữu Hạ Linh góp tiền đem đến chuộc, nhưng quan phủ không dám thả nữa vì trên tỉnh đã biết.

Khi nghe thuật lại chuyện, cha Xuyên an ủi lại: "*Anh em hãy để tiền lo cha giáo xứ thì hơn, đừng tốn tiền chuộc làm chi vô ích. Ý Chúa đã muốn, chẳng ai làm khác đượ c. Anh em cứ bình an về nhà, nhớ cầu nguyện cho tôi chịu sự khó cho nên*." Thế rồi cha mang gông nặng theo lính về Nam Định.

Biết cha là quản lý tòa giám mục, Tổng đốc Trịnh Quang Khanh không những bắt cha bỏ đạo mà còn múôn khai thác các tài sản địa phận. Lần đầu tiên khi ra lệnh đánh đòn, Tổng đốc đứng ngay bên thúc giục: "*Đánh nữa mạnh lên cho đến khi nó chịu khai và xuất giáo.*" Ngươi chiến sĩ đức tin chỉ biết kêu tên cực trong "*Giêsu Maria, xin cứu con*" cho đến khi bất tỉnh phải khiêng về ngục.

Những lần sau ngài cố gắng cắn răng chịu đựng không kêu một tiếng, cũng chẳng tiết lộ điều gì về giáo phận. Quan Tổng đốc cho dùng những cực hình dã man hơn: lấy sắtnung đỏ dí vào cháy từng miếng thịt, cầm kìm nguội kẹp hay cắt

nhiều chỗ trên thân thể. . . Nhưng cha can đảm gắng sức nói thẳng với quan: "*Dù sống dù chết, tôi cũng không bỏ đạo. Tôi chọn cái chết để sống đời đời, hơn là nghe quan sống thêm ít lâu mà muôn đời bị tiêu diệt.*"

Nhiều lần quá đau đớn ngất xỉu giữa cuộc tra tấn. Sợ vị quản lý địa phận chết sớm, Tổng đốc sai lính đưa cha về ngục, cho mới lang y chữa trị để mong biết đựơc những tài sản mà ông tưởng là vô số. Đến khi cha Xuyên bình phục, quan lại đưa ra khảo nữa, nhưng ông phải thất vọng vì thực sự địa phận chẳng có gì để khai, mặt khác, chẳng bao giờ cha chịu khuất phục bỏ đạo.

● Phần thưởng nứơc trời.

Ngày 25.10, quan Tổng đốc lập bản án trảm quyết gửi về kin đô. Tháng sau bản án của cha Xuên và cha Dụ trở lại Nam Định. Những ngày cúôi hai cha đựơc giam chung một phòng, tay bắt mặt mừng, xưng tội với nhau, an ủi khích lệ nhau vững chí cho đến cùng.

Ngày 26.11.1839, hai cha bị dẫn đi xử. Giữa quân lính đông đảo võ trang voi ngựa, hai vị chứng nhân Đức Kitô đi bộ mang gông, nhưng bình an vui vẻ, vừa đi vừa cầu nguyện cho tới pháp trừơng Bẩy Mẫu. Dân chúng đi xem đều bỡ ngỡ thán phục. Quan hỏi lại lần chót có múôn xuất giáo để đựơc tha không. Hai vị trả lời: "*Không*", rồi đưa tay cho lính trói vào cọc đã chôn sẵn.

Hai nhát gươm cùng vung lên, hai tôi tớ Chúa được lãnh triều thiên tử đạo tiến thẳng về Trời. Cha Xuyên với 53 tuổi đời, phục vụ Chúa trong chức vụ linh mục được 20 năm. Thi thể ngài được an táng ngay tại đó. Tháng giêng năm 1841, tín hữu cải táng hài cốt ngài về Lục Thủy.

Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn cha Đaminh Nguyễn Văn Xuyên, linh mục dòng Thuyết giáo lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

Ngày 28 tháng 11

Thánh Anrê TRẦN VĂN TRÔNG

Quân nhân
(1814 – 1835)

● Trong vòng tay người mẹ.

Trong hạnh tích thánh Anrê Trần Văn Trông, người quân nhân xứ Huế, ta thấy nổi bật lên chân dung của một bà mẹ, Đức Giáo Hoàng Lêo XIII ca tụng bà đã thể hiện lòng can trường "*theo gương Nữ Vương Các Thánh Tử đạo*". Như Đức Maria dưới chân Thánh Giá dâng hiến người ConYêu Dấu, bà mẹ đó cũng có mặt trong cuộc hành quyết để hiến dâng ngươi con trai duy nhất của mình. Bà đi bên cạnh con, không than khóc, không sầu buồn, trái lại còn bĩnh tĩnh vui vẻ khuyên con hãy bền chí đến cùng.

Khi đầu Anrê Trông rơi xuống, bà mạnh dạn bước vào pháp trường kêu lớn tiếng trước mặt các quan: "*Đây là con tôi, đứa con mà tôi đã cưu mang dưỡng dục. Giờ này nó vẫn là con tôi, xin các ông trả lại cái đầu của con tôi*". Nói xong, bà mở rộng vạt áo, bọc lấy thủ cấp đẫm máu của ngươi con yêu quí, rồi mang về mai táng trong nhà.

● Tuổi xuân ước mơ.

Anh Anrê Trần Văn Trông sinh năm 1814 trong một gia đình Công Giáo ở Kim Long, Phú Xuân (Huế). Cậu là con trai duy nhất trong nhà, thế mà năm 15 tuổi, người cha lại mất sớm, khiến gia đình lâm cảnh mẹ góa con côi. Để giúp mẹ mưu sinh, Anrê Trông đành thu xếp sách đèn, theo chân bà con lối xóm về họ Thợ Đúc dệt tơ cho hàng gia. Là ngươi ngay thật, cậu ăn không bớt của công, luôn chăm chỉ làm việc và không ưa những chuyện gây gỗ, bất hòa. Mỗi buổi chiều, sau những giờ lao động mệt mỏi, cậu thường vác cần câu đến ngồi bên bờ sông Hương xanh biếc, để đươc gần gũi với thiên nhiên. Sử gia Rodriguez đã diễn tả tâm trạng của cậu qua những vần thơ sau (Martirologie III, pp. 158-159):

"*Ôi êm đềm cảnh thiên nhiên trầm lặng,*
Dưới ngàn cây râm mát thoảng hương hoa,
Nước lung linh nghe thanh thản tâm hồn,
Sóng in dáng bóng non xanh xanh biếc. . ."

Nhưng cuộc đời êm ả đó không kéo dài đươc bao lâu, tháng 11.1834, triều đình ra lệnh những binh sĩ Công Giáo phải ra trình diện. Không chút e dè, Anrê Trông với 12 đồng đội cùng ở khu Thợ Đúc đến "*ra mắt*" quan. Quan yêu cầu các anh phải tuân lệnh nhà vua bỏ đạo và đạp lên Thánh Giá. Cả 13 chiến sĩ Công Giáo đều cương quyết khước từ. Các quan dùng biện pháp tra tấn dã man. . . Lần lượt 12 người bỏ cuộc, chỉ còn một mình Anrê Trông vẫn trung kiên đến cùng. Quân lính trói anh lại khiêng qua Thánh Giá, nhưng anh co chân lên, quyết không xúc phạm đến ảnh Chúa. Thế là từ trại lính, anh

bị tống qua trại giam. Các quan kết án tử hình, nhưng còn giam hậu, nghĩa là chưa xử ngay.

Suốt một năm bị giam trong ngục, Anrê Trông chịu nhiều điều cơ cực khổ sở, nhưng niềm tin của anh qua những thử thách đó càng ngày càng vững mạnh. Anh sốt sắng cầu nguyện và đặc biệt phó thác đời mình cho Đức Mẹ, xin Chúa vì lời Mẹ Maria chuyển cầu ban cho ơn trung tín đến cùng. Những món quà tiếp tế nhận đươc, anh chia sẻ cho các bạn tù và lính canh ngục, nên đươc họ quí mến. Cũng chính nhờ đó, anh có cơ hội đặc biệt để đi xưng tội, rước lễ và thăm mẹ.

Khi biết tin có cha Ngôn đang hoạt động ở Phú Xuân, anh Trông liền xin viên cai ngục và đươc phép về nhà một ngày dưới sự giám sát của một ngươi lính. Nhờ đã dò hỏi rõ nơi ở của vị linh mục, Anrê Trông và ngươi lính chèo thuyền đến bến đò kia vào giữa trưa. Lúc đó, mọi ngươi dân chài đã lên bờ ăn uống nghỉ ngơi. Anh Trông liền bước qua thuyền của cha Ngôn, đẩy thuyền trôi nhẹ ra giữa dòng. Hai ngươi nhỏ to "*tâm sự*" và anh quỳ xuống lãnh phép lành tha tội. Xưng tội xong, anh ngỏ ý xin rước lễ, cha Ngôn hẹn anh sáng hôm sau tại Kẻ Văn. Thế rồi anh và ngươi lính tiếp tục chèo thuyền về Kim Long. Hai ngươi lên bờ và ngủ tại nhà mẹ một đêm. Tả sao cho xiết niềm vui của hai mẹ con đươc tái ngộ trong hòan cảnh bất ngờ này. Mẹ anh đã hết lời khích lệ động viên anh kiên tâm vì đức tin.

Tảng sáng hôm sau, anh Trông và ngươi lính gác vội vã chèo thuyền đến điểm hẹn. Gặp lại vị "*khách quí*", anh liền quỳ

xuống lãnh nhận Mình Thánh Chúa. Cha Ngôn chúc lành: "*Ước gì Mình Thánh Chúa Kitô sẽ giữ gìn con đến cuộc sống muôn đời*". Anh thưa: "*Amen*". Rồi trong niềm hân hoan vì hồng phúc mới lãnh nhận, anh vui vẻ trở về trại giam như lời hứa với viên quan ngục.

● Nỗi lòng hai mẹ con.

Sau một năm giam tù, không hy vọng gì Anrê Trông thay đổi ý kiến, các quan quyết định ngày xử là 28.11.1835. Sáng hôm đó, ngươi chiến sĩ đức tin gặp đươc ngươi anh họ mình. Anh ta hỏi có muốn ăn gì không? Anrê Trông trả lời: "*Em muốn ăn chay để dọn mình tử đạo*", rồi nói tiếp: "*Xin anh giúp đỡ mẹ em, chúng ta là anh em, mẹ em cũng sẽ yêu thương anh. Xin nhắn lời với mẹ em: đừng lo gì cho em cả, cầu chúc bà mãi mãi thánh thiện, và sẽ hài lòng về con trai mình luôn trung thành với Chúa cho đến chết.*" Nhưng thực tế, ngươi anh họ chưa kịp nhắn lại. Bà mẹ Anrê Trông khi hay tin con bị đem xử, liền vội vã ra đón con ở đầu chợ, nơi con sắp đi qua, gặp con, bà chỉ hỏi một câu vắn tắt: "*Bấy lâu nay xa nhà, thời gian ở tù con có nợ nần ai chăng, nếu có thì cho mẹ hay, mẹ sẽ trả thay con*". Tấm lóng ngươi mẹ là thế đấy. Bà biết rõ con của mình đủ can đảm chịu mọi đau đớn, giờ đây bà chỉ lo cho con về đức công bình.

Khi đươc con cho biết không vương mắc gì với ai, bà tiếp tục đi sát bên con, bình tĩnh thêm lời khích lệ. Đến nơi xử, sau khi quân lính tháo gông xiềng, ngươi chiến sĩ đức tin liền đón lấy, trao cho ngươi lính cạnh bên và nói: "*Xin nhờ anh đưa giùm cái này cho mẹ tôi, để bà làm kỷ niệm*". Mẹ anh đứng gần

nên nghe rất rõ, nhưng bà chưa lấy kỷ niệm đó làm đủ, bà còn muốn đón nhận chính thủ cấp của con mình nữa

Chiêng trống nổi lên, lý hình vung gươm, đầu vị tử đạo 21 tuổi rơi xuống. Bà mẹ Anrê Trông chứng kiến ngay từ giây phút đầu tại pháp trường, bà thỏa lòng dù rất khổ đau, bước ra đòi viên chỉ huy trao thủ cấp cho bà. Bọc trong vạt áo rồi ghì chặt vào lòng, bà vừa hôn vừa lặp đi lặp lại: "*Ôi con yêu quí của mẹ, con nhớ cầu gnuyện cho mẹ nhé*!"

Ngày 27.05.1900, Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn ngươi chiến sĩ anh hùng Anrê Trông lên hàng Chân Phước. Ngài không ngớt lời ca ngợi mẫu gương của bà mẹ hào hùng, đã họa lại gần trọn hình ảnh Đức Maria, Nữ Vương Các Thánh Tử Đạo xưa trên đỉnh Can-vê.

Ngày 30 tháng 11

Thánh Giuse MARCHAND DU

Linh mục Thừa Sai Paris
(1803 – 1835)

● Người tử hùng bá đao.

Trong 117 thánh tử đạo Việt Nam, cuộc tử đạo của thánh Marchand Du mang mầu sắc bi tráng nhất. Với gần ba tháng trong chiếc cũi chật hẹp, và những cuộc tra tấn chết đi sống lại, ngài là vị duy nhất bị án ba đao, nghĩa là bị cắt xẻo 100 nhát trước khi bị chặt ra làm bốn phần, còn thủ cấp bị nghiền nát đổ xuống biển. Tuy nhiên, không nên quá nhấn mạnh đến những đau thương trong cuộc tử nạn, mà chúng ta quên mất những chứng từ đời sống của thánh nhân: sự nhiệt tâm truyền giáo, lòng yêu mến các tín hữu và chí cương quyết chỉ phục vụ Tin Mừng.

● Mong ước tuổi xuân.

Đầu thế kỷ XIX, tại làng Passavant, nước Pháp, nhiều ngươi đã phải ngạc nhiên khi thấy hành vi của một cậu bé chưa đầy 10 tuổi: sau giờ học, cậu rủ các bạn hữu về nhà, khiêng bà, trải khăn làm bàn thờ, trang hòang hoa nến, đặt cây Thánh Giá, rồi bắt chước các cử điệu như khi linh mục dâng lễ Missa cho các bạn xem. Đó là cậu Giuse Marchand. Mở mắt chào đời ngày 17.08.1803 tại làng Passavant, tỉnh Doubs. Ngay từ niên

thiếu, dân làng đã thấy rõ ước múôn trở thành linh mục của cậu. Sau khi rước lễ lần đầu, cậu xin cha mẹ đi tu, nhưng vì gia đình làm nghề nông túng nghèo, thiếu người lao động, nên cha mẹ cậu tìm cách trì hoãn cho cậu đổi ý. Tuy nhiên, Marchand đã không tahy đổi ý định, cậu kiên quyết hòan thánh mộng ước tuổi xuân, cuối cùng bên ngươi đổi ý là song thân của cậu. Năm 18 tuổi, Marchand gia nhập chủng viện địa phận Besancon. Năm 1828, sau khi lãnh chức phó tế, thầy xin chuyển sang Hội Thừa Sai Paris. Độ nửa năm, thầy thụ phong linh mục (04.04.1829), sau đó một tháng thì đáp tầu qua Macao đến Việt Nam giảng đạo.

● Nhà du thuyết nhiệt tâm.

Tháng 03.1830, cha Marchand vào tới Việt Nam, và lấy tên mới là Du. Sau một thời gian học tiếng và phong tục Việt Nam tại Lái Thêiu, cha Du đươc gửi tới Pnom-Penh để coi sóc các tín hữu tại đây (khi đó vùng đấy Campuchia thuộc địa phận Đàng Trong). Thế rồi ít lâu, cha đươc gọi về Lái Thiêu coi sóc các chủng sinh, đồng thời phụ trách 25 giáo họ, với khoảng 7.000 tín hữu thuộc tỉnh Bình Thuận.

Trong thư đề ngày 13.06.1832 gửi về quê nhà cha viết: " . . . *25 giáo họ cách nhau rất xa. Múôn chu tòan bổn phận, con không thể bỏ phí một giây nào .. . Từ năm giờ sáng đến chín giờ tối, nhiều ngày chẳng có lúc nào rảnh rỗi cả. Con chỉ có thể dành chút thời giờ chu toàn các việc đạo đức riêng lo cho phần rỗi của mình, còn thì luôn luôn phải làm việc để thánh hóa kẻ khác. . . Con chỉ tiếc một điều là không thể tận tụy hơn đươc nữa, để vừa giúp giáo dân, vừa giúp lương tâm, lại còn bắt bụôc phải di*

***chuyển bằng thuyền, nên không thể đi mọi nơi, hầu dẫn về đoàn chiên Chúa Giêsu những con chiên bất hạnh lạc đường. . .*"**

Cha Du mới đi hết 25 giáo họ này đựơc hai lần thì ngày 06.01.1833 vua Minh Mạng ra chiếu chỉ lùng bắt các giáo sĩ Âu châu. Đức cha Tabert Từ, cha Cúenot Thể và các thừa sai dẫn theo các chủng sinh qua Thái Lan. Chỉ mình cha Du nhất quyết ở lại, ẩn tránh ở miền Lục Tỉnh, giúp các họ Cái Nhum, Cái Mơn, Bãi Xan, Giồng Rùm, và trú ngụ tại Mặc Bắc, Vĩnh Long.

● Tôi chỉ biết một điều là giảng đạo.

Lê Văn Khôi thực ra có họ Nguyễn, từng nổi loạn ở Cao Bằng, sau ra 9ầu thú, đựơc Tả quân Lê Văn Duyệt nhận làm con nuôi, mới đổi qua họ Lê [(1)]. Lợi dụng việc vua Minh Mạng xử tệ với Tả quân (khi đó đã thất lộc) cho đánh trên mộ 100 trượng. Lê Văn Khôi liền lấy cớ phò cháu đích tôn của vua Gia Long, con hoàng tử Cảnh tên là Đản. Việc bại lộ, Khôi bị bắt. Đến 05.07.1833, ông với khỏang 30 bạn tù vượt ngục, giết một vài quan, thả các tù nhân khác, rồi chiêu binh chiếm Phiên An (Sàigòn) và miền Lục Tỉnh.

Lê Văn Khôi tuy ngoại đao, nhưng đã khôn khéo hứa hẹn bãi bỏ các lệnh cấm đạo của vua Minh Mạng, nên một số tín hữu theo ông. Để có thể qui tụ nhiều ngừơi Công Giáo hơn ủng hộ mình, Lê Văn Khôi cho mời cha Du về Sàigòn, cha từ chối. Sau vì một số tín hữu Chợ Quán nói: "*Nếu cha không chịu*

---

(1) Trần Trọng Kim, VN Sử lược, tr. 443.

***về, sợ quan giận mà chém hết bổn đạo trong thành. Ở đó bổn đạo cũng đông lắm. . .*”** **Thế là cha Du đành lòng về xứ Chợ Quán ở nhà thờ cha Phước, nhưng rất ít khi ở nhà, cha lo đi thăm các gia đình tín hữu. Lê Văn Khôi nhiều lần mời, cha vẫn không vào trong thành.**

Khi quân triều đình bao vây thành Gia Định, Khôi cho quan đem voi ra Chợ Quán bắt ép cha Du phải vào thành. Cha Phước và nhiều tín hữu khác cũng theo vô. Trong thành, tướng Khôi xử đãi cha khá rộng rãi, có nhà riêng để dâng lễ hàng ngày, các tín hữu có thể tụ tập ở đó để đọc kinh, nghe giảng và lãnh các bí tích. Khôi có ý mua chuộc để cha tiếp sức, nhưng trước sau cha chỉ nói: “*Tôi chỉ biết việc đạo, còn nghề giặc giã binh lính, tôi không rành”.*

Một hôm cha được mời vào dinh nguyên soái. Một xấp thư kêu gọi dân chúng và tín hữu nổi dậy chống nhà vua để trên bàn. Tướng Khôi xin cha ký tên. Vị linh mục thấy rõ đã đến lúc tỏ rõ lập trường của mình, liền đứng dậy cầm xấp thư, ném tất cả vào lửa. dầu vậy quân của Khôi không dám làm gì cha, vì sợ các tín hữu trong đội quân sẽ chống lại.

Sau hơn hia năm vây hãm, ngày 08.09.1835 quân triều đình đã chiếm lại được Phiên An. Cha Du vừa cử hành thánh lễ xong thì bị bắt, bị đánh đập và bị nhốt vào cũi nhỏ, dài một mét (1m), rộng bẩy tấc (0,7cm), cao tám tấc (0,8cm). Đó là “*nhà ở*” của cha cho đến ngày bị xử tử, căn nhà mà chủ nhân chỉ có thể ngồi khom lưng suốt ngày đêm.

Số người bị tàn sát lên đến 1.994, trong đó có 66 tín hữu (chỉ có 20 nam, còn bao nhiêu là phụ nữ, trẻ em), cha Phước cũng bị xử lăng trì (chặt tay chân, rồi chẻ thân mình làm bốn). Cha Du đực đưa ra xét xử:

- Giặc đã đem thầy vào thành, thầy không làm gì để giúp chúng sao?

- Tôi chỉ lo một việc giảng đạo mà thôi.

- Giảng đạo là giống gì?

- Là đọc kinh, làm lễ và dậy dỗ bổn đạo.

- Thầy có biết làm thúôc mê để dỗ lòng ngụy cho nó theo không?

- Tôi chỉ biết có một việc giảng đạo mà thôi.

Sau hai cuộc tra vấn nữa, cha Du bị giam trong cũi và bị áp giải về kinh đô cùng với tổng Trắm, đồ Hoành, bốn Bang, phó Nhã và con trai Lê Văn Khôi là Lê Văn Viên mới bẩy tuổi. Đòan ngươi về tới Phú Xuân ngày 15.10, cha Du bị giam trong ngục Võ Lâm gần tòa Tam Pháp.

● Đàng sau bản án phản loạn.

Hôm sau 16.10, cha Du bị đưa ra tòa Tam Pháp. Các quan cố ép cha nhận tội giúp Khôi làm lọan. Nhưng cha khẳng

định: "*Tôi chỉ lo cầu nguyện cùng Chúa và làm lễ thôi*". Quan hạch hỏi:

- Có phải ngươi gửi thư vô Xiêm, cùng gửi thư cho quân Gia Tô trong Đồng Nai, biểu nó đến giúp ngụy không?

Cha Du trả lời:

- Ông Khôi có biểu tôi viết tư, song tôi không chịu viết, một nói cho ông ấy hay: Đạo tôi cấm làm như vậy và tôi thà chết chẳng thà làm theo lời ông ấy. Dầu thế ông Khôi còn đem mấy bức thư ra, biểu tôi ký tên vào, thì tôi lấy mấy cái thư ấy mà đốt trước mặt ông ấy."

Để bắt cha nhận tội, tối hôm sau, các quan dùng đủ cực hình kìm kẹp: Họ cho nung đỏ kìm sắt và cho kẹp hai lần vào hai đùi cha, rồi giữ nguyên cho tới khi kìm nguội. Mỗi lần như vậy mùi thịt cháy xông lên khét lẹt, chính quân lính cũng phải quay mặt đi. Vị anh hùng đức tin hai lần ngất xỉu, nhưng vẫn giữ nguyên lời khai cũ. Họ đành nhốt cha vào cũi lại, rồi đưa về ngục.

Để tạo chứng gian buộc tội cha, các quan đổ con trai Lê Văn Khôi, hứa trả tự do nếu khai rằng "ông thầy Tây" giúp cha em khởi nghĩa. Nhưng cậu bé bẩy tuổi ấy không biết nói dối, cậu nói cha Du hòan toàn vô can, dầu cha cậu có hứa hẹn, khuyên dụ nhiều phen.

Cuối cùng, các quan đành xoay qua "*tội giảng đạo*". Họ nhắc đến chiếu chỉ nhà vua, và hứa ân xá nếu cha bước qua Thánh Giá. Cha Du cám ơn quan và tuyên bố sẵn sàng chịu cực hình, chứ không thể thất trung với Chúa. Họ lại tiếp tục nhốt cha trong cũi. Sáu tuần lễ ở kinh đô đã trôi qua như thế. Các tín hữu ghé vào thăm và tiếp tế cho cha, đều thuật lại rằng: "*Cha Du vẫn luôn vui vẻ và thường cầm cúôn sách nhỏ để đọc đêm ngày*".

Thừa lệnh vua Minh Mạng, bản án cuối cùng đực vuết như sau:

"*Tây dương Ma Sang kêu là danh Du, Gia Tô đạo trưởng, phò ngụy Khôi, nhận tội có viết thư xin Hồng Mao (nước Anh) và Xiêm La (Thái Lan) sang giúp ngụy thần. Lệnh xử bá đao".*

● Chết vì lý do tôn giáo.

Sáng hôm 30.11.1835, bẩy phát súng thần công nổ vang kêu gọi mọi ngươi đến tham dự cuộc xử án. Cha Du, ba vị tướng của Khôi và em Lê Văn Viên đực đưa ra khỏi cũi (phó Nhã đã chết trong ngục), mọi người chỉ đực đóng khố, rồi dẫn đến cửa Ngọ Môn trình diện và phục lạy vua năm lạy. Vua Minh Mạng tỏ vẻ giận dữ ném chiếc cờ hiệu xuống đất. Đó là dấu không ân xá lần cúôi, năm tội nhân đực đưa ra pháp trường. Riêng cha Du, theo mật lệnh, đực đưa vào tòa Tam Pháp tra khảo một lần nữa. Đọc nội dung cuộc tra khảo này, chúng ta thấy quan quân không đá động gì đến lý do chính trị cả!

Năm ngươi lính cầm năm kìm nung đỏ kẹp vào bắp vế cha. Phía sau là năm ngươi lính khác cầm roi để năm lý hình không đươc phép nương tay. Ba lần kìm kẹp, thân thể cha Du đã có đủ 15 vết bỏng. Song song với cuộc tra tấn là mẫu đối thoại sau:

- ***Tại sao đạo Gia Tô móc mắt mấy ngươi gần chết?***

- ***Không có, không bao giờ tôi thấy điều đó.***

- ***Tại sao mấy ngươi kết hôn lại phải đến các thầy đạo trứoc bàn thờ?***

- ***Họ đến để thầy cả chúc phúc và chứng nhận trứoc mặt các tín hữu ở đó.***

- ***Khi làm yến tiệc trong nhà thờ, bay làm những sự quái gở lắm phải không?***

- ***Không, chẳng hề có những điều quái gở.***

- ***Vậy sao có thứ bánh dùng làm bùa mê thúôc lũ để phát cho những đứa đã xưng tội mà làm nó mê đạo đến thế?***

Cha Du đã kiệt sức không thể trả lời đươc nữa. Lính dọn cho tử tội bữa ăn sau cùng, nhưng cha không dùng chi cả, chỉ lo cầu nguyện với Chúa. Sau đó lính đưa các tử tội đến pháp trừơng tại họ Thợ Đúc bên sông Hương, cách kinh thành một dặm đường.

● Chết như một tội nhân.

Năm cây cọc đã cắm sẵn. Lính trói năm tử tội, cha Du bị trói vào cây cọc thứ hai. Ngài bị án "*Phản loạn*" và sẽ chết giữa những ngươi phản lọan. Dân chúng bị đuổi lùi ra xa 30 thước. Cứ mỗi tử tội lại có ba lý hình, một cầm kìm, một cầm dao, còn một lo đếm số cho đủ 100 lát cắt. Trước đó, lính đã nhét đá vào miệng tội nhân và cột chặt, để không ai có thể kêu la đươc nữa.

Sau một hồi trống, lý hình cắt lớp da trên trán cha Du lật xuống che mặt, rồi cắt từng mảnh hai bên ngực, sau lưng, tay chân. Quá đau đớn, vị chứng nhân giẫy giụa, quằn quại, ngước mắt lên trới cao rồi gục đầu xúông nhắm mắt lìa đời. Tiếp theo quân lính cắt đầu của ngài, cởi dây, bổ thân mình làm bốn, và ném xúông biển chung với bốn tử tội kia. Còn thủ cấp cha, đươc đưa đi bêu tại nhiều nơi, rồi đươc trả về kinh đô, bị bỏ vào cối giã nát và cho rắc xúông biển.

Ngày 30.11.1835 cũng là ngày kính thánh Anrê. Các thánh lễ hôm đó đều đọc lại đọan sách Isaia (Is 52, 7): "*Đẹp thay bước chân người rao giảng Tin Mừng*" như lời chúc tụng vị thừa sai đã hòan tất sứ mạng tông đồ của mình. Giáo Hội đã rất thận trọng khi nghiên cứu hồ sơ cha Marchand Du, căn cứ vào các buổi tra khảo, nhất là cuộc thẩm vấn cuối cùng. Giáo Hội khẳng định ngài đã hiến mạng sống vì đức tin. [(1)]

[(1)] Diễn biến bị bắt, các lời khai cuộc tử đạo của linh mục Du đươc hai thừa sai De La Motte và Marette thuật lại cho thánh Bộ Truyền Giáo trong thư ngày 29.01 và ngày 21.02.1836, nghĩa là ba tháng sau cuộc tử đạo. Xin coi Anneles de la Propagation de la Foi 1836, pp

Đức Giáo Hoàng Lêo XIII đã suy tôn linh mục Marchand Du lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

573-585, Đại Nam Thực Lục XI, tr. 243-247 đã sáng tác những câu trả lời tương ứng với câu hỏi.

Thánh Marchand Du bị xử bá đao.
(thân thể bị cắt đủ 100 mảnh)

Ngày 06 tháng 12

Thánh Giuse NGUYỄN DUY KHANG

Thầy giảng dòng ba Đaminh
(1832 – 1861)

● Một môn sinh trung thành.

Thánh Giuse Nguyễn Duy Khang được các tín hữu Việt Nam tôn kính trong số bốn thánh tử đạo Hải Dương. Tuy thánh nhân tử đạo sau hơn một tháng, nhưng vẫn đượcchung vinh dự với linh mục Almate Bình, hai giám mục Valentinô Vinh va Hermosilla Liêm, vì đã cùng chung lao khổ với ba vị huynh trưởng đó trong dòng Đaminh.

Là ngươi trợ tá của Giám mục Hermosilla Liêm, thầy Giuse Khang đã theo sát ngươi cha chung của điâ phận Đông Đàng Ngoài trong những ngày lưu lạc. Rồi khi quân lính vây bắt Đức cha thì với nhiệt tâm của thánh Phêrô tông đồ xưa trong vường Cây Dầu, thầy định dùng võ lực để chống cự. Nhưng sau cùng, thầy đã nghe lời của vị mà mình múôn bảo vệ. Thầy chấp nhận bị bắt để làm chứng cho điều cao thượng hơn: Làm chứng cho tình thương, cho lòng nhân ái thứ tha của Tin Mừng.

● Một tu sĩ đạo đức.

Giuse Nguyễn Duy Khang chào đời năm 1832, tại Cao Mại, xã Trà Vi, huyện Vũ Tiên, phủ Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Cha mẹ cậu là những giáo hữu đạo đức, hướng dẫn các con vào đời sống đạo ngay từ nhỏ. Nhưng cha cậu sớm qua đời, cậu được mẹ săn sóc tận tình. Bà lo liệu cho cậu được học hành, gợi cho cậu ý muốn hiến dâng đời mình cho Thiên Chúa và gởi cậu vào nhà Đức Chúa Trời giúp việc cho cha Matthêu Năng dòng Đaminh.

Sau mười năm sống với linh mục lão thành thánh thiện này, cậu Giuse Khang được cha gửi vào chủng viện Kẻ Mốt để học tiếng Latinh, chuẩn bị cho sứ vụ linh mục tương lai. Giai đoạn này thầy Giuse Khang xin gia nhập dòng Đaminh, và được anh em tín nhiệm vào làm trưởng tràng điều hành mọi công việc trong nhà như lao động, nấu ăn, liên lạc với các bề trên. Mặc dù bận rộn, thầy Khang vẫn nêu gương sáng cho anh em trong việc học hành và kỷ luật. Những ai đã tiếp xúc với thầy đều nói thầy đạo đức, có tính cương trực, nhưng lại luôn luôn hòa nhã với hết thảy mọi ngừơi.

Khi đó, Đức cha Hermosilla Liêm cũng ở Kẻ Mốt đã tín nhiệm thầy cách đặc biệt và chọn thầy làm ngừơi phụ tá riêng. Thầy Khang vui vẻ phục vụ Đức cha cach tận tình: từ việc dọn bàn thờ, sắp xếp các hồ sơ, sao chép các hồ sơ luân lưu, cho đến những công tác cơm nước, liên lạc. Có lần thầy còn đào hang trú ẩn cho hai cha con nữa.

● Mẫu gương can đảm.

Giáo Hội Việt Nam lúc ấy đang trong tình trạng bị bách hại khốc liệt, dưới thời vua Tự Đức. Để tiêu diệt hết đạo Gia Tô trong cả nước, nhà vua ban hành chiếu chỉ Phân sáp ngày 05.08.1861. Theo chiếu chỉ đó, mọi tín hữu Gia Tô già trẻ lớn nhỏ, nam nữ đều bị phân tán vào các làng ngoại giáo. Các tín hữu bị khắc chữ trên má, gia đình bị phân chia, vợ một nơi, chồng một nẻo, con cái mỗi đứa mỗi miền. Các thánh đường, nhà chung, tài sản của giáo hữu bị tịch thu, bị chia chác hay phá hủy.

Trong bối cảnh đó, ngày 08.09, Đức cha Hermosilla Liêm vô cùng đau đớn khi phải quyết định giải tán chủng viện Kẻ Mốt. Linh mục Khoa, đại diện ngài nói với các chủng sinh: "*Anh em khòi chào Đức cha, kẻo ngài không cầm được nước mắt*". Riêng thầy Khang nhất quyết xin và đực chọn để đi theo Đức cha cho tới cùng. Khi giã từ các bạn, thầy nói nửa đùa nửa thật: "*Tôi nhất định theo Đức cha, các quan có bắt ngài, ắt sẽ chẳng tha tôi. Đức cha chết vì đạo, tôi cũng chết theo, mất đầu còn chân sợ gì.*" Từ đêm đó, hai cha con bắt đầu sống lưu lạc. Tương lai tuy mù mịt, nhưng thầy Khang vẫn vui tươi nhờ lòng tin tưởng phó thác và tâm tình hiến dâng mạng sống nếu Chúa múôn.

Ba tuần lễ đầu, thầy Khang cùng với Đức cha sống trong hang trú ẩn ở Thọ Ninh. Nhưng quan quân đã phát hiện nơi ẩn đó, nên hai cha con phải bỏ đất liền, xuông một thuyền đánh cá. Thầy Khang chèo thuyền qua thị xã Hai Dương đến tá túc trên

thuyền của một giáo hữu tên Bính. Chính nơi đã thành "*Tòa Giám Mục lưu động*" của vị chủ chăn. Được vài ngày, hai vị tình cờ gặp Đức cha Valentinô Vinh và linh mục Almatô Bình đi thuyền từ Kẻ Nê xuống. Thật là cuộc gặp gỡ vô cùng cảm động và vui mừng của bốn thánh tử đạo Hải Dương. Các vị tạ ơn Chúa vì cơ may đặc biệt này, trao đổi tin tức và cùng nhau cầu nguyện cho Giáo Hội. Đến sáng, các cha chia tay mỗi thuyền đi một ngã.

Một hôm gia đình Trương Bính xẩy ra cuộc cãi lộn. Ngươi con trai tức giận với cha mẹ nên tố cáo ông bà chứa chấp đạo trưởng. Thế là đội Báng liền đem gia nhân đến bắt Đức cha. Thấy họ tới nơi, thầy Khang liền nhổ cây sào chống thuyền và chạy đến đứng chắn trước mặt họ như múôn ngầm bảo: phải bước qua xác tôi, rồi múôn bắt ai thì bắt.

Nhưng vị Giám mục khả kính và nhân ái đã đến nắm lấy vai thầy, ngài nói: "*Đừng làm gì hại họ, hãy phó mặc cho ý Chúa*". Thầy Khang ngỡ ngàng quay lại nhìn ngươi cha già và chợt hiểu ra ý ngài, thầy chỉ nói đươc một lời: "*Thưa vâng*", rồi bỏ sào tre xúông đưa tay cho lính trói. Lính giải hai vị vào thành Hải Dương và giam mỗi vị một nơi.

● Vị tử đạo Hải Dương.

Một tháng rưỡi trong tù, thầy Khang đươc sống chung với một số giáo hữu. Thầy liền tổ chức cho cả phòng giam đọc kinh chung mỗi ngày ba lần, và mỗi tối làm việc thống hối đền tội để chuẩn bị đón nhận phúc tử đạo. Trong thời gian này,

thầy bị đưa ra tòa tra tấn ba lần, bị đánh đòn khắp hai bên mông. Lần nào thầy cũng can đảm chịu đựng, không hề tiết lộ bất cứ chi tiết nào về hàng giáo sĩ, không chịu bỏ đạo như các quan yêu cầu. Sau mỗi trận đòn, các giáo hữu trong ngục đều nấu nước rửa và xoa bóp cho thầy dịu bờt cơn đau.

Đặc biệt ở trong tù, thầy Khang vẫn tiếp tục viết thư cho các bạn học đang lưu lạc ở làng Hảo Hội. Một lá thư thầy viết:

"*Các quan mới tra tấn tôi một kỳ để hỏi Đức cha đã ở những đâu, song tôi chẳng trả lời, trái lại vui lòng chịu đòn. Xin anh em cầu nguyện cho tôi.*"

Trong lá thư khác thầy viết:

"Anh em cho tôi một cái quần, vì quần tôi cũ, phải đòn nhiều đã rách nát. Cũng xin cho tôi một cái chăn để khi tôi chết, có cái mà liệm xác đem chôn".

Ngày 06.12.1861, thầy Giuse Khang được nghe bản án trảm quyết ở kinh đô gửi về, thầy vui vẻ theo lệnh ra pháp trường Năm Mẫu, nơi đã thấm máu ngươi cha kính yêu của thầy ngày 01.11 trước đó. Sau khi bị chém đầu, dân chúng địa phương an táng thi thể thầy ở ngoài ruộng.

Năm 1867, theo lệnh của Đức cha Hy, thầy cai Hinh, anh ruột của vị tử đạo đã dời hài cốt em của mình về nhà nguyện Kẻ Mốt. Ngày nay thủ cấp của thánh nhân được lưu giữ tại Dền Thánh Hải Dương, còn hài cốt thì vẫn để ở Kẻ Mốt.

UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

Ngày 20.05.1906, Đức Thánh Cha Piô X suy tôn thầy Giuse Nguyễn Duy Khang lên bậc Chân Phước.

Ngày 10 tháng 12

Thánh Simon PHAN KHẮC HÒA

Y sĩ
(1774 – 1840)

● Nhờ Đấng mến yêu tôi.

Ai có thể làm chúng tôi xa lìa được lòng mến Chúa Kitô? Phải chăng là gian truân, cùng khốn, đói rách, bắt bớ, gươm giáo". (Rm 8, 35)

Cái khốn khó mà Simon Hòa phải chịu kể từ khi bị bắt vì đức tin cũng tương tự như thế: hơn 20 lần bị tra khảo rất dữ dội. Lúc thì bằng đòn vọt, khi thì bằng kim loại, lúc khác thì bằng kẹp nung lửa . . .khiến da thịt ông bị thối rữa vì các vết thương đầy mủ máu. Rồi trách nhiệm tình thương đối với gia đình: ngươi vợ và 12 con, có đứa mới sanh được vài tháng, chưa được diễm phúc thấy mặt cha một lần.

Thế nhưng ngay trong trường hợp này, chân lý của các vị tử đạo vẫn luôn luôn đúng: Đối với các ngài, đau thương không phải là dấu chỉ của thất bại. Đau thương cũng không phải là mục đích, nhưng đau thương chính là thử thách các chứng nhân phải vượt qua, để có thể đạt được chân phúc vĩnh cửu. Và thái độ của Simon Hòa cũng như thái độ chung của các vị tử đạo vẫn là:

"*Trong mọi thử thách, chúng ta toàn thắng nhờ Đấng yêu mến chúng ta*". (Rm 8, 37)

● Gương mẫu ngươi tân tòng.

Phan Đắc Hòa sinh trong một gia đình ngoại giáo tại làng Mai Vĩnh, xã Mông Thôn, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 1774. Thuở bé, cậu tên là Thu. Cha mất sớm, mẹ đưa chị em Hòa đến tá túc và làm công ở làng Lưỡng Kim, sau đó dến giúp một gia đnh2 Công Giáo ở làng Nhu Lý, tỉnh Quảng Trị.

Sống với ngươi Công Giáo, nhìn thấy những gương sáng và được nghe nói về những điều cao đẹp của đạo mới này, cậu Hòa đem lòng cảm mến và xin phép mẹ cho mình theo học lớp giáo lý và gia nhập đạo. Khi ấy chỉ là một thiếu niên 12 tuổi, cậu đã chọn thánh Simon làm bổ mạng. Yêu mến Chúa Kitô, cậu bé không dừng ở đó, mà còn múôn theo sát, phục vụ Chúa Kitô trong đời tu trì. Cậu đã vào chủng viện một thời gian, nhưng qua các Bề trên, Simon Hòa nhận ra ý Chúa múôn cậu sống và làm chứng tá về Ngài ngay giữa lòng đời.

Tuy không đạt đựơc ước mơ, Simon Hòa vẫn thừơng xuyên liên lạc với chủng viện và các bề trên. Sau khi lập gia đình và trở thành cha của 12 ngươi con, Simon Hòa cố gắng chu tòan trách nhiệm nuôi dưỡng và giáo dục con cái, xứng đáng là một gương sáng tiêu biểu cho mọi gia đình trong làng. Sống đời giáo dân, ông Hòa hành nghề y sĩ: "*Lương y như từ mẫu*". Nhiều ngươi đựơc ông chữa lành bệnh, nên dân chúng đồn đãi với nhau đến với ông rất đông. Nhờ đó, ông có nhiều cơ

hội giúp đỡ ngươi nghèo khó. Nếu dư giả chút, ông liền đem đóng góp vào công việc từ thiện, xây cất thánh đường . . .

Với đời sống đạo đức, ông lang y Hòa đươc đề cử làm Trùm họ. Trước mặt mọi ngươi, ông đã thực thi chức năng một cách tốt đẹp: Ai ăn ở bất xứng, biếng trễ, ông tìm cách sửa chữa, hoặc răn đe dỗ dành, hoặc giải thích khuyên can. Ai cờ bạc rượu chè, ông nghiêm khắc sửa dậy. Thế nhưng ai cũng yêu mến chứ không oán ghét gì ông, bởi họ biết ông làm thế vì yêu thương họ và vì trách nhiệm, chứ không phải vì tư lợi. Ngoài ra ông Simon Hòa còn sẵn sàng bênh vực, giúp đỡ ngươi già nua tuổi tác, yếu đuối, các cô nhi quả phụ. Ông thấy thấm thía ý nghĩa của phúc thật tám mối, nhìn ra hình ảnh Chúa Kitô nơi ngươi khác, nhất là ngươi nghèo khó. Có lần ông đích thân cúi xuống vực một ngươi nằm kiệt sức bên đường, vác lên vai, đưa đến trạm canh, rồi cho ngươi đem cơm nước để nuôi kẻ bất hạnh.

● Dư thừa can đảm.

Khi vua Minh Mạng ra chiếu chỉ cấm đạo, ông Trùm lang Hòa có dịp bầy tỏ lòng can đảm của mình: Ông sẵn lòng cho các linh mục ngoại quốc ẩn náu trong nhà, mặc dù biết rằng việc chứa chấp này đe dọa đến tính mạng của mình, cũng như của gia đình. Đức cha Cúenot Thể cũng trọ một thời gian tại nhà ông. Ông nhiệt thành lo liệu sắp xếp cho các linh mục có nơi trú ẩn. Nếu nhà mình không ổn, ông gửi gấm các cha ở nơi tương đối bình an hơn. Tối ngày 13.04.1840, khi đang trên thuyền Đức cha De la Motte Y đến làng Hòa Ninh, thuyền ông

bị các quan phát hiện đuổi theo. Quân lính bắt ông và Đức cha Y đưa về huyện Dương Xuân, rồi giải về Quảng Trị giam hai tháng, và cúôi cùng điệu về Huế.

Súôt thời gian bị giam, Simon Hòa những đã giúp đỡ anh em bạn tù bằng việc bốc thúôc chữa bệnh, ông còn khuyên bảo khuyến khích họ trung thành với Chúa đến cùng. Cũng chịu khổ hình như mọi tù nhân, có khi còn hơn nữa, nhưng ông Simon vẫn kiên vững niềm tin. Các lần đòn đánh với vô số vết thương không làm ông nản chí, trái lại, ông còn lấy làm vui thỏa vì đựơc hiệp thông với Đức Kitô chịu đóng đinh.

● Khổ hình và vinh phúc.

Ông Simon Hòa bị tra khảo đến 20 lần, có lẽ các quan tửơng rằng dùng bạo lực, ông sẽ phải cung khai tung tích về các vị thừa sai, nhưng "*dã tràng xe cát biển đông*". Họ đã không đạt đựơc ý nguyện, lại còn phải nghe ông thuyết giảng về chân lý đạo. Thế là họ trả đũa bằng đánh đập, bằng kìm kẹp và tra tấn dã man . . . cho đến khi thầy thúôc từ bi gục ngã không thể gượng dậy nổi. Nhưng niềm tin của lương y sĩ Hòa không thể ngã gục. Ông cam chịu mọi hình khổ đau đớn. Hơn nữa, ông quyết dâng mạng sống mình để làm chứng về đạo, dù phải hy sinh những điều thân thương quí báu nhất đời. Khi các con đến thăm, ông khuyên nhủ:

"*Cha yêu thương các con và hằng chăm sóc các con. Nhưng cha phải yêu Chúa nhiều hơn, các con hãy vui lòng vâng ý Chúa, đừng buồn làm chi. Các con ở với mẹ, thương yêu nhau,*

***và chăm sóc việc nhà. Từ đây cha không thể lo cho các con được nữa. Chúa múôn cha chịu khổ, cha xin vâng trọn.*"**

Quả thật nỗi lòng y sĩ Simon Hòa lúc đó:

"Yêu kính Chúa, nặng tình nhà,
Trăm cay nghìn đắng, vẫn cam một lòng."

Năm 1840, vua Minh Mạng châu phê án xử trảm quyết, bêu đầu ba ngày. Khi điệu ông Hòa đi xử, các quan còn cố bắt ông quá khóa, dụ dỗ ông bỏ đạo, hay ít là cầm lấy ảnh quẳng đi để ông được tha, nhưng ông vẫn một lòng cương quyết tuyên xưng niềm tin của mình.

Vị lương y làng Nhu Lý đã vượt qua thử thách cuối cùng. Ông đã tòan thắng trong niềm tín thác vào Thiên Chúa ngày 10.12.1840 tại Cổng Chém, gần chợ An Hòa.

Đức Giáo Hoàng Lêo XIII đã suy tôn y sĩ Simon Phan Đắc Hòa lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900. [(NB)]

(NB) Thừa sai De la Motte Y được xếp vào các Đấng Đáng Kính năm 1857 (chết rũ tù tại ngục Trấn Phủ).

Ngày 18 tháng 12

Ba thầy giảng cùng bị bắt một ngày, cùng bị giam một nơi, cùng tử đạo một giờ và cùng được phong Chân Phước một lượt là các thầy: Phaolô Nguyễn Văn Mỹ, 40 tuổi; Phêrô Trương Văn Đường, 30 tuổi và Phêrô Vũ Truật, 21 tuổi.

Thánh Phaolô NGUYỄN VĂN MỸ

Thầy giảng
(1798 – 1838)

Là người lớn tuổi nhất, thầy Phaolô Mỹ như người anh cả, và là chỗ dựa cho hai thầy giảng cùng bị giam chung. Trong một lá thư gửi cho thừa sai Marette, thầy Đương viết:

"*... Từ ngày được diễm phúc chiu khó vì đức tin, thầy Mỹ thay chúng con vẫn viết thư cho cha. Vì chúng con coi thầy như thay mặt cha ở giữa chúng con . ..*"

Phaolô Nguyễn Văn Mỹ chào đời năm 1798 ở làng Kẻ Non, còn gọi là Sơn Nga, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Tên thật của cậu là Nguyễn văn Hữu. Năm 13 tuổi, đươc phép cha mẹ, cậu Mỹ theo giúp việc Đức cha Giacôbê Longer Gia rồi sau giúp cha Luật xứ Kẻ Đầm bốn năm. Đến năm 19 tuổi, cậu theo học tại chủng viện Kẻ Vĩnh (Vĩnh Trị).

Khi làm thầy giảng thực thụ, thầy Mỹ đươc gửi đến giúp thừa sai Marette. Ít lâu sau, đức cha Havard Du giám quản địa

phận Tây Đàng Ngoài, đã chọn thầy phụ giúp linh mục Cornay Tân, xứ Bầu Nọ, tỉnh Sơn Tây. Nhiều kinh nghiệm và khả năng, thầy Mỹ đã hỗ trợ đắc lực cho vị thừa sai trẻ tuổi nhiệt thành, nhưng thường đau ốm nặng nề này. Thầy Mỹ luôn hòan thành công tác mục vụ một cách chu đáo: Từ dậy giáo lý tân tòng và trẻ em, đến khuyên bảo các tội nhân hóan cải. Khi tình hình cấm đạo lên cao độ, thầy là vị tông đồ nhiệt thành và hữu hiệu, đi thăm từng gia đình để khích lệ các tín hữu sống đức tin, và còn hơn thế, đượcc nhiều ngươi ngoại giáo về đón nhận niềm tin Kitô giáo.

(Xem tiếp hạnh tích
Thánh Phêrô VŨ TRUẬT,
Trang 575)

Ngày 18 tháng 12

Thánh Phêrô TRƯƠNG VĂN ĐƯỜNG

Thầy giảng
(1808 – 1838)

Nhất định chúng tôi không đạp lên ảnh chuộc tội, vì như vậy là chọn cái chết đời đời cả linh hồn lẫn thể xác".

Lời nói trên cho ta thấy tâm tình của thánh Phêrô Đương, vị thầy giảng đã hơn 20 năm dâng mình cho Chúa, để tìm kiếm hạnh phúc đích thực cho chính mình và tha nhân.

Sinh năm 1808 ở làng Kẻ Sở, xã Ninh Phú, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Gia đình Phêrô Đương tuy nghèo nhưng nổi tiếng thánh thiện. Được cậu là cha Trương Văn Thi phụ trách xứ Trung Chảy đỡ đầu, nên ngay khi chú Đương mới 9 tuổi, cha Phương xứ Yên Tập đã nhận khai tâm cho chú vào đời sống tu trì. 15 tuổi, anh Phêrô Đương đã được gửi đến giúp xứ Bầu Nọ dưới quyền thừa sai Marette. Với sự khích lệ của cha, anh chuyên tâm học chữ Hán và Latinh để chuẩn bị cho tương lai.

Khả năng và nhân cách của anh Phêrô Đương được xác nhận ngay năm sau. Anh được Đức cha Havard Du nhận vào bậc thầy giảng dù mới 16 tuổi, thầy giảng trẻ tuổi nhất.

Thánh Phêrô TRƯƠNG VĂN ĐƯỜNG

Thầy tiếp tục giúp xứ Bầu Nọ thời cha Cornay Tân, cho đến ngày bị bắt. tính tình vui tươi, hiền lành, thầy đươc mọi ngươi trong xứ mến chuộng.

(Xem tiếp hạnh tích
Thánh Phêrô VŨ TRUẬT,
Trang 575)

Ngày 18 tháng 12

Thánh Phêrô VŨ TRUẬT

Thầy giảng
(1817 – 1838)

Thầy Phêrô Vũ Truật, 21 tuổi, đáng lưu danh muôn thuở do câu nói bất hủ, trả lời lại những vêin quan chê thầy dại dột lãng phí tuổi thanh xuân:

"*Chưa chắc là tôi dại. Ai không mới biết hiến mình cho chân lý, để chiếm hữu phần gia nghiệp muông đời*".

Phêrô Vũ truật sinh năm 1817 ở làng Hà Trạch, họ Kẻ Thiếc, huyện Son Vy, trấn Sơn Tây. Gia đình anh rất nghèo, cha chết sớm, vốn liếng lại chẳng có, mẹ anh phải đầu tắt mặt tối suốt ngày, để nuôi ba con dại, nên Phêrô truật không đươc đi học và gầy yếu xanh xao.

Tuy nhiên, anh Truật có lòng đạo đức, thừơng lui tới nhà thờ kinh lễ, nên đươc cha Tân chánh xứ Bầu Nọ chọn vào phục vụ nhưng việc nhẹ trong xứ và tạo điều kiện cho ăn học. dầu thế mặc lòng, anh truật cũng chẳng bằng ai, phần trí khôn hơi chậm, phần hay bị đau ốm luôn, anh chỉ có thể biết đọc biết viết sơ sơ. Bù lại, anh rất thụôc kinh, nên đặc trách việc dây kinh truyền khẩu cho các thiếu nhi nhỏ tuổi.

Mãi đến khi bị bắt giam trong ngục tù rồi, Đức cha Havard Du mới chứng nhận anh là thầy giảng, vừa để lòng tin làm chứng cho đức tin. Thầy Truật tuy không còn cơ hội để giảng bằng lời nói, nhưng thái độ kiên tín của thầy chính là lời giảng có sức thuyết phục hơn nhiều.

● Ba tấm lòng vàng.

Ở Bầu Nọ có ngươi ngoại giáo tên là Đức cầm đầu một băng cướp đã bị bắt. Để nhẹ tội, y nói với vợ là Yến vu oan cho cha Cornay Tân tội tổ chức phản loạn. chị ta liền giả vờ đến xin học đạo để dò xét nhưng nơi cha thừơng trú ẩn. Khi biết đươc, chị ta liền giấu vũ khí trong vườn nhà cha, rồi đi mật báo cho các quan tỉnh Sơn Tây.

Ngày 20.06.1837, quan Sơn Tây phái 1.500 quân lính liền đến làng Bầu Nọ, bắt vị đạo trưởng Tân. Hai thầy Mỹ và Đường cũng như anh Truật ngồi lẫn vào đám đông dân chúng bị tập trung nơi đình làng. Lính lục soát từ sáng tới trưa vẫn không thấy cha Tân đâu cả. Bà Yến liền bầy cho lính bắt anh Truật và hai thầy Mỹ và Đương là những ngươi thân thiết với cha xứ để tra hỏi.

Chiều hôm đó, lính phát hiện đươc cha đang ẩn trong bụi rậm. Nhưng để có nhân chứng ghép tội cha, ba vị phụ tá này cũng bị áp giải với ngài hơn sáu dặm đương về nhà lao tỉnh Sơn Tây. Tại công đương, ba ngươi đã khéo léo minh chứng cha xứ không theo giặc nổi loạn, và giải thích những lời đồn đại sai về đạo. Thí dụ quan hỏi: "*Sao các ông móc mắt ngươi chết*

***để luyện bùa phép*?" Thầy Mỹ trả lời: "*Không lẽ quan tin những lời đồn vô lý đó sao? Bởi vì nếu chúng tôi làm như thế, cha mẹ vợ con họ đâu để chúng tôi yên. Vậy mà chúng tôi vẫn ra vào nhà họ, gặp gỡ thân ái và vui vẻ.*"**

Các cuộc thẩm vấn thường đi liền với những tra tấn dã man. Đây là chứng từ của thầy Mỹ:

"*Lính lột áo chúng tôi ra, bắt chúng tôi nằm xúông, lấy dây thừng cột tay chân, rồi kéo căng, cột vào bốn cọc ở bốn phía, nguyên sự căng nọc như thế đủ làm chúng tôi đau đớn vô cùng. Thế rồi họ bắt đầu đánh đòn. . . Cuối cùng họ không đánh bằng một chiếc roi nữa, mà là cả bó. Mỗi lần đánh, hằng trăm đầu roi mây in lằn trên da thịt chúng tôi, tạo nên những vết thương đẫm máu .. .*"

Riêng thầy Truật vì ốm yếu nên đựơc đeo gông nhẹ hơn và bị ít đòn hơn. Nhưng sau mỗi kỳ tra tấn, cả ba ngươi đều kiệt sức, phải khiêng về ngục thất. Ngày 20.09, lính canh tù loan tin cha Tân đã bị trảm quyết, và khuyên các thầy bỏ đạo, cả ba vị cùng nói: "*Chúng tôi mừng vì thầy chúng tôi đựơc tử đạo, chúng tôi nguyện theo gương ngài.*"

Giai đọan này thầy Mỹ ghi lại trong một la thư: "*Súôt bốn tháng liền, chúng tôi bị gông cùm xiềng xích, chịu lính canh nghiệt đãi, phòng giam ẩm thấp hôi hám, ruồi muỗi tự do hoành hành mà trên ngươi thì đầy những vết thương tra tấn. ..*"

Tháng 10, bản án tỉnh Sơn Tây tâu vua Minh Mạng đựơc chuẩn phê và gửi về. Nhưng thay vì giết ngay, bản án quyết

định "*giam hậu*", nghĩa là khoan xử chờ quyết định mới, bề ngoài bản án có vẻ nhân đạo, nhưng thực ra bên trong rất thâm độc: Với thời gian, nhiệt tình ban đầu có nguy cơ phai nhạt, vì tử tội luôn bị ám ảnh đến chuyện phải ngồi tù không biết đến bao giờ. Đàng khác sự chịu đựng của con ngươi có hạn, quá khổ đau, quá mòn mỏi, quá thất vọng, con ngươi dễ bị lung lạc mà thay đổi ý định. Thực tế, ba thầy giảng phải chờ thêm 14 tháng, vị chi tất cả là một năm rưỡi bị giam cầm. Nhưng súôt thời bị giam cầm thử thách lâu dài ấy, ba thầy vẫn gắn bó với nhau trong nhẫn nại, can đảm và giữ vững mãi khát vọng phúc tử đạo, mỗi sáng cũng như mỗi tối, các thầy lớn tiếng đọc kinh Mân Côi chung, cầu nguyện chung, đồ ăn thức uống, thúôc men nhận đươc, ba vị chia sẻ cho lính canh. Những ai đến thăm thừơng đươc khuyên nhủ: "*Anh em hãy sống hòa thuận với mọi ngươi trong gia đình, làng nước, hãy là giáo hữu nhiệt thành, vì đời sống trần gian chẳng là bao. Chúng tôi đã vâng theo ý Chúa định đoạt, hy vọng mai này chúng ta sẽ đàon tụ trên Trời.*"

Cha Triệu giả làm thừơng dân mang Mình Thánh Chúa cho các thầy đươc bốn lần. Đối với các thầy, đó quả là hồng phúc lớn lao. Ta thử đọc tâm sự của thầy Đừơng gửi cho cha Marette trong thư:

"*Hôm nay là ngày trọng đại, chúng con đươc rứơc Mình Thánh Chúa. Xin tạ ơn Chúa đã viếng thăm và làm vơi nhẹ những xiềng xích của chúng con . . . Cửa Thiên Đàng đã gần kề, nghĩ đến hạnh phúc đang chờ đợi, chúng con chẳng còn ứơc sự gì khác nữa . . .*"

● Cùng chiến thắng vinh quang.

Năm 1838, triều đình duyệt lại bản án và chỉ thị cho quan tỉnh Sơn Tây thi hành. Ngày 18.12, ba chứng nhân anh dũng bị điệu ra pháp trường ở Gò Vôi, làng Mông Phụ, tỉnh Sơn Tây. Mỗi ngươi mang trên ngực tấm thẻ ghi tên, họ nguyên quán và tội theo đạo Gia Tô, đã thú nhận, truyền xử giào. Trên đường đến nơi hành quyết, như đã hẹn trước, ba thầy cùng làm dấu khi thấy cha Triệu đứng giữa dân chúng ban phép lành tha tội. Một ngươi lính cho các ngài úông rượu, ba vị cám ơn chỉ xin uống nước trà và nói: "*Thầy giảng chúng tôi kiêng rượu như kiêng sắc dục và kiêng phản bội*".

Đến nơi xử, ba thầy nằm dài trên chiếu, quân lính vây thành một vòng tròn lớn, để ngăn chặn dân chúng. Từng vị một bị trói chân vào cột và trói chéo hai tay ra sau lưng. Dây thừng tròng sẵn vào cổ. Giữa tiếng chuông trống vang rền, theo lệnh quan, lý hình mỗi bên nắm chặt đầu dây xiết thật căng, chờ tới khi tắt thở. Máu ứa ra ngoài miệng. Sau đó họ lấy lửa đốt thử gan bàn chân để xác nhận các tử tội đã chết thật rồi. Cha Marette và giáo dân đưa thi hài ba thầy về họ Kẻ Măng gần đấy tẩm liệm. Ngài dâng lễ cầu hồn tạ ơn Chúa đã cho các bậc tôi trung thắng trận khải hòan.

Thánh Phêrô VŨ TRUẬT

Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn ba thầy Phaolô Nguyễn Văn Mỹ, Phêrô Trương Văn Đường và Phêrô Vũ Truật lên bậc Chân Phước, ngày 27.05.1900. [NB]

[NB] : Chân Phước Đường trong bản án ghi là Nguyễn Văn Đường, nhưng con cháu sau này xác định là họ Trương. Có lẽ thầy khai khác đi để khỏi liên lụy đến họ hàng (Phạm Đình Khiêm, ĐMHCG, th.3, n. 1970, tr. 10 và 11).

Ngày 19 tháng 12

● Chứng tá tập thể trong lao tù.

1. **Phanxicô Xaviê HÀ TRỌNG MẬU**
2. **Đaminh BÙI VĂN ÚY**
3. **Augustinô NGUYỄN VĂN MỚI**
4. **Tôma NGUYỄN VĂN ĐỆ**
5. **Stêphanô NGUYỄN VĂN VINH**

Đọc truyện các thánh tử đạo Việt Nam, không ai có thể quên đựơc một chứng tá tập thể của hai thầy giảng, ba giáo dân ở trong tù. Năm vị cùng giam chung với cha Tự và ông trùm Cảnh, nhưng hai vị này tử đạo trứơc (05.09.1838). Dù sống trong ngược đãi, dù bị kiểm sóat gắt gao, năm vị đã gắn bó với nhau trong tình anh em thân thiết, cùng sống đức tin kiên vững và nỗ lực làm chứng cho Thiên Chúa bằng lời nói, gương sáng và bằng chính mạng sống mình.

Thánh Phanxicô Xaviê HÀ TRỌNG MẬU

Thầy giảng dòng ba Đaminh
(1790 – 1839)

Thầy giảng Phanxicô Xaviê Mậu không những phải chọn lựa giữa cái chết và cuộc sống, thầy còn phải chọn lựa giữa cái chết và việc làm quan triều đình. Không một chút lưỡng lự, thầy trả lời vị Tổng đốc: "*Tôi không ham quyền, tôi chỉ múôn chết vì đạo*".

Thánh Phanxicô Xaviê HÀ TRỌNG MẬU

Phanxicô Xaviê Hà Trọng Mậu cất tiếng chào đời năm 1790 tại làng Kẻ Diền, tỉnh Thái Bình. Cậu được cha mẹ cho đi tu, trở thành thầy giảng và đi giúp nhiều giáo xứ. Khi cha Phêrô Tự bị bắt, thầy Mậu đang coi họ Nội, thuộc xứ Kẻ Mốt. Được tin cha và thầy Úy bị đưa về Lương Tài, thầy Mậu đến đó nghe ngóng tin tức. Giáo hữu gửi thầy trọ ở nhà một lương dân phía bên kia sông, vì nghĩ rằng lính sẽ không xét đến. Ai ngờ, chính người chủ nhà đi báo cho quan kiếm tiền thưởng, thế là thầy bị bắt.

Thầy bị dẫn đến dinh quan Lương Tài. Có mặt cha Tự ở đó. Quan hỏi thầy là ai, thầy đáp: "*Thưa quan, tôi là một môn đệ thân tín của cha đây*". Cha Tự ra dấu nhắc thầy đừng khai rõ, may ra có thể chuộc về được chăng, nhưng thầy nói nhỏ với cha: "*Xin cha thương nhận con làm môn sinh, để con cũng được tử đạo với cha*".

Kể từ ngày cha Tự và ông trùm Cảnh bị đem đi xử trảm, thầy Mậu trở thành trụ cột nâng đỡ bốn người còn sót lại, là thầy Úy, các anh Mới, Vinh, Đệ. Thầy nhắc anh em sống huynh đệ, an ủi giúp đỡ nhau. Thầy đại diện anh em viết thư ra ngoài, hoặc trả lời với các quan. Đặc biệt thầy động viên anh em hăng hái làm việc tông đồ ngay trong nhà tù. Trong hồ sơ phong thánh, cha Huân đã dựa vào các thư của thầy làm chứng rằng: "*Thầy Mậu vẫn dậy giáo lý cho các tù nhân, và rửa tội được 44 người. Trong đó có một tử tội tên Hưng mới học đạo một tháng thì đến ngày xử, anh xin quan hõan lại ít giờ để rửa tội, sau đó vui vẻ tiến ra pháp trường. . .*"

Khi quan nói: *"Kẻ nào chết vì không bước qua Thập Giá là ngu dại, không biết thương cha mẹ già*". Thầy giải thích: "*Thưa quan, cha mẹ sinh chúng tôi, nhưng ngay cha mẹ chúng tôi có ở trên đời, cũng là nhờ quyền năng của Chúa*". Khi quan quân truyền đọc bản án xử tử, thầy bình tĩnh đáp lại: "*Thưa quan, chúng tôi mong ước về với Chúa, như nai mong tìm thấy súôi vậy. Xin quan cứ thi hành án lệnh của vua*".

Ngày 19 tháng 12

Thánh Đaminh BÙI VĂN ÚY

Thầy giảng dòng Đaminh
(1812 – 1839)

Nếu tôi cả gan bước lên Thánh Giá thì tôi xúc phạm đến Chúa và bất hiếu với cha mẹ. Vì song thân sinh ra tôi, đã dậy tôi trung thành với niềm tin cho đến chết".

Thầy Đaminh Úy đã đặt trọn niềm tin của mình trong truyền thống tổ tiên. Không biết cha mẹ căn dặn thầy trung kiên dù phải tử đạo vào lúc nào, khi mới có cuộc bách hại hay khi vào thăm trong tù? Nhưng rõ rệt là với thầy, phản bội đức tin là phản lại những ngươi đã nhọc công vun trồng niềm tin của mình cho mình.

Đaminh Bùi Văn Úy sinh năm 1812 tại họ Tiên Môn, làng Kẻ Rèm, tỉnh Thái Bình. Từ bé cậu đã được gia đình gửi vào nhà xứ sống với cha Tự. Sau khi học thành thầy giảng, thầy luôn hoạt động bên cha tại xứ Kẻ Danh rồi Kẻ Mốt (Bắc Ninh) thì bị bắt, lúc đó thầy mới 26 tuổi. Bất cứ ai gặp thầy Úy đều công nhận thầy hiền lành, có lòng yêu mến Chúa đặc biệt và là ngươi trợ thủ đắc lực của cha Tự trong công tác, nhất là khi cuộc bách hại của vua Minh Mạng bùng nổ. Ước mơ lớn nhất của thầy là đươc đóng vai "*Lê Lai thế mạng*" để cha Tự khỏi bị bắt. Khi đào hang trú ẩn, thầy làm hai ngăn rồi tình nguyện ở ngăn bên ngoài. Thầy nói với mọi ngươi:

"*Nếu các quan đến truy lùng, tôi sẽ ra trước nộp mình để cha khỏi bị bắt, hầu cha có thể giúp anh chị em*".

Ngày 26.06.1838, lính đến vây làng Kẻ Mốt, đã bắt thầy Úy chung với cha Tự.

Cha dự định khai thầy là giáo hữu vào làm bếp để đỡ nguy hiểm, nhưng thầy nói:

"*Xin cha cứ nói con là thầy giảng, may ra cũng được phúc tử đạo với cha*".

Rồi thầy xin xưng tội để chuẩn bị tâm hồn. Một lần tương kế tựu kế, quan nói dối thầy: "*Cha Tự xuất giáo rồi, sao anh còn cố chấp thế?*" Thầy bình tĩnh trả lời: "*Vô lý, cha tôi không bao giờ làm vậy, mà dù có thực như thế, tôi cũng không chịu xuất giáo đâu*".

Lần khác, quan như muốn dậy khôn thầy: "*Anh còn trẻ, hãy nghĩ lại và khôn hơn một chút, ta chỉ yêu cầu anh bước qua một khúc gỗ mà.*" Thầy Úy đáp: "*Đúng là khúc gỗ, thưa quan, nhưng khúc gỗ đó lại tượng trưng cho Chúa tôi thờ. Quan nghĩ sao nếu tôi giầy đạp lên ảnh vẽ hình cha mẹ tôi*?". Hôm khác, khi bị dụ dỗ bước qua Thánh Giá, thầy khẳng khái nói:

"*Thưa quan, quan có dám bước qua mặt Đức Vua không, mà lại bảo tôi bước qua mặt Chúa tôi? Nhưng dù quan có bước qua mặt vua thì tôi cũng không bước qua mặt Chúa tôi được.*"

Quan nghiêm nghị phán: "*Tội phạm thượng, ta sẽ chém đầu mi.*" Ngươi chiến sĩ đức tin vui vẻ reo lên:

"*Anh em ơi! Tôi sắp đượ chém đầu rồi*".

Nhưng phúc trường sinh đến với thầy không quá mau như vậy.

Ngày 19 tháng 12

Thánh Augustinô NGUYỄN VĂN MỚI

Nông dân dòng ba Đaminh
(1806 – 1839)

Tuy là một tân tòng mới theo đạo, anh Augustinô Mới đã biểu lộ một đức tin kiên cường, không thua kém gì những Kitô hữu vững tin nhất.

Augustinô Nguyễn Văn Mới sinh năm 1806, tại làng Bồ Trang, tỉnh Thái Bình, trong một gia đình nông dân ngoại giáo. Đến tuổi trưởng thành, anh đến làng Đức Trai, xứ Kẻ Mốt (Bắc Ninh) để làm mướn. Tiếp xúc với giáo hữu ở đây, càng ngày anh càng thấy mến đạo, và xin theo học giáo lý. Năm 31 tuổi, anh được cha Tự rửa tội và đặt tên thánh bổn mạng là Augustinô.

Mấy năm sau, cha Tự cũng chủ sự lễ thành hôn cho anh với một thiếu nữ trong xứ. Theo các lời chứng trong hồ sơ phong thánh, anh Augustinô Mới sống đạo rất tốt, đặc biệt là đọc kinh Mân Côi mỗi tối. Dù có ngày lao động vất vả và mãi đến khuya mới về, anh cũng không quên đọc kinh Mân Côi kính Đức Mẹ.

Ngày 29.06.1838, khi quân lính bao vây làng Kẻ Mốt và bắt cha Tự, họ buộc toàn dân ra đình điểm danh, rồi bước qua Thánh Giá. Một số tín hữu nhanh chân lẩn tránh được, một số

nhát gan thực hiện lời yêu cầu của lính. Các anh Mới, Vinh và Đệ, cương quyết không chịu đạp lên Thánh Giá, nên bị bắt và áp giải chung với cha Tự, ông Trùm Cảnh và hai thầy Úy, Mậu, lên giam tại Bắc Ninh.

Ngày 19 tháng 12

Thánh Tôma NGUYỄN VĂN ĐỆ

Thợ may dòng ba Đaminh
(1811 – 1839)

Hai mươi tám tuổi đời, một ngươi vợ và ba ngươi con, đó là mối ưu tư trăn trở của anh Tôma Đệ trong những ngày bị giam cầm. Không thể bỏ đức tin, nhưng tương lai của ngươi vợ trẻ và đàn con dại sẽ ra sao? . . .Trong nhiều ngày anh suy nghĩ và thiết tha cầu nguyện xin Chúa soi sáng. Cuối cùng anh tìm đươc an bình trong tâm hồn, phó thác tất cả trong bàn tay Chúa quan phòng. Anh nói với ngươi vợ đến thăm:

"*Đừng khóc mình ạ! Mình hãy về dậy dỗ các con nên ngươi, dây chúng thờ phượng Chúa. Tôi đã dâng mình và các con cho Ngài. Nhớ cầu xin Chúa cho tôi đươc thêm sức mạnh để nhẫn nại đến cùng".*

Ra đời trong một gia đình Công Giáo tại làng Bồ Trang, tỉnh Thái Bình năm 1811, Tôma Nguyễn Văn Đệ vì lý do sinh kế, theo cha mẹ về xứ Kẻ Mốt (Bắc Ninh), và ở ngay gần nhà thờ. Lớn lên anh theo nghề thợ may và đươc mọi ngươi yêu chuộng. Anh rất nhiệt tình với việc trong xứ trong họ. Hầu hết cờ quạt, đồ trang hòang trong nhà thờ và nàh xứ đếu nhờ đến bàn tay khéo léo và sáng tạo của anh. Khi kinh tế gia đình ổn định, anh lập gia đình, ra ở riêng và sinh hạ đươc ba ngươi con.

Thánh Tôma NGUYỄN VĂN ĐỆ

Ngày 29.06.1838, quân lính vây làng Kẻ Mốt, và ép buộc mọi ngươi trên 18 tuổi phải đạp lên Thánh Giá, anh lẩn trốn ra phía sau nhà. Đến khi quân lính xồng xộc vào nhà lùng bắt, anh biết mình không thể tránh đươc nữa, liền giã từ vợ, dặn đưa con về bên ngoại, ôm hôn từng đứa, rồi ra trình diện. Đến trứơc Thánh Giá, anh Đệ quỳ xúông cầu nguyện lớn tiếng rằng: "*Lạy Chúa! Sẽ không bao giờ con bứơc qua mặt Ngài*".

Quân lính áp giải anh Tôma Đệ cùng với cha Tự, ông Trùm Cảnh, hai thầy Úy, Mậu và anh Mới, Vinh về trại giam Bắc Ninh.

Ngày 19 tháng 12

Thánh Stêphanô NGUYỄN VĂN VINH

Tá điền dòng ba Đaminh
(1813 – 1839)

Thánh Stêphanô Vinh là một trường hợp hy hữu, trong danh mục các thánh tử đạo Việt Nam. Khi bị bắt, anh mới chỉ là dự tòng chưa được rửa tội. Nhưng với những hiểu biết ít ỏi về đạo, anh đã kiên trì làm chứng cho chân lý. Mặc dù khi vào tù anh mới chính thức gia nhập đạo, rồi thành hội viên dòng ba Đaminh, nhưng anh không thua kém ai về lòng can đảm tuyên xưng niềm tin vào Thiên Chúa.

Stêphanô Nguyễn Văn Vinh sinh năm 1813 tại làng Bồ Trang, tỉnh Thaní Bình. Sống trong một gia đình ngoại giáo rất nghèo, một miếng đất cũng không có, anh Vinh quanh năm phải làm thuê làm mướn cho các gia đình ở Kẻ Mốt (Bắc Ninh). Trường học duy nhất anh ham thích và theo đựơc là các lớp giáo lý, nơi anh tập đánh vần và học truyền khẩu. Đặc biệt anh đem các điều học ở đó ra thực hành trong cuộc sống. Có điều là ngừơi ta không biết tại sao anh chưa đựơc rửa tội. Mọi ngừơi đều mến thương anh vì anh đơn sơ, chất phát, khỏe mạnh và thật thà. Trong công việc, anh không bao giờ làm cho qua lần chiếu lệ, ai thuê việc gì, anh cũng chu tòan tốt đẹp không cần kiểm soát, không có gì chê trách. Cho đến khi bị bắt, anh vẫn sống độc thân chưa lập gia đình.

Ngày 29.06.1838, khi quan quân vây bắt cha Tự ở Kẻ Mốt, và bắt mọi ngươi phải đạp lên Thánh Giá, chàng thanh niên 25 tuổi này đã anh dũng nói thẳng với họ rằng: "*Tôi thà chết chứ không bao giờ đạp lên Thánh Giá, vì tôi biết đạo Chúa Giêsu là đạo thật.*"

Vì lời nói này, quan quân tưởng anh là ngươi trong đạo, thế là họ bắt anh Vinh và áp giải về trại giam Bắc Ninh chung với cha Tự, ông Trùm Cảnh, thầy Úy, thầy Mậu và hai anh Mới, Đệ. Chính tại đây, anh Vinh đươc diễm phúc làm ngươi Kitô hữu, đươc hân hạnh là con Cha Thánh Đaminh. Suốt hành trình tử đạo, anh là một nhân chứng trầm lặng nhưng cùng lập trường với các vị khác. Gông cùm, xiềng xích và tra tấn không lần nào có thể làm anh sa ngã hay nản chí. Chọn quan thầy Stêphanô trong tù, anh cương quyết noi theo vị tử đạo tiên khởi của Giáo Hội đến hơi thở cuối cùng.

● Lời an ủi ấm lòng. . .

Sau gần một tháng dọa nạt tra khảo bẩy chiến sĩ đức tin nhưng vô hiệu, ngày 27.07.1838, quan tỉnh Bắc Ninh đệ án vào triều xin xử giảo cha Tự và ông trùm Cảnh, con năm vị kia quan cho là nhẹ dạ tin theo, nên xin đánh mỗi ngươi 100 roi rồi phát lưu vào Bình Định. Luật vua thời đó xử giảo các phù thủy, đồng cốt, còn những kẻ a dua chỉ bị đánh đòn và phát lưu 300 dặm. Thế nhưng vua Minh Mạng cho rằng tội theo đạo Gia Tô thuộc loại nặng hơn, nên quyết định xử chém hai vị trên ngay tức khắc, còn tất cả sẽ bị xử giảo sau một năm nếu không chịu thay đổi ý kiến.

Ngày 05.09.1838, khi biết tin cha Phêrô Tự và ông Trùm Cảnh đã bị chém tại pháp trường Kinh Bắc, năm vị trong ngục buồn bã nhớ thương. Thầy Mậu kêu gọi anh em ngồi lại bên nhau cùng đọc kinh, vừa khích lệ nhau, vừa ôn lại những lời khuyên của cha mình. Sau đó ba buổi tối, như chính các vị thuật lại, trong lúc họ đang cầu nguyện thì tất cả đều thấy như cha Tự hiện ra ngay bên an ủi họ: "*Các con đừng buồn, chắc chắn các con sẽ được chết vì đạo. Tuy nhiên, các con còn phải trải qua một thời gian thử thách nữa, để xứng đáng với phúc trọng này.*" Có thể đó chỉ là giấc mơ chứ không phải sự thật, đó cũng có thể là lời nhắn nhủ cuối cùng của vị linh mục, nhưng kể từ ngày đó, họ hết buồn sầu, tìm lại được can đảm để nêu gương ngay trong cảnh quẫn bách ở trong trại giam.

● Tuyên khấn trong ngục tù.

Ấn tượng ghi nét sâu đậm vào lòng năm vị chứng nhân là khi cha Tự trong ngày lãnh phúc tử đạo. Cha mặc áo dòng và nói với mọi ngươi về chiếc áo đó. Trước đây, bốn vị, đến khi vào tù có thêm anh Vinh, đã mặc áo dòng ba Đaminh, nhưng chưa ai khấn cả. Thầy Mậu liền viết thư cho cha Huấn dòng Đaminh để bầy tỏ niềm ước nguyện được hiệp thông với dòng cách trọn vẹn. Thầy viết:

"Chúng con tất cả là năm tập sinh của dòng ba nhưng chúng con không thể giữ chay đủ các ngày thứ hai, thứ tư, sáu và bẩy được, nên chúng con xin cha thương rộng phép chuẩn chước cho sự thiếu sót đó. Qua thư này, chúng con xin tuyên khẩn trọn đời. Vì chúng con không thể đọc lời tuyên khấn trong tay cha

được, nên bằng những dòng viết này chúng con coi như thực sự tuyên khấn trước mặt cha vậy, xin cha cho phép.

"Để tôn vinh và ngợi khen Thiên Chúa toàn năng, Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, chúng con là Phanxicô, Đaminh, Augustinô, Tôma và Stêphanô, trước mặt cha Huân, đại diện cha Hermosilla, giám đốc dòng ba hãm mình Thánh Đaminh, chúng con xin hứa và ước ao giữ lề luật và tập tục của dòng cho đến chết".

Những chử "*cho đến chết*" trong ngục tù khi đó chắc hẳn phải có âm vang đặc biệt đối với các vị. Được nối kết với truyền thống hơn 600 năm truyền giáo của Thánh Phụ và một dòng tu lớn trong Giáo Hội, từ nay năm anh em tích cực hơn với việc tông đồ. Dưới sự điều hành của thầy Mậu, năm hội viên dòng ba chia nhau tiếp xúc gặp gỡ các bạn tù, giới thiệu với họ về Thiên Chúa, cắt nghĩa giáo lý, rồi dẫn họ đến thầy Mậu lãnh nhận bí tích rửa tội. Ít ra các vị đã rửa tội được 44 ngươi. Ngục tù giờ đây đã trở thành nguyện đường, hàng ngày vang lên những lời chúc tụng Thiên Chúa, lời cầu nguyện cho Giáo Hội và cho mọi ngươi, moị giới được đầy tràn ơn lành của Ngài.

● Làm chứng trước quan quyền. . .

Thấm thoát hơn một năm tù đã trôi qua, triều đình quyết định lại việc xử giảo cả năm ngươi. Ngày 19.08.1839, quan cho điệu tất cả ra tòa, vẫn để Thánh Giá một bên, bên kia là dụng cụ tra tấn. Quan hỏi: "*Các anh bị giam cầm đã lâu ngày, chịu khổ cũng đã nhiều, vậy bỏ đạo đi, ta tha về với vợ con*". Thầy Mậu đại diện anh em trả lời:

"*Chúng tôi đã quyết tâm trung thành với Chúa, nên quan ra lệnh chém đầu hay giết cách nào khác, chúng tôi đều sẵn sàng".*

Rồi cả năm vị quỳ xuống bái lạy Thánh Giá và cầu nguyện: "*Lạy Chúa! Xin cứu chúng con, con xin phó thác hồn con trong tay Chúa*".

Thất vọng, quan cho lính đưa tất cả về ngục và thốt lên: "*Bọn này không thể tha thứ được, mà chúng có thèm được tha đâu!"*

Ngày 21.11, năm vị phải ra tòa một lần nữa. Quang cảnh vẫn như lần trước, và các tôi tớ Chúa vẫn một mực cương quyết không chối đạo. Thầy Mậu thay mặt anh em nói với quan:

"*Chúng tôi chỉ tôn thờ một Thiên Chúa là Cha chung muôn loài, là vua trên hết các vua, là Đấng chúng tôi mong được đổ máu ra để chứng tỏ lòng trung thành và yêu mến*".

● Như nai rừng mong mỏi về nước súôi trong. . .

Ngày 19.12.1839, trước khi đi xử, quan cho năm vị một cơ hội cúôi cùng. Ông nói: "*Chỉ cần đi ngang qua phía chân tượng, ta cũng tha*". Sau đó, ông lại nói: "*Chỉ cần đi vòng quanh tượng ta cũng tha*". Nhưng các vị chứng nhân đức tin không để bị mắc lừa, họ bảo nhau quỳ xúông đọc kinh Kính Danh Chúa Giêsu. Có lẽ do ảnh hưởng những lời kinh Giáo Hội trong mùa

Vọng, đón chờ Chúa giáng sinh, thầy Mậu nói với quan những lời kinh Thánh Vịnh 41 (c 1-2).

"*Thưa quan, chúng tôi ước mong về với Chúa như nai mong tìm thấy súôi vậy. Xin quan cứ thi hành án lệnh của nhà vua*".

Biết không thể làm nao núng ý chí sắt đá của những con ngươi này đươc nữa, quan liền truyền đem đi xử với bản án như sau:

"*Bọn gian ác theo Gia Tô tả đạo, mặc dầu đã khuyên răn sửa phạt, vẫn ngoan cố không chịu bước qua Thập Tự, nay chúng bị xử giảo*".

Trên đừơng ra pháp trừơng, thầy Mậu rảo chân bước đi trứơc, các anh em bứơc theo sau, tất cả đều tỏ ra hân hoan kiên cường. Dân chúng hiếu kỳ xem rất đông và xì xào với nhau là các vị này bị giết oan. Theo gương thầy Mậu, các chứng nhân tươi cười nói với mọi ngươi:

"*Anh em chúng tôi đang tiến về Thiên Đàng đây*".

Khi tới nơi xử, mỗi vị bị trói vào một cọc đã chôn sẵn. Rồi cùng một lúc lý hình xiết cổ các vị bằng dây thừng cho đến lúc tắt thở. Các tín hữu đem thi thể các vị về an táng tại họ đạo mình. Thánh Mậu ở Kẻ La, thánh Úy ở Đồng Tiến, thánh Mới ở Phượng Vĩ, thánh Đệ ở Phong Cốc và thánh Vinh ở Hương La, tất cả đều thuộc tỉnh Bắc Ninh.

UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

Ngày 27.05.1900, Đức Giáo Hoàng Lêo XIII đã suy tôn năm vị anh hùng tử đạo: Phanxicô Xaviê Hà Trọng Mậu, Đaminh Bùi Văn Úy, Augustinô Nguyễn Văn Mới, Tôma Nguyễn Văn Đệ và Stêphanô Nguyễn Văn Vinh lên bậc Chân Phước.

Ngày 21 tháng 12

Thánh Phêrô TRƯƠNG VĂN THI

Linh mục
(1763 – 1839)

● Lý hình cõng tử tội.

Trên đường ra pháp trương, từ nhà ngục Hà Nội đến ô Cầu Giấy, ngươi tử tội ốm yếu bệnh tật với tuổi già 76, bước đi chẳng nổi nữa. Ông bước đi lảo đả rồi ngã quỵ xúông đương. Trước tình cảnh tang thương đó, một ngươi lính đoan hành quyết khom lưng cõng tử tội đến pháp trương. Tử tội đó là linh mục Phêrô Trương Văn Thi.

● Người mục tử hiền hòa nghèo khó.

Phêrô Trương Văn Thi mở mắt chào đời năm 1763 tại làng Kẻ Sở, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Năm 11 tuổi, cậu đươc nhận vào nhà Đức Chúa Trời đẻ tu học, tập tành các nhân đức, rồi trở thành thầy giảng. Trong chức vụ này, thầy Thi luôn chứng tỏ nhiệt tâm tông đồ, đời sống đạo đức, và khả năng đời đạo, nên đươc gửi vào đại chủng viện. Đến ngày 22.03.1806, thầy lãnh chức linh mục khi tuổi đã 43.

Trong 27 năm liền, cha Thi coi sóc xứ Sông Chảy thuộc phủ Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Năm 1833, ngài được bổ nhiệm chánh xứ Kẻ Sông, và ở đó cho đến khi tử đạo năm 1839. Theo lời chứng của các tín hữu tại đây, cha Thi là một linh mục:

"*Rất nhân đức, mỗi ngày đọc kinh nguyện lâu giờ ba bốn lần, cử hành thánh lễ trang nghiêm, ăn uống đạm bạc, thường ăn chay các thứ sáu, mặc dù sức khỏe của ngài yếu kém với chứng đau bụng thừơng xuyên".*

Thừa sai Jeantet Khiêm sau làm Giám mục Tây Đàng Ngoài đã viết về cha Thi*: "Tôi quen biết ngài từ năm 1835, tôi cảm phục ngài về lòng đạo đức thâm sâu, có tính hiền hòa, khôn ngoan và trung thành giữ lề luật*". Cha sống khó nghèo, ngoài áo chùng thâm, cha chỉ mặc đồ nâu như một nông dân nghèo nàn. Ngoài giáo xứ chính, cha còn phụ trách nhiều họ lẻ. Một lần di chuyển trên sông, thuyền của cha bị đắm, ngươi tháp tùng cha chết đuối, còn cha sống sót đươc nhờ bám vào hòm đựng đồ lễ. Suốt mấy chục năm phục vụ giáo xứ, không hề thấy một ai kêu ca, chê trách cha lời nào.

Do chiếu chỉ cấm đạo tòan quốc của vua Minh Mạng, cha Thi luôn hoạt động âm thầm. Đươc một thời gian khá lâu, bất ngờ vào ngày 10.10.1839, khi cha Dũng Lạc ở làng kế cận tìm đến xưng tội, viên Lý trưởng tên Pháp hay tin, đưa ngươi đến bắt cả hai linh mục. Lý Pháp mặc cả giá tiền chuộc với các tín hữu, và ngả giá là 200 quan. Khi các tín hữu mới gom góp đươc một nửa số tiền, ông chỉ tha một mình cha Dũng Lạc. Ai ngờ trên đừơng về, cha Dũng Lạc lại bị một tóm lính khác bắt đươc. Thế là Lý Pháp không dám cho chuộc cha Thi nữa, và cho áp giải ngài về Bình Lục. Giữa đừơng, ông gặp đám lính đang áp giải cha Dũng Lạc, liền nộp cha Thi cho quan huyện. Từ đó hai vị cùng chung số phận tù ngục và cùng chung hưởng phúc vinh quang.

● Ông "*quan bên đạo*" dưới măt ông quan bên đời.

Quan huyện Bình Lục tỏ ra rất vị nể hai linh mục. Riêng với cha Thi quan ái ngại cho tuổi già sức yếu, nên cư xử càng lịch thiệp hơn. Ông nói: "*Tôi làm quan bên đời, còn ông làm quan bên đạo*." Dĩ nhiên, ông đã hiểu sai về chức năng phục vụ của ngươi linh mục, nhưng dầu sao, đó cũng là bằng chứng của sự kính nể. Biết không thể lay chuyển lòng tin của hai vị, quan không tra tấn gì cả, chỉ giữ lại ba ngày rồi cho giải về Hà Nội. Như Philatô rửa tay trong vụ án Đức Giêsu, viên quan huyện sau đó cũng mở lễ cúng vái các thần, thanh minh với mọi ngươi, và xin trời đất chứng giám cho mình vô can trong cái chết của những kẻ vô tội.

Khi hai cha đươc đưa lên Hà Nội bằng thuyền theo đường sông Hồng, các tín hữu kéo nhau đi theo rất đông, kẻ đi thuyền, ngươi đi bộ trên bờ đê.

Ngày 16.10, thuyền áp giải hai cha đã cập bến. Hôm sau, quan án cho điệu hai cha ra công đương và bắt đạp lên Thánh Giá. Cha Thi quỳ xúông, nghiêm trang hôn kính dấu chỉ Đấng Cứu Độ. Sau nhiều lần hạch hỏi, quan thấy không có cách nào khuất phục đươc hai vị linh mục, liền làm bản án tâu vua xin trảm quyết.

Trong khi chờ đợi vua phê án, cha Thi biết trước số phận của mình, và chuẩn bị đón nhận hồng phúc tử đạo của mình. Cha ăn chay các ngày thứ hai, thứ tư, thứ sáu và thứ bẩy. Bệnh tật, gông cùm (dù cha chỉ phải mang gông nhẹ) và chay tịnh

làm sức khỏe của cha càng sa sút. Thừa sai Jeantet Khiêm viết thư vào đề nghị cha giảm bớt khổ chế đi nhưng cha vẫn không thay đổi.

● Tình yêu không biên giới.

Ngày 21.12.1839, lần thứ hai khi cha Trân đưa Mình Thánh vào, cha Thi đã liệt giường, phải nhờ cha Dũng Lạc ra nhận và trao Thánh Thể. Không ngờ chính hôm đó lại là ngày cúôi cùng cuộc đời dương thế của các ngài, bản án vua châu phê đã vào tơi. Quân lính dẫn hia cha ra pháp trường. Trên đường, cha Thi không còn sức bước đi nữa, nên một ngươi lính đã đóng vai "*Simon*", cõng cha đến nơi thụ án.

Quảng đương cuối cùng của cha Thi: Đôi giầy, kỷ vật tặng cho ngươi lính, hình ảnh một "*Simon Xirênê*" Việt Nam cĩng tử tội ra pháp trường . .. Làm sao diễn tả hết ý nghĩa của những điều đó đủ xoa dịu những đố kỵ còn sót lại cho đến ngày nay? Và phải chăng hình ảnh đó cho phép ước mơ một xã hội, tương lai sán lạn hơn, khi mọi ngươi dân vượt qua mọi trở ngại để đối xử với nhau bằng trái tim yêu thương?

Giáo hữu thấm máu vị tử đạo, thâu lượm các di vật, rồi đưa thi hài các ngài về Kẻ Sở dâng lễ và an táng cách trọng thể.

Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn cha Phêrô Trương Văn Thi lên bậc Chân Phước ngày 27.05.1900.

Thừa sai Jeantet Khiêm nhận định về cuộc tử đạo của cha Phêrô Thi như sau:

"Ân sủng đã toàn thắng sự yếu đuối của con ngươi. Nhờ ân sủng, con ngươi bẩm sinh vốn hiền lành này đã có đựơc sức mạnh trứơc đây chưa từng có".

Ngày 21 tháng 12

Thánh Anrê TRẦN AN DŨNG LẠC

Linh mục
(1795 – 1839)

● Theo gương thánh Phêrô . . .

Quo vadis, Domine?
Lạy Thầy, Thầy đi đâu vậy?

Trên đừơng chạy trốn cơn bách hại khủng khiếp của bạo chúa Néron đang giáng xúông kinh thành Rôma, vị tông đồ trưởng Phêrô đã bàng hoàng thốt lên câu hỏi trên khi bất ngờ gặp Chúa Giêsu vác Thập Giá đi ngược chiều với mình.

Sau đó là khoảng khắc im lặng . . Sự im lặng tưởng chừng như đến muôn đời sẽ không bao giờ có giây phút nào im lặng như thế. Phêrô như đọc thấy câu trả lời trong ánh mắt của Đức Kitô, có một chút gì giống ánh mắt Ngài đã nhìn mình sau ba lần chối Chúa. Và trong bầu khí thinh lặng đó, chợt vọng tới tai ông giọng nói buồn bã nhưng ngọt ngào:

"*Khi anh rời bỏ dân ta. Ta phải đến Rôma để chịu đóng đinh một lần nữa*". Phêrô lặng ngừơi đi và chợt hiểu . ..

Vị sứ đồ đã ra đi để xa lánh cơn điên cuồng của một bạo chúa, vì những lời nài nỉ chí tình chí thiết của đòan tín hữu. Họ

coi ngài là sức mạnh, là hơi thở, là chỗ dựa. Cần phải sống để tiếp tục mưu ích cho đòan chiên. Giờ đây, Phêrô được ôn lại bài học vĩ đại nhất của vị Tôn sư Giêsu, ngươi thợ mộc làng Nazarét đã chết gục vào tuổi 33 trên Thập Giá để cứu chụôc nhân loại.

Thế là trong cái khoảng khắc kỳ diệu đó, thánh Phêrô chợt nhớ ra. Để rồi thay vì những bước chân rời rã, do dự chạy trốn thì giờ đây ngài bước một cách mạnh mẽ, dứt khoát quay lại . .. để có thể trở nên giống Thầy mình. Từ đó, trên tảng đá Phêrô, Rôma trở nên kinh thành muôn thuở. Đâu có ai thời đó nghĩ ra như thế. Vâng, đâu có ai thời đó đã hiểu đươc điều ấy.

Sau lần bị bắt thứ ba, cha Anrê Dũng Lạc như cảm nhận đươc bài học của thánh Phêrô xưa. Ý nghĩ con ngươi không hẳn đã phù hợp với ý Chúa. Ngài xin tín hữu đừng chụôc ngài nữa, ngài đã chấp nhận hy sinh chính bản thân để trở nên một ngọn đèn, góp lửa với nhiều ngọn đèn khác làm chứng cho Chúa trên quê hương yêu dấu này.

● Ba lần bị bắt.

Sinh ra trong một gia đình ngoại giáo ở Bắc Ninh năm 1795, Tần An Dũng theo cha mẹ vào Kẻ Chợ, nay là Ha Nội. Tại đây vì nhà nghèo, cậu đươc gán cho một thầy giảng nuôi nấng dậy dỗ và rửa tội lấy tên Thánh là Anrê. Ít lâu sau, cậu Dũng xin vào chủng viện Vĩnh Trị, ở với cha chính Lan. Ngay từ đó, cậu Dũng lại siêng năng cần mẫn, có khiếu về thơ phú và giao tiếp với mọi ngươi cách lịch thiệp hòa nhã. Có ngươi nói rằng cậu chỉ đọc qua một đọan sách hai lần là đã thuộc lòng.

Sau 10 năm làm thầy giảng và ba năm thần học, ngày 15.03.1823, thầy Dũng đươc lãnh chức linh mục (cùng với thánh Ngân và Nghi), rồi đươc bổ nhiệm làm phó xứ Đồng Chuối giúp cha Khiết. Sau đó về giúp cha Thi ba năm ở xứ Đoài, rồi lại giúp cha Thuyết ở Sơn Miêng. Cuối cùng, khi cha làm chánh xứ Kẻ Đầm thì bị bắt. Suốt cuộc đời linh mục, cha Dũng sống nhiệm nhặt. Ngoài những ngày ăn chay theo luật của Giáo Hội, cha còn giữ chay súôt Mùa Chay, và nhiều khi cả các thứ sáu, thứ bẩy quanh năm. Thừơng xuyên cha chỉ dùng những thức ăn đơn giản. Cha Dũng hết mình với nhiệm vụ chủ chăn, chẳng khi nào thấy cha ngại ngùng việc gì. Cha có lòng ưu ái đặc biệt với ngừơi nghèo. Có đươc của cải gì, cha chia sẻ cho họ hầu hết.

Khi lệnh bách hại của vua Minh Mạng trở nên gay gắt qua chiếu chỉ toàn quốc ngày 06.01.1833, cha phải ân náu tại các nhà bổn đạo, sau trốn lên Kẻ Roi và lập nhà xứ ở đó. Một hôm, cha dâng lễ vừa xong thì quân lính ập tới, cha liền cởi áo lễ và ngồi lẫn trong tín hữu. Lính bắt cha như một trong 30 giáo hữu hôm đó, vì quan quân không biết cha là linh mục. Ông Tổng Thìn bỏ ra sáu nén bạc, nhận cha là thân nhân đi dự lễ để chuộc về. Từ đấy cha đổi tên là Lạc.

Lần thứ hai cha bị bắt khi đến Kẻ Sông xưng tội với cha Thi theo thói quen hàng tháng. Lý trưởng Pháp bắt đươc hai linh mục và mặc cả với giáo hữu phải chuộc với giá 200 quan. Các tín hữu gom góp đươc một trăm quan nên viên Lý trưởng chỉ tha cha Lạc. Thế nhưng ngay trên đừơng về, vì gặp mưa gió, thuyền cha phải ghé vào bờ. Căn nhà cha đang trú đang bị

quân lính khám xét. Thế là cha bị bắt lần thứ ba và bị giải lên huyện Bình Lục cùng với cha Thi.

Một lần nữa, giáo hữu cùng Đức cha Retord Liêu tìm cách chuộc hai cha về, nhưng lần này cha Lạc thấy ý Chúa đã định cho mình, ngài nhắn về với Đức cha câu chuyện thánh Phêrô hai lần thoát khỏi ngục, đến lần thứ ba, Chúa Giêsu đã yêu cầu ở lại tử đạo tại Rôma, và xin các tín hữu đừng lo liệu tiền chuộc làm chi nữa.

● Được cảm tình mọi giới.

Quan huyện Bình Lục đối xử với hai linh mục một cách tử tế. Ông truyền dọn cơm cho hai cha bằng mâm bát của mình, bắt Lý trưởng trả lại quần áo đã tịch thu và thanh minh rằng: "*Phép triều đình cấm đạo và giết các cụ, chứ không phải tôi. Tôi không có tội gì trong việc này*". Ba ngày sau, quan huyện đưa hai cha xuống thuyền chuyển về Hà Nội. Các tín hữu thương tiếc đi theo rất đông, hoặc bằng thuyền, hoặc đi bộ trên bờ. Quan lấy làm lạ hỏi: "*Đạo trưởng có cái gì mà dân chúng thương tiếc quá vậy*?" Một phụ nữ đứng gần đó đáp lại: "*Thưa quan, các cha dậy chúng tôi những điều hay lẽ phải, dậy chồng hiền lành, đừng cờ bạc rượu chè, dậy vợ sống thuận thảo với chồng theo như giáo lý trong đạo*". Hai vị linh mục khi thấy nhiều người khóc lóc tiễn đưa mình, đã dừng lại an ủi và khích lệ họ sống đạo cho tốt đẹp.

Tại Hà Nội, sau mấy lần tra hỏi, và dọa nạt hai vị chứng nhân Đức Kitô không thành công, các quan làm án xin vua xử trảm.

Thời gian trong tù, hai cha chiếm được tình cảm của lính gác, được tôn trọng và đối xử tử tế. Khi nhận được quà tiếp tế, hai cha chia cho lính canh, chỉ giữ lại những thứ tối thiểu. Mỗi buổi sáng và mỗi buổi tối, hai cha quỳ bên nhau cầu nguyện lâu giờ. Tuy các tín hữu xin được phép đưa cơm vào tù mỗi ngày, hai cha vẫn tìm cách hãm mình dặn họ đừng mang thịt hay cá làm chi, các ngài vẫn tiếp tục giữ chay ngày thứ hai, thứ tư, thứ sáu và thứ bẩy. Những ngày đó, hai cha ăn thật ít, vừa đủ.

Lễ Các Thánh (01.11.1839), linh mục Trân đưa Mình Thánh Chúa vào ngục. Vừa thấy ngài, cha Lạc đã ra chào đón: "*Xin chào bác, tôi đợi bác đã lâu vì hết lương thực rồi*". Sau đó, cha cung kính rước lễ, vá trao Mình Thánh cho cha già Thi.

Cuối năm 1839, khi quân lính đến công bố lệnh xử án, hai cha vui vẻ đón nhận bản án như một phần thưởng trọng hậu. Trên đường đến pháp trường, hai cha yên lặng cầu nguyện. Lúc ra khỏi cổng thành, cha Lạc chắp tay lại, hát lớn tiếng mấy câu Latinh chúc tụng Chúa. Trước phút hành quyết, ngươi lý hình đến nói với cha: "*Chúng tôi không biết các thầy tội gì, chúng tôi chỉ làm theo lệnh trên, xin các thầy đừng chấp*".

Cha Lạc tươi cười trả lời: "*Quan đã truyền anh cứ thi hành*". Sau đó, hai cha xin ít phút để cầu nguyện lần chót, rồi nghiêng đầu cho lý hình chém.

Hai vị đã lãnh phúc tử đạo ngày 21.12.1839 tại bãi ngoài cửa ô Cầu Giấy (Hà Nội), giáp đường lên tỉnh Sơn Tây. Thi hài của cha Lạc được đưa về an táng tại nhà bà Lý Qúy gần đó.

Đức Giáo Hoàng Lêo XIII suy tôn Chân Phước cho linh mục Anrê Trần An Dũng Lạc ngày 27.05.1900.

Nhớ đến thánh Dũng Lạc, phải nhớ đến những vần thơ ngài tâm sự trong thư viết trong ngục cho cha Thực rằng:

"Lạc rầy đã rõ chốn quân quan
Bút chép thơ này gởi thở than
Lòng nhớ bạn, nỗi còn vất vả
Dạ thương khách, chạy chữa yên hàn.
Đông qua tiết lại thì xuân tới
Khổ trảm mai sau hưởng phúc an
Làm kẻ anh hùng chi quản khó
Nguyện xin cùng gặp chốn Thiên Đàng" [(1)]

[(1)] ***Thơ trích trong*** **Nguyễn Văn Tự,** ***42 Á Thánh Tử Đạo, tr. 76.***

PHỤ TRƯƠNG

**Đây là những ngươi đã trải qua cơn thử thách lớn lao mà đến.
Họ đã giặt sạch và tẩy trắng áo mình trong máu Con Chiên.**

(Khải Hoàn 7, 14)

PHỤ TRƯƠNG

117 THÁNH TỬ ĐẠO VIỆT NAM

TRÊN ĐẤT VIỆT

◙ ĐỨC GIÁO HOÀNG GIOAN PHAOLÔ II SUY TÔN HIỂN THÁNH NGÀY 19.06.1988

● Bốn đợt suy tôn Chân Phước:

27.05.1900 Đức Lêo XIII:	**64 vị**
20.05.1909 Đức Piô X:	**8 vị**
02.05.1909 Đức Piô X:	**20 vị**
29.04.1951 Đức Piô XII:	**25 vị**

● Thành phần:

	Pháp	T.B.Nha	Việt	Tổng số
Giám mục:	**02**	**06**	**.....**	**08**
Linh mục:	**08**	**05**	**37**	**50**
Thầy giảng:	**....**	**....**	**14**	**14**
Chủng sinh:	**....**	**....**	**01**	**01**
Giáo hữu:	**....**	**....**	**44**	**44**
Tổng số:	**10**	**11**	**96**	**117**

● Thời đại:

Trịnh Nguyễn 1745 và 1773	**14 vị**
Cảnh Thịnh năm 1798	**02 vị**
Minh Mạng (1820-1840)	**58 vị**
Thiệu Trị (1841-1847)	**03 vị**
Tự Đức (1847-1862....1883)	**50 vị**

● Các loại án:

Bá đao	**Cắt từng miếng cho đủ trăm mảnh (1 vị)**
Lăng trì	**Chặt tay chân trứơc khi chém đầu (4 vị)**
Thiêu sinh	**Đốt sống (6 vị đều vào tháng 06.1862)**
Trảm	**Chém đầu (75 vị)**
Giảo	**Tròng dây qua cổ rồi kéo hai đầu dây cho Đến chết (22 vị)**
Rũ tù	**Chết gục trong tù (9 vị)**

BẢN ĐỐI CHIẾU
CÁC ĐỊA PHẬN XƯA VÀ NAY

I. ĐỊA PHẬN ĐÀNG NGOÀI (1659-1679)

Theo khu vực Chúa Trịnh, từ sông Gianh ra Bắc.

● Địa phận Tây Đàng Ngoài: (1679)

Địa phận Nam:	**Vinh (1846)** **Hà Nội (1846)**
Địa phận Tây:	**Hưng Hóa (1895)** **Phát Diệm (1901)** **Thanh Hóa (1932)**
Địa phận Trung:	**Bùi Chu (1848)**

● Địa phận Đông Đàng Ngoài: (1679)

Địa phận Đông:	**Thái Bình (1936)** **Hải Phòng (1848)** **Bắc Ninh (1883)** **Lạng Sơn (1913)**

II. ĐỊA PHẬN ĐÀNG TRONG (1659-1844)

Theo khu vực Chúa Nguyễn, từ sông Gianh vào Nam.

● Địa phận Đông Đàng Trong: (1844)

Địa phận Bắc:	**Huế (1850)** **Qui Nhơn (1844)** **Đà Nẵng (1963)**
Địa phận Đông:	**Kontum (1932)** **Ban Mê Thuột (1967)** **Nha Trang (1957)**
Địa phận Nam:	**Nam Vang (1850)** **Cần Thơ (1955)** **Long Xuyên (1960)**

● Địa phận Tây Đàng Trong: (1844)

Địa phận Tây:	**Sài Gòn (1850)** **Xuân Lộc (1966)** **Phú Cường (1966)** **Vĩnh Long (1938)** **Đà Lạt, Mỹ Tho (1960)** **Phan Thiết (1975)**

HẬU DUỆ CÁC THÁNH

TỬ ĐẠO VIỆT NAM

"Máu các Thánh Tử Đạo là hạt giống nẩy sinh các tín hữu".

(Văn Hào Titulianô)

CHÂN DUNG

CÁC THÁNH TỬ ĐẠO VIỆT NAM

Đọc lại hạnh tích 117 thánh Tử Đạô Việt Nam, nhiều ngươi như bị choáng ngộp trước sự can đảm tuyệt vời, mà nếu chỉ xét theo bình diện nhân loại, các ngài thật xứng đáng liệt vào danh sách những vị anh hùng vĩ đại. Thế nhưng, khi nghiên cứu sâu xa hơn thì thái độ anh dũng, lòng nhân ái và sự an bình của các thánh Tử Đạo phải là kết quả đương nhiên của những con ngươi tự nguyện làm chứng cho niềm tin, của những con người sẵn sàng hiến tế đời mình cho tình yêu. Và đúng hơn phải nói: Tử đạo là giây phút kết tinh tòan cuộc đời của họ, những kẻ sống trọn vẹn giá trị Tin Mừng giữa đồng bào, dân tộc.

Vì thế, để có một cái nhìn tương đối đầy đủ chúng ta sẽ quan tâm đến bốn chủ đề:

-Đời sống các chứng nhân tử đạo
-Tử đạo là hiến tế tình yêu
-Tử đạo là chứng từ
-Chân dung các vị tử đạo

I. ĐỜI SỐNG CÁC CHỨNG NHÂN TỬ ĐẠO

"*Martyr*" theo nguyên ngữ có nghĩa là "*nhân chứng*". Trừ một vài vị tử đạo nhờ ơn Chúa đặc biệt để có đực một quyết định quả cảm bất ngờ trước thử thách, còn bình thường cuộc đời của họ đã là một chứng từ, một quá trình hợp tác với ơn Chúa, trước khi phải làm chứng cho Ngài bằng máu đào.

Giai đoạn lịch sử thời 117 Thánh Tử Đạo Việt Nam kéo đúng 117 năm, tính từ hai vị tử đạo tiên khởi (Thánh Phanxicô Federich Tế và Matthêu Liciniana Đậu) đến vị cúôi cùng 1862 (Thánh Phêrô Đa), qua các triều định vua Lê Chúa Trịnh, Tây Sơn và triều Nguyễn (Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức),. Nếu xét lịch sử Việt Nam theo niên biểu 1533, khởi đầu bằng giáo sĩ I-ni-khu (Inigo) đực nhắc đến trong Khâm Định Việt Sử [(1)] thì thời các Thánh Tử Đạo phải nói là hoa quả của hai thế kỷ LỜI THIÊN CHÚA đã gieo trồng trên quê hương Việt Nam. Trong đó, gần một thế kỷ đi vào tổ chức chặt chẽ (từ năm 1659 có hai địa phận Đàng Trong và Đàng Ngoài, rồi từ 1668 có linh mục bản xứ). Vì thế, có thể nói Giáo Hội đã có những lựa chọn cách sống tương xứng với giai đoạn lịch sử của mình.

[(1)] Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương mục XXIII, 6B.

Theo thống kê 1885, Giáo Hội Việt Nam có 430.000 tín hữu, chiếm tỷ lệ 2,3% dân số [(2)] , rải rác từ trấn Kinh Bắc, qua miền Thượng Du cho đến Châu Đốc, An Giang.

-Xét về *thánh phần tử đạo*, ngoài các giám mục, linh mục chuyên lo về tôn giáo, ta thấy còn có các giáo hữu thuộc mọi tầng lớp nhân dân: quan trừơng có thánh Hy, quan án cóa thánh Khảm, quân ngũ có những cai đội hoặc chưởng vệ, xuống đến những binh sĩ tầm thừơng, hương chức có những chánh tổng, lý trưởng.

-Xét về *nghề nghiệp*, ta thấy có lương y, thương gia, có thợ may, thợ dệt, thợ mộc, cả dân chài, nhưng đông đảo nhất vẫn là giới nông dân (10 vị).

Để trả lời câu hỏi: Các thánh tử đạo đã sống thế nào? Chúng ta có thể chú ý đặc biệt đến năm vấn đề sau:

1. Thân ái với mọi ngừơi

Ngừơi Việt Nam thừơng nói: "*Phép vua thua lệ làng*". Mặc cho triều đình nhà Nguyễn ra những chiếu chỉ bách hại, dấu hiệu tình thân giữa bà con chòm xóm đối với ngừơi Công Giáo là một sự kiện quá rõ rệt. Thí dụ trong vụ án linh mục Gioan Đạt, viên cai ngục nói:

[(2)] Địa phận Đàng Trong 86.000 giáo hữu; Địa phận Tây Đàng Ngoài 140.000 giáo hữu và địa phận Đông Đàng Ngoài 200.000 giáo hữu. Xe, **Bùi Đức Sinh,** *Dòng Đaminh Trên Đất Việt, q. !, tr. 281.*

"*Tôi thấy cụ khôn ngoan đạo đức thì muốn kết nghĩa huynh đệ lắm, ngặt vì cụ sắp bị án tử rồi. Tôi xin hứa biếu cụ một cỗ quan tài để biểu lộ lòng tôi quí cụ*".

Chuyện hai linh mục Thi và Dũng Lạc, quan huyện Bình Lục nói: "*Các ông là quan bên đạo, tôi quan bên đời*", rồi ra lệnh cởi trói và cho dọn cơm bằng mâm bát của mình. Đến khi cho áp giải hai vị về Thăng Long, quan lập đàn tế lạy Trời Phật để thanh minh mình vô can trong vụ án.

Đặc biệt chuyện linh mục Vũ Bá Loan, 84 tuổi, được mọi ngươi kính trọng gọi bằng "*cụ*", ngài không bị đòn đánh, và trong ngày xử, mười lý hình bỏ đao chạy trốn, đến ngươi thứ 11, đã lịch sự xin phép: "*Việc vua truyền, cháu phải làm, xin cụ xá lỗi cho. Cháu sẽ cố giúp cụ chết êm ái. Khi về Trời xin cụ nhớ đến cháu nhé*".

Nhờ đâu ông Lê Văn Phụng, mỗi lần quan huyện đi truy lùng lại cho ngươi đến báo trước? Nhờ đâu linh mục Lê Bảo Tịnh được quan Tổng trấn cho giấy phép mở chủng viện? Nhờ đâu miền Nam súôt thời Minh Mạng không có ai trong số 117 vị tử đạo? Rồi nhờ đâu khu vực dòng Đaminh bình an đến năm 1838, và hầu như an bình từ năm 1841-1856? Nhờ đâu những Giám mục như Hermosilla Vọng, từng được nêu đích danh trong chiếu chỉ nhà vua, vẫn được an tòan trên 20 năm?

-Thưa, nhờ những quan chức địa phương không đánh giá đạo Công Giáo như nhà vua và nhờ những căn nhà "*lương dân*" luôn mở rộng cách hào hiệp.

Ngay cả khi vua Tự Đức ra Chiếu chỉ Phân sáp ngày 05.08.1861, phân tán các tín hữu, giao cho lương dân quản lý cả ngươi lẫn của cải thì Giáo Hội vẫn tồn tại nhờ nhiều ngươi không theo lệnh vua. Như lương dân làng Hảo Hội, đã che giấu và tiếp tế cho nhiều chủng sinh ở Kẻ Mốt đến ăn trốn [3]. Con số hàng chục ngàn ngươi bị giết trong giai đọan này cũng là lớn, nhưng đó chỉ là tỷ lệ vài phần trăm, còn hơn 90% giới Công Giáo vẫn sống sót qua cơn "*Hồng Thủy*".

Chính trong bối cảnh thân ái của đại quần chúng bình dân Việt Nam, các tín hữu đầu thế kỷ XIX có nhiều cơ may thể hiện sự gắn bó, tinh thần phục vụ và lòng bác ái của Tin Mừng. Những cuộc truy lùng thường xuyên của triều đình đã giúp các nhà thừa sai sống sát hơn với tinh thần nghèo khó của ngươi tông đồ và gần gũi với dân lao động trong các làng quê, sau lũy tre xanh. Đến Việt Nam, các vị liền lo học tiếng và phong tục [4]. Rồi sau đó, cũng ăn nước mắm, ăn tương, ăn cà, cũng nón lá, áo bà ba, áo khâu... Sống với dân Việt, sống như dân Việt, có vị suốt 15 năm không dùng đến một miếng thịt. Thế nhưng các vị vẫn vui tươi. Thừa sai Gagelin Kính gửi thư về nhà: "*Những thiếu thốn, những cực nhọc đủ thứ đến với chúng tôi, nhưng tôi dám khẳng định rằng: Tôi được hạnh phúc trong túp lều tranh của tôi hơn vua nước Pháp trong hòang cung của ngài*".

---

[3] **Bùi Đức Sinh,** ***sách đã dẫn I, tr. 326.***

[4] ***Chúng ta có thể so sánh với việc truyền giáo ở Châu Mỹ Latinh, dân địa phương cho đến nay vẫn dùng tiếng Tây Ban Nha làm ngôn ngữ chính, trong khi đó ở Việt Nam, các thừa sai soạn chữ quốc ngữ. Điều đó cũng do đường lối truyền giáo của Thánh Bộ Truyền Bá Đức Tin được lập năm 1622. Xc. Daniel Rops Eglise des temps Classique, Fayard 1958, pp. 97-100.***

Tuyệt đại bộ phận giới Công Giáo thuộc thành phần nào? Thưa, là những ngươi nông dân tầm thường nhất, mỗi ngày lam lũ lao động để làm xanh giải đất quê hương. Linh mục Khuông từng tuyên bố: "*Đạo Gia Tô không những cấm tín hữu chống lại triều đình, mà còn khuyến khích để họ cầu nguyện và góp phần giúp quê hương an ninh thịnh vượng*".

2. Tôn trọng vua quan và hết lòng vì quê hương

Hội nhập vào nền văn hóa Á Đông theo chế độ xã hội gia trưởng, Giáo Hội Việt Nam đã có nét suy tư sáng tạo đặc biệt đóng góp cho Giáo Hội tòan cầu. Ngay từ thời linh mục Đắc Lộ, tín hữu Việt Nam đã coi nhà cầm quyền như một ngươi cha, mọi ngươi đều là con trong đại gia đình dân tộc. Linh mục Tự đối đáp với quan tòa: "Tôi kính mến Thiên Chúa như Thượng Phụ, kính vua như Trung Phụ, và kính song thân như Hạ Phụ. Không thể nghe cha ruột để hại vua, tôi cũng không thể vì vua mà phạm đến Thượng Phụ là Thiên Chúa đươc" [(5)].

Dĩ nhiên trong bối cảnh lịch sử "*thượng tôn Tống Nho*" của nhà Nguyễn thì việc đề cao chữ hiếu hơn chữ trung đủ làm cho triều đình thêm khó chịu. Vì khi đề cao hiếu hơn trung, ngươi Công Giáo tuân lệnh vua một cách có suy nghĩ, có chọn lựa, tuân giữ luật lệ hợp lý, nhưng bạo dạn phản đối điều nghịch lý trái với lương tâm mình. Dầu sao giới Công Giáo không tổ chức nổi loạn, bạo động. Giám mục Alonsô Phê trong thư chung năm 1798 xác định khí giới đánh giặc bách hại

---

(5) Phép Giảng Tám Ngày, Tinh Việt 1961, tr. 11-16.

"*chẳng phải là súng ống, gươm giáo đâu, mà là đức tin, lời cầu nguyện và đức bác ái*". [6]

Đức cha Xuyên ra vạ tuyệt thông cho ai tổ chức bạo động, và buộc những ai vu cáo ngài cổ động nổi dậy phải cải chính công khai [7]. Giám mục Hermosilla Liêm nhắc nhở các tín hữu phaỉ tuân giữ luật nhà nước, còn nếu bị vu cáo tội chính trị thì cứ an tâm, vì Đức Giêsu từng bị dân Do Thái lấy cớ chính trị để giết (Ga 19, 12). Ngài nói tiếp: ". .. *Phô con đừng hòa tập vuối giặc, đừng nghe chúng nói dối dá đấng ấy đấng khác sai chúng nó, vì cái ấy là không hẳn*".[8]

Là dân trong nước, các tín hữu sẵn sàng thi hành nghĩa vụ công dân, từ thuế khóa cho đến gia nhập quân ngũ. Năm 1838, nguyên tại tỉnh Nam Định, quan Tổng đốc Trịnh Quang Khanh đã tụ tập đươc 500 binh sĩ Công Giáo, để rồi bắt đạp lên Thánh Giá [9]. Trong quan trường chiếu chỉ tháng 09.1855 ra lệnh sàng lọc các quan Công Giáo, cấm đạo đồ đi thi hay nhận chức vụ trong làng trong tổng [10]. Thế mà sáu năm sau (1861), trong một đợt thanh trừng, triều đình còn bắt được 32 viên quan, ba người chối đạo, 18 bị giết, 11 bị án lưu đầy [11].

---

(6) Thư chung các Đấng Vicario, Kẻ Sặt 1903, tr. 63-68.
(7) Disquitio Promotoris Fidei, Roma 1917, I tr. 17-19.
(8) Thư chung các Đấng Vicario II, tr. 53-54.
(9) **Gispert,** *Historia de las Misiones en Tunkin, Avila 1928, tr. 428-437.*
(10) **Louvet,** *La Cochinchine Religieuse II, tr. 204-207.*
(11) **Louvet,** *sách đã dẫn II, tr. 267.*

Các thừa sai Pháp sẵn sàng làm nhân viên thông dịch cho nhà vua. Chính Minh Mạng định phong các ngài làm quan chức trong triều đình. Linh mục Gagelin Kính đại diện anh em từ chối đặc ân đó, "*tuy nhiên, những việc nào có thể dung hòa với nhiệm vụ linh mục của tôi, tôi sẵn sàng giúp đỡ nhà vua*". Thừa sai Jaccard Phan liên tục giúp vua mười năm, dù bị lãnh án tử hình: lần đâu, vua giảm thánh án xung quân để dịch sách, lần hai đổi thành án lưu đầy chung với thừa sai Odoricô Phương, vị này chết nơi rừng thiêng nước độc, còn ngài vẫn sống sót và tiếp tục dậy sinh ngữ và dịch sách cho hoàng triều. Lần cúôi cùng cha tử đạo vào ngày 21.09.1838. Trước đó, nhiều người khuyên ngài bỏ trốn, ngài nói: "*Không bao giờ, tôi múôn chứng tỏ phải dùng điều thiện để thắng điều ác*".

Cuốn giáo lý đầu tiên cho ngươi Công Giáo Việt Nam, cuốn "*Phép Giảng Tám Ngày*" (1651) của cha Đắc Lộ đã khẳng định các tín hữu theo đạo Thiên Chúa, đạo của mọi quốc gia chứ không phải đạo của núớc Pháp [(12)]. Đến thời Lê Cảnh Hưng (1740-1765), trong cuộc tranh luận bốn tôn giáo, đươc ghi lại trong cúôn Hội Đồng Tứ Giáo (Tân Định, 1959, tr. 4-6), các linh mục Công Giáo đã trả lời vấn nạn "*Đạo Hoa Lang là đạo ngoại quốc*" rằng: "*Chớ thì đạo Phật chẳng từ Ấn Độ, đạo Nho từ nứơc Lỗ, còn đạo Lão chẳng từ đời nhà Châu ở Trung Hoa sao?"* và khẳng định: *"Chẳng có đạo nào là đạo Hoa Lang, đạo chúng tôi là đạo Thiên Chúa, chúng tôi ứơc ao thiên hạ mọi nứơc đều biết"*. Linh mục Vũ Bá Loan trình bầy điều đó với quan: "*Tôi chẳng theo đạo của nứơc nào cả, tôi chỉ thờ Cháu Trời đất, Chúa của muôn dân thôi*".

[(12)] Phép Giảng Tám Ngày, tr. 17.

Cũng vì vậy khi quân đội Pháp tiến vào Đà Nẵng năm 1858, giới Công Giáo không hề làm nội ứng như thừa sai Pellerin tưởng [13]. Ngược lại, họ tình nguyện đi bảo vệ non sông. Có điều vua Tự Đức đòi họ tham chiến phải bỏ đạo trước đã. Tháng 07.1857, có 14 binh sĩ, một bỏ đạo, 13 bị lưu đầy. Tháng 04.1858, trong nhóm 20 binh sĩ, bốn bỏ đạo, 16 bị lưu đầy. Và khi tầu Pháp đến, 193 binh sĩ Công Giáo chuẩn bị lên đương xúông Đà Nẵng, vì không chối đạo đã lãnh án chung thân.

Một vị tử đạo thời này là binh sĩ Phanxicô Trần Văn Trung đã bị giết vì khẳng khái tuyên bố: "*Tôi là Kitô hữu, tôi sẵn sàng đi đánh kẻ thù của đất nước, nhưng bỏ đạo thì không bao giờ*". [14]

3. Sống Tin Mừng yêu thương

Thế nhưng, chân dung đích thực cuộc đời các vị tử đạo nổi bật ở lòng YÊU THƯƠNG. Với ngươi "*có đồng ăn đồng để*" như y sĩ Phan Đắc Hòa thì ông rộng rãi giúp ngươi nghèo khó, riêng bệnh nhân túng thiếu, không những ông chữa bệnh miễn phí, lại còn giúp tiền giúp lúa. Với ông Martinô Thọ thì : "*Công bằng chưa đủ phải có bác ái nữa, mà muốn thưc thi bác ái phải có điều kiện*", và ông trồng thêm vườn dâu kiếm tiền giúp người túng thiếu. Người cùng tử đạo với ông là Gioan Cỏn, từng mạnh dạn đấu tranh cho ngươi nghéo chống lại một Lý trưởng

---

[13] Kỷ Yếu hội nghị Khoa Học Lịch Sử đạo Thiên Chúa, HCM 1988, tr. 39-41.
[14] **Louvet,** ***sách đã dẫn II, tr. 264-266.***

đòi sưu cao thuế nặng. Ông Năm Thuông là ân nhân của viện cô nhi trong vùng. Ông trùm Đích thường xuyên thăm viếng trại cùi và sẵn sàng nuôi ngươi mắc bệnh dịch tại nhà mình.

Nếu tình thương bác ái đã đực Chúa Giêsu coi là những dấu hiệu của những môn đệ Ngài (Ga 13, 35), ta không lạ gì linh mục Emmanuel Triệu sẵn sàng nhường tiền bữa ăn ân huệ trước giờ xử tử: "*Xin cầm tiền và gửi cho ngươi nghèo dùm tôi*". Linh mục Phan Văn Minh dặn đừng tổ chức đám tang lớn, để dành tiền giúp ngươi bần cùng. Linh mục Khanh trong tù sẵn sàng chữa bệnh cho thân nhân viên cai ngục. Và Giám mục Hernares Minh đi đâu cũng mang theo tráp thuốc chữa bệnh miễn phí.

Với ông Cai Tá thì yêu thương để xứng với tình Chúa yêu, ông thường châm chước cho những ngươi mắc nợ và nói: "*Mình quên nợ ngươi, Chúa quên tội mình*". Với ông Năm Quỳnh thì bác ái rõ rệt là hoa quả của đức tin, ông từng nói với gia đình: "*Bà và các con không đồng ý cho tôi lấy của nhà để giúp ngươi nghèo, tôi sẽ đi vay mượn hoặc làm thuê kiếm tiền giúp đỡ họ*." Vì ông nói: "*Tôi chưa thấy ai hay giúp người nghèo khó lại túng bấn bao giờ. Kinh Thánh chẳng dậy chúng ta coi họ như chi thể của Chúa đó sao? Chúa đã cho chúng ta sống, tất sẽ quan phòng cho ta đủ dùng*". Với quan Hồ Đình Hy thì: "*Đừng làm điều thiện cách máy móc qua lần chiếu lệ, mà phải làm với thiện ý*". Ông từng chăm sóc nuôi nấng một ngươi bệnh bơ vơ, súốt 15 ngày sáng tối thăm hỏi, và khi ngươi bệnh lìa đời, đã tổ chức lễ an táng tử tế. Ông cũng nuôi hai bé gái bị bỏ rơi cho đế khi trưởng thành: một cô xin đi tu, một xin lập gia đình, ông quảng đại lo đến nơi đến chốn.

Chúng ta còn học được các tín hữu thời tử đạo hai mẫu gương bác ái tập thể:

-Thứ nhất là phong trào Ấu Thánh (Saint Enfant). Mọi ngươi thi đua nhau, nhất là các y sĩ, các dì phước và các bà đỡ, tìm mọi cách rửa tội cho trẻ em bệnh nặng chết yểu. Họ thăm nom, săn sóc nuôi nấng, thuốc men và tổ chức an táng. Nếu các em sống sót, họ dậy giáo lý và nghề nghiệp cho đến khi tự lập được. Nhiều gia đình rất quảng đại nhận trẻ mồ côi làm con nuôi. Địa phận Đàng Trong năm 1843, rửa tội 8.273 em [(15)]. Địa phận Trung Đàng Ngoài năm 1855, rửa tội được đến 35.349 em [(16)].

-Mẫu gương thứ hai thể hiện trong các mùa dịch tòan quốc năm 1850-1851: Các tín hữu có mặt bên giường các bệnh nâhn, đưa đến nhà thương chăm sóc, đó là giai đọan các linh mục đi lại tự do. Thậm chí ngay tại kinh đô Phú Xuân, ngươi ta được chứng kiến những nghi lễ an táng trọng thể, đi đầu là Thánh Giá nến cao, tiếp đến hai hàng tín hữu, rồi linh mục với phẩm phục khăn chòang, họ vừa đi vừa hát vang lên bài thánh ca tiễn biệt.

Dù chưa đi sâu vào mẫu gương trong các cuộc tử đạo thì những mẫu gương yêu thương của hầu hết tín hữu đầu thế kỷ

[(15)] Louvet, *sách đã dẫn II, tr. 128.*

[(16)] Bùi Đức Sinh, sách đã dẫn I, tr. 258. Sử Ký Địa Phận Trung, Phú Nhai 1916, tr. 74.

XIX với mảnh đất và con ngươi Việt Nam, đối với Giáo Hội hôm nay, cũng đủ là một di sản quý giá thôi thúc kêu mời chúng ta phải phát huy, với những cách thế hữu hiệu và cụ thể hơn, để phục vụ tha nhân, nhất là những ngươi cùng khổ.

4. Mặn nồng tình nghĩa gia đình

Một trong những đóng góp của giới Công Giáo vào cơ chế pháp lý gia đình Việt Nam, là luật lệ "*một vợ một chồng*". Trong gia đoạn văn hóa quá ảnh hưởng quan điểm nho giáo "*trai năm thê bẩy thiếp*", các tín hữu đã góp phần đề cao đạo đức thủy chung của dân tộc trong truyện Trầu Cau. Dĩ nhiên không phải mọi tín hữu đều trung thành với với lời cam kết hôn nhân, như ông Gẫm, binh sĩ Huy, Cai Thìn, quan Hồ Đình Hy... đã có thời gian sa ngã, thế nhưng tất cả đều biết trở về để vun đắp lại mái ấm gia đình của mình.

Trong danh sách 117 vị tử đạo, trừ một số theo đạo khi đã trưởng thành, còn những ai sinh ra trong gia đình Công Giáo đều đươc rửa tội và giáo dục đức tin ngay từ bé. Thầy Đaminh Úy từng mạnh dạn tuyên bố, giữ vững niềm tin là giữ đạo cha ông: "*Nếu tôi cả gan bước lên Thánh Giá thì tôi xúc phạm đến Chúa và bất hiếu với cha mẹ. Vì song thân sinh ra tôi đã dậy tôi trung thành với niềm tin cho đến chết*". Nói chung, các vị tử đạo khi bị bắt không thoát khỏi tình cảm quyến luyến với ngươi thân, có điều các vị chọn lựa Thiên Chúa và tin tưởng phó thác ngươi thân cho Ngài. Nhiều vị đang bị giam đươc về thăm gia đình, đã bình tĩnh khuyên vợ con vui vẻ cho mình tử đạo, rồi tự động trở vào tù như các ông Dũng, Thuần, Ngôn,

Năm Thuông... Ta có thể ghi lại những điều đó trong vài di ngôn cuối cùng sau:

-Ông Thọ căn dặn các con vào thăm trong tù: "*Các con thân mến, cha không còn làm gì giúp các con ở thế gian này đựơc nữa, cha chỉ còn lo chuẩn bị tâm hồn đón nhận những thử thách cuối cùng. Ý Chúa đã múôn cha xa lìa các con mãi mãi, nhưng các con còn có mẹ, hãy cố vâng lời mẹ. Các con lớn hãy nhớ quan tâm săn sóc các em mình. Các con nhỏ phải biết kính trọng vâng lời anh chị. Hãy yêu thương nhau, siêng năng làm việc đỡ đần mẹ. Hãy nhớ đọc kinh tối sáng và lần chuỗi Mân Côi hàng ngày. Chúa trao cho mỗi ngươi một Thánh Giá riêng, hãy vui vẻ vác theo chân Chúa và kiên trung giữ đạo".*

-Y sĩ Phan Đắc Hòa thì nói: "*Cha yêu thương các con và hằng chăm sóc các con, nhưng cha phải yêu Chúa nhiều hơn, các con hãy vui lòng vâng ý Chúa, đừng buồn làm chi. Các con ở với mẹ, yêu thương nhau và dăn sóc việc nhà. . .*"

Nói đến tình nghĩa gia đình, chúng ta khó có thể quên một số hình ảnh như: Linh mục Triệu vì thương mẹ già, ở lại Huế ba tháng để dựng nhà cho mẹ, nên mới bị bắt. Ông đội Trung có con gái đựơc phép ở trong tù chăm sóc, nhưng ông bắt con về nhà để kịp học giáo lý với bạn bè trong xứ. Ông Trùm Phụng tại pháp trường gặp lại con gái, cô Anna Nhiên, đã đeo cho con ảnh Thánh Giá ở cổ mình và nói: "*Con hãy nhận lấy kỷ vật của ba. Đây là ảnh Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta, ảnh này quí hơn vàng bạc bội phận. Con hãy luôn mang nơi cổ và trung thành cầu nguyện sớm chiều, con nhé.*" Nếu nói đến

gia đình tử đạo, phải kể: Anh em: Anrê Tường – Vinh Sơn Tương; cha con: có Án Khảm – Cai Thìn, con rể bố vợ: có Lý Mỹ - Trùm Đích.

Ông Lý Mỹ vì thấy nhạc phụ đã cao niên, mỗi cuộc tra tấn đều tự nguyện chịu đòn hai lần thay cha. Con gái ông Lý, 12 tuổi, trốn mẹ vào thăm tù và thưa: "*Xin cha can đảm chịu chết vì Chúa*". Cậu Tương, 9 tuổi, con trai ông không đi được, cũng nhắn lời: "*Cha đừng lo cho chúng con, cha cứ an tâm vững lòng xưng đạo và chịu chết vì đạo*". Vợ ông, bà Mỹ nói trong tiếng nghẹn ngào: "*Vợ con ai mà chẳng thương tiếc, nhưng ông hãy hy sinh vác Thánh Giá rất nặng vì Chúa. Hãy trung thành đến cùng, đừng lo nghĩ đến mẹ con tôi, Thiên Chúa sẽ quan phòng tất cả*".

Như thế, ta thấy những thân nhân của các vị tử đạo, tuy vẫn tiếc thương, vẫn buồn khóc, nhưng củng can đảm và tin tưởng yểm trợ tinh thần cho các chứng nhân. Chúng ta quan tâm đặc biệt đến hình ảnh một số bà mẹ:

-Bà mẹ của Jaccard Phan, khi nghe tin con chịu chết vì đức tin đã reo lên: "*Thật là tin vui, gia đình ta có một vị tử đạo*". Bà nói tiếp: "*Xin chúc tụng Chúa, tôi sẽ buồn biết bao, nếu con tôi chịu khuất phục trước gian khổ và cực hình*".

-Bà mẹ Castãneda Gia, khi em trai vị linh mục đang tìm cách báo tin sao cho khéo để mẹ bớt buồn. Ba hỏi: "*Tại sao Jacintô của mẹ lại chết? Anh ấy chết bệnh hay bị giết*?" Cậu Clêmentô hỏi lại: "*Vậy mẹ muốn anh ấy chết cách nào*?" Bà

đáp: "*Mẹ mong rằng Jacintô chết vì đức tin*." Clêmentô liền nói: "*Vâng thưa mẹ, chính vì đức tin mà anh ấy bị giết*". Ngay chiều hôm đó, bà liền đến nhà thờ dòng Đminh để cùng với các tu sĩ hát lên lời kinh tạ ơn TE DEUM.

-Bà Maria Nhiệm, thân mẫu thánh Gấm, năm 1870, tức là 23 năm sau cuộc tử đạo của con trai, đã đến làm chứng tại tòa án phong Chân Phước, bà nói: "*Khi nghe tin con bị giết, vợ chồng tôi không thảm thiết gì hết, chỉ nói: Chết như vậy đặng làm Thánh*".

Nhưng hình ảnh nổi bật nhất là bà mẹ binh sĩ Anrê Trông, được Đức Lêo XIII trong sắc phong Chân Phước năm 1900 ca tụng về lòng can trường, đã theo gương "*Nữ Vương Các Thánh Tử Đạo*". Bà có mặt trong cuộc hành quyết để dâng hiến ngươi con trai duy nhất. Bà đi cạnh con, không than khóc, không sầu buồn, lại bình tĩnh khuyên con bền chí. Và khi đầu vị tử đạo rơi xúông, bà mạnh dạn tiến vào pháp trường và nói với quan: "*Đây là con tôi, xin các ông trả lại cái đầu nó cho tôi*". Rồi bà mở rộng vạt áo, bọc lấy thủ cấp của ngươi con yêu quí, đem về an táng ngay trong nhà.

5. Kính yêu Đức Trinh Nữ Maria

Nếu nói đến đời sống các Thánh Tử Đạo Việt Nam, chúng ta không thể bỏ qua lòng tôn sùng Đức Maria của các vị. Lòng tôn kính đó thể hiện qua các thứ bẩy đầu tháng, với những cuộc rước long trọng, qua tháng Hoa và tháng Mân Côi mỗi năm, đặc biệt qua việc siêng năng lần chuỗi Mân Côi hàng

ngày. Nhiều ngươi đọc kinh trên đương đi và lấy chuỗi để làm đơn vị tính đương dài. Một niềm an ủi lớn cho giai đọan thời tử đạo, là việc Đức Mẹ hiện ra an ủi tại rừng La Vang (Quảng Trị) năm 1798. Mẹ vẫn hiện diện để nâng đỡ khích lệ con cái mình trong những lúc khó khăn. Ở đây chúng ta lưu tâm đến một số sự kiện tiêu biểu:

Ông Năm Thuông bỏ tiền ra dựng một nhà nguyện kính Trái Tim Vẹn Sạch Đức Mẹ; ông Lý Mỹ mỗi tối tụ tập các phu tuần đọc 50 kinh trước khi đi công tác; linh mục Néron Bắc ăn chay các lễ vọng kính Đức Mẹ; linh mục Dụ biết mình sắp bị bắt đã mang theo hành trang duy nhất là một tràng hạt Mân Côi; rồi linh mục Federich Tế tự nhận là con điên Đức Mẹ. Khi dừng bước ở Macao đợi tầu đến Việt Nam, ngài đã cầu nguyện:

"Lạy Thánh Mẫu cao vời nhân ái!
Tấm lòng con điên dại đáng thương,
Ngày đêm nung nấu can trường,
Lòng bao la Mẹ đâu phương đáp đền.
Trong tâm tưởng con hằng mơ ước,
Khắp muôn phương loan báo Tin Mừng,
Giờ con gặp cảnh sầu thương,
Như thuyền neo bến trùng dương xa vời". *(17)*

Như vậy đó, các ngài đã trao phó cho Mẹ, những ước vọng thầm kín của mình để xin Mẹ trợ giúp. Thừa sai Borie

---

(17) **Rodriguez*, Martyrologio Priental III, tr. 28, dịch theo bản Tây Ban Nha.***

Cao ghi lại trong nhật ký lời nguyện ngày tận hiến cho Mẹ tại chủng viện:

"Lạy Mẹ của con! Xin hãy tin nơi con, khi con trưởng thành, con sẽ hiến tòan thân cho việc cải hóa các người chưa tin. Xin Mẹ giúp con theo con đường và tinh thần của ơn kêu gọi đó. Xin cho con được đau khổ vì Đức Kitô, được đón nhận ngành lá tử đạo và về đến bến vinh quang."

Đức cha Valentinô Vinh trong thư gửi cho mẹ (thư 61) đã nói lên suy nghĩ của mình, tuy có vẻ hơi hài hước nhưng cũng tràn đầy tin tưởng:

"Mẹ à! Với tràng hạt Mân Côi trong tay, với lời kinh Lạy Cha và kinh Kính Mừng Maria tươi nở trên môi, với tư tưởng thánh thiện trong tâm trí, hỏi thế giới còn chi đẹp đẽ hơn? Mẹ hãy thưa với Đức Maria về con. Lời cầu nguyện sốt sắng ấy sẽ đánh gẫy răng quỷ dữ. . ."

Đến khi đã bị bắt, kinh Mân Côi vẫn là lời kinh hằng ngày của các chứng nhân đức tin. Có khi các vị chia hai bè để đọc lớn tiếng trong tù. Giám mục Cao, hai linh mục Điềm và Khoa hát vang bài "*Ave Maria Stella*" (*Kính chào Mẹ sao Bắc Đẩu...*) và cầu nguyện: "*Như xưa Mẹ đã dâng con yêu quí trong đền thờ, nay cũng xin hiến dâng chúng con trong cuộc tử đạo hồng phúc*".

Linh mục Hạnh thay vì dầy đạp, đã hôn kính ảnh Đức Mẹ dù bị đánh đúng một trăm roi. Bà Lê Thị Thành tâm sự:

"*Nhờ ơn Đức Mẹ giúp sức, tôi không thấy đau đớn*". Ngoài ra linh mục Schoeffler Đông trong thư tỏ ra mừng rỡ khi biết tin mình tử đạo ngày 01.05, ngày đầu tháng Hoa kính Đức Maria, linh mục Hoan luôn đeo trên cổ áo Đức Mẹ, cho đến giờ xử tử, ngài nói: "*Ảnh này tôi không thể cho ai được. Đây là hình ảnh Đức Nữ Vương và là Bà Chúa của tôi*". Linh mục Cornay Tân khi bị giam trong cũi, vẫn cất tiếng hát, lính nghe hay nên báo với quan, thế là quan bắt hát mới cho ăn; ngài kể lại trong thư rằng: "*Mỗi bữa ăn tôi lại có dịp hát thánh ca chúc tụng Đức Mẹ*".

Cuối cùng, ngay giờ phút hành hình, các vị tử đạo vẫn cậy nhờ lời chuyển cầu của Mẹ Maria, linh mục Tân cầu nguyện: "*Xin Đức Maria chứng giám cho việc sám hối của con...*". Hai linh mục Gia và Liêm từ trại tù ra pháp trường đã hát vang lời kinh "*Salve Regina" (Lạy Nữ Vương*) để chạy đến "*Mẹ nhân lành làm cho chúng được sống, được vui, được cậy....Xin cho chúng con được thấy Đức Giêsu, Con lòng Mẹ...*" Bởi vì thực ra trong thâm tâm của các vị, cuộc tử đạo là một hiến tế cần nhờ Mẹ làm trung gian để dâng lên Thiên Chúa, như linh mục Theophane Vénard Ven đã ghi lại lời nguyện trong thư gửi Đức cha Theurel:

"*Lạy Mẹ Vô Nhiễm! Khi đầu con rơi xuống dưới lưỡi gươm của lý hình, xin nhận lấy tôi tớ nhỏ bé như trái nho chín được hái, như bông hồng nở rộ được ngắt về dâng kính trên bàn thờ. Ave Maria."*

II. TỬ ĐẠO : HIẾN TẾ TÌNH YÊU

Trong thư chung 1798, Giám mục Alonsô Phê đã khẳng định với các tín hữu thời tử đạo rằng, nếu trong cuộc tử đạo họ không thể hiện đức yêu thương thì kể như là vô ích, ngài viết:

"*...Phải lấy lời nói cùng việc làm mà xưng đạo ra cho thật thà. Phải kính mến Đức Chúa Trời trên hết mọi sự, hơn của cải, hơn mạng sống mình, lại phải yêu thương ngươi ta bằng mình vậy, và nếu chẳng có đức yêu thương, dù chịu chết vì đạo thì cũng chẳng được gì sốt. Vì phúc tử đạo tại đức Caritas là lòng mến Đức Chúa Trời trên hết mọi sự cùng yêu ngươi ta bằng mình vì Đức Chúa Trời mà chớ*" [(18)]

Hiến tế đầu tiên của Giáo Hội là Đức Giêsu, Đấng tự hiến mạng sống mình vì yêu nhân loại. Các vị tử đạo đã theo sát mẫu gương của Ngài trong cuộc khổ nạn, từ vườn Cây Dầu cho đến đỉnh đồi Canvê.

1. "Xin cất cho con chén này"

Lời nguyện của Đức Giêsu trong vừơng Cây Dầu gợi lên một thái độ căn bản của các vị tử đạo là: "*không cuồng tín*". Không đựơc chạy theo vinh quang giả dối, dù là bằng hành vi

---

(18) Thư chung các Đấng Vicario I, tr. 63-68.

dâng hiến hoàn hảo nhất. Thế nhưng, khi nào Đấng Quan Phòng muốn biểu lộ niềm tin bằng hành động cụ thể thì các vị phải đi cho trọn con đường của mình, khôn ngoan và can đảm như hia đức tính hòa hợp nơi các thánh tử đạo. *Không có quyền liều mạng*. Với các linh mục, vẫn có nghĩa vụ sống gần các tín hữu, phải rất khôn ngoan và thận trọng. Linh mục Tước diễn tả điều đó bằng câu: "*Bỏ chạy khi nào còn có thể, nếu không chạy được thì vâng ý Chúa*".

Lời Kinh Thánh "*Cáo có hang, chim có tổ, nhưng Con Ngươi không có chỗ gối đầu*" thường được nhắc nhở trên môi các linh mục, tu sĩ. Bị rượt ở thành này, các vị trốn qua thành khác, nhưng vẫn không ngừng hoạt động. Trong một lá thư, Đức cha Cúenot Thể viết: "*Dù chỉ một giáo sĩ chẳng làm được gì ngoài việc đọc kinh Thần Vụ thì nguyên sự hiện diện của vị đó, cũng đủ nâng đỡ niềm tin và sinh hoạt cho các tín hữu rồi*". Ngoài ra, đến khi đã bị bắt, nếu có thể, các tín hữu sẵn sàng bỏ tiền chuộc mạng cho các ngài, như linh mục Dũng Lạc hai lần được chuộc, lần thứ ba mới chịu tử đạo.

Ở đây chúng ta lưu tâm đến năm vị tử đạo trong hia dạng tự nộp mình:

A/ Hai vị muốn được chia sẻ cuộc tử đạo của thầy mình, họ không thuộc nhóm 12 Tông đồ ở vườn Cây Dầu bỏ Thầy chạy trốn, đó là thầy Tự và linh mục Duệ. Thầy Tự khi thấy cha Cao bị bắt, đã lẽo đẽo theo sau và xin vị linh mục nhận mình là môn sinh để được chia sẻ những gian lao của ngài. Vị thừa sai cảm động trao cho thầy nửa chiếc khăn làm kỷ vật, và thầy Tự đã giữ khăn đó cho đến chết. Ngày hành quyết, thầy

xin được xử ngay tại nơi đã thấm máu ngươi cha thân yêu mình năm trước.

Còn linh mục Duệ đã 83 tuổi và về hưu được 6 năm, khi Đức cha Y đến thăm và hỏi: "*Cụ còn sức theo tôi lên thủ phủ Nam Định chăng?*". Cha Duệ hiểu ý vị Giám mục múôn nói đến việc tử đạo, nên đáp: "*Khi nào Đức cha bị bắt, xin cho phép con theo cùng*". Vì thế khi hay tin vị Giám mục đã bị bắt, cha thừơng la lớn để quân lính đến bắt ngài. Trong ngục khi đã biết Đức cha bị chém, cha Duệ liền bỏ chiếu nằm đất và nói: "*Giám mục là cha đã phải xử, ta là con mà nằm chiếu sao phải lẽ*?".

B/ Trừơng hợp thứ hai là ba vị nộp thế mạng cho người khác, đó là linh mục Gioan Đạt vừa dâng lễ xong thì quân lính vào bắt. Cha đã chạy thoát, nhưng vì để quên áo lễ, cha thấy quân lính tra tấn chủ nhà nên ra nộp mạng và nói: "*Vẫn biết tôi có thể thóat, nhưng như thế anh em sẽ bị khổ nhiều*". Vị thứ hai, thừa sai Gagelin Kính, viết thư xin phép Giám mục cho mình ra trình diện để tín hữu Bình Định đươc bình an. Vị thứ ba là linh mục Viên, cha đã trốn an tòan trong vừơn mía dầy đặc, nhưng khi thấy quân lính đánh đập tra khảo con của chủ nhà, cha cũng tự động ra thế mạng. Những mẫu gương này làm ta liên tưởng đến thánh Maximilien Kolbe ở trại tập trung Đức Quốc xã sau này.

2. Không để ai liên lụy.

Như Đức Giêsu trong vừơn Cây Dầu đưa tay cho quân lính bắt, nhưng yêu cầu cho các môn đệ đươc tự do, các vị tử

đạo tuyệt đối không để ai bị liên lụy. Một ngươi duy nhất ghi tên năm sáu tín hữu vì tưởng những người này đã trốn là quan Hồ Đình Hy, lời khai của ông làm liên lụy đến 29 người, ông hết sức hối hận và nói: "*Tôi cam chịu mọi cực hình để nên giống Đức Kitô, để đền vì tội lỗi của tôi*".

Linh mục Nghi đi đâu cũng mang theo vài nén bạc, có ý giao cho lính để chủ nhà nơi ngài trốn đựơc bình an. Linh mục Federich Tế khi bị bắt, đã yêu cầu và lính nghe ngài, thả những giáo hữu đang bị trói. Đức cha Cao dù bị đánh đập, không khai tên bất cứ ai, sau quan cho lôi thầy Tự ra đánh, và nói họ sẽ đánh thầy mãi nếu ngài không khai. Thế là cha liền kể tên vài ngươi đã qua đời, quan vui vẻ tha cho thầy Tự, nhưng khi kiểm tra lại mới biết những người đó đã chết. Quan hỏi: "*Sao ông cứng đầu thế*?" Cha đáp: "*Thưa, câu hỏi của quan tôi không thể trả lời khác hơn đựơc*."

Bốn linh mục âm thầm bỏ giáo xứ để các tín hữu đựơc an tòan. Các vị đi mà chẳng biết sẽ đến đâu, đó là linh mục Đỗ Yến, Vinh Sơn Điềm, Borie Cao và Néron Bắc. Trường hợp thừa sai Schoeffler Đông bị bắt chung với một linh mục Việt và hai chú giúp lễ, khi quân lính đòi tiền chuộc, cha yêu cầu tha những ngươi kia ra, lấy cớ chỉ có họ mới biết chỗ để tiền, đến khi họ đã đi xa, cha nói rõ ý muốn chỉ một ình bị bắt. Ngoài ra, ta phải kể đến ông Năm Quỳnh, vì làm trùm họ, nên giữ sổ các tín hữu, khi thấy quân lính giữ cúôn sổ đó, ông nhắn con trai đưa 50 quan tiền để chuộc lại.

Một hình ảnh tiêu biểu nhất là việc không để ai liên lụy, đó là linh mục Tự. Khi bị giam giữ, cha thấy trong sổ sách bị tịch thu có cuốn sổ ghi tên các tín hữu xứ Kẻ Mốt, cha lém đem về trại giam, rồi tìm cách chuyển ra ngoài. Nhưng vì quân lính canh giữ quá kỹ không thể làm gì được, cha liền bầy kế xin một cái chiếu đắp cho đỡ muỗi, rồi nằm trong chiếu, ngài nhẩn nha nhai và núôt từng tờ cuốn sổ ấy. Dĩ nhiên, "*món ăn*" này không hợp khẩu vị chút nào, nên mới được hai phần cúôn, cha đã thấy rát cổ không nuốt nổi nữa. Phần còn lại cha đành nhai nát rồi giâu dưới gầm phản.

3. Không man trá.

Như xưa trong Cựu Ước, có cụ Eleazaro không chấp nhận giả bộ ăn của cúng, một số vị tử đạo không chấp nhận mọi hình thức quá khóa trá hình. Nhiều linh mục như cha Tùy, Yến, Khanh, Hưởng, Tịnh.... nhất định không khai man lý lịch là lang y dù được hứa trả tự do.

Nhiều khi quan quân vì thương tình, tìm cách giải gỡ khó khăn lương tâm của các chứng nhân đức tin. Họ yêu cầu các vị *giả bộ* bước qua Thập Giá chứ không cần làm thực sự: Linh mục Minh, quan chỉ đòi gật đầu là sẽ ký giấy đã bước qua Thập Giá. Nhóm năm ngươi thầy Mậu, Úy, cả các anh Mới, Đệ, Vinh, quan chỉ yêu cầu đi quanh Thánh Giá, riêng với linh mục Yến, quan vẽ một vòng tròn rồi yêu cầu bước qua vòng đó. Nhưng tất ảc ác vị không thực hiện, vì thấy rõ rệt đó là dấu bỏ đạo.

Trường hợp Thầy giảng Nguyễn Cần, quan nói nhắm mắt bước đại qua Thập Giá, thầy đáp: "*Thưa quan, mắt thì nhắm được, chứ lòng và trí không không thể nhắm được, nên tôi chẳng làm*". Một số giáo hữu đã bỏ đạo, dụ dỗ thầy: "*Tội nào Chúa chẳng tha, thánh Phêrô chối Chúa ba lần còn làm thủ lãnh Giáo Hội*". Người khác lừa dối: "*Cha Retord Liêu nhắn thầy cứ bước qua Thập Giá, rồi về sẽ liệu sau*". Thầy Cần đáp: "*Dù thiên thần có xúông bảo tôi bỏ đạo, tôi cũng chẳng nghe nữa là cha Liêu. Hơn nữa tôi biết chắc ngài không ra lệnh cho tôi như vậy*".

4. Như một thánh lễ cuộc đời.

Thế nhưng, các vị tử đạo đã không chết vì một lý tưởng, một ý thức hệ hay một tham vọng nào cả. Đối với các ngài yêu mến là Đức Giêsu. Ông Năm Quỳnh khi bị xử giảo, nằm giang tay trên đất còn nói: "*Xưa Chúa cũng giang tay thế này để chịu đóng đinh*". Đức cha Sanjurjo An viết: "*Chớ gì máu tôi hòa với máu Đức Kitô trên đồi Canvê tẩy rửa tôi sạch muôn vàn tội lỗi*". Linh mục Gagelin Kính nói: "*Tôi ước mơ trở thành tro bụi để kết hợp với Chúa Kitô. Tôi giã từ cõi đời này, không hề thương tiếc điều gì, chỉ nhìn lên Chúa Kitô chịu đóng đinh, đủ an ủi tôi mọi đau khổ và cả cái chết nữa*".

Linh mục Dụ tâm sự với ngươi vào tù thăm rằng: "*Sức tôi tuy đã giảm, nhưng còn chịu đựng được. Chúa chúng ta đã chịu bao hình khổ để cứu độ nhân loại. Tôi cũng sẵn lòng chịu những sự khó này để nên giống Chúa Kitô phần nào*". Linh mục Hiển lại nói: "*Tôi sẵn sàng chết vì Đấng đã chết cho tôi*". Ngoài ra, tất cả các vị tử đạo đều thấy cái chết của mình như một hiến

tế, tất cả đều cầu nguyện, hiến dâng đời mình trong những giây phút cuối cùng, và khi biết chính xác ngày xử, các vị thừơng chuẩn bị tinh thần bằng những hy sinh tự nguyện, hoặc bằng ăn chay hãm mình, hoặc bằng những thời gian dài suy niệm.

Có hai hình ảnh đáng ghi nhớ đặc biệt: Ông Tống Viết Bường, trường hợp đặc biệt xử về đêm, đã tìm cách đi chậm để xin đựơc chết trên nền cũ nhà thờ Thợ Đức, Huế. Chính nơi đã từng bao năm tháng các tín hữu tụ họp dâng lên Chúa hiến lễ tối cao là Đức Giêsu thì cũng tại đây, ông đã hiến dâng chính mạng sống mình.

Hình ảnh thứ hai là giám mục Henares Minh, sau khi học trò yêu quý là thầy Chiểu bị xử trảm, ngài kính cẩn đón lấy thủ cấp của thầy, rồi dâng lên cao như một lễ vật tinh tuyền kính dâng Thiên Chúa. Cả pháp trừơng đều thinh lặng ngất ngây trong giây phút có một không hai đó, giây phút kết tinh trọn vẹn cuộc đời dâng hiến của một con ngừơi, con cái Chúa.

Như vậy, tử đạo chính là một thánh lễ cuộc đời. Lá thư linh mục Hương ngày áp cuộc tử đạo nói rõ lên điều đó: "*Giờ long trọng đã điểm, xin chào tất cả mọi ngừơi đã thương mến và nhớ đến tôi. .. Trông cậy vào lòng Đức Giêsu nhân từ, tôi tin Ngài tha thứ muôn vàn tội lỗi cho tôi. Tôi tự nguyện dâng hiến máu và mạng sống vì yêu mến Ngài, và vì những linh hồn yêu dấu mà tôi muốn phục vụ hết mình....Ngày mai sẽ là ngày hiến tế của tôi. Xin cho ý Chúa đựơc thể hiện".* Và như Đức Giêsu xưa trên đồi Canvê. Ngài kết thúc bằng lời cầu nguyện: "*Trong tay Ngài, lạy Chúa! Con xin phó thác hồn con*".

Tóm lại, tử đạo chính là Hiến Tế Tình Yêu. Đoạn thư sau đây của Đức cha Retord Liêu gởi cho linh mục Hương ở trong tù, tuy là một suy niệm dựa vào danh xưng vị thừa sai, nhưng tiềm ẩn bên trong ý nghĩa sâu xa của tất cả các cuộc tử đạo:

"*Tôi đã chúc lành cho cha danh xưng đẹp đẽ CỐ HƯƠNG, nghĩa là ngươi cha của quê hương, là hương trầm và là hương thơm. Chính lúc này đây, quê hương yêu dấu đó đang xuất hiện cho cha trong ánh huy hoàng, vì cha sắp là một trong những công dân hạnh phúc. Chính lúc này đây Hương trầm quý giá chuẩn bị đốt lên trên bàn thờ tử đạo và bay đến tận ngai Đấng Vĩnh Cửu. Chính lúc này đây, hương thơm đáng ca tụng sẽ làm hài lòng Đức Giêsu như bình hương của cô Madalena, sẽ làm cho thêin thần và loài ngươi, trời và đất hân hoan vì hương thơm ngọt ngào của nó".*

Vậy đó, mọi cuộc tử đạo đều là cuộc tự hiến. Đức cha Cúenot Thể tâm sự: "*Nhìn các bạn từng ngươi bước lên bàn thờ tử đạo, tôi thấy mình cô đơn quá, ngày đẹp nhất đời tôi là ngày đươc hiến tế trên bàn thờ tử đạo*".

Cuộc đời các chứng nhân đức tin chịu đốt cháy trong lao khổ, trong ngục hình, và cái chết đều như trầm hương dâng lên Thiên Chúa, sẽ tỏa hương thơm ngát cho muôn ngàn thế hệ.

III. TỬ ĐẠO LÀ CHỨNG TỪ

Nguyên việc các vị tử đạo chấp nhận cái *chết vì niềm tin* đã là một chứng từ mạnh mẽ với mọi ngươi tham dự. Thế nhưng, ngoài chứng từ bằng máu đào, các vị tử đạo còn làm chứng cho nội dung Tin Mừng bằng *thái độ* của mình với vua quan, bằng sự *liên đới nội bộ* và nhất là bằng *lời nói*, giải thích về đạo hoặc truyền giảng Phúc âm ngay trong ngục thất.

1. Thái độ với vua quan

Nói chung, tất cả các anh hùng tử đạo đều tỏ vẻ kính trọng quan quyền, các vị nói năng lịch sự, hòa nhã, thưa bẩm đúng cách. Dường như đối với các vị, phải tìm mọi cách để giúp quan quân gặp đươc Chân lý của Tin Mừng. Có khi các vị nói rõ rệt ý tưởng đó, như trường hợp linh mục Trạch: "*Nếu quan muốn sự sống đời đời, hãy kính lạy Thánh Giá này*". Còn bình thường, các vị ôn tồn, tế nhị giải đáp những thắc mắc, biện bác những dư luận sai lầm. Vì thế, các quan đôi lần biểu lộ tấm lòng mến thương cảm phục, như trong vụ án lin hmục Hưởng, viên quan thấy tử tội có dáng dấp một đạo sư, nên hứa hẹn nếu chịu bỏ đạo, sẽ thu xếp cho ngài đến trụ trì chùa Non Nước ở Ninh Bình.

Thừa sai Bonnard Hương tâm sự: "*Trước mặt vua quan, tôi có kinh nghiệm cụ thể lời Đức Giêsu: Chú Thánh Linh sẽ nói thay các con. Thực vậy, chưa bao giờ tôi nói tiếng Việt lưu lóat và dễ dàng như thế*". Trường hợp Đức cha Cao cho ta thấy các vị tử đạo có lẽ còn coi quan quyền như những tác nhân trong

chương trình của Chúa. Khi viên quan vừa đọc xong bản án tử hình, ngài nói: "*Thưa quan, từ bé tời nay tôi chưa lạy ai, vì bên Châu Âu có hành vi kính trọng chỉ dành cho Đấng Tối Cao. Nhưng điều tôi vừa nghe làm tôi quá vui mừng, xin đượ tỏ lòng tri ân của tôi theo lối Đông Phương*". Rồi ngài quỳ xúông định lạy, nhưng viên quan đã kịp cản lại.

Hai đọan thơ sau đây cho ta thấy rõ thái độ bất bạo động của các vị tử đạo. Một đàng cương quyết đấu tranh cho thự do lương tâm của con ngươi, đàng khác vẫn luôn luôn muốn là trung thần của nhà vua. Bài thứ nhất của ông Lý Mỹ:

"Gông đóng xiềng mang, dạ nguyện kinh,
Những say về đạo, hả về tình,
Vai mang bốn điệp tai thêm ấm
Xồng xềng ba vòng cổ lại thanh.
Phép nước đành lòng không óan thán
Nghĩa thầy để dạ vẫn đinh ninh
Khiến sao nên vậy nào lo nghĩ
Phó mặc Hoàng Thiên sự tử sinh."

Đoạn thơ thứ hai của linh mục Đòan Công Quý gửi cho mẫu thân:

"... Dầu trăng trói gông cùm tù rạc
Chén ngục hình xiềng tỏa chi nề
Miễn vui lòng cam chịu một bề
Cho trọn đạo trung thần hiếu tử. .."

1. Liên đới tập thể

Một chứng từ khá đặc biệt các tín hữu thời tử đạo nêu lên với quần chúng là việc họ luôn gắn bó, thông cảm và sẵn sàng san sẻ những khó khăn cũng như liên đới với nhau để tuyên xưng niềm tin của mình. Không cảm động sao được, hình ảnh cô bé cháu 5 tuổi ở Tây Ban Nha mỗi ngày cầu nguyện cho bác là Giám mục Henares Minh: "*...Trung thành phục vụ Chúa súôt đời, và nếu cần để tôn vinh và làm hiển danh Chúa hơn, xin cho bác đựơc hiến dâng mạng sống vì yêu Ngài.*" Ấy thế mà em chỉ biết: "*Bác tên Đaminh, tu dòng Đaminh, đang truyền giáo ở xa thật xa, nơi ngươi ta bách hại các Kitô hữu*".

Không cảm động sao đựơc, một linh mục Tuần đang ở nơi yên hàn, khi hay tin vị thừa sai Fernadez Hiền không có nơi ẩn trú, đã đến gặp để cùng nhau trên đường lưu lạc, cùng phơi nắng phơi sương nhiều ngày trong đầm lầy, cùng bị bắt và cùng bị kết án, có điều cha Tuần chết rũ tù mấy ngày trước buổi hành quyết.

Không cảm động sao đựơc, cụ Án Khảm vốn là tiên chỉ làng Quần Cống, đang khi quân lính bao vây làng, cho mõ đi rao: "*Trình quan viên làng nứơc, có lệnh cụ Án truyền rằng: ai mà quá khóa phải phạt ba roi và bị đuổi khỏi làng*". Và ngay trứơc mặt quân lính, cụ Án đứng ra ngăn cản một tín hữu nhát sợ định đạp lên Thánh Giá.

Khi các vị tử đạo bị bắt, các vị vẫn tìm đựơc nguồn khích lệ từ bên ngoài qua thư từ, thăm viếng, tiếp tế. Các linh

mục tìm đủ mọi cách vào thăm các chứng nhân đức tin để đưa Thánh Thể và giải tội cho họ. Linh mục Lựu đã bị bắt khi làm mục vụ cho các tín hữu trong ngục tù Mỹ Tho. Đọc đoạn thư sau đây của Đức cha Retord Liêu gửi linh mục Khoan trong tù, chúng ta thấy phần nào nội dung những mối liên đới đó:

"*Sách có câu: Chết vinh hơn sống nhục. Hãy coi những kẻ bội giáo, cuộc đời họ đáng tủi hổ biết bao. Ngược lại, khắp bốn phương thiên hạ đều vang lời ngợi khen những ai chết cho đức tin. Các vị tử đạo như tiếng kèn Thiên Quốc với âm điệu vang lừng muôn ngươi lắng nghe. Những kẻ chối đạo, ở lại trần gian chỉ chờ lưỡi rìu chặt dem về tiếp lửa cho hỏa ngục...Tôi viết cho cha những lời vắn tắt vội vã này. Ước mong nó thành ngọn gió đưa cha lướt êm đến bến bờ Quê Hương. Ước mong nó thành bó hoa rực rỡ với làn hương ngát tỏ niềm vui tô thắm tâm hồn cha trong cuộc chiến cuối cùng. Xin kính cẩn tạm biệt cha, xin kính cẩn hôn lên gông cùm xiềng xích của cha. Trong lúc cầu nguyện, xin đừng quên tôi nhé!*"

Như vậy, chúng ta thấy cuộc tử đạo của mỗi người không chỉ một mình mình biết, nhưng thường mang tầm vóc tập thể. Sự bền vững của một ngươi có tác động khích lệ đến nhiều ngươi. Đức cha An xin quân lính đừng chém mình chết sớm, nhưng ngài yêu cầu họ chém mình ba nhát: Một tạ ơn Thiên Chúa cho làm ngươi và đến Việt Nam rao giảng Tin Mừng; một cám ơn công sinh thành dưỡng dục của mẹ cha; và một để làm gương cho các tín hữu. Linh mục Tuần khẳng định: "*Sao tôi phải lại bắt chước những kẻ bội giáo, mẫu gương tôi coi là hai Giám mục (Y và Minh) của tôi*".

Với những nhân chứng đức tin cùng bị giam, tình liên đới của họ còn cụ thể hơn. Một ngươi ra tòa trở về, các ngươi khác xúm vào chăm sóc những vết thương, hỏi han về cuộc điều tra và thuật lại cho nhau những lời đáp khẳng khái khi phải đối diện với quan quyền. Rồi họ cùng nhau tạ ơn Chúa đã cho anh em mình vượt qua cơn thử thách. Đẹp làm sao hình ảnh linh mục Hoan, tuy tuổi già tóc bạc, cổ mang gông, tay đeo xiềng xích, mỗi ngày đi từ phòng giam này qua phòng giam khác để khích lệ các tín hữu. Đẹp làm sao hình ảnh hai ông Thọ và Cỏn, sẵn sàng quỳ xúông liếm từng vết thương ba vị linh mục Ngân, Nghi, Thịnh theo đòi hỏi của quan. Đẹp làm sao linh mục Vinh Sơn Liêm đã bênh vực cho bạn (cha Castanẽda Gia) bằng cái gía chính mạng sống mình, khi nói: "*Xin quan nếu tha thì tha cả, nếu giết thì giết cả*".

Nhóm năm ngươi, hai thầy Mậu, Úy và ba anh Mới, Đệ, Vinh khi thấy linh mục Tự, chỗ dựa tinh thần của nhóm đã bị xử tử, cả năm ngươi đã thất vọng chán nản. Nhưng khi họ ngồi lại với nhau, ôn lịa những lời khuyên của thầy mến yêu, năm ngươi đã tìm được can đảm. Họ gửi thư cho cha chính dòng Đaminh để xin khấn dòng ba ngay trong ngục, rồi hợp lực với nhau làm tông đồ tại nhà giam. Chỉ một thời gian ngắn, thầy Mậu đã viết thư loan tin mình đã rửa tội được 44 ngươi.

a. Loan báo Tin Mừng

Lời Chúa không thể bị trói buộc. Nếu những nhân chứng đức tin chẳng để lại di ngôn nào ngoài thái độ quả cảm xác nhận và cương quyết: "*Tôi là Kitô hữu*" hoặc "*Tôi không*

bao giờ đạp lên Thánh Giá" thì trong số 117 Thánh Tử Đạo Việt Nam, ta cũng thấy đươc nhiều mẫu gương nhiệt tâm tông đồ có tính cách sáng tạo.

Linh mục Federich Tế, chính bẩy năm rưỡi trong tù đã khéo quan hệ với với cai ngục để tự do thăm viếng phục vụ các tín hữu Thăng Long, đến độ Đức cha Longer Gia dự định đặt ngài làm cha sở xứ Thăng Long. Bẩy tháng trước ngày xử, cùng với linh mục bạn là cha Liciniana Đậu, hai vị rửa tội đươc trên 100 ngươi. Hai linh mục Gia và Liêm có cơ hội may mắn khác, trong ba ngày tham gia Hội Đồng Tứ Giáo trao đổi ba đề tài lớn của cõi nhân sinh: Ngươi ta bởi đâu mà có; sống để làm gì, và chết rồi đi đâu? Hai ngài đã làm chứng cho sự thật và niềm tin Công Giáo. Còn Đức cha Tuấn (Hermosilla Liêm) bị giam trong cũi chỉ có 10 ngày, tuy lom khom không đứng được, cũng chẳng thể nằm, nhưng ngài đã giảng đạo và rửa tội cho đứa con trai viên đội Bái. Về giáo dân có ông cai Lê Đăng Thị đã dậy đạo cho một phạm nhân cũng bị xử, buổi sáng ngày ra pháp trường, anh đã nhận lãnh bí tích rửa tội, thế là ông Thi có một ngươi bạn đồng hành về Thiên Quốc.

Đôi khi việc loan báo Tin Mừng không thể hiện bằng ngôn ngữ mà bằng hành động. Ông Đổng đã bị áp lực khắc lên má chữ "_Tả đạo_", ông can đảm chịu đau lần thứ hai để rạch xóa chữ Tả đạo. Khi khác, lại chịu đau lần thứ ba để khắc thay vào hai chữ "_Chính đạo_". Linh mục Hiển, 71 tuổi, mỗi buổi tối chăm chú vẽ trên vải những hình Thánh Giá đẹp với những nét trang trí hoa văn để tặng cho các tín hữu vào thăm. Những hình Thánh Giá đó đươc chuyền tay nhau, giúp một số tội nhân

thống hối, một số người nhát đảm tìm lại đựơc lòng can trường, nên các tín hữu đến xin ảnh rất đông. Vị linh mục phải nhờ anh bạn tù khắc hình Thánh Giá trên gỗ để in hàng loạt ban phát cho họ. Thế đấy, tuy ở trong tù, cha Hiển đã gây đựơc phong trào kính Thánh Giá rộng rãi ở Nam Định.

Một trừơng hợp loan báo khác cũng khá đặc biệt. Linh mục Tự đến ngày bị xử đã xin phép quan đựơc mặc trọn bộ áo dòng Đaminh và ôm Thánh Giá ra pháp trừơng. Trứơc khi bị chém, cha xin nói đôi lời và ứng khẩu giảng gần một giờ về Đức Giêsu, về ơn cứu độ, về tình huynh đệ mọi ngừơi là anh em.

IV. CHÂN DUNG CÁC VỊ TỬ ĐẠO

Trong các phần trên, chúng ta quan sát các anh hùng tử đạo trong sinh hoạt hằng ngày, nghiên cứu về tâm tư và lời nói các vị. Giờ đây chúng ta chiêm ngưỡng chân dung các ngài, dựa vào thái độ trong giờ phút cuối cùng đời chứng nhân, chúng ta thấy đượ tư thế, nét mặt và có lẽ cả ánh mắt của các ngài nữa.

1. Lòng anh dũng hào hùng

Một quan niệm sai lầm các tín hữu dễ mắc phải là tưởng tượng các vị thánh quá linh thiêng như những thiên thần, nghĩ rằng với ơn Chúa, các vị tử đạo chẳng biết đau đớn là gì nữa. Thực ra, các vị vẫn mang thân phận rất con ngươi như chúng ta, cũng sợ đòn đánh tra tấn và luyến tiếc cuộc sống trần gian. Ngay trong số 117 Hiển Thánh Tử Đạo tại Việt Nam, cũng không ít vị từng đạp lên Thánh Giá, có điều sau đó các vị đã hồi tâm và tiếp tục chọn Chúa.

Trong vụ án ba thánh Huy, Thế, Đạt thì 500 binh sĩ Công Giáo Nam Định, ngay hôm đầu tiên đã có 485 người nghe tiếng Tổng đốc Trịnh Quang Khanh dầy đạp Thánh Giá. Ít ngày sau, 15 ngươi chỉ còn 9 kẻ trung thành, rồi còn 5, còn 3; và ba ngươi cúôi cùng cũng mọt lần chối đạo. Đến khi về nhà nghĩ lại, ba ông họp nhau nộp đơn xin tiếp tục giữ đạo và phải vào thẳng kinh đô dâng sớ tận tay vua. Từ đây các ông anh dũng chịu mọi hình khổ cho đến chết.

Thầy giảng Tôma Toán, 76 tuổi, đạp lên Thánh Giá những hai lần. Nhưng khi đã thống hối, thầy chấp nậhn mọi thử thách cách can đảm lạ thường. Có lần sau 13 ngày bị lột trần, bị trói ngoài sân phơi nắng phơi sương, bị mọi ngươi qua lại sỉ nhục, hành hạ. Thế mà khi quan cho dọn một mâm cơm yêu cầu thầy ăn rồi bỏ đạo, thầy nói: "*Nếu ăn mà phải bỏ đạo, tôi sẽ không bao giờ ăn*". Và thầy bị bỏ đói chết gục trong nhà giam.

Ông Năm Thuông bị án lưu đầy xúông Vĩnh Long sau nhiều ngày đi bộ mệt nhọc, ông không chịu dừng lại Sàigòn, cương quyết đi cho trọn hành trình đến tận nơi bản án quy định. Rồi vừa đến Vĩnh Long, ông đã kiệt sức, trút hơi thở cúôi cùng. Linh mục Hạnh từng đươc mệnh danh là "*Laurensô Việt Nam*", vì lần kia sau một trận đòn, cha đã bình tĩnh chắp tay sau lưng và nói: "*Làm quan lớn mà bất công, bắt một mông chịu cả, còn mông kia chẳng chịu gì hết*". Chí khí bà Đê (Lê Thị Thành), vị thánh nữ Việt Nam duy nhất, cũng không chịu thua kém các bậc nam nhi. Quan quân cho cột các ống tay áo, rồi bỏ rắn độc vào trong ngươi, bà vẫn bình tĩnh đứng yên không nhúc nhích, không sợ hãi. Con cái vào tù thăm, khóc lóc khi thấy thân thể mẹ bầm tím, áo bê bết những vết máu, bà mỉm cười an ủi: "*Sao con lại buồn, mẹ mặc áo hoa hồng đấy con ạ*!". Bà đã coi những vết máu như vòng hoa khóac lên cổ ngươi chiến sĩ thắng trận trở về.

Lòng anh dũng của những chứng nhân tử đạo đã đươc tô điểm thêm bằng sự kiên trì theo năm tháng. Chấp nhận bản án và bình tĩnh chờ đợi, không một ai quyên sinh để tự kết liễu đời

mình. Một phụ nữ ngoại giáo tặng linh mục Đạt lọ độc dược để khỏi kéo dài những ngày tra tấn khổ đau; một viên quan yêu cầu Đức cha Y uống thuốc độc theo kiểu những ngươi "*quân tử Đông Phương thường làm*". Nhưng các ngài lại dùng chính cơ hội ấy trình bầy quan điểm Giáo Hội về mạng sống con ngươi.

2. Lòng bao dung tha thứ

Nếu lòng anh dũng giúp các vị tử đạo bình thản đón nhận cái chết không run sợ, không quỵ lụy khóc than thì *lòng bao dung tha thứ* mới là đặc tính phân biệt vị tử đạo với những vị anh hùng vì lý do khác.

Các tín hữu chỉ thực sự chết vì đạo nếu biểu lộ được tình yêu, lòng nhân ái, sự bao dung của Tin Mừng. Các vị chắc chắn không đồng ý với bản án bất công của triều đình, nhưng như Đức Giêsu trên Thánh Giá vẫn cầu nguyện cho quân lính giết hại mình, các chứng nhân tử đạo vẫn tiếp tục yêu thương vua quan và chính những ngươi hành xử mình.

-Thừa sai Gagelin Kính gửi thư cho bạn bè: "*Tôi sẵn lòng tha thứ cho những kẻ áp bức tôi*".

-Chuyện linh mục Théophane Vénard Ven, khi viên quan nói: "*Tôi phải theo lệnh vua, đừng giận tội nhé*". Ngài đáp: "*Tôi chẳng ghét gì ai cả, tôi sẽ cầu nguyện nhiều cho quan*".

-Cụ Hoàng Lương Cảnh làm cho quan quân phá lên cười, vì khi họ yêu cầu cụ đọc kinh đạo cho nghe, cụ đã đọc:

"*Cầu Chúa Giêsu, xin cho các quan trị nước cho yên, càng ngày càng thịnh*".

-Linh mục Minh trong tù đã giải tội cho bếp Nhẫn, kẻ dẫn lối cho quan quân bắt ngài. Cũng vậy, linh mục Viên,, trên đừơng ra pháp trừơng, ban phép xá giải cho hai phụ nữ tố giác nơi cha trú ẩn.

-Ông Lê Văn Phụng tại pháp trừơng nhắn nhủ con trai mình: "*Con ơi! Hãy tha thứ, đừng báo thù kẻ tố giác ba nhé*". Và dặn dò thân hữu: "*Hãy tha thứ, các bạn ơi! Hãy tha thứ, vì chính tôi đã tha thứ*".

-Linh mục Khoan và hai thầy Thành, Hiếu trứơc lúc bị xử chém đã giơ tay lên cùng cầu nguyện: "*Vinh danh chúc tụng ngợi khen Thiên Chúa, Chúa trời đất, chúng con hiến dâng mạng sống cho Ngài. Xin Ngài chúc phúc cho nhà vua đựơc cai trị lâu dài trong an bình. Xin biến đổi trái tim vua, để vua tin theo đạo thật, đạo duy nhất đem lại cho con ngừơi hạnh phúc đích thực*".

Việc chiêm ngưỡng lòng bao dung thứ tha của các vị tử đạo cho phép chúng ta mường tượng ra khuôn mặt của các ngài: không một chút bất mãn tức tối, không một chút oán ghét hận thù; ánh mặt và nụ cười của các ngài toát lên nét dịu hiền thông cảm. Thế nhưng, còn hơn thế nữa, các ngài tràn trề hân hoan ngứơc nhìn về trời cao, vì trong thâm tâm, các ngài tin tưởng rằng: chết tử đạo là chết vinh quang, sẽ khai mở cho các ngài vào cuộc sống mới muôn đời bất diệt.

3. Niềm tin Phục Sinh

Linh mục Xuyên trong thời gian bị giam đã phổ biến cho các tín hữu bài vè lục bát sau:

"Ai ơi giữ lấy túi khôn,
Đầy tràn tin cậy, đầy lòng mến yêu.
Gươm đao đe dọa dẫu nhiều,
Quỷ ma cám dỗ sớm chiều đe loi.
Ai mà thắng được trên đời,
Mai sau hưởng phúc cõi Trời cao sang."

Với các vị tử đạo, cái chết chính là cuộc thử thách cuối cùng mà họ đã sẵn sàng mong đợi. Thầy Mậu đại diện cho anh em nói với quan: "*Thưa quan, chúng tôi mong ước về bên Chúa như nai mong tìm thấy suối vậy*". Ông Án Khảm vui vẻ nói với mọi người: "*Cha con chúng tôi hôm nay vào nước Thiên Đàng đây*". Linh mục Hạnh cũng tươi tỉnh đi chào mọi ngươi: "*Anh em ở lại nhé! Chúng tôi đi về Thiên Đàng đây*". Ông Cỏn thấy ngươi anh em sụt sùi nước mắt, ông nói: "*Sao anh lại khóc, lẽ ra phải mừng cho tôi chứ*?"

Ngoài ra, trong các bức thư trao đổi với gia đình và bạn bè, các vị tử đạo không chào vĩnh biệt mọi ngươi mà chỉ chào tạm biệt, hẹn ngày tái ngộ. Thầy Uyển trả lời thắc mắc kẻ dọa chém đầu mà thầy không sợ rằng: "*Hãy chém đi! Đến ngày phán xét, tôi lại được cài đầu khác*". Linh mục Xuyên diễn tả nìềm tin này bằng câu: "*Thưa quan, tôi chọn cái chết để được sống đời đời, hơn là nghe quan sống thêm ít lâu rồi muôn đời bị tiêu diệt*".

Linh mục Lê Bảo Tịnh nói: "*Thân xác tôi đây, các ông muốn làm gì thì làm, tôi sẵn lòng không oán than, nó chết đi nhưng mai này sẽ sống lại vinh quang*". Niềm tin sống lại của các chứng nhân ấy được bộc lộ khá rõ rệt, vì chính vua Minh Mạng cũng phải lo lắng bồn chồn trong vụ án linh mục Gagelin Kính. Chính vua ra lệnh canh mộ vị tử đạo ba ngày, sợ ngài sống lại, rồi còn cho đào lên xem hài cốt có còn đó chăng, sau mới cho chôn lại.

Hình ảnh tuyệt đẹp về niềm tin Phục Sinh của các vị tử đạo là câu chuyện linh mục Khoan và hai thầy Hiếu, Thành. Trong những ngày bị giam giữ, ba vị chia bè hát kinh tạ ơn TE DEUM bằng tiếng Latinh. Lời kinh Te Deum ấy nối kết các vị với Giáo Hội sơ khai, khi cuộc bách hại 300 năm chấm dứt. Lời kinh tràn trề tin tưởng và phó thác trong niêm tri ân Thiên Chúa. Lời kinh nối các vị với cộng đoàn các Thánh trên Thiên Quốc:

"Tâu Thượng Đế,
Này thần dân xin hát mừng trước bệ
Tuyên xưng Ngài là chúa tể càn khôn...
Suy tôn Chúa, bậc tông đồ hợp xướng,
Tán tụng Ngài bao thế hệ tiên tri.
Đoàn tử đạo quang huy hùng dũng,
Máu đào đổ ra minh chứng về Ngài...
Cúi lạy Chúa xin phù hộ bề tôi,
Ngài cứu chuộc bằng bửu huyết tuôn tràn.
Xin được hợp đoàn cùng muôn thần thánh
Phúc niên trường vui hưởng ánh vinh quang."

Rồi ngay tại pháp trường, ba vị lại tiếp tục cầu nguyện bằng thanh ca. Như trong đêm Phục Sinh, cha Khoan hát ba lần lời ALLELUIA, mỗi lần với cung giọng cao hơn. Xen kẽ vào đó, hai thầy giảng cùng hát thay cộng đòan theo cao độ của vị chủ sự: ALLAELUIA, ALLELUIA, ALLELUIA. Như vậy đó, các vị tử đạo đã diễn lại trong đời mình cuộc khổ nạn của Đức Kitô, nhưng là một Đức Kitô Phục Sinh. 117 hiến tế tình yêu cũng là 117 chứng từ niềm tin của những con ngươi xác tín rằng: Chết vì Đức Kitô, chết đi là sống lại trong cụôc sống muôn đời.

Cuối cùng, bài học rút ra từ những cái chết của các vị tử đạo là bài học của SỰ SỐNG. Cái chết nguyên nó chẳng có giá trị gì hết, chính SỰ SỐNG mới làm nên muôn điều huyền diệu. Sự sống đó chính là tình yêu với con ngươi chung quanh, tình yêu với những gì cao thượng và chân thật. Tình yêu đó bừng lên cách mãnh liệt trong mầu nhiệm tự hủy và hiến dâng. Bài học của các vị tử đạo không phải là khơi lên máu nóng tìm đến cái chết, mà chính là sống hiến thân từng giây từng phút của đời mình cho Thiên Chúa và tha nhân. Sự sống đó luôn kêu mời chúng ta: Mỗi ngày chết đi những yếu đuối tầm thường, để can đảm làm chứng và đấu tranh cho Chân Lý. SỰ SỐNG đó hứa hẹn với chúng ta một ngày sau rạng rỡ, ngày đòan tụ với cha anh chúng ta trên cõi bất diệt. □

DANH MỤC

(theo thứ tự A,B,C tên Việt Nam)

DANH XƯNG		CHỨC VỤ	TRANG
		A	
AN	Sanjurjo	Giám mục dòng Đaminh	229
		B	
BẮC	Néron	Linh mục thừa sai Paris	464
BÌNH	Almato	Linh mục dòng Đaminh	459
BƯỜNG	Tống Viết	Giáo dân	418
		C	
CẢNH	Hòang lương	Giáo dân dòng ba Đaminh	368
CAO	Borie	Giám mục thừa sai Paris	517
CẨM	Đaminh	Linh mục dòng ba Đaminh	71
CẦN	Nguyễn	Thầy giảng	511
CHIỂU	Đỗ văn	Thầy giảng	228
CỎN	Gioan	Giáo dân	497

D

DU	**Marchand**	**Linh mục thừa sai Paris**	**549**
DỤ	**Đinh viết**	**Linh mục dòng ba Đaminh**	**534**
DUỆ	**Vũ văn**	**Linh mục**	**326**
DŨNG LẠC	**Trần an**	**Linh mục**	**603**
DŨNG	**Đinh văn**	**Giáo dân**	**188**
DƯƠNG	**Vinh Sơn**	**Giáo dân**	**192**

Đ

ĐA	**Phêrô**	**Giáo dân**	**216**
ĐẠT	**Gioan**	**Linh mục**	**428**
ĐẠT	**Đinh**	**Giáo dân**	**200**
ĐẬU	**Liciniana**	**Linh mục dòng ba Đaminh**	**49**
ĐỆ	**Nguyễn văn**	**Giáo dân dòng ba Đaminh**	**589**
ĐÍCH	**Nguyễn**	**Giáo dân**	**342**
ĐIỂM	**Nguyễn thế**	**Linh mục**	**530**
ĐÔNG	**Schoeffler**	**Linh mục thừa sai Paris**	**109**
ĐỒNG	**Phaolô**	**Giáo dân**	**174**
ĐƯỜNG	**Trương văn**	**Thầy giảng**	**573**

G

GẪM	**Phêrô**	**Giáo dân**	**131**
GIA	**Castanẽda**	**Linh mục dòng Đaminh**	**481**

H

HẠNH	**Nguyễn văn**	**Linh mục dòng Đaminh**	**332**

HẠNH	**Phaolô**	**Giáo dân**	**164**
HIỀN	**Fernandez**	**Linh mục dòng Đaminh**	**300**
HIỂN	**Giuse**	**Linh mục dòng Đaminh**	**126**
HIẾU	**Nguyễn văn**	**Thầy giảng**	**98**
HÒA	**Phan Đắc**	**Giáo dân**	**566**
HOAN	**Đoàn trinh**	**Linh mục**	**154**
HUY	**Phan viết**	**Giáo dân**	**200**
HUYÊN	**Đaminh**	**Giáo dân**	**181**
HƯỞNG	**Nguyễn văn**	**Linh mục**	**93**
HƯƠNG	**Bonnard**	**Linh mục thừa sai Paris**	**115**
HY	**Hồ đình**	**Giáo dân**	**137**

K

KHẢM	**Phạm trọng**	**Giáo dân dòng ba Đaminh**	**32**
KHANG	**Nguyễn duy**	**Thầy giảng dòng ba Đaminh**	**560**
KHANH	**Phêrô**	**Linh mục**	**280**
KHOA	**Vũ đăng**	**Linh mục**	**525**
KHOAN	**Phạm khắc**	**Linh mục**	**98**
KHUÔNG	**Tôma**	**Linh mục dòng ba Đaminh**	**55**
KÍNH	**Gagelin**	**Linh mục thừa sai Paris**	**410**

L

LIÊM	**Hermosilla**	**Giám mục dòng Đaminh**	**433**
LIÊM	**Phạm hiếu**	**Linh mục dòng Đaminh**	**474**
LOAN	**Vũ bá**	**Linh mục**	**178**
LỘC	**Lê văn**	**Linh mục**	**67**
LỰU	**Nguyễn văn**	**Linh mục**	**89**
LỰU	**Nguyễn văn**	**Giáo dân**	**122**

M

MAO	**Nguyễn đức**	**Giáo dân**	**210**
MẬU	**Hà trọng**	**Linh mục dòng Đaminh**	**469**
MẬU	**Hà trọng**	**Thầy giảng dòng ba Đaminh**	**581**
MINH	**Henares**	**Giám mục dòng Đaminh**	**219**
MINH	**Phan văn**	**Linh mục**	**243**
MỚI	**Nguyễn văn**	**Giáo dân**	**587**
MỸ	**Nguyễn văn**	**Thầy giảng**	**571**
MỸ	**Nguyễn huy**	**Giáo dân**	**347**

N

NĂM	**Đỗ mai**	**Linh mục**	**338**
NGÂN	**Nguyễn**	**Linh mục**	**489**
NGHI	**Nguyễn đình**	**Linh mục**	**487**
NGÔN	**Laurensô**	**Giáo dân**	**145**
NGUYÊN	**Đaminh**	**Giáo dân**	**210**
NHI	**Đaminh**	**Giáo dân**	**210**
NINH	**Đaminh**	**Giáo dân**	**171**

P

PHAN	**Jaccard**	**Linh mục thừa sai**	**387**
PHỤNG	**Lê văn**	**Giáo dân**	**322**
PHƯỢNG	**Nguyễn văn**	**Giáo dân**	**159**

Q

QUÝ	**Đòan công**	**Linh mục**	**315**
QUỲNH	**Nguyễn hữu**	**Giáo dân**	**256**

T

TÁ	**Phạm trọng**	**Giáo dân dòng ba Đaminh**	**34**
TÂN	**Cornay**	**Linh mục thừa sai Paris**	**382**
TẾ	**Federich**	**Linh mục dòng Đaminh**	**42**
THÀNH	**Đinh văn**	**Thầy giảng**	**98**
THÀNH	**Lê thị**	**Giáo dân**	**273**
THẾ	**Cúenot**	**Giám mục thừa sai Paris**	**501**
THẾ	**Bùi đức**	**Giáo dân**	**200**
THI	**Trương văn**	**Linh mục**	**598**
THỊ	**Lê đăng**	**Giáo dân**	**424**
THIỆN	**Trần văn**	**Chủng sinh**	**395**
THÌN	**Phạm trọng**	**Giáo dân dòng Đaminh**	**34**
THỊNH	**Tạ đức**	**Linh mục**	**490**
THỌ	**Martinô**	**Giáo dân**	**495**
THỐNG	**Nguyễn kim**	**Giáo dân**	**289**
THUẦN	**Đinh văn**	**Giáo dân**	**188**
TỊNH	**Lê bảo**	**Linh mục**	**80**
TOẠI	**Đaminh**	**Giáo dân**	**181**
TOẢN	**Tôma**	**Thầy giảng dòng ba Đaminh**	**234**
TRẠCH	**Đaminh**	**Linh mục dòng Đaminh**	**379**
TRIỆU	**Nguyễn văn**	**Linh mục**	**373**
TRÔNG	**Trần văn**	**Giáo dân**	**544**
TRUNG	**Trần văn**	**Giáo dân**	**401**
TRUẬT	**Vũ**	**Thầy giảng**	**575**

TUÂN	**Giuse**	**Linh mục dòng Đaminh**	**106**
TUẤN	**Trần văn**	**Giáo dân**	**195**
TUẤN	**Nguyễn bá**	**Linh mục**	**285**
TÚC	**Giuse**	**Giáo dân**	**167**
TÙY	**Lê**	**Linh mục**	**405**
TỰ	**Nguyễn văn**	**Linh mục dòng Đaminh**	**243**
TỰ	**Nguyễn khắc**	**Thầy giảng**	**251**
TƯỚC	**Vũ đình**	**Linh mục dòng Đaminh**	**75**
TƯƠNG	**Vinh sơn**	**Giáo dân**	**210**
TƯỜNG	**Anrê**	**Giáo dân**	**210**

U

ÚY	**Bùi văn**	**Thầy giảng dòng ba Đaminh**	**584**
UYỂN	**Nguyễn đình**	**Thầy giảng dòng ba Đaminh**	**248**

V

VÂN	**Đoàn văn**	**Thầy giảng**	**149**
VEN	**Théophane**	**Linh mục thừa sai Paris**	**60**
VIÊN	**Đặng đình**	**Linh mục**	**357**
VINH	**Valentinô**	**Gíam mục dòng Đaminh**	**447**
VINH	**Nguyễn văn**	**Giáo dân dòng Đaminh**	**591**

X

XUYÊN	**Sampedro**	**Giám mục dòng Đaminh**	**307**
XUYÊN	**Nguyễn văn**	**Linh mục dòng Đaminh**	**539**

Y

Y	**Delgado**	**Giám mục dòng Đaminh**	**263**
YẾN	**Đỗ**	**Linh mục dòng Đaminh**	**238**

MỤC LỤC

Lời tựa **Tiến sĩ TRẦN AN BÀI**
Chủ tịch Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam.... **3**

Tâm thư lần xuất bản thứ nhất và tái bản
Tiến sĩ TRẦN AN BÀI, Chủ Tịch CĐCGVN **11**

Bài giảng Đại Lễ Tôn Vinh Hiển Thánh
117 Chân Phước Tử Đạo Việt Nam (19-6-1988)
Đức Giáo Hòang GIOAN PHAOLÔ II**.....21**

• THÁNG GIÊNG

13.01: Thánh Đaminh PHẠM TRỌNG KHẢM,
Quan án. **..... 32**

Thánh Giuse PHẠM TRỌNG TẢ,
Cựu Chánh Tổng**..... .34**

Thánh Luca PHẠM TRỌNG THÌN,
Chánh Tổng**..... 34**

22.01: Thánh Phanxicô FEDERICH TẾ,
Linh mục dòng Đaminh**..... 42**

Thánh Matthêu ALONSO LICINIANA ĐẬU,
Linh Mục dòng Đaminh**..... 49**

MỤC LỤC

30.01: Thánh Tôma KHUÔNG,
***Linh mục dòng ba Đaminh*..... 55**

• THÁNG HAI

02.02: Thánh Gioan Théophane VÉNARD VEN,
***Linh mục Thừa Sai Paris*.....60**

13.02: Thánh Phaolô LÊ VĂN LỘC,
***Linh mục*.....67**

• THÁNG BA

11.03: Thánh Đaminh CẨM,
***Linh mục dòng ba Đaminh*.....71**

• THÁNG TƯ

02.04: Thánh Đaminh VŨ ĐÌNH TƯỚC,
***Linh mục dòng Đaminh*..... 75**

06.04: Thánh Phaolô LÊ BẢO TỊNH, *Linh mục*.....65

07.04: Thánh Phêrô NGUYỄN VĂN LỰU, *Linh mục*, 89

27.04: Thánh Laurensô NGUYỄN VĂN HƯỞNG,
***Linh mục*.....93**

28.04: Thánh Phaolô PHẠM KHẮC KHOAN,
***Linh mục*.....98**

Thánh Phêrô NGUYỄN VĂN HIẾU,
***Thầy giảng*.....98**

Thánh Gioan Baotixita ĐINH VĂN THÀNH,
***Thầy giảng*..... 98**

29.04: Thánh Giuse TUÂN (HOAN),
***Linh mục dòng Đaminh*.....106**

• THÁNG NĂM

01.05: Thánh Augustinô SCHOEFFLER ĐÔNG,
***Linh mục Thừa Sai Paris, dòng ba Đaminh*..... 109**

Thánh Gioan Louis BONNARD HƯƠNG,
***Linh mục Thừa Sai Paris*..... 115**

02.05: Thánh Giuse NGUYỄN VĂN LỰU, *Trùm họ*, 122

09.05: Thánh Giuse HIỂN, *Linh mục dòng Đaminh*, 126

11.05: Thánh Matthêu LÊ VĂN GẪM, *Thương gia*, 131

22.05: Thánh Micae HỒ ĐÌNH HY, *Quan Thái bộc*, 137

Thánh Laurensô NGÔN, *Nông dân*.....145

25.05: Thánh Phêrô ĐÒAN VĂN VÂN, *Thầy giảng*, 149

26.05: Thánh Gioan ĐÒAN TRINH HOAN, *Linh mục.* 154

Thánh Matthêu NGUYỄN VĂN PHƯỢNG, *Trùm họ*.....159

28.05: Thánh Phaolô HẠNH, *Giáo dân*.....164

● THÁNG SÁU

02.06: Thánh Giuse TÚC, *Giáo dân*.....167

02.06: Thánh Đaminh NINH, *Nông dân*.....171

03.06: Thánh Phaolô ĐỒNG (DƯƠNG), *Thủ bạ*.....174

05.06: Thánh Luca VŨ BÁ LOAN, *Linh mục*..... 178

Thánh Đaminh TOẠI, *Ngư phủ*.....181

Thánh Đaminh HUYÊN, *Ngư phủ*.....181

06.06: Thánh Phêrô ĐINH VĂN DŨNG, *Ngư phủ*.....188

Thánh Phêrô ĐINH VĂN THUẦN, *Ngư phủ* 188

Thánh Vinh Sơn DƯƠNG, *Thu thuế*.....192

07.06: Thánh Giuse TRẦN VĂN TUẤN, *Nông dân*....195

13.06: **Thánh Augustinô PHAN VIẾT HUY, *Quân nhân*.....200**

Thánh Nicolas BÙI ĐỨC THỄ, *Quân nhân*.....200

15.06: **Thánh Đaminh ĐINH ĐẠT, *Quân nhân*.....200**

16.06: **Thánh Anrê TƯỞNG, *Nông gia*.....210**

Thánh Vinh Sơn TƯƠNG, *Chánh tổng*.....210

Thánh Đaminh NGUYỄN ĐỨC MẠO, *Nông gia*.....210

Thánh Đaminh NHI, *Nông gia*.....210

Thánh Đaminh NGUYÊN, *Chánh trương*.....210

17.06: **Thánh Phêrô ĐA, *Thợ mộc*.....216**

26.06: **Thánh Đaminh HENARES MINH (XUÂN), *Giám mục dòng Đaminh*...219**

Thánh Phanxicô ĐỖ VĂN CHIỂU, *Thầy giảng dòng ba Đaminh*.....228

27.06: **Thánh Tôma TOẢN, *Thầy giảng dòng ba Đaminh*.....234**

30.06: **Thánh Vinh Sơn ĐỖ YẾN,**
***Linh mục dòng Đaminh*.....238**

• THÁNG BẢY

03.07: **Thánh Philipphê PHAN VĂN MINH,**
***Linh mục*.....243**

04.07: **Thánh Giuse NGUYỄN ĐÌNH UYỂN,**
***Thầy giảng dòng ba Đaminh*.....248**

10.07: **Thánh Phêrô NGUYỄN KHẮC TỰ,**
***Thầy giảng*.....252**

Thánh Antôn NGUYỄN HỮU QUỲNH,
***Trùm họ*.....256**

12.07: **Thánh Ignatiô DELGADO Y,**
***Giám mục dòng Đaminh*..... 263**

Thánh Anê LÊ THỊ THÀNH (Bà Thánh Đê) 273

Thánh Phêrô KHANH, *Linh mục*.....280

15.07: **Thánh Phêrô NGUYỄN BÁ TUẦN,**
***Linh mục*.....285**
Thánh Anrê NGUYỄN KIM THỐNG,
(NĂM THUÔNG), *Trùm họ*.....289

18.07: **Thánh Đaminh ĐINH ĐẠT, *Quân nhân*.....293**

20.07: **Thánh Giuse Diaz SANJURJO AN, *Giám mục dòng Đaminh*.....293**

24.07: **Thánh Giuse FERNANDEZ HIỀN, *Linh mục dòng Đaminh*..... 301**

28.07: **Thánh Giuse Melchior Garcia SAMPEDRO XUYÊN, *Giám mục dòng Đaminh*.....307**

31.07: **Thánh Phêrô D0ÒAN CÔNG QUÝ, *linh mục* 315**

Thánh Emmanuel LÊ VĂN PHỤNG, *Trùm họ* 322

● THÁNG TÁM

01.08: **Thánh Bernadô VŨ VĂN DUỆ, *Linh mục*..... 326**

Thánh Đaminh NGUYỄN VĂN HẠNH, *Linh mục dòng Đaminh*..... 332

12.08: **Thánh Giacôbê ĐỖ MAI NĂM, *Linh mục*.....338**

Thánh Antôn NGUYỄN ĐÍCH, *Trùm họ*.....342

Thánh Micae NGUYỄN HUY MỸ, *Lý trưởng* 347

21.08: Thánh Giuse ĐẶNG ĐÌNH VIÊN, *Linh mục*....357

● THÁNG CHÍN

05.09: Thánh Phêrô NGUYỄN VĂN TỰ,
***Linh mục dòng Đaminh*.....362**

Thánh Giuse HÒANG LƯƠNG CẢNH,
***Trùm họ dòng Đaminh*.....368**

07.09: Thánh Emmanuel NGUYỄN VĂN TRIỆU,
***Linh mục*.....373**

18.09: Thánh Đaminh TRẠCH,
***Linh mục dòng Đaminh*.....379**

20.09: Thánh Gioan Charles CORNAY TÂN,
***Linh mục Thừa Sai Paris*.....382**

21.09: Thánh Phanxicô Jaccard PHAN (NINH),
***Linh mục Thừa Sai Paris*.....387**

Thánh Tôma TRẦN VĂN THIỆN,
***Chủng sinh*.....395**

● THÁNG MƯỜI

06.10: Thánh Phanxicô TRẦN VĂN TRUNG,
***Cai đội*.....401**

11.10: **Thánh Phêrô LÊ TÚY, *Linh mục*.....405**

17.10: **Thánh Isodorô GAGELIN KÍNH, *Linh mục Thừa Sai Paris*.....410**

23.10: **Thánh Phaolô TỐNG VIẾT BƯỜNG, *Quan thị vệ*.....418**

24.10: **Thánh Giuse LÊ ĐĂNG THỊ, *Cai đội*.....424**

28.10: **Thánh Gioan ĐẠT, *Linh mục*.....428**

• THÁNG MƯỜI MỘT

01.11: **Thánh Jeronimô HERMOSILLA VỌNG (LIÊM), *Giám mục dòng Đaminh*.....433**

Thánh Valentinô BERRIO-OCHOA VINH, *Giám mục dòng Đaminh*..... 447

Thánh Phêrô ALMATÔ BÌNH, *Linh mục dòng Đaminh*.....459

03.11: **Thánh Phêrô Phanxicô NÉRON BẮC, *Linh mục Thừa Sai Paris*.....464**

05.11: **Thánh Đaminh HÀ TRỌNG MẬU, *Linh mục dòng Đaminh*.....469**

MỤC LỤC

07.11: Thánh Vinh Sơn PHẠM HIẾU LIÊM,
***Linh mục dòng Đaminh*.....474**

Thánh Jacintô CASTANĒDA GIA,
***Linh mục dòng Đaminh*.....481**

08.11 Thánh Giuse NGUYỄN ĐÌNH NGHI,
***Linh mục*.....487**

Thánh Phaolô NGUYỄN NGÂN, *Linh mục*.... 489

Thánh Martinô TẠ ĐỨC THỊNH, *Linh mục*.. 490

Thánh Martinô THỌ, *Viên thuế*.....495

Thánh Gioan Baotixita CỎN, *Lý trưởng*.....497

14.11: Thánh Stêphanô Théodore CUÉNOT THỂ,
***Giám mục Thừa Sai Paris*.....501**

20.11: Thánh Phanxicô NGUYỄN CẦN, *Thầy giảng*...511

24.11: Thánh Phêrô BORRIE CAO,
***Giám mục Thừa Sai Paris*.....517**

Thánh Phêrô VŨ ĐĂNG KHOA, *Linh mục*.....525

Thánh Vinh Sơn NGUYỄN THẾ ĐIỀM,
***Linh mục*.....530**

26.11: Thánh Tôma ĐINH VIẾT DỤ,
***Linh mục dòng Đaminh*.....534**

Thánh Đaminh NGUYỄN VĂN XUYÊN,
***Linh mục dòng Đaminh*.....539**

28.11: Thánh Anrê TRẦN VĂN TRÔNG,
***Quân nhân*.....544**

30.11: Thánh Giuse MARCHAND DU,
***Linh mục Thừa Sai Paris*.....549**

● THÁNG MƯỜI HAI

06.12: Thánh Giuse NGUYỄN DUY KHANG,
***Thầy giảng dòng ba Đaminh*..... 560**

10.12: Thánh Simon PHAN ĐẮC HÒA, *Y sĩ*.....566

18.12: Thánh Phaolô NGUYỄN VĂN MỸ,
***Thầy giảng*.....571**

Thánh Phêrô TRƯƠNG VĂN ĐƯỜNG,
***Thầy giảng*.....573**

Thánh Phêrô VŨ TRUẬT, *Thầy giảng*.....575

19.12: Thánh Phanxicô Xaviê HÀ TRỌNG MẬU,
***Thầy giảng dòng ba Đaminh*.....581**

MỤC LỤC

Thánh Đaminh BÙI VĂN ÚY,
***Thầy giảng dòng ba Đaminh*.....584**

Thánh Augustinô NGUYỄN VĂN MỚI,
***Nông dân dòng ba Đaminh*..... ..587**

Thánh Tôma NGUYỄN VĂN ĐỆ,
***Thợ may dòng ba Đaminh*.....589**

Thánh Stêphanô NGUYỄN VĂN VINH,
***Tá điền dòng ba Đaminh*.....591**

21.12: Thánh Phêrô TRƯƠNG VĂN THI, *Linh mục*.598

Thánh Anrê TRẦN AN DŨNG LẠC,
***Linh mục*.....603**

-Phụ trương.....609

-Chân dung Các Thánh Tử Đạo Việt Nam.....616

-Danh mục 117 Hiển Thánh
(*Theo thứ tự A,B,C tên Việt Nam)*.....656

-Mục lục.....663

-Ghi ơn.....676

GHI ƠN

Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam chân thành ghi ơn các tổ chức và tư nhân đã đóng góp vào việc hình thành tác phẩm lịch sử này:

1- *Soạn thảo*: Hậu duệ các Thánh Tử Đạo Việt Nam.

2- *Tài chánh*: Giáo dân San Jose, California, Hoa Kỳ.

3- *Điện toán*: Trần Văn Long

4- *Cố vấn và kiểm soát*: Nguyễn Văn Du
Bùi Duy Tường

5- *Đánh máy*: Phạm Thị Kim Ánh
Chieng Vĩnh Hà
Vũ Thị Tô Hoài
Hùynh Thanh
Trần Thị Tuyết Trinh

6- *Kiểm bài*: Đinh Ngọc Long
Phạm Tất Thành
Vũ Duy Thịnh
Đỗ Điện Thoại
Đỗ Ngọc Xuyến

7- *Tranh vẽ*: Trần Thu
Trần Thủy

8- *Hình chụp*: **Kaycee Photography**
Nguyễn Thuận
Nguyễn Khắc Vượng

9- *Tài liệu*: **Trần Thị Hải**

10- *Ấn lóat*: **Nhà in Artline Graphics & Printing**

Muốn nhận sách hoặc ủng hộ tài chánh, xin gửi về:

Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam
685 Singleton Road, San Jose, Ca. 95111 – USA
***Điện thoại*: (408) 224-8318**